

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

TRƯƠNG TẤN SANG	Chủ tịch Hội đồng
PHAN DIỄN	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN ĐỨC BÌNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
NGUYỄN PHÚ TRỌNG	Uỷ viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỌ	"
NGUYỄN DUY QUÝ	"
HÀ ĐĂNG	"
ĐẶNG XUÂN KỲ	"
LÊ HAI	"
NGÔ VĂN DỰ	"
LÊ QUANG THƯỞNG	"
TRẦN ĐÌNH NGHIÊM	"
VŨ HỮU NGOẠN	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH THÚC HUỲNH	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

HÀ ĐĂNG	Trưởng ban
VŨ HỮU NGOẠN	Thường trực
NGÔ VĂN DỰ	Thành viên
TRỊNH THÚC HUỲNH	"
NGUYỄN VĂN LANH	"
TRỊNH NHU	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 48

NGUYỄN MINH CHƯƠNG (Chủ biên)
NGUYỄN ĐĂNG THÀNH
NGUYỄN NHÃ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

VĂN KIỆN ĐÁNG

TOÀN TẬP

TẬP 48

1987

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2006

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 48

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 48 phản ánh hoạt động lãnh đạo của Đảng trong năm 1987.

Năm 1987 là năm mở đầu việc thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng đề ra trong bối cảnh cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội ở nước ta đã phát triển đến mức đặc biệt nghiêm trọng: Sản xuất đình trệ, lưu thông ách tắc; lạm phát ba con số, ngân sách thâm hụt, vật giá leo thang; đời sống nhân dân rất khó khăn, v.v..

Quán triệt đường lối đổi mới của Đảng và xuất phát từ thực tiễn nói trên, năm 1987, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI đã có ba hội nghị quan trọng để giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế. Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông nhằm thực hiện “4 giảm” (giảm lạm phát, giảm bội chi ngân sách, giảm tốc độ tăng giá, giảm khó khăn về đời sống) và tạo thuận lợi cho sản xuất phát triển. Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương quyết định “chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế”. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương quyết định phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch nhà nước ba năm 1988-1990 và năm 1988, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, nhằm tập trung cho ba chương trình kinh tế lớn: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Đồng thời, Trung ương

triển khai cuộc vận động "làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội", v.v..

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 48 công bố 67 tài liệu gồm các văn kiện Hội nghị lần thứ hai, lần thứ ba và lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI, các nghị quyết, quyết định, quy định, chỉ thị, thông tri, thông báo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về văn hoá, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tăng cường công tác vận động quần chúng, tăng cường hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, về công tác tư tưởng, tổ chức và xây dựng Đảng.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc biên tập, xuất bản, song khó tránh khỏi thiếu sót. Rất mong nhận được sự góp ý, phê bình của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu tập 48, *Văn kiện Đảng Toàn tập* cùng bạn đọc.

Tháng 6 năm 2006
NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 01-CT/TW, ngày 3 tháng 1 năm 1987

**Về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 57
ngày thành lập Đảng (3-2)**

Kỷ niệm lần thứ 57 ngày thành lập Đảng (3-2) được tiến hành vào lúc Đại hội lần thứ VI của Đảng đã thành công tốt đẹp; toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Việc tổ chức kỷ niệm cần đạt yêu cầu:

1. Nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực.
2. Phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng, sự gắn bó mật thiết giữa Đảng với nhân dân.
3. Nêu cao tinh thần phong, gương mẫu, ý thức tổ chức, kỷ luật, tích cực vận động và tổ chức quần chúng đẩy mạnh hành động cách mạng, thực hiện Nghị quyết của Đảng.

Các cấp, các ngành cần nắm vững yêu cầu chủ yếu của tổ chức kỷ niệm là *giáo dục nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng* cho cán bộ, đảng viên theo lời giáo huấn của Bác Hồ: "Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư"; thiết thực chuẩn bị cho thời gian tới sẽ tiến hành "cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước; đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực..." theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Hình thức tổ chức kỷ niệm:

1. Ngày 3-2-1987, tất cả các chi bộ, đảng bộ cơ sở sinh hoạt kỷ niệm ngày thành lập Đảng.

Nội dung sinh hoạt chủ yếu là:

- Thảo luận phân V trong Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương tại Đại hội lần thứ VI của Đảng về "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng", trọng điểm là điểm 4: "Nâng cao chất lượng đảng viên, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực"; thảo luận phân nhiệm vụ đảng viên trong Điều lệ Đảng (sửa đổi).
- Thảo luận báo cáo của chi uỷ, đảng uỷ về tình hình phẩm chất của đảng viên, đánh giá đúng những ưu điểm, khuyết điểm, kiểm điểm lại việc sửa chữa các khuyết điểm đã tự phê bình và phê bình theo tinh thần Chỉ thị 79, và Thông báo 74 của Ban Bí thư, rút kinh nghiệm công tác giáo dục, quản lý đảng viên, đề ra chương trình hành động từ nay đến 19-5-1987 (kỷ niệm lần thứ 97 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh), làm được một số việc thiết thực về giáo dục phẩm chất, nâng cao chất lượng đảng viên, phân công đảng viên, xử lý những trường hợp vi phạm kỷ luật, đưa ra khỏi Đảng những người thoái hoá, biến chất, không đủ tư cách đảng viên.
- Nhân dịp kỷ niệm, chi bộ, đảng bộ cơ sở tổ chức kết nạp đảng viên mới là những đối tượng đã trải qua giáo dục, thử thách, có đủ tiêu chuẩn kết nạp vào Đảng; đã được đảng uỷ cấp trên xét duyệt; tổ chức trao tặng huy hiệu cho các đảng viên đủ 40, 50 tuổi đảng.
- 2. Các cấp uỷ đảng phải trực tiếp chỉ đạo các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước, trước hết là kiểm sát, công an, tòa án, thanh tra, xử lý nhanh những cán bộ thoái hoá biến chất, những vụ vi phạm lớn về tài sản xã hội chủ nghĩa đã phát hiện, giải quyết cho hết các vụ vi phạm để khép đọng từ lâu. Rút kinh nghiệm cuộc đấu tranh chống tiêu cực trong những năm qua, đề ra các giải pháp có hiệu lực để có thể triển khai nghị quyết của Bộ Chính trị sẽ ban hành nhân kỷ niệm ngày sinh Bác Hồ về "cuộc vận động làm trong sạch Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng; làm trong sạch và

nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước; đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực".

3. Trong dịp kỷ niệm, *tất cả các cấp ủy viên, cán bộ lãnh đạo các ngành từ huyện trở lên* đều xuống cơ sở (xí nghiệp, hợp tác xã, công ty, cửa hàng, trường học, bệnh viện, trạm, trại kỹ thuật, đơn vị quân đội...) gặp gỡ quần chúng, trực tiếp trao đổi với họ những vấn đề thiết thực để thực hiện nghị quyết của Đảng, trả lời những vấn đề quần chúng nêu ra. Mỗi tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương căn cứ hoàn cảnh của địa phương và ngành quy định thời gian cụ thể để chỉ đạo thực hiện được tập trung, thống nhất. Sau đó, cần tổ chức tập hợp những ý kiến và kiến nghị của quần chúng, có kế hoạch giải quyết cụ thể.

4. Báo, đài và các hoạt động thông tin đại chúng khác tiếp tục tuyên truyền Nghị quyết của Đại hội và phản ánh phong trào quần chúng thực hiện Nghị quyết, đồng thời chú trọng giáo dục truyền thống tốt đẹp của Đảng, biểu dương những đảng viên gương mẫu, đưa một số sự việc đảng viên thoái hoá, biến chất đã xử lý, qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác giáo dục và quản lý đảng viên.

T/M BAN Bí THU
TỔNG Bí THU
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 01-QĐ/TW, ngày 6 tháng 1 năm 1987

**Về quy chế làm việc của các đồng chí Cố vấn
Ban Chấp hành Trung ương**

Đại hội VI đã trao trách nhiệm cho các đồng chí Trưởng
Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ làm Cố vấn cho Ban
Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt
Nam. Nay Bộ Chính trị định ra quy chế làm việc của các
đồng chí Cố vấn như sau:

1. Các đồng chí Cố vấn có nhiệm vụ:

Tham gia ý kiến với Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung
ương về các vấn đề có tính chiến lược về kinh tế - xã hội, quốc
phòng, an ninh, đối ngoại, v.v..

**2. Tuỳ tình hình cụ thể, Bộ Chính trị yêu cầu các đồng chí Cố
vấn tham gia ý kiến vào một số vấn đề cần thiết; khi xét có
vấn đề quan trọng thì các đồng chí Cố vấn chủ động đề xuất
với Bộ Chính trị.**

3. Các đồng chí Cố vấn được sự uỷ nhiệm của Bộ Chính trị
giải quyết vấn đề cụ thể nhất định.
4. Các đồng chí Cố vấn được mời dự Hội nghị Ban Chấp hành
Trung ương và Hội nghị Bộ Chính trị khi cần thiết.
Các đồng chí Cố vấn được yêu cầu các cấp uỷ đảng, các ban,
ngành trực tiếp báo cáo và cung cấp thông tin.
5. Văn phòng Trung ương và các cơ quan có liên quan
cung cấp thường xuyên những tài liệu cần thiết.
6. Cách làm việc chủ yếu dựa vào Văn phòng Trung ương
Đảng và các ban của Trung ương, không tổ chức bộ máy riêng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ,
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THU'

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 02-CT/TW, ngày 7 tháng 1 năm 1987

**Về công tác tuyên truyền quán triệt và thực hiện
Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng**

Công tác tuyên truyền về kết quả Đại hội lần thứ VI của Đảng đã được tiến hành kịp thời trong Đảng và trong nhân dân. Cần có kế hoạch từng bước làm quán triệt Nghị quyết Đại hội trong các cấp uỷ đảng, các ngành, đến từng đảng viên, từng người lao động, gắn với tổ chức phong trào quần chúng thực hiện Nghị quyết.

Quá trình quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội là quá trình đấu tranh để đổi mới tư duy, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội Đảng, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong việc thực hiện Nghị quyết; các cấp uỷ đảng và các ngành phải tổ chức và lãnh đạo chặt chẽ. Trước mắt và trong năm 1987 cần chú trọng thực hiện những việc sau đây:

1. Tổ chức sớm sinh hoạt của các cấp uỷ đảng, hội nghị cán bộ của các ngành nghiên cứu và thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Đại hội đảng bộ các cấp vừa qua đã thảo luận, góp ý kiến vào các dự thảo Văn kiện Đại hội toàn quốc và ra nghị quyết về những nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu của địa phương, đơn vị mình 5 năm 1986-1990 và năm 1987.

Sinh hoạt của các cấp uỷ đảng và hội nghị cán bộ của các ngành lần này là để nhận thức thống nhất tinh thần và nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc. Việc nghiên cứu và thảo luận cần tập trung vào những quan điểm, chủ trương và quyết sách lớn, những điểm mới sửa đổi hoặc bổ sung. Tài liệu nghiên cứu chủ yếu là các Nghị quyết của Đại hội, Báo cáo chính trị và Báo cáo về nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu phát triển kinh tế, xã hội 5 năm 1986-1990 của Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) đã được Đại hội thông qua.

Căn cứ nhiệm vụ, mục tiêu và phương hướng, chính sách đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc, các cấp uỷ đảng, các ngành *xem xét, điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ và biện pháp thực hiện kế hoạch năm 1987*, trọng tâm là triển khai thực hiện tốt ba chương trình: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; các chỉ tiêu đề ra phải có tính hiện thực, tính toán kỹ các phương án với tinh thần tích cực, chủ động, vững chắc. Trên cơ sở kế hoạch cả năm, đề ra *chương trình hành động* trong quý I và sáu tháng đầu năm, tập trung chỉ đạo giải quyết một số việc thiết thực về sản xuất và đời sống nhân dân, tạo chuyển biến bước đầu, làm đà thuận lợi cho sáu tháng cuối năm. Cấp uỷ còn phải có chương trình hành động cụ thể, thiết thực để thực hiện từng bước việc đổi mới tư duy, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ, đổi mới phong cách làm việc, coi đó là điều kiện quyết định để thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Tỉnh uỷ, thành uỷ họp mở rộng đến cán bộ lãnh đạo chủ chốt của các ngành, các huyện, quận, thị uỷ, sau đó chỉ đạo tiến

hành đến chi bộ, đảng bộ cơ sở. Các ban, bộ, đảng đoàn ở Trung ương họp hội nghị cán bộ phụ trách các cục, vụ, viện và các cơ sở trực thuộc.

Sinh hoạt của các cấp uỷ đảng và các ngành lần này có ý nghĩa quan trọng, mở đầu việc đưa Nghị quyết của Đại hội vào chương trình hành động của các cấp, các ngành và quần chúng nhân dân. Các tỉnh uỷ, thành uỷ và các ban, bộ, đảng đoàn cần chỉ đạo hoàn thành gọn và tốt đến cơ sở, chậm nhất trong tháng 2-1987. Mỗi tỉnh uỷ, thành uỷ, mỗi bộ nên chỉ đạo một số cơ sở trọng điểm ngay từ lúc bắt đầu quá trình quán triệt và thực hiện Nghị quyết.

Việc xem xét bổ sung nghị quyết của đại hội đảng bộ tỉnh, thành vừa qua sẽ tiến hành cùng với nghiên cứu xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1986-1990. Những điều chỉnh và bổ sung quan trọng phải báo cáo, xin ý kiến của Trung ương.

2. Các cấp, các ngành cần có *kế hoạch công tác tư tưởng để bảo đảm thực hiện Nghị quyết*. Khi đề ra mỗi chương trình, mỗi cuộc vận động, mỗi quyết định quan trọng, cấp uỷ đều phải có kế hoạch công tác tư tưởng, sử dụng tốt các lực lượng tuyên truyền vận động quần chúng.

Tỉnh uỷ, thành uỷ và các ban, bộ, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương cần chú trọng chỉ đạo những hoạt động chủ yếu sau đây:

- Tổ chức hai tháng một lần *các cấp ủy viên và cán bộ lãnh đạo xuống cơ sở, gặp gỡ trực tiếp đảng viên và quần chúng*, trao đổi với họ những vấn đề thiết thực để thực hiện nghị quyết của Đảng và trả lời những vấn đề quần chúng nêu ra. Sau mỗi kỳ tiếp xúc, trao đổi với đảng viên và quần chúng ở cơ sở, tỉnh uỷ, thành uỷ và lãnh đạo của ban, bộ, đảng đoàn cần tập hợp, phân tích và giải quyết cụ thể những ý kiến và kiến nghị của quần chúng. Đồng chí lãnh đạo chủ chốt mỗi cấp, mỗi ngành có trách nhiệm đôn đốc, chỉ đạo để trở thành chế độ tiếp xúc cơ sở được thực hiện nghiêm túc và tự giác, có chuẩn bị chu đáo trước khi làm việc với cơ sở, chống bệnh

hình thức, làm chiếu lệ, gây lãng phí và phiền hà đối với cấp dưới.

Cần coi trọng tổng kết kịp thời và phổ biến kinh nghiệm, giới thiệu những nhân tố mới xuất hiện trong phong trào quần chúng để cổ vũ, thúc đẩy việc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng.

- Bồi dưỡng và sử dụng tốt lực lượng *báo cáo viên* để truyền đạt rộng rãi trong cán bộ, đảng viên những thông tin mới, những vấn đề cần biết để hiểu và làm đúng nghị quyết của Đảng.

Mỗi cấp uỷ, mỗi đảng bộ cơ sở phải phân công đảng viên làm công tác tư tưởng, vận động quần chúng thực hiện Nghị quyết Đại hội, định rõ trách nhiệm của từng đảng viên đối với những đối tượng cụ thể.

- Nâng cao chất lượng của *báo, đài và các hoạt động thông tin đại chúng khác*, góp phần tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, làm cho mọi người hiểu rõ những nhiệm vụ, mục tiêu, các chủ trương, chính sách lớn và những quan điểm của Đảng thể hiện trong các chủ trương, chính sách ấy, biểu dương các điển hình và giới thiệu kinh nghiệm của những địa phương, đơn vị thực sự có chuyển biến tốt trong phong trào quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng, đồng thời mở rộng phê bình công khai trên báo, góp phần đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực và khắc phục những tư tưởng, quan điểm sai lầm. Những hoạt động thông tin đại chúng ấy phải khách quan, chính xác, trung thực, dễ hiểu, có nội dung bổ ích và hình thức sinh động, có sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy đảng.

- Chỉ đạo *xuất bản* kịp thời các văn kiện Đại hội, đưa nhanh được các chính sách mới đến cán bộ, đảng viên và quần chúng ở cơ sở và có kế hoạch xuất bản những sách phổ thông giúp nâng cao kiến thức cần thiết cho cán bộ, đảng viên và quần chúng để đổi mới cách nghĩ, cách làm, v.v..

- 3. Tổ chức "*Đợt nghiên cứu Nghị quyết Đại hội Đảng*" trong đảng viên và đoàn viên thanh niên. Yêu cầu của đợt nghiên

cứu rộng lớn này nhằm làm quán triệt những tư tưởng, quan điểm và nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội, *tạo nên sự đổi mới về nhận thức*, gắn với chương trình hành động thiết thực của từng đảng bộ, từng cơ quan, đơn vị, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý chí phấn đấu, tăng cường đoàn kết nhất trí, đồng tâm hiệp lực thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

Trong khi nghiên cứu Nghị quyết Đại hội, mỗi cấp uỷ, mỗi tổ chức đảng, mỗi cán bộ, đảng viên phải liên hệ, kiểm điểm những tư tưởng, quan điểm và việc làm đã qua của mình để phát huy những chỗ đúng, sửa chữa chỗ sai một cách triệt để và thiết thực.

Ban Tuyên huấn Trung ương chuẩn bị chương trình, nội dung và kế hoạch tổ chức đợt nghiên cứu để Ban Bí thư xét duyệt và hướng dẫn các cấp, các ngành triển khai thực hiện vào đầu quý II-1987 và hoàn thành trong quý IV-1987.

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, phải tiến hành liên tục từ nay và trong mấy năm sắp tới, nhưng trước hết, phải lãnh đạo tốt đợt nghiên cứu nghị quyết trong năm 1987.

Ban Tuyên huấn Trung ương, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc cùng các ban của Đảng có kế hoạch biên soạn chương trình, tài liệu, bồi dưỡng giảng viên, hướng dẫn việc đưa Nghị quyết Đại hội vào nội dung giảng dạy và học tập của hệ thống trường Đảng, trường của Nhà nước và các đoàn thể, mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày cho cán bộ lãnh đạo và quản lý chủ chốt của các cấp, các ngành.

4. Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương trao đổi với các cơ quan làm công tác nghiên cứu lý luận, xây dựng chương trình, kế hoạch tổ chức *nghiên cứu khoa học* về những vấn đề lý luận và thực tiễn đang đặt ra trong bước đi và chặng đường hiện nay của cách mạng nước ta, để Ban Bí thư xét duyệt và triển khai sớm việc thực hiện, nhằm cung cấp nội dung khoa học cho việc quán triệt Nghị quyết của Đại hội và việc đổi mới tư duy, đổi mới phong cách.

T/M BAN BÍ THU

TỔNG BÍ THU

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ

Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 02-QĐ/TW, ngày 12 tháng 1 năm 1987

**Về chương trình công tác năm 1987,
sáu tháng đầu năm 1987 và một số điểm
về cách làm việc của Ban Chấp hành Trung ương,
Bộ Chính trị, Ban Bí thư**

(Bộ Chính trị đã thảo luận và thông qua
trong phiên họp ngày 6 tháng 1 năm 1987)

I- CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC

Từ nay đến hết nhiệm kỳ (thực sự chỉ có hơn bốn năm), Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải lãnh đạo hoàn thành khối lượng công tác rất lớn, thực hiện thắng lợi các tư tưởng, quan điểm, mục tiêu, chính sách và chủ trương đã ghi trong Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI và thực hiện yêu cầu bảo đảm nguyên tắc, đổi mới phong cách làm việc. Trong năm 1987, phải tiến hành ngay các

nhiệm vụ công tác nêu trong Nghị quyết Đại hội, đặc biệt phải giải quyết cho được những việc then chốt sau đây:

- Sớm giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông để ổn định sản xuất, ổn định đời sống.

- Xây dựng và bắt đầu thực hiện kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1986-1990 mà nội dung chủ yếu là phát triển mạnh sản xuất, điều chỉnh cơ cấu kinh tế, xây dựng và thực hiện các chương trình lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, gắn với kế hoạch phát triển khoa học kỹ thuật.

- Đẩy mạnh công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, củng cố quan hệ sản xuất mới, sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế.

- Trong năm 1987, phải định hình được cơ chế quản lý kinh tế mới, để trên cơ sở đó chấn chỉnh bộ máy tổ chức, xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chính sách kinh tế - xã hội.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và thực hiện tốt các chủ trương của Đại hội, của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về quốc phòng và an ninh.

- Tăng cường các hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Chấn chỉnh công tác kinh tế đối ngoại, mở rộng và nâng cao hiệu quả hợp tác toàn diện với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế.

- Tiến hành ráo riết "Cuộc vận động làm trong sạch, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước; đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và trong xã hội".

- Đổi mới phong cách và lề lối làm việc của các cấp bộ đảng, trước hết là Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

- Bắt đầu xúc tiến việc xây dựng cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa, chiến lược phát triển kinh tế, xã hội.

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Bộ Chính trị đề nghị trong năm 1987, *Ban Chấp hành Trung ương* có ba kỳ họp:

- *Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương họp sau Tết âm lịch* (trong ba ngày 18, 19, 20-2-1987) để bàn:
 - + Thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương (bản đã sửa lại), Quy chế về phân cấp và quản lý cán bộ.
 - + Bàn và quyết định một số chủ trương giải quyết các vấn đề cấp bách về tài chính, tiền tệ, giá cả, đời sống.
- *Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương họp vào tháng 5-1987*: thông qua kế hoạch 5 năm 1986-1990, cụ thể hoá Nghị quyết của Đại hội về điều chỉnh cơ cấu đầu tư, về các chủ trương, biện pháp thực hiện ba chương trình mục tiêu. Cùng với các nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch 5 năm, cần quyết định một số vấn đề cơ bản về cơ chế quản lý mới, về đổi mới kế hoạch hoá kinh tế để bảo đảm các mục tiêu đã đề ra.
- Trong tháng 4-1987 sẽ tiến hành bầu cử Quốc hội khoá VIII; kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá VIII sẽ họp vào tháng 6-1987.
- *Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương họp vào cuối năm 1987*:
 - + Sơ kết một năm thi hành Nghị quyết Đại hội VI, đánh giá tình hình chung trong Đảng và trong cả nước, thực hiện tự phê bình và phê bình.
 - + Quyết định phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch kinh tế - xã hội năm 1988.
 - Đầu năm 1988, sẽ họp Hội nghị Trung ương chuyên đề về xây dựng Đảng, tổ chức và cán bộ.

BỘ CHÍNH TRỊ, BAN Bí THƯ

Trong sáu tháng đầu năm, *Bộ Chính trị và Ban Bí thư* phải chuẩn bị tốt cho các Hội nghị lần thứ hai, lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương, lãnh đạo triển khai ngay các công việc then chốt đã ghi ở trên. Cụ thể là những việc lớn sau đây:

Quý I-1987:

- Phân công các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các Ủy viên Trung ương. Điều chỉnh một số đồng chí trong Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. (Việc này phải làm xong trong tháng 1-1987).
- Quyết định chương trình công tác năm 1987 và sáu tháng đầu năm 1987 của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thông qua bản Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương (đã sửa đổi) để chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương.
- Chỉ đạo các cấp bộ đảng tổ chức nghiên cứu, quán triệt và định chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội.
 - Bộ Chính trị bàn giải quyết những vấn đề cấp bách về tài chính, tiền tệ, giá cả, đời sống (đầu tháng 2-1987), để chuẩn bị trình ra Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương.
 - Bộ Chính trị xem xét thêm và quyết định những vấn đề lớn cần giải quyết của kế hoạch nhà nước năm 1987 (đầu tháng 2-1987).
 - Sắp xếp lại tổ chức bộ máy nhà nước theo tinh thần Nghị quyết 34 của Bộ Chính trị (khoá V), bố trí xong cán bộ chủ chốt các ban đảng và các bộ, tổng cục (trong tháng 1 và tháng 2-1987).
 - Ban Bí thư chỉ đạo các cấp bộ đảng tiến hành ngay một số việc nhằm làm trong sạch nội bộ, nâng cao chất lượng các tổ chức đảng, chống tiêu cực xã hội.

- Quyết định chấn chỉnh tổ chức, cán bộ và cách làm việc của ta trong quan hệ hợp tác kinh tế với Liên Xô và các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế.
- Lãnh đạo việc chuẩn bị về nội dung và kế hoạch tiến hành bầu cử Quốc hội khoá VIII vào tháng 4-1987.
- Quyết định về tổ chức và kế hoạch chuẩn bị soạn thảo Cương lĩnh của Đảng.
- Các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp kiểm tra, chỉ đạo một số địa phương và ngành về việc tổ chức thi hành Nghị quyết Đại hội.
- Lãnh đạo việc tiến hành đại hội vòng hai của hai đảng bộ tỉnh Bến Tre, Tây Ninh, tiếp tục giải quyết nhân sự của một số cấp ủy tỉnh, thành.

Quý II-1987:

- Quyết định một số chủ trương quan trọng về quốc phòng: quân số, nâng cao chất lượng quân đội, củng cố công tác đảng, công tác chính trị, công tác hậu cần trong quân đội (tháng 6-1987).
- Thông qua báo cáo và dự thảo Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương về kế hoạch 5 năm 1986-1990, nội dung và biện pháp của ba chương trình lớn, một số vấn đề cơ bản về cơ chế quản lý mới, đổi mới kế hoạch hoá. Gắn với kế hoạch 5 năm, sẽ bàn và quyết định một số chủ trương về phát triển khoa học kỹ thuật, về vấn đề dân số (việc này làm đầu tháng 5).
- Sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 306 (dự thảo), chuẩn bị ra nghị quyết chính thức của Bộ Chính trị về quyền tự chủ của cơ sở sản xuất, kinh doanh (việc này làm trong tháng 4-1987).
- Bộ Chính trị bàn và ra nghị quyết về đẩy mạnh công tác cải tạo nông nghiệp, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp, cải tạo công thương nghiệp, gắn với tổ

- chức lại sản xuất, củng cố các cơ sở kinh tế quốc doanh, tập thể, sử dụng các thành phần kinh tế.
- Trong quý II-1987, có một số hoạt động đối ngoại và ngoại giao quan trọng (Hội nghị cấp cao ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia...).
- Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 97 ngày sinh của Bác Hồ, Bộ Chính trị ra nghị quyết về cuộc vận động làm trong sạch, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực.
- Lãnh đạo việc chuẩn bị mở Đại hội toàn quốc của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể.
- Thông qua các dự luật và pháp lệnh về đầu tư, kiều hối và du lịch, về thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp, về bảo vệ tài nguyên, về quản lý ruộng đất...
Dựa vào chương trình chung trên đây, Ban Bí thư sẽ bàn với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và các ban của Đảng để định chương trình làm việc cụ thể hàng tháng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

II- MỘT SỐ ĐIỂM VỀ CÁCH LÀM VIỆC

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương sẽ thảo luận và quyết định Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khoá VI.

Trước mắt, đề nghị một số điểm cần làm ngay về cách làm việc như sau:

1. Đối với Ban Chấp hành Trung ương:

- Trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư phân công rõ ràng, định rõ trách nhiệm cá nhân của từng đồng chí đối với phần việc được phân công phụ trách.

- Các đồng chí Uỷ viên Trung ương tham gia vào các tiểu ban chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị làm nhiệm vụ nghiên cứu và thẩm tra các đề án trước khi đưa ra Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương hoặc Hội nghị Bộ Chính trị.

Đây là một hình thức sinh hoạt và làm việc nhằm phát huy khả năng, trách nhiệm của các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương vào công tác lãnh đạo chung của Trung ương.

- Thực hiện chế độ các đồng chí Trung ương thường xuyên làm công tác tuyên truyền, giáo dục và kiểm tra các đơn vị cơ sở; từng đồng chí định kỳ báo cáo, đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị, Ban Bí thư các vấn đề cần thiết về chủ trương, chính sách, về sự chỉ đạo của Trung ương và Chính phủ. Bộ Chính trị và Ban Bí thư cần nghiên cứu đầy đủ các ý kiến đó và trả lời để các đồng chí Uỷ viên Trung ương biết.

- Tăng cường thông tin trong nội bộ Ban Chấp hành Trung ương:

Các đồng chí Uỷ viên Trung ương phải được cung cấp đủ các thông tin cần thiết để có điều kiện tham gia có hiệu quả vào sự lãnh đạo chung. Ban Bí thư và Văn phòng Trung ương sẽ thường xuyên gửi các đồng chí Trung ương:

+ Báo cáo tình hình chung hàng tháng của Ban Bí thư, của Hội đồng Bộ trưởng.

+ Các biên bản hoặc thông báo nội dung các cuộc họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư (những vấn đề cơ mật có thông báo riêng).

+ Các nghị quyết, chỉ thị quan trọng của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng.

+ Báo cáo chuyên đề của các ban, ngành về các mặt hoạt động của Đảng và Nhà nước và các tài liệu tham khảo về kinh tế, chính trị, khoa học kỹ thuật, văn hoá, xã hội, đối ngoại.

- Đổi mới cách tiến hành các hội nghị Ban Chấp hành Trung ương:

Để bảo đảm sự nhất trí về tư tưởng và hành động trong toàn Đảng, các vấn đề lớn về chủ trương, chính sách cần được đưa ra bàn hoặc báo cáo ở Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương. Theo Điều lệ Đảng, mỗi năm Ban Chấp hành Trung ương có hai kỳ họp toàn thể; khi cần thì họp hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương. Cần đổi mới cách chuẩn bị và cách tiến hành các Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương để mỗi kỳ họp chỉ từ ba đến năm ngày mà quyết định được hai - ba vấn đề quan trọng.

Điều mấu chốt là chuẩn bị tốt các đề án, sử dụng và phát huy lực lượng của các ban, các cơ quan chuyên môn và cán bộ nghiên cứu khoa học tham gia việc chuẩn bị; chấn chỉnh chế độ thông tin cho các đồng chí Trung ương; tổ chức để các đồng chí Uỷ viên Trung ương thảo luận kỹ ở các tiểu ban chuẩn bị và thẩm tra đề án, để đến Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương chỉ tập trung bàn một số điểm lớn còn có ý kiến khác nhau rồi biểu quyết thông qua các nghị quyết ngắn gọn. Các kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương vào cuối năm phải kiểm điểm công tác lãnh đạo trong năm, thực hiện tự phê bình và phê bình.

2. Đối với Bộ Chính trị, Ban Bí thư:

- Để lãnh đạo khối lượng công việc rất lớn, cần tăng cường và bảo đảm chế độ sinh hoạt của Bộ Chính trị...

- Bộ Chính trị họp hàng tuần vào ngày thứ bảy, mỗi kỳ họp chỉ làm gọn trong một buổi, hoặc một ngày, trừ những kỳ họp bàn các chuyên đề lớn.

Các vấn đề trình ra Bộ Chính trị phải được chuẩn bị chu đáo theo quy chế chặt chẽ, thành các dự thảo nghị quyết hoặc quyết định ngắn gọn, đã có ý kiến của các cơ quan và cán bộ trực tiếp phụ trách vấn đề có liên quan, có phân công rành mạch từng việc và định rõ thời gian hoàn thành.

Bộ Chính trị có những cuộc họp không bàn chuyên đề, không ra nghị quyết, mà nghe Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng hoặc

Ban Bí thư báo cáo và xin ý kiến về những chủ trương quan trọng.

Thông báo trên báo Đảng hai tuần một lần nội dung chính của các hội nghị Bộ Chính trị (trừ những vấn đề cơ mật).

- *Ban Bí thư* họp hàng tuần vào ngày thứ sáu, cũng gọn trong một buổi hoặc một ngày.

Đề án đưa ra Ban Bí thư bàn và quyết định càng phải ngắn gọn, rõ ràng. Mỗi kỳ họp Ban Bí thư cần giải quyết hai - ba vấn đề.

- Định rõ trách nhiệm và quan hệ làm việc của từng đồng chí trong Ban Bí thư. Công việc thuộc lĩnh vực nào thì đồng chí Bí thư phụ trách lĩnh vực đó trực tiếp giải quyết theo chủ trương chung. Khi có việc quan trọng cần có ý kiến của đồng chí Tổng Bí thư hoặc tập thể Ban Bí thư thì đồng chí Bí thư phụ trách đề xuất ý kiến và chỉ đạo việc chuẩn bị dự thảo nay gửi các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và ba đồng chí cố vấn.

- Giờ họp Bộ Chính trị, Ban Bí thư như sau:

+ Buổi sáng: từ 8 giờ đến 11 giờ 30.

+ Buổi chiều: từ 14 giờ đến 17 giờ 00.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

quyết định.

- Bộ Chính trị và Ban Bí thư hết sức hạn chế việc ban hành các nghị quyết, chỉ thị. Đã ban hành nghị quyết, chỉ thị nào thì phải chỉ đạo thực hiện và đôn đốc, kiểm tra đến nơi đến chốn việc thi hành.

Ban Bí thư không ra nghị quyết, mà chủ yếu là ra các chỉ thị cụ thể qua thực tế kiểm tra các cấp, các ngành thi hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

- Tăng cường sự chỉ đạo của Ban Bí thư đối với các cấp ủy tỉnh, thành. Phân công mỗi đồng chí trong Ban Bí thư phụ trách theo dõi một vài tỉnh, thành và từng khu vực. Chấn chỉnh bộ phận phái viên giúp Ban Bí thư theo dõi, chỉ đạo các cấp ủy đảng.

Quy định rõ chế độ làm việc của tập thể Ban Bí thư đối với quân đội và công an.

- Báo cáo mặt hàng tuần của Văn phòng Trung ương từ

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 03-CT/TW, ngày 20 tháng 1 năm 1987

**Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội
khoa VIII**

Theo quyết định của Quốc hội, tháng 4-1987 sẽ tiến hành

bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII. Đây là một đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong toàn dân cần được lãnh đạo tốt.

Để bảo đảm cho cuộc bầu cử thật sự dân chủ, đúng pháp luật và đạt kết quả tốt, Bộ Chính trị chỉ thị:

1. Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII phải thể hiện sâu sắc tinh thần đổi mới của Đại hội lần thứ VI của Đảng; đổi mới về nhận thức và cách làm. Việc bầu cử lần này phải *đạt yêu cầu* bầu được một Quốc hội thật sự có năng lực bảo đảm thực hiện được hai chức năng chủ yếu là lập pháp và giám sát, làm cho Quốc hội khoá VIII, dưới sự lãnh đạo của Đảng, góp phần tích cực vào việc tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, bảo đảm quyền làm chủ bằng nhà nước của nhân dân lao động, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

2. Bảo đảm *tiêu chuẩn người được giới thiệu ứng cử đại biểu Quốc hội*: trung thành với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội; có thành tích trong sản xuất, chiến đấu và công tác; có tinh thần đổi mới, sâu sát thực tế, hiểu tâm tư nguyện vọng của nhân dân, tận tuy phục vụ nhân dân, mạnh dạn đề đạt ý kiến và nguyện vọng của nhân dân; gương mẫu trong lối sống, trong việc chấp hành chính sách và pháp luật, thẳng thắn đấu tranh bảo vệ quyền lợi của nhân dân, chống mọi hành vi sai trái, tiêu cực; thật sự có *phẩm chất và năng lực* để thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội.

Phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn trên đây, không vì yêu cầu cấu tạo về thành phần mà hạ thấp tiêu chuẩn. Đối với những đại biểu đã làm nhiệm vụ ở nhiều khoá, nay tuổi đã cao, sức đã yếu thì được nghỉ ngơi, được chăm sóc theo chính sách.

3. Việc bầu cử Quốc hội phải *thật sự dân chủ*, không được gò ép; phải lắng nghe ý kiến của nhân dân, của các tập thể lao động để giới thiệu người ra ứng cử.

Số người được giới thiệu ra ứng cử phải nhiều hơn số đại biểu được bầu. Bảo đảm mọi cử tri được quyền tự do lựa chọn đại biểu Quốc hội.

4. Theo quyết định của Hội đồng Nhà nước, cuộc *bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã và cấp tương đương* sẽ tổ chức cùng một ngày với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII.

Việc bầu cử này cũng phải được lãnh đạo theo tinh thần nói trên.

5. Các cấp ủy đảng phải chú ý *lãnh đạo thật tốt* cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII và cuộc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã và cấp tương đương.

*
* *
*

Hội đồng Nhà nước, Hội đồng bầu cử Trung ương, Hội đồng Bộ trưởng, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể ở Trung ương, các cấp ủy đảng, các ngành cần nghiên cứu, nắm vững và có kế hoạch cụ thể thi hành nghiêm túc Chỉ thị này, bảo đảm cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân hai cấp huyện, xã đạt kết quả tốt.

T/M BỘ CHÍNH TRI
TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THU**

Số 03-TT/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1987

**Về một số vấn đề trước mắt để thi hành
Điều lệ Đảng**

Dại hội toàn quốc lần thứ VI đã quyết định bổ sung và sửa đổi một số điểm cụ thể trong Điều lệ Đảng, Ban Bí thư sẽ quy định những điểm cần thiết để hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.

Trước mắt, Ban Bí thư lưu ý các cấp ủy và tổ chức cơ sở đảng một số điểm sau đây:

- Những điểm Đại hội toàn quốc lần thứ VI đã quyết định bổ sung và sửa đổi Điều lệ Đảng có hiệu lực thi hành ngay trong toàn Đảng kể từ ngày ra Nghị quyết (18-12-1986).
- Một số điểm bổ sung, sửa đổi cụ thể trong Điều lệ Đảng cần được nhận thức và thi hành thống nhất trong toàn Đảng như sau:

a) *Thời kỳ dự bị của đảng viên:*

Điều 5 của Điều lệ Đảng quy định: "Thời gian dự bị là 12 tháng", vì vậy đối với đảng viên đã kết nạp trước 18-12-1986 theo quy định cũ với thời gian dự bị là 18 tháng, thì nếu tính đến nay đã đủ thời gian dự bị 12 tháng mà xét xứng đáng thì

được công nhận là đảng viên chính thức. Nếu đã qua 12 tháng dự bị mà xét không đủ tư cách để công nhận là đảng viên chính thức, hoặc tuy chưa hết 12 tháng dự bị mà đã rõ là phạm sai lầm không đủ tư cách đảng viên thì phải xoá tên trong danh sách đảng viên dự bị theo quy định ở Điều 6 của Điều lệ Đảng.

b) *Về thi hành kỷ luật trong Đảng:*

Đại hội toàn quốc lần thứ VI đã quy định bỏ hình thức kỷ luật lưu đảng, chỉ giữ bốn hình thức kỷ luật đối với đảng viên: "khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ ra khỏi Đảng". Vì vậy đối với đảng viên hiện nay đang ở thời kỳ bị lưu đảng mặc dù chưa hết thời hạn 12 tháng (tính đến ngày đảng uỷ cơ sở nhận được Thông tri này) thì chi bộ cần nghe đảng viên đó kiểm điểm việc sửa chữa sai lầm. Nếu đã sửa chữa sai lầm và tiến bộ, xét có đủ tư cách đảng viên thì đề nghị với cấp uỷ đã chuẩn y hình thức kỷ luật lưu đảng trước đây khôi phục lại quyền biểu quyết, bầu cử, ứng cử; tuổi đảng vẫn giữ nguyên. Trong lý lịch vẫn ghi hình thức kỷ luật lưu đảng và đã được khôi phục các quyền trên kể từ ngày có quyết định đó. Nếu từ khi bị thi hành kỷ luật lưu đảng đến nay người đó không sửa chữa, hoặc xét về thực chất không còn xứng đáng là đảng viên thì chi bộ thảo luận quyết định khai trừ ra khỏi Đảng và báo cáo lên cấp có thẩm quyền chuẩn y. Đối với những đảng viên bị chi bộ quyết định lưu đảng từ trước ngày 18-12-1986 đã đề nghị lên cấp uỷ cấp trên nhưng chưa được xét để chuẩn y thì nay cấp có thẩm quyền cần theo quy định mới của Điều lệ Đảng để xét kỷ luật; nếu thấy đã phạm sai lầm đến mức phải khai trừ ra khỏi Đảng thì quyết định khai trừ ra khỏi Đảng; nếu xét chưa đến mức phải khai trừ thì tùy theo tính chất, mức độ phạm khuyết điểm mà quyết định hình thức kỷ luật khác (cách chức, cảnh cáo, v.v.).

Thông tri này phổ biến đến chi bộ để thi hành.

T/M BAN BÍ THU

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 04-TT/TW, ngày 18 tháng 2 năm 1987

Về lãnh đạo Đại hội các đoàn thể

Ban Bí thư đã đồng ý để Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Ban trù bị Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam mở Đại hội đại biểu toàn quốc trong năm 1987.

Đại hội các đoàn thể trên là những đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn của quần chúng thanh niên, phụ nữ, nông dân. Đại hội các cấp của các đoàn thể cần đạt được các yêu cầu sau đây:

- Quán triệt quan điểm "lấy dân làm gốc", làm cho quá trình chuẩn bị và tiến hành Đại hội các đoàn thể là quá trình phát huy tinh thần làm chủ tập thể, động viên tính tích cực và hành động cách mạng sáng tạo của đông đảo đoàn viên, hội viên; phát huy vai trò to lớn của các đoàn thể tham gia thực

hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI đã đề ra.

- Đổi mới rõ rệt nội dung và phương thức hoạt động của các đoàn thể, đổi mới công tác tổ chức và cán bộ phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ mới; xây dựng các đoàn thể vững mạnh từ tổ chức cơ sở.

Các cấp uỷ đảng cần lãnh đạo tốt Đại hội các đoàn thể trong địa phương để thực hiện cho được các yêu cầu trên. Chủ trọng:

- Lãnh đạo chuẩn bị tốt báo cáo trước Đại hội của từng đoàn thể và tổ chức thảo luận dân chủ, nghiêm túc trong Đại hội các cấp, xây dựng phương hướng, mục tiêu và phương thức hoạt động thiết thực trên cơ sở quán triệt những nội dung cơ bản của Đại hội VI của Đảng về công tác vận động quần chúng và chức năng nhiệm vụ của từng đoàn thể, hướng hoạt động của các đoàn thể vào xây dựng, giám sát, kiểm tra thực hiện các chính sách xã hội và tham gia tích cực thực hiện ba chương trình kinh tế ở địa phương và trong cả nước, kết hợp chặt chẽ với cuộc vận động làm sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.

- Lãnh đạo chuẩn bị tốt nhân sự Đại hội các cấp, nhất là cán bộ chủ chốt của từng đoàn thể, bảo đảm tính kế thừa và tinh thần đổi mới. Việc bầu cử cơ quan lãnh đạo và đoàn đại biểu đi dự Đại hội cấp trên phải thật sự dân chủ, đúng tiêu chuẩn, cơ cấu theo phương hướng, tránh chủ quan, áp đặt.

- Các cấp uỷ đảng tiến hành sơ kết việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về công tác vận động thanh niên, phụ nữ, nông dân của Đảng, lãnh đạo các cơ quan nhà nước các cấp, theo chức năng, nhiệm vụ của mình, ban hành và thực hiện các chế độ, chính sách tạo điều kiện cho các đoàn thể hoạt động.

- Lãnh đạo việc tuyên truyền trên báo, đài Trung ương và địa phương về hoạt động của các đoàn thể trước và sau Đại hội

và chỉ đạo các cấp chính quyền hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các đoàn thể tiến hành Đại hội trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, có chất lượng, đồng viên được tinh thần phấn khởi, tin tưởng của đoàn viên và hội viên.

Ban thường vụ các cấp uỷ cần có sự lãnh đạo tập thể đối với Đại hội từng đoàn thể, không khoán trống cho đồng chí phó bí thư trực hoặc đồng chí uỷ viên thường vụ phụ trách dân vận, bảo đảm các đoàn thể tiến hành tốt Đại hội từ các cấp dưới tiến tới Đại hội toàn quốc thành công tốt đẹp.

T/M BAN BÍ THƯ
TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thành phố Hồ Chí Minh cần trao đổi ý kiến với Ban Tuyên huấn Trung ương trước khi công bố.

6. Chấp nhận ý kiến của Liên Xô về việc Liên Xô đặt tên đồng chí Lê Duẩn cho một quảng trường và dịch xuất bản cuốn *Thư vào Nam* của đồng chí Lê Duẩn.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 04-TB/TW, ngày 3 tháng 3 năm 1987

T/L BAN BÍ THƯ
CHÁNH VĂN PHÒNG
HỒNG HÀ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**Về tổ chức kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh đồng chí
Lê Duẩn**

Ngày 25-2-1987, Ban Bí thư đã cho ý kiến như sau về kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh của đồng chí Lê Duẩn (7-4-1907 – 7-4-1987):

1. Chỉ tổ chức kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh đồng chí Lê Duẩn, không tổ chức kỷ niệm một năm ngày mất.
2. Ngày 7-4-1987, các đồng chí lãnh đạo của Đảng đặt vòng hoa tưởng niệm ở mộ đồng chí Lê Duẩn; báo, đài đưa tin và ảnh.
3. Báo *Nhân dân* có xã luận học tập gương đồng chí Lê Duẩn. Tạp chí *Cộng sản* có bài ngắn của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh viết về công lao của đồng chí Lê Duẩn đối với sự nghiệp cách mạng của nước ta. Báo *Quân đội nhân dân* và các báo của đoàn thể có bài viết về đồng chí Lê Duẩn.
4. Xuất bản tuyển tập của đồng chí Lê Duẩn (tập I).
5. Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đặt tên đồng chí Lê Duẩn cho một con đường hoặc một trường học, một xí nghiệp của thành phố. Về việc này Thành phố Hà Nội,

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 03-QĐ/TW, ngày 14 tháng 3 năm 1987

**Về việc thành lập Ban soạn thảo Cương lĩnh
và Chiến lược phát triển kinh tế và xã hội**

Để thi hành Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI về việc soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế và xã hội trình Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế và xã hội gồm các đồng chí:

- Nguyễn Văn Linh, Trưởng ban
- Trường Chinh
- Phạm Văn Đồng
- Phạm Hùng
- Võ Chí Công

- Đỗ Mười
- Võ Văn Kiệt
- Nguyễn Cơ Thạch
- Đào Duy Tùng
- Lê Đức Anh
- Tố Hữu.

Bộ phận thường trực của Ban gồm các đồng chí: Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Đào Duy Tùng, Tố Hữu. Đồng chí Tố Hữu kiêm Tổng Thư ký.

Ban có nhiệm vụ nghiên cứu và soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế và xã hội để trình Bộ Chính trị.

2. Ban được tổ chức các tiểu ban giúp việc nghiên cứu các chuyên đề; thường trực Ban sẽ nghiên cứu việc thành lập các tiểu ban để đưa ra Ban xét và đề nghị Ban Bí thư quyết định.
3. Sáu tháng một lần Ban báo cáo với Bộ Chính trị về tình hình và kết quả của việc nghiên cứu của Ban. Cuối năm 1987, Ban báo cáo với Bộ Chính trị kết quả nghiên cứu về phương hướng, mục tiêu của chiến lược kinh tế và xã hội.
4. Giữa năm 1988, sẽ trình Bộ Chính trị dự thảo Cương lĩnh và Chiến lược để chuẩn bị trình ra Ban Chấp hành Trung ương lần thứ nhất; và chậm nhất là một năm trước Đại hội lần thứ VII phải hoàn thành bản dự thảo Cương lĩnh và Chiến lược trình ra Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai để thảo luận và quyết định trình ra Đại hội lần thứ VII.
5. Ban được nhận các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương

Đảng và các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và được làm việc với các ngành, các cấp về những vấn đề liên quan đến việc soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế và xã hội.

6. Văn phòng Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương bảo đảm cho Ban có nơi làm việc và các phương tiện hoạt động.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA BAN BÍ THƯ

Số 06-TT/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1987

Về một số chủ trương cụ thể đối với các cấp ủy viên khoá trước không tiếp tục tham gia cấp ủy
khoá mới

Đại hội đảng bộ các cấp vừa qua đã đổi mới một bước nhân sự cấp uỷ. Trong những đồng chí không tiếp tục tham gia cấp uỷ kỳ này, có một số đồng chí do cấp trên điều động theo yêu cầu công tác mới, một số đã đến tuổi hưu, sức khoẻ làm việc đã hạn chế; một số có khuyết điểm hoặc không hoàn thành nhiệm vụ; cũng có một số đồng chí còn có khả năng tiếp tục làm việc ở cương vị cũ một số năm nữa, nhưng vì lợi ích chung của Đảng đã rút khỏi chức vụ để đồng chí khác trẻ hơn và có đủ điều kiện lên thay.

Trong tình hình thay đổi đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp như trên, Ban Bí thư hướng dẫn các cấp ủy thực hiện tốt một số chính sách cụ thể đối với các đồng chí cấp ủy viên tỉnh, huyện và tương đương khoá trước không tham gia cấp ủy khoá này như sau:

1. Đối với các đồng chí đã đến tuổi hưu, nói chung để các hiện hành của Đảng và Nhà nước. Cần xem xét hoàn cảnh sinh hoạt của từng đồng chí để giải quyết cụ thể, trước hết là

đồng chí được nghỉ. Ban Tổ chức và cơ quan nơi các đồng chí đó công tác cần giúp cấp uỷ thực hiện đúng các chính sách

giải quyết những vấn đề thiết thực, cấp bách và chính đáng về đời sống; chú ý đến các đồng chí có nhiều khó khăn.

2. Những đồng chí ốm đau, sức khoẻ sút kém cần được chăm sóc, điều trị chu đáo theo chế độ chung. Sau khi sức khoẻ phục hồi, nếu chưa đủ điều kiện hưu nhưng các đồng chí thấy cần nghỉ thì có thể để các đồng chí nghỉ, và sẽ làm thủ tục hưu khi đủ điều kiện. Những đồng chí đã qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, hoặc qua kháng chiến chống Mỹ ở chiến trường miền Nam, nếu sức khoẻ yếu và đã đủ số năm công tác, thì nam 55 tuổi, nữ 50 tuổi cũng được nghỉ và hưởng chế độ hưu.

3. Đối với những đồng chí không thuộc diện nói trên thì tùy theo hoàn cảnh cụ thể của từng người mà bố trí công việc thích hợp tại chỗ; chỉ điều lên cấp trên những đồng chí sức khoẻ còn tốt và thật sự có khả năng công tác đáp ứng được yêu cầu kiện toàn và tăng cường bộ máy của cơ quan cấp trên. Cụ thể như sau:

- Đối với các đồng chí còn có sức khoẻ và năng lực làm việc nhiều năm, thì bố trí công tác ổn định như: trưởng, phó ban, ngành, đoàn thể, mặt trận, hội quần chúng; trưởng hợp ở cương vị phụ trách không hợp, thì bố trí làm chuyên viên, cán sự.

- Đối với các đồng chí sắp đến tuổi hưu, xét thời gian làm việc còn ngắn, thì tuỳ theo khả năng của từng đồng chí mà cấp uỷ có thể giao việc dưới các hình thức linh hoạt như giúp cấp uỷ hoặc ban ngành trong việc tổng kết, kiểm tra chuyên đề, củng cố cơ sở yếu kém, v.v..

Trong việc bố trí sử dụng, phải *thật sự xuất phát từ hiệu quả công tác*, không đặt ra các tổ chức, các chức vụ có tính chất hình thức, không thiết thực, gây thêm tầng nấc trung gian, tăng thêm biên chế, làm chậm trễ công việc, ảnh hưởng đến hiệu lực của bộ máy. Việc giao trách nhiệm tổng kết, nghiên cứu chuyên đề, v.v. phải gắn với tổ chức và hoạt động của các cơ quan chức năng đã có, không tổ chức thêm bộ máy mới.

Trong tình hình hiện nay, đối với các đồng chí cấp uỷ viên khoá trước được bố trí làm công tác khác có mức lương và các khoản trợ cấp thấp hơn, thì cấp uỷ quyết định bảo lưu mức lương và các chế độ mà các đồng chí đó đang được hưởng, trừ những trường hợp bị thi hành kỷ luật hạ lương.

Thông tri này gửi đến các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ để thi hành. Các cấp uỷ tỉnh, thành căn cứ vào Thông tri này có hướng dẫn cần thiết cho cấp uỷ huyện, quận, thị và tương đương.

T/M BAN BÍ THƯ
NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 05-CT/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1987

**Về tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể
Việt Nam và Đại hội toàn quốc lần thứ nhất
của Hội**

1. Nông dân nước ta chiếm đại bộ phận số dân, có truyền thống yêu nước và cách mạng rất vẻ vang; dưới sự lãnh đạo của Đảng, nông dân đã có những cống hiến to lớn và quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất nước nhà trước đây cũng như sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ngày nay.
2. Cần xây dựng *Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam* vững mạnh, có hệ thống từ Trung ương tối cao cơ sở và phát huy tốt tác dụng của Hội trong công tác vận động quần chúng nông dân theo đúng tinh thần và nội dung Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.
3. Trong tổ chức và hoạt động của Hội, cần nắm vững một số điểm cơ bản sau đây:
 - *Hội là một tổ chức chính trị - xã hội rộng rãi của nông dân lao động đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, có nhiệm vụ chủ yếu: tập hợp, đoàn kết, giáo dục nông dân nâng cao ý thức và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, thực hiện các chủ*

trưởng, chính sách của Đảng và Nhà nước trong nông thôn; tổ chức các phong trào hành động cách mạng của nông dân trong việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và an ninh - quốc phòng, nhất là trong việc phát triển sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ sản xuất mới và nông thôn mới xã hội chủ nghĩa; tham gia xây dựng và giám sát, kiểm tra việc thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, kế hoạch, cơ chế quản lý... có quan hệ đến nông dân và sản xuất nông nghiệp, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực; cùng các tổ chức kinh tế - xã hội và các cơ quan chính quyền các cấp chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, tổ chức tốt phúc lợi tập thể ở nông thôn.

- *Địa bàn hoạt động chủ yếu của Hội là ở cơ sở. Xã (phường và thị trấn có nông dân) là cấp cơ sở của Hội. Dưới Ban Chấp hành xã (thị trấn, phường), có các chi hội và các tổ hội viên ở các ấp, xóm và gắn với các hình thức tổ chức kinh tế tập thể ở những nơi nông dân đã đi vào con đường làm ăn tập thể. Cần nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm để có hình thức và phương pháp hoạt động thích hợp của Hội ở cơ sở nhằm phân biệt hoạt động kinh tế của các hợp tác xã, đội sản xuất, tập đoàn sản xuất và hoạt động chính trị - xã hội của tổ chức Hội.*

- *Hội là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và ở trong khối Dân vận, có quan hệ chặt chẽ với khối Nông nghiệp.*
- *Hội cần tiến tới tự lo, tự quản về kinh phí hoạt động. Trước mắt, Nhà nước trợ cấp kinh phí và các điều kiện, phương tiện vật chất cho hoạt động của Hội như đối với các đoàn thể khác.*

4. *Đại hội toàn quốc lần thứ nhất Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam phải đạt được yêu cầu nâng cao ý thức trách nhiệm làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và tạo được phong trào hành động cách mạng sôi nổi của nông dân nhằm góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, trước hết thực hiện thắng lợi ba chương trình kinh tế*

và cuộc vận động làm trong sạch các tổ chức đảng, bộ máy nhà nước và làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Đại hội của Hội phải thể hiện tinh thần đổi mới trên cả ba mặt: đổi mới tư duy, đổi mới phong cách, đổi mới tổ chức - cán bộ.

Tiếp theo Thông tri số 04-TT/TW, ngày 18-2-1987 về tổ chức Đại hội của ba đoàn thể quần chúng trong năm nay, Ban Bí thư nêu thêm một số điểm về Đại hội Hội Liên hiệp Nông dân tập thể các cấp như sau:

- Tổ chức tốt Đại hội từ cơ sở lên, để đông đảo hội viên tham gia thảo luận dân chủ, mạnh dạn tự phê bình và phê bình, kiến nghị những vấn đề thiết thực với các ban quản lý hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền.

Đại hội ở các cấp cần tổ chức gọn và tiết kiệm.

- Ban trù bị Đại hội Hội Liên hiệp Nông dân tập thể ở Trung ương, với sự giúp đỡ của Ban Dân vận Trung ương, Ban Nông nghiệp Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương cần biên soạn các văn kiện của Đại hội một cách ngắn gọn, dễ hiểu, nêu được những vấn đề nông dân đang quan tâm nhất, đưa cho các hội viên thảo luận và góp ý kiến.

- Đại hội cơ sở nên tiến hành vào dịp 1-5 là ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh có bút tích cuối cùng về nông dân ta¹ và Đại hội toàn quốc tiến hành vào quý III hoặc quý IV - 1987.

- 5. Các cấp uỷ đảng, từ Trung ương đến cơ sở thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của Hội, định kỳ nghe Hội báo cáo tình hình nông dân và nông thôn; trước mắt phải trực tiếp chỉ đạo công tác chuẩn bị và tiến hành Đại hội của Hội ở các cấp và phân công cấp uỷ viên trực tiếp phụ trách Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam.

Những Chỉ thị và Thông tri đã có từ trước trái với Chỉ thị này đều bãi bỏ.

1. Ngày 1-5-1969 là ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh viết *Lời giới thiệu Điều lệ tóm tắt của hợp tác xã sản xuất nông nghiệp*.

Chỉ thị này được phổ biến rộng rãi đến các chi bộ và đảng viên ở nông thôn.

T/M BAN BÍ THƯ
TỔNG BÍ THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**LỜI KHAI MẠC
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VI)**

Ngày 1 tháng 4 năm 1987

Thưa các đồng chí Trung ương,
 Trước hết, cho phép tôi thay mặt Bộ Chính trị và Ban Bí thư
 gửi lời chào thân ái và chúc sức khoẻ các đồng chí!
 Hội nghị Trung ương của chúng ta lần này giải quyết hai vấn
 đề chủ yếu:

1. Những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông.
2. Về quy chế làm việc của Trung ương Đảng.

Đó là những công việc cấp bách, nằm trong chương trình
 công tác rộng lớn mà Đại hội Đảng lần thứ VI đã đề ra như:
 đổi mới tư duy, phong cách, thực hiện ba chương trình, đổi
 mới cơ chế quản lý kinh tế, tiến hành ba cuộc vận động, v.v..

Thưa các đồng chí,

Không phải ngẫu nhiên mà đề tài trung tâm của Hội nghị
 Trung ương lần thứ hai là vấn đề phân phối lưu thông. Từ

năm 1981 đến nay, đã nhiều lần Trung ương bàn bạc và
 quyết định, nhưng tình hình chẳng những không được cải
 thiện, mà ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay, nó đang là
 vấn đề cấp bách và cơ bản, là tụ điểm của các mâu thuẫn
 trong đời sống kinh tế nước ta. Đại hội Đảng toàn quốc lần
 thứ VI đã giao cho Ban Chấp hành Trung ương mới tập
 trung sức giải quyết vấn đề này. Trách nhiệm của chúng ta,
 của mỗi Ủy viên Trung ương và toàn thể Ban Chấp hành
 Trung ương là phải trả lời thẳng vào những vấn đề bức xúc
 nói trên của cuộc sống, đáp ứng được lòng mong đợi nóng
 bỏng và chính đáng của nhân dân. Làm được việc đó, chắc
 chắn sẽ là bước khởi đầu tốt đẹp, tạo đà chuyển biến mạnh
 mẽ cho những bước sau. Tôi hy vọng và tin tưởng sâu sắc
 rằng mặc dù rất khó khăn, nhưng nhất định chúng ta phấn
 đấu làm bằng được, vì không có sự lựa chọn nào khác.

Trước khi các đồng chí thảo luận bản đề án, tôi muốn gợi một số
 ý với hy vọng làm rõ hơn *cách đặt vấn đề của bản đề án*.

1. Phân phối, lưu thông bao gồm nhiều bộ phận hợp thành
 như giá cả, lưu thông vật tư hàng hoá, tài chính - ngân sách,
 ngân hàng, tiền lương... là một bộ phận quan trọng của quá
 trình tái sản xuất xã hội, theo nghĩa hẹp, nó bảo đảm "đầu
 vào" và "đầu ra" cho sản xuất. Phân phối lưu thông vừa là
 điều kiện, vừa là kết quả của sản xuất. Như vậy, giải quyết
 vấn đề phân phối lưu thông có liên quan chặt chẽ với quá
 trình sản xuất, với tổng thể cơ chế quản lý nền kinh tế quốc
 dân. Đối với một vấn đề phức tạp như vậy, Hội nghị Trung
 ương lần này chưa thể giải quyết được toàn bộ, mà cần phải
 chia ra *nhiều bước* để thực hiện trong vài ba năm.

Dĩ nhiên, sau đó vấn đề phân phối lưu thông sẽ còn phải được tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, nhất là phải xử lý những vấn đề mới này sinh.

2. Vậy những vấn đề nào được coi là cấp bách và cơ bản cần xử lý ở bước đầu tiên?

Không cần phải suy nghĩ nhiều, mỗi chúng ta đều thấy rõ, hiện nay *lạm phát* đang là vấn đề nghiêm trọng nổi lên trong nền kinh tế nước ta. Nó được biểu hiện trên bề mặt xã hội đến mức mà mỗi bà nội trợ, mỗi người dân đều cảm nhận được hằng ngày. Chỉ trong vòng hơn một năm, khối lượng tiền tệ ném vào lưu thông đã tăng đến 10 lần. Trong khi đó, tổng sản phẩm xã hội chỉ tăng 6-7%. Dĩ nhiên, không phải toàn bộ số tiền vận động trong lưu thông đều là lạm phát, nếu chú ý rằng đơn vị giá cả hàng hoá có thay đổi trong thời gian đó. Nhưng dù sao, lạm phát ở mức độ cao là một thực tế không thể phủ nhận. Đó là sự thách thức to lớn mà chúng ta phải đương đầu. Một khác, cần nhận rõ: lạm phát là *biểu hiện tổng hợp* của *nhiều nhân tố* tạo thành mà trực tiếp là bởi chi ngân sách lớn, giá cả tăng với tốc độ "phi mã", một phần quan trọng do tuỳ tiện nâng giá để ăn chênh lệch giá và tranh mua, tranh bán. Nguyên nhân sâu xa và cơ bản của tình hình là sản xuất thấp kém, cung cách xa cầu, tiền - hàng mất cân đối lớn. Ở đây, tôi muốn lưu ý một điều là nhiều năm nay chúng ta vẫn ở trong tình hình đó, nhưng chưa năm nào lạm phát tăng nhanh, giá cả tăng đột biến, đời sống của người ăn lương khó khăn gấp bội như năm qua. Có thể rút ra kết luận gì từ tình hình trên? Đó là: không thể nói trước hết hãy giải quyết vấn đề sản xuất, còn phân phối lưu thông sẽ giải quyết sau. Một số đồng chí cho rằng, muốn thoát khỏi tình hình hiện nay, phải gõ từ sản xuất. Đúng là phải từ sản xuất, nhưng chưa thể bằng cách chuyển động mạnh và chuyển động ngay toàn bộ cái "hộp đen". Điều này còn phải có thời gian. Vấn đề là ở chỗ: thực trạng phân phối lưu thông như hiện nay không thể là tiền đề và điều kiện để thúc đẩy sản xuất phát triển và ổn định một bước đời sống.

Hiện nay, phải tập trung mọi nỗ lực để khắc phục một cách đáng kể *nguyên nhân trực tiếp* của lạm phát là *bội chi ngân sách liên tục và giá cả rối ren, tăng vọt*. Các nhân tố trực tiếp tác động đến lạm phát có vị trí tương đối độc lập của chúng. Vì vậy, chúng ta có thể làm lành mạnh hơn tình hình, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh bằng cách xử lý tốt hơn vấn đề phân phối lưu thông. Cách đặt vấn đề như vậy dẫn chúng ta đến việc xem xét và giải quyết một bước các vấn đề sau đây trong Hội nghị Trung ương hai:

1. Chính sách giá cả và lưu thông vật tư, hàng hoá.
2. Chính sách và biện pháp hạn chế bội chi ngân sách và giảm nhịp độ lạm phát.
3. Chính sách và biện pháp giải quyết tiền lương và đời sống của người ăn lương.

Yêu cầu đặt ra cho bước này là thực hiện bốn giảm: giảm bội chi ngân sách, giảm dần nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động, góp phần giải phóng sức sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Dự tính bước này sẽ được thực hiện từ nay đến hết năm 1987.

Tôi muốn nhấn mạnh điều này: dù mới chỉ giải quyết một bước vấn đề phân phối lưu thông nhưng phải tạo cho được *sự chuyển biến rõ rệt, có hiệu quả trong một thời gian nhất định, kiên quyết không thể để tình hình giảm chân tại chỗ hoặc xấu thêm*.

Sau Đại hội lần thứ VI của Đảng, nhân dân ta đang trông chờ và đòi hỏi nghiêm khắc phải có sự thay đổi tích cực, cuộc sống không cho phép trì hoãn thêm nữa.

3. Chúng ta nói đến các bước trong tiến trình thực hiện các giải pháp về phân phối, lưu thông. Nhưng *nguyên tắc và quan điểm chung* làm cơ sở cho các giải pháp trong từng bước phải *nhất quán*, không gây mâu thuẫn, chồng chéo

nhau. Đó là những nguyên tắc và quan điểm được trình bày trong Nghị quyết của Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Đại hội đã chỉ rõ: những sai lầm trên lĩnh vực phân phối, lưu thông trong những năm qua bắt nguồn từ những sai lầm trong bố trí cơ cấu kinh tế, trong cải tạo xã hội chủ nghĩa, từ sự duy trì quá lâu cơ chế tập trung - quan liêu, bao cấp trong quản lý kinh tế.

Nếu tách việc giải quyết phân phối, lưu thông khỏi những vấn đề cơ bản đó, chúng ta sẽ không thể tiến thêm một bước nào cả, chẳng những không có phương hướng mà cũng không có cơ sở để thực hiện.

Để có thể làm chuyển biến tình hình một cách cơ bản, phải bố trí lại cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung cho ba chương trình kinh tế trọng điểm: lương thực - thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Điều đó đòi hỏi chúng ta phải kiên quyết chấn chỉnh đầu tư xây dựng cơ bản, sử dụng hợp lý hơn nguồn vốn, không làm "xoạc" ra những mất cân đối hiện có, phải đầu tư vào những công trình và sản phẩm tạo ra nhanh hiệu quả kinh tế - xã hội. Đó là nền tảng vững chắc làm cơ sở để ổn định phân phối lưu thông.

Giải pháp cơ bản về phân phối, lưu thông không thể nằm ngoài tư tưởng chỉ đạo là giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế, trước hết là của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác. Điều này, trên một mức độ nhất định, liên quan đến việc cải tạo và sử dụng các thành phần kinh tế. Mọi chính sách phân phối lưu thông đều phải nhằm làm bật dậy các tiềm năng hiện có, huy động cho được những giá trị to lớn còn nằm yên vào quá trình tái sản xuất xã hội. Thực tế ở nhiều địa phương và ngành đã chỉ ra rằng, nếu có chính sách đúng thì những vốn chết (tài nguyên, lao động, tiền nhàn rỗi, v.v.) sẽ trở thành vốn sống, phục vụ cho nền kinh tế chung cũng như mang lại lợi ích

thiết thực cho từng người, từng gia đình và từng tập thể lao động. Bằng các hình thức kinh tế quá độ phù hợp, nhiều năng lực sản xuất mới trong nhân dân sẽ xuất hiện, tạo ra nhiều sản phẩm cho xã hội, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa cung và cầu hàng hoá. Vừa qua, một số tỉnh và thành phố ban hành các biện pháp phát triển tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ đã mang lại kết quả bước đầu. Dĩ nhiên, để có thể chuyển biến được tình hình, cải tạo và sử dụng tốt các thành phần kinh tế khác, kinh tế xã hội chủ nghĩa dưới hai hình thức quốc doanh và tập thể phải lớn mạnh, đủ sức đóng được vai trò nòng cốt và chủ đạo, có sức mạnh nêu gương và tổ chức quản lý tốt toàn ngành. Đảng và Nhà nước phải tích cực tạo ra những điều kiện thuận lợi về cơ chế, chính sách và tổ chức để các cơ sở kinh tế quốc doanh và tập thể hoạt động có hiệu quả.

Mọi giải pháp về phân phối, lưu thông trước mắt cũng như lâu dài nhất thiết phải quán triệt quan điểm chống tập trung - quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Phải nói rằng, cho đến nay, sức ép của kiểu tư duy cũ thể hiện trong tổ chức quản lý kinh tế nói chung và phân phối lưu thông nói riêng còn rất nặng nề. Nếu không đổi mới quan niệm và phong cách làm việc theo tinh thần của Đại hội VI, chúng ta sẽ không có lối thoát để giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông. Kinh nghiệm đã chứng tỏ, sa lầy vào vũng bùn tập trung - quan liêu, bao cấp, chúng ta càng bị nó nhấn chìm. Phải tìm một con đường khác, đó là hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa: giá cả kinh doanh, tiền tệ kinh doanh, vật tư kinh doanh, tài chính cũng phải đặt trên nền tảng kinh doanh... Chúng ta không thể tiếp tục mãi tình trạng ngân sách bù lỗ tràn lan cho "đầu vào" sản xuất đến mức hằng năm Nhà nước để "tuột" khỏi tay mình hàng trăm

tỷ đồng. Không thể tiếp tục mãi con đường quen thuộc là Nhà nước mua nông sản phẩm theo giá cao để về bán lại cho công nhân viên và một số đối tượng khác theo giá quá thấp, đến nỗi tiền bù lỗ cho riêng khoản này đã chiếm non một phần ba ngân sách. Hạch toán kinh tế chỉ là hình thức, giả tạo khi định các chi phí sản xuất từ C1, C2 đến V đều thấp xa so với giá trị của chúng. Khoi phải nói các đồng chí cũng đều biết, chính sách đó đã làm phá sản tận gốc nền tài chính quốc gia. Định giá như thế nào để tránh được tập trung - quan liêu, bao cấp, mua được bán được trên cơ sở kinh doanh nhưng lại không rơi vào tự do tuỳ tiện nâng giá hoặc một chiêu chạy theo giá cả thị trường tự do. Cần thiết phải mở rộng môi trường kinh doanh, khởi động cho lưu thông hàng hoá mà vẫn không nằm ngoài quy đạo kinh tế có kế hoạch. Đó là những vấn đề mà đê án phải giải đáp đúng trên góc độ hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Cũng cần nhận thấy rằng, xoá bao cấp trong nền kinh tế là *một quá trình*. Nôn nóng muốn xoá ngay bằng cách tính đúng, tính đủ "đầu vào" của sản xuất hoặc nhân danh sự thận trọng "vững chắc", để rồi giữ nguyên hiện trạng đều không đúng. Ở đây cần có quan điểm phân tích cụ thể đối với những vấn đề cụ thể. Bằng các phương án tính toán, cân nhắc kỹ nên đưa "đầu vào" đến mức nào là hợp lý đối với từng loại vật tư, hàng hoá. Nguyên tắc chung là "đầu ra" không gây đột biến giá thị trường xã hội đã hình thành. Về phương diện này, thực tiễn của hai cuộc tổng điều chỉnh giá năm 1981 và 1985 đã đem lại cho chúng ta những bài học quý.

4. Phân phối, lưu thông, tự bản thân nó, cũng như trong mối quan hệ với quá trình tái sản xuất xã hội bao gồm nhiều nội dung. Từ đó, đòi hỏi *cách tiếp cận hệ thống và đồng bộ* trong việc xử lý từng yếu tố hợp thành. Cách xem xét cô lập, tách

rời mặt nọ với mặt kia nhất định sẽ gây tác hại đến tổng thể. Chẳng hạn, việc xác định mức giá có liên quan trực tiếp đến xác định quy mô của tiền lương, ngân sách và tiền tệ. Việc xác định mức giá của một loại vật tư, hàng hoá có tác động dây chuyền đến hàng loạt các vật tư, hàng hoá khác. Cũng như vậy, giá nông sản phẩm và công nghệ phẩm có mối tương hỗ khăng khít. Khi những mối quan hệ tổng thể đó bị phá vỡ sự cân bằng, thì đến lượt chúng, các nhân tố cấu thành cũng bị đảo lộn. Vấn đề nói đây không chỉ giới hạn ở khía cạnh kỹ thuật, nghiệp vụ. Như C. Mác đã nói: "Giá trị là quan hệ xã hội", là quan hệ giữa người với người trong quá trình sản xuất kinh doanh, là quan hệ trao đổi lao động kết tinh trong hàng hoá. Nguyên tắc thống trị trong các mối quan hệ này là ngang giá. Khi nguyên tắc cơ bản đó của sản xuất và trao đổi hàng hoá bị vi phạm, tất yếu sẽ làm giảm sút hoặc triệt tiêu động lực của sản xuất kinh doanh. Tình hình sản xuất vụ mía trong năm qua là một ví dụ tiêu biểu. Khi chúng ta mua mía của nông dân với giá quá thấp, không bù đắp được chi phí sản xuất của họ, lẽ tự nhiên là họ không bán cho ta mà bán cho tư thương, cho các tư nhân ép mía thủ công, thậm chí họ có thể chặt mía đi để trồng thứ khác. Ngược lại, do tệ ăn chênh lệch giá nên khi chúng ta bán hàng công nghệ cho nông dân theo giá quá cao thì họ liền nâng giá bán nông sản. Mặt bằng giá cứ thế mà dâng lên, không tùy thuộc vào ý chí của chúng ta. Các quan hệ giá trị này khi không còn kiểm soát được sẽ làm tổn hại đến quan hệ giữa giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, quan hệ giữa công nghiệp và nông nghiệp.

Từng đó ví dụ cũng đủ chứng minh tính chất phức tạp,

tinh tế và nhạy bén của vấn đề phân phối, lưu thông. Nó đòi hỏi chúng ta không được dừng lại ở các quan điểm, nguyên tắc chung, dù rất quan trọng, nhưng vẫn chưa đủ để giải quyết vấn đề. Phải đồng thời xây dựng các phương án cụ thể, trong đó thể hiện được các quan hệ liên ngành. Chính phương án cụ thể có định lượng là thước đo mức độ thực hiện các giải pháp, hiện thực hóa và chính xác hóa các quan điểm chung. Đó là một bài học mà chúng ta rút ra được từ Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng (khoá V) về giá - lương - tiền. Kinh nghiệm đó chỉ đạo chúng ta đổi mới cách làm lần này: việc xây dựng đề án chung gắn liền đồng thời với thiết kế các phương án cụ thể. Việc xây dựng các phương án cụ thể là cả một công trình, nên trong Hội nghị này, chúng ta chưa thể có ngay toàn bộ các đáp án cụ thể. Các giải pháp đã được định lượng hóa một bước, nhưng chưa thể nói là đầy đủ. Sau Hội nghị Trung ương, các bộ phận chức năng sẽ tiếp tục tính toán thêm. Đồng thời, theo ý tôi, đó không chỉ là công việc của các cơ quan trung ương, mà còn là công việc của các địa phương và nhất là của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Bởi vì chính họ là người thực hiện các phương án, họ biết rõ cái gì làm được và cái gì không làm được. Phải chăm chú lắng nghe và trân trọng tiếng nói của họ. Tổng hợp những kiến nghị từ dưới lên, chắt lọc những ý kiến tốt để bổ sung cho phương án, đó là sự thể hiện đổi mới cách làm, bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ.

5. Các đồng chí đã có trong tay bản đề án. Để việc thảo luận bản đề án có chất lượng, tôi xin lưu ý một số điểm:

- Về phần đánh giá tình hình, không nên để mất thì giờ

nhiều vào việc kể lể tình hình cụ thể, mà nêu vừa đủ, cốt để chứng minh, luận giải cho quan điểm hoặc giải pháp nào đó.

Nên phân tích sâu *nguyên nhân cụ thể, trực tiếp* của tình hình. Thực tế cho thấy, cùng một tình hình, nhưng người ta cất nghĩa nguyên nhân khác nhau. Có làm rõ nguyên nhân mới cho phép tìm giải pháp thích hợp, chẩn đoán đúng bệnh, bốc thuốc mới đúng.

- Trọng điểm của nghiên cứu, thảo luận là tìm ra các *giải pháp* để khắc phục tình hình. Đó là những giải pháp thiết thực, có hiệu quả, thuộc về cơ chế, chính sách kinh tế và tổ chức. Cần coi trọng các giải pháp đã xuất hiện trong cuộc sống từ kinh nghiệm của các địa phương, ngành và cơ sở làm ăn có hiệu quả.

Sự chỉ đạo điều hành thực hiện cũng là một nhân tố rất quan trọng bảo đảm cho Nghị quyết đi vào cuộc sống. Các giải pháp về phân phối lưu thông không thể tiến hành một cách đơn độc, mà phải gắn liền với cuộc vận động làm trong sạch Đảng, khắc phục những hiện tượng hư hỏng trong bộ máy nhà nước và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

- Không nhất thiết mọi vấn đề trong đề án đều đưa ra thảo luận nếu đã có sự nhất trí. Sẽ tập trung sự chú ý vào một số vấn đề quan trọng hoặc những vấn đề mà ý kiến còn khác nhau. Cách làm này tiết kiệm được thời gian và bảo đảm được hiệu quả.

- Thật sự tự do tư tưởng, tranh luận để đi đến nhất trí cao. Điều này quan trọng ở chỗ: nó bảo đảm hành động thống nhất sau khi đã có nghị quyết. Mọi sự thoả hiệp, nửa vời

hoặc qua loa đại khái đều có hại, nhất là đối với một vấn đề phức tạp và khó khăn như lĩnh vực phân phối lưu thông.

Thưa các đồng chí,

Cuộc Hội nghị này của chúng ta có ý nghĩa rất quan trọng. Nó đòi hỏi mỗi đồng chí Uỷ viên Trung ương vừa đứng trên góc độ công tác của mình - ngành, địa phương hoặc cơ sở - vừa đứng trên lợi ích chung toàn cục để có tư duy đúng đắn, tìm ra các giải pháp có hiệu quả làm nhanh chóng chuyển biến tình hình.

Tôi xin dừng lời ở đây và tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng (khoá VI), mong Hội nghị thành công tốt đẹp, đáp ứng được lòng mong đợi bức thiết của nhân dân, của đảng viên và cán bộ cả nước.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VỀ PHÂN PHỐI, LUU THÔNG

**(Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ hai
Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VI)**

Phần I

TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Từ sau cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền cuối năm 1985 đến nay, tình hình kinh tế - xã hội nói chung và tình hình phân phối lưu thông nói riêng ở nước ta ngày càng xấu đi nghiêm trọng. Kết quả của cuộc tổng điều chỉnh diễn ra ngược lại mong muốn của chúng ta. Các Nghị quyết 28 và 31 của Bộ Chính trị, Kết luận của Hội nghị lần thứ mười của Trung ương Đảng (khoá V) đã nghiêm khắc phân tích các sai lầm, khuyết điểm trên lĩnh vực này và đề ra các biện pháp khắc phục. Tuy nhiên, tình hình chẳng những không được cải thiện mà còn trở nên phức tạp, rối ren hơn. Đặc trưng bao trùm nổi lên trong đời sống kinh tế nước ta hiện nay là *lạm phát* trầm trọng. Nguyên nhân trực tiếp của lạm phát là bội chi ngân sách lớn, dẫn đến giá cả tăng vọt,

tiền lương thực tế giảm. Giá cả tăng vọt, một phần do tuỳ tiện nâng giá để kiếm chênh lệch giá và tranh mua tranh bán, đã làm cho ngân sách bội chi nhiều hơn, tăng thêm tiền mặt trong lưu thông, làm mất cân đối lớn giữa hàng và tiền. Quan hệ nhân quả đó theo vòng xoáy tròn ốc lớn dần lên đến mức chúng ta không còn làm chủ và kiểm soát được tình hình, gây tác động rất xấu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và đời sống. Đến nay, các mâu thuẫn trong lĩnh vực phân phối lưu thông đã tích tụ đến cực điểm.

Trước khi đổi tiền năm 1985, lượng tiền phát hành là 67 tỷ đồng. Do tăng giá trị đồng tiền lên gấp 10 lần, nên sau khi đổi tiền chỉ còn 6,7 tỷ đồng (tiền mới). Chỉ riêng trong năm 1986, lượng tiền trong lưu thông đã tăng gấp 10 lần, bằng lượng tiền trước lúc thu đổi, nhưng giá trị đồng tiền lại thấp hơn lúc đó. Trong một tháng rưỡi đầu năm 1987 đã phát hành thêm 12 tỷ. Cứ theo đà này, đến hết năm 1987, số tiền trong lưu thông sẽ lên tới hàng trăm tỷ. Tuy vậy, Nhà nước vẫn thiếu tiền mặt, không đủ cung ứng cho thu mua và các khoản chi trả. Cánh kéo giữa hàng và tiền mở rộng ra quá mức cho phép: trong khi lượng tiền trong lưu thông tăng 10 lần thì tổng sản phẩm xã hội năm qua chỉ tăng khoảng 6-7%. Số lượng tiền trong lưu thông tăng lên có liên quan đến đơn vị giá cả hàng hoá thay đổi, nhưng một phần quan trọng là do bội chi ngân sách liên tục. Năm qua, mức bội chi này đã chiếm hơn 1/4 ngân sách, trong đó, một phần không nhỏ được trang trải bằng việc phát hành tiền để chi tiêu. Nguồn thu ngân sách giảm đáng kể. Bộ phận lớn nhất trong nguồn thu là thu quốc doanh, trước đây thường chiếm trên dưới 80% ngân sách, nay bị thu hẹp về tỷ lệ và khối lượng do chi phí sản xuất tăng và giá bán buôn công nghiệp lấn vào mà trong nhiều trường hợp bị thất thoát trong khâu thương nghiệp, không được nộp vào ngân sách. Tình hình đó cộng với nhiều khoản thất thu lớn như thu thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp, thu chênh lệch giá... đã làm cho ngân sách hao hụt lớn. Trong khi đó, các khoản chi ngày một

tăng vượt quá xa nguồn thu. Đáng kể nhất là chi xây dựng cơ bản tràn lan cả ở Trung ương và địa phương, chi quốc phòng, chi nuôi bộ máy biên chế phình to, chi bù lỗ xuất nhập khẩu, bù lỗ giá do mua cao bán thấp với khối lượng lớn (chiếm non 1/3 ngân sách), chi bao cấp cho các chính sách xã hội vượt quá khả năng của nền kinh tế, v.v..

Nhà nước ta có nguồn thu lớn từ tiền cho vay và viện trợ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, mỗi năm hơn một tỷ rúp (không kể giá trị thiết bị toàn bộ), tính ra tiền Việt Nam theo tỷ giá hợp lý đạt hàng trăm tỷ đồng. Chúng ta chẳng những đã phân phối theo lối bao cấp và sử dụng kém hiệu quả mà còn để mất mát, lãng phí, phân tán nguồn của cải quý báu này qua hệ thống cung ứng vật tư hàng hoá nhiều tầng, nhiều nấc trung gian, ngân sách nhà nước vì thế càng thêm thiếu hụt.

Thực trạng của ngân sách và tiền tệ nói trên đã tác động xấu đến giá cả. Chưa năm nào giá rối loạn và tăng với tốc độ mạnh như năm qua. So với năm 1985, giá thị trường xã hội năm 1986 tăng 4,5 lần, riêng giá các mặt hàng thiết yếu tăng gần chín lần. Hệ thống giá nhà nước ngày càng bất hợp lý, hình thành sự chênh lệch lớn giữa giá thu mua, giá bán buôn và giá bán lẻ, giữa các vùng khác nhau về cùng một mặt hàng. Tình hình đó cộng với nhiều tổ chức buôn bán mọc ra như nấm là nguyên nhân quan trọng của tệ ăn chênh lệch giá khá phổ biến, tệ tranh mua, tranh bán đẩy giá lên cao đối với hàng tiêu dùng trong nước cũng như hàng xuất khẩu. Giá cả tăng nhanh và rối loạn vừa qua chủ yếu không phải do cung cầu mất cân đối và tăng "giá đầu vào", mà chính là do khuyết điểm trong quản lý kinh tế và những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Thực trạng giá cả nói trên làm cho hệ thống hạch toán hoàn toàn bị tê liệt, tăng thêm tình trạng lời giả lỗ thật, các quan hệ lớn trong nền kinh tế bị đảo lộn: giữa công nghiệp và nông nghiệp, tích luỹ và tiêu dùng, xuất khẩu và nhập khẩu, lĩnh vực sản xuất vật chất và phi sản xuất vật chất, v.v..

Toàn bộ hậu quả xấu của tình hình tiền tệ, ngân sách và giá cả nói trên đè nặng lên người lao động, đặc biệt là những người ăn lương trong khu vực hành chính sự nghiệp và lực lượng vũ trang. Tiền lương thực tế giảm sút nghiêm trọng, lương tháng không đủ sống mươi ngày. Người ta tìm mọi cách để sống, hợp pháp cũng có, bất hợp pháp cũng nhiều. Ngay trong khu vực Nhà nước, có tình trạng tuy tiện áp dụng nhiều chế độ phân phối thu nhập khác nhau, phát sinh chênh lệch lớn, trong đó chứa đựng nhiều tiêu cực. Chỉ có một bộ phận dân cư làm ăn bất chính bằng mọi thủ đoạn, bọn đầu cơ, buôn lậu, một số cán bộ nhân viên thoái hoá biến chất là giàu có lên một cách nhanh chóng, sống phè phloan trên lưng Nhà nước và người lao động. Thực trạng phân phối nói trên không những vi phạm nguyên tắc công bằng xã hội mà còn triệt tiêu động lực sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác, phá hoại đạo đức tinh thần của xã hội.

Từ những tình hình đã phân tích ở trên, chúng ta thấy rằng phân phối lưu thông đang thật sự là mặt trận nóng bỏng, trong đó nổi bật nhất là *bội chi ngân sách liên tục và giá cả rối ren, tăng vọt*. Vô lâu dài và cơ bản, gốc của vấn đề là đẩy mạnh sản xuất, chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Nhưng thực trạng phân phối lưu thông như trên không thể là tiên đề và điều kiện đóng vai trò đòn bẩy thúc đẩy sản xuất phát triển. Đúng như Báo cáo Chính trị tại Đại hội lần thứ VI của Đảng đã viết: "Trước mắt, thực hành những biện pháp có hiệu quả để hâm bớt lạm phát và tốc độ tăng giá, giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương. Có làm được việc đó mới tạo được những tiền đề về kinh tế, xã hội và tâm lý cho việc đẩy mạnh quá trình cải cách".

Phần II

MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT

MỘT BƯỚC NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH VỀ PHÂN PHỐI, LUU THÔNG

Mục tiêu giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông là: giảm bội chi ngân sách, giảm dân nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động, góp phần giải phóng sức sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Việc giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông phải thấu suốt *tư tưởng chỉ đạo* sau đây:

Một là, tiến hành đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức về phân phối lưu thông gắn liền với đổi mới đồng bộ các khâu khác trong cơ chế quản lý, từng bước chuyển hoạt động của nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hai là, có những bước đi phù hợp, tích cực và vững chắc, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, tránh lối làm nóng vội, chủ quan, giản đơn, nhất loạt, thiếu chuẩn bị, tạo ra những biến động lớn, đột ngột, gây hậu quả xấu về kinh tế cũng như về tâm lý và xã hội. Trong mỗi bước đi, phải bảo đảm sự đồng bộ về chính sách, biện pháp và tổ chức, đồng thời phải tập trung giải quyết khâu then chốt để xoay chuyển tình hình.

Ba là, kết hợp đúng đắn sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương với việc phát huy tính năng động, sáng tạo của các cơ sở, địa phương và ngành. Phát động phong trào hành động cách mạng của nhân dân lao động; gắn với cuộc vận động làm trong sạch các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Bốn là, sử dụng có hiệu quả và mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế về kinh tế để có thêm điều kiện vật chất góp phần giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

I- CHÍNH SÁCH GIÁ CẢ

VÀ LUU THÔNG VẬT TƯ, HÀNG HOÁ

Nhiệm vụ hết sức cơ bản và cấp bách của các chính sách phân phối, lưu thông là giải phóng năng lực sản xuất to lớn của hàng chục triệu người lao động nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của ba chương trình kinh tế lớn.

Đổi mới chính sách giá gắn liền với đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức lưu thông vật tư, hàng hoá phải góp phần tích cực kích thích sản xuất, mở rộng lưu thông, xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực làm giá tăng vọt, thúc đẩy thực hiện hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Việc điều chỉnh hệ thống giá của Nhà nước phải tiến hành từng bước, thận trọng, không gây đột biến về giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp và giá mua nông sản thuận tiện thành trong thực tế.

1. *Trong lĩnh vực nông nghiệp*, thực hiện ngay một số chính sách sau đây:

a) *Ngoài thuế là nghĩa vụ đóng góp bắt buộc*, từ nay, mọi quan hệ trao đổi giữa nông dân và các tổ chức kinh tế của Nhà nước phải *theo nguyên tắc bình đẳng, ngang giá, cùng có lợi, mua bán trên cơ sở thật sự thoả thuận*. Các ngành, các cấp không được giao thêm cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân "nghĩa vụ giao nộp sản phẩm" cho Nhà nước dưới bất kỳ hình thức nào mang tính chất ép buộc.

Chính sách giá của Nhà nước trong quan hệ mua bán với nông dân phải góp phần tăng cường liên minh công - nông, khuyến khích nông dân hăng hái đầu tư đẩy mạnh sản xuất theo phương hướng của kế hoạch nhà nước, tăng năng suất, hạ giá thành, không ép giá.

Điều quan trọng hàng đầu để khuyến khích sản xuất và tập trung được nông sản hàng hoá vào tay Nhà nước là: Nhà nước cố gắng cung ứng đủ vật tư cho nông nghiệp và dành thêm vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng thích hợp, *thực hiện cán đối tiền - hàng trong quan hệ trao đổi với nông dân, bảo đảm cho vật tư, hàng hoá đến tay nông dân không*

bị thất thoát và không bị cộng thêm các loại phí và lãi bất hợp lý qua nhiều cấp trung gian. Áp dụng phương thức bán vật tư và mua nông sản theo kế hoạch sản xuất và thông qua các hợp đồng kinh tế, mua đứt bán đoạn, trên cơ sở thuận mua vừa bán. Nhà nước phấn đấu qua hợp đồng hai chiều, mua được đại bộ phận lương thực, thực phẩm và nông sản hàng hoá.

Giá bán vật tư trong hợp đồng kinh tế được ổn định trong từng thời gian; mức bán vật tư căn cứ vào kế hoạch sản xuất và định mức kỹ thuật, tránh để nông dân mua đi, bán lại. Giá mua nông sản trong hợp đồng kinh tế được xác định tương ứng với giá bán vật tư, theo tỉ giá trao đổi thoả thuận. Không giữ mức giá mua, bán thấp như hiện nay, nhưng phải điều chỉnh từng bước, tránh gây đột biến tới các loại giá khác và làm tăng đột ngột khối lượng tiền lưu thông. Ở những nơi có điều kiện, vận dụng rộng rãi phương thức mua đứt bán đoạn để tổ chức kinh doanh cung ứng vật tư nông nghiệp của Nhà nước không bị đọng vốn. Đối với những nơi nông dân còn nhiều khó khăn, có thể áp dụng phương thức ký hợp đồng ứng vật tư trước và thu sản phẩm sau theo *tỉ giá thoả thuận*. Các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cần quan tâm giúp đỡ những hộ nông dân nghèo có vốn và vật tư để bảo đảm sản xuất bình thường. Các tỉnh và thành phố được quyền lựa chọn phương thức mua bán với nông dân, trên nguyên tắc bảo đảm Nhà nước nắm được khối lượng nông sản hàng hoá tương ứng với vật tư cung ứng.

(Có ý kiến đề nghị trước mắt duy trì phương thức hợp đồng hai chiều với tỉ giá và mức giá mua bán giữ nguyên như đã quy định ngày 1-10-1985, ngoại rằng nếu nâng giá mua và bán trong hợp đồng sẽ đẩy giá thị trường tăng nhanh, dẫn đến tăng mức phát hành, tăng bội chi ngân sách. Đối với ý kiến đó, nhiều đồng chí cho rằng: giá mua bán trong hợp đồng quy định từ tháng 10-1985 đến nay đã quá lạc hậu so với sức mua của đồng tiền và thấp quá xa so với giá thị trường, nếu tiếp tục neo lại thì không thể ngăn chặn nổi các

cấp trung gian lợi dụng ăn chênh lệch giá, làm thất thoát vật tư, khiến Nhà nước mất cả hàng, tiền và cán bộ mà nông dân cũng bị thiệt. Giữ nguyên giá hợp đồng như cũ cũng không phù hợp với yêu cầu chuyển từng bước sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Cũng có ý kiến đề nghị cả nước chuyển ngay việc mua bán trong hợp đồng theo giá mua và giá bán kinh doanh, tính đúng và tính đủ. Về vấn đề này, có những ý kiến cho rằng: như vậy giá mua bán trong hợp đồng sẽ tăng đột ngột trên 10 lần, gây tác động bất lợi về tâm lý, kích động giá thị trường tăng đột biến, làm cho giá mua thóc ngoài hợp đồng tăng theo).

Giá mua nông sản ngoài hợp đồng được xác định một cách linh hoạt trên nguyên tắc thật sự thoả thuận với nông dân, không ép giá, dựa trên cơ sở chi phí sản xuất xã hội hợp lý theo điều kiện cụ thể của từng vùng, từng mùa vụ, bảo đảm cho nông dân trong điều kiện bình thường, bù đắp được chi phí và lãi thoả đáng. Đồng thời, các tổ chức kinh tế quốc doanh và tập thể cần chủ động kinh doanh nắm được nhiều nông sản hàng hoá để có lực lượng tác động đến quan hệ cung - cầu; kiên quyết ngăn chặn tệ tranh mua, kích giá mua, tuỳ tiện nâng giá bán vật tư và hàng tiêu dùng để ăn chênh lệch giá; giáo dục, vận động nông dân cùng với Nhà nước định giá thoả thuận một cách hợp lý, không bị động chạy theo thị trường tự do; phát hiện và trừng trị bọn đầu cơ, buôn bán trái phép. Bằng những biện pháp đó đấu tranh khắc phục từng bước tính tự phát của giá cả thị trường tự do. Thị trường còn biến động nên giá bán vật tư, giá bán lẻ hàng tiêu dùng và giá mua nông sản cần được xử lý một cách linh hoạt, kịp thời, bảo đảm mua được nông sản vào thời điểm nông dân bán ra nhiều nhất. Trung ương hướng dẫn khung giá mua những nông sản chủ yếu và tỉ giá bán vật tư đối với từng vùng; phân cấp cho tỉnh, thành phố xử lý mức giá và phương thức mua bán cụ thể.

Giá Nhà nước mua lương thực ở miền núi cần có chính sách ưu đãi để khuyến khích sản xuất.

b) Trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện đầy đủ (chứ không phải sau khi đã thực hiện đầy đủ) nghĩa vụ thuế và các hợp đồng bán sản phẩm đã ký với các tổ chức kinh tế của Nhà nước, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và gia đình nông dân được quyền tự do lưu thông, tiêu thụ sản phẩm (trừ những sản phẩm không được tự do lưu thông, do Nhà nước quy định). Thương nghiệp quốc doanh liên kết chặt chẽ với các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã mua bán để mua tận gốc, bán tận ngọn, nắm đại bộ phận nông sản hàng hoá quan trọng.

2. Trong khu vực *xí nghiệp quốc doanh*, chính sách giá cả về lưu thông vật tư, hàng hoá phải nhằm chuyển các xí nghiệp sang thực hiện một bước hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, bảo đảm nguồn thu lớn nhất cho ngân sách nhà nước. Tiếp tục sửa đổi, hoàn chỉnh Nghị quyết 306 (dự thảo) của Bộ Chính trị và các văn bản hướng dẫn để thực hiện rộng rãi.

a) Việc tính đúng, tính đủ giá bán vật tư là một đòi hỏi khách quan của bước chuyển các xí nghiệp công nghiệp cũng như các tổ chức cung ứng vật tư sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Song vấn đề này phải được giải quyết từng bước. Muốn tính đủ giá vật tư mà không gây đột biến về giá tiêu thụ sản phẩm và giá kinh doanh thương nghiệp thì xí nghiệp phải thật sự chuyển sang hạch toán kinh doanh, làm ăn có hiệu quả. Sắp xếp lại sản xuất, đổi mới cơ chế quản lý, xử lý tốt "hộp đen" ở cơ sở không thể thực hiện ngay một lúc. Mặt khác, việc tính đúng, tính đủ giá vật tư phụ thuộc một phần quan trọng vào tỉ giá hàng xuất; tỉ giá này đang chứa đựng nhiều yếu tố tiêu cực, bất hợp lý mà việc xử lý cũng phải có thời gian.

Vì những lẽ đó, trước mắt, việc điều chỉnh giá vật tư tiến hành có phân biệt:

- Một số vật tư, chủ yếu là những nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng (như bông, sợi, cao su, chất dẻo...) tính giá đầu vào đủ hoặc gần đủ;

- Một số vật tư khác tính giá đầu vào ở mức thấp hơn để Nhà nước bù lỗ ít;

- Những vật tư là đầu vào của nhiều loại sản phẩm khác, có tác động dây chuyền rộng thì điều chỉnh ở mức thấp, Nhà nước tạm thời còn phải bù lỗ nhiều hơn.

Tiến hành những biện pháp sau đây để xử lý từng bước hệ thống giá vật tư:

- + Xác định giá tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp sản xuất trên cơ sở giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp hoặc giá bán buôn vật tư trừ chiết khấu thương nghiệp, bảo đảm thu tích luỹ vào ngân sách nhà nước ngay từ khâu sản xuất. Nghiêm cấm thương nghiệp các cấp tuỳ tiện nâng giá bán cao để ăn chênh lệch giá.

- + Làm thí điểm, tiến tới đổi mới chế độ thu quốc doanh, bỏ cách tính lợi nhuận định mức dựa trên giá thành của từng xí nghiệp, chuyển sang chế độ thu có tác dụng thúc đẩy xí nghiệp phấn đấu hạ giá thành, loại bỏ những chi phí bất hợp lý, càng làm ăn có hiệu quả, càng thực hiện tốt kế hoạch nhà nước thì càng có thu nhập cao.

- + Nhà nước công bố các thông số như mức giá vật tư, mức giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp, mức nộp ngân sách,... giao cho giám đốc xí nghiệp và các tập thể công nhân, các cơ sở đảng và tổ chức quần chúng ở xí nghiệp thật sự dân chủ bàn bạc, thảo luận rộng rãi, để xây dựng phương án làm ăn có

hiệu quả. Trên cơ sở đó, kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xử lý giá "đầu vào" và "đầu ra".

b) Vật tư do Nhà nước quản lý được cung ứng cho các xí nghiệp quốc doanh theo chỉ tiêu kế hoạch và định mức, song phải từng bước chuyển từ cách phân phối bằng mệnh lệnh hành chính theo giá thấp sang phương thức kinh doanh, mua bán theo hợp đồng với giá cả được điều chỉnh hợp lý. Áp dụng nguyên tắc giá bán vật tư tính lại nơi giao cho người sử dụng trừ lùi chiết khấu, không cộng thêm nhiều phí và lãi bất hợp lý qua nhiều cấp trung gian.

Xí nghiệp được Nhà nước cung ứng vật tư phải bảo đảm thực hiện kế hoạch sản xuất khối lượng sản phẩm tương ứng (cả về hiện vật và giá trị) và phải bán những sản phẩm ấy theo giá cả và địa chỉ quy định trong kế hoạch. Trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện đúng kế hoạch nhà nước, xí nghiệp được quyền liên doanh, liên kết, mua bán hàng hoá, vật tư trên nguyên tắc thỏa thuận với mọi tổ chức kinh tế khác để tận dụng năng lực sản xuất của mình. Không được ăn chênh lệch giá và phải báo cáo với cấp trên quản lý trực tiếp khi trao đổi những vật tư được Nhà nước cung ứng.

Đối với những sản phẩm sản xuất từ nguồn vật tư liên doanh, liên kết, không thuộc nguồn Nhà nước, xí nghiệp được tiêu thụ theo nguyên tắc thỏa thuận, có quyền lựa chọn đơn vị thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để ký hợp đồng bán. Trường hợp hai bên không thỏa thuận được về giá cả thì xí nghiệp giao cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa bán ký gửi hoặc tự tiêu thụ, không được bán cho thương nghiệp tư nhân.

c) Ngoài vốn vay ngân hàng, nếu có thiếu vốn, xí nghiệp quốc doanh được quyền dùng nhiều hình thức để huy động vốn của công nhân viên chức trong xí nghiệp, của mọi tập thể và cá nhân ở trong nước và kiều bào ở nước ngoài. Các xí nghiệp được Nhà nước cho phép hợp tác với nước ngoài thì được trực tiếp giao dịch với bạn hàng.

3. Đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp

- Ban hành văn bản thể chế hoá và cụ thể hoá chính sách đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI để họ yên tâm bỏ vốn sản xuất, kinh doanh. Trung ương hướng dẫn các tỉnh, thành phố quy định những ngành nghề và phạm vi hoạt động của các thành phần kinh tế này. Quy mô của các cơ sở kinh tế tư bản tư nhân và số nhân công tối đa có thể thuê mướn được quy định tuỳ theo ngành nghề, mặt hàng. Khuyến khích các hình thức hùn vốn, hợp tác, làm ăn tập thể từ thấp đến cao và các hình thức liên kết với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

- Đối với các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp (tập thể, gia đình, cá thể và tư bản tư nhân), Nhà nước bán vật tư, mua sản phẩm theo giá thoả thuận thông qua hợp đồng kinh tế trên nguyên tắc bình đẳng. Người sản xuất có quyền tự định giá và tự do tiêu thụ sản phẩm ngoài hợp đồng sau khi đã nộp đủ thuế. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa tích cực nấm sản phẩm hàng hoá của tiểu, thủ công nghiệp bằng cách mua bán trên cơ sở thoả thuận.

Nghiên cứu phương thức giao vật tư cho các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp nhằm loại trừ các yếu tố tiêu cực.

Thu hẹp hình thức gia công thương nghiệp, chủ yếu chỉ áp dụng đối với những sản phẩm dùng nguyên liệu quý hiếm. Giá gia công cũng phải theo nguyên tắc thoả thuận, bảo đảm người sản xuất bù đắp được chi phí hợp lý, có thu nhập và lãi thoả đáng; xoá bỏ thói ép buộc, cửa quyền. Kiên quyết xoá bỏ tiêu cực trong gia công.

Nhằm phục vụ sản xuất, cho phép các cơ sở sản xuất quốc doanh được liên kết mua bán vật tư (ngoài diện vật tư Nhà nước độc quyền kinh doanh) với các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp, nhưng không được ăn chênh lệch giá.

Từng bước thực hiện việc đặt hàng, bán vật tư và gia công cho khu vực kinh tế tập thể, cá thể và tư nhân trên cơ sở đấu thầu công khai.

Các cơ sở tiêu, thủ công nghiệp và công nghiệp tư nhân sản xuất hàng xuất khẩu được hưởng quyền sử dụng một phần ngoại tệ để nhập vật tư cần thiết cho sản xuất.

- Cải tiến chế độ thuế đối với tiêu, thủ công nghiệp, có chính sách ưu đãi hơn so với thuế thương nghiệp. Miễn thuế hoặc giảm thuế suất đối với sản phẩm xuất khẩu; miễn thuế trong thời hạn nhất định đối với các cơ sở sản xuất mới xây dựng hoặc mở rộng theo những mục tiêu kinh tế cần ưu tiên. Công bố công khai chính sách thuế thống nhất; nghiêm cấm các địa phương tự đặt từ thuế và phụ thu ngoài quy định của Nhà nước. Đồng thời Nhà nước thực hiện nghiêm ngặt việc kiểm tra kê khai doanh số và nộp thuế, xử phạt theo đúng pháp luật những trường hợp khai man, trốn thuế.

- Sửa lại quy định bất hợp lý hiện nay về chế độ lãi suất tín dụng ngân hàng đối với kinh tế tư nhân, cá thể. Xoá bỏ những chính sách xã hội mang tính chất phân biệt đối xử một cách bất hợp lý đối với kinh tế tập thể, cá thể, tư nhân (như quy định về tuyển sinh, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, tiêu chuẩn gửi con vào nhà trẻ, mẫu giáo...); xoá bỏ mọi định kiến hẹp hòi.

4. *Lưu thông vật tư và hàng hoá* phải chuyển sang kinh doanh, nhằm phục vụ tốt sản xuất và đời sống, bảo đảm cho kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm lĩnh và làm chủ được thị trường.

a) Việc *lưu thông vật tư* phải được đổi mới cả về cơ chế, chính sách và tổ chức; từng bước chuyển việc quản lý, cung ứng vật tư từ chế độ cấp phát theo giá thấp sang kinh doanh theo kế hoạch, với giá cả được điều chỉnh từng bước.

Vật tư, hàng hoá do Trung ương cung ứng cho các địa phương và các ngành cũng như nông sản, vật tư, hàng hoá của các địa phương, các ngành giao cho Trung ương theo kế hoạch phải thông qua các hợp đồng kinh tế giữa các tổ chức sản xuất, kinh doanh.

Khẩn trương sắp xếp lại hệ thống kinh doanh vật tư theo hướng tập trung đầu mối, không nhất thiết tổ chức theo cấp

hành chính; cắt bỏ ngay những tổ chức trung gian vô ích. Mở rộng phương thức cung ứng trực tiếp vật tư cho những hộ tiêu thụ lớn. Tiến hành làm thủ và rút kinh nghiệm hình thức đấu thầu ký hợp đồng đặt hàng và bán vật tư, trước hết là đối với một số vật tư sản xuất hàng tiêu dùng.

Tăng cường trách nhiệm vật chất trong khâu bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật tư. Đẩy mạnh cuộc vận động chống tiêu cực trong hệ thống phân phối và cung ứng vật tư. Nghiêm cấm tư nhân kinh doanh những vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý.

b) *Giải toả lưu thông hàng hoá, chuyển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa sang kinh doanh chiếm lĩnh thị trường xã hội*, trước hết về những mặt hàng thiết yếu.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa thật sự chuyển sang kinh doanh, mua tận gốc, bán tận ngọn, thực hiện cơ chế mua theo giá thoả thuận, bán lẻ theo giá kinh doanh thương nghiệp, bảo đảm quay vòng được vốn, có sức đấu tranh với thị trường tự do, ngăn chặn tình trạng hàng của Nhà nước bị đầu cơ, mua vét. Trước mắt không gây đột biến hệ thống giá kinh doanh thương nghiệp đã hình thành, hâm dần nhịp độ tăng giá trên thị trường.

Đối với một số nhu yếu phẩm còn giữ mức bán định lượng cũng chuyển ngay sang giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp, phải bảo đảm có hàng bán theo định lượng và bù giá vào lương. Những mặt hàng thuộc diện chính sách xã hội cũng chuyển dần sang bán lẻ kinh doanh, không lấy lãi và có chế độ trợ cấp trực tiếp cho các đối tượng được hưởng thay cho việc trợ cấp qua giá.

(Có ý kiến cho rằng chủ trương trên đây phải thực hiện từng bước. Đại bộ phận hàng tiêu dùng bán theo giá kinh doanh thương nghiệp, song trước mắt vẫn cần bán một số ít nhu yếu phẩm theo giá cung cấp tương đối ổn định; mức giá cung cấp có thể cao hơn hiện nay nhưng còn thấp hơn giá bán kinh doanh thương nghiệp. Việc chuyển tất cả các mặt hàng này sang giá kinh doanh thương nghiệp phải được từng đợt

phương tính toán chặt chẽ để có bước đi phù hợp với khả năng cân đối tiền hàng và ngân sách, tránh vội vàng, gây diễn biến xấu về giá cả, đời sống.

Cũng có ý kiến khác nữa cho rằng đối với một số nhu yếu phẩm còn bán theo định lượng tạm thời cần giữ mức giá bán hiện nay, loại hàng nào giá quá bất hợp lý mới nên điều chỉnh. Thực hiện *phân cấp định giá* một cách hợp lý. Nhà nước trung ương quyết định mức giá hoặc khung giá vật tư chiến lược và hàng tiêu dùng thiết yếu do Trung ương nhập khẩu hoặc sản xuất; định mức giá, hoặc tỉ giá trong quan hệ trao đổi theo kế hoạch trực tiếp giữa Trung ương với các địa phương, ngành và cơ sở; định khung giá mua đối với từng vùng về một số nông sản quan trọng nhất; chỉ đạo chặt chẽ việc điều chỉnh giá trong từng thời gian cho phù hợp với tình hình thực tế. Trên cơ sở đó, mở rộng quyền định giá cho các địa phương và các tổ chức sản xuất, kinh doanh. Đề cao kỷ luật giá. Xử lý nghiêm những trường hợp tuỳ tiện nâng giá, tranh mua, tranh bán gây rối loạn giá cả và thị trường.

- Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải tổ chức lại việc lưu thông hàng hoá, làm cho hàng hoá vận động nhanh chóng từ sản xuất đến tiêu dùng, loại bỏ những tầng nấc trung gian vô ích, giảm mạnh phí lưu thông bất hợp lý. Các tổng công ty trung ương phấn đấu đưa thẳng hàng hoá từ trung tâm bán buôn đến các xí nghiệp thương nghiệp bán lẻ. Mở rộng kinh doanh của hợp tác xã mua bán, hình thành mạng lưới thương nghiệp bao gồm cả quốc doanh, tập thể và đại lý để mua tận nơi sản xuất, bán tận tay người tiêu dùng. Phấn đấu nắm đại bộ phận bán buôn và phần lớn bán lẻ, chi phối được giá cả, làm chủ thị trường. Thương nghiệp quốc doanh phải thật sự đại diện cho người tiêu dùng để ký hợp đồng đặt hàng với các đơn vị sản xuất thuộc tất cả các thành phần kinh tế; sắp xếp, cải tạo và sử dụng tiểu thương trong những ngành hàng cần thiết.

Phải làm tốt cuộc vận động nâng cao đạo đức, phẩm

chất cán bộ, nhân viên trong ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, kiên quyết loại ra khỏi bộ máy thương nghiệp những kẻ tham ô, móc ngoặc, đánh tráo hàng... Nghiêm cấm và có biện pháp xử lý thích đáng các cơ quan, đơn vị móc rút hàng hoá của Nhà nước để bán ra thị trường ăn chênh lệch giá và những cơ quan, đơn vị không có chức năng kinh doanh thương nghiệp mà cũng tham gia buôn bán. Phát động quần chúng phát hiện kịp thời và trừng trị đích đáng bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn ăn cắp trong bộ máy nhà nước. Quy định rõ những ngành hàng cho phép những người buôn bán vừa hoạt động. Đối với số tiểu thương không cần thiết trong lĩnh vực lưu thông, Nhà nước giúp đỡ họ chuyển sang sản xuất, dịch vụ.

Để tăng sức mạnh cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường của thương nghiệp quốc doanh đồng thời tăng thu cho ngân sách, cần dành một phần vật tư, vật liệu xây dựng bán giá cao để thu tiền về; vay ngoại tệ nhập khẩu nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu dùng và nhập khẩu một số hàng tiêu dùng cần thiết để bán.

- Bãi bỏ tất cả các trạm kiểm soát hàng hoá trên các đường giao thông trong cả nước, xoá bỏ ngay tất cả các hình thức cấm đoán lưu thông, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính.

c) Việc mở rộng lưu thông vật tư, hàng hoá đòi hỏi phải đổi mới một bước cơ chế *quản lý giao thông vận tải*. Trên cơ sở bảo đảm thực hiện vận tải theo kế hoạch, mọi đơn vị và cá nhân có phương tiện vận tải được quyền ký hợp đồng vận chuyển với mọi chủ hàng được phép lưu thông. Có chính sách giá đi đôi với biện pháp hành chính để hạn chế vận tải bằng ô tô đối với những loại hàng có thể sử dụng những phương tiện vận chuyển khác rẻ hơn; hạn chế vận tải một chiều. Khuyến khích kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, cá thể, tư

nhân mua, đóng phương tiện và kinh doanh vận tải trên cơ sở đăng ký kinh doanh và tuân theo luật lệ của Nhà nước. Điều chỉnh dần từng bước giá cước vận tải hàng hoá và hành khách, giá cước bưu điện để khắc phục dần tình trạng lỗ hiện nay, và đi tới kinh doanh có lãi.

5. Về chính sách *xuất nhập khẩu* và tỉ giá hối đoái

- Cho phép các cơ sở sản xuất có quy mô xuất khẩu tương đối lớn (có khối lượng sản phẩm đủ để giao dịch, ký hợp đồng) được trực tiếp giao dịch với khách hàng nước ngoài, tham gia hội chợ quốc tế.

- Sửa đổi chế độ điều tiết ngoại tệ và phương thức phân phối vật tư, hàng hoá nhập khẩu để bảo đảm cho những người làm hàng xuất khẩu sang khu vực I có lợi bằng hoặc hơn xuất sang khu vực II. Trên cơ sở đó, ngay từ năm 1987, phấn đấu thực hiện đầy đủ kế hoạch xuất khẩu sang Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

- Công bố danh mục một số mặt hàng xuất, nhập khẩu mà Trung ương độc quyền kinh doanh.

- Các địa phương, các ngành và cơ sở sản xuất chưa được phép hoặc chưa có điều kiện xuất, nhập khẩu trực tiếp có quyền lựa chọn bất kỳ tổ chức xuất, nhập khẩu nào của Nhà nước để ký *hợp đồng ủy thác việc xuất nhập khẩu*.

Việc tập trung đầu mối xuất nhập khẩu đối với một số mặt hàng cần thiết được thực hiện theo phương thức kinh doanh, nghĩa là phải tiến hành sao cho các địa phương và cơ sở có hàng xuất khẩu thấy xuất khẩu qua tổ chức đầu mối có lợi hơn là tự mình xuất khẩu. Trên cơ sở đó, sắp xếp hợp lý các tổ chức xuất, nhập khẩu, giảm các tổ chức kinh doanh kém hiệu quả, loại bỏ các khâu trung gian.

- Nhà nước định tỉ giá giới hạn xuất khẩu (mức chi phí cao nhất để thu được một đơn vị ngoại tệ), mức giá bán tối thiểu (bằng ngoại tệ) đối với từng mặt hàng xuất khẩu, mức giá mua tối đa (bằng ngoại tệ) đối với từng mặt hàng nhập khẩu ở từng khu vực thị trường trong từng thời gian.

Cơ quan ngoại thương kiểm soát chặt chẽ việc chấp hành mức giá này khi cấp giấy phép xuất, nhập khẩu. Nhà nước thu thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng có hiệu suất thu ngoại tệ cao và có chính sách trợ giá đối với một số mặt hàng khác. Bằng chính sách giá và thuế đi đôi với các biện pháp tổ chức và hành chính, kiên quyết ngăn chặn tình trạng tranh mua, kích giá mua hàng xuất khẩu.

Phải quản lý giá bán hàng nhập, không để từng tổ chức kinh doanh xuất, nhập khẩu tự định giá bán hàng nhập, đẩy giá lên cao, gây rối loạn thị trường trong nước. Nghiên cứu chính sách thu bù ngoại thương hợp lý.

Ban hành chính sách thuế đối với hàng nhập khẩu theo hướng khuyến khích nhập khẩu nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị, hạn chế việc nhập hàng tiêu dùng xa xỉ.

Tỉ giá kết toán nội bộ hàng nhập khẩu phải phân biệt theo nhóm hàng, và theo hướng dân dân tính đủ chi phí đối với vật tư, thiết bị.

Tỉ giá kiều hối cần được xử lý linh hoạt bằng cách cho phép ngân hàng ngoại thương áp dụng hình thức thường bổ sung cho tỉ giá hối đoái do Hội đồng Bộ trưởng quy định. Tỉ giá hối đoái cộng với mức thưởng được xác định theo nguyên tắc: so với gửi hàng về có chịu thuế thì gửi tiền về có lợi bằng hoặc cao hơn, và được áp dụng thống nhất đối với đơn vị tiếp nhận kiều hối. Nhà nước khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài gửi về nước vật tư, phụ tùng, thiết bị, ưu tiên bán cho Nhà nước và kinh tế tập thể theo giá thoả thuận, hoặc sử dụng cho sản xuất và tiêu dùng của gia đình. Bãi bỏ những hạn chế về định lượng đối với hàng của nhân dân từ nước ngoài gửi về (trừ mặt hàng cấm nhập).

Phát triển mạnh kinh doanh du lịch, các dịch vụ thu ngoại tệ, gia công xuất khẩu và việc đưa chuyên gia và lao động đi làm việc ở các nước ngoài.

Hoạt động của ngân hàng phải chuyển mạnh sang kinh doanh, phục vụ đắc lực sản xuất và lưu thông hàng hoá.

II- CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT TIỀN LƯƠNG VÀ ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI ĂN LƯƠNG

Yêu cầu bức thiết phải đáp ứng cho được là giảm bớt khó khăn, dần dần ổn định đời sống của người ăn lương, nhưng cách giải quyết phải vững chắc, từng bước đi lên, phù hợp với kết quả sản xuất và năng suất lao động, với khả năng cân đối ngân sách, cân đối tiền - hàng.

Hướng giải quyết yêu cầu trên không chỉ trông vào việc tăng lương danh nghĩa mà phải có những biện pháp toàn diện như tăng thêm vật tư cho sản xuất để bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động, giảm nhịp độ tăng giá trên thị trường xã hội, bảo đảm nguồn hàng để bán đủ theo định lượng những mặt hàng thiết yếu... Nhà nước có chính sách cụ thể và dành một phần vốn và vật tư giúp công nhân viên chức (tại chức và đã về hưu) phát triển kinh tế gia đình cả trong sản xuất, gia công và dịch vụ; cho phép công nhân viên chức được lao động cá thể ngoài giờ chính quyền như dạy học, khám và chữa bệnh, làm dịch vụ kỹ thuật, biểu diễn nghệ thuật...; (cũng có ý kiến cho rằng cần nghiên cứu kỹ chủ trương này, chưa nên quyết định ngay).

Chế độ tiền lương mới ban hành tháng 9-1985, qua hơn một năm thực hiện đã bộc lộ nhiều bất hợp lý. Song tình hình hiện nay chưa cho phép sửa đổi một cách căn bản các thang, bậc lương mà chỉ có thể điều chỉnh bộ phận, chủ yếu là đối với công nhân kỹ thuật và cán bộ khoa học, kỹ thuật; đồng thời dùng hình thức lương sản phẩm và tiền thưởng để khắc phục một phần tính chất bình quân và những bất hợp lý trong chế độ lương hiện hành. Yêu cầu cấp bách nhất trước mắt là phải có chính sách và biện pháp thiết thực, vững chắc để khôi phục từng bước tiền lương thực tế. Cách giải quyết đối với từng khu vực, từng loại đối tượng như sau:

1. Đối với lực lượng vũ trang

Bảo đảm cung cấp đủ lương thực, thực phẩm, quân trang, quân dụng theo định lượng đã quy định; ưu tiên cho các lực

lượng vũ trang ở tuyến đầu và ở những nơi khó khăn. Chấn chỉnh công tác hậu cần, bảo đảm phân phối công bằng, thực hiện có nền nếp chế độ hạch toán và báo cáo công khai với cán bộ và chiến sĩ.

2. Đối với công nhân, viên chức ở khu vực sản xuất, kinh doanh

Tiền lương được tính ngang mức đã quy định tháng 9-1985, với hệ số trượt giá tính theo giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp và được hạch toán đầy đủ vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông. Chấm dứt việc dùng sản phẩm của xí nghiệp để trả lương, thưởng, phân phối nội bộ. Các xí nghiệp phải tìm mọi biện pháp tự trang trải quỹ tiền lương mà không làm giảm các khoản phải nộp ngân sách nhà nước. (Có ý kiến cho rằng: trước mắt còn cần bán một số nhu yếu phẩm theo giá cung cấp, hệ số trượt giá để tính bù vào lương phải căn cứ vào mức giá bán cung cấp và theo đó hạch toán tiền lương vào giá thành).

Thực hiện rộng rãi chế độ lương khoán, lương sản phẩm đi đôi với rà soát lại định mức và thực hiện chế độ nghiệm thu chất lượng sản phẩm; không hạn chế tiền lương của người lao động hưởng theo chế độ trả lương này.

Đối với tiền thưởng cuối năm, tạm thời quy định giới hạn tối đa để hạn chế mức chênh lệch quá đáng về thu nhập giữa các xí nghiệp (khi có thuế thu nhập hoặc thuế điều tiết quỹ khen thưởng thì bỏ việc quy định giới hạn tiền thưởng). Đặc biệt khuyến khích việc thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật, sáng chế; có thể công bố trước giải thưởng cho việc giải quyết những yêu cầu cải tiến kỹ thuật của xí nghiệp. Tiền thưởng này tính theo tỉ lệ so với số tiền tiết kiệm hoặc lợi nhuận của xí nghiệp do các sáng kiến, sáng chế đó mang lại, không quy định giới hạn tối đa theo số tuyệt đối.

3. Đối với công nhân, viên chức ở khu vực hành chính, sự nghiệp

Việc khôi phục tiền lương thực tế ngang mức đã quy định tháng 9-1985 phải tiến hành từng bước phù hợp với khả

năng của ngân sách. Có cách giải quyết tích cực đối với từng loại đối tượng:

- Đối với cán bộ khoa học kỹ thuật: khuyến khích, giúp đỡ các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật liên kết với các đơn vị sản xuất hoặc tự tổ chức sản xuất; tạo điều kiện để các cán bộ khoa học kỹ thuật gắn bó với sản xuất bằng nhiều hình thức; qua đó, tăng thêm thu nhập theo hiệu quả cống hiến đối với sản xuất. Chuyển các cơ sở nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật sang chế độ hạch toán tự bù đắp chi phí một phần hoặc toàn bộ. Đây không chỉ là biện pháp giải quyết đời sống mà còn nhằm giải phóng tiềm năng chất xám của nước ta.
- Đối với ngành giáo dục, y tế: nghiên cứu ngay để đề nghị Quốc hội cho phép thực hiện chế độ thu học phí, viện phí và tiền khám bệnh, đồng thời xoá bỏ những khoản đóng góp của nhân dân theo quy định của từng nơi và những khoản đóng góp "ngầm". Việc tăng thêm thu nhập cho thầy giáo, thầy thuốc phải đi đôi với nâng cao chất lượng giảng dạy, điều trị.
- Đối với các cơ quan quản lý hành chính: tích cực sắp xếp lại tổ chức bộ máy để giảm biên chế trên cơ sở phân rõ chức năng quản lý hành chính kinh tế và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh. Trên cơ sở định lại biên chế hợp lý, thực hiện việc khoán quỹ lương. Giúp đỡ những người dôi ra trong khu vực hành chính và trong bộ máy quản lý của các tổ chức sản xuất kinh doanh chuyển sang trực tiếp sản xuất, kể cả chuyển ra ngoài khu vực quốc doanh, đi đôi với chính sách tạo điều kiện thuận lợi về tiền vốn, vật tư để họ làm các nghề sản xuất, dịch vụ.
- Phụ cấp cho người về hưu và những người hưởng bảo trợ xã hội được tăng tương ứng với mức giải quyết về tiền lương cho công nhân, viên chức ở khu vực hành chính, sự nghiệp. Trong tình hình giá cả còn biến động, mức trợ cấp bằng tiền cần được điều chỉnh kịp thời hoặc được bảo đảm bằng cung cấp hiện vật. Tìm mọi biện pháp giúp đỡ những người đang

gặp nhiều khó khăn gay gắt trong đời sống; đặc biệt quan tâm đến đời sống của thương binh nặng và gia đình liệt sĩ neo đơn có nhiều khó khăn. Phân cấp cho các địa phương trong việc thực hiện chính sách đối với những người về hưu và những người hưởng chế độ bảo trợ xã hội.

4. Về việc thực hiện bù giá vào lương

Trước mắt, mở rộng việc thực hiện bù giá vào lương đi liền với việc thương nghiệp quốc doanh bán lẻ theo giá kinh doanh và đưa tiền lương đã được bù giá của khu vực sản xuất kinh doanh vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông.

Cách bù giá vào lương phải căn cứ vào chỉ số giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp tính theo cơ cấu hiện vật đã xác định đối với tiền lương tối thiểu trong chế độ lương tháng 9-1985. Mức bù giá vào lương được áp dụng thống nhất đối với mọi thang, bậc lương mức đó bằng bao nhiêu phần trăm so với chỉ số giá đã tính sẽ do các tỉnh, thành phố tùy điều kiện cụ thể về cân đối tiền - hàng, cân đối ngân sách, mà quyết định và thống nhất với Bộ Tài chính để giải quyết chung cho công nhân, viên chức thuộc ngân sách trung ương sống trên đất địa phương. Hội đồng Bộ trưởng cân chỉ đạo, hướng dẫn chặt chẽ để tránh những biến động xấu và tránh mức bù giá quá chênh lệch giữa các địa phương.

(Có ý kiến cho rằng, trước mắt tạm thời còn cần giữ giá cung cấp đối với một vài mặt hàng thiết yếu ở những nơi cung cầu quá căng thẳng, thương nghiệp quốc doanh chưa đủ lực lượng để đấu tranh hạn chế nhịp độ tăng giá trên thị trường. Nếu thương nghiệp không bán đủ định lượng thì phải bù bằng tiền theo thời giá cho người ăn lương. Còn có ý kiến khác nữa cho rằng việc bù giá vào lương phải tính toán thận trọng, vì bán hàng theo giá kinh doanh thì không có đủ hàng bán, bù lương theo giá kinh doanh thì không đủ ngân sách và tiền mặt; nếu phát hành tiền để trả lương thì

chỉ sau một thời gian ngắn giá thị trường lại lên và điều tiết thu nhập của công nhân, viên chức, ngân sách bộ chi lớn. Vấn đề chính là giữ giá, tăng thêm nguồn hàng bán cho công nhân viên chức, tạo thêm việc làm cho anh chị em tăng thêm thu nhập).

III- CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP HẠN CHẾ BỘI CHI NGÂN SÁCH VÀ GIẢM NHỊP ĐỘ LẠM PHÁT

Bộ chi ngân sách nhà nước là nguyên nhân trực tiếp và chủ yếu gây ra lạm phát, phản ánh một cách tổng hợp những mất cân đối gay gắt trong nền kinh tế quốc dân, những hậu quả của cơ chế quản lý tập trung quan liêu, bao cấp.

Yêu cầu đặt ra cho năm 1987 là phấn đấu giảm tỉ lệ bộ chi ngân sách so với năm 1986, giảm việc phát hành tiền để chi cho ngân sách.

Những chính sách giải phóng năng lực sản xuất, giải tỏa thị trường, các biện pháp xử lý giá - lương đều phải gắn với yêu cầu đó. Trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ, cần phải có những chính sách và biện pháp kiên quyết, thậm chí phải chấp nhận những biện pháp không bình thường.

1. Những chính sách và biện pháp chủ yếu để tăng thu ngân sách nhà nước

Chính sách tài chính phải tác động tích cực đến việc tạo ra nguồn thu theo hướng kích thích các thành phần kinh tế ra sức phát triển sản xuất, thúc đẩy kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là kinh tế quốc doanh chuyển sang hạch toán kinh doanh làm ăn có hiệu quả.

Đổi mới cơ chế định giá bán buôn công nghiệp để thu tích luỹ chủ yếu từ khâu sản xuất, tập trung vào ngân sách mọi

nguồn chênh lệch giá đang thực hiện ở khâu lưu thông. Đổi mới chế độ thu quốc doanh đi đôi với chấn chỉnh công tác kế toán, tài chính xí nghiệp, thực hiện cơ chế xí nghiệp tự trang trải các chi phí, giảm bao cấp của ngân sách qua bù giá, bù lỗ cho khu vực kinh tế quốc doanh, tăng tích luỹ ở khu vực này, bảo đảm nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

Thu đúng và thu đủ các loại thuế hiện hành, đồng thời nghiên cứu ban hành bổ sung một số loại thuế, trước hết là thuế đánh vào các loại tiêu dùng xa xỉ. Chấn chỉnh bộ máy và cán bộ ngành thuế; phát huy vai trò tích cực của các cấp ủy đảng và chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo công tác thuế.

Mở rộng việc thu các loại lệ phí, thu xổ số, phát triển các hình thức kinh doanh bảo hiểm.

Áp dụng nhiều hình thức công trái linh hoạt, có sức hấp dẫn để vay dân và các tổ chức tập thể ở trong nước và ngoài nước: vay tiền mặt, ngoại tệ, kim loại quý, vay hiện vật (thóc và nông sản xuất khẩu); phát hành công trái không ghi tên, được tự do chuyển nhượng, lãi suất thoả đáng và có quay số dự thưởng, bảo đảm giá trị bằng vàng theo giá kinh doanh của Nhà nước, có nhiều thời hạn khác nhau (ngắn hạn và dài hạn). Huy động vốn với lãi suất cao trong một thời gian ngắn.

2. Triết để tiết kiệm chi tiêu ngân sách

- Giám sát thực hiện nghiêm túc việc cắt giảm đầu tư xây dựng cơ bản của cả Trung ương và địa phương; kiên quyết khống chế mức vốn đầu tư xây dựng cơ bản trong phạm vi kế hoạch đã duyệt; nghiêm cấm xây dựng cơ bản

ngoài kế hoạch dù cho địa phương, ngành tự cân đối được vốn, vật tư.

- Soát xét chặt chẽ việc bù lỗ, bù giá trong sản xuất, vận tải, nội thương, ngoại thương... Kiểm tra các quyết định về chi tiêu, bù lỗ đã ban hành, các khoản nào rõ là bất hợp pháp thì phải bỏ ngay.

- Giảm biên chế và chi tiêu hành chính; hết sức hạn chế việc thuê nhân công hợp đồng trong khi chưa sử dụng hết người trong biên chế.

Trong hai năm 1987-1988, hạn chế gắt gao việc mua sắm mới một số loại hàng tiêu dùng của các cơ quan, xí nghiệp để tăng quỹ hàng hoá bán cho nhân dân. Cắt giảm các kinh phí hội nghị, lễ tân. Cấm dùng tiền của công để chè chén biếu xén. Sửa đổi, bổ sung hợp lý các định mức chi tiêu hành chính, sự nghiệp và giao khoán các khoản chi này cho các ngành, các cấp.

- Soát xét và có biện pháp giải quyết hợp lý kinh phí quốc phòng và an ninh.

- Giảm gánh nặng về những khoản chi phúc lợi quá khứ nắng của ngân sách. Chống việc chuyển đơn thuần từ bao cấp của ngân sách nhà nước sang hình thức bao cấp của tín dụng ngân hàng dưới các dạng tạm ứng cấp phát xây dựng cơ bản, cho vay bù lỗ, bù giá.

- Bộ Tài chính phối hợp với các ngành nghiên cứu danh mục các biện pháp cụ thể tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, trình Hội đồng Nhà nước ban hành thành pháp lệnh và triển khai thực hiện ngay.

- Điều chỉnh tỉ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, quy định chặt chẽ các nguyên tắc chi tiêu ngân sách, thực hiện cơ chế điều hoà trong hệ thống

ngân sách nhà nước một cách hợp lý để thực hiện cân đối ngân sách trong cả nước. Chỉ sau khi không tự điều hoà được trong hệ thống ngân sách nhà nước, Bộ Chính trị mới xem xét và quyết định việc Ngân hàng Nhà nước cho vay để bù đắp thiếu hụt của ngân sách nhà nước.

3. Bảo đảm nhu cầu tiền tệ lưu thông đi đôi với hạn chế tốc độ lạm phát

Hiện nay, vừa có tình trạng lạm phát, vừa có tình trạng Ngân hàng Nhà nước không đủ tiền mặt đáp ứng kịp thời yêu cầu cần thiết cho các hoạt động kinh tế - xã hội.

Vì vậy, đi đôi với những biện pháp tổng hợp chống lạm phát, Ngân hàng Nhà nước cần chủ động chuẩn bị khối lượng và cơ cấu tiền mặt cần thiết để bảo đảm yêu cầu xử lý những vấn đề cấp bách. Phương án chủ động phát hành phải đi liền với mức phấn đấu cụ thể tăng nhanh vòng quay hàng hoá của hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và vòng quay của đồng tiền qua hệ thống ngân hàng.

- *Phát triển các ngân hàng chuyên doanh*, hình thành hai hệ thống ngân hàng trên cơ sở phân biệt rõ hai chức năng quản lý nhà nước và hoạt động kinh doanh. Ngân hàng Nhà nước làm nhiệm vụ phát hành, quản lý nhà nước về các lĩnh vực tiền tệ, tín dụng đối với các ngân hàng chuyên nghiệp. Các ngân hàng chuyên nghiệp và tổ chức hạch toán kinh tế, *kinh doanh về tín dụng và các dịch vụ ngân hàng* (như dịch vụ thanh toán ở trong nước và quốc tế, mua bán ngoại hối, kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, kim loại quý...) trực tiếp giao dịch với các đơn vị kinh tế và nhân dân theo quan hệ bình đẳng; được hoạt động theo phương thức góp cổ phần, bán cổ phiếu và tham gia hùn vốn vào các tổ chức sản xuất, kinh doanh khác. Ngoài những ngân hàng chuyên nghiệp đã thành lập (Ngân hàng Ngoại thương, Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng, quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa), cần hình thành thêm các ngân hàng kinh doanh khác như Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Công thương nghiệp.

- Cải tiến và mở rộng các hình thức thu tiền mặt vào hệ thống ngân hàng, đáp ứng yêu cầu tiền mặt cho các tổ chức kinh tế và dân cư một cách kịp thời, thuận tiện. Trên cơ sở đó, áp dụng những biện pháp kinh tế và hành chính để thúc đẩy các tổ chức kinh tế giao nhau tiền mặt vào quỹ ngân hàng và tôn trọng kỷ luật tiền mặt.

Mở rộng việc thanh toán không dùng tiền mặt trong cả nước và trong từng địa phương (séc định mức, séc không định mức, séc được chuyển nhượng...), bảo đảm chi trả nhanh chóng, thuận tiện. Phấn đấu nâng tỉ trọng thanh toán không dùng tiền mặt trong chu chuyển tiền tệ hiện nay. Làm thủ việc sử dụng tín phiếu, như tín phiếu mua gạo, dầu hoả trong việc trả lương, tín phiếu vật tư nông nghiệp trong việc mua nông sản..., bảo đảm thuận tiện cho người mua hàng bằng tín phiếu, ưu tiên bán vật tư cho người trả bằng tín phiếu.

- Tăng nguồn vốn tín dụng và giảm lạm phát tín dụng: Thực hiện mạnh mẽ chính sách huy động vốn trong dân, trong các tổ chức kinh tế bằng nhiều hình thức, nhiều kênh bảo đảm lợi ích của người gửi.

Sửa đổi lãi suất cho vay của ngân hàng tương ứng với lãi suất tiền gửi, tăng cường tác động đòn bẩy của lãi suất tín dụng, góp phần ngăn chặn tiêu cực trong quản lý kinh doanh và sử dụng đúng đắn, tiết kiệm vốn tín dụng.

Việc sử dụng nguồn vốn tín dụng cần tập trung phục vụ ba chương trình kinh tế lớn. Gắn vận động của tín dụng với vận động của vật tư, hàng hoá, tăng nhanh vòng quay tín dụng và vòng quay đồng tiền qua quỹ ngân hàng.

- Tranh thủ tín dụng quốc tế và vốn từ nước ngoài. Sử dụng quyền được vay trong Hội đồng tương trợ kinh tế theo những điều kiện ưu đãi và các hình thức vay ưu đãi khác đối với các tổ chức tín dụng quốc tế mà Việt Nam là hội viên. Việc sử dụng các nguồn ngoại tệ vay được phải bảo đảm hiệu quả kinh tế và tái tạo được ngoại tệ để trả nợ và sử dụng cho các vòng tiếp theo.

*
* * *

Tổng quát lại, trong *bước đi trước mắt*, chúng ta tiến hành đồng thời mấy việc lớn sau đây:

- Thể chế hoá và công bố một số chính sách mới nhằm giải phóng năng lực sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá, phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế.
- Đổi mới một bước cơ chế, tổ chức và các chính sách về phân phối, lưu thông theo hướng thu hẹp dần quan hệ trao đổi hiện vật; tiền tệ hoá một bước các quan hệ kinh tế, trước hết là quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với nông dân; công khai hoá các hoạt động "kinh tế ngầm" đang ẩn náu dưới quan hệ trao đổi hiện vật nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm soát, khắc phục tác động tiêu cực của chúng. Trên cơ sở đó, chuyển một bước các hoạt động kinh tế của khu vực quốc doanh, trước hết là trong lĩnh vực thương nghiệp và ngân hàng sang kinh doanh.

Thực hiện những biện pháp trên đây là nhằm kích thích phát triển sản xuất, lưu thông, giảm bớt khó khăn về đời sống, tránh gây đột biến tới hệ thống giá đã hình thành trên thị trường xã hội. Trung ương hướng dẫn thống nhất về nguyên tắc chung, đồng thời giao quyền cho các địa phương, ngành và cơ sở, căn cứ vào tình hình và khả năng thực tế mà quyết định hình thức và mức độ áp dụng cụ thể thích hợp; không ép các địa phương và cơ sở thi hành nhất loạt những việc chưa có điều kiện làm thống nhất trong cả nước.

Song song với những việc trên đây, phải khẩn cấp tìm thêm nguồn vay để nhập bổ sung lương thực, vật tư và một số

hàng tiêu dùng cần thiết, góp phần bảo đảm thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1987. Tổ chức tổng kiểm tra các nguồn vật tư tồn đọng của các đơn vị kinh tế và quốc phòng để huy động vào sản xuất.

- Kết hợp việc giải quyết các vấn đề phân phối, lưu thông với việc triển khai cuộc vận động lớn làm trong sạch đảng, bộ máy nhà nước và làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Dự kiến sẽ thực hiện *bước đi trên đây trong năm 1987* vừa làm, vừa theo dõi tình hình, xử lý những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện, sơ kết, tổng kết, đồng thời chuẩn bị tiền đề cho *bước đi tiếp theo* mà nội dung được sơ bộ xác định như sau:

- Thể chế hoá một số chính sách thành pháp luật.
 - Thực hiện đầy đủ và rộng rãi hơn quan hệ hàng hoá - tiền tệ trong việc trao đổi giữa Nhà nước với nông dân và các thành phần kinh tế khác.
 - Thực hiện đầy đủ hơn nguyên tắc hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa trong thương nghiệp quân đội và ngân hàng.
 - Bù giá vào lương đầy đủ và thống nhất trong cả nước.
- Nghiên cứu để chuẩn bị cải cách cơ bản chế độ tiền lương.
- Thay đổi hợp lý hệ thống giá vật tư công nghiệp, tiếp tục chuyển hoạt động cung ứng vật tư sang phương thức kinh doanh; định rõ thời hạn phấn đấu hạch toán đủ "đầu vào" mà vẫn bảo đảm kinh doanh có lãi đối với các nhóm xí nghiệp khác nhau. Qua đó, phân loại, sắp xếp lại các xí nghiệp quốc doanh. Tổ chức hạch toán đủ chi phí đầu vào ở một số xí nghiệp hoặc ngành.
 - Mở rộng thực hiện cơ chế mới về thu quốc doanh. Xác định lại mức thuế nông nghiệp. Tiếp tục ban hành các loại thuế

mới, sử dụng ngày càng rộng rãi công cụ thuế trong quản lý kinh tế.

Các việc trên đây trong lĩnh vực phân phối, lưu thông phải gắn chặt và tiến hành đồng bộ với việc triển khai sâu rộng các biện pháp khác về đổi mới cơ chế quản lý.

Phân III

TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương lần này đòi hỏi phải chuyển biến căn bản phong cách chỉ đạo và kỷ luật chấp hành của toàn Đảng và bộ máy nhà nước các cấp.

1. Phải thực hiện đúng đắn *nguyên tắc tập trung dân chủ*. Hội nghị Trung ương cần thảo luận thật sự dân chủ, bàn thắng vào thực chất, nội dung mấu chốt của đề án, tranh luận những vấn đề còn ý kiến khác nhau. Trong quá trình chuẩn bị ban hành chính sách cụ thể, trong phạm vi không để lộ bí mật của Nhà nước, cần tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các ngành, các cấp, các chuyên gia, các nhà khoa học và của quần chúng ở một số đơn vị cơ sở. Khi đã có nghị quyết của Trung ương thì toàn Đảng và bộ máy nhà nước *phải nghiêm chỉnh chấp hành, thống nhất hành động từ trên xuống dưới*. Mọi việc thể chế hoá, phổ biến, chỉ đạo, thi hành đều phải theo đúng nghị quyết. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, gop phần vào việc cụ thể hoá và thực hiện thắng lợi nghị quyết của Đảng. Những người cố tình làm trái nghị quyết phải bị xử lý; người có sai

phạm lớn trong việc thực hiện nghị quyết hoặc không đủ năng lực thực hiện, phải được kịp thời thay thế.

Trong quá trình thực hiện, cấp dưới thấy điều gì cần làm khác với quy định chung, phải báo cáo xin ý kiến cấp trên. Cấp trên có trách nhiệm trả lời cấp dưới trong thời hạn quy định; khi cấp trên đã có chỉ thị thì phải tuyệt đối chấp hành, nhưng nếu quá thời hạn đó mà cấp trên không trả lời thì cấp dưới được phép thi hành theo ý kiến của mình.

2. Sau khi có nghị quyết Trung ương, cần tổ chức *phổ biến sâu rộng theo nguyên tắc làm đến đâu, nói đến đấy*. Nói rõ với dân những khó khăn của đất nước, chủ trương giải quyết của Đảng và Nhà nước, trách nhiệm của mỗi người, của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện. Tổ chức, hướng dẫn nhân dân kiểm tra các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện nghị quyết và chính sách của Đảng; khuyến khích nhân dân kiến nghị với Đảng và Nhà nước những biện pháp xây dựng, phát hiện các việc làm sai, tố giác những hành động chống đối, phá hoại. Bộ máy thông tin đại chúng phải phát huy vai trò tích cực trong những việc này.

3. Để góp phần khôi phục kỷ cương của Đảng và Nhà nước, đem lại niềm tin cho quần chúng, các cơ quan quản lý luật pháp của Nhà nước và hệ thống kiểm tra của Đảng cần nhanh chóng *kết luận, xử lý nghiêm minh những vụ vi phạm nghiêm trọng pháp luật*, công bố công khai trên đài, báo những vụ điển hình; tiếp tục đưa công tác này vào nền nếp, ngày càng đi vào chiều sâu, thực hiện nhất quán tinh thần của Đại hội VI: mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, mọi đảng viên đều bình đẳng trước kỷ luật của Đảng, không sản xuất đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa".

Trong quá trình giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông sẽ xuất hiện những mâu thuẫn mới đòi hỏi chúng ta phải tỉnh táo phát hiện, nghiên cứu để kịp thời giải quyết. Bên cạnh những mặt tích cực là chủ yếu, khó tránh

loại trừ ai, dù là những cán bộ có chức, có quyền. Nghiêm cấm mọi hành vi bao che những hoạt động phạm pháp và người phạm pháp.

4. *Công tác cán bộ* có ý nghĩa hàng đầu để bảo đảm thực hiện nghị quyết của Trung ương. Cần kiểm tra, đánh giá lại đội ngũ cán bộ, phát hiện, bồi dưỡng những cán bộ đủ năng lực và phẩm chất thực hiện những chủ trương đổi mới theo tinh thần Đại hội VI và Nghị quyết Trung ương lần này, kịp thời điều chỉnh, bố trí lại đội ngũ cán bộ, bảo đảm thống nhất hành động trong toàn Đảng.

5. *Ở Trung ương và địa phương, cần lập bộ phận chỉ đạo thường trực đặc biệt gồm một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và chính quyền và một số cán bộ có năng lực* của các ban, ngành có liên quan để bảo đảm chỉ đạo thực hiện nghị quyết một cách đồng bộ, có trình tự chặt chẽ; xử lý nhanh, nhạy và có hiệu lực những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện, sơ kết, tổng kết, kịp thời biểu dương những việc làm tốt, uốn nắn các lề lục thiếu sót.

Các ngành, các cấp cần đặc biệt coi trọng việc làm thủ, nghiên cứu tổng kết, rút kinh nghiệm điển hình, xem đó là một *phương pháp công tác cơ bản* để có cơ sở từng bước thực hiện các chủ trương về đổi mới cơ chế, chính sách một cách vững chắc.

Những chính sách và biện pháp nêu trong bản đề án này là bước mở đầu quá trình đổi mới nhằm thực hiện tư tưởng chỉ đạo chiến lược mà Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra: "Giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng

khởi sê xuất hiện một số mặt tiêu cực, phải đấu tranh để khắc phục. Pháp chế xã hội chủ nghĩa, kỷ cương của Đảng và Nhà nước phải phục vụ có hiệu quả cuộc đấu tranh này.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

Ngày 9 tháng 4 năm 1987

**Giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối,
lưu thông**

Từ sau cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985, tình hình kinh tế - xã hội nước ta, trước hết là tình hình phân phối, lưu thông, ngày càng xấu đi. Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) đã phân tích sai lầm, khuyết điểm trên lĩnh vực này và đề ra các biện pháp khắc phục, nhưng nhìn chung, tình hình không được cải thiện mà còn trở nên căng thẳng, rối ren hơn. Nền kinh tế càng lâm vào tình trạng lạm phát trầm trọng, bội chi ngân sách lớn, giá cả tăng vọt, đồng tiền mất giá nhanh, tiền lương thực tế giảm sút, đời sống của nhân dân lao động, trước hết là của công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang gặp nhiều khó khăn, công bằng xã hội bị vi phạm, các hiện tượng tiêu cực tiếp tục phát triển. Tình hình đó tác động rất xấu tới toàn bộ các hoạt

động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt xã hội.

Thực trạng nói trên là hậu quả tổng hợp của nhiều yếu tố cùng tác động trong nền kinh tế và đời sống xã hội mà *nguyên nhân* chủ yếu, vừa sâu xa, vừa trực tiếp là việc duy trì quá lâu *cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, vi phạm quy luật khách quan trong quản lý kinh tế*.

Phân phối, lưu thông vẫn đang là mặt trận nóng bỏng của nền kinh tế. Phương hướng vừa cơ bản, vừa cấp bách để giải quyết tình hình này là xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn hoạt động của nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho toàn bộ hệ thống sản xuất, lưu thông hoạt động theo quy luật khách quan, tăng nhanh sản phẩm xã hội.

Chính thực trạng phân phối, lưu thông nói trên đang gây khó khăn cho việc thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa và cản trở sản xuất phát triển. Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nêu rõ: "Trước mắt, thực hành những biện pháp có hiệu quả để hãm bớt lạm phát và tốc độ tăng giá, giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương. Có làm được việc đó mới tạo được những tiền đề về kinh tế, xã hội và tinh thần cho việc đẩy mạnh quá trình cải cách". Đó cũng là điều kiện cần thiết để từng bước đưa tình hình kinh tế, xã hội vào thế ổn định và phát triển.

Phần I

**MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT
MỘT BƯỚC NHỮNG VẤN ĐỀ CẤP BÁCH
VỀ PHÂN PHỐI, LUU THÔNG**

Để thực hiện những nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ VI của Đảng đã vạch ra, việc giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông phải nấm vững *mục tiêu*: giảm tỉ lệ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động, trên cơ sở xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế và phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác, mở rộng giao lưu hàng hoá, giải phóng sức sản xuất.

Phải thấu suốt *tư tưởng chỉ đạo* sau đây:

Một là, đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức phân phối, lưu thông theo hướng vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, lấy kế hoạch hoá làm trung tâm, mở rộng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, chuyển hẳn sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gắn liền với đổi mới các khâu khác trong cơ chế quản lý.

Hai là, bước đi phải phù hợp với điều kiện thực tế, vừa tích cực, vừa vững chắc. Khẩn trương thực hiện những biện pháp đã thấy rõ là cần thiết và có điều kiện làm; mặt khác, tránh lối làm nóng vội, giản đơn, nhất loạt, thiếu chuẩn bị, gây ra những biến động lớn, những hậu quả xấu về kinh tế và về xã hội. Trong mỗi bước đi phải có sự đồng bộ về chính sách, biện pháp và tổ chức, đồng thời tập trung giải quyết khâu then chốt để xoay chuyển tình hình.

Ba là, tăng cường hiệu lực lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương đi đôi với phát huy mạnh mẽ tính năng động, sáng tạo của các cơ sở, địa phương và ngành. Tạo thành phong trào cách mạng của nhân dân lao động trong việc giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Gắn với cuộc vận động làm trong sạch tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Bốn là, sử dụng có hiệu quả và mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế về kinh tế, nhất là với Liên Xô và các nước xã hội

chủ nghĩa khác, để có thêm điều kiện góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế cấp bách.

I- CHÍNH SÁCH GIÁ CẢ VÀ LUU THÔNG VẬT TƯ, HÀNG HÓA

1. *Chính sách trao đổi hàng hoá giữa Nhà nước và nông dân*

Để góp phần tích cực phát triển nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, thực hiện tốt ba chương trình kinh tế, trước hết là chương trình lương thực - thực phẩm, tăng cường liên minh công nông, đi đôi với việc thực hiện những chủ trương lớn mà Đại hội VI đã đề ra, cần áp dụng những chính sách, biện pháp dưới đây:

a) Ngoài *thuế là nghĩa vụ* đóng góp bắt buộc, từ nay nghiêm cấm các ngành, các cấp tuỳ tiện giao thêm cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân "nghĩa vụ nộp sản phẩm" hoặc đặt thêm các khoản đóng góp gây thiệt hại cho dân. Cần rút kinh nghiệm và chỉ đạo chặt chẽ để thực hiện tốt hơn phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

Cải tiến chính sách thuế nông nghiệp theo hướng khuyến khích sản xuất, bảo đảm sự đóng góp công bằng, buộc mọi tập thể và cá nhân phải sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả; trên cơ sở đó, *ổn định mức thuế đến năm 1990*.

Các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cần xác định mức khoán hợp lý, sửa đổi các khoản phân phối mang tính bao cấp không hợp lý, đưa ra Đại hội xã viên bàn bạc và quyết định.

Ôn định mức khoán đến năm 1990.

b) Mọi quan hệ trao đổi giữa các tổ chức kinh tế của Nhà nước với hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp và các hộ nông dân phải *theo nguyên tắc bình đẳng, thuận mua vừa bán, bảo đảm cung cố liên minh công nông*.

Xoá bỏ chế độ trao đổi hiện vật giữa Nhà nước và nông dân, thực hiện *chế độ hợp đồng kinh tế* trong việc mua nông sản và bán vật tư với nông dân. Nhà nước và nông dân đều có nghĩa vụ làm đúng hợp đồng kinh tế đã ký kết.

c) Nhà nước xác định lại *tỉ giá* trao đổi hợp lý giữa vật tư và nông sản trong hợp đồng, trước hết là giữa thóc với phân đạm, theo hướng khuyến khích sản xuất theo kế hoạch. *Mức giá* mua thóc và các nông sản khác trong hợp đồng cũng như ngoài hợp đồng đều phải theo nguyên tắc thoả thuận, bảo đảm cho nông dân trong điều kiện sản xuất bình thường bù đắp được chi phí xã hội cần thiết và có lãi 30-40% so với giá thành (tỉ lệ lãi có phân biệt theo loại sản phẩm và theo vùng; đối với thóc là 40%). Mức giá phải phù hợp với sức mua của đồng tiền và tính đến quan hệ cung - cầu.

d) *Vận dụng rộng rãi phương thức mua, bán thanh toán ngay bằng tiền*, theo giá đã thoả thuận ghi trong hợp đồng. Đối với những nơi chưa có điều kiện có thể vẫn áp dụng phương thức ký hợp đồng ứng vật tư trước và thu sản phẩm sau. Dù theo phương thức nào, việc bán vật tư sản xuất nông nghiệp cũng phải căn cứ vào kế hoạch sản xuất và định mức kinh tế - kỹ thuật. Nhà nước cùng với các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cần giúp đỡ những hộ nông dân nghèo có vốn và vật tư sản xuất, không bị bóc lột vì phải vay nặng lãi. Các công ty kinh doanh lương thực và nông sản cùng các tỉnh, thành phố lựa chọn phương thức mua bán với nông dân phù hợp điều kiện cụ thể của từng nơi.

d) *Chuyển toàn bộ việc mua, bán lương thực của Nhà nước sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa*. Tổ chức kinh doanh lương thực có trách nhiệm bảo đảm lương thực cho các đối tượng Nhà nước quy định, được giao đủ quyền hạn, phương tiện tương ứng với trách nhiệm kinh doanh theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bù đắp chi phí, nói chung không lấy lãi trong việc bán lương thực cho những nhu cầu thiết yếu, và Nhà nước không bù lỗ. Phát triển *kinh doanh tổng hợp* (mua bán, chế biến, xuất nhập khẩu lúa, màu, phu

phẩm, v.v..) lấy lãi ở khâu kinh doanh này bù lỗ cho khâu kinh doanh khác. Trên cơ sở đó, Nhà nước Trung ương định tỉ giá trao đổi giữa một số loại vật tư, hàng hoá và thóc, định khung giá mua thóc, định giới hạn cao nhất về giá bán lẻ gạo ở từng vùng trong từng thời gian, hướng dẫn và giao quyền cho tổ chức kinh doanh lương thực cùng các địa phương định mức giá mua, bán cụ thể. Phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa các lợi ích, khuyến khích các tổ chức kinh doanh lương thực từ trên xuống dưới mở rộng kinh doanh, cải tiến quản lý, giảm chi phí, hao hụt; không tuỳ tiện đẩy giá lên. Việc chuyển sang cơ chế kinh doanh lương thực phải được xúc tiến khẩn trương để thực hiện từ vụ mùa sớm và vụ mùa năm 1987. *Trước mắt*, việc mua lương thực trong hợp đồng kinh tế đối với vụ đông xuân và hè thu tạm giữ theo tỉ giá và mức giá hiện hành ở các địa phương. Ngoài phần mua theo hợp đồng, các địa phương mua phần nông sản hàng hoá còn lại theo giá thoả thuận, linh hoạt, đấu tranh khắc phục từng bước tính tự phát của giá cả thị trường tự do. Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa cần chủ động kinh doanh, mua được nhiều nông sản hàng hoá vào thời điểm nông dân bán ra nhiều nhất để có lực lượng tác động đến quan hệ cung - cầu, vươn lên làm chủ thị trường lương thực và các nông sản chủ yếu khác; kiên quyết ngăn chặn tệ tranh mua, kích giá, tuỳ tiện nâng giá bán vật tư và hàng tiêu dùng; tăng cường vận động nông dân bán nông sản cho Nhà nước; phát hiện và trừng trị nghiêm khắc bọn đầu cơ, buôn bán trái phép.

Điều quan trọng hàng đầu là: các tổ chức kinh doanh của Nhà nước phải cố gắng cung ứng đủ vật tư nông nghiệp, dành thêm vật liệu xây dựng và một số hàng tiêu dùng thích hợp để cân đối tiền - hàng trong quan hệ với nông dân; chấn chỉnh ngay việc kinh doanh vật tư, hàng hoá, bảo đảm đưa

đến các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và các hộ nông dân một cách kịp thời, đúng giá quy định và không mất mát; nghiêm cấm việc tuỳ tiện cộng thêm các loại phí và lãi không hợp lý qua các cấp trung gian, đẩy giá bán lên cao.

e) Trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các hợp đồng bán sản phẩm đã ký với các tổ chức kinh tế của Nhà nước, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân được quyền tự do lưu thông, tiêu thụ lương thực, thực phẩm và các nông sản hàng hoá khác (trừ một số sản phẩm không được tự do lưu thông do Nhà nước quy định). Thương nghiệp quốc doanh liên kết chặt chẽ với các hợp tác xã nông nghiệp, tập đoàn sản xuất, hợp tác xã mua bán để nắm tận gốc đại bộ phận lương thực và nông sản hàng hoá quan trọng, sử dụng tiểu thương, hàng xá trong phạm vi cần thiết. Mở rộng sự liên kết, tự điều hoà lương thực giữa nơi thừa và nơi thiếu, thu hẹp dần diện đối tượng dân cư mà Nhà nước phải cung ứng lương thực thường xuyên, đồng thời xem xét lại mức cung ứng cho hợp lý. Trung ương tập trung lực lượng bảo đảm cung cấp ổn định lương thực cho quân đội, công an và những khu vực trọng điểm.

2. Đối với các xí nghiệp quốc doanh, chính sách giá cả và lưu thông vật tư, hàng hoá phải nhằm chuyển các xí nghiệp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, bảo đảm nguồn thu lớn nhất cho ngân sách nhà nước.

a) *Tính đúng, tính đủ giá "đầu vào" và "đầu ra" để thúc đẩy hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, song phải xử lý từng bước* trên nguyên tắc không cản trở sản xuất, lưu thông, không gây đột biến giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp và phù hợp với sức mua của nhân dân lao động.

Trên cơ sở tỉ giá kết toán hợp lý đối với hàng nhập khẩu, tính đủ giá vật tư, tính khấu hao tài sản cố định với mức độ có phân biệt đối với từng ngành, tuỳ theo loại sản phẩm và loại xí nghiệp mà *Nhà nước có cách xử lý khác nhau ở "đầu ra"*.

- Loại phải bảo đảm có lãi và tích luỹ cho Nhà nước (chủ yếu là xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng).
- Loại tạm thời chưa phải nộp tích luỹ cho Nhà nước.
- Loại được Nhà nước trợ giá trong thời hạn nhất định (chủ yếu là xí nghiệp công nghiệp nặng và vận tải).
- Loại làm ăn thua lỗ kéo dài phải chuyển hướng sản xuất hoặc chuyển thành cơ sở kinh tế tập thể.

Theo nguyên tắc nói trên, Hội đồng Bộ trưởng thông báo cho các ngành, các xí nghiệp những thông số cần thiết, giao cho giám đốc xí nghiệp cùng tập thể công nhân, các tổ chức cơ sở đảng, công đoàn và đoàn thanh niên ở xí nghiệp dân chủ bàn bạc, thảo luận rộng rãi để xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Trên cơ sở đó, các cơ quan có thẩm quyền sẽ xem xét, quyết định cách xử lý giá.

b) *Vật tư do Nhà nước quản lý* cung ứng cho các xí nghiệp quốc doanh theo chỉ tiêu kế hoạch và định mức, song phải chuyển sang phương thức kinh doanh, mua bán theo hợp đồng, với giá cả được điều chỉnh hợp lý. Giá bán vật tư tính tại nơi giao cho người sử dụng, không cộng thêm phí và lãi không hợp lý qua các cấp trung gian.

c) Giá bán sản phẩm của xí nghiệp sản xuất cho các tổ chức lưu thông được xác định trên cơ sở *lấy giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp* (đối với hàng tiêu dùng) hoặc *giá bán buôn vật tư* (đối với tư liệu sản xuất) trừ *chiết khấu lưu thông*, bảo đảm thu tích luỹ vào ngân sách nhà nước ngay từ khâu sản xuất.

d) Trong năm 1987, *đổi mới chế độ thu quốc doanh*, bỏ cách tính lợi nhuận định mức dựa trên giá thành của từng xí nghiệp, thực hiện chế độ thu có tác dụng thúc đẩy xí nghiệp phấn đấu hạ giá thành, loại bỏ những chi phí không hợp lý,

bảo đảm cho xí nghiệp càng hoạt động có hiệu quả, càng thực hiện tốt kế hoạch nhà nước thì càng có thu nhập cao.

d) Nhà nước sớm ban hành các quy định cho phép xí nghiệp quốc doanh dùng nhiều hình thức để *huy động vốn của mọi tập thể, cá nhân ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài*, chịu trách nhiệm về các cam kết của mình với người góp vốn. Các xí nghiệp được Nhà nước cho phép hợp tác với nước ngoài thì được trực tiếp giao dịch với bạn hàng.

3. Đối với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp

a) *Thể chế hoá và cụ thể hoá chính sách đối với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân* theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng để mọi người yên tâm bỏ vốn sản xuất, kinh doanh. Theo sự hướng dẫn của Trung ương, các tỉnh, thành phố quy định những ngành nghề và phạm vi hoạt động của các thành phần kinh tế nói trên. Khuyến khích các hình thức hùn vốn, hợp tác, làm ăn tập thể từ thấp đến cao và các hình thức liên kết với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Đấu tranh chống những hành vi phi pháp và những hiện tượng tiêu cực trong hoạt động của các thành phần kinh tế tư bản tư nhân và cá thể.

b) Đối với các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp (tập thể, gia đình, cá thể và tư bản tư nhân), *các tổ chức kinh doanh của Nhà nước bán vật tư theo giá kinh doanh* (ngang với giá bán cho khu vực quốc doanh) và *mua sản phẩm theo giá thỏa thuận*, chủ yếu thông qua hợp đồng kinh tế trên nguyên tắc bình đẳng. Người sản xuất có quyền tự do tiêu thụ sản phẩm ngoài hợp đồng theo chính sách lưu thông hàng hoá của Nhà nước.

Thu hẹp hình thức gia công thương nghiệp, chỉ áp dụng hình thức này chủ yếu đối với những sản phẩm dùng nguyên liệu quý hiếm. Giá gia công phải theo nguyên tắc thỏa thuận, bảo đảm người sản xuất bù đắp được chi phí hợp lý, có thu nhập và lãi thoả đáng; xoá bỏ thói ép buộc, cửa quyền và các hiện tượng tiêu cực khác trong gia công.

Các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp được liên kết mua bán vật tư với các xí nghiệp quốc doanh (ngoài diện vật tư Nhà nước cung ứng cho xí nghiệp). Những cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu được hưởng quyền sử dụng một phần ngoại tệ thu được để nhập vật tư cho sản xuất.

c) *Cải tiến chế độ thuế đối với tiểu, thủ công nghiệp*, phân biệt và ưu đãi so với thương nghiệp. Miễn thuế hoặc giảm thuế suất đối với một số sản phẩm xuất khẩu, đối với các cơ sở sản xuất mới xây dựng hoặc mở rộng theo những mục tiêu kinh tế cần ưu tiên. Công bố chính sách thuế thống nhất; cấm các địa phương tự đặt các thứ thuế và phụ thu ngoài quy định của Nhà nước. Thu thuế dứt khoát theo thời gian quy định, bỏ lối "tạm thu". Thực hiện nghiêm ngặt việc kiểm tra kê khai doanh số và nộp thuế, xử phạt theo đúng pháp luật những trường hợp khai man, trốn thuế.

d) *Soát xét lại các chính sách kinh tế, xã hội đối với kinh tế tập thể, cá thể, tư bản tư nhân*, xoá bỏ mọi định kiến hẹp hòi và những quy định mang tính chất phân biệt đối xử không hợp lý (như trong chế độ tín dụng, cung ứng vật tư, quy định về tuyển sinh, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, tiêu chuẩn gửi con vào nhà trẻ, mẫu giáo...).

4. Lưu thông vật tư và hàng hoá

Chuyển mạnh hoạt động của các tổ chức kinh tế trong các ngành vật tư, nội thương, ngoại thương, vận tải... sang kinh doanh, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi.

a) *Về lưu thông vật tư, chuyển từ chế độ cấp phát theo giá thấp sang kinh doanh theo kế hoạch* trên cơ sở giá cả được điều chỉnh hợp lý.

Việc mua bán vật tư, thiết bị và hàng hoá giữa các tổ chức kinh tế trung ương với các tổ chức kinh tế địa phương và ngành theo kế hoạch được thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế trên cơ sở ngang giá và thanh toán, quyết toán sòng phẳng. Đối với miền núi, những địa phương và ngành còn nhiều khó khăn, Trung ương có sự hỗ trợ thích đáng.

Xí nghiệp mua vật tư theo kế hoạch phải bảo đảm thực hiện kế hoạch sản xuất khối lượng sản phẩm tương ứng (về hiện vật và giá trị) và bán những sản phẩm ấy theo địa chỉ quy định trong kế hoạch. Trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện hợp đồng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo kế hoạch nhà nước, xí nghiệp được quyền liên doanh, liên kết, mua bán hàng hoá, vật tư với mọi tổ chức kinh tế khác để phát triển sản xuất, nhưng không được lợi dụng để làm ăn phi pháp. Ngoài những sản phẩm bán theo địa chỉ quy định trong kế hoạch, xí nghiệp được lựa chọn đơn vị thương nghiệp xã hội chủ nghĩa để ký hợp đồng tiêu thụ những sản phẩm còn lại; trường hợp không thoả thuận được với thương nghiệp, xí nghiệp tự tổ chức tiêu thụ những sản phẩm đó theo chính sách lưu thông hàng hoá của Nhà nước.

Khẩn trương sắp xếp lại hệ thống kinh doanh vật tư theo hướng cắt bỏ ngay những tổ chức trung gian vô ích, không nhất loạt tổ chức theo cấp hành chính. Mở rộng phương thức bán trực tiếp vật tư cho những đơn vị sử dụng với khối lượng lớn. Làm thủ và rút kinh nghiệm mở rộng từng bước hình thức đấu thầu ký hợp đồng đặt hàng và bán vật tư, trước hết là đối với một số vật tư sản xuất hàng tiêu dùng.

Tăng cường trách nhiệm vật chất trong khâu bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật tư. Đẩy mạnh cuộc vận động chống tiêu cực trong hệ thống phân phối và kinh doanh vật tư. Cấm tư nhân kinh doanh những vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý.

b) *Giải toả lưu thông hàng hoá, chuyển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa sang kinh doanh, phấn đấu chiếm lĩnh thị trường xã hội, trước hết về những mặt hàng thiết yếu.*
 Tiếp tục xoá bỏ ngay tất cả các hình thức cấm đoán lưu thông, chia cắt thị trường theo địa giới hành chính: thực hiện tốt chủ trương giải thể các trạm kiểm soát hàng hoá trên các đường giao thông trong cả nước.
 Thực hiện rộng rãi việc *bán lẻ theo giá kinh doanh thương nghiệp* của Nhà nước; cá biệt có mặt hàng chịu lỗ, nhưng tính chung kinh doanh thương nghiệp không lỗ và có lãi. Soát xét lại giá kinh doanh thương nghiệp hiện hành, điều chỉnh những giá cao, thấp không hợp lý, bảo đảm hiệu quả kinh tế - xã hội; làm có cân nhắc, không làm ào ạt, gây đột biến và phải có tác dụng *hâm tốc độ tăng giá trên thị trường xã hội*. *Ngành thương nghiệp không được tuỳ tiện nâng giá để hưởng chênh lệch giá* ngoài chiết khấu thương nghiệp.

Chuyển giá bán các mặt hàng cung cấp có định lượng và không định lượng sang giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp đi đôi với bù giá vào lương và bảo đảm có hàng bán. *Chuyển dần những mặt hàng thuộc diện chính sách xã hội* sang bán lẻ theo giá kinh doanh, nói chung không lấy lãi nhưng cũng không để lỗ, đi đôi với áp dụng chế độ trợ cấp trực tiếp cho các đối tượng được hưởng thay cho việc trợ cấp qua giá. Việc chuyển các mặt hàng nói trên sang bán theo giá kinh doanh thương nghiệp phải được tính toán chặt chẽ và *tiến hành từng bước* phù hợp với khả năng cân đối tiền - hàng và ngân sách, không để tác động xấu đến đời sống công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang.

Tổ chức lại hoạt động của thương nghiệp quốc doanh, loại bỏ những tầng nấc trung gian vô ích, giảm mạnh phí lưu thông bất hợp lý. Các tổng công ty Trung ương đưa thẳng hàng hoá từ trung tâm bán buôn đến các xí nghiệp thương nghiệp bán lẻ. Xoá bỏ ngay các tổ chức buôn bán của các cơ quan, đơn vị không có chức năng và không được phép kinh doanh thương

nghiệp. Mở rộng kinh doanh của các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã tiêu, thủ công nghiệp và hợp tác xã mua bán. Tiếp tục *đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa* đối với thương nghiệp tư doanh. Sắp xếp, cải tạo và sử dụng tiểu thương trong những ngành hàng cần thiết. Đối với số tiểu thương không cần thiết trong lĩnh vực lưu thông, Nhà nước giúp đỡ họ chuyển sang sản xuất, dịch vụ. Xoá bỏ thương nghiệp tư bản tư nhân. Quy định rõ những ngành hàng cho phép những người buôn bán loại vừa hoạt động. Dựa vào quần chúng phát hiện kịp thời và trường tri đích đáng bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn ăn cắp trong hoạt động thương nghiệp và bộ máy nhà nước.

c) Thực hiện *phân cấp định giá* một cách hợp lý: Trung ương quyết định giá hoặc khung giá bán các loại vật tư quan trọng nhất; tỉ giá giữa vật tư với nông sản và khung giá mua về một số nông sản quan trọng nhất; giới hạn cao nhất về giá bán lương thực; giá hoặc khung giá bán lẻ thực phẩm và hàng công nghiệp tiêu dùng quan trọng lưu thông trong cả nước hoặc trong phạm vi vùng rộng. Trên cơ sở đó, mở rộng quyền định giá cho các tổ chức sản xuất, kinh doanh, các ngành và các địa phương. Các cơ quan và tổ chức được giao quyền định giá phải chịu trách nhiệm kịp thời xử lý giá trong từng thời gian cho phù hợp với tình hình thực tế, tạo điều kiện thuận lợi cho hạch toán kinh doanh. Xử lý nghiêm khắc những trường hợp tuỳ tiện nâng giá, tranh mua, tranh bán gây rối loạn giá cả và thị trường.

d) Đổi mới cơ chế *quản lý giao thông vận tải* theo hướng hạch toán kinh doanh, đáp ứng yêu cầu mở rộng lưu thông vật tư, hàng hoá.

Điều chỉnh từng bước *giá cước vận tải hàng hoá và hành khách, giá cước bưu điện* để giảm lỗ và đi tới kinh doanh có lãi.

Trên cơ sở bảo đảm thực hiện vận tải theo kế hoạch, các đơn vị quốc doanh, tập thể và cá nhân có phương tiện vận tải được quyền ký hợp đồng vận chuyển với mọi chủ hàng được phép lưu thông.

Áp dụng chính sách giá đi đôi với biện pháp hành chính để hạn chế vận tải bằng ô tô đối với những loại hàng có thể sử dụng những phương tiện vận chuyển khác rẻ hơn; có chính sách và biện pháp khuyến khích vận tải hai chiều.

Quy định rõ chính sách khuyến khích kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, cá thể, tư nhân mua, đóng phương tiện và đăng ký kinh doanh vận tải, chủ yếu là vận tải đường ngắn.

Tích cực xoá bỏ những hành vi tiêu cực trong công nhân, viên chúc ngành vận tải bằng biện pháp kinh tế và hành chính.

5. Về chính sách xuất nhập khẩu và tỉ giá hối đoái

Các cơ sở sản xuất có quy mô xuất khẩu tương đối lớn được trực tiếp giao dịch với khách hàng nước ngoài, tham gia hội chợ quốc tế.

Sửa đổi chế độ điều tiết ngoại tệ và phương thức phân phối vật tư, hàng hoá nhập khẩu để bảo đảm cho những người làm hàng xuất khẩu sang khu vực I có lợi bằng hoặc hơn so với xuất khẩu sang khu vực II.

Công bố danh mục một số mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu giao cho tổ chức ngoại thương trung ương độc quyền kinh doanh. Việc tập trung đầu mối xuất nhập khẩu đối với một số mặt hàng cần thiết khác được thực hiện theo hướng trung ương và địa phương cùng có lợi, khuyến khích các địa phương và cơ sở *đẩy mạnh sản xuất hàng xuất khẩu* và bảo đảm cho việc xuất khẩu qua đầu mối thống nhất có lợi hơn là

từng địa phương tự mình xuất khẩu. Sắp xếp hợp lý các tổ chức xuất khẩu, nhập khẩu, giảm các tổ chức kinh doanh kém hiệu quả, loại bỏ các khâu trung gian.

Các địa phương, các ngành và cơ sở sản xuất chưa được phép hoặc chưa có điều kiện xuất, nhập khẩu trực tiếp có quyền lựa chọn bất kỳ tổ chức xuất, nhập khẩu nào của Nhà nước để ký hợp đồng ủy thác việc xuất, nhập khẩu.

Sửa đổi thủ tục cấp giấy phép xuất, nhập khẩu, tạo điều kiện cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu được thuận lợi, kịp thời.

Nhà nước thu thuế xuất khẩu đối với một số mặt hàng có hiệu suất thu ngoại tệ cao và có chính sách trợ giá đối với một số mặt hàng khác. Bằng chính sách giá và thuế đi đôi với các biện pháp tổ chức và hành chính, kiên quyết ngăn chặn tình trạng tranh mua, kích giá mua hàng xuất khẩu.

Ban hành chính sách thuế đối với hàng nhập khẩu theo hướng khuyến khích nhập khẩu nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị, hạn chế việc nhập hàng tiêu dùng xa xỉ và những mặt hàng trong nước đã sản xuất được.

Xác định tỉ giá kết toán nội bộ hàng xuất khẩu theo nhóm hàng, bảo đảm cho các cơ sở làm hàng xuất khẩu với chi phí tương đối hợp lý không bị lỗ và được khuyến khích đúng mức. Tỉ giá hàng nhập khẩu phải xác định hợp lý, loại trừ những chi phí tiêu cực, tính đến mặt bằng giá trong nước và phân biệt theo nhóm hàng.

Tỉ giá kiều hối cần định một cách linh hoạt theo hướng người Việt Nam ở nước ngoài gửi tiền về nước có lợi hơn hẳn so với gửi hàng tiêu dùng có chịu thuế. Giảm hoặc miễn thuế đối với vật tư, phụ tùng, thiết bị, một số thuốc chữa bệnh cần thiết. Bãi bỏ những hạn chế về định lượng (số lượng và số

lần) đối với hàng của người Việt Nam từ nước ngoài gửi về (trừ mặt hàng cấm nhập).

Sớm ban hành Luật đầu tư.

Phát triển mạnh việc *gia công xuất khẩu, hợp tác sản xuất hàng xuất khẩu, kinh doanh du lịch, các dịch vụ thu ngoại tệ và việc đưa chuyên gia và lao động đi làm việc ở các nước ngoài.*

II- CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT TIỀN LƯƠNG VÀ ĐỜI SỐNG CỦA CÔNG NHÂN, VIÊN CHỨC VÀ LỰC LUỢNG VŨ TRANG

Yêu cầu bức thiết là giảm bớt khó khăn, dần dần ổn định đời sống của công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, giải quyết một cách tích cực và vững chắc, từng bước, phù hợp với kết quả sản xuất, với khả năng cân đối ngân sách, cân đối tiền - hàng.

Phải có những biện pháp toàn diện để đáp ứng yêu cầu đó, quan trọng nhất là việc giải quyết lương phải gắn với giảm được nhịp độ tăng giá trên thị trường xã hội; khuyến khích và giúp đỡ phát triển kinh tế gia đình trong sản xuất và dịch vụ; cho phép công nhân, viên chức được lao động cá thể ngoài giờ chính quy.

Tình hình hiện nay chưa cho phép sửa đổi ngay chế độ tiền lương ban hành tháng 9-1985, mà chỉ có thể điều chỉnh bộ phận, chủ yếu là đổi với một số thang, bậc lương công nhân kỹ thuật và cán bộ khoa học, kỹ thuật, đồng thời dùng hình thức lương sản phẩm và tiền thưởng để khắc phục một phần tính chất bình quân và những chỗ không hợp lý trong chế độ lương hiện hành.

1. Đối với quân đội và công an

Bảo đảm cung cấp cho chiến sĩ và hạ sĩ quan đủ lương thực, thực phẩm, quân trang quân dụng, theo định lượng, đúng thời gian và địa điểm; ưu tiên cho các lực lượng ở tuyến đầu và ở những nơi khó khăn. Đối với sĩ quan và quân nhân

chuyên nghiệp, thực hiện bù giá vào lương như công nhân, viên chức. Chấn chỉnh công tác hậu cần, bảo đảm phân phôi công bằng thực hiện có nền nếp chế độ hạch toán và báo cáo công khai với cán bộ và chiến sĩ.

2. Đối với công nhân, viên chức khu vực sản xuất

Phấn đấu khôi phục tiền lương thực tế ngang mức đã quy định tháng 9-1985 và hạch toán đầy đủ vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông trên cơ sở xí nghiệp phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, tự trang trải quỹ tiền lương, bảo đảm thực hiện kế hoạch nhà nước, trong đó có các khoản nộp ngân sách; chấm dứt việc dùng sản phẩm hoặc các khoản thu nhập không chính đáng để trả lương, thưởng, phân phôi nội bộ. Đối với một số xí nghiệp chưa đủ sức tự trang trải, thì Nhà nước sẽ xử lý từng trường hợp riêng biệt.

Thực hiện rộng rãi chế độ *lương khoán, lương sản phẩm* đối với soát xét lại định mức và thực hiện chặt chẽ việc nghiêm thu sản phẩm.

Đối với *tiền thưởng* cuối năm ngoài quỹ lương, cần tạm thời quy định giới hạn tối đa để hạn chế mức chênh lệch quá đáng về thu nhập giữa các xí nghiệp. Đặc biệt khuyến khích việc thưởng sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật; tiền thưởng này tính theo tỉ lệ so với số tiền tiết kiệm hoặc lợi nhuận do các sáng chế, sáng kiến đó mang lại, không giới hạn số tuyệt đối.

3. Đối với công nhân, viên chức khu vực hành chính, sự nghiệp

Từng bước khôi phục tiền lương thực tế ngang mức quy định tháng 9-1985.

Những nơi có điều kiện thì thực hiện bù giá vào lương theo cơ cấu hiện vật của tiền lương tối thiểu đã quy định tháng 9-1985, và tính theo giá kinh doanh thương nghiệp; trước mắt mức bù đât được bao nhiêu % tiền lương thực tế tháng 9-1985 sẽ do các tỉnh, thành phố quyết định tuỳ điều kiện cụ thể về cân đối tiền - hàng, cân đối ngân sách của địa phương và thoả thuận với Bộ Tài chính để giải quyết thống nhất cho

công nhân, viên chức thuộc ngân sách trung ương sống trên đất địa phương. Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn chặt chẽ mức bù giá để không gây ra những biến động xấu và tránh tình trạng quá chênh lệch giữa các địa phương và các ngành.

Đối với những nơi trước mắt chưa bù giá vào lương hoặc chỉ bù giá vào lương trong phạm vi sáu mặt hàng định lượng, thực hiện *trợ cấp khó khăn* theo khả năng ngân sách.

- *Đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật:* khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, các cán bộ khoa học kỹ thuật quan hệ trực tiếp với các tổ chức và cơ sở sản xuất, kinh doanh bằng nhiều hình thức (ký kết hợp đồng nghiên cứu và triển khai, bán sáng chế); qua đó, tăng thêm thu nhập theo hiệu quả cống hiến đối với sản xuất. Chuyển dần các cơ sở nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật sang chế độ hạch toán kinh tế, tự bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí.

- *Đối với công nhân, viên chức ngành giáo dục, y tế:* ngoài những biện pháp chung, được phép mở lớp dạy học và khám bệnh ngoài giờ do trường học và bệnh viện tổ chức để góp phần cải thiện đời sống của công nhân, viên chức hai ngành này.

Đối với các cơ quan quản lý hành chính và bộ phận gián tiếp sản xuất: sắp xếp lại tổ chức bộ máy và giảm mạnh biên chế trên cơ sở phân rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh. Thực hiện việc khoán quỹ lương cho những cơ quan đã định lại tổ chức và biên chế. Định tỷ lệ hợp lý số người gián tiếp sản xuất. Giúp đỡ về vật tư, tiền vốn và thực hiện các chính sách khuyến khích người dôi ra trong khu vực hành chính và trong bộ máy gián tiếp sản xuất chuyển sang trực tiếp sản xuất và hoạt động dịch vụ, kể cả chuyển sang khu vực kinh tế tập thể.

Đối với cán bộ xã và phường, điều chỉnh tiền phụ cấp hiện hành theo thời giá, khẩn trương nghiên cứu để sớm có chính sách đãi ngộ thoả đáng hơn.

Trợ cấp đối với người về hưu và những người hưởng trợ cấp xã hội được điều chỉnh tương ứng với mức giải quyết về tiền lương cho công nhân, viên chức ở khu vực hành chính, sự nghiệp. Tìm mọi biện pháp giúp đỡ những người đang gặp nhiều khó khăn trong đời sống, đặc biệt là thương binh nặng, gia đình liệt sĩ neo đơn và những cán bộ cách mạng lão thành đã về hưu.

III- CHÍNH SÁCH VÀ BIỆN PHÁP TĂNG THU, HẠN CHẾ BỘI CHI NGÂN SÁCH VÀ GIẢM NHỊP ĐỘ LẠM PHÁT

1. Biện pháp tăng thu ngân sách nhà nước

Chính sách tài chính phải tác động tích cực đến việc tạo ra nguồn thu theo hướng thúc đẩy kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là kinh tế quốc doanh chuyển sang hạch toán kinh doanh, đạt hiệu quả cao, khuyến khích các thành phần kinh tế khác ra sức phát triển sản xuất.

Đổi mới chế độ thu quốc doanh đi đôi với chấn chỉnh công tác kế toán, tài chính xí nghiệp, thực hiện cơ chế xí nghiệp tự trang trải các chi phí, giảm bù giá, bù lỗ qua ngân sách, không ngừng tăng tích luỹ ở khu vực này, bảo đảm nguồn thu chủ yếu của ngân sách nhà nước.

Thu đủ các loại thuế hiện hành theo đúng chính sách, các khoản nợ về thuế, đồng thời nghiên cứu ban hành bổ sung một số loại thuế. Cùng với việc giải thể các trạm kiểm soát dọc đường giao thông, cần thực hiện tốt việc thu thuế từ nơi sản xuất và ở nơi bán hàng, chống thất thu thuế. Chấn chỉnh bộ máy và cán bộ ngành thuế; phát huy vai trò tích cực của các cấp uỷ đảng và chính quyền địa phương trong việc chỉ đạo công tác thuế.

Nghiên cứu, đề nghị Quốc hội cho phép thực hiện chế độ thu học phí, viện phí (có chính sách bù đắp cho những đối tượng cần thiết) đồng thời xoá bỏ những khoản đóng góp ngoài quy định của Nhà nước; dùng nguồn thu này để bổ sung kinh phí cho sự nghiệp giáo dục, y tế.

Mở rộng việc thu các loại lệ phí, phát triển các hình thức kinh doanh bảo hiểm.

Áp dụng nhiều hình thức linh hoạt, có sức thu hút mạnh để vay tiền mặt, ngoại tệ, kim loại quý, thóc, nông sản... của nhân dân, phát hành công trái không ghi tên, được tự do chuyển nhượng có nhiều thời hạn khác nhau (ngắn hạn và dài hạn), có lãi suất thoả đáng và có quay số dự thưởng; bảo hiểm giá trị tiền vay theo giá vàng.

Dành thêm một số vật tư, vật liệu xây dựng và nhập một số hàng tiêu dùng để bán cho nhân dân theo giá kinh doanh, tăng thu cho ngân sách và thu bớt tiền mặt trên thị trường.

2. Biện pháp tiết kiệm chi tiêu ngân sách

Phấn đấu giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, giảm việc phát hành tiền để chi cho ngân sách.

Soát xét lại kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, tập trung cho các công trình trực tiếp phục vụ ba chương trình kinh tế, triệt để tiết kiệm, giảm mạnh chi xây lắp và chi xây dựng cơ bản khác. Nghiêm cấm việc xây dựng ngoài kế hoạch (kể cả ở Trung ương và ở địa phương).

Xoá dần việc bù lỗ, bù giá trong sản xuất, vận tải, nội thương, ngoại thương...

Chống việc chuyển từ bao cấp qua ngân sách nhà nước sang bao cấp qua tín dụng ngân hàng dưới các dạng tạm ứng cấp phát xây dựng cơ bản, cho vay bù lỗ, bù giá...

Giảm mạnh biên chế và chi tiêu hành chính; hết sức hạn chế việc thuê nhân công hợp đồng xây dựng, dịch vụ trong khi chưa sử dụng hết lao động trong biên chế nhà nước.

Trong hai năm 1987-1988, các cơ quan hành chính ngừng mua sắm mới một số loại hàng tiêu dùng, góp phần tăng quỹ hàng hoá bán cho nhân dân. Cắt giảm các kinh phí hội nghị, lễ tân, các chi phí hành chính. Cấm ngặt việc dùng tiền của công để chè chén, biếu xén. Sửa đổi, bổ sung hợp lý các định mức chi tiêu hành chính, sự nghiệp và giao khoán các khoản chi này cho các ngành, các cấp, các cơ quan.

Giảm những khoản chi phúc lợi quá khả năng của ngân sách.

Hội đồng Bộ trưởng nghiên cứu những khoản mục tiết kiệm chi trong sản xuất và tiêu dùng để trình Hội đồng Nhà nước ban hành thành văn bản pháp quy và triển khai thực hiện ngay.

Điều chỉnh tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, quy định chặt chẽ các nguyên tắc chi tiêu ngân sách, thực hiện cơ chế điều hoà trong hệ thống ngân sách nhà nước một cách hợp lý để thực hiện cân đối ngân sách trong cả nước. Chỉ sau khi không tự điều hoà được trong hệ thống ngân sách nhà nước, Bộ Chính trị mới xem xét và quyết định việc Ngân hàng Nhà nước cho vay để bù đắp thiếu hụt của ngân sách nhà nước.

3. Bảo đảm nhu cầu tiền tệ lưu thông đi đôi với giảm tốc độ lạm phát

Đi đôi với những biện pháp tổng hợp ngăn chặn lạm phát, Ngân hàng Nhà nước cần chủ động chuẩn bị khối lượng và cơ cấu tiền mặt cần thiết để đáp ứng yêu cầu giải quyết

những vấn đề cấp bách, nhất là bảo đảm tiền mặt cho sản xuất, mua nông sản, trả lương, không để thiếu tiền mặt trong hệ thống ngân hàng. Phương án chủ động phát hành tiền phải đi liền với mức phấn đấu cụ thể tăng nhanh vòng quay hàng hoá qua hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa và vòng quay của đồng tiền qua hệ thống ngân hàng.

Cải tiến và mở rộng các hình thức thu tiền mặt vào hệ thống ngân hàng, đáp ứng đầy đủ, kịp thời, thuận tiện nhu cầu về tiền mặt của các tổ chức kinh tế và dân cư. Trên cơ sở đó, thúc đẩy các tổ chức kinh tế giao nhanh tiền mặt và quỹ ngân hàng và tôn trọng kỷ luật quản lý tiền mặt.

Mở rộng kinh doanh vàng, bạc, đá quý, kinh doanh ngoại tệ qua kiều hối. Áp dụng trong cả nước và ở từng địa phương nhiều hình thức thanh toán không dùng tiền mặt.

Tiếp tục huy động tiền tiết kiệm với lãi suất cao trong một thời gian ngắn.

Ngân hàng cho vay theo khả năng động viên các nguồn vốn nhàn rỗi trong xã hội, hạn chế phát hành tiền để cho vay. Vốn tín dụng phải được sử dụng tập trung phục vụ ba chương trình kinh tế lớn. Ngăn chặn việc vay tín dụng để buôn bán kiếm lời không chính đáng. Sửa đổi lãi suất tiền gửi và cho vay của ngân hàng, tăng cường tác động đòn bẩy của lãi suất tín dụng. Không cho vay đối với những công trình xây dựng cơ bản không được ghi vào kế hoạch.

Sử dụng có hiệu quả các nguồn ngoại tệ vay được, bảo đảm tái tạo được ngoại tệ để trả nợ và sử dụng cho các vòng tiếp theo.

Kiện toàn Ngân hàng Nhà nước làm nhiệm vụ phát hành và quản lý nhà nước về tiền tệ, tín dụng. *Phát triển các ngân hàng chuyên nghiệp*, là tổ chức kinh doanh tín dụng và dịch vụ ngân hàng, được hoạt động theo phương thức góp cổ phần, bán cổ phiếu và tham gia hùn vốn vào các tổ chức sản xuất, kinh doanh khác. Ngoài những ngân hàng chuyên nghiệp đã

thành lập (Ngân hàng Ngoại thương, Ngân hàng Đầu tư), quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa, cần hình thành thêm các ngân hàng chuyên nghiệp khác như Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Công, Thương nghiệp, v.v..

Phân II

TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Thực hiện đúng *nguyên tắc trung dân chủ*. Toàn Đảng và bộ máy nhà nước phải nghiêm chỉnh chấp hành, thống nhất ý chí và hành động từ trên xuống dưới. Mọi việc thể chế hoá, phổ biến, chỉ đạo, thi hành đều phải theo đúng Nghị quyết.

Bộ máy đảng và chính quyền các cấp phối hợp chặt chẽ và hành động thống nhất. Bộ Chính trị trực tiếp quyết định những chủ trương lớn cụ thể hoá Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có kế hoạch chỉ đạo và tổ chức thực hiện những nghị quyết của Trung ương và Bộ Chính trị.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cụ thể hoá và thể chế hoá các chủ trương của Bộ Chính trị và Ban Bí thư, tổ chức chỉ đạo chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết này. Ban Bí thư có trách nhiệm kiểm tra và kịp thời uốn nắn những lách l&Wacute nay sinh, cùng với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo việc sơ kết từng thời gian.

Trong quá trình chuẩn bị ban hành chính sách cụ thể, trong phạm vi nghiên cứu và tham khảo ý kiến, cần tổ chức lấy ý kiến rộng rãi của các ngành, các cấp, các chuyên gia, các nhà khoa học và của quần chúng ở một số đơn vị cơ sở. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, góp phần vào việc cụ thể hoá và thực hiện thắng lợi Nghị quyết

của Đảng. Những người cố tình làm trái Nghị quyết phải bị xử lý, người có sai phạm nặng trong việc thực hiện Nghị quyết hoặc không đủ năng lực thực hiện, phải kịp thời được thay thế.

Khi thực hiện, cấp dưới thấy điều gì cần làm khác với quy định chung phải xin ý kiến cấp trên. Cấp trên có trách nhiệm trả lời trong thời hạn 15 ngày; khi cấp trên đã có chỉ thị thì cấp dưới phải chấp hành nghiêm chỉnh, nhưng nếu quá thời hạn đó mà cấp trên không trả lời thì cấp dưới được phép thi hành theo ý kiến của mình và báo cho cấp trên biết.

2. Tổ chức phổ biến sâu rộng Nghị quyết này của Trung ương. Nói rõ với dân những khó khăn của đất nước, chủ trương giải quyết của Đảng và Nhà nước, trách nhiệm của mỗi người, của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện. Làm cho mọi người hiểu rằng: điều cốt lõi để thực hiện tốt Nghị quyết này là các cấp, các ngành, các cơ sở phải chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, trên cơ sở đó bảo đảm lợi ích của cả Nhà nước, tập thể và người lao động.

Tổ chức, hướng dẫn nhân dân kiểm tra các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện Nghị quyết và chính sách của Đảng; khuyến khích nhân dân kiến nghị với Đảng và Nhà nước những biện pháp xây dựng, phát hiện các việc làm sai, tổ giác những hành động chống đối, phá hoại. Bộ máy thông tin đại chúng phải phát huy vai trò tích cực trong những việc này. Cán bộ lãnh đạo các ngành, các cấp cần trực tiếp giải thích chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước với đảng viên, quần chúng trên đài, báo, trong các cuộc sinh hoạt và gặp gỡ ở cơ sở.

3. *Làm tốt công tác cán bộ* có ý nghĩa hàng đầu để bảo đảm thực hiện Nghị quyết của Trung ương. Cân kiểm tra, đánh giá lại đội ngũ cán bộ, phát hiện, bồi dưỡng những cán bộ đủ năng lực và phẩm chất thực hiện những chủ trương đổi mới theo tinh thần Đại hội VI của Đảng và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, kịp thời điều chỉnh, bố trí lại đội ngũ cán bộ, bảo đảm thống nhất hành động trong toàn Đảng.

4. Việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết phải được chuẩn bị chu đáo, tiến hành *một cách đồng bộ, có bước đi vững chắc*. Các ngành, các cấp, trước hết là các cơ quan tổng hợp của Nhà nước cần có những phương án cụ thể, lường trước và xử lý nhanh những hệ quả kinh tế, chính trị và xã hội bất lợi nhất thời có thể xảy ra.

Các ngành, các cấp cần đặc biệt coi trọng việc làm thủ, nghiên cứu tổng kết, rút kinh nghiệm điển hình.

5. *Hợp đồng kinh tế* có vị trí đặc biệt quan trọng trong cơ chế quản lý mới, trong việc thực hiện các chính sách mới về phân phối lưu thông. Vì vậy, cần coi trọng hoàn thiện chế độ hợp đồng kinh tế và hệ thống trọng tài kinh tế nhà nước, làm cho hợp đồng kinh tế ngày càng trở thành công cụ pháp lý đắc lực trong quản lý kinh tế, trong xây dựng và thực hiện kế hoạch.

6. Việc thực hiện các giải pháp cấp bách về phân phối, lưu thông gắn liền với đổi mới các khâu khác trong cơ chế quản lý, mang tính cách mạng sâu sắc, vì vậy phải dựa trên cơ sở *phát động phong trào hành động cách mạng của quần chúng, gắn với cuộc vận động làm sạch các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội*. Quá trình cải cách phải đi liền với việc hoàn thiện chính sách xã hội của Đảng theo quan điểm giai cấp đã được đề ra ở Đại hội VI của Đảng: "Xây dựng toàn diện giai cấp công

nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa, làm cho nền tảng chính trị - xã hội của xã hội mới ngày càng vững chắc, ưu thế của lực lượng xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường ngày càng phát huy mạnh mẽ".

*
* * *

Các biện pháp cấp bách về phân phối, lưu thông lần này thực hiện trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, phức tạp hơn so với thời kỳ tháng 10-1985, song cũng có những thuận lợi mới.

Toàn Đảng, toàn dân ta nhận rõ tình hình, nhiệm vụ, đồng tâm nhất trí, quyết tâm thực hiện bằng được trong bước đi trước mắt những chủ trương, biện pháp cấp bách về phân phối, lưu thông nêu trong Nghị quyết này, góp phần thực hiện mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nêu ra.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**LỜI BẾ MẠC
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VI)**

Ngày 9 tháng 4 năm 1987

Thưa các đồng chí,

Sau mấy ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã thành công tốt đẹp. Tôi nói "thành công tốt đẹp" đúng với ý nghĩa của những từ này. Đó là sự đánh giá của Bộ Chính trị, của Đoàn Chủ tịch cũng như cảm nghĩ chung của tất cả chúng ta. Đối với một vấn đề phức tạp và hệ trọng như vấn đề phân phối lưu thông, nhất là khi trong chúng ta đã từ lâu có những ý kiến khác nhau thì việc đạt được sự nhất trí không những về quan điểm, nguyên tắc, mà cả những chủ trương, biện pháp quan trọng thể hiện trong Nghị quyết, đó thực sự là kết quả đáng mừng!

Sự thành công của Hội nghị không phải là ngẫu nhiên.

Trước hết, đó là vì chúng ta có các quan điểm lớn của Đại hội lần thứ VI của Đảng soi sáng. Những quan điểm lớn của Đại hội về xây dựng cơ cấu kinh tế, về cải tạo và sử dụng các thành phần kinh tế, về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, những quan điểm về phân phối lưu thông là cơ sở quan trọng bậc nhất định hướng cho chúng ta suy nghĩ và tìm ra các giải pháp đúng đắn.

Hai là, những vấp váp, sai lầm của việc xử lý giá - lương - tiền trong những năm trước đây, đặc biệt là cuối năm 1985, đã cho chúng ta những bài học thấm thía. Những vấp váp sai lầm trong quá khứ trở nên có ý nghĩa tích cực khi chúng ta biết rút ra từ đó những kết luận thích đáng, biết tránh những con đường dẫn ta xuống hố sâu đầy gai góc và khai phá những con đường mới sáng sủa đưa ta đi lên với những bước đi vững chắc. Cần nói thêm rằng, vừa qua, trên phương diện vĩ mô của nền kinh tế quốc dân, chúng ta đã xử lý vấn đề phân phối lưu thông không phù hợp với quy luật khách quan và thực tế cụ thể của nước ta, làm nóng vội và ào ạt, nhưng trên bình diện vi mô của nền kinh tế quốc dân, chúng ta có không ít những mô hình tiêu biểu có thể nhân rộng khắp. Hội nghị Trung ương lần này, trong một mức độ đáng kể, đã quan tâm đến những "mầm non" đầy triển vọng, coi chúng là những nhân tố góp phần giúp chúng ta tìm ra các giải pháp thực tiễn để giải quyết vấn đề phân phối lưu thông. Ba là, trong Hội nghị Trung ương này, chúng ta đã bước đầu đổi mới phong cách làm việc theo tinh thần của Đại hội VI. Trước hết đó là việc bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ. Điều quyết định để Hội nghị thành công là Bộ Chính trị đã chọn đúng chủ đề của hội nghị. Không phải không có những ý kiến khác nhau trên vấn đề này trước và ngay trong Hội nghị. Một số ý kiến cho rằng nên chọn vấn đề sản xuất, những ý kiến khác chọn vấn đề kinh tế cấp bách nói chung. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI và phù hợp với tình hình thực tế, Bộ Chính trị đã quyết định chọn những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông là chủ đề của Hội nghị. Qua thảo luận,

các đồng chí Trung ương đã tán thành quyết định này. Trong đề án gửi đến các Ủy viên Trung ương, Bộ Chính trị đã trình bày các phương án và giải pháp khác nhau về những vấn đề quan trọng để Trung ương cho ý kiến. Cách nêu ra những ý kiến khác nhau ấy đã kích thích sự tranh luận, khêu gợi sự suy nghĩ để tìm ra phương hướng tối ưu. Ý kiến đóng góp của các đồng chí Trung ương trong Hội nghị rất phong phú, thẳng thắn, với tinh thần trách nhiệm cao. Bộ Chính trị và Đoàn Chủ tịch trân trọng các ý kiến đó, hằng ngày bộ phận theo dõi Hội nghị đã tập hợp đầy đủ và thông báo tới các Ủy viên Trung ương. So với đề án và phương án ban đầu, nhiều giải pháp mới được kiến nghị hợp lý và đúng đắn hơn. Bộ Chính trị và Đoàn Chủ tịch đã nghiên cứu, thảo luận và tiếp thu đưa vào dự thảo Nghị quyết nhiều ý kiến xác đáng. Hội nghị đã biểu quyết và thông qua Nghị quyết theo nguyên tắc đa số. Ở đây, hoàn toàn không có thái độ chủ quan áp đặt. Ý kiến của đa số trung ương là quyết định, là mệnh lệnh cao nhất mà toàn Đảng phải chấp hành. Tôi nghĩ rằng đó là phong cách mới mà từ nay về sau chúng ta phải tiếp tục thực hiện và thực hiện ngày càng tốt hơn. Mong rằng, phong cách đó trở thành nền nếp làm việc bình thường trong các cấp uỷ đảng, chính quyền cũng như trong các đoàn thể, cơ quan, các tập thể ở các cấp, các ngành.

Tôi muốn nói thêm một điều: rút kinh nghiệm lần này, Hội nghị chúng ta sẽ có chất lượng hơn nếu tài liệu được gửi sớm cho các đồng chí Trung ương (ít nhất là 15 ngày trước cuộc họp) và chủ động thông tin đầy đủ cho các đồng chí những điều cần thiết.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị của chúng ta đã quyết định những vấn đề có tầm quan trọng trước mắt và lâu dài trên lĩnh vực phân phối lưu thông. Tác dụng của những quyết định đó không giới hạn ở các vấn đề phân phối lưu thông thuần tuý mà còn liên quan đến quá trình tái sản xuất nói chung, trong đó có khâu then

chốt là quá trình sản xuất trực tiếp. Đúng như C.Mác đã viết: phân phối lưu thông vừa là tiền đề và điều kiện, vừa là kết quả của sản xuất. Vì vậy, khi chúng ta giải quyết một bước vấn đề phân phối lưu thông cũng có nghĩa là tháo gỡ những ách tắc cho "đầu vào" và "đầu ra" của sản xuất. Trong lĩnh vực phân phối lưu thông, chúng ta không dừng lại ở việc giải quyết các vấn đề như định lượng, tương quan giữa các mức giá, tỷ giá, mức lương, chỉ tiêu ngân sách và tiền tệ, mà còn hết sức chú ý giải quyết các vấn đề rất quan trọng về chính sách, cơ chế và tổ chức; kinh nghiệm đã chứng tỏ, bỏ qua hoặc xem nhẹ các mặt này, chúng ta sẽ không thể giải quyết được vấn đề phân phối lưu thông với tính cách là những đòn bẩy kinh tế mạnh mẽ đối với sản xuất. Sối chỉ đỏ xuyên suốt các chính sách này là xử lý đúng đắn *các lợi ích kinh tế* để tạo ra động lực của sản xuất kinh doanh cả trong nông nghiệp và công nghiệp, thương nghiệp, tài chính và tiền tệ. Trong một nước tiểu nông bị tàn phá sau nhiều năm chiến tranh liên miên, lương thực còn là vấn đề trung tâm của đời sống hằng ngày, thì như V.I. Lê nin nhận xét: con đường để xây dựng nền công nghiệp lớn xã hội chủ nghĩa phải *bắt đầu từ nông nghiệp và nông dân*. Phải có chính sách đúng đắn để động viên nhiệt tình phấn khởi sản xuất của họ, củng cố và tăng cường khối liên minh công - nông trong điều kiện mới. Theo hướng đó, việc hạ tỷ lệ trao đổi phân bón với thóc, ổn định mức thuế và mức khoán trong một số năm, chủ trương ngoài thuế là nghĩa vụ đóng góp bắt buộc, mọi quan hệ kinh tế giữa Nhà nước với nông dân dựa trên nguyên tắc bình đẳng, ngang giá, và thật sự thoả thuận trình bày trong Nghị quyết đã thể hiện quan điểm có tính nguyên tắc léninnít nói trên. Trong công nghiệp, lợi ích của sản xuất được thể hiện bằng cách giao giá bán buôn cho thương nghiệp bằng giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp trừ chiết khấu thương nghiệp, phần đấu khôi phục tiền lương ngang mức đã quy định tháng 9-1985 và hạch toán đầy đủ vào giá

thành. Trong ngân hàng, giá trị của tiền gửi được bảo đảm với lợi ích thoả đáng, v.v..

Mặt khác, lợi ích của Nhà nước cũng được đề cao đúng mức. Điều mới mẻ trong Nghị quyết là sự thừa nhận và đòi hỏi thực hiện đầy đủ nguyên tắc: vật tư, hàng hoá nhà nước trao đổi với nông dân tương ứng với số lượng nông sản phẩm mà nông dân giao lại cho Nhà nước. Cũng như vậy, trong công nghiệp, việc thực hiện tính đủ và tính đúng "đầu vào" và "đầu ra" của sản xuất, song phải xử lý từng bước, đó là con đường tốt nhất để thực hiện lợi ích của Nhà nước cũng như lợi ích của nhân dân lao động trong tình hình hiện nay. Giới hạn không được vượt qua là "đầu ra" không gây biến động lớn, không làm giá cả leo thang đột ngột như hiện nay. Hội nghị Trung ương lần thứ hai, bằng trí tuệ tập thể đã tìm ra những hình thức kinh tế cụ thể để thực hiện sự bảo đảm hài hoà các lợi ích. Chỉ có trên cơ sở thống nhất các lợi ích thì mỗi lợi ích mới được bảo đảm; trong lợi ích của nông dân, công nhân có lợi ích của Nhà nước và ngược lại. Nặng về phía này hay phía kia rút cuộc đều làm tổn hại cả hai.

Những chính sách và biện pháp về phân phối lưu thông đề ra ở Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai quán triệt sâu sắc chủ trương xoá tập trung quan liêu bao cấp, chuyển từng bước sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đây là một đòi hỏi bức thiết của nền kinh tế nước ta. Từ kinh nghiệm sống của những năm qua, chúng ta thấy rõ, nếu vẫn còn giam mình trong cơ chế cũ, nếu vẫn còn bị cầm tù bởi quan điểm lối thời, xa lạ với cuộc sống, thì hoàn toàn không có lối thoát. Sự chuyển hướng đó là cơ sở quan trọng nhất của Nghị quyết mà chúng ta vừa thông qua. Việc chuyển sang quan hệ hàng hoá - tiền tệ tương đối phổ biến, Nhà nước bán vật tư nông nghiệp và mua thóc của nông dân theo nguyên tắc thật sự thoả thuận, ngang giá, cả trong và ngoài hợp đồng kinh tế; việc Nhà nước bán vật tư cho công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp theo giá cả hợp lý; việc xoá ngần sông cấm chợ, mở rộng giao lưu hàng hoá; việc ngân sách

nhà nước giảm bớt bao cấp; việc tiền tệ hoá tiền lương trên mức độ lớn và khôi phục từng bước lương thực tế, việc ngân hàng chuyển sang kinh doanh tiền tệ, v.v. là những bước tiến mới thực hiện sự chuyển hướng nói trên.

Chỉ riêng biện pháp mở rộng giao lưu hàng hoá, xoá ngần sông cấm chợ đã có tác dụng to lớn và tức thời đối với nhiều nơi, đặc biệt là ở thành phố Hồ Chí Minh. Theo tin báo cáo về Ban Bí thư, lượng gạo do nông dân ở các tỉnh đồng bằng chở về thành phố trong một ngày lên tới hàng ngàn tấn, giá gạo giảm xuống còn hơn năm đồng một kilogam, các điểm bán gạo của Nhà nước giảm được số lượng gạo bán ra so với các tháng trước. Đó là nhờ có sự tiếp sức của thị trường gạo bên ngoài, một lực lượng điều hoà quan hệ cung cầu rất quan trọng mà chúng ta không thể xem nhẹ. Tương đương với giá gạo, một số mặt hàng khác cũng giảm giá. Tình trạng khan hiếm đối với nhiều loại hàng hoá được khắc phục bước đầu. Rõ ràng, khi những quyết định về kinh tế của chúng ta phù hợp với quy luật khách quan của quan hệ hàng hoá - tiền tệ thì được cuộc sống chấp nhận dễ dàng và làm bật dậy tiềm năng lớn.

Trong quan hệ hạch toán kinh doanh, điểm mấu chốt là chúng ta phải làm chủ cho được nguồn của cải to lớn mỗi năm hơn một tỷ rúp do Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác cho vay, tính ra tiền Việt Nam lên tới hàng trăm tỷ đồng theo tỷ giá hối đoái hợp lý. Sử dụng nguồn vốn đó theo kiểu bao cấp - giao nộp như lâu nay thì chẳng khác gì "gió vào nhà trống". Chẳng những không để thoát, mà còn phải hạch toán và kinh doanh nguồn vốn này trong từng cơ sở sản xuất, kinh doanh cũng như trên toàn bộ nền kinh tế quốc dân theo hướng hoàn trả từng bước, nhưng *tích cực*; giảm một cách đáng kể, tiến tới Nhà nước không phải bù lỗ mà còn có lãi.

Đây là cuộc đấu tranh quyết liệt không những về quan điểm tư tưởng mà còn trên phương diện quản lý kinh tế cụ thể, từ kế hoạch hoá, cơ chế và chính sách, tổ chức bộ máy và cán

bộ. Phải chuyển động mạnh mẽ và đồng bộ tất cả các khâu đó. Riêng về mặt tổ chức, phải khẩn trương sắp xếp lại hệ thống cung ứng vật tư và phân phối hàng hoá theo hướng giảm bớt trung gian đi thẳng đến người tiêu thụ càng ngắn, càng tốt. Đồng thời phải giải quyết biên chế thừa trong khu vực hành chính, kể cả hành chính trong khu vực sản xuất, dưới hình thức khoán quỹ lương và tạo điều kiện thuận lợi về vật chất để những người dôi ra do sắp xếp lại tìm được việc làm có ích trong xã hội như sản xuất và dịch vụ. Mặt khác, phải hình thành sớm các tổ chức kinh doanh trên cơ sở tự hạch toán, từ công ty kinh doanh lương thực đến các công ty kinh doanh nội thương, ngoại thương và ngân hàng.

Quán triệt tinh thần cơ bản nói trên và cụ thể hoá nó trong từng việc làm cụ thể, chắc chắn, chúng ta sẽ thực hiện được bốn giảm: giảm tốc độ lạm phát, giảm dân nhìp độ tăng giá, giảm tốc độ bội chi ngân sách, giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương. Làm được việc đó là điều kiện cơ bản để giải phóng sức sản xuất, thu hẹp dần sự mất cân đối hàng - tiền, góp phần làm cho tình hình kinh tế - xã hội đi dần vào thế ổn định, thực hiện được điều mà V.I. Lenin căn dặn là: "Phải mau chóng chấm dứt cái trò ảo thuật cứ in tiền ra để chi tiêu".

Thưa các đồng chí,

Quá trình đấu tranh để ra được Nghị quyết là một việc khó. Quá trình đấu tranh để thực hiện Nghị quyết, đưa nó vào cuộc sống càng khó hơn. Ở đây có liên quan đến việc tổ chức chỉ đạo thực hiện. Điều quyết định trước hết là mỗi đồng chí Uỷ viên Trung ương phải suy nghĩ, nói và làm theo Nghị quyết, thống nhất từ trên xuống dưới, từ trong Đảng ra đến quần chúng. Đó là sức mạnh của chúng ta. Phải giải thích sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng các quan điểm và nội dung của Nghị quyết này theo phương châm: "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Mọi công việc đều phải làm như thế, đối với lĩnh vực phân phối lưu thông

phức tạp và khó khăn, càng phải làm như thế. Chỉ trên cơ sở đó, "dân tin Đảng, Đảng tin dân", tạo thành phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng. Phải làm rõ cho dân hiểu, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này là một bước tiến quan trọng, nhưng chưa thể thay đổi toàn bộ tình hình ngay một lúc. Không có phép màu nào có thể chuyển tình hình từ xấu và khó khăn tích tụ từ nhiều năm nay thành tốt ngay. Phải gỡ dần từng bước, tiến tới ổn định tình hình trong vài ba năm. Dựa vào quần chúng, cán bộ và đảng viên thì không có việc gì khó khăn mà chúng ta không vượt qua được, sau khi đã có chủ trương đúng.

Cũng phải thấy rằng, việc thực hiện Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ hai diễn ra không phải dễ dàng. Chúng ta vừa phải đấu tranh với quan điểm bảo thủ, trì trệ, sợ đổi mới; vừa phải đề phòng tư tưởng nóng vội, muốn làm ào àt, không tính đến bước đi. Cũng không kém phần nguy hại là thái độ cực đoan nhấn mạnh một chiều, như nói đến quan hệ hàng hoá - tiền tệ thì coi nhẹ tính kế hoạch hoặc ngược lại; chủ trương sử dụng đầy đủ quan hệ thị trường được hiểu lệch về phía thị trường tự phát, coi nhẹ việc cung cố và tăng cường thị trường có tổ chức; nhận thức về giá cả thuận mua vừa bán bất kỳ, buông lỏng vai trò hướng dẫn và quản lý của Nhà nước. Về mặt lý thuyết, không có ai phản đối sự thống nhất giữa dân chủ và tập trung cũng như giữa Trung ương và địa phương, nhưng trên thực tế việc làm vẫn thường xảy ra tình trạng tách rời, thậm chí đối nghịch giữa hai mặt đó. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết, chúng ta phải tiếp tục đấu tranh chống tập trung quan liêu gò bó, xa thực tiễn sinh động của quần chúng, đưa ra những quyết định cứng nhắc, áp đặt; đồng thời cũng lên án những hiện tượng tự do tuỳ tiện, vô tổ chức, vô kỷ luật, làm suy yếu sự lãnh đạo tập trung thống nhất.

Trong Nhà nước ta, tuyệt đối không thể chấp nhận lợi ích cục bộ địa phương làm phương hại đến lợi ích toàn

quốc, đồng thời dứt khoát tránh tình trạng nhân danh lợi ích của Trung ương mà làm hạn chế khả năng tích luỹ của địa phương, dẫn đến làm tê liệt tính chủ động, sáng tạo của họ. Hậu quả chung là làm suy yếu toàn bộ lợi ích chung của cả Trung ương và địa phương.

Mặt khác, cuộc đấu tranh để thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ hai nhất thiết phải gắn liền với cuộc vận động làm trong sạch Đảng và bộ máy nhà nước, chống các hiện tượng tiêu cực. Sắp tới, Bộ Chính trị sẽ ra Nghị quyết về vấn đề này. Phải xử lý nghiêm khắc nhất những cán bộ, dù ở cương vị nào, làm sai Nghị quyết, tham ô, móc ngoặc, thoái hoá, biến chất, trừng trị thích đáng bọn đầu cơ, tích trữ, phá rối thị trường. Các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài, cần động viên dư luận lên án những hành động vi phạm chính sách của Đảng và Nhà nước, các hành vi phạm pháp, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chống tiêu cực. Các cơ quan pháp luật của Nhà nước cần kịp thời truy tố chúng trước pháp luật để giữ vững kỷ cương, luật lệ của Nhà nước.

Sau Hội nghị này, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phải nhanh chóng triển khai việc thực hiện Nghị quyết. Với tinh thần chỉ đạo tập trung như chiến dịch, cần theo dõi diễn biến tình hình, phát hiện uốn nắn những lệch lạc, bổ sung, hoàn chỉnh những biện pháp đã ban hành, có sơ kết và tổng kết từng bước. Điều quan trọng là phải kịp thời, càng nhanh càng tốt, thể chế hoá về mặt nhà nước Nghị quyết của Đảng thành các chính sách, quy định cụ thể.

Như các đồng chí đã rõ, Hội nghị của chúng ta mới quyết

định những chủ trương lớn. Còn rất nhiều việc phải làm để cụ thể hoá những chủ trương đó. Ban Chấp hành Trung ương sẽ giao cho Bộ Chính trị và Ban Bí thư tổ chức chỉ đạo những việc cần phải tiếp tục làm, đặc biệt là việc hoàn chỉnh các phương án cụ thể. Tuy vậy, các địa phương và các ngành không phải chờ đợi Trung ương quyết định đầy đủ mọi việc mới triển khai việc thực hiện Nghị quyết. Trước mắt, căn cứ vào tinh thần của Nghị quyết, những việc gì đã rõ và có thể làm được ngay thì cứ tiến hành làm, những việc vượt quá thẩm quyền của mình thì có báo cáo và xin ý kiến cấp trên.

Thưa các đồng chí,

Mục tiêu, phương hướng và những chủ trương lớn đối với những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông đã được quyết định và nhất trí cao tại Hội nghị này. Với nghị lực và quyết tâm lớn, Ban Chấp hành Trung ương nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình trước toàn Đảng và toàn dân, nguyện phấn đấu để biến Nghị quyết của Trung ương thành hiện thực, giành ngay thắng lợi ở bước đầu tiên, tạo ra niềm tin tưởng và phấn khởi chung, đáp ứng được lòng mong đợi của nhân dân.

Tôi xin dừng lời ở đây và tuyên bố bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ hai.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

Ngày 18 tháng 4 năm 1987

**Giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối,
lưu thông**

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã họp từ ngày 1-4-1987 đến ngày 9-4-1987.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã đọc lời khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương thực hiện một trong những nhiệm vụ quan trọng do Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra là giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Hội nghị nhận định: Từ sau cuộc tổng điều chỉnh giá, lương, tiền cuối năm 1985, tình hình phân phối, lưu thông ngày càng xấu đi. Tình hình đó tác động rất xấu tới toàn bộ các hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt xã hội. Thực trạng nói trên là hậu quả tổng hợp của nhiều yếu tố cùng tác động trong nền kinh tế và đời sống

xã hội mà *nguyên nhân* chủ yếu, vừa sâu xa, vừa trực tiếp là việc duy trì quá lâu *cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, vi phạm quy luật khách quan trong quản lý kinh tế*.

Phương hướng vừa cơ bản, vừa cấp bách để giải quyết tình hình nói trên là xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn hoạt động của nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho toàn bộ hệ thống sản xuất, lưu thông hoạt động theo quy luật khách quan, tăng nhanh sản phẩm xã hội.

Hội nghị chỉ rõ: việc giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông nhằm *mục tiêu* giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động, trên cơ sở xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế và phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác, mở rộng giao lưu hàng hoá, giải phóng sức sản xuất.

Việc giải quyết những vấn đề nói trên phải thấu suốt *tư tưởng chỉ đạo*: *một là*, đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức phân phối, lưu thông theo hướng vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, lấy kế hoạch hoá làm trung tâm, mở rộng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, chuyển hẳn sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, gắn liền với đổi mới các khâu khác trong cơ chế quản lý. *Hai là*, bước đi phải phù hợp với điều kiện thực tế, vừa tích cực, vừa vững chắc; khẩn trương tiến hành những biện pháp đã thấy rõ là cần thiết và có điều kiện thực hiện; tránh lối làm nóng vội, giản đơn, nhất loạt, thiếu chuẩn bị, gây ra những biến động lớn, những hậu quả xấu về kinh tế và về xã hội. Trong mỗi bước đi, phải có sự đồng bộ về chính sách, biện pháp và tổ chức, đồng thời phải tập trung giải quyết khâu then chốt để xoay chuyển tình hình. *Ba là*, tăng cường hiệu lực lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương đi đôi với phát huy mạnh mẽ tính năng động,

sáng tạo của các cơ sở, địa phương và ngành. Tạo thành phong trào cách mạng của quần chúng trong việc giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông, gắn với cuộc vận động làm sạch tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. *Bốn là*, sử dụng có hiệu quả và mở rộng các hình thức hợp tác quốc tế về kinh tế, nhất là với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác, để có thêm điều kiện góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế cấp bách.

Hội nghị Trung ương đã quyết định những chính sách và biện pháp quan trọng dưới đây:

Chính sách trao đổi hàng hoá giữa Nhà nước và nông dân: Ngoài thuế là nghĩa vụ đóng góp bắt buộc, từ nay nghiêm cấm các ngành, các cấp tuỳ tiện giao thêm cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân "nghĩa vụ giao nộp sản phẩm" hoặc đặt thêm các khoản đóng góp gây thiệt hại cho dân; thực hiện tốt hơn phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Chính sách thuế nông nghiệp được cải tiến theo hướng khuyến khích sản xuất. Các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cần xác định mức khoán hợp lý. *Mức thuế và mức khoán được ổn định đến năm 1990.*

Mọi quan hệ trao đổi giữa các tổ chức kinh tế của Nhà nước với hợp tác xã, tập đoàn sản xuất nông nghiệp và các hộ nông dân phải *theo nguyên tắc bình đẳng, thuận mua vừa bán, bảo đảm cung cấp liên minh công - nông.*

Nhà nước xác định lại *tỉ giá* trao đổi hợp lý giữa vật tư và nông sản, theo hướng khuyến khích sản xuất. *Mức giá* mua thóc và các nông sản khác trong hợp đồng cũng như ngoài hợp đồng đều phải theo nguyên tắc thoả thuận, bảo đảm cho nông dân trong điều kiện sản xuất bình thường bù đắp được chi phí xã hội cần thiết và có lãi 30-40% so với giá thành (tỷ lệ lãi có phân biệt theo loại sản phẩm và theo vùng, đối với thóc là 40%). Phương thức mua, bán, thanh toán ngay bằng tiền theo giá đã thoả thuận ghi trong hợp đồng được vận dụng rộng rãi.

Hội nghị Trung ương đã quyết định *chuyển toàn bộ việc mua, bán lương thực của Nhà nước sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.* Các tổ chức kinh doanh lương thực có trách nhiệm bảo đảm lương thực cho các đối tượng Nhà nước quy định, được giao đủ quyền hạn, phương tiện tương ứng với trách nhiệm, kinh doanh theo cơ chế tự chủ về tài chính, tự bù đắp chi phí, không lấy lãi trong việc bán lương thực cho những nhu cầu thiết yếu và Nhà nước không bù lỗ. Các tổ chức kinh doanh nói trên phát triển *kinh doanh tổng hợp* (mua bán, chế biến, xuất nhập khẩu lúa, màu, phụ phẩm, v.v..), lấy lãi ở khâu kinh doanh này bù lỗ cho khâu kinh doanh khác. Việc chuyển sang cơ chế kinh doanh lương thực phải được xúc tiến khẩn trương để thực hiện từ vụ mùa sớm và vụ mùa năm 1987. Trước mắt, việc mua lương thực trong hợp đồng kinh tế đối với vụ đông xuân và vụ hè thu tạm giữ theo tỉ giá và mức giá hiện hành ở các địa phương. Ngoài phần mua theo hợp đồng, các địa phương mua phần nông sản hàng hoá còn lại theo giá thoả thuận, linh hoạt, đấu tranh khắc phục từng bước tính tự phát của giá cả thị trường tự do. Điều quan trọng hàng đầu là tổ chức kinh doanh của Nhà nước phấn đấu đáp ứng nhu cầu vật tư cho nông nghiệp, chấn chỉnh ngay việc kinh doanh vật tư, hàng hoá, bảo đảm đưa đến các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và các hộ nông dân một cách kịp thời, đúng giá quy định và không mất mát, không được tuỳ tiện cộng thêm các loại phí và lãi không hợp lý qua các cấp trung gian, đẩy giá lên cao. Trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các hợp đồng bán sản phẩm đã ký với các tổ chức kinh tế của Nhà nước, các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và hộ nông dân được quyền tự do lưu thông, tiêu thụ lương thực, thực phẩm và các nông sản hàng hoá khác, trừ một số sản phẩm không được tự do lưu thông do Nhà nước quy định.

Hội nghị Trung ương định chính sách đối với các *xí nghiệp quốc doanh* nhằm chuyển các xí nghiệp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, phát huy được vai trò chủ đạo trong

nền kinh tế, bảo đảm lợi ích của cả Nhà nước, tập thể và người lao động.

Tính đúng, tính đủ giá "đầu vào" và "đầu ra" để thúc đẩy hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, song phải xử lý từng bước, trên nguyên tắc không cản trở sản xuất, lưu thông, không gây đột biến giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp và phù hợp với sức mua của nhân dân lao động. Trên cơ sở tỉ giá kết toán hợp lý đối với hàng nhập khẩu, Nhà nước tính đủ giá vật tư, tính khấu hao tài sản cố định với mức độ có phân biệt đối với từng ngành; và tuỳ theo loại sản phẩm, loại xí nghiệp mà có cách xử lý khác nhau ở "đầu ra".

Vật tư do Nhà nước quản lý cung ứng cho các xí nghiệp quốc doanh theo chỉ tiêu kế hoạch và định mức *phải chuyển sang phương thức kinh doanh*, mua bán theo hợp đồng, với giá cả được điều chỉnh hợp lý.

Giá bán sản phẩm của xí nghiệp sản xuất cho các tổ chức lưu thông được xác định trên cơ sở *lấy giá bán lẻ kinh doanh thương nghiệp* (đối với hàng tiêu dùng) hoặc *giá bán buôn vật tư* (đối với tư liệu sản xuất) trừ chiết khấu lưu thông, bảo đảm thu tích luỹ vào ngân sách nhà nước ngay từ khâu sản xuất. Trong năm 1987, *đổi mới chế độ thu quốc doanh*, bỏ cách tính lợi nhuận định mức dựa trên giá thành của từng xí nghiệp.

Xí nghiệp quốc doanh được dùng nhiều hình thức để *huy động vốn của mọi tập thể và cá nhân ở trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài*.

Hội nghị Trung ương còn quyết định chính sách đổi với tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp.

Sẽ thay đổi và cụ thể hóa chính sách đổi với kinh tế cá thể và kinh tế tư bản tư nhân theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng để mọi người yên tâm bỏ vốn sản xuất, kinh doanh, khuyến khích các hình thức hùn vốn, hợp tác, làm ăn tập thể từ thấp đến cao và các hình thức liên kết với các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Đối với các cơ sở sản xuất tiểu, thủ công nghiệp (tập thể, gia đình, cá thể và tư bản tư nhân), *các tổ chức kinh doanh của Nhà nước bán vật tư theo giá kinh doanh* (ngang với giá bán cho khu vực quốc doanh) và *mua sản phẩm theo giá thoả thuận*, chủ yếu thông qua hợp đồng kinh tế trên nguyên tắc bình đẳng. Người sản xuất có quyền tự do tiêu thụ sản phẩm ngoài hợp đồng theo chính sách lưu thông hàng hoá của Nhà nước. Việc định giá công phải theo nguyên tắc thoả thuận, bảo đảm người sản xuất có thu nhập và lãi thoả đáng, xoá bỏ thói ép buộc, cửa quyền và các hiện tượng tiêu cực khác. Hình thức gia công thương nghiệp chỉ áp dụng chủ yếu đối với những sản phẩm dùng nguyên liệu quý hiếm. Những cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu được hưởng quyền sử dụng một phần ngoại tệ thu được để nhập vật tư cho sản xuất. *Chế độ thuế đối với tiểu, thủ công nghiệp được cải tiến*, phân biệt và ưu đãi so với thương nghiệp. Nhà nước miễn thuế hoặc giảm thuế xuất đối với một số sản phẩm xuất khẩu, đổi với các cơ sở sản xuất mới xây dựng hoặc mở rộng theo những mục tiêu kinh tế cần ưu tiên; công bố chính sách thuế thống nhất, các địa phương không được tự đặt các thứ thuế và phụ thu ngoài quy định của Nhà nước, kiểm tra việc kê khai doanh số và nộp thuế, xử phạt theo đúng pháp luật những trường hợp khai man, trốn thuế.

Các chính sách kinh tế, xã hội đổi với kinh tế tập thể, cá thể, tư bản tư nhân được soát xét lại, xoá bỏ mọi định kiến hẹp hòi và những quy định mang tính chất phân biệt đối xử không hợp lý (như trong chế độ tín dụng, cung ứng vật tư, quy định về tuyển sinh, đào tạo cán bộ, công nhân kỹ thuật, tiêu chuẩn gửi con vào nhà trẻ, mẫu giáo...).

Hoạt động của các tổ chức vật tư, nội thương, ngoại thương, vận tải phải chuyển mạnh sang kinh doanh, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi.

Giải tỏa lưu thông hàng hoá đi đôi với chuyển mạnh thương nghiệp xã hội chủ nghĩa sang kinh doanh, tiếp tục xoá bỏ ngay tất cả các hình thức cấm đoán lưu thông, chia cắt thị

trường theo địa giới hành chính, thực hiện tốt chủ trương giải thể các trạm kiểm soát hàng hoá trên các đường giao thông trong cả nước. *Ngành thương nghiệp phấn đấu chiếm lĩnh thị trường xã hội, trước hết về những mặt hàng thiết yếu, không được tùy tiện nâng giá để hưởng chênh lệch giá ngoài chiết khấu thương nghiệp.*

Hoạt động của thương nghiệp quốc doanh được tổ chức lại, loại bỏ những tầng nấc trung gian vô ích, giảm mạnh phí lưu thông bất hợp lý. Các tổng công ty trung ương đưa thẳng hàng hoá từ trung tâm bán buôn đến các xí nghiệp thương nghiệp bán lẻ; xoá bỏ ngay các tổ chức buôn bán của các cơ quan, đơn vị không có chức năng và không được phép kinh doanh thương nghiệp. Trừng trị đích đáng bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn ăn cắp trong hoạt động thương nghiệp và trong bộ máy nhà nước.

Cơ chế quản lý giao thông vận tải được đổi mới theo hướng hạch toán kinh doanh, đáp ứng yêu cầu mở rộng lưu thông vật tư hàng hoá. Kinh tế tập thể, kinh tế gia đình, cá thể, tư nhân, được khuyến khích mua, đóng phương tiện và đăng ký kinh doanh vận tải, chủ yếu là vận tải đường ngắn.

Hội nghị Trung ương đã quyết định chính sách xuất, nhập khẩu và tỷ giá hối đoái.

Hội nghị Trung ương khẳng định yêu cầu bức thiết là giảm bớt khó khăn, dần dần ổn định đồi sống công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, giải quyết từng bước vấn đề tiền lương và đời sống một cách tích cực và vững chắc, phù hợp với kết quả sản xuất, với khả năng cân đối ngân sách, cân đối tiền - hàng. Phải có những biện pháp toàn diện để đáp ứng yêu cầu đó, quan trọng nhất là việc giải quyết lương phải gắn với giảm được nhịp độ tăng giá trên thị trường xã hội, khuyến khích và giúp đỡ phát triển kinh tế gia đình

trong sản xuất và dịch vụ. Công nhân, viên chức được lao động cá thể ngoài giờ chính quyền. Tình hình hiện nay chưa cho phép sửa đổi ngay chế độ tiền lương ban hành tháng 9-1985 mà chỉ có thể điều chỉnh bộ phận, chủ yếu là đổi với một số thang, bậc lương công nhân kỹ thuật và cán bộ khoa học, kỹ thuật, đồng thời dùng hình thức lương sản phẩm và tiền thưởng để khắc phục một phần tính chất bình quân và những chỗ không hợp lý trong chế độ lương hiện hành.

Đối với quân đội và công an, Nhà nước bảo đảm cung cấp cho chiến sĩ và hạ sĩ quan đủ lương thực, thực phẩm, quân trang, quân dụng theo định lượng, đúng thời gian và địa điểm; ưu tiên cho các lực lượng ở tuyến đầu và ở những nơi khó khăn. Đối với sĩ quan và quân nhân chuyên nghiệp, thực hiện bù giá vào lương như công nhân, viên chức.

Đối với công nhân, viên chức khu vực sản xuất, phấn đấu khôi phục tiền lương thực tế ngang mức đã quy định tháng 9-1985 và hạch toán đầy đủ vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông trên cơ sở phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất, tự trang trải quỹ tiền lương, bảo đảm thực hiện kế hoạch nhà nước, trong đó có các khoản nộp ngân sách. Chấm dứt việc dùng sản phẩm hoặc các khoản thu nhập không chính đáng để trả lương, thưởng, phân phối nội bộ. Đối với một số xí nghiệp chưa đủ sức tự trang trải thì Nhà nước sẽ xử lý từng trường hợp riêng biệt. Thực hiện rộng rãi chế độ lương khoán, lương sản phẩm đi đôi với soát xét lại định mức và thực hiện chặt chẽ việc nghiệm thu sản phẩm. Đối với tiền thưởng cuối năm ngoài quỹ lương, tạm thời quy định giới hạn tối đa để hạn chế mức chênh lệch quá đáng về thu nhập giữa

các xí nghiệp. Đặc biệt khuyến khích việc thưởng sáng chế, sáng kiến cải tiến kỹ thuật.

Đối với công nhân, viên chức khu vực hành chính, sự nghiệp, từng bước khôi phục tiền lương thực tế ngang mức quy định tháng 9-1985.

Những nơi có điều kiện thì thực hiện bù giá vào lương theo cơ cấu hiện vật của tiền lương tối thiểu đã quy định tháng 9-1985 và được tính theo giá kinh doanh thương nghiệp; trước mắt, mức bù đât được bao nhiêu phần trăm tiền lương thực tế tháng 9-1985 sẽ do các tỉnh, thành phố quyết định tùy điều kiện cụ thể về cân đối tiền - hàng, cân đối ngân sách của địa phương và thoả thuận với Bộ Tài chính để giải quyết thống nhất cho công nhân, viên chức thuộc ngân sách trung ương sống trên đất địa phương. Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo, hướng dẫn chặt chẽ mức bù giá để không gây ra những biến động xấu và tránh tình trạng quá chênh lệch giữa các địa phương và các ngành.

Đối với những nơi trước mắt chưa bù giá vào lương hoặc chỉ bù giá vào lương trong phạm vi sáu mặt hàng định lượng thì thực hiện trợ cấp khó khăn tuỳ theo khả năng ngân sách.

Đối với cán bộ khoa học, kỹ thuật, khuyến khích và tạo điều kiện cho các cơ sở nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, các cán bộ khoa học, kỹ thuật quan hệ trực tiếp với các tổ chức và cơ sở sản xuất, kinh doanh bằng nhiều hình thức, qua đó, tăng thêm thu nhập theo hiệu quả cống hiến đối với sản xuất. Các cơ sở nghiên cứu ứng dụng và triển khai kỹ thuật chuyển dần sang chế độ hạch toán kinh tế, tự bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí.

Đối với công nhân, viên chức ngành giáo dục, y tế, ngoài những biện pháp chung, được mở lớp dạy học và khám bệnh ngoài giờ do trường học và bệnh viện tổ chức để góp phần cải thiện đời sống.

Đối với các cơ quan quản lý hành chính và bộ phận gián tiếp sản xuất, sắp xếp lại tổ chức bộ máy và giảm mạnh biên chế, thực hiện việc khoán quỹ lương cho những cơ quan đã định

lại tổ chức và biên chế. Định tỷ lệ hợp lý số người gián tiếp sản xuất. Giúp đỡ về vật chất, tiền vốn và thực hiện các chính sách khuyến khích người dôi ra trong khu vực hành chính và trong bộ phận gián tiếp sản xuất chuyển sang trực tiếp sản xuất và hoạt động dịch vụ, kể cả chuyển sang khu vực kinh tế tập thể.

Đối với cán bộ xã và phường, điều chỉnh tiền phụ cấp hiện hành theo thời giá, khẩn trương nghiên cứu để sớm có chính sách đai ngộ thoả đáng hơn.

Trợ cấp đối với người về hưu và những người hưởng trợ cấp xã hội được điều chỉnh tương ứng với mức giải quyết về tiền lương cho công nhân, viên chức ở khu vực hành chính, sự nghiệp. Tìm mọi biện pháp giúp đỡ những người đang gặp nhiều khó khăn trong đời sống, đặc biệt là thương binh nặng, gia đình liệt sĩ neo đơn và những cán bộ cách mạng lão thành đã về hưu.

Hội nghị Trung ương đã quyết định nhiều chính sách và biện pháp tăng thu, hạn chế bội chi ngân sách và giảm nhịp độ lạm phát, kiện toàn Ngân hàng Nhà nước, phát triển các ngân hàng chuyên nghiệp.

Các biện pháp cấp bách về phân phối lưu thông lần này thực hiện trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn, phức tạp, song cũng có những thuận lợi. Phải phát động phong trào cách mạng của quần chúng, gắn với cuộc vận động làm trong sạch các tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Các cấp bộ đảng phải nói rõ với dân những khó khăn của đất nước, chủ trương giải quyết của Đảng và Nhà nước, trách nhiệm của mỗi người, của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện. Làm cho mọi người hiểu rằng: *điều cốt lõi để thực hiện tốt Nghị quyết này là các cấp, các ngành, các cơ sở phải chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ra sức phát triển sản xuất với năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, triệt để tiết kiệm, trên cơ sở đó bảo đảm lợi ích của cả Nhà nước, tập thể và người lao động.*

Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ta nhận rõ tình hình, nhiệm vụ, phát huy tinh thần làm chủ đất nước, đồng tâm nhất trí, quyết tâm thực hiện bằng được trong bước đi trước mắt những chủ trương, biện pháp cấp bách về phân phối, lưu thông, góp phần thực hiện mục tiêu ổn định tình hình kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI đã nêu ra.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 06-CT/TW, ngày 18 tháng 4 năm 1987

**Về việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết
Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng
(khoá VI) giải quyết những vấn đề cấp bách về
phân phối, lưu thông**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã thảo luận và quyết định chủ trương, biện pháp giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông.

Dây là những vấn đề hệ trọng liên quan trực tiếp đến đời sống và sản xuất mà toàn Đảng, toàn dân đang mong đợi và phải giải quyết trong hoàn cảnh có những khó khăn, phức tạp. Việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết cần được chỉ đạo chặt chẽ, có chuẩn bị chu đáo, tiến hành khẩn trương, đồng bộ, với những bước đi vững chắc.

Các cấp uỷ đảng và các ngành cần chú trọng chỉ đạo thực hiện tốt những việc sau đây:

1. *Tổ chức thông báo nhanh Nghị quyết của Trung ương trong đảng viên và nhân dân*

Yêu cầu của đợt này là thông báo rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tinh thần và nội dung cơ bản của Nghị quyết, nói rõ những khó khăn và nguyên nhân; những mục tiêu, chủ trương và biện pháp giải quyết của Đảng và Nhà nước; trách nhiệm của mỗi người, mỗi ngành, mỗi địa phương và cơ sở trong việc thực hiện.

Các đồng chí Uỷ viên Trung ương dựa vào Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và hai bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, trực tiếp truyền đạt Nghị quyết cho cán bộ lãnh đạo các ngành, các đoàn thể, các huyện, quận, thị xã, hoặc cán bộ lãnh đạo cục, vụ, viện, tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp... Các tỉnh, thành phố hoặc các ngành lớn có nhiều cơ sở trực thuộc có thể tổ chức hội nghị theo khu vực. Các cán bộ đã được bồi dưỡng nội dung Nghị quyết toả nhanh về cơ sở, truyền đạt Nghị quyết cho đảng viên. Đối với các tỉnh, thành các ngành ở Trung ương không có Uỷ viên Trung ương phụ trách, Ban Bí thư tổ chức truyền đạt Nghị quyết để các đồng chí lãnh đạo các ngành và địa phương trên thông báo kịp thời đến cán bộ, đảng viên.

Các báo, đài phát thanh, đài truyền hình công bố thông báo của Ban Chấp hành Trung ương về Hội nghị Trung ương và hai bài phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh; dựa vào những văn kiện đó, viết một số bài giải thích Nghị quyết, chú ý có những bài sát hợp với những đối tượng khác nhau (nông dân, công nhân, thợ thủ công, cán bộ, nhân viên thương nghiệp, vật tư, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, cán bộ khoa học, kỹ thuật, cán bộ và nhân viên hành chính, sự nghiệp, cán bộ về hưu...).

Đợt thông báo này cần làm xong chậm nhất vào đầu tháng 5-1987 gắn với chỉ đạo thực hiện các công tác cấp bách trước mắt trong sản xuất và đời sống nhân dân.

2. Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, bộ, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương mở hội nghị cán bộ nghiên cứu và bàn việc thực hiện Nghị quyết

Hội nghị cán bộ của các cấp, các ngành cần tiến hành trong nửa đầu tháng 5-1987. Yêu cầu của hội nghị là thảo luận quán triệt quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, các mục tiêu, chủ trương, biện pháp Nghị quyết Trung ương đã đề ra, liên hệ thực tế của ngành và địa phương, nâng cao ý thức trách nhiệm, phát huy những kết quả đã đạt được và khắc phục những khuyết điểm. Trên cơ sở đó, bàn bạc và quyết định kế hoạch thực hiện cụ thể của ngành và địa phương mình trong thời gian trước mắt, từ nay đến năm 1987. Kế hoạch thực hiện phải nêu rõ những việc phải làm, phân công cụ thể và thời hạn phải làm xong.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có chương trình, kế hoạch bảo đảm sớm cụ thể hoá và thể chế hoá Nghị quyết Trung ương thành các chủ trương, chính sách của Nhà nước và tổ chức chỉ đạo thực hiện Nghị quyết một cách đồng bộ, khẩn trương, kiên quyết và vững chắc. Coi trọng việc làm thủ, sơ kết rút kinh nghiệm, phổ biến những kinh nghiệm tốt, uốn nắn những lách laced.

Các bộ, các ngành ở Trung ương cần chú trọng bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiên cứu nắm chắc tinh thần và nội dung Nghị quyết để có khả năng giúp cho bộ và ngành mình làm tốt chức năng giúp Đảng và Nhà nước sớm ban hành được các chính sách cụ thể để thực hiện Nghị quyết và tổ chức thực hiện Nghị quyết có kết quả tốt trong ngành và cơ quan mình.

Các tỉnh, thành, căn cứ tinh thần Nghị quyết Trung ương, có kế hoạch giải quyết những việc đã rõ trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của địa phương có thể làm ngay, không nhất thiết chờ có đầy đủ các quyết định của Trung ương mới triển khai thực hiện Nghị quyết. Đối với những việc vượt quá

thẩm quyền của địa phương thì phải báo cáo xin ý kiến Trung ương.

Các ngành, các địa phương cần chỉ đạo chặt chẽ việc quán triệt và bàn việc thực hiện Nghị quyết trong đảng viên và quần chúng ở cơ sở (xí nghiệp, hợp tác xã, công ty...). Bồi dưỡng một số cán bộ có năng lực nắm vững Nghị quyết, đi làm thử và kiểm tra ở các đơn vị cơ sở để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung.

Các ban kinh tế và các ban khác của Trung ương Đảng giúp Ban Bí thư góp ý kiến với các bộ trong việc xây dựng chính sách, chế độ, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Trung ương.

3. Ban Tuyên huấn Trung ương có kế hoạch hướng dẫn các cấp, các ngành chỉ đạo các hoạt động tuyên truyền, giáo dục phục vụ việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết gắn với tổ chức phong trào hành động cách mạng của quần chúng và cuộc vận động làm sạch các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước và làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

Cần chú trọng mấy việc sau đây:

- Đưa nội dung Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng vào đợt đảng viên nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VI và vào chương trình giáo dục của các trường đảng. Trên cơ sở làm quán triệt các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo của Đảng, công tác tư tưởng phải chú trọng ngăn ngừa và uốn nắn những khuynh hướng không đúng như: chân chừ, do dự, muốn trở lại cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, nóng vội, thoát ly tình hình thực tế, bỏ qua những bước quá độ cần thiết trong xây dựng và thực hiện cơ chế mới, hoặc giản đơn, không thấy đúng mức những khó khăn, khi vấp váp sinh hoài nghi, dao động.

Phải đấu tranh chống tập trung quan liêu, đưa ra những quyết định cứng nhắc, áp đặt, đồng thời chống những hiện tượng tự do, tuỳ tiện, cục bộ, địa phương; bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất ý chí và hành động từ trên xuống dưới, nói và làm theo Nghị quyết của Đảng. Tinh thần trách nhiệm của đảng viên phải thể hiện thành hành động góp phần tích cực vào việc cụ thể hoá và thực hiện Nghị quyết của Đảng.

- Báo, đài và các phương tiện thông tin đại chúng khác, ngoài việc góp phần giải quyết các chủ trương, biện pháp của Đảng và Nhà nước và những chính sách cụ thể sẽ ban hành, cần thông qua phản ánh phong trào quần chúng thực hiện Nghị quyết, giới thiệu những kết quả và kinh nghiệm tốt của các ngành, các địa phương và cơ sở, uốn nắn những lêch lạc, phê phán những hiện tượng tiêu cực.

- Cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành trực tiếp giải thích chủ trương, chính sách của Đảng trong các cuộc gặp gỡ đảng viên và quần chúng ở cơ sở, khuyến khích quần chúng kiến nghị với Đảng và Nhà nước những biện pháp xây dựng để thực hiện tốt Nghị quyết và chính sách của Đảng, phát hiện những việc làm sai, tố giác những hoạt động chống đối, phá hoại.

- Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục phải kịp thời chống những luận điệu của phần tử xấu hoặc kẻ địch tung ra hòng phá rối nền kinh tế của ta, gieo rắc hoang mang trong nhân dân, làm giảm lòng tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng.

T/M BAN BÍ THU
ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 01-NQ/TW, ngày 2 tháng 5 năm 1987

**Về tổ chức kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng
xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại
(7-11-1917 – 7-11-1987)**

I

Năm nay, cùng với nhân dân Liên Xô, nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và toàn thể loài người tiến bộ, toàn dân ta kỷ niệm trọng thể lần thứ 70 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, sự kiện lịch sử vĩ đại, "mở ra con đường giải phóng cho các dân tộc và cả loài người, mở đầu một thời đại mới trong lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên toàn thế giới"¹.

Bảy mươi năm sau Cách mạng Tháng Mười, ngày nay Liên Xô đã trở thành nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh về mọi mặt, trụ cột vững chắc của hoà bình thế giới, chỗ dựa đáng

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, xuất bản lần thứ hai, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, t. 12, tr. 301.

tin cậy của tất cả các dân tộc đang đấu tranh chống các thế lực đế quốc và phản động.

Điều đặc biệt có ý nghĩa là nhân dân Liên Xô đón chào kỷ niệm 70 năm Cách mạng Tháng Mười trong khí thế quyết tâm thực hiện thắng lợi công cuộc cải tổ, bằng những thành tựu mới trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ 27 Đảng Cộng sản Liên Xô. Đại hội lần thứ 27 đã mở ra một giai đoạn phát triển mới, năng động trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội trên đất nước Xôviết. Đối với những người cộng sản trên toàn thế giới, trong đó có chúng ta, Đại hội lần thứ 27 Đảng Cộng sản Liên Xô là tấm gương về tinh thần cách mạng léninnít, thái độ dũng cảm, trung thực và quyết tâm đổi mới của những người cộng sản Liên Xô. Đất nước của Cách mạng Tháng Mười tiếp tục nêu cao vai trò tiên phong trong việc khai phá con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Bảy mươi năm qua, kể từ sau Cách mạng Tháng Mười, bộ mặt của hành tinh chúng ta đã có những biến đổi sâu sắc. Chủ nghĩa xã hội đã trở thành hệ thống thế giới, không ngừng lớn mạnh và đang bước vào giai đoạn phát triển mới với chất lượng mới. Phạm vi thống trị và khu vực ảnh hưởng của chủ nghĩa đế quốc nhanh chóng thu hẹp. Nhiều khu vực "hậu phương" của chúng trước đây, ngày nay đã trở thành trận tuyến của cách mạng, trong đó có nhiều nước đã chọn con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa. Trong lòng các nước tư bản chủ nghĩa, cùng với cuộc khủng hoảng ngày càng trầm trọng của chủ nghĩa đế quốc, giai cấp công nhân và nhân dân lao động ngày càng tăng cường đoàn kết và đẩy mạnh đấu tranh. Đặc biệt phong trào nhân dân thế giới chống chiến tranh hạt nhân, vì hoà bình và sự sống, tập hợp những lực lượng ngày càng đông đảo thuộc mọi tầng lớp xã hội ở tất cả các nước đã trở thành một sức mạnh chính trị to lớn của thời đại. Nhưng rõ ràng các thế lực đế quốc và phản động chưa chịu từ bỏ những âm mưu đen tối của chúng. Các lực lượng hoà bình và cách mạng với tinh thần cảnh giác

đang tăng cường đoàn kết đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân chắc chắn bảo vệ được hòa bình, bảo vệ sự sống trên hành tinh.

Đi theo con đường của Cách mạng Tháng Mười, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện nước ta, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện đã lãnh đạo toàn dân vượt qua muôn vàn khó khăn gian khổ, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, đưa cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới: xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, chúng ta đang phải khắc phục nhiều khó khăn. Giờ đây, nhân dân ta đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, tiến hành các quá trình đổi mới nhằm từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân, đưa sự nghiệp cách mạng nước ta tiếp tục tiến lên.

Những thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong hơn nửa thế kỷ qua gắn liền với những tư tưởng của Cách mạng Tháng Mười, với học thuyết bất diệt của Lê nin, gắn liền với sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Đảng, Chính phủ và nhân dân Liên Xô, của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bạn bè khắp năm châu.

II

Căn cứ tình hình và nhiệm vụ nói trên, *Bộ Chính trị quyết định* toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tổ chức kỷ niệm trọng thể lần thứ 70 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười nhằm các yêu cầu chính sau đây:

- Thông qua việc giới thiệu những thành tựu về mọi mặt, những biến đổi sâu sắc diễn ra trên đất nước Liên Xô và trên toàn thế giới trong 70 năm qua mà nói lên ý nghĩa lịch sử của Cách mạng Tháng Mười, biểu dương lực lượng hùng

mạnh và tính hơn hẳn của chủ nghĩa xã hội, khẳng định thế chủ động, tiến công của các lực lượng cách mạng và hoà bình, đồng thời với việc tiếp tục nâng cao cảnh giác đối với âm mưu của các thế lực đế quốc và phản động.

- Thông qua việc tiếp tục tuyên truyền đường lối đối nội, đối ngoại mà Đại hội lần thứ 27 Đảng Cộng sản Liên Xô cũng như đại hội đảng các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là giới thiệu tình hình và kinh nghiệm của công cuộc cải tổ sâu sắc và toàn diện đang tiến hành ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, vận dụng đúng đắn những kinh nghiệm ấy mà thúc đẩy quá trình đổi mới ở nước ta, động viên phong trào quần chúng thi đua thực hiện tốt những nhiệm vụ, mục tiêu do Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nêu ra và chấp hành nghiêm chỉnh Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI).

- Biểu thị tình đoàn kết hữu nghị và lòng biết ơn sâu sắc của Đảng, Chính phủ và nhân dân ta đối với sự ủng hộ và giúp đỡ to lớn, có hiệu quả của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác đối với cách mạng Việt Nam; phấn đấu không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác giữa hai bên.

III

Sau đây là một số biện pháp thực hiện:

- Tổ chức mít tinh trọng thể kỷ niệm 70 năm Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười tại Thủ đô Hà Nội và tất cả các tỉnh, thành, đặc khu, các cơ quan, xí nghiệp lớn trong cả nước, các đơn vị quân đội và công an.

2. Tiến hành đợt tuyên truyền giáo dục sâu rộng trong cả nước theo những yêu cầu nói trên. Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn các cấp, các ngành, các đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng làm tốt việc này.

3. Tổ chức việc nghiên cứu một cách thiết thực những bài học quý báu, những kinh nghiệm lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, chú trọng những quan điểm lý luận mới, những vấn đề nóng hổi của công cuộc cải tổ và đổi mới mà các nước anh em đang tiến hành, gắn với những vấn đề lý luận và thực tiễn của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong chặng đường hiện nay. Viện Mác - Lênin, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Uỷ ban Khoa học Xã hội và các cơ quan nghiên cứu khoa học khác tổ chức một số cuộc hội thảo khoa học - thực tiễn về các đề tài này.

4. Tổ chức các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, triển lãm, chiếu phim, thể dục thể thao, v.v. có tính chất quần chúng rộng rãi theo những chủ đề tuyên truyền giáo dục của đợt kỷ niệm; chú ý việc xuất bản những tác phẩm ưu tú của văn học Xôviết và việc trình diễn những vở kịch, những tác phẩm âm nhạc của các tác giả nổi tiếng Liên Xô. Bộ Văn hoá, Bộ Thông tin, Tổng cục Thể dục thể thao, các Hội Văn học nghệ thuật chỉ đạo triển khai các biện pháp này.

5. Bộ Văn hoá có kế hoạch tổ chức những ngày văn hoá Liên Xô tại Việt Nam.

6. Đẩy mạnh phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong các ngành, các cơ sở với mục tiêu cụ thể và hiệu quả thiết thực. Tổng Công đoàn Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội hữu nghị Việt - Xô phối hợp với bạn tổ chức tốt phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa giữa các tập thể

lao động Việt Nam và Liên Xô trên các công trình hợp tác Việt - Xô.

7. Các ngành, các cấp tổ chức hoạt động chào mừng, biểu dương, khen thưởng cán bộ, chuyên gia Liên Xô đang công tác ở Việt Nam, Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao chủ trì phối hợp thực hiện biện pháp này.

T/M BỘ CHÍNH TRI
TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN BÍ THU**

Số 12-TB/TW, ngày 20 tháng 5 năm 1987

**Về việc đổi tên Trường Đảng cao cấp
Nguyễn Ái Quốc, Viện Mác - Lênin
và Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh**

Sau khi nghe báo cáo về việc thi hành Nghị quyết 34-NQ/TW, Bộ Chính trị đã quyết định về Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Trường Nguyễn Ái Quốc đặc biệt, Trường Chính trị đặc biệt (K), Viện Mác - Lênin và Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh như sau:

1. Chuyển Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc thành Học viện Nguyễn Ái Quốc trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương. Ban Bí thư uỷ nhiệm Học viện thay Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn ba trường Nguyễn Ái Quốc I, II, III về nội dung, phương pháp giáo dục, về nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy.

Trường Nguyễn Ái Quốc đặc biệt, Trường Chính trị đặc biệt kết thúc nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Lào và Campuchia. Học viện Nguyễn Ái Quốc đảm nhiệm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cao cấp, trung cấp và cán

bộ lý luận trên đại học do Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia cử sang. Cán bộ, nhân viên Trường Nguyễn Ái Quốc đặc biệt và lớp học đang mở chuyển về Trường Nguyễn Ái Quốc 10. Cán bộ, nhân viên Trường Chính trị đặc biệt và lớp học đang mở chuyển về Học viện Nguyễn Ái Quốc.

2. Viện Mác - Lênin nghiên cứu về lịch sử Đảng, về Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo của Đảng, về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, về chủ nghĩa xã hội khoa học và xây dựng Đảng.

Chuyển việc xuất bản sách kinh điển Mác - Lênin và các cán bộ làm việc này ở Viện Mác - Lênin về Nhà xuất bản Sự thật.

3. Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh đổi thành Bảo tàng Hồ Chí Minh, là đơn vị sự nghiệp thuộc Hội đồng Bộ trưởng. Ban Bí thư uỷ nhiệm Viện Mác - Lênin hướng dẫn về phương hướng, nội dung hoạt động của Bảo tàng.

Các cơ quan được quyết định trong văn bản này cùng với các Ban Tổ chức Trung ương, Tuyên huấn Trung ương, Tài chính - Quản trị Trung ương và các cơ quan khác liên quan tổ chức thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THU

NGUYỄN ĐỨC TÂM

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THU**

Số 08-TT/TW, ngày 25 tháng 5 năm 1987

**Về kỷ niệm 10 năm Hiệp ước hữu nghị
và hợp tác Việt Nam - Lào (18-7-1977 – 18-7-1987)**

1. Năm nay nhân dân hai nước Việt Nam và Lào kỷ niệm 10 năm Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực về cơ bản chuyển biến có lợi cho cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ba nước Đông Dương. Đồng thời, ba nước cũng đang khắc phục những khó khăn, thách thức mới, đấu tranh chống âm mưu của địch, hòng làm suy yếu liên minh đoàn kết chiến đấu giữa ba nước.

Việt Nam và Lào cũng như Campuchia đang tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội của Đảng mìn với tinh thần đổi mới nhằm xây dựng và bảo vệ đất nước; đang chuẩn bị hội nghị cấp cao ba nước lần thứ hai nhằm không ngừng củng cố và tăng cường liên minh đoàn kết chiến đấu Việt Nam - Lào - Campuchia và tăng cường đoàn kết giữa ba nước với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong giai đoạn mới.

2. Trong bối cảnh đó, Ban Bí thư quyết định tổ chức kỷ niệm trọng thể 10 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào, nhằm đạt những yêu cầu thiết thực sau đây:

- Tuyên truyền giáo dục sâu rộng làm cho nhân dân ta quán triệt ý nghĩa sống còn của việc tăng cường liên minh đoàn kết chiến đấu Việt - Lào cũng như Việt - Lào - Campuchia, nhất là trong giai đoạn mới; thấy rõ những thành tích to lớn trong việc thực hiện Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào trên tất cả các lĩnh vực, đồng thời kiểm điểm những thiếu sót, tồn tại trong việc hợp tác giữa hai nước để có biện pháp thiết thực nhằm đổi mới và nâng cao hiệu quả hợp tác.
- Khẳng định quyết tâm của nhân dân ta trong việc củng cố và tăng cường *liên minh ba nước*, làm tròn nghĩa vụ quốc tế, kiên quyết làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của đế quốc và các lực lượng phản động khác nhằm làm suy yếu liên minh ba nước.

- Làm rõ lập trường đúng đắn và thái độ thiện chí của ba nước trên bán đảo Đông Dương, kiên quyết phán đấu cho một giải pháp chính trị về vấn đề Campuchia, cho một Đông Nam Á hòa bình, ổn định và hợp tác; lên án các lực lượng đế quốc và phản động mưu toan gây đối đầu, làm mất ổn định trong khu vực.

3. Biện pháp thực hiện:

- a) Tổ chức Tháng hữu nghị Việt - Lào từ đầu tháng 7. Ban Tuyên huấn Trung ương hướng dẫn các cấp, các ngành, các đoàn thể, các phương tiện thông tin đại chúng làm tốt đợt tuyên truyền sâu rộng trong cả nước theo yêu cầu trên. Các ngành, các địa phương kiểm điểm sâu sắc về những thành tích và tồn tại trong hợp tác với Lào 10 năm qua, đề ra những biện pháp cụ thể, thiết thực cho việc nâng cao hiệu quả hợp tác trong thời gian tới.

- b) Tổ chức mít tinh trọng thể ở Hà Nội kỷ niệm 10 năm Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Lào. Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Vinh và một số nơi có đông cán bộ và học sinh bạn tổ chức những hoạt động hữu nghị thiết thực.

c) Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước ta, các cơ quan, đoàn thể ở Trung ương và các địa phương của ta kết nghĩa với các địa phương của bạn gửi điện mừng đến các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước, đến các cơ quan tương đương của bạn.

d) Trao đổi đoàn đại biểu của các Hội hữu nghị Việt Nam - Lào và Lào - Việt Nam đến thăm và dự tổ chức kỷ niệm ở hai nước.

đ) Bộ Văn hoá, Bộ Thông tin, Tổng cục Thể dục thể thao, các Hội Văn học nghệ thuật tổ chức các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, triển lãm, chiếu phim, thể dục thể thao... có tính chất quần chúng rộng rãi theo những chủ đề tuyên truyền giáo dục của đợt kỷ niệm.

e) Các ngành, các cấp tổ chức hoạt động chào mừng. Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng, Ban Đổi ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Ủy ban Hợp tác kinh tế văn hoá với Lào và Campuchia phối hợp thực hiện.

T/M BAN Bí THƯ

ĐỒ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**ĐIỆN KHẨN
CỦA BAN Bí THƯ**

Về lãnh đạo lập lại trật tự trên lĩnh vực giá và lương*

Gửi: - Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng,

- Các tỉnh, thành ủy, ủy ban nhân dân tỉnh, thành,
- Các bộ, tổng cục, các ban của Trung ương Đảng,

Tình hình giá cả, lương và đời sống đang biến động xấu. Từ sau Hội nghị Trung ương hai, một số ngành, địa phương tuỳ tiện nâng giá mua, giá bán, gây rối loạn thị trường, tuỳ tiện nâng lương, nâng mức bù giá vào lương, phụ cấp, tiền thưởng quá cao, trái với quy định của trên, đi ngược lại Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng.

BAN Bí THƯ HỌP NGÀY 29-5-1987 CHỈ THỊ:

1. Tất cả các cấp, các ngành phải giữ nghiêm kỷ luật giá và lương. Nghiêm cấm việc tuỳ tiện nâng giá mua, bán, kích giá vật tư, nông sản, lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu, v.v.. Mọi sự thay đổi những giá trên phải được

* Đầu dê do chúng tôi đặt (B.T).

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cho phép, có trường hợp Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phải xin phép Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Một số giá hiện quá thấp sẽ do Hội đồng Bộ trưởng điều chỉnh lên, sau khi được Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý, được ghi trong quyết định của Hội đồng Bộ trưởng sắp ban hành; ngoài ra, không ngành nào, cấp nào được lên giá.

2. Kể từ ngày ký Điện khẩn này, nghiêm cấm mọi cấp, mọi ngành và đơn vị cơ sở nâng giá bán lẻ những hàng thiết yếu trái với quyết định của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng.

Thương nghiệp xã hội chủ nghĩa phải giữ kỷ luật giá như đã nói ở trên. Đối với thương nghiệp tư nhân cũng phải theo kỷ luật giá của Nhà nước, ai bán giá cao hơn giá Nhà nước đã quy định phải nghiêm trị.

3. Những nơi nào đã tuỳ tiện nâng giá từ sau Hội nghị Trung ương hai trái với tinh thần Nghị quyết Trung ương và các quyết định của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng thì phải sửa ngay và đưa giá lùi lại. Bộ Tài chính, Uỷ ban Vật giá Nhà nước tăng cường kiểm tra, thu hồi tiền chênh lệch giá của những nơi đã tuỳ tiện nâng giá sau Hội nghị Trung ương hai đưa vào ngân sách nhà nước.

4. Cấm việc tuỳ tiện nâng lương, nâng mức bù giá vào lương và mức tiền thưởng, tiền phụ cấp quá cao, gây ra sự chênh lệch quá xa và sự không công bằng rất lớn trong cùng ngành, địa phương và giữa các ngành, địa phương, tác động xấu đến ngân sách. Các cấp, các ngành phải giữ nghiêm kỷ luật về lương, phụ cấp, trợ cấp. Phải thực hiện theo đúng các quyết định của Hội đồng Bộ trưởng và tinh thần Điện chỉ thị của đồng chí Tổng Bí thư gửi các địa phương tháng 4-1987 về giá và lương. Mức bù giá vào lương bao nhiêu phải được sự thoả thuận của Bộ Tài chính, nơi nào định tiền thưởng quá xá phải sửa lại, rút bớt.

5. Các đồng chí bí thư và các ban thường vụ tỉnh, thành uỷ, các bộ trưởng phải trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra công tác quản

lý giá và thực hiện tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng. Khi thực hiện các biện pháp về giá và lương, cấp dưới thấy điều gì làm khác với quy định chung phải xin ý kiến cấp trên. Ai và nơi nào làm tốt, nghiêm túc thì biểu dương thích đáng, ai và nơi nào cố tình làm sai thì phải xử lý kỷ luật nghiêm minh.

Các ban của Trung ương Đảng tăng cường kiểm tra giúp Ban Bí thư lãnh đạo lập lại trật tự trên lĩnh vực giá và lương, góp phần thực hiện Nghị quyết Trung ương hai.

T/M BAN Bí THU
TỔNG Bí THU
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**ĐIỆN
CỦA BAN BÍ THU**

Số 66-HT, ngày 12 tháng 6 năm 1987

Gửi: - Các tỉnh uỷ, thành uỷ,

- Các ban, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc trung ương,
- Các bộ, uỷ ban, tổng cục,

Năm nay, nước ta tổ chức kỷ niệm ngày thương binh - liệt sĩ lần thứ 40 (27-7-1987). Trong tình hình nhiệm vụ cách mạng hiện nay, việc thực hiện tốt chính sách thương binh - liệt sĩ và hậu phương quân đội càng có ý nghĩa và tác dụng quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Ban Bí thư yêu cầu các địa phương, các ngành, các đoàn thể chú ý tổ chức chu đáo, thiết thực ngày thương binh - liệt sĩ năm nay nhằm động viên, cổ vũ những người, những gia đình có công với nước và đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước của toàn Đảng, toàn dân, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng.

Nhân dịp này cần kiểm điểm, soát xét lại thật nghiêm túc tình hình thực hiện Chỉ thị số 68-CT/TW, ngày 15-7-1985 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường chăm sóc

thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng; tích cực sửa chữa những sai sót, tiêu cực trong thực hiện chính sách thương binh - liệt sĩ và hậu phương quân đội; có nhiều việc làm và biện pháp thiết thực chăm sóc đời sống tinh thần và vật chất, động viên, phát huy truyền thống cách mạng của thương binh, gia đình liệt sĩ và gia đình có công với cách mạng trong tình hình hiện nay của đất nước.

T/M BAN BÍ THU

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**DIỄN VĂN
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH TẠI KỲ HỌP THỨ NHẤT
CỦA QUỐC HỘI KHOÁ VIII**

Ngày 17 tháng 6 năm 1987

*Thưa các vị đại biểu Quốc hội,
Thưa các đồng chí và các bạn,*
Sự kiện chính trị nổi bật nhất ở nước ta trong thời gian gần đây là cuộc tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá VIII và bầu hội đồng nhân dân các cấp đã thành công tốt đẹp. Cuộc bầu cử diễn ra theo tinh thần đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ VI, cởi mở và dân chủ hơn so với các lần bầu trước, tôn trọng quyền làm chủ của dân trong việc lựa chọn các đại biểu thay mặt mình vào cơ quan quyền lực tối cao của đất nước. Bốn trăm chín mươi sáu vị đại biểu có mặt hôm nay của Quốc hội khoá VIII là những người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, có vinh dự to lớn và trách nhiệm nặng nề quyết định những vấn đề trọng đại có liên quan đến công cuộc đổi mới và vận mệnh của đất nước.

Nhân dịp này, cho phép tôi thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, nhiệt liệt chào mừng và chúc sức khoẻ các vị đại biểu, các đồng chí và các bạn có

mặt tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khoá VIII.

Tôi cũng xin nhiệt liệt hoan nghênh sự có mặt của các vị trong đoàn ngoại giao tại buổi khai mạc khoá VIII của Quốc hội Việt Nam.

Thưa các vị đại biểu,

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đánh dấu bước đổi mới quan trọng trong sự lãnh đạo của Đảng trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội. Những quan điểm và chủ trương mới do Đại hội lần này quyết định chỉ rõ con đường đưa nước ta vượt ra khỏi khó khăn, dần dần ổn định tình hình kinh tế - xã hội. Những việc lớn mà Đảng và Nhà nước ta đã làm từ sau Đại hội đến nay đều thể hiện quyết tâm tiến theo phương hướng đúng đắn đó.

Thời gian sau Đại hội, Đảng và Nhà nước tập trung sự chú ý của mình vào công tác sắp xếp lại bộ máy và cán bộ lãnh đạo ở các cơ quan trung ương và địa phương. Qua cuộc bầu cử Quốc hội mới và kỳ họp này của Quốc hội khoá VIII, bộ máy nhà nước được kiện toàn thêm một bước. Chúng ta nhận thức sâu sắc rằng nếu không kiên quyết đổi mới về tổ chức bộ máy và cán bộ thì không một chủ trương, chính sách nào có thể thực hiện được tốt.

Một bộ máy có hiệu lực và trong sạch là yêu cầu cấp bách của nhân dân và của cách mạng hiện nay. Có lập lại trật tự, kỷ cương trong Đảng, trong cơ quan lãnh đạo các cấp của Nhà nước, mới có sức mạnh lập lại trật tự, kỷ cương trong xã hội. Do đó, nhiệm vụ đổi mới tổ chức bộ máy và cán bộ vẫn

tiếp tục là một trong những nhiệm vụ hàng đầu của chúng ta hiện nay và sắp tới.

Thi hành Nghị quyết Đại hội và ý nguyện của nhân dân, Bộ Chính trị đang tích cực chuẩn bị tiến hành cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao súc chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Cuộc đấu tranh chống những biểu hiện hư hỏng trong bộ máy và cán bộ đã trở nên mạnh mẽ trong thời gian chuẩn bị Đại hội VI. Hiện nay, nó đang được tiếp thêm khí thế mới. Chúng ta hiểu rằng đây là công việc không dễ dàng. Điều cần thiết là chúng ta phải kiên định, quyết tâm tiến hành cuộc đấu tranh mạnh mẽ theo phương hướng đã vạch ra, đẩy tới những công việc mà chúng ta vừa mới bắt đầu làm.

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp vào đầu tháng 4 đã thực hiện một trong những nhiệm vụ quan trọng do Đại hội VI đề ra là giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Đây là lĩnh vực rất hệ trọng mà nhân dân đang mong đợi giải quyết. Túi tưởng chỉ đạo hàng đầu ở đây là: đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức phân phối lưu thông theo hướng vận dụng đúng đắn các quy luật kinh tế, lấy kế hoạch hoá làm trung tâm, mở rộng việc sử dụng quan hệ hàng hoá - tiền tệ, *chuyển sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa*, gắn liền với đổi mới các khâu khác trong cơ chế quản lý kinh tế. Hội nghị đã xem xét và giải quyết một bước ba loại chính sách: chính sách về giá cả và lưu thông vật tư, hàng hoá; chính sách và biện pháp giải quyết tiền lương và đời sống của cán bộ, công nhân viên và lực lượng vũ trang; chính sách và biện pháp về tài chính và ngân hàng. Mục tiêu đề ra là thực hiện "bốn giảm": giảm tốc độ lạm phát, giảm tốc độ tăng giá, giảm tốc độ bội chi ngân sách, giảm khó khăn về đời sống của người ăn lương, của lực lượng vũ trang và nhân dân lao động nói chung. Sợi

chỉ đỏ xuyên suốt các chính sách này là *xử lý đúng đắn các lợi ích kinh tế* để tạo ra động lực của sản xuất, kinh doanh cả trong nông nghiệp và công nghiệp, thương nghiệp, tài chính và tiền tệ.

Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ hai là chính xác, phù hợp với thực tế tình hình. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị quyết không suôn sẻ, một phần vì năm nay thời tiết diễn biến bất thường ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp, phần khác do công tác quản lý của chúng ta chưa tốt. Điều quan trọng hiện nay là tăng cường công tác chỉ đạo, cụ thể hoá nghị quyết thành các chủ trương, biện pháp cụ thể cũng như đòi hỏi các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế và mọi người chấp hành nghiêm túc.

Chúng ta đang bố trí lại cơ cấu sản xuất và đầu tư, quyết định đình hoãn hoặc giãn tiến độ thi công nhiều công trình lớn để tập trung sức người, sức của và những công trình trực tiếp phục vụ ba chương trình mục tiêu kinh tế lớn mà Đại hội VI đã đề ra.

Nám vững quan điểm và chủ trương của Đảng, các ngành, các địa phương đã và đang tích cực đề ra những quyết định và triển khai việc thực hiện những vấn đề cấp bách thuộc phạm vi mình phụ trách.

Thực tiễn cho thấy rằng, tìm được phương hướng, chủ trương giải quyết đúng đắn các vấn đề kinh tế - xã hội là việc khó. Nhưng chỉ đạo, tổ chức thực hiện, tạo ra những điều kiện thực tế để cái mới, cái đúng chiến thắng cái cũ, cái sai cũng không dễ dàng. Sau Đại hội, chúng ta đã làm được một số việc lớn, có tác dụng thúc đẩy rõ rệt. Cần phải tiếp tục đẩy mạnh quá trình đổi mới theo phương hướng đúng mà Đại hội VI đã vạch ra. Trước mắt, Đảng và Nhà nước tập trung nghiên cứu cải tiến tương đối toàn diện cơ chế quản lý kinh tế cũng như tiếp tục soạn thảo các biện pháp để thực hiện ba chương trình kinh tế lớn.

Thưa các đồng chí đại biểu,

Tại phiên họp trọng thể này, tôi vui mừng báo cáo với Quốc hội kết quả tốt đẹp của cuộc đi thăm hữu nghị chính thức Liên Xô từ ngày 17 đến ngày 22 tháng 5 của Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng ta.

Cuộc đi thăm lần này diễn ra đúng vào năm kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, giữa lúc Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam và Liên Xô đang quyết tâm thực hiện công cuộc đổi mới và cải tổ dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Đại hội 27 Đảng Cộng sản Liên Xô, trong bối cảnh tình hình quốc tế cũng như khu vực đang có những chuyển biến to lớn, có lợi cho cuộc đấu tranh vì hoà bình và chủ nghĩa xã hội.

Cuộc đi thăm đã diễn ra trong không khí chân thành, hiếu biết, tin cậy và ủng hộ lẫn nhau. Hai đảng đã hoàn toàn nhất trí về các vấn đề then chốt thuộc chính sách đối nội và quốc tế. Đồng chí M.X. Goórbachóp và các đồng chí lãnh đạo Liên Xô hoàn toàn đồng tình, đánh giá cao và ủng hộ đường lối hiện thực, đúng đắn của Đại hội VI, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai (khoá VI). Các đồng chí Liên Xô cũng vui mừng nhận thấy Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta đang tích cực, khẩn trương giải quyết các vấn đề kinh tế và vấn đề cấp bách của đất nước theo hướng đúng. Bạn đồng tình và có ấn tượng sâu sắc về cách đặt vấn đề của chúng ta tiến hành cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Đảng Cộng sản Liên Xô không chỉ bày tỏ sự đồng tình mà còn biểu thị quyết tâm góp phần cùng với chúng ta thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI.

Kết quả to lớn và tốt đẹp của cuộc đi thăm thể hiện rõ trong nội dung tuyên bố chung, trong các hiệp định và thoả thuận mới đã được đại diện hai Đảng, hai Nhà nước ký kết. Tôi muốn nhấn mạnh thêm là Liên Xô hoàn toàn nhất trí chủ

trưởng của Đảng ta, kiên quyết chuyển quan hệ kinh tế từ cho vay, thương mại là chủ yếu, sang quan hệ hợp tác sản xuất cùng có lợi là chính trên nhiều lĩnh vực khác nhau từ nông nghiệp, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, công nghiệp cơ khí và điện tử, khai khoáng, hoá chất, v.v..

Sự nhất trí và ủng hộ to lớn của Đảng Cộng sản, Chính phủ và nhân dân Liên Xô, không chỉ là nguồn cổ vũ lớn lao đối với Đảng và nhân dân ta, mà còn là nhân tố cực kỳ quan trọng, tạo ra những khả năng thực tế mới để khai thác tốt hơn lao động, đất đai, tài nguyên, năng lực sản xuất hiện có, mở ra điều kiện thuận lợi để chúng ta tham gia ngày càng sâu rộng vào phân công lao động quốc tế xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh tế đối ngoại, từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội và chuẩn bị những tiền đề cần thiết để công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trên quy mô mở rộng.

Tuy nhiên, để cho những kết quả nói trên trở thành hiện thực, đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực vượt bậc trong việc tổ chức thực hiện.

Cần phải đổi mới tư duy, đổi mới tổ chức và cán bộ, đổi mới phong cách, nâng cao tinh thần trách nhiệm, làm tròn cam kết của mình trong quan hệ kinh tế với Liên Xô. Phải kiên quyết xoá bỏ tư tưởng ỷ lại khá nặng trong một bộ phận không nhỏ cán bộ các cấp, các ngành và cả trong nhân dân. Hai bên cũng đã nhất trí cao về tất cả các vấn đề quốc tế và phương hướng giải quyết các vấn đề này, nhằm bảo vệ hoà bình, tăng cường sức mạnh mỗi nước cũng như của cộng đồng xã hội chủ nghĩa, góp phần làm lành mạnh tình hình quốc tế và khu vực.

Chúng ta khẳng định sự ủng hộ hoàn toàn của Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đối với những sáng kiến hoà bình quan trọng mới của Liên Xô nhằm giảm tình hình căng thẳng, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, củng cố hoà bình và an ninh trên toàn thế giới. Việt Nam và Liên Xô phấn đấu thực hiện tư tưởng biển châu Á - Thái Bình Dương thành khu vực hoà bình, ổn định, láng giềng tốt và hợp tác

trên cơ sở cố gắng chung của tất cả các nước trong khu vực. Chúng ta khẳng định lòng mong muốn của mình giải quyết vấn đề Campuchia bằng biện pháp chính trị và bình thường hóa quan hệ với Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa.

Ban lãnh đạo Liên Xô hoàn toàn nhất trí và ủng hộ những chủ trương trên của chúng ta.

Thành công tốt đẹp của cuộc đi thăm lần này đánh dấu bước phát triển quan trọng mới về chất trong quan hệ hữu nghị, truyền thống giữa hai Đảng và nhân dân hai nước Việt - Xô. Đây là kết quả tất yếu của chính sách đối ngoại đúng đắn, nhất quán, thấm đượm tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, được hai Đảng và nhân dân hai nước nâng niu, vun đắp, trong quá trình cách mạng lâu dài.

Thưa các vị đại biểu,

Trên tinh thần đổi mới toàn diện được đặt ra từ Đại hội Đảng lần thứ VI, Quốc hội khoá VIII cũng đặt ra nhiệm vụ đổi mới công tác của mình một cách sâu sắc nhằm hoàn thành thắng lợi trọng trách vẻ vang mà toàn dân giao phó. Về mặt này, vấn đề trung tâm mà toàn bộ trí tuệ và nghị lực của chúng ta hướng vào để thực hiện, như Nghị quyết Đại hội đã chỉ rõ, là nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước. Đó là điều kiện quan trọng bậc nhất bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội cũng như thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động theo cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý.

Điều có ý nghĩa nhất để nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là của Quốc hội, Hội đồng Nhà nước và Hội đồng nhân dân các cấp là thực hiện rộng rãi và đầy đủ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đây là điểm mấu chốt trong đổi mới tư duy chính trị cũng như tư duy kinh tế ở nước ta hiện nay. Chủ nghĩa xã hội có hai ưu thế lớn mà các xã hội trước đây không thể có được. Một là, tính tổ chức và tập trung cao do chế độ công hữu về tư liệu sản xuất tạo ra. Hai là, người lao động được giải phóng, thực sự

làm chủ xã hội, làm chủ đất nước, tạo ra năng lực to lớn để bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Khai thác được đồng thời cả hai nguồn sức mạnh này, chúng ta sẽ trở nên vô địch. Trong sự thống nhất biện chứng của hai mặt này, không thể không nhận thấy rằng: cơ sở chủ yếu và nguồn gốc sâu xa tạo nên sức mạnh của chế độ chúng ta, nhân tố cơ bản bảo đảm giữ gìn và phát huy thành quả cách mạng chính là vai trò của quần chúng lao động. Bởi lẽ, cách mạng bao giờ cũng là sự nghiệp của bản thân quần chúng. Chân lý đó hoàn toàn sáng rõ và được chứng minh đầy đủ trong bất cứ giai đoạn nào của cách mạng nước ta.

Trước đây, khi ta chưa có chính quyền, chỉ bằng đường lối chính trị đúng đắn của Đảng, phù hợp với lợi ích của nhân dân và được nhân dân ủng hộ, Đảng ta đã lãnh đạo và tổ chức nhân dân làm Cách mạng Tháng Tám thành công, thiết lập Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Trong cuộc kháng chiến vĩ đại chống đế quốc Mỹ vừa qua, câu nói mà Chủ tịch Hồ Chí Minh thường hay nhắc đến: "Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong" đã trở thành thứ vũ khí vô địch của chiến tranh nhân dân, giúp chúng ta giành lại độc lập, tự do và thống nhất đất nước, được cả thế giới khâm phục.

Trong điều kiện lịch sử mới, khi đã có chính quyền thống nhất quản lý cả nước tiến hành hai nhiệm vụ chiến lược bảo vệ và xây dựng Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bài học "lấy dân làm gốc" được nêu lên trong Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI chẳng những vẫn giữ nguyên giá trị mà còn có ý nghĩa đặc biệt. Bởi lẽ, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa mang tính cách mạng sâu sắc và triệt để nhất, diễn ra trong tất cả mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chỉ có thể là kết quả của sự tham gia tích cực nhất, với ý thức làm chủ cao của hàng chục triệu người, của toàn thể nhân dân. Kinh nghiệm đã chứng tỏ, nơi nào và lúc nào không tạo ra được phong trào cách mạng sôi nổi của quần chúng, thì nơi đó và lúc đó công việc không tiến lên được, ngược lại tiêu cực phát

sinh. Muốn có phong trào cách mạng của quần chúng, điều quan trọng trước hết là các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước phải đúng, hợp với lòng dân. Tiếp đó là cán bộ phải dân chủ, đi sâu đi sát lắng nghe tiếng nói của dân, vững vàng về chính trị và trong sáng về đạo đức, biết tổ chức, lôi cuốn mọi người tham gia vào công việc.

Tiếng nói của đại đa số nhân dân về cơ bản thường là chính xác. Do đó, mọi chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trước khi đem ra thực hiện, nhất thiết phải tổ chức thu thập cho được ý kiến của nhân dân. Tôi đã nhiều lần nói rằng, Nghị quyết Đại hội VI của Đảng sở dĩ được hoàn thiện như dưới hình thức hiện nay chính vì nó là tác phẩm của toàn Đảng và toàn dân. Đó là bài học quý, chúng ta cần lưu ý đầy đủ từ nay về sau.

Chân lý "lấy dân làm gốc" tưởng chừng rất đơn giản, mọi người thừa nhận dễ dàng, nhưng trên thực tế việc làm hoàn toàn không đơn giản. Phải chăng khi đã có chính quyền trong tay, không ít người trong chúng ta thường nặng về sử dụng quyền lực, ra lệnh từ trên, coi nhẹ việc thuyết phục, bàn bạc, động viên nhân dân làm. Thậm chí có người coi việc phát huy dân chủ gây trở ngại cho việc thực hiện nguyên tắc tập trung, hạn chế vai trò của quyền lực.

Hiểu tập trung tách rời dân chủ, không thấy sự thống nhất biện chứng của chúng, đó chỉ có thể là thứ tập trung quan liêu, tập trung hình thức. Chúng ta có thể kể ra rất nhiều sự thực đau lòng về việc vi phạm quyền làm chủ của dân ở mọi cấp đảng và chính quyền, ở mọi cơ quan dân cử. Riêng tôi, hàng ngày vẫn nhận được nhiều đơn từ khiếu tố từ các nơi gửi đến, trong đó chắc chắn có nhiều trường hợp đúng, về việc cán bộ có chức có quyền hà lạm, ức hiếp dân, đặc quyền

đặc lợi. Những cán bộ này đã để ngoài tai sự phê bình, góp ý chân thành của quần chúng, thậm chí không phải một lần. Đáng tiếc là công tác xét xử, giải quyết các vụ việc của chúng ta tiến hành quá chậm chạp, nhiều trường hợp đã bị bỏ qua. Chính quyền của chúng ta là của nhân dân lao động, chính quyền "do dân và vì dân". Chính vì vậy, như Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Từ Chủ tịch nước đến cán bộ bình thường đều phải xứng đáng là đày tớ thật trung thành của nhân dân". Nếu tách rời, đứng xa và đứng trên nhân dân thì mỗi chúng ta không là gì hết và chính quyền của chúng ta chỉ là "người khổng lồ, chân đất sét". Hơn ai hết, các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp - những người do nhân dân trực tiếp bầu ra, phải nói lên tiếng nói của họ một cách trung thực và thẳng thắn, dũng cảm bảo vệ lợi ích chính đáng của họ. Trước khi cầm lá phiếu bỏ vào thùng phiếu để bầu, chắc hẳn mỗi người dân đều cân nhắc thận trọng, như người ta thường nói "chọn mặt gửi vàng". Tôi biết trước ngày bầu cử, các đại biểu đều đã gặp gỡ cử tri của mình, lắng nghe tiếng nói của họ và cũng đã hứa hẹn nhiều điều. Nhưng liệu đã có thể nói chắc rằng tất cả các đại biểu chúng ta, sau khi trúng cử, đều nhớ và làm đúng những điều mà mình đã hứa với dân. Tôi cũng biết rõ ở các khoá Quốc hội trước đây, có đại biểu sau khi được bầu, mất hút suốt cả nhiệm kỳ không gặp gỡ cử tri. Lý do đưa ra thì cũng đầy đủ cả. Nhưng dân thì họ nói: "Người chủ gặp "đày tớ" của mình sao mà khó quá!". Đại biểu của nhân dân dù ở cấp nào cũng phải tự ý thức được rằng, mình là chiếc cầu nối liền đồng đảo cử tri với các cấp chính quyền, cần thiết phải xây dựng mối liên hệ vững chắc hai chiều giữa cử tri với các cơ quan dân cử. Sợi dây liên hệ

đó cho phép các đại biểu nắm vững tâm tư, nguyện vọng, ý kiến xây dựng của cử tri để đề đạt lên trên, đồng thời tự mình giải đáp hoặc thông báo cho nhân dân biết những chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước. Những cuộc tiếp xúc với dân dưới hình thức đối thoại bao giờ cũng gây hứng thú. Ý kiến trực tiếp của nhân dân là tài liệu gốc trung thực, không bị xuyên tạc méo mó, qua đó giúp người đại biểu suy nghĩ, phân tích để kiến nghị lên trên, góp phần xây dựng và hoàn chỉnh chủ trương, chính sách.

Những điều vừa nói trên là một trong những hình thức quan trọng thực hiện nguyên tắc "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Để dân được biết, phải thực sự công khai hoá mọi vấn đề cần thiết. Để dân tích cực bàn, phải dân chủ lắng nghe tiếng nói của họ và tiếp thu những ý kiến đúng. Để dân tự giác làm, tạo thành phong trào cách mạng thật sự, phải tôn trọng và bảo vệ lợi ích chính đáng của dân. Để dân hăng hái tham gia kiểm tra thì những phát hiện của dân phải được xử lý kịp thời, thường phạt nghiêm minh, chống trù dập dân dưới mọi hình thức.

Tôi nghĩ rằng, diễn đàn của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp phải được sử dụng tốt hơn nữa theo hướng coi trọng thực chất và có hiệu lực. Nơi đây phải thực sự là tiếng nói của nhân dân thông qua các đại biểu của mình về những vấn đề có tầm quan trọng đối với toàn quốc và địa phương không những trong việc đề xuất các chủ trương, chính sách, tổ chức thực hiện, mà cả những nhận xét đối với công tác của chính quyền, kể cả những kiến nghị về nhân sự. Những ý kiến của các đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân phải được các cơ quan hữu quan nghiên cứu nghiêm túc, có trả lời và nếu đúng thì phải nghiêm chỉnh thực hiện. Tất cả những vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền quyết định về mặt nhà nước phải được đưa ra Quốc hội, Hội đồng Nhà nước thật sự bàn bạc dân chủ trước khi có nghị quyết chính thức, tuyệt đối không đặt cơ quan dân cử trước những việc đã được quyết định rồi, chỉ còn một cách là thụ động biểu quyết thông qua.

Thưa các vị đại biểu,

Một vấn đề quan trọng khác đáng được quan tâm là nâng cao vai trò của Quốc hội với tư cách là cơ quan lập pháp và giám sát việc thi hành pháp luật.

Đảng Cộng sản Việt Nam là đảng cầm quyền, Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội bằng việc vạch ra các đường lối, chủ trương lớn, bằng kiểm tra công tác của chính quyền và kiến nghị để các cơ quan dân cử bố trí cán bộ có năng lực và xứng đáng vào các chức vụ chủ chốt của bộ máy nhà nước. Nhiệm vụ của Nhà nước là thể chế hoá đường lối, chủ trương của Đảng thành pháp luật, các chính sách và quy định phù hợp, vạch ra các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tổ chức việc thực hiện chúng có hiệu quả trên cơ sở chức năng quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội mà Hiến pháp quy định... Trong toàn bộ công việc nói trên của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Quốc hội có vị trí đặc biệt, là cơ quan lập pháp và giám sát trên cơ sở đường lối chủ trương của Đảng và thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân.

Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý, chỉ có thể được thực hiện thông qua pháp luật và được bảo đảm bằng pháp luật. Một xã hội tiến bộ, có kỷ cương, nền nếp, chủ yếu được điều chỉnh bằng pháp luật, không chỉ với ý nghĩa là một sức mạnh cưỡng chế mà còn là một công cụ giáo dục tích cực. Đồng thời, xã hội đó đòi hỏi tất cả mọi công dân, không phân biệt địa vị và chức vụ, phải sống và làm việc theo pháp luật. Thế nhưng, ở nước ta hiện nay, có tình trạng thiếu rất nhiều luật lệ để quản lý đất nước. Ngay đối với những luật đã có rồi thì nhiều người cũng ít quan tâm tìm hiểu. Việc thi hành pháp luật không nghiêm. Công tác phổ biến, giáo dục về pháp luật còn bị xem nhẹ. Đó là một số trong nhiều nguyên nhân dẫn đến tình hình số lượng vụ, việc phạm tội không giảm bớt, kỷ cương của đất nước không được giữ vững, an toàn xã hội chưa được bảo đảm. Mỗi khi người dân không hiểu pháp luật thì họ có thể làm trái pháp luật một cách không tự giác và không có điều kiện để thực hiện

quyền làm chủ của mình trong việc kiểm tra các cơ quan nhà nước thi hành pháp luật. Mặt khác, cuộc đấu tranh chống các tiêu cực xã hội muốn tiến hành có kết quả, nhất thiết phải dựa vào nhân dân. Trước đây, V.I. Lê nin đã nêu lên câu hỏi vì sao pháp luật của nước Nga không thiêng mà vi phạm pháp luật lại nhiều. Người trả lời: "Chỉ khi nào được bản thân quần chúng nhân dân giúp đỡ, cuộc đấu tranh ấy (cuộc đấu tranh chống tiêu cực) mới có thể hoàn thành được". Chắc chắn rằng, nhân dân hiểu biết pháp luật sẽ giúp họ thêm phương tiện hùng mạnh để tiến hành cuộc đấu tranh chống tiêu cực thắng lợi. Nhân dân lao động sử dụng pháp luật làm công cụ đấu tranh để bảo vệ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chỉ có như thế thì nền dân chủ của chúng ta mới được hoàn thiện không ngừng và mới có thể chặn đứng nguy cơ cán bộ bị tha hoá.

Ý thức không đầy đủ đối với pháp luật có nhiều nguồn gốc. Nước ta vốn là nước sản xuất nhỏ lâu đời. Quan hệ giữa người và người trong thôn xã chủ yếu được điều chỉnh bằng tập tục và dư luận xã hội, thậm chí khác nhau tuỳ theo địa phương. Nhà nước phong kiến tuy cũng có một số luật lệ, nhưng đối với dân, trong một số trường hợp "phép vua thua lệ làng". Trong xã hội thuộc địa, luật lệ của Nhà nước thực dân ban bố nhằm bảo vệ đặc quyền đặc lợi của một thiểu số thực dân và phong kiến, trái ngược với lợi ích quần chúng. Một bộ phận nhân dân từ chối thành kiến, đối nghịch với luật pháp của chế độ cũ đã thành kiến với luật pháp nói chung, kể cả của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Một số cán bộ có chức, có quyền chịu ảnh hưởng của tàn dư tư tưởng phong kiến hoặc bị chủ nghĩa cá nhân chi phối, coi ý muốn của mình là tất cả, đặt mình cao hơn và đứng ngoài luật lệ của Nhà nước, thậm chí còn bao che cho các hành vi phạm pháp. Bên cạnh đó, các hiện tượng vi phạm pháp luật được xử lý không

nghiêm hoặc bị bỏ qua, đã làm nảy sinh tâm lý coi thường pháp luật.

Đại hội Đảng lần thứ VI đã phân tích kỹ tình hình này và đề ra nhiệm vụ quản lý đất nước bằng pháp luật. Đại hội yêu cầu mọi người, mọi cán bộ, đảng viên dù ở cương vị nào cũng phải sống và làm việc theo pháp luật. Muốn quản lý xã hội bằng pháp luật phải quan tâm xây dựng pháp luật, từng bước bổ sung và hoàn chỉnh nó để bảo đảm cho bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo pháp luật.

Những yêu cầu của Đại hội đề ra đối với pháp luật có liên quan nhiều đến công tác của Quốc hội khoá VIII chúng ta. Chúng ta đã có Hiến pháp, đạo luật cơ bản của Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Vừa qua, một số luật quan trọng cũng đã được ban hành. Nếu so sánh với các khoá Quốc hội trước đây, thì trong khoá VII vừa qua, hoạt động lập pháp của Quốc hội đã được đẩy lên một bước. đáng chú ý là Quốc hội đã thông qua được các luật về tổ chức bộ máy nhà nước, Bộ luật Hình sự, Luật Hôn nhân và gia đình... Hội đồng Nhà nước cũng thông qua được một số pháp lệnh. Tuy nhiên, so với yêu cầu xây dựng một hệ thống luật pháp hoàn chỉnh và đồng bộ thì chúng ta còn thiếu khá nhiều, nhất là Luật Kinh tế. Đó là chưa nói đến phải thay thế, đổi mới những quy định đã lỗi thời, nhất là những quy định duy trì chế độ tập trung quan liêu bao cấp. Đây là những công việc rất cấp bách. Nhiều hoạt động của chúng ta tiến hành chậm trễ, nếu có làm thì cũng dễ rơi vào tình trạng tuỳ tiện, chấp hành không nghiêm, một phần không nhỏ là do thiếu các chuẩn mực, quy định mang tính pháp lý. Chẳng hạn, Đảng và Nhà nước ta chủ trương mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, nhưng chừng nào bộ Luật về đầu tư của nước ngoài ở nước ta chưa được xây dựng xong thì việc thực hiện chủ trương này có phần bị hạn chế. Cũng như vậy, khi chúng ta tích cực thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới, lấy đơn vị kinh tế cơ sở làm khâu trung tâm, nhưng chừng nào đạo luật về xí nghiệp chưa được

xây dựng thì hoạt động của xí nghiệp chưa được bảo đảm đầy đủ về mặt pháp lý.

Tôi nói như vậy với ý muốn là rồi đây Quốc hội của chúng ta sẽ tập trung sự chú ý của mình nhiều hơn cho công tác lập pháp. Phải chăng đã đến lúc cùng với việc đổi mới tư duy kinh tế, cần đổi mới tư duy pháp lý, kế hoạch hoá việc xây dựng pháp luật và định ra một quy trình làm luật nhanh chóng hơn, khắc phục sự trì trệ kéo dài.

Cùng với các đạo luật, những vấn đề quan trọng như kế hoạch nhà nước, các chính sách lớn mà Hội đồng Bộ trưởng đưa ra trình Quốc hội thông qua, phải làm thế nào phản ánh được đầy đủ và chính xác hơn ý kiến của các đại biểu Quốc hội. Đây là vấn đề được nhiều người quan tâm. Để thực sự thể hiện được trí tuệ và ý chí của Quốc hội, cần thiết phải tạo điều kiện để mỗi đại biểu cũng như các uỷ ban thường trực của Quốc hội có thời gian nghiên cứu kỹ, không chỉ tìm hiểu trên văn bản mà còn khảo sát thực tế, thu thập ý kiến rộng rãi của nhân dân. Các đại biểu phải được cung cấp những thông tin cần thiết, trung thực, có liên quan đến chủ đề, của bất cứ cơ quan nào. Đối với những vấn đề quan trọng, cần được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi người cùng biết và khêu gợi sự tham gia góp ý của nhân dân. Với cách làm này, chắc chắn các đại biểu sẽ có thêm tư liệu làm phong phú cho sự suy nghĩ của mình để đề xuất những ý kiến có căn cứ. Sau đó, dĩ nhiên cần tổ chức tốt các cuộc thảo luận, tranh luận công khai và cởi mở. Cái đáng sợ không phải là sự khác nhau ý kiến trong quá trình tranh luận, mà chính là sự thống nhất bế ngoài dẫn đến khi thực hiện thì mỗi người làm một cách. Nghị quyết dựa trên sự

nhất trí của đại đa số đại biểu Quốc hội là pháp lệnh, là mệnh lệnh tối cao mà các cơ quan hành pháp phải tuân theo, không một tổ chức và cá nhân nào, dù giữ địa vị gì và nhân danh ai có thể trì hoãn việc thi hành hoặc thay đổi quyết định của Quốc hội. Quyền lực phải gắn chặt và được bảo đảm bằng hiệu lực.

Việc soạn thảo và thông qua luật pháp cũng như các quyết định lớn dù quan trọng nhưng cũng chỉ là phần đầu của công việc. Khó khăn lớn nhất là đưa chúng vào cuộc sống, biến chúng thành hoạt động thực tiễn hằng ngày của quần chúng. Ở đây, vai trò của Quốc hội là kiểm tra, giám sát việc thực hiện từ Hội đồng Bộ trưởng, Toà án Nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, các cơ quan nhà nước khác cho đến hoạt động thực tiễn hằng ngày của quần chúng. Qua đó, Quốc hội sẽ bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản pháp lệnh đã ban hành, cũng như phát hiện những khó khăn, vấp váp trong quá trình thực hiện để kiến nghị với các cấp chính quyền có biện pháp giải quyết. Cũng chính trong quá trình giám sát việc thực hiện, dựa vào dân, Quốc hội sẽ đưa ra sự đánh giá của mình về công tác của các cơ quan nhà nước, về năng lực và phẩm chất của các cán bộ lãnh đạo, lôi ra ánh sáng và yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền nghiêm trị những kẻ phạm pháp, kể cả những người đang có chức, có quyền. Là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, Quốc hội có toàn quyền chất vấn, phê bình Hội đồng Bộ trưởng, bãi miễn thành viên của nó nếu không xứng đáng, truy tố trước pháp luật những cá nhân và cơ quan nào phạm sai lầm nghiêm trọng đến mức phải xử lý.

Vấn đề đặt ra là quyền hạn nào của Quốc hội được thực hiện như thế nào? Có những sự thật ở các khoá Quốc hội trước đây đã nói lên rằng không phải bất cứ lúc nào và trong trường hợp nào tiếng nói của những người đại diện cao nhất của nhân dân cũng được tôn trọng. Có những

người sẵn sàng chấp nhận trên lời nói, nhưng sau đó trong việc làm thì "án binh bất động" hoặc làm khác đi. Cũng không hiếm trường hợp kiến nghị bằng văn bản của đại biểu Quốc hội được gửi đến một cơ quan hoặc cá nhân đồng chí lãnh đạo nào đó yêu cầu làm rõ hoặc xử lý một vụ, việc, nhưng bị "ngâm cứu" trong đồng hồ sơ năm này qua năm khác, không được phản hồi.

Tình hình đó nhất thiết phải được chấm dứt. Không thể kéo dài mãi chủ nghĩa hình thức, quan liêu ở ngay cơ quan quyền lực tối cao của đất nước. Quốc hội phải là cơ quan tiêu biểu nhất của nước ta về hiệu lực của quyền lực và thực chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Làm được điều đó chắc chắn sẽ nêu gương sáng cho Hội đồng nhân dân các cấp cũng như cho tất cả mọi tổ chức khác. Tôi nghĩ rằng những quy định pháp lý về việc này đã quá đủ, cả trong Hiến pháp, nên không cần phải bổ sung gì thêm. Điều cần nhất hiện nay là bắt tay vào hành động, là đổi mới trong việc làm, là thực hiện các văn bản đã có một cách đầy đủ và triệt để.

Để Quốc hội làm đúng chức năng của mình như luật định, rút cuộc tuỳ thuộc ở chỗ mỗi đại biểu Quốc hội có trách nhiệm đóng góp xứng đáng như thế nào. Quyền hạn càng lớn, trách nhiệm càng cao. Là đại biểu nhân dân, tôi nghĩ rằng, giá trị tinh thần cao quý của danh hiệu đó là ở chỗ gắn bó máu thịt với nhân dân, nói lên tiếng nói của họ, đại diện cho nguyện vọng và lợi ích chính đáng của họ. Ý kiến của đại biểu Quốc hội phải là chất kết tinh suy nghĩ và khát vọng đúng đắn và chân thành của bộ phận nhân dân mà mình là người đại diện. Dù là đại biểu cho các tầng lớp xã hội khác nhau, giữ vững quốc phòng và an ninh, đưa cách mạng nước ta vượt qua những khó khăn, thử thách trước mắt, vững bước tiến lên. Quốc hội khoá VIII có trách nhiệm to lớn góp phần thực hiện sự đổi mới đó, tổ chức và động viên nhân dân thực hiện thắng lợi các mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội Đảng

nhau và các địa phương khác nhau, suy nghĩ và hành động của chúng ta là thống nhất: vì lợi ích toàn cục của nhân dân cả nước và của chủ nghĩa xã hội.

Được hiểu như trên thì không thể chấp nhận tình hình thụ động "xuân thu nhị kỳ" đi họp Quốc hội, còn nội dung ý kiến đề xuất của mình sao cho có chất lượng lại rất ít được quan tâm. Biết sắp xếp thời gian tiếp xúc với nhân dân, trăn trở ngày đêm với những vấn đề do họ kiến nghị, có kế hoạch tìm hiểu các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cũng như các thông tin về kinh tế, chính trị, xã hội... để mở rộng và nâng cao tầm hiểu biết, đó là những gì cần thiết tạo ra năng lực của người đại biểu nhân dân.

Thưa các đại biểu Quốc hội, các đồng chí và các bạn,

Trong hệ thống các cơ quan nhà nước, Quốc hội có vị trí và vai trò to lớn. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đã đạt được, phải thừa nhận rằng các khoá Quốc hội trước đây chưa thực hiện được đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn của mình, hiệu quả hoạt động còn hạn chế và kém hiệu lực, chưa đáp ứng được lòng mong mỏi của nhân dân. Đây là một khâu yếu trong hoạt động của bộ máy nhà nước chuyên chính vô sản và cũng là một khuyết điểm lớn trong công tác lãnh đạo chính quyền của Đảng, đã kéo dài nhiều năm nhưng chậm được khắc phục.

Quốc hội khoá VIII được bầu ra và hoạt động trong giai đoạn bước ngoặt của đất nước, được bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VI. Giai đoạn này đòi hỏi cấp bách phải đổi mới cách nghĩ, cách làm một cách sâu sắc và toàn diện trên mọi lĩnh vực hoạt động để từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã

lần thứ VI đã đề ra. Với tinh thần đổi mới, Quốc hội và các Ủy ban thường trực của Quốc hội sẽ làm việc thiết thực, có hiệu quả, khắc phục chủ nghĩa hình thức, quan liêu, đóng góp ngày một tốt hơn cho sự nghiệp cách mạng. Đảng Cộng sản Việt Nam tin tưởng rằng, các đại biểu Quốc hội chúng

ta sẽ ra sức phấn đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ đại biểu của mình, xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong đợi của nhân dân.

Chúc kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá VIII thành công tốt đẹp!

Xin cảm ơn các đại biểu, các đồng chí và các bạn!

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**
Số 08-CT/TW, ngày 18 tháng 6 năm 1987

**Về đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả
hợp tác kinh tế Việt - Xô**

Quan hệ hợp tác kinh tế giữa nước ta và Liên Xô 10 năm qua không ngừng phát triển về quy mô, phạm vi và nội dung. Sự giúp đỡ của Liên Xô đối với nước ta là hết sức to lớn, góp phần quan trọng vào việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Tuy nhiên, trong quan hệ hợp tác kinh tế, khoa học và kỹ thuật với Liên Xô, chúng ta có nhiều khuyết điểm làm cho sự hợp tác đạt hiệu quả quá thấp.

Cuộc đi thăm hữu nghị chính thức Liên Xô của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh từ ngày 17 đến ngày 22-5-1987 đánh dấu bước phát triển mới về chất hết sức quan trọng của quan hệ hợp tác toàn diện Việt - Xô, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân ta thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng nói chung và ba chương trình kinh tế lớn nói riêng. Cần quán triệt những *tư tưởng chỉ đạo* việc hợp tác kinh tế với Liên Xô:

1. Thấu suốt quan điểm kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, coi sự hợp tác với Liên Xô là cốt lõi của chiến lược kinh tế đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, là nhân tố quan trọng góp phần cải tạo cơ cấu sản xuất và xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta.

2. Gắn liền trách nhiệm với lợi ích của cả hai bên, kiên quyết khắc phục tư tưởng ỷ lại.

3. Hợp tác sản xuất phải chiếm tỷ lệ ngày càng lớn trong quan hệ hợp tác kinh tế giữa nước ta với Liên Xô để sớm hình thành sự phân công lao động quốc tế, thực hiện chuyên môn hoá và hợp tác hoá sản xuất.

4. Đổi mới phương thức hợp tác, thực hiện sự hợp tác ở cả ba cấp: chính phủ, ngành và xí nghiệp, mở rộng quan hệ trực tiếp giữa các ngành và các xí nghiệp, hình thành các xí nghiệp liên doanh.

5. Gắn sự hợp tác Việt - Xô với yêu cầu tăng cường sức mạnh và sự liên minh của ba nước Đông Dương.

Nhằm đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác kinh tế Việt - Xô, Ban Bí thư chỉ thị:

1. Các bộ, các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở có quan hệ kinh tế - thương mại với Liên Xô tiến hành kiểm điểm nghiêm túc quan hệ với Liên Xô, nêu lên những việc làm được, những thiếu sót, khuyết điểm về nhận thức, quan điểm, tổ chức, phương pháp làm việc, bố trí cán bộ..., phê phán nghiêm khắc tư tưởng ỷ lại, thái độ tuỳ tiện trong việc thực hiện các cam kết đối với Liên Xô, tình trạng sử dụng lãng phí, kém hiệu quả các vật tư, thiết bị, công trình do

Liên Xô giúp, chỉ rõ nguyên nhân của những sai lầm, thiếu sót và đề ra biện pháp khắc phục, những phương án cụ thể được tính toán kỹ nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao, không bị lỗ.

Việc này cần làm xong và có báo cáo gửi Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trong quý III-1987.

2. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng giao nhiệm vụ và chỉ đạo những bộ, ngành có liên quan xây dựng các đề án cụ thể hợp tác dài hạn với Liên Xô trên các lĩnh vực đã có sự thoả thuận về nguyên tắc giữa hai nước để nhanh chóng ký được các hiệp định với Liên Xô ngay trong năm nay.

3. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước cùng các bộ và các địa phương có liên quan điều chỉnh và bổ sung dự thảo kế hoạch 5 năm 1986-1990 và kế hoạch nhà nước năm 1987, tạo các điều kiện cần thiết để bảo đảm thực hiện tốt các cam kết với Liên Xô ngay từ năm 1987.

4. Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Chính phủ, các ban và bộ, trong quý III-1987 phối hợp nghiên cứu và xây dựng đề án sáp xếp lại các tổ chức phụ trách thực hiện các chương trình hợp tác kinh tế với Liên Xô theo hướng tập trung vào đầu mối, chủ yếu là vào các liên hiệp xí nghiệp và tổng công ty với tư cách là *tổ chức sản xuất hạch toán kinh doanh*, trực tiếp thực hiện các cam kết đối với Liên Xô; xác định mối quan hệ giữa các cơ quan quản lý nhà nước các cấp với các tổ chức này; nghiên cứu thành lập một số liên hiệp xí nghiệp hoặc tổng công ty mới phụ trách những lĩnh vực hợp tác giữa hai nước trên cơ sở kiện toàn, sáp nhập các tổ chức kinh doanh hiện có hoặc lập các tổ chức mới.

Đổi mới cơ chế hợp tác theo hướng khắc phục tập trung quan liêu cũng như sự phân tán, vô tổ chức; bảo đảm lợi ích cho đơn vị tham gia hợp tác; dành cho các ngành, các cơ sở

quyền quan hệ trực tiếp với ngành và cơ sở của bạn theo đúng nguyên tắc tự chủ trong sản xuất kinh doanh và bảo đảm chế độ hạch toán kinh tế, xoá bỏ tình trạng bao cấp trong xuất, nhập khẩu và hợp tác kinh tế.

Uỷ ban quan hệ kinh tế với nước ngoài với sự tham gia của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương và các cơ quan khác trong năm 1987 soạn thảo các nguyên tắc chủ yếu về xí nghiệp liên doanh Việt - Xô trong các lĩnh vực hợp tác sản xuất.

Điều có ý nghĩa quyết định là *lựa chọn và bố trí đúng cán bộ* có năng lực và có phẩm chất phụ trách việc hợp tác với Liên Xô ở Trung ương và cơ sở có quan hệ hợp tác với Liên Xô.

5. Bộ Chính trị đã giao trách nhiệm cho các đồng chí Đỗ Mười, Nguyễn Cơ Thạch trực tiếp chỉ đạo thực hiện toàn bộ công tác hợp tác kinh tế với Liên Xô, sử dụng các bộ máy hiện có, không lập tổ chức bộ máy mới.

Các ban của Đảng giúp Ban Bí thư thường xuyên kiểm tra các cấp, các ngành trong việc thực hiện sự hợp tác kinh tế Việt - Xô nhằm đạt hiệu quả thiết thực.

T/M BAN BÍ THƯ
TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BAN BÍ THƯ

Số 11-QĐ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 1987

Về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Cơ quan chính trị là cơ quan đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng trong quân đội, một bộ phận rất quan trọng của những hoạt động của Đảng, nhằm lãnh đạo lực lượng vũ trang thành vô hạn với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, với nhân dân, với lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước giao cho.

Tiến hành công tác đảng - công tác chính trị là một nguyên tắc trong công cuộc xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng của Đảng.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam và Điều lệ Đảng, Ban Bí thư quy định những vấn đề lớn về tổ chức, nhiệm

vụ công tác đảng - công tác chính trị trong lực lượng vũ trang như sau:

**I- NHIỆM VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG TÁC ĐẢNG -
CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ**

Nhiệm vụ cơ bản của công tác đảng - công tác chính trị là: tiến hành công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng trong quân đội, nhằm xây dựng đảng bộ quân đội trưởng thành về lãnh đạo chính trị, không ngừng củng cố và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng; bồi dưỡng bản chất giai cấp công nhân, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, của quân đội, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức; bảo đảm mọi cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng trung thành vô hạn với Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, với nhân dân, kiên định lý tưởng cộng sản chủ nghĩa; tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng; gắn bó mật thiết với nhân dân lao động các dân tộc anh em trên đất nước Việt Nam; nội bộ đoàn kết keo sơn, chung thuỷ với bạn bè quốc tế; xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện có sức chiến đấu cao, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hăng hái lao động xây dựng đất nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

Để thực hiện nhiệm vụ cơ bản đó, hoạt động công tác đảng - công tác chính trị tập trung vào các vấn đề chính sau đây:

Giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê nin, đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, Hiến pháp và pháp luật Nhà nước; thấu suốt quan điểm "toute dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc", "toute quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước"

trong quán triệt và thực hiện nhiệm vụ của quân đội, kiên trì chấp hành và cụ thể hoá đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng phẩm chất đạo đức cách mạng, nâng cao lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sản, nâng cao lòng căm thù địch, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý chí chiến đấu mạnh mẽ bền bỉ, ý thức tổ chức kỷ luật tự giác nghiêm minh, tính năng động sáng tạo, xây dựng lối sống lành mạnh, trung thực, có ý thức tôn trọng và bảo vệ của công. Củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân, đoàn kết quốc tế.

Xây dựng đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh; tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể, đi đôi với cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng; nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo về mọi mặt, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác của các tổ chức đảng; củng cố và phát huy hiệu lực chế độ một người chỉ huy; tiến hành công tác bảo vệ Đảng, bảo vệ quân đội. Quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng trong việc xây dựng, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ của Đảng trong lực lượng vũ trang, xây dựng cơ quan chính trị vững mạnh. Xây dựng Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn quốc phòng vững mạnh. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của bộ đội.

Phối hợp với tổ chức đảng và chính quyền địa phương tích cực góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang địa phương, xây dựng lực lượng dự bị, xây dựng hậu phương chiến lược, thực hiện chính sách hậu phương quân đội; tuyên truyền giáo dục thanh niên và nhân dân thực hiện nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Tiến công chính trị thúc đẩy tinh thần dân nước đổi phong, làm tan rã hàng ngũ địch.

II- NGUYÊN TẮC TIẾN HÀNH CÔNG TÁC ĐẢNG - CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ

Tiến hành công tác đảng - công tác chính trị phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

- Công tác đảng - công tác chính trị phải có tính đảng, tính giai cấp, tính chiến đấu cao.

Công tác đảng - công tác chính trị phải xuất phát từ đường lối, nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, tình hình thực tiễn của đất nước, từ đường lối, quan điểm tư tưởng quân sự và các nhiệm vụ của lực lượng vũ trang, đi sâu vào các lĩnh vực hoạt động và đời sống của quân đội, sát với từng đối tượng.

- Công tác đảng - công tác chính trị phải có kế hoạch, chủ động sáng tạo, thiết thực cụ thể, hoạt động liên tục, bảo đảm chất lượng hiệu quả cao, đáp ứng nhu cầu trước mắt và xây dựng cơ bản lâu dài.

- Công tác đảng - công tác chính trị phải kết hợp chặt chẽ công tác tư tưởng và công tác tổ chức, coi trọng việc tổ chức và kiểm tra thực hiện.

- Công tác đảng - công tác chính trị phải có tính quần chúng rộng rãi, xây dựng đoàn kết keo sơn nội bộ, đoàn kết quân - dân, phát huy được sức mạnh tổng hợp của mọi tổ chức, mọi người trong lực lượng vũ trang và của các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân ở các cấp.

III- HỆ THỐNG TỔ CHỨC CƠ QUAN CHÍNH TRỊ VÀ CHỨC NĂNG CỦA TỪNG CẤP

Ở mỗi cấp, có cơ quan chính trị và cán bộ chính trị đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng trong quân đội, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên.

Cơ quan chính trị còn có trách nhiệm giúp người chỉ huy tiến hành các hoạt động công tác chính trị trong đơn vị.

1. *Tổng cục Chính trị* là cơ quan chính trị của toàn quân đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng trong lực lượng vũ trang, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Ban Bí thư và sự lãnh đạo thường xuyên của Đảng ủy Quân sự Trung ương. Tổng cục Chính trị chịu sự hướng dẫn và kiểm tra của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác xây dựng đảng, công tác chính trị trong quân đội.

Căn cứ vào nghị quyết và chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Tổng cục Chính trị *nghiên cứu và đề nghị* với Đảng ủy Quân sự Trung ương quyết định những *chủ trương, yêu cầu và biện pháp lớn về công tác đảng - công tác chính trị* trong lực lượng vũ trang. Căn cứ vào nghị quyết của Đảng ủy Quân sự Trung ương, mệnh lệnh quân sự của Bộ trưởng Quốc phòng mà đề ra những nội dung, biện pháp, kế hoạch để chỉ đạo kiểm tra cấp dưới thực hiện.

2. *Cục Chính trị* là cơ quan đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng ở cấp quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng ủy cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị

cấp trên. Căn cứ vào chỉ thị của cơ quan chính trị cấp trên, tình hình và nhiệm vụ của đơn vị mình, Cục Chính trị *cụ thể hoá các nội dung* công tác đảng - công tác chính trị cho sát hợp, đề nghị đảng ủy quyết định. Căn cứ vào nghị quyết của đảng uỷ, mệnh lệnh về quân sự của người chỉ huy, hướng dẫn của phó chỉ huy về chính trị và kế hoạch hoạt động mọi mặt của đơn vị mà *chỉ đạo tiến hành sát với từng đối tượng khác nhau* (chủ lực, địa phương, các đơn vị binh chủng...) *trực tiếp tổ chức thực hiện* những nội dung thuộc cấp mình phụ trách và *hướng dẫn, kiểm tra* cấp dưới thực hiện.

Cơ quan chính trị khu còn có nhiệm vụ chỉ đạo công tác đảng - công tác chính trị trong lực lượng vũ trang địa phương.

Cơ quan chính trị bộ đội biên phòng có nhiệm vụ chỉ đạo công tác đảng - công tác chính trị trong lực lượng quân đội biên phòng toàn quân.

Cơ quan chính trị các quân chủng, binh chủng, Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật còn có nhiệm vụ nghiên cứu, tổng kết kinh nghiệm công tác đảng - công tác chính trị trong lực lượng thuộc ngành mình, quân chủng, binh chủng mình trong toàn quân theo sự uỷ nhiệm của Tổng cục Chính trị.

3. *Phòng Chính trị* là cơ quan đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng ở cấp sư đoàn, cơ quan quân sự địa phương, cơ quan bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố và đơn vị tương đương, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng uỷ cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Căn cứ vào chỉ thị của cơ quan chính trị cấp trên, tình hình nhiệm vụ, đối tượng và hoàn cảnh hoạt động của đơn vị,

Phòng Chính trị đề nghị đảng ủy quyết định những vấn đề công tác đảng - công tác chính trị của đơn vị. Căn cứ vào nghị quyết của đảng uỷ, mệnh lệnh về quân sự của người chỉ huy hướng dẫn của phó chỉ huy về chính trị và kế hoạch hoạt động mọi mặt của đơn vị mà đặt *kế hoạch trực tiếp tổ chức thực hiện ở các đơn vị cơ sở*.

4. *Ban Chính trị* là cơ quan đảm nhiệm công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng ở cấp trung đoàn, cơ quan quân sự địa phương huyện, thị xã và tương đương, hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của đảng uỷ cấp mình và sự chỉ đạo của cơ quan chính trị cấp trên. Căn cứ vào kế hoạch của Phòng Chính trị, tình hình nhiệm vụ, đối tượng và hoàn cảnh hoạt động của đơn vị, Ban Chính trị đề nghị đảng uỷ quyết định *kế hoạch hoạt động công tác đảng - công tác chính trị*. Căn cứ vào nghị quyết của đảng uỷ, mệnh lệnh về quân sự của người chỉ huy hướng dẫn của phó chỉ huy về chính trị và kế hoạch hoạt động chung của đơn vị mà *trực tiếp tiến hành công tác đảng - công tác chính trị với các đối tượng* trong đơn vị.

Ở các xí nghiệp quốc phòng mà đại đa số thành viên là công nhân viên thì không tổ chức Ban Chính trị mà thực hiện cơ chế "Đảng lãnh đạo, công nhân viên chức làm chủ, giám đốc quản lý" bảo đảm quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của công nhân viên chức tại đơn vị kinh tế cơ sở theo quy định chung của Đảng và Nhà nước.

IV- CHỨC TRÁCH VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC CƠ QUAN CHÍNH TRỊ

A- Tổng cục Chính trị:

Tổng cục Chính trị, có chức trách và cơ cấu tổ chức như sau:

Chức trách của Tổng cục Chính trị:

1. Chỉ đạo tiến hành công tác tư tưởng trong toàn quân, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách chủ trương của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước, đường lối, quan điểm, tư tưởng quân sự của Đảng, nhiệm vụ chính trị của lực lượng vũ trang; chỉ đạo xây dựng và thực hiện các chương trình, nội dung giáo dục chính trị trong các học viện, nhà trường quân đội. Củng cố nâng cao bản chất giai cấp công nhân, phát huy truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, của quân đội; nâng cao phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần yêu nước xã hội chủ nghĩa, tinh thần quốc tế vô sản, lòng căm thù địch, tinh thần cảnh giác cách mạng, ý chí chiến đấu, ý thức tổ chức kỷ luật tự giác cho đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng. Củng cố và tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân và đoàn kết quốc tế.

Chỉ đạo công tác thông tin, tuyên truyền, văn hoá, văn nghệ, báo chí, xuất bản trong lực lượng vũ trang. Quản lý ngành in trong quân đội. Kiểm tra nội dung thể hiện đường lối, quan điểm của Đảng trong các sách báo, văn hoá phẩm do quân đội xuất bản và sách báo, văn hoá phẩm khác lưu hành trong quân đội. Tham gia ý kiến với cơ quan văn hoá ngoài quân đội về các sáng tác văn học nghệ thuật thuộc đề tài lực lượng vũ trang. Chăm lo nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của bộ đội.

2. Chỉ đạo xây dựng đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh có năng lực lãnh đạo mọi mặt và sức chiến đấu cao. Hướng dẫn kiểm tra các tổ chức đảng tuân thủ nghiêm ngặt

nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể đi đôi với phân công cá nhân phụ trách, tự phê bình và phê bình, giữ vững kỷ cương của Đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Thường xuyên chỉ đạo củng cố kiện toàn đảng uỷ các cấp, bồi dưỡng bí thư, cấp uỷ viên theo sự phân công, phân cấp. Hướng dẫn tiến hành đại hội đảng và nội dung sinh hoạt các cấp uỷ đảng đúng với chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của từng cấp. Hướng dẫn xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao, số lượng phù hợp, tiên phong gương mẫu trong mọi hoàn cảnh, gắn bó mật thiết với quần chúng, quan tâm đến con người; trực tiếp quản lý chặt chẽ đảng viên là cán bộ cao cấp. Chỉ đạo xây dựng, củng cố tổ chức và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn Quốc phòng.

3. Chỉ đạo kiện toàn cơ quan chính trị các cấp, kiểm tra hướng dẫn việc thực hiện nhiệm vụ, chức trách, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác. Tổ chức bồi dưỡng, không ngừng nâng cao trình độ lãnh đạo và nghiệp vụ công tác đảng - công tác chính trị cho cơ quan chính trị và cán bộ chính trị.

4. Chỉ đạo quán triệt đường lối, quan điểm, nguyên tắc của Đảng trong công tác cán bộ. Căn cứ vào nhiệm vụ xây dựng, chiến đấu, tình hình đội ngũ cán bộ quân đội, đề xuất với Đảng uỷ Quân sự Trung ương về chủ trương, quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ và giúp Đảng uỷ Quân sự Trung ương quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ đó theo phạm vi phân công, phân cấp. Xây dựng cơ quan cán bộ vững mạnh, bồi dưỡng đội ngũ làm công tác cán bộ có lập trường vững vàng, quan điểm đúng đắn, tính nguyên tắc cao, có phẩm chất trong sáng, trung thực, vô tư, có năng lực nghiệp vụ giỏi, có phong cách tốt và gương mẫu trong lối sống. Kết hợp chặt chẽ công tác quản lý đội ngũ cán bộ với quản lý đội ngũ đảng viên, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng

trong quân đội trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu kiện toàn tổ chức lãnh đạo của Đảng và tổ chức chỉ huy.

5. Chỉ đạo công tác đảng - công tác chính trị trong việc củng cố, nâng cao hiệu lực của chế độ một người chỉ huy.
6. Chỉ đạo công tác đảng - công tác chính trị trong các nhiệm vụ, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu, chiến đấu, xây dựng, huấn luyện, lao động sản xuất, xây dựng kinh tế, tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng hậu phương chiến lược vững mạnh và làm nhiệm vụ quốc tế. Chỉ đạo phong trào thi đua xã hội chủ nghĩa trong toàn quân.
7. Chỉ đạo quán triệt các quan điểm của Đảng trong công tác chính sách, phối hợp với các cơ quan chức năng nghiên cứu đề xuất các chính sách đối với lực lượng vũ trang, kiểm tra việc thực hiện trong toàn quân và việc chấp hành chính sách hậu phương quân đội ở các địa phương. Cùng các cơ quan chức năng tổ chức tốt đời sống tinh thần, vật chất cho bộ đội.
8. Phối hợp với các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương chỉ đạo tiến hành công tác tuyên truyền đặc biệt nhằm thức tỉnh nhân dân nước đối phương, góp phần làm suy yếu, tan rã hàng ngũ địch.
9. Chỉ đạo quán triệt đường lối nhiệm vụ và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước trong quân đội, góp phần củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt và liên minh chiến lược, chiến đấu giữa ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia; quan hệ đoàn kết hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.
10. Chỉ đạo chặt chẽ công tác bảo vệ, giáo dục cho đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng nâng cao cảnh giác, chấp hành nghiêm túc chế độ phòng gian giữ bí mật. Kiên quyết đấu tranh đánh bại chiến tranh tâm lý và các âm mưu thủ đoạn bí mật phá hoại của mọi kẻ thù; chống các hoạt động của những người thoái hóa, biến chất, sa đoạ, làm những việc có lợi cho địch.

11. Lập ngân sách, phân phối ngân sách công tác đảng - công tác chính trị. Chỉ đạo quản lý, sử dụng các phương tiện, trang bị vật tư công tác chính trị.

12. Nghiên cứu lý luận và tổng kết kinh nghiệm để không ngừng nâng cao trình độ công tác đảng - công tác chính trị trong lực lượng vũ trang. Tham gia nghiên cứu phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam, tham gia biên soạn các điều lệnh, điều lệ và lịch sử quân đội.

Cơ cấu tổ chức của Tổng cục Chính trị gồm có:

Cơ quan nghiên cứu chỉ đạo:

- Văn phòng
- Cục Tổ chức
- Cục Tuyên huấn
- Cục Cán bộ
- Cục Chính sách
- Cục Bảo vệ
- Cục Xuất bản
- Cục Tuyên truyền đặc biệt
- Ban công tác Thanh niên
- Ban công tác Công đoàn quốc phòng.

Các cơ sở trực thuộc:

- Báo Quân đội nhân dân
- Tạp chí Quân đội nhân dân
- Tạp chí Văn nghệ Quân đội nhân dân
- Bảo tàng Quân đội nhân dân
- Thư viện Quân đội nhân dân
- Nhà xuất bản Quân đội nhân dân
- Nhà Văn hóa Quân đội nhân dân
- Các đoàn nghệ thuật Quân đội nhân dân
- Xí nghiệp phim Quân đội nhân dân
- Xưởng mỹ thuật Quân đội nhân dân
- Các nhà máy in Quân đội nhân dân
- Trường bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ chính trị
- Trường nghệ thuật Quân đội nhân dân.

Các tổ chức công tác đảng - công tác chính trị nội bộ, tổ chức hậu cần hành chính phục vụ khác theo quy định chung của quân đội.

B- Căn cứ vào quy định này, Tổng cục Chính trị hướng dẫn chức trách và cơ cấu tổ chức cơ quan chính trị các cấp dưới và cán bộ chính trị từng cấp.

V- BIÊN CHẾ CƠ QUAN CHÍNH TRỊ VÀ CÁN BỘ CHÍNH TRỊ CÁC CẤP

Từ cấp đại đội đến cấp quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương có phó chỉ huy hoặc phó tư lệnh về chính trị. Ở cấp có cơ quan chính trị thì người phụ trách cơ quan là chủ nhiệm chính trị. Phó chỉ huy hoặc phó tư lệnh về chính trị không kiêm chức chủ nhiệm chính trị.

Ở xã, phường do bí thư đảng uỷ xã, phường trực tiếp làm chính trị viên đảm nhiệm tiến hành công tác đảng - công tác chính trị đối với dân quân tự vệ và các nhiệm vụ quân sự ở địa phương.

Biên chế cơ quan chính trị và cán bộ chính trị các cấp do Tổng cục Chính trị căn cứ vào nhiệm vụ, nhu cầu công tác và ương đoàn thể đó vận dụng sát với đặc điểm tình hình nhiệm vụ của quân đội.

Ở trung đoàn và đơn vị tương đương, ở các tiểu đoàn có đồng thanh niên và đại đội chiến đấu hoặc trực tiếp phục vụ chiến đấu thì có bí thư đoàn chuyên trách. Ở các xí nghiệp quốc phòng, các đơn vị sản xuất và phục vụ có nhiều công nhân viên chức thì có cán bộ công đoàn, cán bộ đoàn thanh niên chuyên trách.

Sĩ quan, binh sĩ xuất ngũ hoặc nghỉ hưu được thu hút vào Hội cựu binh sĩ. Ban chấp hành hội cấp nào thì cấp uỷ cấp ấy giao cho cơ quan chính trị cùng cấp chỉ đạo.

quy hoạch số lượng cán bộ chính trị của Đảng uỷ Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng đã xác định, mà quy định biên chế cụ thể ở từng cấp cho thích hợp, trao đổi thống nhất với Bộ Tổng tham mưu rồi ban hành.

VI- TỔ CHỨC QUÂN CHÚNG

Tổ chức quần chúng trong Quân đội nhân dân Việt Nam có Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và Công đoàn Quốc phòng. Các tổ chức này *chỉ tổ chức ở đơn vị cơ sở; đặt dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ cơ sở, sự chỉ đạo trực tiếp của phó chỉ huy về chính trị, cơ quan chính trị cấp mình, và chịu sự hướng dẫn công tác của Ban công tác Thanh niên, Ban công tác Công đoàn Quốc phòng thuộc cơ quan chính trị cấp trên.*

Các tổ chức quần chúng trong quân đội có nhiệm vụ thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ theo điều lệ của đoàn thể mình và các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung

Căn cứ vào Quy định này, Tổng cục Chính trị hướng dẫn thực hiện cụ thể. Trong quá trình thực hiện khi có sự phát triển mới thì đề nghị Ban Bí thư quyết định bổ sung.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MUỐI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 12-QĐ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 1987

**Về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân
Việt Nam**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam và Điều lệ Đảng, Ban Bí thư quy định tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam như sau:

**I- HỆ THỐNG TỔ CHỨC ĐẢNG UỶ CÁC CẤP
TRONG QUÂN ĐỘI**

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng, mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, lãnh đạo trực tiếp, tập trung thống nhất về mọi mặt Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đảng thực hiện sự lãnh đạo của mình thông qua hệ thống tổ chức đảng các cấp, hoạt động về tư tưởng và tổ chức của các cơ quan chính trị và trên cơ sở bảo đảm sự lãnh đạo tập thể của tổ chức đảng thực hiện chế độ một người chỉ huy ở tất cả các cấp trong quân đội.

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam hoạt động theo Điều lệ Đảng và các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Để tăng cường sức chiến đấu và năng lực tổ chức thực tiễn của mình, các tổ chức đảng phải quán triệt tinh thần đổi mới của Đại hội Đảng lần thứ VI, phát triển, cụ thể hóa và kiên trì chấp hành đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam được tổ chức theo hệ thống dọc từ cơ sở đến toàn quân. Ở mỗi cấp có ban chấp hành đảng bộ (gọi tắt là đảng uỷ) do dân chủ bầu cử và được đảng uỷ cấp trên chuẩn y, trong trường hợp đặc biệt thì do đảng uỷ cấp trên trực tiếp chỉ định. Hội nghị toàn thể đảng uỷ cử ra bí thư và được đảng uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y.

Toàn quân có Đảng uỷ Quân sự Trung ương đặt dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Đảng uỷ Quân sự Trung ương do Ban Chấp hành Trung ương chỉ định, gồm một số đồng chí Uỷ viên Trung ương công tác trong quân đội và một số đồng chí Uỷ viên Trung ương ngoài quân đội. Ban thường vụ có từ ba đến năm đồng chí, gồm bí thư, một hoặc hai phó bí thư và các uỷ viên.

Đảng uỷ quân khu: có số lượng từ chín đến 13 uỷ viên chính thức, hai đến bốn uỷ viên dự khuyết, là các đồng chí công tác trong quân khu. Các Bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trực thuộc Trung ương trên địa bàn quân khu tham gia đảng ủy quân khu. Ban thường vụ có từ ba đến năm uỷ viên. Bí thư đảng uỷ phải có ít nhất 10 năm tuổi Đảng.

Đảng uỷ Tổng cục Hậu cần, Tổng cục Kỹ thuật, đảng uỷ các quân chủng, quân đoàn, binh chủng, binh đoàn và tướng đương có số lượng từ chín đến 13 uỷ viên chính thức, hai đến bốn uỷ viên dự khuyết, Ban thường vụ có từ ba đến năm uỷ viên. Bí thư đảng uỷ phải có ít nhất 10 năm tuổi Đảng.

Đảng uỷ cơ quan Bộ Tổng tham mưu, Bộ Quốc phòng, cơ quan Tổng cục Chính trị có số lượng từ chín đến 13 uỷ viên

chính thức, hai đến bốn ủy viên dự khuyết, Ban thường vụ có từ ba đến năm ủy viên. Bí thư đảng uỷ phải có ít nhất 10 năm tuổi Đảng.

Đảng uỷ các học viện, trường đào tạo sĩ quan, trường quân chính quân khu, quân đoàn có số lượng từ chín đến 11 ủy viên chính thức, hai đến bốn ủy viên dự khuyết. Ban thường vụ có từ ba đến năm ủy viên. Bí thư đảng uỷ phải có ít nhất 5 năm tuổi Đảng.

Đảng uỷ sư đoàn, lữ đoàn và tương đương có số lượng từ chín đến 11 ủy viên chính thức, hai đến bốn ủy viên dự khuyết. Ban thường vụ có từ ba đến năm ủy viên. Bí thư đảng uỷ phải có ít nhất 5 năm tuổi Đảng.

Đảng uỷ cơ sở có số lượng từ bảy đến 11 ủy viên chính thức, một đến hai ủy viên dự khuyết. Những đảng uỷ cơ sở có chín ủy viên chính thức trở lên được cử ra Ban thường vụ từ ba đến năm ủy viên. Những đảng uỷ cơ sở có dưới chín ủy viên chính thức thì cử Bí thư và Phó Bí thư. Đảng uỷ cơ sở các đơn vị chiến đấu có bảy ủy viên chính thức cũng được cử ra Ban thường vụ gồm ba ủy viên. Bí thư đảng uỷ phải có ít nhất ba năm tuổi Đảng.

2. *Tổ chức đảng ở cơ quan quân sự địa phương và các đơn vị bộ đội địa phương, ở cơ quan chỉ huy bộ đội biên phòng và các đơn vị bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố, đặc khu* được thành lập theo đúng các quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của cấp uỷ địa phương, đồng thời chịu sự chỉ đạo của đảng uỷ quân sự cấp trên và hướng dẫn của cơ quan chính trị cấp trên. Đồng chí Bí thư cấp uỷ địa phương trực tiếp làm Bí thư đảng uỷ quân sự cùng cấp.

Đảng uỷ quân sự, Đảng uỷ bộ đội biên phòng tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương có số lượng từ chín đến 13 ủy viên chính thức, hai đến bốn ủy viên dự khuyết. Ban thường vụ có từ ba đến năm ủy viên. Đảng uỷ quân sự tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương gồm các đồng chí uỷ viên công tác trong cơ quan quân sự địa phương,

trong các đơn vị bộ đội địa phương trực thuộc do dân chủ bầu cử và một số đồng chí tinh uỷ viên (thành uỷ viên) phụ trách các ngành công tác có liên quan (uỷ ban kế hoạch, công an, biên phòng, v.v.) tham gia.

Các huyện, quận, thị xã nếu có đơn vị bộ đội địa phương thì thành lập đảng uỷ, gọi là đảng uỷ quân sự huyện, quận, có số lượng từ bảy đến 11 ủy viên chính thức, một đến hai ủy viên dự khuyết do dân chủ bầu cử; nếu không có bộ đội địa phương thì lập ban cán sự có số lượng từ ba đến năm ủy viên do huyện uỷ, quận uỷ, thị uỷ chỉ định sau khi lấy ý kiến của đảng uỷ quân sự tỉnh, thành, đặc khu. Đảng uỷ quân sự hoặc ban cán sự huyện, quận, thị xã gồm các đồng chí uỷ viên công tác trong cơ quan quân sự địa phương, trong các đơn vị bộ đội địa phương trực thuộc và một số đồng chí huyện uỷ viên (quận, thị) phụ trách các ngành công tác có liên quan (kế hoạch, công an, biên phòng, v.v.) tham gia.

3. Ngoài những tổ chức cơ bản đã nêu ở trên, trong trường hợp cần lập những tổ chức lâm thời để làm nhiệm vụ một thời gian thì Đảng uỷ Quân sự Trung ương hoặc đảng uỷ quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương có thể chỉ định đảng uỷ lâm thời để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

II- NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÁC CẤP UỶ ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI

1. *Đảng uỷ Quân sự Trung ương*

Đảng uỷ Quân sự Trung ương có hai chức năng chủ yếu là:

- *Lãnh đạo toàn quân* chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quân sự và các nhiệm vụ khác của Đảng và Nhà nước giao cho; xây dựng đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh, có năng lực lãnh đạo mọi mặt và sức chiến đấu cao.

- Nghiên cứu và đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị quyết định những vấn đề về đường lối, nhiệm vụ quân sự, phương hướng nhiệm vụ xây dựng, củng cố nền quốc phòng toàn dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong quân đội, xây dựng thế trận và hậu phương chiến lược của chiến tranh nhân dân, xây dựng công nghiệp quốc phòng. Đề xuất với Ban Bí thư quyết định những vấn đề lớn về xây dựng đảng, công tác đảng, công tác chính trị, về công tác quân sự địa phương và các chế độ, chính sách đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Thấu suốt và thực hiện đúng quan điểm "toàn dân xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc", "toàn quân bảo vệ Tổ quốc và xây dựng đất nước", kiên trì chấp hành và cụ thể hoá đường lối quân sự của Đảng trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể như sau:

a) *Nhiệm vụ:*

- Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trung thành vô hạn với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội, tuyệt đối phục tùng sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gắn bó mật thiết với nhân dân lao động; nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp, pháp luật Nhà nước, đề cao kỷ luật tự giác, giữ gìn đoàn kết keo sơn trong nội bộ; sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, hăng hái lao động xây dựng đất nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

- Không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp của lực lượng vũ trang nhân dân, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở; xây dựng Quân đội nhân dân cách mạng, chính quy ngày càng hiện đại; chỉ đạo xây dựng dân quân tự vệ vững mạnh, rộng khắp; xây dựng lực lượng dự bị có chất lượng cao, được tổ chức và quản lý chặt chẽ.

- Hướng dẫn các cấp uỷ địa phương, các cơ quan, các ngành ở Trung ương thực hiện nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương và thực hiện chính sách hậu phương quân đội.

- Lãnh đạo bộ đội tham gia xây dựng kinh tế theo kế hoạch của Nhà nước, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, đúng đường lối, quan điểm của Đảng, pháp luật của Nhà nước; xây dựng, giữ gìn, sử dụng tốt cơ sở vật chất kỹ thuật, hậu cần của quân đội và xây dựng công nghiệp quốc phòng; đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của bộ đội.

- Lãnh đạo thực hiện có hiệu quả kế hoạch hợp tác với quân đội các nước xã hội chủ nghĩa anh em, góp phần củng cố và tăng cường liên minh chiến lược, chiến đấu và quan hệ đoàn kết đặc biệt giữa Việt Nam - Lào - Campuchia, củng cố và phát triển quan hệ đoàn kết hợp tác về quân sự với quân đội và hải quan Liên Xô và quân đội các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

- Xây dựng, phát triển khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam và khoa học - kỹ thuật quân sự.

- Xây dựng Đảng bộ quân đội trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, lãnh đạo tập thể đi đôi với phân công cá nhân phụ trách và các chế độ sinh hoạt của Đảng; tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng; thường xuyên kiện toàn đảng uỷ các cấp có năng lực lãnh đạo về mọi mặt và sức chiến đấu cao, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao, số lượng phù hợp, thực sự tiên phong gương mẫu; gắn bó mật thiết với quần chúng, quan tâm đến con người. Thường xuyên kiện toàn cơ quan chính trị các cấp, tăng cường hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị trong toàn quân.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong lực lượng vũ trang có phẩm chất chính trị cao, vững vàng trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa ta và địch, giữa tích cực và tiêu cực, có ý thức trách nhiệm cao, có năng lực lãnh đạo, chỉ huy quản lý đơn vị, có phong cách lãnh đạo tốt, làm việc có hiệu quả thiết thực; gương mẫu trong lối sống *nhàm bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội*, kiện toàn tổ chức lãnh đạo và tổ chức chỉ huy, làm nòng cốt cho quân đội thực hiện thắng lợi đường lối nhiệm vụ cách mạng của Đảng. Đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng cán bộ theo phạm vi được phân công, phân cấp.
- Lãnh đạo chặt chẽ công tác bảo vệ, giáo dục đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng nâng cao cảnh giác cách mạng, chấp hành nghiêm túc chế độ phòng gian giữ bí mật; kiên quyết đấu tranh đánh bại chiến tranh tâm lý và các âm mưu thù đoạn bí mật phá hoại của mọi kẻ địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ quân đội.
- Triệu tập Đại hội đại biểu đảng bộ toàn quân chuẩn bị tham gia Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc theo chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương.

b) *Quyền hạn:*

- Chuẩn y các đảng uỷ cấp dưới trực tiếp do Đại hội đại biểu đảng bộ bầu ra, chỉ định bổ sung đảng uỷ viên cấp đó theo đúng quy định.
- Thành lập các tổ chức đảng và các tổ chức đơn vị bộ đội từ cấp binh chủng, binh đoàn và tương đương trở xuống.
- Quyết định các chức vụ từ tư lệnh binh chủng, sư đoàn trưởng, cục trưởng và tương đương, thăng hoặc giáng cấp quân hàm từ đại tá trở xuống.
- Quyết định các hình thức kỷ luật đối với những đảng viên là cán bộ giữ chức vụ sư đoàn trưởng, cục trưởng và tương đương, có quân hàm đại tá và viên chức quốc phòng có mức lương tương đương trở xuống.
- Quyết định các hình thức kỷ luật khiển trách, cảnh cáo đối với các tổ chức đảng trong Đảng bộ quân đội, chuẩn y đề nghị

của cấp dưới về hình thức giải tán cấp uỷ sư đoàn và tương đương trở xuống. Quyết định đề nghị thi hành kỷ luật giải tán đảng uỷ quân khu, quân chủng, quân đoàn và tương đương báo cáo lên Bộ Chính trị chuẩn y.

- Việc chuẩn y giải tán một chi bộ hoặc một tổ chức cơ sở đảng phải do tập thể Đảng uỷ Quân sự Trung ương quyết định trên cơ sở đề nghị của đảng uỷ cấp trên của tổ chức cơ sở và quyết định đó phải báo cáo lên Ban Bí thư.

2. *Đảng uỷ các cấp*

Đảng uỷ các cấp có trách nhiệm lãnh đạo về mọi mặt các đơn vị thuộc quyền theo phạm vi, chức năng và nội dung quy định cho từng cấp. Đảng uỷ thảo luận để quán triệt các nhiệm vụ do cấp trên giao, đánh giá tình hình đơn vị về mọi mặt và ra nghị quyết về chủ trương và biện pháp lãnh đạo để chấp hành tốt nhiệm vụ.

Đảng uỷ căn cứ vào nhiệm vụ cấp trên giao, tình hình đơn vị và đặc điểm chiến trường, thông qua quyết tâm tác chiến của người chỉ huy và xác định các biện pháp lớn để giành thắng lợi.

Nhiệm vụ lãnh đạo và quyền hạn cụ thể như sau:

a) *Nhiệm vụ:*

- Chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách, chủ trương của Đảng, Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của quân đội; các nghị quyết của Đảng uỷ, mệnh lệnh, chỉ thị của cơ quan chỉ huy cấp trên; các nghị quyết của đại hội đại biểu đảng bộ cấp mình, không ngừng nâng cao chất lượng đơn vị về mọi mặt, lấy chất lượng chính trị làm cơ sở, hoàn thành nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, lao động xây dựng đất nước và làm tròn nghĩa vụ quốc tế.

- Giáo dục toàn thể cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức quốc phòng trong đơn vị, nâng cao tinh thần yêu nước và giác ngộ xã hội chủ nghĩa, phát huy bản chất cách mạng, truyền thống vẻ vang của dân tộc, của Đảng, của quân đội; nâng cao ý chí chiến đấu, lòng căm thù sâu sắc, tinh thần cảnh giác và

lập trường kiên định với kẻ thù; nâng cao ý thức tổ chức kỷ luật tự giác; củng cố đoàn kết nội bộ, đoàn kết quân dân.

- Lãnh đạo nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong lao động sản xuất, làm ra của cải vật chất; bảo đảm sử dụng công khai và công bằng, ổn định và từng bước cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của chiến sĩ và cán bộ. Lãnh đạo đơn vị tham gia xây dựng kinh tế theo kế hoạch của Nhà nước, quy định của quân đội góp phần xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Nâng cao trách nhiệm của cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức quốc phòng trong việc tôn trọng và bảo vệ tài sản của Nhà nước, của nhân dân, của quân đội; lãnh đạo chấp hành tốt các chế độ quản lý, sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật, tài chính và mọi tài sản khác của quân đội, bảo đảm giữ tốt, dùng bền, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả cao.

- Giáo dục tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa, chấp hành nghiêm chỉnh nhiệm vụ, kế hoạch hợp tác với quân đội các nước anh em có hiệu quả góp phần củng cố, tăng cường liên minh chiến lược chiến đấu và quan hệ đoàn kết đặc biệt giữa Việt Nam - Lào - Campuchia, củng cố và phát triển quan hệ đoàn kết, hợp tác về quân sự với quân đội và hải quân Liên Xô và quân đội các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

- Xây dựng đảng bộ trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo đi đôi với cá nhân phụ trách và các chế độ sinh hoạt đảng, tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng. Thường xuyên kiện toàn đảng uỷ các cấp có năng lực lãnh đạo về mọi mặt và sức chiến đấu cao, đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác; xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ đảng viên có chất lượng cao, số lượng phù hợp, thực sự tiên phong gương mẫu

trong mọi hoàn cảnh, gắn bó mật thiết với quần chúng, quan tâm đến con người. Thường xuyên kiện toàn cơ quan chính trị các cấp đúng quy định, tăng cường hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị trong các nhiệm vụ, trong mọi hoàn cảnh.

- Thường xuyên củng cố và nâng cao hiệu lực của chế độ một người chỉ huy.

- Lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ của Đảng trong đơn vị có phẩm chất chính trị vững vàng trong mọi hoàn cảnh, có năng lực lãnh đạo, chỉ huy quản lý đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ xây dựng, chiến đấu ngày càng cao; có phong cách lãnh đạo tốt, làm việc có hiệu quả thiết thực, cần kiệm, giản dị, trung thực, gương mẫu trong lối sống. Đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, sử dụng cán bộ theo kế hoạch chung và phạm vi phân công, phân cấp, theo đúng các nguyên tắc, chế độ quy định về công tác cán bộ của Đảng.

- Lãnh đạo chặt chẽ công tác bảo vệ. Giáo dục đảng viên, cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng nâng cao cảnh giác cách mạng, chấp hành nghiêm túc chế độ phòng gian giữ bí mật; kiên quyết đấu tranh đánh bại chiến tranh tâm lý và các âm mưu, thủ đoạn bí mật phá hoại của mọi kẻ địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ quân đội.

- Xây dựng và phát huy đầy đủ chức năng của các tổ chức quần chúng theo đúng quan điểm của Đảng; thắt chặt mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng. Giáo dục không ngừng nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, phẩm chất đạo đức cách mạng và trình độ mọi mặt của quần chúng; chăm lo đời sống tinh thần, vật chất, tạo mọi điều kiện để quần chúng hoàn thành nhiệm vụ; và thông qua đó đào tạo, rèn luyện con người mới xã hội chủ nghĩa.

Đảng uỷ quân khu đi đôi với trách nhiệm lãnh đạo về mọi mặt các đơn vị thuộc quyền còn có nhiệm vụ chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân, công tác quân sự địa phương và chấp hành chính sách hậu phương quân đội trên địa bàn quân khu. Các cấp uỷ địa phương có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng uỷ quân khu về các mặt công tác nói trên.

Đảng uỷ quân sự tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương, đảng uỷ quân sự huyện, quận, thị xã lãnh đạo về mọi mặt các đơn vị bộ đội địa phương thuộc quyền thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ do cấp uỷ địa phương và quân khu giao cho; đề bạt với cấp uỷ địa phương *nội dung lãnh đạo công tác quân sự địa phương* và chấp hành chính sách hậu phương quân đội, kết hợp kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với an ninh để cấp uỷ ra quyết nghị thống nhất lãnh đạo các cấp, các ngành thực hiện, đồng thời có trách nhiệm giúp cấp uỷ hướng dẫn và theo dõi thực hiện.

Đảng uỷ bộ đội biên phòng thực hiện đúng Quy định số 77-QĐ/TW ngày 25-7-1986 của Ban Bí thư.

b) *Quyền hạn:*

- Chuẩn y hoặc chỉ định các đảng uỷ cấp dưới trực tiếp và chỉ định bổ sung uỷ viên cấp đó theo đúng quy định.
- Bổ nhiệm, bãi miễn chức vụ, thăng hoặc giáng cấp quân hàm cán bộ theo phân công, phân cấp.
- Quyết định về kỷ luật đối với đảng viên và tổ chức đảng theo chương X Điều lệ Đảng. Quyền hạn cụ thể của từng cấp do Đảng uỷ Quân sự Trung ương căn cứ vào Điều 53 Điều lệ Đảng và uỷ quyền của Ban Chấp hành Trung ương để quy định cụ thể.

Việc xét kỷ luật đối với đảng viên thuộc đảng bộ quân sự địa phương, đảng bộ bộ đội biên phòng tỉnh là sĩ quan do cấp quân khu, cấp tư lệnh bộ đội biên phòng quản lý cần được bàn bạc nhất trí giữa đảng uỷ quân khu, đảng uỷ bộ đội biên phòng với tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trước khi quyết định hoặc báo cáo do cấp trên quyết định. Trường

hợp có những ý kiến còn khác nhau thì báo cáo để cấp trên xem xét kết luận.

III- TỔ CHỨC, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

Ban Bí thư giao cho Đảng uỷ Quân sự Trung ương căn cứ vào Điều lệ Đảng quy định cụ thể.

IV- ĐẠI HỘI ĐẢNG CÁC CẤP VÀ NHIỆM KỲ CỦA CÁC CẤP UỶ ĐẢNG

- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp quân khu, quân chủng, binh chủng, quân đoàn, binh đoàn, tổng cục và tướng đương 5 năm một lần. Nhiệm kỳ của cấp uỷ là 5 năm.
- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp sư đoàn, lữ đoàn và tướng đương, đảng bộ các học viện, nhà trường, đảng bộ quân sự địa phương tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và huyện, quận, thị xã 5 năm hai lần. Cấp uỷ cứ 5 năm có hai nhiệm kỳ.
- Đại hội đại biểu hay đại hội đảng viên của tổ chức cơ sở đảng có thành lập đảng uỷ cơ sở thường lệ 5 năm hai lần. Giữa hai kỳ đại hội, hàng năm đảng uỷ cơ sở mở hội nghị đại biểu. Đảng uỷ, chi uỷ cơ sở cứ 5 năm có hai nhiệm kỳ. Đảng uỷ bộ phận và chi uỷ nhiệm kỳ là một năm.

V- CHẾ ĐỘ SINH HOẠT CỦA CÁC CẤP UỶ ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI

- Đảng uỷ Quân sự Trung ương thường lệ sáu tháng họp một lần, ban thường vụ một tháng họp một lần.
- Đảng uỷ cấp quân chủng, binh chủng, quân đoàn và tương đương thường lệ ba tháng họp một lần. Ban thường vụ một tháng họp hai lần. Riêng đảng uỷ quân khu họp toàn đảng uỷ sáu tháng một lần bàn các vấn đề chung trong toàn quân khu. Ba tháng một lần họp các uỷ viên trong quân đội bàn các vấn đề lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cụ thể trong lực lượng vũ trang.
- Đảng uỷ cấp trên trực tiếp cơ sở thường lệ ba tháng họp hai lần. Ban thường vụ một tháng họp hai lần.
- Đảng uỷ cơ sở, đảng uỷ bộ phận, chi bộ thường lệ một tháng họp một lần, ban thường vụ một tháng họp hai lần.
- Ngoài quy định trên, khi cần thiết thì các đảng uỷ, ban thường vụ có thể họp bất thường.

VI- UỶ BAN KIỂM TRA ĐẢNG CÁC CẤP TRONG QUÂN ĐỘI

Uỷ ban Kiểm tra đảng của cấp nào do hội nghị toàn thể đảng uỷ cấp đó cử ra, gồm một số uỷ viên trong Ban Chấp hành và một số uỷ viên ngoài Ban Chấp hành. Danh sách uỷ ban kiểm tra cấp dưới phải được cấp uỷ cấp trên trực tiếp chuẩn y. Nhiệm vụ và quyền hạn của uỷ ban kiểm tra các cấp chấp hành theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

Uỷ ban Kiểm tra các cấp đặt dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ cùng cấp, hoạt động theo đúng các quy định của Điều lệ Đảng, nghị quyết của cấp uỷ cấp mình và sự hướng dẫn công tác của uỷ ban kiểm tra cấp trên.

Trong thực hiện nhiệm vụ chức trách, uỷ ban kiểm tra các cấp cần phối hợp chặt chẽ với cơ quan tổ chức, cán bộ bảo vệ, thanh tra, kiểm sát, tòa án, và các cơ quan khác có liên quan và được quyền yêu cầu các đơn vị, cơ quan, đảng viên, cán bộ, chiến sĩ cung cấp tình hình và tài liệu cần thiết cho việc thực hiện nhiệm vụ.

Uỷ ban Kiểm tra đảng uỷ quân khu, uỷ ban kiểm tra đảng uỷ quân sự tỉnh, thành là một thành viên của uỷ ban kiểm tra tỉnh, thành uỷ, cần phối hợp chặt chẽ với uỷ ban kiểm tra tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu trong địa bàn quân khu để kiểm tra giải quyết các vụ kỷ luật, tố cáo khiếu nại, đối với đảng viên và tổ chức đảng trong đảng bộ quân sự địa phương.

VII- QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG UỶ, BÍ THƯ ĐẢNG UỶ VỚI NGƯỜI CHỈ HUY ĐƠN VỊ

1. Quan hệ giữa đảng uỷ với người chỉ huy đơn vị

Đảng uỷ là cơ quan lãnh đạo giữa hai kỳ đại hội đảng bộ. Người chỉ huy phải phục tùng sự lãnh đạo tập thể của đảng uỷ, kịp thời báo cáo với đảng uỷ tình hình đơn vị và nhiệm vụ cấp trên giao, đề xuất chủ trương thực hiện, biện pháp lãnh đạo để đảng uỷ thảo luận quyết định và có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết của đảng uỷ theo chức trách của mình.

Đối với nhiệm vụ tác chiến, người chỉ huy báo cáo với đảng uỷ nhiệm vụ cấp trên giao, phương án tác chiến, dự kiến các tình huống xảy ra và đề xuất chủ trương biện pháp lãnh đạo thực hiện. Đảng uỷ thảo luận thông qua quyết tâm tác chiến và quyết định các chủ trương, biện pháp lãnh đạo để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ.

Trường hợp nhận nhiệm vụ trong tình huống khẩn trương hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tình hình

diễn biến ngoài dự kiến không có điều kiện họp đảng uỷ hoặc thường vụ được thì người chỉ huy phải chủ động quyết đoán xử trí kịp thời để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ. Sau đó báo cáo và chịu trách nhiệm với đảng uỷ cấp mình và cấp trên.

2. Quan hệ giữa bí thư đảng uỷ với người chỉ huy đơn vị
Bí thư đảng uỷ và người chỉ huy đơn vị hoạt động trong đảng bộ và đơn vị theo chức trách dưới sự lãnh đạo của đảng uỷ, trong mối quan hệ gắn bó chặt chẽ về tổ chức theo cơ chế lãnh đạo của Đảng, nhằm hoàn thành nhiệm vụ chung.

Quan hệ phối hợp công tác giữa bí thư đảng uỷ và người chỉ huy phải là mẫu mực về trách nhiệm, về đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ chung.

Bí thư đảng uỷ và người chỉ huy phải kịp thời thông báo cho nhau biết rõ nghị quyết, chỉ thị của đảng uỷ và mệnh lệnh, chỉ thị của người chỉ huy cấp trên; chủ động trao đổi quán triệt nhiệm vụ, thống nhất đánh giá tình hình đơn vị và chủ trương thực hiện; đề xuất biện pháp lãnh đạo, phân công chuẩn bị để báo cáo đảng uỷ quyết định; thống nhất kế hoạch triển khai và kiểm tra các tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị thực hiện nghị quyết của đảng uỷ, nhiệm vụ của đơn vị. Bí thư đảng uỷ và người chỉ huy phải thống nhất quan điểm giải quyết các vấn đề trong đơn vị. Trường hợp có ý kiến khác nhau phải cùng nhau trao đổi để nhất trí, nếu đã thảo luận kỹ mà chưa nhất trí phải kịp thời đưa ra đảng uỷ hoặc thường vụ thảo luận quyết định.

VIII- QUAN HỆ GIỮA CẤP UỶ ĐẢNG TRONG QUÂN ĐỘI VỚI CẤP UỶ ĐẢNG VÀ CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG

1. Quan hệ giữa đảng uỷ quân khu với tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trong quân khu

Đảng uỷ quân khu có trách nhiệm chỉ đạo xây dựng nền quốc phòng toàn dân, công tác quân sự địa phương trong toàn quân khu.

Tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ có trách nhiệm lãnh đạo thực hiện nghị quyết của đảng uỷ quân khu về xây dựng nền quốc phòng toàn dân và công tác quân sự địa phương trong địa phương mình; lãnh đạo đảng uỷ, người chỉ huy quân sự tỉnh, thành, đặc khu chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của đảng uỷ, mệnh lệnh của tư lệnh quân khu về công tác quân sự địa phương; chỉ thị hướng dẫn của Cục Chính trị quân khu về công tác đảng - công tác chính trị trong lực lượng vũ trang địa phương.

Đảng bộ quân sự địa phương do tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ lãnh đạo; quân số, cán bộ, trang bị kỹ thuật do quân đội quản lý. Khi điều động, bổ nhiệm cán bộ quân sự địa phương thì quân khu và tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ cùng bàn bạc nhất trí. Nếu có vấn đề chưa nhất trí thì báo cáo lên Ban Bí thư Trung ương và Đảng uỷ Quân sự Trung ương. Trường hợp khẩn cấp trong chiến đấu thì thực hiện theo quy định của cấp có thẩm quyền trong quân đội.

2. Quan hệ giữa cấp uỷ đơn vị chủ lực với cấp uỷ địa phương

Các đơn vị chủ lực đến làm nhiệm vụ ở địa phương nào thì cấp uỷ và người chỉ huy đơn vị đó có trách nhiệm thông báo tình hình và nhiệm vụ có liên quan với ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ và cùng người chỉ huy quân sự tỉnh, thành, đặc khu thống nhất kế hoạch hiệp đồng tổ chức phòng thủ, tác chiến theo mệnh lệnh, chỉ thị của cấp trên, bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an

toàn xã hội, chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy định của chính quyền địa phương. Khi chuyển đi nơi khác thì cần thông báo kịp thời với ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ và cùng người chỉ huy quân sự tỉnh, thành, đặc khu điều chỉnh kế hoạch, giải quyết những việc còn lại được kịp thời.

Trường hợp đơn vị bộ đội chủ lực làm nhiệm vụ lâu dài trên địa bàn tỉnh, thành phố, huyện thì có thể chỉ định một vài đồng chí đảng viên là cán bộ chủ trì tham gia vào cấp uỷ địa phương.

*
* * *

Căn cứ vào Quy định này, Đảng uỷ Quân sự Trung ương hướng dẫn tổ chức thực hiện cụ thể. Khi có sự phát triển mới thì kịp thời đề nghị Ban Bí thư Trung ương Đảng bổ sung, sửa đổi.

T/M BAN BÍ THU'

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 12-CT/TW, ngày 31 tháng 7 năm 1987

**Về việc tăng cường công tác tài chính đảng
trong tình hình mới**

Những năm qua, công tác tài chính đảng có một số tiến bộ. Nhiều cấp uỷ đảng tăng cường chỉ đạo công tác tài chính đảng, tích cực cân đối thu, chi ngân sách đảng, khai thác các nguồn thu, chi tiêu tiết kiệm. Công tác quản lý, kiểm tra tài chính, tài sản của Đảng được chú ý.

Tuy nhiên, do những biến động xấu về giá, lương, tiền và công tác quản lý có nhiều thiếu sót, tình hình tài chính của Đảng gặp nhiều khó khăn lớn. Nguồn thu trong nội bộ của Đảng tăng chậm (trong đó thu đảng phí giảm sút nhiều). Mức trợ cấp của ngân sách nhà nước tuy có tăng, nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu chi tiêu của Đảng. Nhiều chính sách, chế độ chi không còn phù hợp chậm được sửa đổi. Bộ máy tổ chức và biên chế của các cơ quan đảng còn cồng kềnh. Công tác xuất bản sách, báo, tạp chí của Đảng còn phải bù lỗ lớn. Hệ thống trường đảng từ trung ương đến tỉnh, huyện chưa được sắp xếp lại, sinh hoạt của học viên và giáo viên giảm sút nhiều. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của các cơ quan đảng còn quá thiếu và lạc hậu. Việc chi tiêu tiếp khách và

mua sắm đồ dùng ở nhiều nơi còn lãng phí, mang tính chất phô trương, hình thức. Một số cơ quan đảng xây dựng công trình chất lượng xấu, lãng phí vật tư và tiền vốn. Cơ chế quản lý tài chính đảng chưa được đổi mới. Cơ quan tài chính đảng chưa được kiện toàn về tổ chức và cán bộ.

1. Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Bí thư chỉ thị: *Phải tăng cường công tác tài chính đảng theo hướng từng bước đảng phải có ngân sách độc lập và tự chủ về tài chính và đổi mới cơ chế quản lý tài chính đảng nhằm phục vụ tốt mọi hoạt động của Đảng.*

2. Về các nguồn thu của Đảng:

- Nhà nước và các cấp chính quyền có trách nhiệm đáp ứng các yêu cầu chi tiêu của Trung ương Đảng và các cấp uỷ đảng theo kế hoạch đã được Ban Bí thư Trung ương Đảng và thường vụ các cấp uỷ đảng duyệt.
- Thực hiện đúng đắn chế độ thu đảng phí theo quy định của Ban Bí thư.

- Các cơ quan tài chính của Đảng, ngoài ngân sách được Nhà nước cấp, phải tổ chức sản xuất kinh doanh để tăng nguồn thu cho ngân sách đảng. Phấn đấu trong một số năm tự tạo được nguồn thu bảo đảm tự lực trang trải được ngân sách của Đảng.

- Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cùng với Ban Tuyên huấn Trung ương, Bộ Văn hoá, Bộ Thông tin khẩn trương chuẩn bị phương án từng bước chuyển các liên hiệp xí nghiệp và xí nghiệp in sang cơ quan đảng quản lý để trình Ban Bí thư làm việc với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về vấn đề này.

Cải tiến việc in và xuất bản sách báo, tạp chí của Đảng, phấn đấu nâng cao chất lượng, hạ giá thành, có giá bán hợp lý, giảm bù lỗ và tiến tới có tích luỹ.

- Dựa vào quy hoạch kinh tế, kế hoạch nhà nước, điều kiện thuận lợi và sở trường của từng nơi, cơ quan tài chính của Trung ương Đảng và các tỉnh ủy, thành ủy tận dụng lao động và cơ sở vật chất, kỹ thuật sẵn có tổ chức và quản lý một số cơ sở sản xuất và một số cơ sở dịch vụ hoạt động theo cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa (không kinh doanh thương nghiệp).

Các cơ sở sản xuất, kinh doanh của cơ quan tài chính của Đảng các cấp phải được cấp uỷ chỉ đạo chặt chẽ, được tăng cường cán bộ quản lý có phẩm chất và có năng lực; nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách, chế độ quản lý kinh tế và pháp luật của Nhà nước như mọi xí nghiệp khác.

3. Về chi:

Cần tập trung kinh phí bảo đảm phục vụ tốt các hoạt động của Trung ương Đảng, các cấp uỷ đảng và các cơ quan của Đảng, phục vụ việc kiện toàn tổ chức, tinh giản biên chế, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ của Đảng, chăm lo đời sống của cán bộ đảng (cả đương chức và về hưu).

Cơ quan tài chính của Đảng các cấp có trách nhiệm từng bước đổi mới và tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, điều kiện, phương tiện làm việc của Trung ương Đảng, các cấp uỷ đảng và các ban của Đảng, đáp ứng yêu cầu về hoạt động đối ngoại của Đảng.

Đề cao kỷ luật tài chính của Đảng, thực hành tiết kiệm. Mọi khoản thu, chi phải phản ánh vào ngân sách của Đảng. Kiên quyết loại bỏ những khoản chi có tính chất phô trương hình thức, cắt giảm mạnh kinh phí hội nghị, lễ tân, các chi

phí hành chính. Cấm ngặt việc dùng tiền của công để chè chén. Nghiêm trị những hành động lãng phí, tham ô. Sửa đổi và bổ sung các định mức chi hành chính, sự nghiệp; giao khoán các khoản chi này cho các cấp uỷ, các ban của Đảng. Việc xây dựng cơ bản phải tiết kiệm, bảo đảm chất lượng. Các cơ quan của Đảng phải có biện pháp tích cực sắp xếp lại tổ chức và lao động, tinh giản biên chế, sử dụng tốt những lao động dôi ra, đồng thời phải tổ chức các cơ sở dịch vụ thiết thực nhằm cải thiện điều kiện làm việc, ăn ở, đi lại, nghỉ ngơi giải trí cho cán bộ, công nhân, viên chức cơ quan đảng. Ban Tuyên huấn Trung ương chủ trì cùng Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương nghiên cứu, quy hoạch lại hệ thống trường đảng ở trung ương (kể cả trường K, C) và địa phương; trên cơ sở đó, bố trí vốn từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho các trường đảng, xây dựng chế độ, chính sách đối với học viên, giáo viên, tạo điều kiện tốt cho việc ăn ở, học tập và giảng dạy.

Ban Đối ngoại Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương xây dựng kế hoạch cử đoàn ra, đón đoàn vào một cách hợp lý, có hiệu quả thiết thực, xây dựng chế độ chi tiêu hợp lý, sử dụng tốt kinh phí được cấp, các cơ sở vật chất và lao động sẵn có của cơ quan đảng để đón tiếp khách nước ngoài được chu đáo, văn minh, lịch sự và tiết kiệm.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương xây dựng phương án sắp xếp lại và sử dụng hợp lý các nhà khách và nhà nghỉ của Trung ương Đảng hiện đặt ở một số địa phương để trình Ban Bí thư.

4. Về cơ chế quản lý ngân sách đảng:

Sau khi được Ban Bí thư duyệt, ngân sách đảng được thông báo cho Bộ Tài chính để thực hiện. Trung ương phân cấp cho tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu ủy xét duyệt dự toán thu, chi ngân sách đảng ở địa phương và đưa vào cân đối chung

trong tổng thể ngân sách nhà nước ở địa phương. Ngân sách nhà nước ở địa phương trực tiếp cấp phát cho ngân sách đảng bộ tỉnh, thành phố và đặc khu.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm giúp Ban Bí thư nghiên cứu, ban hành các nguyên tắc, chế độ thu chi và quản lý tài chính, tài sản của Đảng, tổng hợp dự toán ngân sách của các cấp ủy địa phương và các ban Trung ương trình Ban Bí thư duyệt; kiểm tra nghiệp vụ công tác tài chính đảng; hướng dẫn và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ tài chính đảng lập dự toán và trực tiếp tổ chức thực hiện kế hoạch thu chi tài chính phục vụ Trung ương và các cơ quan đảng ở Trung ương.

Cơ quan tài chính đảng ở địa phương có trách nhiệm: giúp cấp ủy đảng tổ chức việc thực hiện các nguyên tắc, chế độ thu, chi và quản lý tài chính trong toàn đảng bộ; lập dự toán ngân sách của đảng bộ trình tỉnh uỷ, thành uỷ xét duyệt và đưa vào cân đối trong ngân sách chung của chính quyền địa phương; tổ chức thực hiện dự toán khi được cấp uỷ xét duyệt; kiểm tra nghiệp vụ tài chính theo quy định; báo cáo đầy đủ, kịp thời dự toán và quyết toán thu chi ngân sách của đảng bộ lên cơ quan tài chính đảng Trung ương.

5. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và Uỷ ban Kiểm tra các cấp uỷ phải tăng cường công tác kiểm tra tài chính, giữ nghiêm kỷ luật tài chính của Đảng.

Hội đồng Bộ trưởng có những quy định cụ thể giao cho các cấp và các ngành có liên quan của bộ máy nhà nước thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này.

Các cấp uỷ đảng, các đồng chí phụ trách cơ quan đảng phải tăng cường lãnh đạo công tác tài chính đảng, kiện toàn cơ quan tài chính đảng.

T/M BAN BÍ THU

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 11-TT/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1987

**Về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan
đảng, nhà nước và các đoàn thể**

Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng đã đề ra chủ trương sắp xếp lại tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của bộ máy cơ quan đảng, nhà nước và các đoàn thể quân chúng, đi đôi với việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Nhưng cho đến nay, các cấp, các ngành chưa chỉ đạo tập trung, khẩn trương công việc này.

Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, các đồng chí phụ trách các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể ở Trung ương tập trung sức sáp xếp lại tổ chức bộ máy của mình, trước mắt làm tốt các việc sau đây:

1. Từng bộ, uỷ ban nhà nước, tổng cục, căn cứ chức năng, nhiệm vụ đã được xác định và trên cơ sở phân rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước và quản lý sản xuất kinh doanh với yêu cầu làm gọn nhẹ bộ máy, giảm nhẹ biên chế, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy, tiến hành ngay việc nghiên cứu, sáp xếp phân rõ ba loại tổ chức: các đơn vị sản xuất, kinh doanh (liên hiệp xí nghiệp, tổng công ty,...);

các đơn vị sự nghiệp; các bộ phận làm nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Các ban của Trung ương Đảng và các đoàn thể quân chúng ở Trung ương cũng xây dựng phương án sắp xếp lại tổ chức của cơ quan mình theo tinh thần nói trên. Cần gắn với việc bố trí điều chỉnh cán bộ, trước hết là cán bộ phụ trách các ban, bộ.

Phương án sắp xếp lại tổ chức bộ máy của bộ, uỷ ban, tổng cục phải do đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm uỷ ban, Tổng cục trưởng trực tiếp chỉ đạo chuẩn bị, bàn tập thể trong lãnh đạo của bộ, uỷ ban, tổng cục, tham khảo ý kiến của Đảng uỷ cơ quan, của cán bộ phụ trách các đơn vị trực thuộc.

Các đồng chí Bí thư Trung ương Đảng, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách từng lĩnh vực công tác phối hợp chặt chẽ cùng các ban của Trung ương Đảng hướng dẫn các bộ, uỷ ban, tổng cục xây dựng phương án sắp xếp lại tổ chức.

Cuối tháng 10-1987, các đồng chí Bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Nhà nước, Tổng cục trưởng, các đồng chí Trưởng ban của Trung ương Đảng gửi đề án trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Sau khi đề án được duyệt, tiến hành sáp xếp ngay bộ máy, cơ bản làm xong vào cuối tháng 12-1987.

2. Tháng 9-1987, Thường trực Ban Bí thư và Thường trực Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo thí điểm việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể ở thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Hải Hưng, tỉnh Hoàng Liên Sơn, tỉnh Hậu Giang, tỉnh Đăk Lăk.

Ở các thành, tỉnh nói trên, các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ và thường trực Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố có trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng phương án sắp xếp lại các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể ở tỉnh, thành và quận, huyện, thị xã. Việc này phải hoàn thành trong tháng 12-1987.

3. Ở các tỉnh, thành không thuộc diện chỉ đạo làm thí điểm của Trung ương, các cấp uỷ đảng và Uỷ ban nhân dân căn cứ vào Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, Nghị quyết số 34 của Bộ Chính trị (khoá V), Nghị quyết Trung ương hai và ba (khoá VI) chủ động nghiên cứu chuẩn bị phương án sắp xếp tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, chính quyền, đoàn thể ở tỉnh, thành và các quận, huyện, thị xã, để sau khi Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sơ kết làm thí điểm và có nghị quyết chính thức thì có thể triển khai thực hiện được ngay.

Mỗi tỉnh uỷ, thành uỷ cần trực tiếp chỉ đạo làm thí điểm việc sắp xếp tổ chức bộ máy ở một sở và một huyện hoặc quận.

Các bộ, uỷ ban, tổng cục cần có kiến nghị về hệ thống tổ chức quản lý ngành ở địa phương theo tư tưởng chỉ đạo: bảo đảm nhiệm vụ quản lý, nhưng bộ máy gọn nhẹ, không nhất thiết ở Trung ương có tổ chức nào thì ở địa phương cũng phải có tổ chức ấy.

4. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng phân công các đồng chí Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Khánh và Phạm Thế Duyệt chỉ đạo việc xây dựng phương án sắp xếp lại bộ máy các cơ quan trung ương và làm thí điểm ở các tỉnh, thành phố nói trên. Ban Tổ chức Trung ương Đảng, Ban Tổ chức của Chính phủ, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương trực tiếp giúp việc chỉ đạo này; các ban khác của Trung ương Đảng có nhiệm vụ tham gia tích cực vào việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy ở Trung ương và các địa phương.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỐ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**LỜI KHAI MẠC
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VI)**

Ngày 20 tháng 8 năm 1987

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta lần này phải làm ba việc quan trọng:

Một là: Thảo luận và góp ý kiến vào Báo cáo của Bộ Chính trị về thực hiện Nghị quyết hai.

Hai là: Thảo luận và thông qua Nghị quyết về "Chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế".

Ba là: Thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Trước hết, tôi xin nói ít lời về bản Báo cáo của Bộ Chính

trị trình Trung ương.

Thưa các đồng chí,

Theo tinh thần đổi mới của Đại hội VI, Bộ Chính trị cho rằng Trung ương Đảng mỗi lần ra được một nghị quyết, sau một thời gian cần có sự kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết đó, rút ra những kinh nghiệm và đề ra những việc phải tiếp tục làm. Việc này phải thành một nền nếp trong Đảng ta. Chính vì lẽ đó, tại Hội nghị Trung ương này, Bộ Chính trị phải báo cáo trước Trung ương việc kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết hai.

Hơn bốn tháng trước đây, Nghị quyết Trung ương hai ra đời đã được đồng đảo cán bộ và nhân dân đón nhận với niềm phấn khởi và tin tưởng. Chúng ta đã có nhiều cố gắng và làm được nhiều việc, song tình hình phân phối lưu thông vẫn diễn biến xấu. Giá cả tiếp tục leo thang, bội chi ngân sách và lạm phát vẫn tiếp tục tăng với nhịp độ cao, sản xuất và đời sống đều gặp những khó khăn lớn. Tình hình đó có nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Tuy Nghị quyết hai mới ra đời được hơn bốn tháng, nhiều chủ trương, chính sách cụ thể còn chậm được xây dựng. Mặt khác, lại có tình trạng Nhà nước đã có một số chủ trương, chính sách rồi nhưng, một là, các chủ trương, chính sách ấy chưa đồng bộ; hai là, có cái chưa được thật cụ thể và sát với thực tế, ngoài ra việc thực hiện ở các ngành, các cấp không nghiêm, không thống nhất, khiến cho tình hình càng thêm phức tạp. Vì vậy, chúng ta cần nhanh chóng tìm ra ưu điểm, khuyết điểm, rút ra những bài học kinh nghiệm cho những tháng trước mắt.

Tháng bảy vừa qua, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã dành nhiều thời gian nghe ý kiến các đồng chí trưởng các ban kinh tế của Đảng, các bộ trưởng trong ngành phân phối lưu thông của Trung ương về các vấn đề trên. Bộ Chính trị đã thảo luận và kết luận nhiều điểm

quan trọng. Dự thảo kết luận của Bộ Chính trị đã được đưa ra hội nghị các đồng chí bí thư, chủ tịch các tỉnh, thành phố ở hai miền Nam, Bắc để lấy ý kiến. Sau đó, Bộ Chính trị họp lại, thảo luận một lần nữa và thông qua bản báo cáo trình ra Hội nghị Trung ương này để lấy ý kiến các đồng chí.

Một quá trình làm việc như thế cũng đủ nói lên rằng việc thực hiện Nghị quyết Trung ương hai không đơn giản chút nào.

Bộ Chính trị mong rằng, với tinh thần trách nhiệm cao trước nhân dân, các đồng chí Trung ương chúng ta sẽ làm việc hết sức mình, lắng nghe ý kiến của nhau, thảo luận dân chủ, vừa có cái nhìn sát với thực tế của địa phương, của bộ phận mình phụ trách, vừa phải đứng trên tầm nhìn chung của toàn quốc mà góp phần phân tích đúng tình hình, tham gia ý kiến vào các giải pháp mà Bộ Chính trị đã trình. Sau khi các đồng chí góp ý kiến, Bộ Chính trị sẽ hoàn chỉnh báo cáo (không cần ra chỉ thị, nghị quyết gì thêm nữa) và giao cho Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng nhanh chóng ra các quy định, thể chế cụ thể, điều hành việc thực hiện nhằm đạt mục tiêu mà Hội nghị Trung ương hai đã đề ra.

Tôi nghĩ đó là một nhiệm vụ rất quan trọng của kỳ họp Trung ương này. Có giải quyết được đúng đắn với tinh thần nhất trí cao của Ban Chấp hành Trung ương về vấn đề ấy chúng ta mới dọn được lối để đi vào thảo luận vấn đề vừa cấp bách, vừa cơ bản là "chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về mặt kinh tế".

đã cho sửa chữa, bổ sung và trình Trung ương thông qua mà

Thưa các đồng chí,

Việc lựa chọn chủ đề đưa ra Hội nghị Trung ương bàn về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế cũng đã được Bộ Chính trị thảo luận nhiều lần. Bộ Chính trị cho rằng đổi mới cơ chế quản lý của các lĩnh vực kinh tế là đòi hỏi cấp bách, nhưng muốn giải quyết thì phải được chuẩn bị kỹ. Hiện nay, các cơ quan có trách nhiệm chưa chuẩn bị đề án được đầy đủ, nên sau khi cân nhắc kỹ, Bộ Chính trị nhất trí chỉ trình ra Hội nghị này thảo luận và quyết định đề tài có hạn chế hơn như văn bản đã gửi tới các đồng chí. Còn việc đi sâu vào thảo luận cơ chế quản lý kinh tế của lĩnh vực tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, cơ sở kinh tế tư nhân, kinh tế gia đình sẽ bàn vào một phiên họp Trung ương sau, hoặc xin Trung ương giao cho Bộ Chính trị xem xét, ra nghị quyết sau khi các cơ quan chuyên môn của Đảng đã nghiên cứu kỹ và tham khảo ý kiến của các đồng chí Trung ương.

Vì vậy, lần này Bộ Chính trị đề nghị Ban Chấp hành Trung ương tập trung thảo luận thẳng vào vấn đề "chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về mặt kinh tế", không để mất thời gian vào các vấn đề chúng ta chưa có chuẩn bị, chưa có đề án.

Đối với bản Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tại Hội nghị Trung ương hai, các đồng chí đã có trao đổi và tham gia sửa trực tiếp vào văn bản; Bộ Chính trị

không đặt vấn đề phải thảo luận nữa.

Ngoài ba vấn đề quan trọng nêu trên, Bộ Chính trị đề nghị với Ban Chấp hành Trung ương dành ra một ít thời gian để nghe trình bày một số việc cần phải làm ngay về công tác cán bộ để chuẩn bị cho Đại hội VII của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Tôi xin dừng lời ở đây và tuyên bố khai mạc Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba (khoá VI), mong Hội nghị thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**ĐỒNG TÂM NHẤT TRÍ
TIẾP TỤC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ
LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG**

**(Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI)**

**I- KIỂM ĐIỂM TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG HAI**

Nghị quyết Trung ương hai ra đời mới được hơn bốn tháng, các chủ trương, chính sách của Trung ương chưa thể triển khai được hết. Từ Trung ương đến các cấp, các ngành đã làm việc với mức cố gắng cao nhưng kết quả đem lại chưa được như chúng ta mong muốn. Tình hình sản xuất và phân phối lưu thông tiếp tục diễn biến xấu. Đời sống nhân dân lao động, nhất là đời sống công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang hết sức khó khăn.

Trong hơn bốn tháng qua, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã dành nhiều thời gian để bàn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương hai. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ

trưởng thường xuyên trao đổi ý kiến với nhau khi ra các quyết định và trong quá trình chỉ đạo thực hiện các quyết định. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã thực hiện một khối lượng công tác đáng kể: chỉ đạo huy động, vận chuyển lương thực từ Nam ra Bắc, giải thể các trạm kiểm soát cố định trên các trục giao thông và thực hiện những biện pháp quản lý thị trường; điều chỉnh một số giá thuộc diện Trung ương quản lý; ra những quy định tạm thời về giải quyết lương; chỉ đạo việc tính thủ "đầu vào", "đầu ra" ở một số xí nghiệp; sửa đổi, bổ sung một số chế độ về du lịch, kiều hối, gửi tiền và hàng từ nước ngoài về; sửa lãi suất tín dụng; xây dựng đề án chuyển các hoạt động lương thực, ngân hàng, vật tư, nội thương sang kinh doanh (về nội thương, ngân hàng đang làm thủ ở một số nơi). Một số chính sách quan trọng khác đang được xây dựng và chuẩn bị thông qua như chính sách sử dụng các thành phần kinh tế (không phải quốc doanh), luật đầu tư, thuế xuất nhập khẩu, quy định tiết kiệm, chế độ phân cấp ngân sách, chính sách giảm biên chế, v.v.. Quan hệ hợp tác kinh tế với Liên Xô được đổi mới và được xúc tiến triển khai với quy mô và khối lượng lớn.

Các địa phương, các ngành, các cơ sở đã có những cố gắng lớn trong việc thực hiện các chủ trương, chính sách, chế độ do Trung ương đề ra. Nhiều địa phương, với tinh thần trách nhiệm đối với tình hình sản xuất và đời sống nhân dân, đã chủ động đề ra một số chủ trương cụ thể và quy định tạm thời trong phạm vi địa phương. Kỷ luật chấp hành nghị quyết của Trung ương, các quyết định của Chính phủ và chế độ thỉnh thị báo cáo có tiến bộ.

Mặc dù chúng ta đã làm việc khẩn trương, song tình hình phân phối lưu thông chưa được cải thiện, vẫn tiếp tục đà "bốc tăng", đặc biệt từ đầu tháng 5 có sự đột biến xấu hết sức nghiêm trọng.

Giá tiếp tục tăng nhanh, từ giá thóc, gạo, giá vàng, đến giá hầu hết các mặt hàng khác. Giá bán lẻ trên thị trường xã hội trong quý IV - 1986 tăng bình quân mỗi tháng 18%, sang quý I-1987 giảm xuống 12%, từ tháng 4, tháng 5 lại tăng lên 16% và đến tháng 6 lên đến 19,8%. Trên lĩnh vực giá cả có nhiều hiện tượng tiêu cực và lộn xộn.

Lương thực tế của công nhân viên chức giảm sút nhanh. Tình trạng thu nhập không công bằng phát triển, chênh lệch quá xa giữa các vùng, các ngành, nghề, không theo nguyên tắc phân phối theo lao động. Chế độ lương và cách tính lương không thống nhất, Nhà nước không kiểm soát được. Những khoản thu nhập ngoài tiền lương dưới hình thức các loại tiền thưởng, phụ cấp, bồi dưỡng, v.v. và các kiểu "phân phối nội bộ" bằng hiện vật rất tuỳ tiện ở nhiều nơi đã gây ra những hậu quả xấu về kinh tế và xã hội.

Tài chính nhà nước thất thu lớn, nhất là thu trong khu vực quốc doanh, thu thuế công thương nghiệp, nông nghiệp, thất thoát trong thực hiện hợp đồng hai chiều với nông dân, bỗ sót nhiều nguồn thu. Riêng thuế công thương nghiệp, ước tính cả nước tỷ lệ thất thu khoảng 30%, có địa phương tới 50%. Đặc biệt những khoản thu lớn thông qua chênh lệch giá không được đưa vào ngân sách nhà nước.

Việc chi cũng hết sức tuỳ tiện và lảng phí. Chi cho bù giá, bù lương vẫn lớn. Bội chi ngân sách rất nghiêm trọng.

Tiền tệ lạm phát tiếp tục tăng với nhịp độ cao, sáu tháng đầu năm, mức bội chi tiền mặt đã xấp xỉ 1,5 lần mức bội chi cả năm 1986, mà Nhà nước vẫn thiếu tiền để trả lương, sản xuất và thu mua... Bội chi tiền mặt dưới hình thức tín dụng rất lớn. Tín dụng sai phương hướng: tập trung cho vay kinh doanh thương nghiệp, chủ yếu là cho các công ty, đơn vị thương nghiệp cấp huyện, cấp xã vay, trong khi các ngành và

đơn vị sản xuất được vay chiếm tỷ lệ rất thấp. Kỷ luật dùng và giữ tiền mặt hầu như không còn.

Các ngành phân phối lưu thông cẩn bản chưa chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, mua bán gấp nhiều ách tắc; tình trạng lộn xộn, móc ngoặc, tham ô, ăn cắp, làm ăn kém hiệu quả rất phổ biến. Nhiều khoản lãi kinh doanh chui vào túi riêng của những cá nhân và tập thể tiêu cực của nhiều ngành, không được đưa vào ngân sách nhà nước.

Các ngành và các cơ sở sản xuất do những biến động về giá - lương - tiền, lại thiếu vật tư, nguyên liệu, năng lượng, nhiên liệu, tiền vốn, nên sản xuất gặp nhiều khó khăn, không đạt kế hoạch cả về sản lượng và chất lượng, hàng hoá đưa ra thị trường xã hội ngày càng giảm; việc hạch toán kinh tế không thống nhất, rất tuỳ tiện, mang nặng tính hình thức; tình trạng lãi giả, lỗ thật tiếp tục diễn ra ở nhiều đơn vị cơ sở.

Thực trạng nói trên tiếp tục làm giảm lòng tin của quần chúng đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự điều hành của các cơ quan nhà nước.

Tình hình trên đây có *những nguyên nhân sâu xa và khách quan*. Hậu quả nặng nề của những sai lầm nhiều năm trong lãnh đạo kinh tế, đặc biệt trong cuộc tổng điều chỉnh về giá - lương - tiền tháng 9-1985 chưa được khắc phục.

Liên tiếp vụ mùa 1986, vụ chiêm xuân và vụ hè thu 1987, nhiều nơi trong cả nước bị thiên tai, mất mùa nặng. Tình trạng đặc biệt căng thẳng về tiền lương kéo theo nhiều sự căng thẳng khác.

Năm nay những mất cân đối lớn về nguồn vật chất, về năng lượng, nguyên liệu, vật tư cũng gay gắt hơn so với mọi năm. Nhà nước không còn dự trữ vật tư, hàng hoá.

Chúng ta không đánh giá thấp những khó khăn khách quan hết sức to lớn lâu dài, song, điều quan trọng là phải phân tích sâu sắc *những nguyên nhân chủ quan*, nêu rõ những khuyết điểm và nhược điểm của Đảng và Nhà nước, của các

cấp, các ngành trong lãnh đạo và điều hành thực hiện Nghị quyết Trung ương hai:

Một là, thiếu sót lớn nhất trong sự chỉ đạo của Trung ương, của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng là *chậm cùn thể hoá Nghị quyết Trung ương hai* thành chính sách, chế chế và quy định.

Một số việc lẽ ra cần tập trung chỉ đạo hơn nữa để giải quyết nhanh, nhưng chưa làm như: chấn chỉnh việc cung ứng vật tư cho sản xuất, tận thu đủ thuế công thương nghiệp, thuế nông nghiệp, thu nợ, giải thể những tổ chức trung gian không cần thiết trong hệ thống thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, không cho những tổ chức, cơ quan và đơn vị lực lượng vũ trang không có chức năng thương nghiệp tham gia buôn bán, ngăn chặn tệ tranh mua, tranh bán, kích giá lên cao để ăn chênh lệch giá, quy định cách tính lương và bù giá vào lương, để ra những quy định cụ thể về tiết kiệm chi, v.v..

Sự chậm trễ ấy có phần do phân phối lưu thông là một vấn đề cực kỳ phức tạp, phải giải quyết trong tình hình kinh tế nước ta rất không bình thường, thời gian nghiên cứu các phương án kinh tế quá ít, trong khi tất cả chúng ta, ở các cấp, các ngành lại thiếu kiến thức, kinh nghiệm và năng lực giải quyết. Khi xác định một số chủ trương, chính sách cụ thể, không phải không còn những quan điểm và ý kiến khác nhau. Chẳng hạn như ý kiến khác nhau về việc vận dụng nguyên tắc tập trung dân chủ, quy luật giá trị, xử lý mối quan hệ kế hoạch - thị trường, về bước đi trong việc xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa hoặc cả những cách hiểu khác nhau về nội dung "bốn giảm", lạm phát...

Hai là, một số chủ trương, biện pháp kinh tế đã đề ra *không phù hợp với tình hình thực tế*, và không đồng bộ nên cấp dưới khó thi hành, do đó không có hiệu lực, chẳng hạn: Nhà nước chỉ đạo giữ quá lâu giá bán lẻ hình thành ở các địa phương cuối tháng 4-1987 trong khi lạm phát với mức độ lớn và giá thị trường tăng nhanh hàng tháng; quyết định khung giá

bán lẻ kinh doanh thương nghiệp đối với một số mặt hàng thì phù hợp, nhưng đối với nhiều mặt hàng thì thấp hơn hoặc cũng có một số ít mặt hàng cao hơn giá thực tế đang bán ở từng địa phương; lại không hướng dẫn phương thức bán tương ứng làm cho các ngành và các địa phương rất lúng túng, bị động, dẫn đến tình trạng bên dưới làm khác với quyết định của bên trên, làm chui, làm lén, mạnh ai nấy làm.

Ba là, trong lúc cơ chế quản lý kinh tế cũ chưa bị xoá bỏ, cơ chế quản lý kinh tế mới chưa hình thành, chúng ta đã có những sơ hở lớn, *buông lỏng vai trò cực kỳ quan trọng của kế hoạch nhà nước và không giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng và Nhà nước*. Nhà nước chưa kịp thời sửa đổi cơ chế kế hoạch hoá để thực hiện tốt việc phân phối, cung ứng và bảo đảm cân đối những vật tư chiến lược và nguồn ngoại tệ cho những mục tiêu trọng điểm của nền kinh tế quốc dân (như bảo đảm phân bón, thuốc trừ sâu cho sản xuất nông nghiệp, nguyên liệu vật tư cho sản xuất những hàng tiêu dùng thiết yếu, và ngành hải sản và một số mặt hàng xuất khẩu chủ lực...), có khuynh hướng thả nổi cho các ngành, các địa phương và cơ sở "tự chạy" vật tư một cách tràn lan, mất trật tự. Có nơi "tự chạy" tốt, chấp hành đúng các chính sách và quy định của Nhà nước, nhưng rất nhiều nơi "tự chạy" một cách vô tổ chức, kết quả là một phần quan trọng vật tư của Nhà nước bị xâu xé, thất thoát, đi lòng vòng qua nhiều tầng nấc và bị đẩy giá lên quá cao, gây ra nhiều hiện tượng tiêu cực, Nhà nước không nắm lại được sản phẩm với khối lượng và giá cả tương ứng với số vật tư bỏ ra. Công tác kế hoạch hoá về mặt giá trị bị xem nhẹ và gần như không thực hiện được. Vai trò điều khiển tập trung thống nhất của Nhà nước thông qua kế hoạch ngày càng suy yếu nghiêm trọng. Tình hình phân phối lưu thông ngày càng rối ren, lộn xộn.

Nhiều ngành, địa phương và cơ sở năng động, sáng tạo, song cũng còn nhiều biểu hiện thiếu quan điểm toàn cục, thiếu hiểu biết tình hình chung của đất nước, chấp hành kỷ luật

không nghiêm, điều hành không chặt chẽ để xảy ra tình trạng tranh mua, tranh bán, kích giá để ăn chênh lệch giá không chính đáng, "phân phối nội bộ" tràn lan, định tiền lương không theo năng suất, hiệu quả, định các mức tiền thưởng không đúng chế độ, để nợ thuế, nợ hợp đồng, thất thu thuế quá lớn, chi xây dựng cơ bản, chi cho liên hoan, hội họp rất lãng phí...

Trên lĩnh vực phân phối lưu thông, chúng ta đã xem nhẹ cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa ta và địch, buông lỏng chỉ đạo công tác cải tạo tư thương và quản lý thị trường, để bọn đầu cơ buôn lậu đục khoét hoành hành ngay trên các mặt hàng của Nhà nước, phá hoại nền kinh tế, làm hư hỏng, tha hoá một bộ phận công nhân, viên chức nhà nước và cả lực lượng vũ trang. Kẻ địch phá ta về kinh tế, rõ nhất là trong các hoạt động buôn lậu qua biên giới, cả trên mặt biển, buôn lậu vàng, đôla, tuồn tiền giả ra thị trường, tung tin đồn nhảm, gây những "cơn sốt" về giá vàng, đôla, v.v.. Chúng ta đã không kiên quyết đấu tranh khắc phục những tình trạng không lành mạnh nói trên.

Bốn là, chúng ta chưa khẩn trương sắp xếp lại tổ chức sản xuất, lưu thông vật tư, hàng hoá, tổ chức bộ máy quản lý nhà nước các ngành, các cấp. Việc điều chỉnh lại những điểm không hợp lý trong các chế độ phân công, phân cấp hiện hành chưa làm được bao nhiêu, hệ thống tổ chức quản lý còn chồng chéo, chia cắt với nhiều tầng nấc trung gian, bộ máy nhà nước còn cồng kềnh, nặng nề, kém hiệu lực.

II- CHỦ TRƯƠNG, BIỆN PHÁP CẤP BÁCH VỀ PHÂN PHỐI LƯU THÔNG

Các chủ trương, biện pháp cấp bách dưới đây về phân phối lưu thông được xác định trên cơ sở nắm vững những phương hướng và tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương hai.

Chúng ta cần nhận rõ: thực hiện Nghị quyết Trung ương hai là *một quá trình, phải làm từng bước và đồng bộ*. Định các chính sách, cơ chế cụ thể về giá, lương, tài chính, tiền tệ, chuyển các hoạt động phân phối lưu thông sang hạch toán kinh doanh trong tình hình khó khăn hiện nay phải thận trọng, cân nhắc từng mặt trong phương án tổng thể. Đi đôi với sự chuẩn bị đồng bộ về chính sách và các phương án kinh tế cụ thể, phải đặc biệt chú ý chuẩn bị nguồn vật tư, hàng hoá, tiền mặt và các phương tiện thanh toán khác, chuẩn bị về tổ chức, cán bộ, chuẩn bị công tác chính trị, tư tưởng, chuẩn bị các phương án chủ động đối phó với những hoạt động phá hoại của bọn đầu cơ, buôn lậu và kẻ địch.

Khẩn trương nhưng không vội vàng nôn nóng, không gây xáo động lớn về kinh tế, chính trị và tâm lý xã hội.

Những chủ trương và chính sách về phân phối lưu thông phải nhằm mục tiêu giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy sản xuất phát triển, gắn liền với thực hiện từng bước mục tiêu "bốn giảm", từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai thực hiện toàn diện nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý và cơ cấu kinh tế. Trước mắt, cần đề ra những biện pháp cấp bách để áp dụng trong năm 1987, đến cuối năm sẽ sơ kết và điều chỉnh, bổ sung.

Các cấp, các ngành phải thực hiện đúng đắn *nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế*. Phải có quan điểm toàn cục, bảo đảm lập lại sự kiểm soát tập trung của trung ương trên những vấn đề liên quan lợi ích cả nước; trung ương phải tăng cường quản lý vĩ mô, tập trung sự chỉ đạo tập trung trước hết bằng việc tăng cường vai trò của kế hoạch Nhà nước, xây dựng chính sách, luật pháp; mặt khác phải mở rộng quyền chủ động cho địa phương, ngành, quyền tự chủ của các đơn vị cơ sở, xử lý những vấn đề sát với thực tế mà Trung ương không thể giải quyết tốt từ bên trên.

Phải kiên quyết lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên mặt trận phân phối lưu thông, giữ vững kỷ cương, kỷ luật của Đảng và

Nhà nước, thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn dân, mọi người làm theo Nghị quyết của Đảng và các quyết định của Nhà nước.

A- *Biện pháp và chính sách cụ thể*

Về giá:

a) *Về giá mua nông sản:*

- *Giá mua thóc.*

Trước mắt, việc mua lương thực vụ hè thu và vụ mùa *trong hợp đồng theo tỉ giá sau đây*:

+ Ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long: 1 urê = 2,5 thóc.

+ Các tỉnh miền Đông Nam Bộ trở ra đến Quảng Nam - Đà Nẵng: 1 urê = 2,2 thóc.

+ Các tỉnh đồng bằng sông Hồng (từ Bình Triệu Thiên trở ra): 1 urê = 2 thóc.

+ Các tỉnh Tây Nguyên và miền núi phía bắc: 1 urê = 1 đến 1,5 thóc.

Tỉ giá nói trên là tỉ giá dùng trong quan hệ mua bán với đơn vị và người sản xuất lương thực.

- *Mức giá mua thóc vụ hè thu và vụ mùa 1987 trong hợp đồng kinh tế.*

+ Ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long là 25 đ/kg.

+ Ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ trở ra đến Quảng Nam - Đà Nẵng là 28,4 đ/kg.

+ Ở các tỉnh phía bắc (từ Bình Triệu Thiên trở ra) là 31 đ/kg.

Đối với các xã vùng giangs, vùng cao miền núi phía bắc và các tỉnh Tây Nguyên thì giữ nguyên tỷ lệ urê và thóc như trên, nhưng mức giá bán vật tư và giá mua thóc thì theo mức giá quy định trong khu vực.

Điều quan trọng hàng đầu là phải đổi mới cơ chế cung ứng vật tư, bỏ ngay các khâu trung gian không cần thiết, cung ứng được vật tư (phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu, điện...), hàng hoá thiết yếu, dịch vụ kỹ thuật cho đơn vị và người trực tiếp sản xuất lương thực, theo kế hoạch sản xuất và theo định mức kỹ thuật *bảo đảm mua đại bộ phận lương thực hàng hoá thông qua hợp đồng kinh tế*.

- Giá mua thóc ngoài hợp đồng phải đúng theo nguyên tắc thật sự thuận mua vừa bán.

Trong lúc thị trường tự do còn chưa đựng nhiều yếu tố tiêu cực, Nhà nước phải đấu tranh chống đầu cơ, tuỳ tiện nâng giá, phải giáo dục, thuyết phục nông dân bán thóc cho Nhà nước với giá phải chăng, không chạy theo giá thị trường tự do. Hội đồng Bộ trưởng xác định *khung giá mua thóc ngoài hợp đồng*, hướng dẫn các địa phương vận dụng; các địa phương cần tính toán, cân đối nhu cầu mua để bán theo giá kinh doanh, hết sức tránh đặt mức giá mua chênh lệch không hợp lý giữa địa phương này với địa phương khác, nhất là ở các vùng giáp ranh, gây nên tình trạng tranh mua tranh bán gây thêm rối ren, lộn xộn trên thị trường.

- Giá mua thịt lợn.

Cần có quy hoạch sớm và dành đất để lập các vành đai thực phẩm: Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Quảng Ninh, Sông Đà... Các tổ chức kinh doanh của Nhà nước phải có chính sách và kế hoạch sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, tổ chức tốt việc gia công và giúp đỡ cho nông dân phát triển chăn nuôi (giống, thuốc thú y, v.v.) rồi thu mua sản phẩm gia công theo hợp đồng, Nhà nước ký hợp đồng bán thức ăn, và nếu nông dân có yêu cầu thì bán cả vật liệu xây dựng, hàng tiêu dùng, mua thịt lợn của các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, của nông dân.

Mức giá mua thịt lợn hơi trong hợp đồng được xác định so với giá thóc mua trong hợp đồng ở từng vùng như sau:

+ Ở các tỉnh phía bắc: 1 kg lợn hơi bằng giá mua từ 5 đến 6 kg thóc.

+ Ở các tỉnh duyên hải miền Trung: bằng giá mua từ 6 đến 6,5 kg thóc.

+ Ở các tỉnh Nam Bộ: 1 kg lợn hơi bằng giá mua khoảng 8 kg thóc.

Ngoài ra, Nhà nước mua thịt lợn *ngoài hợp đồng theo giá thuận mua vừa bán*.

- Giá mua sản phẩm cây công nghiệp.

+ *Giá mua trong hợp đồng:* Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xác định tỉ giá hợp lý giữa thóc và các loại sản phẩm cây công nghiệp, định mức giá mua các sản phẩm này tương ứng với giá thóc mua trong hợp đồng.

Nhà nước mua sản phẩm cây công nghiệp theo giá trong hợp đồng *tương ứng với giá trị số vật tư nông nghiệp* (phân bón, xăng dầu, dịch vụ kỹ thuật, thuốc trừ sâu...) mà Nhà nước cung ứng cho nông dân theo giá Nhà nước chỉ đạo.

Đối với vùng chuyên canh sản xuất cây công nghiệp, nếu thiếu lương thực thì Nhà nước bán lương thực cho người sản xuất theo giá kinh doanh (không bù lỗ) và cố gắng ổn định trong từng vụ.

+ *Giá mua ngoài hợp đồng:* Theo nguyên tắc thuận mua vừa bán, nhưng không được chạy theo giá thị trường tự do.

Nhà nước có chính sách thuế hợp lý đối với vùng trồng cây công nghiệp, đối với kinh tế vươn, nhất là các cây công nghiệp có giá trị kinh tế cao, để bảo đảm tương quan hợp lý về thu nhập giữa người trồng cây công nghiệp và người sản xuất lương thực, nhằm khuyến khích các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, nông dân hăng hái phát triển sản xuất theo hướng chuyên canh, thâm canh cây trồng thích hợp với điều kiện đất đai, khí hậu của từng vùng.

b) *Giá mua cá:*

Nhà nước cung ứng đủ xăng dầu, máy, thuyền, lưới, ngư cụ, lương thực, hàng hoá thiết yếu cho ngư dân thông qua hợp đồng kinh tế để nắm được đại bộ phận tôm, cá theo giá chỉ

đạo; tổ chức lại nghề cá đi đôi với cung cấp và kiện toàn tổ chức hệ thống kinh doanh hải sản (ngành hải sản, nội thương, ngoại thương). Tăng cường tổ chức quản lý và cải tạo thị trường, chấm dứt tình trạng tranh mua, đẩy giá hải sản, thuỷ sản lên cao.

c) *Giá bán lẻ hàng tiêu dùng:*

Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương hai, *việc thực hiện cơ chế một giá đối với hàng tiêu dùng là một quá trình, cần tiến hành từng bước, có cân nhắc, tính toán chặt chẽ*, phù hợp với khả năng cân đối tiền - hàng và ngân sách, không để tác động xấu đến đời sống công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang.

Trước mắt, xét trên các mặt cân đối tiền - hàng, căn cứ vào quỹ hàng hoá của Nhà nước *định mức giá ổn định đến hết năm 1987 đối với sáu mặt hàng định lượng* bán cho công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang là để hâm một bước nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, bảo vệ giá trị đồng tiền Việt Nam, khắc phục một bước những khó khăn trong đời sống của họ.

Nhà nước *định giá bán gạo cho công nhân, viên chức và các đối tượng chính sách, thống nhất trong cả nước là 50 đ/kg*. Nơi đã tính giá gạo vào lương với mức giá cao hơn thì điều chỉnh xuống đúng mức giá thống nhất này.

Cơ sở và điều kiện để thực hiện được chủ trương nói trên là Nhà nước thu đủ và thu đúng thuế nông nghiệp (1,2 triệu tấn thóc), mua theo hợp đồng kinh tế hai chiều (khoảng hai triệu đến 2,2 triệu tấn thóc) và thu phí thuỷ lợi và công dịch vụ kỹ thuật (30 vạn tấn).

Giá gạo định 50 đ/kg là giá được nâng lên gấp 10 lần so với giá bán hiện nay cho công nhân, viên chức (theo Quyết định 42a của Hội đồng Bộ trưởng) phù hợp với hệ thống giá mới, khả năng ngân sách và khả năng tiêu mua từ nay đến cuối năm. Ai không mua hoặc không mua hết tiêu chuẩn định lượng về gạo, Nhà nước sẽ thanh toán số lương thực không mua đó theo giá kinh doanh thương nghiệp.

Nếu chúng ta phấn đấu giữ được ổn định giá gạo từ nay đến cuối năm thì tình hình giá cả sẽ có một bước chuyển biến tốt.

Đối với các đối tượng có quan hệ kinh tế với Nhà nước, Nhà nước sẽ bán lương thực theo giá kinh doanh thương nghiệp (không bù lỗ) và cho tính vào giá gia công hoặc vào giá thành sản phẩm, nhằm xoá các hiện tượng tiêu cực trong gia công, vừa xoá sự bao cấp tràn lan của Nhà nước.

Đối với những hàng công nghiệp tiêu dùng quan trọng do Trung ương định giá thì Nhà nước căn cứ vào mức giá kinh doanh thực tế đã hình thành và tình hình trượt giá đang diễn ra để soát xét, điều chỉnh lại những giá bất hợp lý, *định lại khung giá hợp lý*, đi đôi với hướng dẫn tổ chức các phương thức bán hàng thích hợp cho các địa phương vận dụng để các tổ chức kinh doanh của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa mua được, bán được, mở rộng dần kinh doanh, vươn lên chiếm lĩnh thị trường, bảo đảm đưa hàng đến người tiêu dùng theo giá nhà nước, tránh mua đi bán lại, đầu cơ. Các tổ chức kinh doanh của Nhà nước (của Trung ương, của tỉnh, thành phố, của huyện, quận), các hợp tác xã mua bán phải công bố công khai giá quy định tại các cửa hàng để nhân dân biết và kiểm tra, không được tuỳ tiện nâng giá những mặt hàng không thuộc thẩm quyền định giá, mà phải gộp phần đấu tranh giảm dần nhịp độ tăng giá.

Nhà nước phải chăm lo *tăng quỹ hàng hoá* đi đôi với việc tăng cường thương nghiệp quốc doanh và hợp tác xã mua bán, đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực đang phát triển đến mức nghiêm trọng trong ngành thương nghiệp, đổi mới cơ chế kinh doanh thương nghiệp, loại bỏ những tầng nác trung gian không cần thiết, giảm mạnh những phí lưu thông không hợp lý.

d) *Giá bán buôn vật tư và hàng hoá tiêu dùng:*

- *Về giá bán buôn vật tư:*

Giá bán vật tư cung ứng cho sản xuất công nghiệp trong năm 1987 được xác định *theo đúng thông số để tính đấu vào đã*

được thông qua trong Kết luận của Bộ Chính trị (ngày 29-4-1987), có điều chỉnh trong trường hợp cần thiết, sẽ do Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xem xét, quyết định và công bố cho thực hiện trên cơ sở kết quả tính thử ở một số xí nghiệp vừa qua. Đây là một bước đi dần vào hạch toán kinh doanh. Cuối năm 1987 sẽ sơ kết, nếu cần thì có sự điều chỉnh. Về giá vật tư cung ứng cho nông nghiệp, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng căn cứ vào tỉ giá và mức giá mua thóc trong hợp đồng kinh tế để định mức giá cụ thể.

Định giá bán vật tư nông nghiệp thống nhất trong cả nước hoặc cho từng vùng lớn. Tổ chức cung ứng vật tư đến huyện hoặc địa điểm gần nhất của cơ sở sản xuất; các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất đến nhận tại đó theo giá chỉ đạo. Vật tư của địa phương tự nhập thêm như phân bón, thuốc trừ sâu, xăng dầu, thép, xi măng, nếu đưa vào hợp đồng hai chiều thì bán theo một giá thống nhất của Nhà nước và Trung ương bù chênh lệch. Sắp tới, Nhà nước trung ương phải tích cực phấn đấu bảo đảm toàn bộ việc nhập khẩu các vật tư nói trên để các địa phương không phải lo tự nhập nữa.

- *Giá bán buôn hàng tiêu dùng được xác định theo nguyên tắc lấy giá bán lẻ trừ lùi chiết khấu thương nghiệp, được ổn định trong thời gian ba tháng hoặc sáu tháng, tuy theo từng loại mặt hàng.*

Các cơ quan có trách nhiệm cần tính lại chiết khấu lưu thông vật tư và chiết khấu thương nghiệp, đồng thời định lại vốn lưu động cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Với sự điều chỉnh giá trên đây, chúng ta tiếp tục khắc phục một bước hậu quả của cuộc tổng điều chỉnh giá tháng 10-1985. Lần này, tình hình kinh tế chung lại có nhiều khó

khăn, phức tạp, cho nên càng phải cân nhắc, tính toán kỹ lưỡng và nghiêm chỉnh chấp hành những quy định của Trung ương, *phải đề cao kỷ luật chấp hành giá do Nhà nước quy định, tăng cường việc thanh tra giá.*

- *Về tỉ giá kết toán nội bộ và tỉ giá hối đoái phi mậu dịch:*

+ Việc xác định tỉ giá kết toán nội bộ vật tư, hàng hoá xuất nhập khẩu phải gộp phần thực hiện được yêu cầu có tính nguyên tắc là kinh doanh xuất nhập khẩu *phải hoà vốn hoặc có lãi* (lấy lãi mặt hàng này bù lỗ mặt hàng khác, lấy lãi hàng nhập bù lỗ hàng xuất, nhưng tính chung là phải hoà vốn hoặc có lãi). Trước hết phải khuyến khích người xuất khẩu, song phải tuỳ tình hình cụ thể mà thực hiện từng bước. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng cần tiếp tục nghiên cứu, lấy thêm ý kiến rộng rãi của các chuyên gia để xác định tỉ giá hợp lý sớm trình Bộ Chính trị quyết định.

+ *Đối với phần vật tư mà các cơ sở và các địa phương tự lo,* cách giải quyết như sau:

Trung ương có trách nhiệm lo cân đối vật tư cho sản xuất cả nước. Các cơ sở và địa phương uỷ thác cho Trung ương nhập khẩu. Nếu vì lý do nào đó, nhất thời Trung ương không đảm nhiệm nổi, thì phải tạm thời để cho cơ sở và địa phương tự nhập; Trung ương quy định cho một số trung tâm khu vực có cảng đảm nhiệm xuất nhập khẩu cho cả khu vực dưới sự kiểm tra, kiểm soát của Nhà nước. Các cơ sở, địa phương phải ưu tiên nhập khẩu thông qua xuất nhập khẩu với khu vực xã hội chủ nghĩa, coi xuất nhập khẩu với khu vực tư bản chủ nghĩa là thứ yếu.

Nhà nước sớm ban hành thuế xuất nhập khẩu, kết hợp với thu bù chênh lệch ngoại thương để bảo hộ sản xuất trong nước, hỗ trợ xuất khẩu, hướng dẫn nhập khẩu, quản lý giá cả và thị trường nội địa, khắc phục tranh mua, tranh bán, đẩy giá lên cao.

- Về *tỉ giá kiều hối*:

Định lại tỉ giá kiều hối ngang với tỉ giá chính thức đồng đôla và có thường với mức độ khác nhau tuỳ theo kiều hối được gửi về dưới các hình thức khác nhau (ngoại tệ, thiết bị, vật tư, hàng tiêu dùng...). Tỉ giá và mức thường nói trên được áp dụng thống nhất trong cả nước.

Tỉ giá hối đoái đối với các cơ quan ngoại giao, các tổ chức quốc tế, khách du lịch từ các nước không phải xã hội chủ nghĩa thì áp dụng chính sách giá bán hàng và dịch vụ thấp hơn giá thị trường quốc tế trong khu vực khoảng 10-15%, sau một thời gian sẽ xem xét thay đổi lấy gần hay ngang giá.

B- Về *tiền lương và đời sống*

Đi đôi với việc thực hiện chủ trương tích cực giảm biên chế hành chính, và để góp phần giảm bớt phát hành tiền mặt, tổ chức lại phân phối hàng hoá, cần *thực hiện chế độ lương, phuong pháp tính lương và phụ cấp thống nhất trong phạm vi cả nước* (bao gồm: cơ cấu tiền lương, mặt hàng định lượng, mức định lượng, giá các mặt hàng định lượng, và tỉ lệ % so với mức lương thực tế tháng 9-1985). Cụ thể là:

- Đối với *khu vực sản xuất*, phải căn cứ vào mức lương cơ bản để tính đơn giá cho đơn vị sản phẩm để thực hiện chế độ lương khoán, dựa trên cơ sở các ngành và đơn vị sản xuất xác định lại định mức kinh tế - kỹ thuật hợp lý và tổ chức nghiêm thu, kiểm tra chất lượng chặt chẽ; công nhân được hưởng lương tuỳ theo hiệu quả sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp và kết quả năng suất lao động của từng người.

- Đối với những người hưởng lương *trong các lực lượng vũ trang, bảo đảm mức lương tối thiểu thực tế bằng 70% mức lương tháng 9-1985*.

Bảo đảm cung cấp hiện vật cho các chiến sĩ.

- *Đối với công nhân viên chức hành chính, sự nghiệp, tại chức và nghỉ hưu, bảo đảm mức lương thực tế tối thiểu bằng 65% mức lương tháng 9-1985*. Ngành y tế và ngành giáo dục cần tổ chức làm việc thêm tập thể ngoài giờ, lấy tiền tăng thêm thu nhập cho những người làm việc trong hai ngành đó.

- Ban hành chế độ trợ cấp cho cán bộ xã, phường phù hợp với khả năng ngân sách nhà nước, bảo đảm cho anh chị em yên tâm công tác.

Nhà nước phải tích cực lo quỹ hàng hoá cung ứng theo *định lượng, với giá ổn định từ nay đến hết năm 1987*, sáu mặt hàng thiết yếu nhất (khi Nhà nước thay đổi giá sáu mặt hàng định lượng thì tính lại lương). Phần lương ngoài sáu mặt hàng định lượng được tính lại ba tháng một lần theo chỉ số giá trượt trong thời gian đó ở từng khu vực và khả năng tài chính của Nhà nước.

Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo thống nhất phương pháp tính lương và phụ cấp.

Những nơi đang thực hiện bù giá vào lương, mà tiền lương thực tế chưa vượt quá 65% mức lương tháng 9-1985 thì được tiếp tục thực hiện.

Nhà nước phải áp dụng những biện pháp nghiêm ngặt, xóa bỏ những khoản thu nhập không chính đáng bằng hiện vật

hoặc bằng tiền do cơ sở, địa phương, ngành tự đặt ra ngoài chế độ chính sách Nhà nước đã quy định.

C- Về tài chính

Tăng cường quản lý các xí nghiệp quốc doanh, thực hiện tiết kiệm, tăng năng suất, giảm chi phí để tăng thu từ khu vực quốc doanh vào ngân sách nhà nước, thực hiện tập trung các khoản thu chênh lệch giá còn tồn đọng ở các ngành, địa phương và cơ sở vào ngân sách nhà nước.

Khẩn trương triển khai các biện pháp để tăng nhanh các nguồn thu của ngân sách nhà nước trong kinh tế quốc doanh, tập thể và cá thể. Thu đúng, thu đủ các loại thuế hiện hành, đặc biệt là thuế công thương nghiệp. Để chống thất thu có hiệu quả, doanh thu để tính thuế phải theo đúng thời gian hoặc tính theo chỉ số trượt giá hàng tháng. Bổ sung pháp lệnh thuế công thương nghiệp, và ban hành một số loại thuế khác (như thuế xuất nhập khẩu, thuế trước bạ,...) để động viên thêm nguồn thu qua thuế.

Thực hiện chế độ sử dụng biên lai Nhà nước và tem thuế do Bộ Tài chính ban hành để kiểm soát doanh thu và các mặt hàng kinh doanh, dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế.

Ban hành chế độ thu các loại phí (sử dụng các loại xe cơ giới, phí về các thủ tục hành chính, v.v.). Xúc tiến cải tiến tổ chức ngành thuế, thực hiện quản lý song trùng của ngành dọc và của địa phương, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực trong ngành thuế, nâng cao phẩm chất đội ngũ cán bộ thuế.

Thực hiện nghiêm túc tổng mức chi đầu tư xây dựng cơ bản năm 1987 sau khi đã tính yếu tố trượt giá, không xây

dựng những công trình ngoài kế hoạch và không được duyệt dù là bằng bất kỳ nguồn vốn nào. Thanh toán ngay các khoản chi xây dựng cơ bản đã thực hiện trong bảy tháng đầu năm 1987.

Trong tháng 9-1987, phải trình ban hành danh mục các biện pháp triệt để tiết kiệm chi trong sản xuất và tiêu dùng đối với các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế và nhân dân, và thi hành thống nhất trong cả nước từ 1-10-1987. Sửa đổi ngay chế độ phân cấp quản lý ngân sách cho các cấp địa phương hiện hành nhằm bảo đảm tính tập trung thống nhất của ngân sách nhà nước từ ngân sách cấp xã đến ngân sách trung ương, phát huy tính năng động và quyền chủ động tài chính của địa phương và cơ sở; thực hiện trách nhiệm phải đổi mới với quyền hạn, nghĩa vụ gắn liền với lợi ích.

Ngân sách phải bảo đảm cấp đủ vốn lưu động tự có cho các tổ chức kinh tế quốc doanh mới thành lập và bắt đầu đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, khi điều chỉnh giá thì phải bảo đảm vốn lưu thông cần thiết theo giá mới. Tính toán lại chiết khấu lưu thông đối với hệ thống vật tư hàng hoá khi lãi suất tín dụng ngân hàng và giá cả đã thay đổi.

D- Về tiền tệ

Tích cực thu tiền mặt, tăng vòng quay của đồng tiền qua ngân hàng, động viên tiền nhàn rỗi trong xã hội, mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt trong thu mua qua hợp đồng hai chiều, trong việc bán sáu mặt hàng định lượng cho công nhân viên chức, quản lý tiền mặt của các xí nghiệp quốc doanh, tập thể và các hội tư nhân có doanh số lớn nếu còn thiếu thì có kế hoạch phát hành tiền đúng lúc, đúng khối lượng và đúng nơi cần thiết để *bảo đảm có đủ tiền mặt cho thu mua lương thực, nông sản, hàng xuất khẩu, chi trả lương và trả công* của các hợp tác xã tiểu, thủ công nghiệp.

Hạn chế đến mức thấp nhất việc phát hành tiền để bù

đáp thiếu hụt ngân sách nhà nước.

Chấn chỉnh việc quản lý quỹ dự trữ phát hành tiền của Nhà nước và quỹ điều hoà phát hành của ngân hàng nhà nước. Tách kho tiền của Nhà nước khỏi ngân hàng. Khi đưa tiền từ kho tiền sang ngân hàng kinh doanh phải có lệnh của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng.

Tăng cường quản lý hoạt động tín dụng ngân hàng, trước mắt ngân hàng thực hiện cho vay theo khả năng huy động các nguồn vốn tiên tệ trong xã hội, tăng nhanh vòng quay vốn tín dụng để mở rộng nghiệp vụ cho vay, chủ yếu phục vụ cho ba chương trình kinh tế lớn.

Soát xét lại hệ thống lãi suất tín dụng ngân hàng bao gồm lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay.

Mở thêm các ngân hàng chuyên nghiệp, như Ngân hàng Nông nghiệp, Ngân hàng Công thương nghiệp, v.v. theo tinh thần Nghị quyết Trung ương hai.

D- Quản lý xuất nhập khẩu và ngoại tệ

Nhà nước trung ương phải quản lý chặt chẽ các hoạt động xuất nhập khẩu với khu vực tư bản chủ nghĩa, tập trung việc xuất nhập khẩu những mặt hàng chủ yếu vào những đầu mối nhất định của Trung ương, khu vực hoặc theo các liên đoàn xuất nhập khẩu của Bộ Ngoại thương và của các bộ quản lý ngành. Mở rộng chế độ uỷ thác xuất nhập khẩu. Sớm ban hành cơ chế và chính sách bảo đảm cho các địa phương xuất khẩu sang khu vực xã hội chủ nghĩa không lỗ và có lãi.

Chỉ những địa phương sản xuất ra sản phẩm và các tổ chức kinh tế trung ương làm chức năng xuất nhập khẩu mới có quyền được mua các sản phẩm để xuất khẩu; các tổ chức kinh tế ở các địa phương khác không được treo giá cao để hút

hàng, phải thông qua liên doanh, liên kết sản xuất, chế biến, dịch vụ và thông qua hợp đồng kinh tế với các tổ chức sản xuất, kinh doanh của địa phương có sản phẩm để có hàng xuất khẩu.

Các đơn vị kinh tế không được dùng ngoại tệ để thanh toán trong các giao dịch ở trong nước.

Thực hiện nghiêm túc chế độ Nhà nước trung ương thống nhất quản lý ngoại tệ, bảo đảm lợi ích cho các địa phương, các đơn vị được quyền sử dụng ngoại tệ.

Thông qua thuế xuất nhập khẩu và thu bù chênh lệch ngoại thương để hướng dẫn và quản lý việc xuất khẩu, nhập khẩu theo đúng chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước, để ngăn chặn các tổ chức kinh tế, các địa phương kích giá lên để tranh mua hàng xuất và cạnh tranh nhau để tranh bán trên thị trường quốc tế.

Ban hành sớm chính sách thuế thích hợp đối với các loại hàng hoá có giá trị lớn, hoặc có tính chất buôn bán do Việt kiều gửi về cho thân nhân, hoặc do Việt kiều và khách du lịch mang vào và mang ra khỏi nước.

Sử dụng mọi biện pháp để loại trừ bọn đầu cơ, buôn lậu ngoại tệ (kể cả vàng) ở trong nước cả khách nước ngoài và Việt kiều về nước.

Nhà nước thực hiện các biện pháp toàn diện để sớm chấm dứt việc lưu hành tiền Việt Nam tại Lào và Campuchia.

E- Về chấn chỉnh tổ chức thương nghiệp và cải tạo, quản lý thị trường

1. Cân chấn chỉnh lại tổ chức của các ngành lưu thông vật tư, nội thương, lương thực cụ thể là:

- Tổ chức lại hệ thống cung ứng vật tư thành một hệ thống thống nhất, đưa thẳng vật tư đến huyện, thị, tiểu vùng trong huyện, hoặc các hộ tiêu thụ lớn. Bổ công ty vật tư cấp huyện, chỉ lập trạm hoặc cửa hàng vật tư ở huyện. Có cơ chế quản lý vật tư chặt chẽ, kiên quyết cấm việc các tổ chức kinh doanh vật tư, các tỉnh, huyện hoặc xã tự tiện nâng giá bán vật tư hoặc dùng vật tư sai mục đích kế hoạch nhà nước nhằm kiếm lời ăn chênh lệch giá. Cần đặc biệt quản lý, sử dụng tốt các vật tư, nguyên liệu của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa đưa cho ta qua hợp tác kinh tế, bảo đảm thực hiện đầy đủ cam kết của ta với bạn.
- Bổ các công ty thương nghiệp cấp huyện (trừ công ty ăn uống, dịch vụ). Ở các huyện, chỉ tổ chức các trạm hoặc cửa hàng thu mua, bán buôn, hoặc bán lẻ của tỉnh hay của Trung ương.

- Nhà nước trung ương phải nắm lương thực bằng một tổ chức kinh doanh lương thực thống nhất để điều hoà trong phạm vi cả nước. Tổ chức này sẽ được giao nhiệm vụ nắm nguồn lương thực từ thuế nông nghiệp, từ mua bằng hợp đồng kinh tế, không phân cấp cho địa phương. Các địa phương quản lý phần lương thực thực mua ngoài hợp đồng kinh tế để đưa vào kinh doanh. Không phân cấp quản lý lương thực cho cấp huyện.

2. Đối với tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu:

Tổ chức các liên đoàn xuất nhập khẩu để quản lý thống nhất việc xuất, nhập khẩu từng (hoặc vài ba) mặt hàng quan trọng của tất cả các ngành, các địa phương, cơ sở là thành viên của liên đoàn.

Không tổ chức công ty xuất nhập khẩu ở các quận, huyện. Trọng là xác định đúng một số việc cấp bách nhất để tập trung sức tổ chức chỉ đạo thực hiện cho thật tốt từ nay đến cuối năm 1987, tạo đà cho việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương hai trong năm 1988:

1. Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chọn một số vấn đề quan trọng nhất và cấp bách nhất để nhanh chóng

3. Cần tăng cường cải tạo và quản lý thị trường, chấm dứt tình trạng các cơ quan của Nhà nước, đoàn thể quần chúng, các đơn vị quân đội, công an... không có chức năng kinh doanh thương nghiệp cũng tham gia buôn bán để ăn chênh lệch giá. Cải tạo để sử dụng, sử dụng để cải tạo các hộ tư doanh có kỹ thuật, có nghiệp vụ; xoá bỏ tư sản thương nghiệp; sắp xếp lại các tiểu thương trong các ngành hàng Nhà nước cho phép kinh doanh. Đấu tranh chống đầu cơ buôn lậu. Kịp thời đấu tranh chống mọi thủ đoạn phá hoại của địch.

Gắn việc thu thuế công thương nghiệp, việc đấu tranh chống tệ tiêu cực trong hệ thống lưu thông hàng hoá, vật tư với việc cải tạo và quản lý thị trường.

III- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Những chủ trương, chính sách nói trên được Trung ương đóng góp ý kiến và được toàn Đảng, toàn dân đồng tâm nhất trí thực hiện sẽ đánh dấu một bước quan trọng tiến tới "bốn giảm" theo tinh thần Nghị quyết Trung ương hai.

Chúng ta không có ảo tưởng từ nay đến cuối năm 1987 đã có thể "bốn giảm" nhanh, nhưng phải tìm mọi cách thực hiện "bốn giảm" được một bước, dù là một bước nhỏ.

Trong thời gian đó chúng ta cũng không thể giải quyết hết các vấn đề, thực hiện xong các chủ trương, biện pháp đã nêu ở trên. Không những thế, còn khá nhiều vấn đề quan trọng về phân phối lưu thông mà Đảng ta cần tiếp tục nghiên cứu suy nghĩ, thảo luận và làm sáng tỏ cả về lý luận và thực tiễn, cả về quan điểm và chính sách cụ thể. Nhưng điều quan ban hành một số thể chế, chính sách và quy định cụ thể về giá, lương, tài chính, tiền tệ, chấn chỉnh khâu cung ứng vật tư, nhất là vật tư nông nghiệp, chấn chỉnh và tăng cường thương nghiệp xã hội chủ nghĩa, giải quyết một số yêu cầu cấp bách về lương thực, giảm biên chế hành chính, v.v..

2. Thực hiện giá bán gạo 50đ/kg cho công nhân viên chức và tính lương 65%, 70% so với lương thực tế tháng 9-1985 cho khu vực hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang theo những quy định của Hội đồng Bộ trưởng về thống nhất chế độ lương, phương pháp tính lương và phụ cấp trong cả nước và về thời gian thực hiện.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH TẠI HỘI NGHỊ
TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ BA VỀ ĐỔI MỚI
CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ**

Ngày 24 tháng 8 năm 1987

Thưa các đồng chí,

Sau một thời gian chuẩn bị khẩn trương, có sự đóng góp ý kiến của các đồng chí Uỷ viên Trung ương, của nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh và các ngành, các cấp, hôm nay Bộ Chính trị trình ra Hội nghị Trung ương ba bản Dự thảo nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Trước khi Hội nghị thảo luận và ra nghị quyết, tôi xin trình bày một số ý kiến liên quan đến *cách đặt vấn đề* của bản Dự thảo và thông qua đó, *gợi ý* thêm một số vấn đề cần thảo luận để làm sáng tỏ hơn nội dung của bản Dự thảo nghị quyết.

Thưa các đồng chí,

Việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI trên lĩnh vực kinh tế phụ thuộc một cách quyết định vào việc chúng ta đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đến

mức độ nào và với tốc độ nào. Chính vì vậy Đại hội đã đề ra nhiệm vụ:

"Hình thành đồng bộ hệ thống mới về quản lý kinh tế, lấy kế hoạch hoá làm khâu trung tâm, thực hiện hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo đúng nguyên tắc tập trung dân chủ. Phát huy hiệu quả của cơ chế mới quản lý kinh tế nhằm khai thác tốt năng lực của các cơ sở sản xuất, củng cố trật tự, kỷ cương trong quản lý kinh tế".

Nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đang là yêu cầu bức thiết, một bộ phận cấu thành quan trọng nhất trong toàn bộ hoạt động của Đảng ta trên lĩnh vực lãnh đạo kinh tế. Trên lĩnh vực này, Đảng ta đang triển khai bốn mặt hoạt động rộng lớn có liên hệ khăng khít với nhau:

- Thực hiện ba chương trình kinh tế lớn,
- Tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa,
- Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế,
- Đổi mới tổ chức và cán bộ.

Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế phải gắn liền với việc thực hiện các nhiệm vụ nói trên mới đem lại kết quả tốt đẹp.

Hiện nay, cái thiếu thốn nhất của chúng ta không chỉ là cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, các nguồn cân đối cho sản xuất và cho đời sống, mà còn là cơ chế quản lý kinh tế phù hợp để vận hành toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như từng cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất. Việc xây dựng cơ chế quản lý kinh tế mới là điều kiện thiết yếu để sử dụng hợp lý và có hiệu quả cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, góp phần tích cực tạo ra các nguồn cản đối mới cho nền kinh tế quốc dân, phục vụ việc thực hiện ba chương

trình kinh tế lớn.

Xuất phát từ nhận thức trên, từ sau Đại hội VI đến nay, thời gian mới có tám tháng, mặc dù phải triển khai nhiều mặt công tác khác, Bộ Chính trị và Trung ương đã dành nhiều thời gian cho nhiệm vụ đổi mới quản lý kinh tế. Tháng 4 vừa qua, Hội nghị Trung ương hai đã ra Nghị quyết về những vấn đề cấp bách của phân phối lưu thông. Đó là một bộ phận quan trọng của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế nói chung, trọng tâm hướng vào đổi mới cơ chế, chính sách và tổ chức lĩnh vực phân phối lưu thông, một lĩnh vực đang gây ra những trở ngại lớn cho khâu sản xuất trực tiếp. Đó là một nghị quyết đúng đắn và sáng tạo, thể hiện được đổi mới tư duy kinh tế theo yêu cầu của Đại hội VI. Nhưng, như kết luận của Bộ Chính trị nhận định: hiện nay Nghị quyết Trung ương hai chưa đi vào cuộc sống nên tình hình phân phối lưu thông còn diễn biến phức tạp, có mặt gay gắt hơn trước đây. Trên cơ sở sự đóng góp ý kiến của các đồng chí Trung ương tại Hội nghị này, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ tích cực chỉ đạo triển khai việc thực hiện nghị quyết nhằm tạo ra sự chuyển biến có ý nghĩa.

Từ mấy tháng nay, Bộ Chính trị cũng đã nhiều lần thảo luận và chỉ đạo các cơ quan tham mưu chuẩn bị đề án đổi mới cơ chế quản lý kinh tế.

Thưa các đồng chí,

Trong nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, có hai vấn đề cơ bản đặt ra: đổi mới cơ chế quản lý ở cấp đơn vị cơ sở và đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Thực tiễn cũng như lý luận chỉ ra rằng, đó là hai vấn đề gắn bó hữu cơ, không thể làm cái này mà bỏ qua cái kia hoặc ngược lại.

Đơn vị kinh tế cơ sở là tế bào của nền kinh tế quốc dân, nơi hàng ngày tạo ra của cải vật chất cho xã hội, vừa giải quyết đời sống của người lao động, vừa tạo nguồn tích luỹ cho cơ sở và nguồn vốn tập trung cho Nhà nước.

Vì vậy, đổi mới quản lý ở cơ sở theo hướng xác lập quyền tự chủ của họ là khâu then chốt, nhờ đó, gắn chặt quyền hạn với trách nhiệm, lợi ích với nghĩa vụ để tạo ra động lực mạnh mẽ của hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Mặt khác, các đơn vị kinh tế cơ sở hoạt động trong nền kinh tế quốc dân thống nhất, dưới sự chỉ đạo, điều hoà, phối hợp của người nhạc trưởng cao nhất là Nhà nước chuyên chính vô sản.

Sức mạnh và tính ưu việt của chế độ chúng ta chính là bắt nguồn từ việc kết hợp hài hoà cả hai nhân tố cơ bản đó. Ở đây, vừa có máu thuần vừa có thống nhất. Tìm ra được một cơ chế thích hợp để bảo đảm tính chủ động của cơ sở, đồng thời bảo đảm tính tập trung thống nhất của toàn bộ nền kinh tế là một nhiệm vụ khó khăn của thực tiễn quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa. Việc cải tiến quản lý kinh tế ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em cũng như ở nước ta tiến hành mấy chục năm nay cũng là nhằm giải quyết nhiệm vụ khó khăn và phức tạp đó. Trong Dự thảo Nghị quyết 306, mặc dù chưa đầy đủ, chúng ta đã đặt ra được những vấn đề quan trọng nhằm bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở. Nhưng, như các đồng chí thấy, trong Dự thảo còn thiếu hẳn vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế và ngay quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở cũng còn nhiều điểm phải bổ sung. Đề án mới có nhiệm vụ khắc phục thiểu sốt đó và hoàn thiện một số vấn đề đã đặt ra. Cần nói thêm rằng, chính quá trình tiến hành thí điểm Dự thảo Nghị quyết 306 làm bộc lộ yêu cầu cấp bách phải đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Từ góc độ này, chúng ta nhận thấy đổi mới quản lý ở cơ sở là điểm xuất phát để đổi mới quản lý kinh tế của các cấp nhà nước bên trên, chứ không phải ngược lại. Dĩ nhiên, hiện nay chúng ta cũng chưa thấy hết toàn bộ nội dung của quản lý nhà nước về kinh tế, còn phải có thêm thời gian để sự vật bộc lộ đầy đủ. Vì vậy, rất có thể có một số đồng chí chưa thỏa mãn với việc trình bày vấn đề này trong

bản đề án. Đồng chí nào thấy có vấn đề gì cần bổ sung hoặc cần sửa đổi xin đóng góp ý kiến.

Trong quá trình thảo luận bản Dự thảo nghị quyết trình ra Hội nghị Trung ương ba, có một số ý kiến khác nhau về *giới hạn để cấp các đơn vị kinh tế cơ sở*. Một số đồng chí cho rằng, Dự thảo cần đề cập đến tất cả các loại hình kinh tế cơ sở như bản Dự thảo Nghị quyết 306 đã ghi. Đó là các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh trong công nghiệp, nông nghiệp, các đơn vị kinh tế cơ sở trong kinh tế tập thể nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Ngoài ra còn kinh tế cá thể, tư bản tư nhân, công tư hợp doanh và kinh tế gia đình.

Bộ Chính trị đã thảo luận kỹ vấn đề này. Về nguyên tắc, chúng tôi cho rằng ý kiến đó có những mặt hợp lý. Đặc biệt sự cần thiết phải soạn thảo ngay các vấn đề quản lý các đơn vị kinh tế trong sản xuất nông nghiệp để phục vụ chương trình số một là lương thực - thực phẩm. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra không phải ở chỗ những đề tài đó có bức thiết hay không, mà ở chỗ chúng ta đã chuẩn bị như thế nào cho công việc đó. Quả thực, chúng ta chưa thể trong một thời gian ngắn chuẩn bị được đề án về toàn bộ các loại hình đơn vị kinh tế cơ sở, nếu như không muốn dừng lại ở những nội dung quá chung. Muốn làm được điều đó, đòi hỏi phải tổ chức tốt việc nghiên cứu, từ thực trạng của tình hình, nguyên nhân, các vấn đề đặt ra, những con đường, chính sách và biện pháp sát đúng, sáng rõ để đưa các đơn vị kinh tế cơ sở tiến lên. Chẳng hạn, thật không đơn giản chút nào khi chúng ta đánh giá những vấn đề đặt ra trong nông nghiệp hiện nay, nhất là vấn đề khoán sản phẩm cuối cùng, cũng như con đường hoàn thiện khoán và các hình thức kinh tế sau khoán. Theo tôi, lĩnh vực sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng không kém phần phức tạp. Vì vậy, hợp lý hơn cả là chúng ta cần chuẩn bị kỹ lưỡng hơn và rất khẩn trương những đề tài này để trình Hội nghị Trung ương lần sau hoặc trình Bộ Chính trị ra nghị quyết.

Tại Hội nghị Trung ương ba, chúng ta mới chỉ có khả năng đề cập đến loại hình kinh tế cơ sở quốc doanh và đi sâu hơn vào quốc doanh công nghiệp. Đặt vấn đề như vậy là thực tế. Trong nhiều năm nay, một số đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh có không ít cách làm ăn mới, năng động, có hiệu quả. Đó là cơ sở giúp chúng ta hoàn thiện, bổ sung, nâng cao cơ chế quản lý mới. Chúng ta lại có Dự thảo Nghị quyết 306 trình bày tương đối sâu vấn đề này và có thời gian hơn một năm tiến hành thí điểm, thấy rõ những mặt được và chưa được để tiếp tục hoàn thiện.

Một số đồng chí cho rằng, trong nền kinh tế năm thành phần mà chỉ nói đến kinh tế quốc doanh thì hẹp quá, vì kinh tế quốc doanh chỉ là một bộ phận nhỏ trong nền kinh tế quốc dân. Nói như vậy mới đúng về mặt hình thức. Cần thấy rằng, riêng ngành công nghiệp và xây dựng quốc doanh chỉ chiếm hơn một triệu lao động (trên tổng số 30 triệu lao động cả nước) và mới tạo ra được 35% tổng sản phẩm xã hội, 24% thu nhập quốc dân (số liệu năm 1985), nhưng đó là lực lượng quan trọng nhất, chốt giữ các mạch máu kinh tế chủ yếu của đất nước. Đó là chúng ta chưa nói đến các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh khác trong nội thương, ngoại thương, vận tải, dịch vụ, v.v.. Nền kinh tế nước ta hiện nay gặp nhiều khó khăn chủ yếu vì các đơn vị cơ sở quốc doanh chưa đủ mạnh. Do đổi mới cơ chế quản lý, các đơn vị kinh tế này mạnh lên sẽ tác động có hiệu quả đến toàn bộ nền kinh tế, đóng được vai trò chủ đạo trong liên doanh, liên kết các thành phần kinh tế, tạo ra những điều kiện thuận lợi để thực hiện tốt ba chương trình kinh tế lớn. Vì vậy, vấn đề đặt ra không thuần tuý ở mặt số lượng, mà quan trọng hơn là mặt chất lượng. Cũng còn có cách tiếp cận khác đối với chủ đề của đề án. Một số đồng chí cho rằng, trước khi bàn cụ thể các loại hình đơn vị kinh tế cơ sở, cần thiết có một phần trình bày những cơ sở chung của cơ chế quản lý với tính cách là phương hướng cơ bản, là nền tảng để chỉ đạo việc xây dựng các cơ chế quản lý cụ thể. Có thể nói gì về kiến nghị này? Tôi nghĩ, về mặt

phương pháp, có hai cách đặt vấn đề. Thứ nhất, đi từ cái chung đến cái riêng, từ cái tổng hợp đến cái cụ thể. Thứ hai, đi từ cái riêng, cái cụ thể đến cái chung, cái tổng hợp hơn. Đối với cách đặt vấn đề thứ nhất, tôi cho rằng muốn đi từ cái chung đến cái riêng thì chúng ta phải nắm được cái chung đến một mức độ nhất định. Tiền đề để nắm được cái chung, nhất thiết phải trải qua sự nghiên cứu, khái quát được cái cụ thể. Nếu không thì cái chung đó rất dễ trở thành chung chung, ít có tác dụng cụ thể chỉ đạo thực tiễn. Trong khi đó, chế độ tự chủ trong kinh tế quốc doanh khác với chế độ tự chủ trong kinh tế tập thể và còn khác nhiều so với chế độ tự chủ của kinh tế tư nhân, cá thể. Thật ra, đối với kinh tế tư nhân và cá thể không cần đặt vấn đề tự chủ kinh tế, đó là lẽ đương nhiên, khi sở hữu tư liệu sản xuất, tổ chức quản lý và phân phối thuộc thẩm quyền của họ. Một người độc tấu thì tự mình điều khiển lấy mình. Nhà nước chỉ cần ra những chính sách bảo đảm cho chúng phát triển đúng hướng và quản lý chặt chẽ.

Trong khi chưa có đủ điều kiện nghiên cứu những đối tượng phức tạp như vậy để khái quát thành cái chung hoàn chỉnh, tôi nghĩ rằng trên những nét chủ yếu, chúng ta có thể dựa vào cơ chế quản lý kinh tế được trình bày trong Nghị quyết Đại hội VI. Đó là những vấn đề như phương hướng đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, nguyên tắc hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tập trung và dân chủ, vai trò của các đòn bẩy kinh tế và pháp chế xã hội chủ nghĩa trong quản lý kinh tế, v.v.. Những vấn đề đó, dù mới chỉ là những nét lớn, vẫn là kim chỉ nam cho việc soạn thảo các quyết định quản lý cụ thể. Nếu muốn đề cập những vấn đề chung đầy đủ và sâu sắc hơn, sát đúng hơn với thực trạng quản lý kinh tế, có tác dụng chỉ đạo cụ thể việc xây dựng các mô hình quản lý cho các loại hình kinh tế thì lúc này chưa dẽ có thể làm ngay được, bởi lẽ

chúng ta chưa tích luỹ đủ kinh nghiệm cũng như cơ sở lý luận.

Thưa các đồng chí,

Trong giới tự nhiên cũng như trong xã hội, lý luận cũng như thực tế chứng minh rằng, muốn chuyển từ một trạng thái này sang một trạng thái khác phân biệt về chất, cần có những bước quá độ cần thiết. Không thể nhảy vọt lên một hình thức cao trước khi điều kiện vật chất bảo đảm cho nó chưa được chuẩn bị đầy đủ. Nhiệm vụ đề ra phải gắn liền với những phương tiện cần thiết để thực hiện nó. Trên nhiều phương diện, đất nước ta hiện nay còn thiếu những tiền đề và điều kiện cho việc thiết lập một hệ thống quản lý kinh tế hoàn toàn mới về chất, hoàn chỉnh và đồng bộ. Đó là vì:

1. Nền kinh tế nước ta còn mất cân đối nặng nề, cung cách xa cầu quá lớn, chưa có được những điều kiện bình thường của tái sản xuất, ngay cả tái sản xuất giản đơn. Nền sản xuất xã hội chưa được tổ chức, sắp xếp lại. Lĩnh vực phân phối lưu thông còn rối loạn, lạm phát ở mức độ cao, thước đo hiệu quả sản xuất, kinh doanh không ổn định.
2. Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng như chiến lược kinh tế - xã hội chưa hình thành. Cơ cấu kinh tế mới chỉ được xác định trên những nét tổng quát. Không thể "đặt cái cày trước con trâu", soạn thảo và thực hiện chiến lược quản lý kinh tế hoàn chỉnh, mới về chất trong toàn bộ, trước khi làm xong những việc trên.
3. Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp thống trị trong nhiều năm trước đây, hiện nay còn chi phối nặng nề. Không thể ngày một, ngày hai khắc phục được nhanh.
4. Đội ngũ cán bộ và tổ chức bộ máy chưa được chuẩn bị sẵn sàng cho việc đổi mới triệt để, cả về kinh nghiệm thực tiễn lẫn tri thức.

Trong những điều kiện đó, cái cần thiết nhất cho chúng ta lúc này là chiến lược quản lý thích ứng với trạng thái kinh tế - xã hội hiện hành. Đó là trạng thái kinh tế không ổn định rất cao, các hình thức kinh tế cũ còn bám rẽ vững chắc, các

hình thức kinh tế mới còn đang trong quá trình hình thành. Nói một cách khác, đó là trạng thái kinh tế quá độ, cơ chế quản lý quá độ; song hành, xen kẽ vừa yếu tố mới, vừa yếu tố cũ. Điều đó không chỉ thể hiện trên toàn bộ nền kinh tế, mà còn trong mỗi quá trình, mỗi tổ chức kinh tế và ở cả trong mỗi con người làm kinh tế.

Ngay ở Liên Xô hiện nay, tuy bạn đề ra nhiệm vụ cải tổ triệt để cơ chế quản lý kinh tế, nhưng đó là phương hướng lâu dài, muốn tiến tới mục tiêu còn phải trải qua những bước quá độ cần thiết trong một số năm (như cải cách giá cả, việc bán buôn vật tư, v.v.).

Điều cần khẳng định là: quá độ để tiến lên theo hướng hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đầy đủ, khắc phục tập trung quan liêu bao cấp, mở rộng hơn nữa quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, bảo đảm dân chủ tập trung đúng đắn của nền kinh tế có kế hoạch. Điều này được thực hiện đầy đủ đến đâu là tuỳ thuộc ở những điều kiện chủ quan và khách quan đã được chuẩn bị. Phải tích cực tác động để những điều kiện này sớm hình thành. Sự vật mới không thể ra đời khi tâm lý thụ động chờ đợi còn chi phối. Trước mắt, việc thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương hai sẽ là bước tiến quan trọng góp phần tích cực vào việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế chung.

Tư tưởng của bản Dự thảo Nghị quyết thấu suốt đặc điểm quá độ của nền kinh tế và cơ chế quản lý.

Từ nhận thức đó, trong tình hình hiện nay, chúng ta chưa thể thực hiện việc *chuyển hẳn* toàn bộ nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa đầy đủ. Chưa thể nói tất cả các đơn vị kinh tế cơ sở đã có đủ điều kiện tính đúng, tính đủ "đầu vào" của sản xuất, nếu không muốn "đầu ra" đội giá thị trường xã hội, làm tăng đột biến giá cả, quá sức chịu đựng của nền kinh tế và khả năng thanh toán của người tiêu dùng. Cần có thời gian để chấn chỉnh tổ chức sản xuất, quay mạnh "hộp đen" bằng cải tiến quản lý, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất, giảm bớt các khâu trung gian và lao động

gián tiếp. Đây là một quá trình đấu tranh quyết liệt để đổi mới, từ bỗn mêt lý ý lại và thói quen bao cấp, coi Nhà nước là người vú em sẵn sàng bù lỗ tất cả hoặc dồn hậu quả của lối làm ăn bất chấp hiệu quả lên người tiêu dùng.

Cũng không thể loại bỏ ngay một số chỉ tiêu pháp lệnh cần thiết (đã giảm nhiều so với trước đây) bằng cách chỉ sử dụng các đơn đặt hàng của Nhà nước và các cơ quan tiêu thụ khác, bằng phương pháp đấu thầu, các định mức kinh tế - kỹ thuật, các đòn bẩy kinh tế; tóm lại là bằng các công cụ kinh tế gián tiếp. Nguyên nhân chính là vì những phương pháp quản lý mới này gắn liền với những tiền đề và điều kiện nhất định mà hiện nay chúng ta chưa tạo ra được. Vì vậy, những hình thức quản lý mới nói trên chỉ được áp dụng dưới dạng thí điểm ở những nơi nào có đủ điều kiện.

Một kiến nghị khác tách rời điều kiện thực tế là thực hiện ngay "thương mại hoá" vật tư cho các thành phần kinh tế. Trong tình hình nguồn vật tư thiếu hụt nghiêm trọng, ngay các xí nghiệp quốc doanh cũng mới chỉ được bảo đảm trên dưới 50% so với nhu cầu thì vật tư vẫn phải được phân phối theo các mục tiêu ưu tiên của kế hoạch nhà nước. Hiện nay, việc cải tiến trong lĩnh vực này có thể làm được là xoá bỏ lối cắp phát vật tư theo giá hoàn toàn bao cấp, dẫn đến xí nghiệp sử dụng lăng phí hoặc mua đi bán lại để kiểm chênh lệch giá. Tùy từng loại xí nghiệp và từng loại vật tư mà Nhà nước bán vật tư có phân biệt theo đúng giá trị, có bù lỗ chút ít hoặc còn bù lỗ nhiều hơn. Xu hướng tiến lên là nói chung Nhà nước không bù lỗ nữa.

Một số đồng chí cho rằng nên áp dụng ngay và phổ biến một giá thống nhất cho tất cả các hàng hoá, và theo đó, đồng tiền chỉ có một thước đo giá trị duy nhất, nếu làm khác đi thì không có cách gì ngăn chặn tiêu cực đủ mọi loại phát sinh. Về mặt lý thuyết, chủ trương đó là đúng đắn. Nhưng đặt vào hiện thực của chúng ta bây giờ thì chủ trương đó quá lý tưởng. Bất cứ một nước nào, khi quan hệ cung cầu về những mặt hàng nhu yếu nào đó mất cân đối quá lớn và trong tình

hình lạm phát trầm trọng, người ta đều phải bán chúng theo định lượng và với giá cả ổn định vì lý do kinh tế và chính trị. Đó là điều cực chẳng đã, bắt buộc phải làm. Nhưng khác với trước đây, bây giờ chúng ta khôn ngoan hơn: hạn chế tối đa những mặt hàng hai giá và không để giá cả chênh lệch quá xa so với giá thị trường xã hội, từng thời kỳ có điều chỉnh giá theo cơ chế động trong tình hình lạm phát còn lớn. Đó là biện pháp quá độ, song trùng hai cơ chế giá cùng tồn tại, để tiến tới một giá khi tình hình cho phép.

Nhân đây, tôi muốn nói một vài ý kiến về học tập kinh nghiệm nước ngoài. Chúng ta là nước đi sau, kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội nói chung và kinh nghiệm quản lý kinh tế còn ít, nên việc học tập các nước anh em là rất cần thiết. Vấn đề đặt ra là học như thế nào. Trước hết, cần phải nghiên cứu đến nơi đến chốn để nắm được thực chất của những hình thức kinh tế mới mà người ta áp dụng, cả về lý luận và thực tiễn. Thứ hai, phải nghiên cứu kỹ hoàn cảnh, điều kiện kinh tế, kỹ thuật, xã hội, con người của ta để vận dụng.

Như vậy, việc áp dụng kinh nghiệm của nước ngoài vào nước ta là cả một công trình nghiên cứu nghiêm túc, có chọn lọc kỹ càng. Nó không chấp nhận việc sao chép máy móc. Trong vấn đề này, sẽ rất bổ ích nhắc lại lời căn dặn của Lê nin đối với những người cộng sản ở các nước Cộng hoà Cápado sau Cách mạng Tháng Mười rằng, họ "có thể và cần thực hiện bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội chậm hơn, thận trọng hơn và có hệ thống hơn, khác với nước Cộng hoà Liên bang xã hội chủ nghĩa Xôviết Nga", vì những nước này "là những nước còn nông dân hơn Nga".

Thưa các đồng chí,

Do tầm quan trọng về nhiều mặt, cả kinh tế và xã hội, của đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh nên chúng ta coi việc đổi mới

cơ chế quản lý ở cấp này là vấn đề quan trọng. Muốn vậy, phải bảo đảm các điều kiện cần thiết (trong khả năng của chúng ta hiện nay) để xí nghiệp *thực hiện quyền tự chủ về sản xuất, kinh doanh*, tự trang trải và phát triển, có lãi để tích luỹ cho mình và cho Nhà nước.

Bước tháo gỡ đầu tiên cho sản xuất và lưu thông trong nền kinh tế nước ta được đánh dấu bằng Nghị quyết sáu (khoá IV). Nhưng Nghị quyết mới đề ra một số chủ trương, biện pháp không mang tính hệ thống, đồng bộ và thiếu thể chế hoá về mặt nhà nước (như cho phép thực hiện giá cả thỏa thuận ngoài giá Nhà nước quy định, ổn định nghĩa vụ lương thực, bổ định suất phân phối trong hợp tác xã nông nghiệp, cho xí nghiệp tận dụng phế liệu, phế thải để sản xuất, cho liên hiệp xí nghiệp, công ty và địa phương được trực tiếp xuất khẩu, nhấn mạnh thực hiện ba lợi ích, v.v.). Nhìn chung, xí nghiệp quốc doanh vẫn bị trói buộc. Trói buộc lớn nhất là không được chủ động nguồn vật tư, nguyên liệu.

Trong khi phần lớn công suất sản xuất không được sử dụng, người lao động nghỉ việc hưởng 70% lương, thì những quy định cứng nhắc về giá và thủ tục duyệt giá phiền hà đã ngăn cản xí nghiệp tạo nguồn vật tư, nguyên liệu để sản xuất.

Ngược lại, kinh tế tư nhân và cá thể do không bị ràng buộc gì và do Nhà nước buông lỏng quản lý nên bung ra một cách tự phát, đặc biệt trong lĩnh vực thương nghiệp.

Với Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán sản phẩm và Quyết định 25, 26-CP của Chính phủ, sản xuất trong các đơn vị kinh tế nông nghiệp và công nghiệp thuộc thành phần xã hội chủ nghĩa có được tính tự chủ và năng động ít nhiều. Các xí nghiệp không còn thụ động ngồi chờ Nhà nước cấp phát như trước, mà thông qua liên doanh, liên kết kinh tế trong nước và xuất nhập khẩu, chủ động được một phần vật tư, nguyên liệu. Phần tự cân đối được mua theo giá thỏa thuận và hạch toán thực tế vào giá thành. Nhờ đó, một số xí nghiệp phục hồi được sản xuất, tạo ra sản phẩm cho xã hội và tích luỹ cho Nhà nước, giải quyết được việc làm và đời sống của cán bộ

công nhân viên. Bên cạnh những mặt tích cực đó, cũng phát sinh không ít tiêu cực. Trước tình hình đó, chúng ta thiếu bình tĩnh để xử lý, vội vã dùng biện pháp hành chính để đối phó, ngăn chặn, cấm đoán, đào sâu thêm hố ngăn cách giữa kế hoạch và thị trường, làm tê liệt tính năng động của cơ sở. Khuynh hướng trói buộc, tập trung quan liêu bao cấp lại có dịp trỗi dậy mạnh mẽ. Đó là bối cảnh ra đời của những quyết định như: xí nghiệp tiến hành kế hoạch hoá thống nhất, hạch toán chi phí sản xuất theo giá Nhà nước quy định, bắt kể vật tư, nguyên liệu từ nguồn nào và có giá mua khác nhau; khống chế tiền lương và tiền thưởng tối đa; thu hẹp quyền và danh mục mặt hàng địa phương xuất khẩu, v.v.. Do đó, hoạt động sản xuất, kinh doanh của các xí nghiệp lại rơi vào tình trạng khó khăn như cũ. Trong khi đó, sản xuất tư nhân, cá thể không bị ràng buộc vào các quy định của Nhà nước nên tự do phát triển, thao túng thị trường mua và thị trường bán trên nhiều mặt hàng. Tình trạng phổ biến là sản xuất quốc doanh thua tập thể, tập thể thua tư nhân và cá thể. Đó là chuyện ngược đời, như người ta nói: "gà ri thắng gà cồ". Nhưng đó là một thực tế ở nước ta vừa qua.

Cho đến Dự thảo Nghị quyết 306 (4-1986), chúng ta bước đầu tìm thấy hướng đi đúng cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, tăng thêm tính tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh, sau nhiều năm tìm tòi, khảo nghiệm trong thực tiễn và phải trả bằng một giá đắt. Tuy Dự thảo còn có những mặt hạn chế, nhất là việc cụ thể hoá nó ở Quyết định 76, nhưng nó đã thừa nhận những việc làm có hiệu quả của các cơ sở và địa phương mà trước đó được coi là bất hợp pháp.

Điểm lại một cách ngắn gọn sự ra đời của cơ chế mới, đưa đến hai nhận xét:

- Quá trình ra đời của cơ chế mới không đơn giản, chứa đầy mâu thuẫn, trải qua những bước quanh co phức tạp, có cả những dao động tạm thời. Bài học rút ra cho việc làm sáp tới là đời hỏi tính kiên định, không cho phép đảo ngược xu thế đổi mới cơ chế quản lý theo hướng xác lập quyền tự chủ sản

xuất, kinh doanh của đơn vị cơ sở, không vì những thiếu sót tạm thời mà bác bỏ hoặc vi phạm tính quy luật chung là mở rộng dân chủ đầy đủ cho bên dưới trên cơ sở giữ vững sự tập trung đúng đắn của bên trên.

2. Bản thân việc ra được Nghị quyết Trung ương là quan trọng, nhưng để nó được khẳng định trong cuộc sống, cần coi trọng việc chỉ đạo thể chế hoá về mặt nhà nước, sao cho không mâu thuẫn với tinh thần của Nghị quyết, bảo đảm tính đồng bộ và kịp thời. Đây là công việc rất khó khăn và phức tạp nhưng là vấn đề trung tâm mà nỗ lực của chúng ta phải hướng vào để giải quyết.

Tôi nghĩ rằng đó là những bài học mà chúng ta cần lưu ý từ nay về sau.

Vấn đề trung tâm mà Dự thảo Nghị quyết lần này đặt ra là bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh với tư cách là người sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa. Dự thảo Nghị quyết đã trình bày một tổng thể các chính sách và biện pháp cơ bản, có hệ thống, trong đó có nhiều điểm mới về nguyên tắc. Vì vậy để không mất thời gian, tôi chỉ xin đề cập một số vấn đề theo tôi là cần quan tâm.

Để xí nghiệp có thể thực hiện được sự tự chủ về kinh tế, tôi cho rằng, một trong những khâu then chốt nhất là nó phải chủ động được nguồn vật tư, nguyên liệu. Trong tình hình hiện nay ở nước ta, hầu hết các xí nghiệp với những mức độ khác nhau, được cản đối từ hai nguồn: nguồn Nhà nước và nguồn tự chạy. Đối với nguồn thứ nhất, yêu cầu đặt ra là Nhà nước phải thông báo sớm và bảo đảm cung ứng chúng một phần nhưng đồng bộ ngay trước năm kế hoạch. Đối với phần xí nghiệp tự lo, có loại liên quan đến nhập khẩu, có loại liên quan đến thị trường trong nước. Với loại vật tư nhập khẩu, các đơn vị cơ sở có thể uỷ thác cho Trung ương hoặc thông qua các tổ chức xuất nhập khẩu khu vực, riêng đối với một số cơ sở lớn có thể cho phép xuất nhập khẩu trực tiếp theo đúng chính sách, pháp luật của Nhà nước. Với loại

vật tư trong nước, Nhà nước cần có quy định phù hợp để tránh hai hiện tượng: hoặc trói buộc xí nghiệp trong việc tạo nguồn, hoặc tự phát, tự chạy lung tung gây rối loạn thị trường. Nhưng về nguyên tắc, trong điều kiện hiện nay chúng ta phải khuyến khích xí nghiệp tạo thêm nguồn cân đối.

Thừa nhận phần vật tư xí nghiệp tự lo, tất yếu phải thừa nhận giá cả thị trường của chúng (giá này có hướng dẫn, chỉ đạo, chứ không phải theo thị trường tự do) và phần này được hạch toán đầy đủ vào giá thành. Nhà nước có quy định bảo đảm tính hợp lý của giá cả phần vật tư tự chạy sao cho không làm thiệt thòi lợi ích của xí nghiệp cũng như không để xí nghiệp một chiêu chạy theo giá cả thị trường tự do, đẩy giá lên cao.

Vật tư từ hai nguồn, do đó có hai loại giá khác nhau, nhưng một sản phẩm của một xí nghiệp làm ra không thể có hai giá. Vấn đề này cần được trao đổi để thống nhất ý kiến. Nên chăng cần áp dụng cách tính bình quân giá quyền giá vật tư nguyên vật liệu của cả hai nguồn?

Sự tự chủ của xí nghiệp chỉ có thể được bảo đảm khi có cơ chế kích thích lợi ích đúng đắn. Về vấn đề này, việc xác định phạm trù lợi nhuận có ý nghĩa hàng đầu. Cách định lợi nhuận cũ không khuyến khích các xí nghiệp làm ăn giỏi, vì đó là lợi nhuận định mức tính theo tỷ lệ % của giá thành.

Giá thành càng cao, xí nghiệp càng có nhiều lợi nhuận. Cách định lợi nhuận mới của xí nghiệp dựa trên nguyên tắc: tổng doanh thu trừ chi phí và các khoản trích nộp. Từ đó, giá thành càng hạ, lợi nhuận thu được càng cao. Đây là nguồn gốc sinh ra thi đua kinh tế giữa các xí nghiệp, tạo ra động lực để hạch toán, kinh doanh, bắt xí nghiệp chuyển động mạnh hơn cái "hộp đèn", mở ra khả năng thực tế giải quyết hài hòa ba lợi ích.

Các đồng chí sỹ thảo luận có cách nào định lợi nhuận hợp lý và khoa học hơn?

Một trong những quyền tự chủ quan trọng của xí nghiệp là tự chủ về tài chính. Yêu cầu đặt ra là nói chung, các xí nghiệp phải tự bù đắp, tự trang trải, giải quyết được đời sống, có lãi để tích luỹ và nộp ngân sách. Đó là yêu cầu rất cao và nghiêm khắc. Để thực hiện được yêu cầu này, Nhà nước tạo điều kiện về nguồn vốn như để lại toàn bộ quỹ khấu hao cho xí nghiệp, ổn định tỷ lệ nộp ngân sách trong một số năm, được huy động vốn bằng nhiều hình thức, mở rộng quyền sử dụng tài sản của xí nghiệp. Ngoài ra, còn những quyền tự chủ khác về kế hoạch, về vật tư và tiêu thụ sản phẩm, lao động và tiền lương, v.v.. Tôi muốn nhấn mạnh rằng, tất cả những quyền đó chỉ là những *điều kiện cần thiết* mà Nhà nước quy định để xí nghiệp tiến hành sản xuất, kinh doanh thuận lợi. Bản thân những quyền tự chủ đó không tự động dẫn đến tính hiệu quả của sản xuất, kinh doanh. Để làm được điều đó, vấn đề có ý nghĩa quyết định là xí nghiệp phải có *sự chuyển biến mạnh mẽ trong khâu sản xuất trực tiếp*. Sản phẩm hàng hoá nhiều hay ít, lợi nhuận cao hay thấp, việc cải thiện điều kiện sống của người lao động và nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách lớn đến mức độ nào là tuỳ thuộc ở khâu này. Ở đây, đòi hỏi xí nghiệp phải có tính chủ động và năng động cao, biết tổ chức hợp lý hoá sản xuất, giảm các khâu trung gian và lao động gián tiếp, không ngừng áp dụng kỹ thuật tiến bộ, tiết kiệm tiền vốn, vật tư, nguyên liệu và năng lượng để làm ra sản phẩm với chất lượng cao, giá thành hạ. Niềm hy vọng và mục tiêu cao nhất của chúng ta là ở đây. Đáng lo ngại là về mặt này, sự chuyển biến của các xí nghiệp quốc doanh còn rất chậm chạp. Ở đây, nguyên nhân có một phần là ở cấp trên, do cơ chế quản lý chậm đổi mới và không bảo đảm đủ điều kiện vật chất cần thiết cho xí nghiệp hoạt động. Vừa qua, tiểu ban của Hội đồng Bộ trưởng về chỉ đạo tính thủ "đầu vào" và "đầu ra" của sản xuất ở một số xí nghiệp đưa đến nhận xét chung là "hộp

đen" chưa thật sự chuyển. Trong phần lớn trường hợp, người ta chỉ giản đơn làm con số cộng các chi phí sản xuất theo định mức cũ để tính "đầu ra". Vì vậy, hiện nay ở nước ta có không ít xí nghiệp ở vào tình trạng "lời giả, lỗ thật". Có những xí nghiệp tìm kiếm thu nhập cao bằng nhiều con đường khác nhau không hợp pháp, không phải dựa trên kết quả của tăng năng suất lao động. Nhà nước đòi hỏi các xí nghiệp phải hạch toán trung thực, phản ánh chính xác kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Chúng ta không vui vẻ gì khi được biết một số xí nghiệp hạch toán và phân phối thu nhập bằng những cách khác nhau, được phản ánh ở hai, thậm chí đến ba quyển sổ; trong đó, quyển sổ để báo cáo lên cấp trên chứa đựng nhiều thông tin giả.

Con đường cơ bản và lành mạnh để phát triển và tăng thu nhập, cũng như mục đích sâu xa của đổi mới cơ chế quản lý ở các đơn vị kinh tế cơ sở là đẩy mạnh sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Đó là vấn đề cần được chúng ta quan tâm hàng đầu.

Xí nghiệp quốc doanh trong cơ chế quản lý mới đóng vai trò chủ đạo trong các thành phần kinh tế. Vai trò đó được thể hiện ở tác dụng nêu gương về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh đối với toàn ngành; ở việc nắm giữ những vị trí then chốt về kinh tế và kỹ thuật, từ đó chi phối và định hướng các thành phần kinh tế khác phát triển đúng đắn; ở vai trò nòng cốt trong liên doanh, liên kết kinh tế với nhiều thành phần bằng nhiều hình thức. Làm được như vậy sẽ đảo ngược tình thế tồn tại lâu nay là kinh tế quốc doanh thua kinh tế tập thể và tư nhân, cá thể.

Dự thảo Nghị quyết đã nêu ra các nguyên tắc lớn về liên doanh, liên kết kinh tế, nhưng hình thức tổ chức để đa dạng

hoá nó phù hợp với đặc điểm từng ngành, nghề cũng như cơ chế hoạt động không những đối với các tổ chức liên doanh, liên kết ở trong nước mà cả ở ngoài nước, còn là vấn đề phải nghiên cứu nhiều. Các đồng chí có thể tham gia ý kiến, bổ sung thêm.

Quyền tự chủ của xí nghiệp không thể tách rời quyền làm chủ của tập thể lao động trong xí nghiệp. Dự thảo Nghị quyết đã phân định tương đối rõ trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức trong đơn vị kinh tế cơ sở, nâng cao hơn vị trí của người giám đốc. Tuy nhiên, trong việc cụ thể hóa có thể tham khảo thêm Quyết định 182-CP ban hành trước đây, trong đó có nhiều điểm cho đến nay vẫn còn có giá trị. Điều then chốt để bảo đảm quyền làm chủ tập thể lao động trong xí nghiệp là phát huy vai trò của "bộ tứ": đảng uỷ, giám đốc, công đoàn và đoàn thanh niên. Ở đây có vấn đề cần trao đổi thêm như một số đồng chí nêu lên là trong xí nghiệp, Đảng có lãnh đạo toàn diện không? Tổ chức đảng trong các liên hiệp xí nghiệp nên tổ chức như thế nào? Nếu liên hiệp xí nghiệp nằm ở một thành phố, một địa bàn lãnh thổ hẹp thì có cần thiết áp dụng hình thức hội nghị bí thư các đảng bộ trong liên hiệp không, hay là duy trì một tổ chức đảng thống nhất?

Việc bảo đảm sự tự chủ của xí nghiệp còn tuỳ thuộc vào một khâu rất quan trọng là *đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế*. Nguyên lý cơ bản được áp dụng ở đây là phân biệt rõ quản lý sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở và quản lý nhà nước về kinh tế. Sự phân biệt đó nhằm làm cho Nhà nước nắm những khâu và lĩnh vực then chốt của nền

kinh tế quốc dân, xoá bỏ những sự can thiệp vụn vặt, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp. Nhà nước không chế được vĩ mô, cho phép làm sống động vi mô, bảo đảm cho hoạt động của vi mô không đi chệch khỏi quỹ đạo kinh tế có kế hoạch. Trong đề án đã nêu được một số nội dung chính. Tuy nhiên còn nhiều vấn đề cần được cụ thể hóa như chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và phương thức quản lý của Hội đồng Bộ trưởng, của các bộ và ủy ban, tổng hợp, của các bộ chức năng cũng như của các cấp chính quyền tỉnh - thành, huyện - quận, xã - phường. Cũng cần làm rõ thêm cấp trên của đơn vị kinh tế cơ sở là gì? Các vấn đề về phân cấp quản lý và ngân sách cũng cần được làm sáng tỏ hơn nữa. Dù sao thì một Hội nghị Trung ương cũng chưa thể giải quyết trọn vẹn các vấn đề đặt ra. Cái đáng quý là chúng ta đã biết đặt ra các vấn đề để giải quyết và quyết tâm đổi mới theo phương hướng đã vạch ra.

Cuối cùng, việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế tuỳ thuộc ở khâu quyết định là *cán bộ*. Cán bộ kinh tế của chúng ta hiện nay nói chung vừa thiếu về số lượng, vừa yếu về chất lượng, có nơi còn kém về phẩm chất, về lập trường quan điểm của giai cấp công nhân. Điều cần khẳng định là: thực trạng đó không phải vì chúng ta thiếu nguồn, mà là do thiếu quy hoạch, kế hoạch cũng như phương thức đúng đắn tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ. Đây là một công tác rất cấp bách, phải xúc tiến ngay. Để làm được điều đó, trước hết phải có một quan niệm đúng đắn về tiêu chuẩn cán bộ. Thế nào là phẩm chất và năng lực của một cán bộ quản lý

kinh tế, tính đặc thù của chúng so với các loại cán bộ khác, phẩm chất và năng lực của cán bộ quản lý ở từng cấp, từng ngành kinh tế, kỹ thuật. Thiếu một quan niệm rõ ràng về vấn đề này, khó có thể làm quy hoạch, tuyển chọn, đào tạo cũng như đánh giá đúng đắn cán bộ. Trong đề án đã có đề cập đến vấn đề này, đề nghị các đồng chí bổ sung thêm.

Thưa các đồng chí,

Chuyển cơ chế quản lý từ tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế kinh doanh xã hội chủ nghĩa mang tính chất cách mạng sâu sắc.

Trí tuệ của các đồng chí Trung ương trong Hội nghị này chắc chắn là sự đóng góp quan trọng vào quá trình đổi mới mang tính cách mạng đó.

Hy vọng rằng một số vấn đề tôi đặt ra ở trên sẽ góp phần gợi ý thêm trong quá trình nghiên cứu và thảo luận của chúng ta.

Xin chân thành cảm ơn các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Ngày 27 tháng 8 năm 1987

**Về cuộc thảo luận Dự thảo Nghị quyết đổi mới
cơ chế quản lý kinh tế**

Qua năm buổi thảo luận ở tổ và trực tiếp sửa chữa vào văn bản, các đồng chí Uỷ viên Trung ương đã có nhiều ý kiến về vấn đề đổi mới cơ chế quản lý kinh tế. Văn phòng Trung ương đã tổng hợp và thông báo các đồng chí Uỷ viên Trung ương biết.

Bộ Chính trị đề nghị kết luận của Hội nghị Trung ương như sau:

**I- YÊU CẦU CẤP THIẾT CÓ NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG
VỀ ĐỔI MỚI MỘT BƯỚC CƠ BẢN CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ**

1. Trong Hội nghị Trung ương, có một số đồng chí cho rằng lúc này Trung ương chưa nên ra nghị quyết về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế mà chỉ góp ý kiến để Bộ Chính trị ra nghị quyết trên cơ sở nâng cao Nghị quyết (dự thảo) 306 của Bộ Chính trị, vì điều kiện chưa chín muồi. Số đồng đồng chí tán

thành ra Nghị quyết Trung ương về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, vì nay cơ chế cũ không còn thích hợp, vừa kìm hãm các năng lực sản xuất, vừa gây mất trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị tán thành loại ý kiến thứ hai. Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là yêu cầu hết sức cấp bách, không thể trì hoãn, Hội nghị Trung ương ba cần ra nghị quyết về vấn đề này để có cơ sở cho Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng ban hành các văn bản pháp quy nhằm đáp ứng đòi hỏi cấp bách của cuộc sống là phải có cơ chế quản lý mới thích hợp thay thế cơ chế cũ đã lỗi thời. Không xây dựng cơ chế mới mà chỉ lèn án, phê phán thì không thể xoá bỏ được nó. Nghị quyết Trung ương hai đã nêu rõ: mục tiêu bốn giảm chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Vướng mắc chính là thiếu cơ chế đúng đắn để tổ chức, điều hành thực hiện Nghị quyết đó, vì vậy đổi mới cơ chế cũng là yêu cầu cấp bách để biến Nghị quyết Trung ương hai thành hiện thực.

Đáng lẽ chúng ta phải thảo luận trước về ba chương trình kinh tế lớn, xác định cơ cấu kinh tế, về kế hoạch 5 năm 1986-1990 rồi mới quyết định cơ chế quản lý kinh tế như chương trình công tác năm 1987 của Trung ương đã đề ra, nhưng việc chuẩn bị đề án ba chương trình và kế hoạch 5 năm làm chưa kịp, nên chúng ta phải chuyển sang bàn cơ chế quản lý kinh tế trước. Điều đó cũng cần thiết, vì ba chương trình kinh tế cũng như kế hoạch 5 năm phải được xây dựng và thực hiện theo cơ chế mới, không thể tiếp tục làm theo cách cũ, áp đặt từ trên xuống. Trong tình hình thực tế của nước ta hiện nay, việc đổi mới một bước cơ bản cơ chế quản lý kinh tế là điều kiện cần thiết để xây dựng và thực hiện tốt ba chương trình kinh tế và kế hoạch 5 năm, thúc đẩy quá trình sáp xếp lại sản xuất, tạo ra cơ cấu kinh tế mới, đồng thời qua

trình bố trí lại cơ cấu kinh tế cũng sẽ tác động lại và tạo cơ sở cho việc bổ sung, nâng cao thêm cơ chế quản lý kinh tế. 2. Một số đồng chí Trung ương muôn Hội nghị Trung ương phải có nghị quyết hoàn chỉnh về cơ chế quản lý mới đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân và đối với mọi loại cơ sở.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đã thảo luận nhiều và đã đi đến kết luận:

- Hiện nay về khía cạnh ta chưa có cơ cấu kinh tế hợp lý, kinh tế còn năm thành phần, đang mất cân đối lớn, lạm phát trầm trọng và giá - lương - tiền đang rối ren; về chủ quan, ta chưa có đủ kiến thức và kinh nghiệm, nhiều vấn đề còn chờ sự vật phát triển mới sáng tỏ được. Vì vậy việc xoá bỏ cơ chế cũ, xây dựng cơ chế quản lý mới phải là một quá trình, có nhiều bước đi thích hợp. Trước mắt, phải chọn những vấn đề đã rõ và có thể kết luận được để ra nghị quyết mà tổ chức thực hiện, không thụ động chờ đợi. Cho nên nội dung Nghị quyết Trung ương lần này chỉ mới là đổi mới một bước cơ bản về cơ chế quản lý kinh tế, mở đầu bằng khâu chủ yếu là chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện bước này, phải xây dựng chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, đồng thời đổi mới một mức cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, vừa tạo thuận lợi cho cơ sở, vừa tăng cường được hiệu lực quản lý của Nhà nước. Chúng ta vừa làm vừa rút kinh nghiệm, vừa tạo điều kiện khía cạnh cho việc nâng cao và hoàn chỉnh cơ chế quản lý mới. Dự thảo Nghị quyết đã đề cập đến nội dung cơ bản của cơ chế quản lý nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân cũng như đối với cơ sở. Bộ Chính trị cho làm như vậy là phù hợp với đòi hỏi và khả năng thực tiễn lúc này.

- Đáng lẽ lần này Trung ương phải bàn được chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh đối với mọi loại đơn vị kinh tế - xã hội chủ nghĩa và Bộ Chính trị phải cụ thể hóa được chính sách đổi mới kinh tế cá thể, kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế gia đình mà Nghị quyết Trung ương hai đã phát triển Nghị

quyết Đại hội VI. Nhưng chúng ta chỉ mới đề cập đến những nguyên tắc chung về chế độ tự chủ của các loại đơn vị kinh tế cơ sở và bàn được cơ chế quản lý đối với các đơn vị kinh tế quốc doanh, trước hết đối với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, khâu then chốt có tác động mạnh đến sự chuyển biến của các tổ chức kinh tế và các thành phần kinh tế. Chúng ta chưa thể bàn được cơ chế quản lý đối với kinh tế tập thể trong nông nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp vì chưa chuẩn bị được chu đáo để án cơ chế quản lý đối với các loại cơ sở này. Khuyết điểm đó, đúng như một số đồng chí đã phê bình, thuộc về Bộ Chính trị. Bộ Chính trị xin nhận trách nhiệm. Đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị căn cứ vào tinh thần và nội dung Nghị quyết Trung ương ba, sớm bàn cơ chế quản lý cụ thể đối với hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp và cụ thể hóa chính sách đổi mới kinh tế cá thể, tư bản tư nhân, kinh tế gia đình để tạo ra cơ chế quản lý đồng bộ đối với mọi loại cơ sở.

Mặc dù có những sự hạn chế đó, nội dung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đưa ra bàn ở Hội nghị Trung ương lần này đánh dấu một bước phát triển mới trong công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước ta, đặt nền móng cho việc hình thành cơ chế mới về quản lý kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI. Nội dung đó đã được nâng cao hơn Nghị quyết (dự thảo) 306 của Bộ Chính trị và cần được thể hiện thành nghị quyết của Hội nghị Trung ương.

Vì những lẽ trên, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương ra nghị quyết trên cơ sở bản Dự thảo được chỉnh lý lại theo sự góp ý bổ sung, sửa chữa của các đồng chí Trung ương.

II- VỀ NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA NGHỊ QUYẾT

Qua ý kiến của các đồng chí Trung ương đã phát biểu

hoặc sửa chữa vào bản Dự thảo, Bộ Chính trị xin trình bày những điểm chính cần sửa chữa, bổ sung về nội dung Nghị quyết. Những góp ý về câu chữ sẽ được chữa thảng vào văn bản, những chỗ trùng lắp sẽ cố gắng loại bỏ, khi chỉnh lại Dự thảo Nghị quyết để Trung ương thông qua.

1. Về tiêu đề của Nghị quyết

Có ý kiến đề nghị đảo ngược trật tự, đưa ý "đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế" lên trên nhằm nhấn mạnh vai trò và ý nghĩa của quản lý nhà nước.

Chúng tôi đề nghị Trung ương giữ tiêu đề như đã trình ra Trung ương, vì khâu chủ yếu của bước đổi mới cơ chế quản lý kinh tế từ nay đến năm 1990 là "chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa". Như đã trình bày ở phần trên, muốn chuyển sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, các đơn vị kinh tế phải được tự chủ và Nhà nước phải đổi mới phương thức và bộ máy quản lý. Sự "đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế" trước hết cũng nhằm thực hiện khâu chủ yếu đó, nên để sau là hợp lý.

Cũng có ý kiến đề nghị ghi đầy đủ chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa như vẫn thường nói. Bộ Chính trị cho rằng kinh doanh xã hội chủ nghĩa đã bao hàm cả phương thức hạch toán kinh tế, do đó, có thể viết gọn, nhất là ở tiêu đề.

2. Về phần thứ nhất: Thực trạng quản lý kinh tế và nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý kinh tế

- Về phần đánh giá thực trạng quản lý, đa số ý kiến nhất trí với Dự thảo. Một số đồng chí đề nghị bổ sung cho rõ hơn và nhấn mạnh mặt chủ yếu là cơ chế tập trung quan liêu bao

cấp về cơ bản chưa bị xoá bỏ; còn tình trạng tự do tuỳ tiện cũng nghiêm trọng và có ở cả các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở, cũng cần được khắc phục, nhưng không nên đánh đồng với mặt chủ yếu của thực trạng quản lý.

Bộ Chính trị thấy ý kiến đó là chính đáng, cần viết rõ hơn trong Nghị quyết. Nhưng không nên chỉ nói vì tập trung quan liêu, bao cấp mà để ra tự do tuỳ tiện, phải thấy rõ tự do, phân tán, tuỳ tiện còn là sản phẩm của sản xuất nhỏ và còn do nguyên nhân thiếu giữ vững trật tự, kỷ cương, buông lỏng chuyên chính vô sản, kỷ luật và pháp luật quản lý mà sinh ra để có các biện pháp thích hợp về kinh tế, giáo dục, hành chính, tổ chức nhằm khắc phục chúng.

- Một số đồng chí muốn đánh giá thực trạng kinh tế. Về vấn đề này, đề nghị đến Hội nghị Trung ương bốn sẽ bàn kỹ; trong phạm vi Nghị quyết này chỉ đề cập đến thực trạng kinh tế trong giới hạn làm xuất phát điểm cho việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế hiện nay.

- Về nguyên nhân, nói chung, các đồng chí nhất trí với bốn nguyên nhân trong Dự thảo, chỉ có sửa đổi về chi tiết hoặc nhấn mạnh điểm này hay điểm khác. Bộ Chính trị sẽ căn cứ ý kiến của các đồng chí mà sửa Dự thảo.

- Về nhiệm vụ, mục đích, nội dung đổi mới có tính nguyên tắc, các đồng chí đề nghị phải thêm mục đích thúc đẩy tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phải nhấn mạnh hơn nguyên tắc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế gắn với sắp xếp, tổ chức lại sản xuất, tạo ra cơ cấu kinh tế mới.

Đó là những đề nghị đúng. Bộ Chính trị sẽ bổ sung vào Dự thảo Nghị quyết.

3. Về phần thứ hai: Chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở

Về phần này, các đồng chí đều thấy đã nâng cao hơn một bước so với Nghị quyết (dự thảo) 306. Song nhiều đồng chí muốn có sơ kết, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết (dự thảo) 306. Một số đồng chí muốn thêm phần cơ chế đối với hợp tác xã nông nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp. Một số ít đồng chí muốn nâng cao hơn nữa nội dung của đổi mới cơ chế quản lý đối với cơ sở, như muốn chuyển chỉ tiêu pháp lệnh sang đơn đặt hàng hoặc đấu thầu, muốn thương mại hoá vật tư, muốn mở rộng quyền tiêu thụ sản phẩm cho cơ sở, v.v.. Một số đồng chí đề nghị Nhà nước phải bổ sung vốn cho xí nghiệp khi Nhà nước điều chỉnh giá làm giảm vốn của xí nghiệp, cho tất cả các xí nghiệp được trực tiếp xuất, nhập khẩu. Có một số đồng chí đề nghị không nên điều tiết thu nhập của các xí nghiệp và đánh thuế thu nhập. Một số ít đồng chí không tán thành nói giao tài sản toàn dân cho tập thể lao động làm chủ mà phải nói giao cho giám đốc và tập thể lao động làm chủ; không tán thành lập Hội đồng xí nghiệp và Đại hội công nhân viên chức quyết định kế hoạch của xí nghiệp. Một số đồng chí cho rằng vai trò của Đảng chưa được xác định đúng, v.v..

Về những ý kiến trên, Bộ Chính trị đề nghị như sau:

- Dự thảo Nghị quyết Trung ương không thể chỉ quy định nguyên tắc chung chung vì chưa có văn bản pháp quy kèm theo, cũng không thể quy định quá cụ thể đối với từng loại đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh, mà chỉ định ra những chủ trương có tính nguyên tắc đối với cơ sở kinh tế quốc doanh; những chủ trương có tính nguyên tắc ấy không những chỉ phù hợp với các loại đơn vị cơ sở công nghiệp quốc doanh, mà cũng phù hợp với các loại đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh khác. Từ những chủ trương có tính nguyên tắc này, Hội đồng Bộ trưởng sẽ quy định cơ chế quản lý kinh tế cụ thể cho từng loại đơn vị cơ sở kinh tế quốc doanh.

- Những điều nêu trong Dự thảo Nghị quyết là dựa trên cơ sở sơ kết một năm thực hiện Nghị quyết (dự thảo) 306 mà tiếp tục tháo gỡ thêm vướng mắc cho cơ sở, như quy định xí nghiệp không phải duyệt toàn bộ kế hoạch trước cấp trên, được hạch toán vật tư tự lo bằng giá thực mua, được mở rộng quyền huy động vốn và sử dụng vốn, v.v.. Nhưng trong Dự thảo Nghị quyết không kiểm điểm rườm rà về việc thực hiện Nghị quyết 306.

- Dự thảo Nghị quyết lần này bổ sung hẳn quyền làm chủ tập thể của người lao động trong xí nghiệp, trong đó giám đốc là một thành viên, vừa đại diện cho tập thể lao động đó, vừa đại diện cho Nhà nước; nói đến Nhà nước giao một phần tài sản của toàn dân cho tập thể lao động làm chủ sản xuất, kinh doanh là theo ý nghĩa đó. Việc thành lập Hội đồng xí nghiệp là hoàn toàn cần thiết để thay mặt cho tập thể lao động trực tiếp tham gia quản lý xí nghiệp cùng giám đốc. Việc Đại hội công nhân viên chức quyết định kế hoạch của xí nghiệp là thể hiện việc nâng cao quyền làm chủ của tập thể lao động.

- Đồng ý bổ sung vốn cho xí nghiệp khi Nhà nước tổng điều chỉnh làm giảm vốn của xí nghiệp.

- Về vai trò của đảng uỷ trong xí nghiệp, Dự thảo Nghị quyết viết theo quy định của Điều lệ Đảng và chỉ thị gần đây của Ban Bí thư; vấn đề này sẽ được nghiên cứu bổ sung hoàn chỉnh thêm trong quá trình thực hiện.

- Về điều tiết thu nhập quá cao của những xí nghiệp có điều kiện thuận lợi hơn về sản xuất và thị trường tiêu thụ, đề nghị giữ như Dự thảo Nghị quyết vì: sự điều tiết ấy là điều tiết quỹ tiêu dùng của xã hội, thể hiện qua mức thu nhập thực tế, kể cả lương, thưởng và phúc lợi bình quân. Nếu xí nghiệp không muốn điều tiết, xí nghiệp có thể tăng đầu tư vào sản xuất, giữ mức thu nhập như bình quân trong xã hội, Nhà nước không đánh thuế vào quỹ phát triển sản xuất.

Trong khi chưa ban hành chế độ thuế thu nhập, cần có chính sách điều tiết thu nhập cao. Chúng ta khuyến khích mọi người lao động sản xuất để có thu nhập cao, song quá một mức nhất định phải điều tiết một tỷ lệ nào đó để bảo đảm công bằng xã hội và phân phối lại thu nhập cho các mục tiêu khác về kinh tế và xã hội. đương nhiên, những người thu nhập thấp được miễn thuế; do đó không ngại việc đánh thuế này gây thêm khó khăn cho những người thu nhập thấp.

4. Về phân thứ ba: Đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế

Nhiều đồng chí chưa thoả mãn với phần này, muốn đề cập đến một cách toàn diện và cụ thể hơn về nhiều mặt.

Bộ Chính trị cho rằng những ý kiến của các đồng chí là chính đáng. Song vấn đề này rất phức tạp, liên quan đến nhiều quan điểm, chủ trương lớn của Đảng như kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, quan hệ giữa quản lý theo ngành, theo địa phương và vùng lãnh thổ, vị trí và vai trò cấp huyện, vị trí và vai trò cấp xã ở nông thôn và cấp phường ở thành phố, cả nước nên quản lý nhà nước theo mấy cấp là hợp lý, v.v.. Nhưng những vấn đề này lại chưa được thảo luận chu đáo để thống nhất cao về nhận thức, quan điểm. Vả lại, thực tiễn cũng chưa phát triển đủ mức làm sáng tỏ những vấn đề đó. Vì vậy lần này Trung ương chỉ mới giải quyết được những vấn đề cần thiết đã sáng tỏ có thể kết luận được. Đó là những vấn đề sau đây:

a) Phải phân biệt rõ một bước chúc năng quản lý nhà nước về kinh tế (dùng khái niệm này thay cho khái niệm quản lý hành chính kinh tế vì quản lý nhà nước về kinh tế có cả nội dung chính sách kinh tế, biện pháp kinh tế, biện pháp tư tưởng, biện pháp hành chính, để tránh hiểu lầm Nhà nước

quản lý kinh tế chỉ có dùng mệnh lệnh hành chính) với chức năng trực tiếp quản lý sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế, các cấp nhà nước không làm thay chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế. Những điều quy định về chúc năng quản lý nhà nước về kinh tế nêu trong Dự thảo Nghị quyết chỉ là những nét lớn, làm cơ sở cho việc biên soạn lại Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng, chính quyền các cấp và Điều lệ hoạt động của từng loại bộ. Bộ Chính trị sẽ căn cứ vào nghị quyết được Trung ương thông qua để chỉ đạo Hội đồng Bộ trưởng làm tốt các mặt thể chế hoá này.

b) Trong việc phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế giữa chính quyền trung ương và chính quyền địa phương, cũng chỉ mới nêu lên những nét lớn về nội dung trách nhiệm chính quyền trung ương và nội dung trách nhiệm chính quyền tỉnh, thành, và trong việc phân giao quản lý cơ sở cũng chỉ mới nêu lên nguyên tắc cấp nào quản lý có lợi nhất thì giao cho cấp ấy quản lý. Đây là cơ sở quan trọng để ban hành các văn bản pháp quy mới về phân cấp quản lý và để tiến hành phân giao cơ sở sắp tới. Đồng ý với một số đồng chí Uỷ viên Trung ương là chưa nên ghi cụ thể phân giao loại cơ sở gì cho địa phương quản lý, mà để Hội đồng Bộ trưởng xem xét sau.

Còn quan hệ giữa chính quyền tỉnh - thành với chính quyền huyện - quận, giữa chính quyền huyện - quận với chính quyền xã - phường, thì còn phải nghiên cứu tiếp, lần này chưa thể đề ra được.

c) Phải thay đổi nội dung và phương pháp kế hoạch hoá kinh tế quốc dân của Nhà nước và thực hiện tốt các chính sách kích thích và điều tiết sản xuất đã đề ra trong Nghị

quyết Trung ương hai, gắn Nghị quyết Trung ương hai và Nghị quyết Trung ương ba sắp ban hành thành một thể thống nhất về cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế; nhằm tạo môi trường sản xuất kinh doanh cho các đơn vị kinh tế cơ sở, đồng thời cũng quy định giới hạn bắt buộc xí nghiệp không được vượt qua và làm cho các cấp chính quyền thiết lập được sự kiểm soát đối với hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở.

d) Từ cơ chế quản lý bằng mệnh lệnh trực tiếp là chủ yếu chuyển dần sang cơ chế quản lý bằng biện pháp kinh tế là chủ yếu, vai trò của pháp luật và kiểm tra thực hiện pháp luật trong công tác quản lý nhà nước về kinh tế có vị trí cực kỳ quan trọng. Vì vậy phải tăng cường công cụ pháp luật trong quản lý nhà nước về kinh tế.

đ) Qua thực hiện Nghị quyết lần này, chúng ta sẽ tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn chỉnh dần nội dung đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế.

5. Phần thứ tư, thứ năm của Nghị quyết: Vấn đề cán bộ, vấn đề chỉ đạo và tổ chức thực hiện

Các đồng chí Ủy viên Trung ương có một số ý kiến nhấn và sang năm 1990 đã có thể cơ bản chuyển các đơn vị kinh tế và bộ máy nhà nước sang thực hiện cơ chế quản lý mới này.

III- KẾT LUẬN CHUNG

Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương thông qua các kết luận chính trên đây, và giao cho Bộ Chính trị căn cứ vào các kết luận này và những ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương để tu chỉnh văn bản dự thảo thành Nghị quyết chính thức của Ban Chấp hành Trung ương về "Chuyển các đơn vị

mạnh hoặc bổ sung vấn đề đã nêu trong Dự thảo. Bộ Chính trị sẽ dựa vào đó để hoàn chỉnh Dự thảo Nghị quyết.

Về bước đi, có ý kiến đề nghị từ nay đến năm 1988 là bước chuẩn bị, năm 1989 mới thi hành, năm 1990 mới mở rộng.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị đề nghị giữ như nội dung Dự thảo: phải gấp rút chuẩn bị về mọi mặt (tư tưởng, bồi dưỡng cán bộ, điều kiện vật chất, văn bản pháp quy) để bắt đầu từ kế hoạch năm 1988 đã có một bộ phận xí nghiệp chuyển sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, trước hết là những xí nghiệp hợp tác với Liên Xô, những xí nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng có nguồn vật tư và tiêu thụ sản phẩm tương đối ổn định và có điều kiện nội tại có thể chuyển ngay sang kinh doanh thuận lợi, không nên để quá chậm sang năm 1988 mới thực hiện. Đồng thời phải chỉ đạo một vài bộ và vài tỉnh, thành phố chuyển cho được sang cơ chế quản lý mới để rút kinh nghiệm.

Đến năm 1989, có thể triển khai trên phạm vi rộng hơn

kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế".

Đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị quyết định thời điểm và cách công bố Nghị quyết, chỉ đạo Hội đồng Bộ trưởng sớm có các văn bản pháp quy để thi hành Nghị quyết Trung ương.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
TẠI HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ BA**

Số 03-NQ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 1987

**Về những chủ trương và biện pháp cấp bách
nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương
lần thứ hai**

Nghị quyết Trung ương hai mới được hơn bốn tháng, các cấp, các ngành có nhiều cố gắng thực hiện Nghị quyết. Song tình hình phân phối lưu thông cho đến nay tiếp tục diễn biến xấu. Giá cả tăng với nhịp độ cao, ngân sách bội chi lớn, tiền vẫn phát hành thêm nhiều, đời sống nhân dân lao động, đặc biệt là công nhân viên chức và lực lượng vũ trang, khó khăn thêm.

Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã tán thành những kết luận dưới đây của Bộ Chính trị về những chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương hai.

I- ĐẶT VĂN ĐỀ

1. *Nghị quyết Trung ương hai là đúng đắn, thể hiện tinh thần và nội dung của Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng* là: "Xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển hẳn hoạt động của nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, làm cho toàn bộ hệ thống sản xuất, lưu thông hoạt động theo quy luật khách quan, tăng nhanh sản phẩm xã hội "nhàm" từng bước lập lại cân đối giữa khối lượng hàng hoá và khối lượng tiền tệ lưu thông, để giải quyết khâu then chốt là giảm dần đi tới chấm dứt lạm phát", thực hiện mục tiêu "bốn giảm", nâng cao vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong nền kinh tế và phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác, giải phóng sức sản xuất, mở rộng giao lưu hàng hoá.

2. Thực hiện Nghị quyết Trung ương hai phải có những bước đi phù hợp với điều kiện thực tế, vừa tích cực, vừa vững chắc. Khẩn trương thực hiện những biện pháp đã thấy rõ là cần thiết và có điều kiện làm; mặt khác, tránh lối làm chủ quan, nóng vội, giản đơn, nhất loạt, thiếu chuẩn bị, gây ra những biến động lớn, những hậu quả xấu về kinh tế và xã hội. Trong mỗi bước đi phải có sự đồng bộ về chính sách, biện pháp và tổ chức, đồng thời tập trung giải quyết khâu then chốt để xoay chuyển tình hình.

3. Chúng ta đang ở trong tình hình kinh tế - xã hội rất không bình thường: thiên tai lớn, lương thực thiếu gay gắt, mất cân đối lớn về vật tư, nhiên liệu, hàng hoá, ngoại tệ; bội chi ngân sách quá lớn, lạm phát nghiêm trọng, giá tăng nhanh; đời sống nhân dân lao động, nhất là đời sống công nhân viên chức, lực lượng vũ trang hết sức khó khăn; những hiện tượng tiêu cực trong Đảng, bộ máy nhà nước và trong xã hội phát triển tới mức đáng lo ngại; cơ chế tập trung quan liêu bao cấp chưa bị xoá bỏ hẳn, cơ chế quản lý kinh tế mới chưa hình thành, tình trạng tự do tuỳ tiện ngày càng phát triển; hậu quả hết sức nặng nề của những sai lầm, khuyết điểm của cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền năm 1985 chưa được

khắc phục. So với tháng 10-1985, những khó khăn hiện nay trên các mặt kinh tế - xã hội lớn hơn nhiều.

Trong tình hình nghiêm trọng đó, *phải có những biện pháp đặc biệt* mới vượt qua được khó khăn và từng bước làm chuyển biến tình hình để thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương hai và ba.

4. Phải tăng cường hiệu lực lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương đi đôi với phát huy mạnh mẽ tính năng động, sáng tạo của các cơ sở, địa phương và ngành; phải giữ vững kỷ cương, kỷ luật ở tất cả các cấp, các ngành.

Phải có tầm nhìn toàn cục và toàn diện, hiểu rõ thực trạng kinh tế - xã hội của đất nước và cuộc đấu tranh giữa hai con đường, giữa địch và ta, thống nhất ý chí và hành động của toàn Đảng, toàn dân, góp phần tích cực thực hiện các Nghị quyết Trung ương hai và ba.

II- NHỮNG CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP CẤP BÁCH TRƯỚC MẮT

A- Về giá

Kiên quyết đấu tranh khắc phục tình trạng giá đột biến, loại trừ đấu cơ buôn lậu và những hành vi tranh mua, tranh bán, nâng giá, kích giá, mua bán vòng vèo, qua nhiều thang nấc trung gian, đẩy giá lên ăn chênh lệch giá.

Phải phấn đấu hạ giá thành và phí lưu thông, trên cơ sở tính toán giá thành hợp lý, có cân nhắc đến tình hình cung cầu, sức mua đồng tiền và giá cả đã hình thành thực tế trên thị trường, và xuất phát từ chính sách của Nhà nước để điều chỉnh giá cho hợp lý, từng bước ổn định giá cả. Việc điều chỉnh giá phải tiến hành theo một quy trình được tính toán cân nhắc thận trọng, không làm ôm ạt, dồn dập trong một thời gian ngắn dẫn tới một cuộc tổng điều chỉnh giá trên thực tế

với những hậu quả nghiêm trọng không lường trước được. Phấn đấu tiến tới thực hiện cơ chế một giá, song trước mắt phải tuỳ tình hình thực tế của từng loại hàng mà áp dụng cơ chế một giá hoặc hai giá nhằm phục vụ tốt sản xuất, lưu thông hàng hoá, đời sống nhân dân và đấu tranh có hiệu quả với thị trường tự do, kiềm chế tốc độ trượt giá trên thị trường xã hội.

Theo tinh thần chỉ đạo đó, căn cứ vào tình hình hiện nay, Bộ Chính trị quyết định một số chủ trương và biện pháp về giá như sau:

1. Giá mua lương thực, thực phẩm, nông sản, thuỷ sản
Để thúc đẩy sản xuất phát triển và nắm nguồn hàng tại gốc, phải tích cực mở rộng việc ký kết hợp đồng mua bán với hợp tác xã, tập đoàn sản xuất.

a) Giá mua trong hợp đồng

Về tỉ giá giữa urê và thóc: trong quan hệ mua bán giữa Nhà nước với nông dân theo hợp đồng, áp dụng tỉ giá giữa phân đạm và thóc trong vụ hè thu và vụ mùa năm 1987 như sau:

1 urê = 2,5 thóc ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long,
1 urê = 2,2 thóc ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ và duyên hải miền Trung,

1 urê = 2 thóc ở các tỉnh Khu IV cũ (từ Bình - Trị - Thiên trở ra) và các tỉnh đồng bằng và trung du Bắc Bộ,

1 urê = 1 hoặc 1,5 thóc ở các tỉnh miền núi phía bắc và các tỉnh Tây Nguyên.

Từ vụ đông xuân 1987-1988, sẽ áp dụng thống nhất trong cả nước tỉ giá 1 urê = 2 thóc (trừ các tỉnh Tây Nguyên và miền núi phía bắc) đi đôi với việc điều chỉnh hợp lý thuế nông nghiệp. Trên cơ sở tỉ giá đó, thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xác định tỉ giá giữa thóc với các loại vật tư khác, với các loại nông sản, thực phẩm, thuỷ sản để định giá mua trong hợp đồng các loại sản phẩm này.

b) *Giao cho các ngành chủ quản, các địa phương quyết định mức giá mua ngoài hợp đồng*

- *Đối với thóc:* Trên cơ sở làm tốt công tác giáo dục, vận động nông dân mua dưới giá thị trường tự do khoảng 5-10% (thấp hơn càng tốt). Khi cần thiết và ở những nơi cần thiết, phải có sự hướng dẫn của cấp trên để khởi tranh nhau mua, đẩy giá lên. Phần lương thực mua ngoài hợp đồng để kinh doanh thì địa phương phải chịu trách nhiệm về lỗ lãi.

Có thể vận động nông dân cho Nhà nước vay thóc dư, khi trả thì bảo đảm mua lại được số thóc đã cho vay và có lãi hợp lý.
 - *Đối với các loại nông sản, thực phẩm, thuỷ sản:* phải mở rộng việc mua theo hợp đồng mua bán. Phần mua ngoài hợp đồng sẽ do các ngành chủ quản, các địa phương quy định giá. Đối với một số sản phẩm quan trọng đang có tình trạng tranh mua đẩy giá thị trường lên quá cao như tôm, cà phê, hồ tiêu..., Trung ương sẽ quy định khung giá tối đa, các địa phương định giá mua cụ thể trong giới hạn đó để dần kéo giá xuống mức hợp lý.

2. Giá bán buôn vật tư

Trung ương định giá vật tư chiến lược do Nhà nước quản lý.

Đối với loại vật tư để sản xuất hàng tiêu dùng, tính đúng và tính đủ giá ngay. Nếu mặt hàng nào đội giá thị trường thì đưa dần và tiến tới đưa đủ.

Đối với các loại vật tư để sản xuất tư liệu sản xuất thì phải tuỳ loại sản phẩm mà định mức tính đúng, tính đủ cho phù hợp; có loại trước mắt Nhà nước còn phải tạm thời chịu bù lỗ hoặc trợ giá, khi có điều kiện thì phải kịp thời điều chỉnh lên để không bị lỗ, tiến tới có lãi.

3. Giá bán lẻ

Chính sách giá hàng tiêu dùng phải nhằm khuyến khích phát triển sản xuất, làm hàng tốt, giá phải chăng, mở rộng lưu thông giữa thành thị và nông thôn, góp phần cải thiện đời sống của nhân dân lao động, có tích luỹ cho Nhà nước, đấu tranh cải tạo thị trường và bình ổn vật giá.

Về cơ chế định giá

Trung ương trực tiếp định giá đối với những mặt hàng thiết yếu, định khung giá đối với một số mặt hàng quan trọng lưu thông trong phạm vi cả nước hoặc trên vùng rộng, trên cơ sở đó ngành, địa phương quyết định mức giá bán lẻ các mặt hàng này.

Các mặt hàng còn lại, ngành, địa phương định giá bán lẻ trên nguyên tắc bảo đảm kinh doanh và không được đẩy giá cao hơn giá thị trường.

Hội đồng Bộ trưởng quy định cụ thể danh mục những mặt hàng theo cơ chế phân cấp định giá nói trên.

4. Về tỉ giá giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ

Việc xác định tỉ giá kết toán nội bộ giữa đồng Việt Nam và các ngoại tệ là một vấn đề hết sức phức tạp. Tỉ giá đó phải góp phần mở rộng kinh doanh xuất nhập khẩu có hiệu quả, khuyến khích người làm ra hàng xuất khẩu, khuyến khích xuất nhập khẩu với khu vực xã hội chủ nghĩa, hạn chế nhập khẩu những hàng không cần thiết, bảo hộ sản xuất và phát triển kinh tế trong nước.

Phải tuỳ theo tình hình xuất nhập khẩu trong từng thời gian, giá thị trường trong nước và giá trên thị trường thế giới, kết hợp với chính sách thuế xuất nhập khẩu và thu bù

chênh lệch ngoại thương mà định tỉ giá kết toán nội bộ thích hợp đối với các loại vật tư, hàng hoá xuất nhập khẩu.

Về tỉ giá kiều hối: phải định trên cơ sở tỉ giá chính thức giữa đồng Việt Nam với đồng đôla Mỹ và có một cơ chế thưởng thích hợp để khuyến khích nguồn kiều hối gửi về nước và khách du lịch. Tỉ giá kiều hối phải được quy định và thực hiện thống nhất trong cả nước.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng khẩn trương nghiên cứu phương án các loại tỉ giá hối đoái cụ thể trình Bộ Chính trị xét duyệt.

B- Về lương

Thực hiện thống nhất chế độ tiền lương, cách tính lương và mức tiền lương trong phạm vi cả nước, chấm dứt tình trạng mỗi nơi làm một cách.

Trong tình hình hiện nay, chưa thể khôi phục ngay tiền lương thực tế ngang mức lương tháng 9-1985, chưa đủ điều kiện trả lương hoàn toàn bằng tiền một cách bình thường và bán mọi mặt hàng thiết yếu theo một giá kinh doanh thương nghiệp.

Trong khu vực sản xuất vật chất, mức lương được quy định bằng 70% tiền lương cơ bản thực tế tháng 9-1985 để thống nhất hạch toán trong các xí nghiệp và làm căn cứ tính toán đơn giá tiền lương trong giá thành. Các xí nghiệp sản xuất làm ăn giỏi, đạt hiệu quả kinh tế cao, có thể dùng tiền để thưởng cho công nhân, nhưng trong hoàn cảnh hiện nay, mức tiền lương và thưởng cũng không vượt quá 100% mức

lương thực tế tháng 9-1985. Các cá nhân, xí nghiệp sản xuất làm ăn kém, thì không có thưởng.

Mức lương và thưởng *trong các ngành lưu thông* (lương thực, nội thương, ngoại thương, vật tư, ăn uống...) cần được kiểm soát chặt chẽ không để định cao hơn so với các ngành trực tiếp sản xuất vật chất.

Đối với các lực lượng vũ trang, những người hưởng lương được hưởng mức lương ít nhất bằng 60% mức lương thực tế tháng 9-1985. Xem xét giải quyết với mức khá hơn đối với số ở các tuyến biên giới phía bắc và các lực lượng đang làm nhiệm vụ quốc tế.

Đối với các chiến sĩ, phải bảo đảm cung cấp bằng hiện vật theo những định mức và định lượng. Tổng cục Hậu cần cùng các ngành và các địa phương có liên quan định ra phương thức cung ứng thuận tiện nhất cho chiến sĩ trong lực lượng vũ trang; tuyệt đối không để những vướng mắc trong quan hệ về vốn, về giá giữa các ngành chủ quản với các địa phương làm ảnh hưởng đến việc cung ứng hiện vật theo định lượng.

Đối với khu vực hành chính, sự nghiệp: mức lương thực tế được quy định bằng 55% mức lương thực tế tháng 9-1985.

Dựa trên mối quan hệ tỉ lệ chung về các mức lương trên đây, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xem xét giải quyết cụ thể các chế độ trợ cấp đối với những gia đình đồng người ăn theo, trợ cấp, phụ cấp cho các đối tượng thuộc diện chính sách ưu tiên, ưu đãi và trợ cấp xã hội, ưu tiên đặc biệt cho các thương - bệnh binh nặng; giải quyết chế độ phụ cấp đối với các cán bộ xã, phường.

Với mức lương nói trên, những người hưởng lương vẫn phải tiếp tục chịu đựng nhiều khó khăn trong đời sống. Trên cơ sở

tăng năng suất lao động xã hội và nguồn thu ngân sách sẽ tiếp tục giải quyết từng bước vấn đề tiền lương.

Nhà nước xác định số mặt hàng thiết yếu cần định lượng cho cán bộ, công nhân viên chức thích hợp với từng vùng (ví dụ miền núi có thể không cần chất đốt mà cần muối) nhưng không quá sáu mặt hàng. Giá sáu mặt hàng thiết yếu định lượng cung ứng trong lương do Nhà nước định thống nhất trong cả nước, hoặc theo vùng. Các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở phải chấp hành nghiêm chỉnh. Những nơi đã bù giá vào lương thì cho tiếp tục làm, nhưng mức bù không được vượt quá mức lương thực tế theo quy định chung nói trên. Nơi nào đã bù giá ở mức cao phải rút xuống theo quy định thống nhất. Để giảm bớt lượng tiền mặt ra thị trường, trả lương một phần bằng hiện vật, một phần bằng tiền mặt, làm thử ở một số nơi rồi mở rộng.

C- Về tài chính, tiền tệ, hàng hoá

Những biện pháp cấp bách về phân phối lưu thông phải nhằm từng bước lập lại thế cân đối trong thu chi ngân sách và thu chi tiền mặt của Nhà nước, giữa khối lượng hàng hoá và khối lượng tiền tệ lưu thông, nhằm giảm dần đi đến chấm dứt lạm phát.

Để giảm tỷ lệ bội chi ngân sách và giảm bội chi tiền mặt một cách thiết thực, phải đồng thời tạo nguồn thu và khai thác triệt để mọi nguồn thu đối với các thành phần kinh tế, trước hết là ở trong kinh tế quốc doanh và các tầng lớp dân cư mà hiện nay còn thất thu quá lớn. Phải trên cơ sở tăng thu mà chi, phải triệt để tiết kiệm mọi khoản chi.

Các cấp phải đặc biệt quan tâm chỉ đạo phong trào đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực trong các mặt hoạt động kinh tế từ trong bộ máy của Đảng, của Nhà nước và ngoài xã

hội, giữ vững kỷ cương và luật pháp trong chỉ đạo điều hành về kinh tế nói chung, tài chính, tiền tệ và giá cả nói riêng. Hội đồng Bộ trưởng triển khai những *biện pháp đồng bộ* dưới đây về ngân sách, tiền mặt, hàng hoá và kinh doanh xuất nhập khẩu.

1. Về ngân sách

a) Khẩn trương triển khai các biện pháp để tăng nhanh các nguồn thu trong kinh tế quốc doanh, tập thể và cá thể. Cải tiến quản lý xí nghiệp quốc doanh, tăng sản lượng, bảo đảm chất lượng, tăng năng suất lao động, tiết kiệm vật tư, hạ giá thành sản phẩm và phí lưu thông để bảo đảm nghĩa vụ nộp cho ngân sách nhà nước. Thu đúng, thu đủ các loại thuế hiện hành, đặc biệt là thuế công thương nghiệp. Để chống thất thu có hiệu quả, doanh thu để tính thuế phải theo đúng thời giá hoặc tính theo chỉ số trượt giá hằng tháng. Bổ sung pháp lệnh thuế công thương nghiệp, và ban hành một số loại thuế khác (như thuế xuất nhập khẩu, thuế trước bạ, thuế nhà đất...) để động viên thêm nguồn thu qua thuế.

Thực hiện chế độ sử dụng biên lai nhà nước và tem thuế do Bộ Tài chính ban hành để kiểm soát doanh thu và các mặt hàng kinh doanh, dịch vụ thuộc các thành phần kinh tế. Ban hành chế độ thu các loại phí (sử dụng các loại xe cơ giới, phí về các thủ tục hành chính, v.v.). Chấn chỉnh ngành thuế, tăng cường cán bộ, nhân viên có phẩm chất tốt và có nghiệp vụ cho ngành thuế, thực hiện quản lý song trùng của ngành dọc và của địa phương, đồng thời kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực trong ngành thuế.

b) Ban hành quyết định về những điều khoản tiết kiệm triệt để trong sản xuất, xây dựng và chi tiêu hành chính, có sự kiểm tra chặt chẽ và thường phạt nghiêm minh.

- Tiết kiệm khoảng 10% số vật tư, nguyên liệu so với định mức đang thực hiện.

- Đình chỉ ngay việc thi công các công trình xây dựng cơ bản ngoài kế hoạch và cả những công trình trong kế hoạch nhưng xét chưa cần thiết ngay và không có hiệu

quả thiết thực.

Thực hiện đúng tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản được Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt lại và không để dư nợ sang năm sau.

- Không tổ chức các cuộc hội họp lớn, ăn uống linh đình nhân dịp sơ kết, tổng kết, đón nhận huân chương, hoàn thành kế hoạch của ngành, địa phương, cơ sở.

- Định chỉ việc mua sắm trang bị, thiết bị của cơ quan, xí nghiệp (trừ trường học, bệnh viện và các trường hợp phải mua sắm tiện nghi để bảo dưỡng các cơ sở không để xuống cấp hay hư hỏng, do Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt).

- Quy định lại chế độ phân phổi, quản lý và sử dụng xe con cho thích hợp với tình hình hiện nay. Giảm mạnh việc dùng xe con để đưa đón riêng từng người đi làm việc hàng ngày từ nhà đến cơ quan, tận dụng phương tiện đưa đón tập thể của từng cơ quan hoặc tổ chức đưa đón công cộng của các công ty xe khách (trừ bộ trưởng, bí thư, chủ tịch tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương và chức vụ tương đương bộ trưởng trở lên). Giao Bộ Vật tư (đối với các cơ quan trung ương) và uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố (đối với các cơ quan địa phương) tính toán lại nhu cầu xe con cần cho công tác của từng cơ quan, tổ chức thu hồi xe thừa, cắt giảm ngay 20% - 30% số lượng xăng của quý IV năm 1987 đã được duyệt cho các cơ quan, đơn vị hành chính.

Đối với những xe dôi ra, nếu là các loại xe mới nhập hai - ba năm nay từ các nước tư bản chủ nghĩa thì chuyển cho các công ty du lịch để kinh doanh, các loại xe con của các nước xã hội chủ nghĩa thì giao cho các công ty xe khách để tổ chức xe tách xi, tăng thêm phương tiện đi lại cho nhân dân trên các tuyến đường ngắn.

c) Kiểm tra và huy động ngay vào sản xuất quốc doanh hoặc tập thể mọi nguồn vật tư, hàng hoá ứ đọng ở cảng, tồn kho của các ngành, các cấp, các xí nghiệp sản xuất, cơ sở kinh

doanh (kể cả trong quân đội, công an). Điều chỉnh kịp thời giá một số hàng hoá tiêu dùng cao cấp hoặc không thuộc loại thiết yếu (bia, rượu, thuốc lá...) mà thị trường có thể chấp nhận được, nhằm tăng thu cho ngân sách, thu tiền mặt về ngân hàng, góp phần tích cực chống lạm phát.

d) Khi thực hiện từng bước giá bán buôn và giá bán lẻ mới về vật tư hàng hoá thì tiến hành kiểm kê tồn kho vật tư, hàng hoá của các tổ chức cơ quan, xí nghiệp quốc doanh, các tổ chức kinh tế tập thể và tư nhân để thu hồi chênh lệch về ngân sách nhà nước, việc này phải làm bí mật và kịp thời.

đ) Di dời với việc chống những mặt tiêu cực trong hoạt động xổ số kiến thiết, cần tiếp tục mở rộng để bổ sung nguồn thu ngân sách. Ban hành những hình thức công trái thích hợp, hấp dẫn (ngắn hạn, dài hạn, bằng tiền, bằng hiện vật, v.v.).

e) Thu hồi số lương thực các địa phương còn nợ thuế và nợ đối lưu vật tư; các ngành trung ương còn nợ các địa phương cũng phải bàn bạc với các địa phương để trả dần.

g) Trong khi chờ đợi sửa đổi toàn diện cơ chế phân cấp ngân sách, nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Trung ương và địa phương, thực hiện việc điều động một phần chênh lệch giá và kết dư ngân sách địa phương về ngân sách trung ương để phục vụ yêu cầu chung. Đồng thời tăng cường giám đốc và thanh tra tài chính xí nghiệp, tuyển lựa kế toán trưởng có đủ phẩm chất và trình độ nghiệp vụ, giải quyết đủ vốn lưu động tự có cho các xí nghiệp để đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh. Dùng các biện pháp trên đây, có thể giảm được mức bội chi ngân sách năm 1987 thấp hơn mức đã dự tính.

2. Về tiền mặt

Hội đồng Bộ trưởng phải chỉ đạo giữ được mức bội chi tiền mặt dưới mức được dự tính.

Biện pháp chỉ đạo trong bốn tháng cuối năm để làm cơ sở cho những năm sau là:

a) Hoạt động tiền tệ, tín dụng ngân hàng phải hướng vào khai thác và tập trung mọi nguồn hàng vào thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Trên cơ sở nắm hàng và đẩy mạnh bán ra thông qua thương nghiệp mà tăng mạnh nguồn thu bán hàng bằng tiền mặt nộp vào ngân hàng, đạt được tỷ lệ bình quân 75% so với tổng doanh số bán lẻ của thương nghiệp xã hội chủ nghĩa.

Đồng thời, phối hợp chặt với các ngành liên quan, đẩy mạnh hơn nữa các nguồn thu tiền mặt bằng các con đường phi hàng hoá: các khoản dịch vụ và thu thuế, đặc biệt là thuế công, thương nghiệp.

b) Thực hiện ngay việc điều chỉnh cơ cấu đầu tư của tín dụng ngân hàng, tập trung vốn tín dụng cho việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn. Trước mắt, việc tăng khối lượng tín dụng ngân hàng phải đi liền với mở rộng huy động các nguồn vốn tiền tệ trong xã hội và tăng nhanh vòng quay vốn tín dụng.

Tính toán lại giá thành, phí và chiết khấu lưu thông hợp lý; ngân hàng phối hợp với ngành tài chính giải quyết yêu cầu vốn lưu động tự có cho các tổ chức kinh tế quốc doanh theo giá mới, soát xét lại để điều chỉnh hợp lý biểu lãi suất mới về tiền gửi và cho vay của Ngân hàng Nhà nước.

c) Mở rộng các hình thức thanh toán không bằng tiền mặt kể cả phân sản phẩm hàng hoá mua trong hợp đồng kinh tế và một phần chi trả tiền lương.

Kiên quyết không chi trả bằng tiền mặt cho các khoản thanh toán mua bán hàng hoá và dịch vụ giữa các đơn vị kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể có tài khoản tại ngân hàng.

d) Thực hiện có hiệu quả việc kiểm soát chi lương, tiền thưởng; dự trữ vật tư, hàng hoá; quyết toán đủ số lượng sản phẩm tương ứng với số lượng vật tư, nguyên liệu được cung ứng; kỷ luật giá; thu nộp ngân sách; xây dựng cơ bản... định

lại mức tồn quỹ tiền mặt của các đơn vị kinh tế phù hợp với yêu cầu kinh doanh hợp lý; xử lý nghiêm và phạt tiền những trường hợp vi phạm.

Đồng thời, ngân hàng phải bảo đảm chi trả bằng tiền mặt các yêu cầu chi cần thiết và hợp lý của các đơn vị kinh tế, ưu tiên cho những đơn vị bảo đảm được nguồn thu tiền mặt theo kế hoạch và nộp tiền mặt nhanh, đủ vào ngân hàng.

d) Đẩy mạnh biện pháp huy động và tăng nhanh số dư tiền gửi tiết kiệm, thu hút bớt tiền thừa trong dân; tập trung nhanh tiền mặt về ngân hàng, trước hết bằng việc cải tiến các hình thức thu chi tiền mặt của ngân hàng gắn với những đơn vị kinh tế có doanh số hoạt động tiền mặt lớn để tăng nhanh vòng quay đồng tiền.

e) Phấn đấu bằng mọi biện pháp, để trong năm 1987 tăng thêm vòng quay tiền mặt qua quỹ ngân hàng để giảm bớt tương ứng lượng tiền phát hành vào lưu thông.

3. Để tăng cường lực lượng hàng hoá, trước hết phải phấn đấu tăng nhanh vòng quay hàng và tiền, gắn chặt bán với mua. Đồng thời phải xử lý có hiệu quả thực sự các chính sách và biện pháp dưới đây:

a) Tập trung sức giải quyết đồng bộ vật tư, nguyên liệu cho sản xuất hàng công nghiệp tiêu dùng, đặc biệt là những loại hàng phù hợp với nhu cầu của nông thôn.

Đối với những vật tư, hàng hoá đã có kế hoạch nhập khẩu và còn đọng ở Liên Xô và các nước Đông Âu, cần khẩn trương đưa nhanh về đúng thời gian và đúng cảng; bộ chủ quản phải tiếp nhận nhanh và đủ để tổ chức cung ứng kịp thời.

Mặt khác, phải kết hợp chặt chẽ giữa ngoại thương và các bộ liên quan khác để tạo nhanh nguồn hàng hoá cho tiêu dùng và vật tư đồng bộ cho sản xuất, khai thác mọi nguồn vật tư, hàng hoá với mức cao nhất để phục vụ sản xuất và tiêu dùng xã hội, tăng nhanh nguồn thu ngân sách và tiền mặt. Có thể vay nhập trước một số hàng công nghiệp (nguyên liệu và hàng) rồi xuất trả sau.

b) Tập trung, huy động mọi nguồn hàng vào thương nghiệp xã hội chủ nghĩa trước hết vào thương nghiệp quốc doanh trung ương, chú ý huy động cả hàng tồn đọng trong kho, ở cảng... để điều hoà hợp lý giữa thành thị và nông thôn.

c) Thực hiện có kết quả Chỉ thị 199 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng về việc cấm tư nhân buôn bán một số vật tư hàng hoá nhà nước thống nhất quản lý (xăng dầu, phân đậm, than, xi măng, sắt thép...) bằng cách thực hiện kiểm kê, kiểm soát chặt chẽ, buộc những tư thương có kinh doanh những mặt hàng đó phải bán lại cho Nhà nước trong thời hạn một tuần kể từ sau khi kiểm kê, theo giá bán lẻ của Nhà nước; nếu không tự nguyện chấp nhận yêu cầu đó thì xử lý tịch thu và phạt theo luật pháp.

Đồng thời với việc tăng cường chỉ đạo hơn nữa công tác cải tạo và quản lý thị trường, kiểm tra, kiểm soát đăng ký kinh doanh của tư thương, điều tra phát hiện và nghiêm trị bọn đầu cơ buôn lậu, móc ngoặc tuồn hàng của Nhà nước ra ngoài, cần khẩn trương tiến hành kiểm tra giấy chứng nhận kinh doanh thương nghiệp và dịch vụ của các cơ quan và tổ chức kinh tế; những tổ chức không có chức năng buôn bán mà vẫn buôn bán trên thị trường phải bị đình chỉ ngay; vốn liếng, phương tiện kinh doanh và hàng hoá dùng vào việc kinh doanh buôn bán trái phép phải bị tịch thu nộp vào ngân sách; những người có trách nhiệm trong các đơn vị, cơ quan đó phải bị xử lý theo luật pháp.

d) *Quản lý xuất nhập khẩu và ngoại tệ*

Nhà nước trung ương phải quản lý chặt chẽ các hoạt động xuất nhập khẩu, đặc biệt là với khu vực tư bản chủ nghĩa, tập trung việc xuất nhập khẩu những mặt hàng chủ yếu vào những đầu mối nhất định của Trung ương, khu vực hoặc các liên đoàn xuất nhập khẩu của Bộ Ngoại thương và của các bộ quản lý ngành. Sớm ban hành cơ chế và chính sách bảo đảm cho các địa phương xuất khẩu sang khu vực xã hội chủ nghĩa

có lợi bằng hoặc hơn xuất khẩu sang khu vực ngoài xã hội chủ nghĩa.

Chỉ những địa phương sản xuất ra sản phẩm mới có quyền được mua các sản phẩm đó để xuất khẩu. Các tổ chức kinh tế trung ương làm chức năng xuất nhập khẩu và các tổ chức kinh tế của các địa phương khác phải thông qua liên doanh, liên kết sản xuất hoặc ký hợp đồng mua bán sản phẩm với các tổ chức kinh tế địa phương sở tại, không được treo giá cao để hút hàng hoặc thông qua tư thương để thu gom hàng xuất khẩu của địa phương khác.

Cấm việc dùng ngoại tệ để thanh toán trong các giao dịch ở trong nước cũng như việc mua, bán hàng hoá tại các cửa hàng của Nhà nước mà phải sử dụng đồng tiền Việt Nam. Thực hiện nghiêm túc chế độ Nhà nước trung ương thống nhất quản lý ngoại tệ, bảo đảm lợi ích cho các địa phương, các đơn vị được quyền sử dụng ngoại tệ.

Thông qua thuế xuất nhập khẩu, thuế hàng hoá nhập khẩu và chế độ thu, bù chênh lệch ngoại thương để hướng dẫn và quản lý việc xuất khẩu, nhập khẩu theo đúng chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, bảo vệ hàng hoá sản xuất trong nước, thay biếu thuế xuất thích hợp đối với các loại hàng hoá do Việt kiều gửi về cho thân nhân, hoặc do Việt kiều và khách du lịch mang vào hoặc mang ra khỏi nước ta.

Sử dụng mọi biện pháp để loại trừ bọn đầu cơ, buôn lậu ngoại tệ (kể cả vàng) ở trong nước, cả khách nước ngoài và Việt kiều về nước, sớm có biện pháp để chấm dứt việc mang tiền Việt Nam và vàng sang Lào và Campuchia.

d) *Chấn chỉnh tổ chức phân phối lưu thông*

Hội đồng Bộ trưởng cần có kế hoạch khẩn trương chấn chỉnh tổ chức các ngành phân phối lưu thông: lương thực, vật

tư, vận tải, nội thương, ngoại thương, ngân hàng, thuế, ... bảo đảm mua tại nơi sản xuất, bán đến người tiêu dùng, loại bỏ những tổ chức trung gian, tình trạng bán vòng vèo, gây chật trẽ và làm thất thoát vật tư, hàng hoá, tiền bạc của Nhà nước. Đi đôi với chấn chỉnh tổ chức, phải sắp xếp lại cán bộ, có biện pháp cụ thể tăng cường công tác giáo dục, nâng cao tinh thần trách nhiệm và ý thức phục vụ đi đôi với bồi dưỡng trình độ công tác nghiệp vụ cho anh chị em; đồng thời loại bỏ số cán bộ đã thoái hoá, biến chất.

Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng điều hành việc thực hiện các biện pháp cấp bách trên đây.

*
* * *

Thực hiện Nghị quyết Trung ương hai trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn là một cuộc phấn đấu gay go, phức tạp. Bộ Chính trị yêu cầu tất cả các cấp uỷ đảng từ các đồng chí Uỷ viên Trung ương đến các đảng viên bình thường phải nghiêm túc chấp hành các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Hội đồng Bộ trưởng. Khi gặp những vướng mắc trong việc thực hiện hoặc có ý kiến khác thì có thể phản ánh, kiến nghị lên trên. Song trong khi chưa có quyết định mới, phải nghiêm chỉnh chấp hành. Chỉ có tăng cường đoàn kết, đồng tâm, nhất trí trong Đảng và trong nhân dân mới có thể thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ nặng nề đang đặt ra trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Việc giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông gắn chặt với cuộc vận động làm sạch Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội đồng thời

gắn chặt với công cuộc cải tạo và quản lý thị trường, đấu tranh kiên quyết và nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, bọn chuyên làm hàng giả; chống địch phá hoại kinh tế ta. Các tổ chức và cơ quan của Đảng, Nhà nước, đoàn thể quần chúng, quân đội và công an không có chức năng kinh doanh thương nghiệp dứt khoát không được tham gia buôn bán dưới bất cứ hình thức nào.

Cần triệt để giữ bí mật kinh tế của Đảng và Nhà nước, nhất là những bí mật về giá, lương, tài chính, tiền tệ, v.v..

Bản Kết luận này của Bộ Chính trị được phổ biến đến tận các chi bộ đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

Số 15-QĐ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 1987

Căn cứ vào Điều lệ Đảng và rút kinh nghiệm việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương (khóa V).

Nhằm xây dựng trong toàn Đảng, trước hết từ Ban Chấp hành Trung ương, nền nếp lãnh đạo và sinh hoạt theo các nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, phân công cá nhân phụ trách; thực hiện đúng cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước quản lý"; bảo đảm tính cách mạng và tính khoa học trong công tác lãnh đạo; thực hiện tốt phương thức xây dựng và sử dụng tổ chức theo chức năng.

Hội nghị toàn thể lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) quyết định quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương như sau:

I TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA TẬP THỂ BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

1. Ban Chấp hành Trung ương thông qua các kỳ hội nghị toàn thể, sinh hoạt và hoạt động của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để thực hiện chức năng lãnh đạo của mình, làm tròn nhiệm vụ đã được quy định ở Điều 22 của Điều lệ Đảng.

Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương quyết định những vấn đề quan trọng nhất về cụ thể hoá đường lối và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, công tác tư tưởng và tổ chức, công tác quần chúng, công tác đảng, v.v.. Cụ thể là:

Quyết định nhiệm vụ, phương hướng, chính sách cơ bản về đối nội, đối ngoại; cụ thể hoá các mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch trung hạn, dài hạn do Đại hội thông qua; những vấn đề có tính quyết định đến sự phát triển trước mắt và lâu dài của đất nước, các chủ trương, biện pháp trọng yếu về mọi mặt theo chương trình do Ban Chấp hành Trung ương quy định.

- Quyết định những vấn đề về cán bộ và những vấn đề khác mà Điều lệ Đảng ghi rõ phải do Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương quyết định (như cử các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, thi hành kỷ luật Uỷ viên Trung ương...).

- Chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc và Hội nghị đại biểu toàn quốc.

Giữa nhiệm kỳ, Hội nghị Trung ương báo cáo của Bộ Chính trị về kết quả việc thi hành Nghị quyết của Đại hội để kiểm tra và thúc đẩy việc thực hiện. Trong các hội nghị thường lệ, Ban Chấp hành Trung ương nghe Bộ Chính trị báo cáo về công việc của Bộ Chính trị giữa hai kỳ hội nghị

Ban Chấp hành Trung ương. Trong báo cáo có lưu ý đến tình hình lãnh đạo thực hiện Nghị quyết kỳ họp trước của Ban Chấp hành Trung ương.

2. *Bộ Chính trị* là cơ quan lãnh đạo tập thể cao nhất giữa hai kỳ Hội nghị Trung ương, có trách nhiệm và quyền hạn:

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại hội và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương quyết định các chủ trương, chính sách và biện pháp quan trọng về mọi mặt.
- Quyết định các thay đổi lớn về tổ chức (như chia tách, sáp nhập, thành lập các tỉnh, các bộ, tổng cục, các ban của Trung ương) và bố trí, đề bạt, thi hành kỷ luật đối với cán bộ thuộc danh mục do Bộ Chính trị quản lý.
- Chuẩn bị các kỳ hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, nghe báo cáo của Ban Bí thư, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, của thành ủy, tỉnh uỷ và các cơ quan xét cần về việc thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

3. *Ban Bí thư* là cơ quan lãnh đạo tập thể và là cơ quan thường trực của Ban Chấp hành Trung ương, có trách nhiệm lãnh đạo công việc hàng ngày của Đảng, nhất là công tác cán bộ, công tác đảng viên và kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng theo Điều 23 của Điều lệ Đảng.

Những công việc chính của Ban Bí thư là:

- Xây dựng và điều hành bộ máy của Ban Chấp hành Trung ương để bảo đảm hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.
- Ra các quyết định, chỉ thị, thông tri để cụ thể hóa các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị.
- Quyết định việc bố trí, đề bạt, thi hành kỷ luật đối với cán bộ chủ chốt theo danh mục do Bộ Chính trị quy định.
- Kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở các cấp, các ngành, các đoàn thể, kể cả ở các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Nhà nước. Qua kiểm tra, tuỳ theo tính chất hoặc

tâm quan trọng của từng vấn đề mà Ban Bí thư có chủ trương, biện pháp phát huy các ưu điểm, khắc phục các khuyết điểm. Phần lớn các quyết định, chỉ thị của Ban Bí thư, nhất là về kinh tế, văn hoá, quốc phòng, an ninh là dựa trên cơ sở kiểm tra, sơ kết việc thi hành các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị.

- Theo chế độ, báo cáo với Bộ Chính trị, với cấp dưới (theo Điều 23 của Điều lệ) và thông báo đến các Uỷ viên Trung ương về tình hình chung và hoạt động của các cấp, các ngành để thi hành Nghị quyết của Đảng.

4. Ban Chấp hành Trung ương mà thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thực hiện đường lối, chính sách của Đảng theo chức trách và thẩm quyền đã quy định ở Điều 1, 2, 3. Phạm vi trách nhiệm cụ thể về một số mặt công tác được xác định như sau:

- Các chính sách lớn về kinh tế - xã hội do hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương hoặc Bộ Chính trị quyết định. Các chính sách cụ thể thì tuỳ theo tính chất, tâm quan trọng của từng vấn đề mà do Ban Bí thư hoặc Hội đồng Bộ trưởng, hoặc do Ban Bí thư cùng Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng bàn bạc quyết định theo chương trình làm việc trong từng thời gian của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Các chủ trương, chính sách về kinh tế - xã hội do Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và cơ quan nhà nước chuẩn bị; các ban của Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư định hướng nghiên cứu và thẩm tra lại đề án trước khi Bộ Chính trị, Ban Bí thư thảo luận.

Đối với các chủ trương, chính sách do Hội đồng Bộ trưởng quyết định, các ban có liên quan giúp Ban Bí thư thực hiện chức năng kiểm tra; đồng chí Bí thư phụ trách ban và ban góp ý kiến với cơ quan nghiên cứu và với Hội đồng Bộ trưởng, nếu có vấn đề xét cần thì đề nghị Ban Bí

thư phát biểu ý kiến với Hội đồng Bộ trưởng trước khi chính sách được ban hành.

- Kế hoạch nhà nước do Hội đồng Bộ trưởng trình Bộ Chính trị. Ban Kinh tế phối hợp với các ban có liên quan giúp Ban Bí thư thẩm tra lại và đề xuất ý kiến với Ban Bí thư, Bộ Chính trị về dự thảo kế hoạch đó.

5. Bộ Chính trị, Ban Bí thư lãnh đạo trực tiếp công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại. Bộ Chính trị quyết định các vấn đề về chính sách, chủ trương, các vấn đề cụ thể nhưng có ý nghĩa quan trọng về đối nội, đối ngoại. Ban Bí thư quyết định các vấn đề theo quy định của Bộ Chính trị và kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đảng về quân sự, an ninh, đối ngoại (thuộc thẩm quyền Ban Bí thư) ở các cấp, các ngành và các cơ quan có trách nhiệm về các mặt công tác đó.

II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CÁ NHÂN CÁC UỶ VIÊN TRUNG ƯƠNG

6. Các Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương (kể cả các Uỷ viên Bộ Chính trị, các đồng chí Bí thư) ngoài trách nhiệm tham gia lãnh đạo tập thể ở các Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương (và của Bộ Chính trị nếu là Uỷ viên Bộ Chính trị, của Ban Bí thư nếu là đồng chí Bí thư), có trách nhiệm nắm vững và thực hiện tốt Điều lệ Đảng, các Nghị quyết của Đại hội toàn quốc, của Ban Chấp hành Trung ương; quán triệt trong cán bộ, đảng viên và tổ chức thực hiện tốt phần Nghị quyết, chỉ thị của Trung ương thuộc ngành, địa phương, đơn vị mình phụ trách. Mỗi đồng chí Uỷ viên Trung ương đều phải nêu cao trách nhiệm nói và làm theo Nghị quyết, giữ kỷ luật phát ngôn, bảo đảm bí mật của

Đảng, giữ gìn sự thống nhất ý chí và hành động của Đảng.

- Ít nhất ba tháng một lần và khi thấy cần thiết, nhất là sau các đợt công tác ở cơ sở, các đồng chí Uỷ viên Trung ương gửi báo cáo về Bộ Chính trị, Ban Bí thư những vấn đề mình thấy cần quan tâm hoặc những kinh nghiệm tốt trong việc chấp hành Nghị quyết của Đảng, nêu các vấn đề lưu ý Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét và tăng cường chỉ đạo, nhất là về lĩnh vực hoặc cấp mà mình phụ trách.

- Mỗi đồng chí Uỷ viên Trung ương có chương trình học tập theo yêu cầu công tác của mình, gương mẫu trong lối sống, xây dựng đoàn kết nội bộ, thực hiện tự phê bình và phê bình trong chi bộ (với tư cách là đảng viên); hàng năm tự phê bình trong cấp uỷ hoặc trong cơ quan nơi mình làm việc, lấy ý kiến phê bình và báo cáo về Ban Bí thư.

- Mỗi quý dành khoảng 15 ngày để xuống cơ sở, gặp cán bộ, đảng viên, tiếp xúc với quần chúng lao động. Khi xuống cơ sở phải có những kỳ sinh hoạt với chi bộ, đảng uỷ; các đồng chí lãnh đạo ở cấp trung ương trong việc thực hiện chế độ đi cơ sở, cần có kế hoạch đến các vùng dân tộc, biên giới, nơi có nhiều khó khăn phức tạp. Các đồng chí Uỷ viên Trung ương hoạt động ở huyện, quận, cơ sở cần nắm sát tình hình cơ sở, sâu sát quần chúng, phản ánh kịp thời ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng với Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Từng thời gian, Ban Bí thư có yêu cầu cụ thể và có định hướng cho các Uỷ viên Trung ương về nội dung báo cáo, phản ánh tình hình với Bộ Chính trị, Ban Bí thư, nhằm đóng góp vào việc thực hiện chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương.

- Mỗi đồng chí Uỷ viên Trung ương đứng trên cương vị công tác được phân công ở cơ quan đảng, nhà nước, tổ chức quần chúng, tổ chức kinh tế, tổ chức quân đội, v.v. để giải quyết công việc; không lấy danh nghĩa thay mặt Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trừ trường hợp được Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ nhiệm.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương được Ban Bí thư thông tin về tình hình chung trong nước, ngoài nước, về những công tác lớn hằng tháng, ba tháng, sáu tháng, một năm, kể cả về kinh tế, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, và nội dung chính các phiên họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Khi có sự kiện đột xuất quan trọng, có ảnh hưởng đến tư tưởng, tâm lý xã hội thì thông báo bất thường.

Ngoài các phiên họp toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có thể mời các Ủy viên Trung ương về tập trung (một nơi hoặc theo khu vực) để thông báo tình hình hoặc trao đổi, góp ý kiến về các vấn đề xét cần.

7. Đồng chí Tổng Bí thư chủ trì công việc của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị và Ban Bí thư. Trực tiếp nắm các vấn đề trọng yếu và cơ mật về quốc phòng, an ninh. Chăm lo xây dựng Đảng, đặc biệt là xây dựng đội ngũ cán bộ cao cấp chủ chốt của Đảng.

8. Mỗi đồng chí Bí thư phụ trách một hoặc một số mặt công tác, một hoặc một số ban của Trung ương.

- Từng đồng chí Bí thư phải nắm chắc tình hình thuộc phạm vi mình phụ trách và chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư về lĩnh vực công tác được phân công, và là người giải quyết công việc hằng ngày của Đảng về lĩnh vực đó trên cơ sở các nghị quyết của tập thể.

Từng đồng chí Bí thư trao đổi ý kiến với các đồng chí Bí thư khác về vấn đề có liên quan; đối với các vấn đề xét có tính chất quan trọng thì trao đổi với đồng chí Bí thư thường trực và xin ý kiến đồng chí Tổng Bí thư để giải quyết hoặc đưa ra tập thể Ban Bí thư giải quyết.

- Đồng chí Bí thư thường trực giải quyết công việc chung hằng ngày của Đảng, chỉ đạo công tác Văn phòng Trung ương; phối hợp hoạt động giữa các đồng chí Bí thư; thường xuyên và theo chế độ báo cáo tình hình với đồng chí Tổng Bí

thư, khi đồng chí Tổng Bí thư vắng, thì chủ trì công việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và chủ toạ các phiên họp của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương là thành viên của Hội đồng Bộ trưởng, các đồng chí thủ trưởng các cơ quan chấp pháp (Viện Kiểm sát và Toà án nhân dân tối cao) không tham gia Ban Bí thư.

III

CHƯƠNG TRÌNH LÀM VIỆC, CHẾ ĐỘ HỘI NGHỊ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

9. Ban Chấp hành Trung ương có *chương trình làm việc* hằng năm và định trước những vấn đề quan trọng nhất cần chuẩn bị để quyết định trong nhiệm kỳ; hằng năm sẽ xem xét để có bổ sung. Bộ Chính trị, Ban Bí thư có chương trình làm việc sáu tháng, ba tháng và lịch công tác hằng tháng, hằng tuần.

- Chương trình của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải bảo đảm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội.

Các ban của Trung ương hoạt động theo chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

- Trong chương trình công tác phải xác định rõ người hoặc cơ quan nào chuẩn bị, thời gian hoàn thành, v.v.. Trong chương trình công tác của Ban Bí thư có chương trình kiểm tra.

10. Bộ Chính trị mỗi năm một lần, Ban Bí thư sáu tháng một lần kiểm điểm hoạt động của mình, chú ý kiểm điểm cả việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị và xem

xét về mức độ thực hiện chương trình công tác. Hằng năm tiến hành tự phê bình và phê bình cá nhân trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

11. Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương được triệu tập theo chương trình hằng năm của Ban Chấp hành Trung ương; các cuộc họp ngoài chương trình được triệu tập theo quyết định của Bộ Chính trị hoặc đề nghị của ít nhất 1/3 Uỷ viên Trung ương. Bộ Chính trị họp hai tuần một lần, Ban Bí thư họp một tuần một lần, trong tháng có một tuần nghỉ họp để các đồng chí lãnh đạo đi địa phương và cơ sở. Khi cần thiết thì họp bất thường.

Các nghị quyết, quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải được quá 1/2 số Uỷ viên Bộ Chính trị hoặc quá 1/2 số Bí thư Trung ương biểu quyết thông qua mới có giá trị.

12. Các kỳ họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải được chuẩn bị chu đáo. Mỗi kỳ họp giải quyết một, hai vấn đề chính.

Để chuẩn bị đề án cho hội nghị Ban Bí thư, Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương, các ban phải đề xuất với Ban Bí thư, Bộ Chính trị các vấn đề cần nghiên cứu, định hướng việc nghiên cứu, yêu cầu của đề án, cơ quan chủ trì nghiên cứu, thời hạn hoàn thành đề án. Đối với các đề án do cơ quan khác nghiên cứu, ban có liên quan phải theo dõi, góp ý kiến ngay từ đầu, thẩm tra lại đề án và trình ý kiến của mình với Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Việc nghiên cứu xây dựng các đề án cần phát huy đầy đủ khả năng của cơ quan nhà nước, các viện nghiên cứu, các đoàn thể quần chúng, các chuyên gia khoa học và quản lý, các Uỷ viên Trung ương phụ trách cùng lĩnh vực. Cơ quan nghiên cứu phải nêu vài phương án khác nhau, có tính toán hiệu quả cụ thể và đề xuất phương án tối ưu để tập thể lãnh đạo lựa chọn. Những vấn đề quan trọng và phức tạp phải tổ chức làm thủ. Phải chuẩn bị trước các văn bản cụ thể hoá nghị quyết để kịp thời ban hành sau khi có nghị quyết.

Các đề án đưa ra hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương cần được gửi đến các Uỷ viên Trung ương, kèm theo những thông tin cần thiết (số liệu cơ bản, các ý kiến quan trọng khác nhau trong quá trình chuẩn bị đề án và tuỳ vấn đề mà kèm theo văn bản cụ thể hoá và thể chế hoá kịp thời sau khi có Nghị quyết để Trung ương tham khảo, góp ý kiến, v.v.), những vấn đề đề nghị lưu ý thảo luận, trước ngày họp ít nhất 15 ngày. Các Uỷ viên Trung ương cần gửi ý kiến của mình về đề án tới Ban Bí thư để cơ quan chuẩn bị đề án tổng hợp, báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị cho sửa đề án nếu có vấn đề cần sửa.

Tuỳ theo tính chất và tầm quan trọng của từng vấn đề, Bộ Chính trị có thể quyết định mời các Uỷ viên Trung ương có liên quan nhiều đến đề án về tham gia ý kiến trước khi đưa ra hội nghị.

Các đề án chuẩn bị đưa ra hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư cần được gửi đến các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị và các đồng chí Bí thư trước ngày họp ít nhất năm ngày.

13. Ở hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương, đồng chí Tổng Bí thư và một số đồng chí trong Bộ Chính trị do Bộ Chính trị phân công sẽ điều hành hội nghị theo chương trình đã được hội nghị thông qua.

Ở hội nghị Trung ương, các đồng chí Uỷ viên Trung ương phát biểu thẳng vào đề án hoặc dự thảo Nghị quyết, nói rõ điểm nào cần sửa đổi, bổ sung với lý do ngắn gọn. Hội nghị chú trọng thảo luận các vấn đề chưa nhất trí. Mỗi đồng chí tuân thủ nghiêm ngặt quy định về thời gian mỗi lần, mỗi người được phát biểu do hội nghị thông qua từ đầu phiên họp.

Tuỳ theo sự cần thiết, ở các cuộc họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị có thể quyết định họp mở rộng và báo cáo để Ban Chấp hành Trung ương biết.

Chế độ ghi biên bản, thông tin truyền đạt Nghị quyết hội nghị do Ban Bí thư quy định.

14. Ban Bí thư có kế hoạch thi hành Nghị quyết của Ban

Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị, bảo đảm quán triệt tốt, chấp hành nghiêm; cần theo dõi, kiểm tra chặt chẽ và đánh giá kết quả việc thực hiện Nghị quyết chu đáo.

- Việc thông báo nội dung các phiên họp của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị trên đài, báo do Ban Bí thư quy định.

- Các ban có liên quan giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổ chức kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết. Những vấn đề quan trọng sau khi ra nghị quyết có chỉ đạo riêng. Không ra nghị quyết mới nếu nghị quyết cũ tương tự chưa được thực hiện.

đồng chí Bí thư thường trực trao đổi ý kiến với đồng chí Bí thư có liên quan.

Mỗi Uỷ viên Trung ương đề cao trách nhiệm trong việc thực hiện Quy chế này.

Hằng năm Ban Bí thư rút kinh nghiệm và thông báo việc thực hiện Quy chế này đến các Uỷ viên Trung ương.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

*

* *

15. Các ban của Trung ương là cơ quan tham mưu chiến lược cần được kiện toàn để làm tốt chức năng giúp Trung ương chuẩn bị hoặc phối hợp chuẩn bị các nghị quyết, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quản lý công tác cán bộ, bảo đảm giúp Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư thực hiện đúng quy chế.

16. Ban Bí thư, thường xuyên là đồng chí Bí thư thường trực, chịu trách nhiệm tổ chức theo dõi việc thực hiện quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương. Và tuỳ vấn đề,

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
Số 03-NQ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 1987**

**Về chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở
quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội
chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế**

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ KINH TẾ VÀ NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI CƠ CHẾ QUẢN LÝ KINH TẾ

Từ Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khoá IV) năm 1979, Đảng và Nhà nước ta đã đề ra nhiều chủ trương cải tiến quản lý kinh tế theo hướng xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở. Một số địa phương, ngành và đơn vị kinh tế cơ sở đã bước đầu phát huy tính năng động, tự lực vươn lên, khắc phục khó khăn, mở ra hướng đi đúng đắn để phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Từ kinh nghiệm thực tiễn, Nghị quyết (dự thảo) 306 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) đã cụ thể hoá và nâng cao thêm một bước chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở, chủ yếu là của các xí nghiệp quốc doanh. Ban Bí thư cũng đã ra Chỉ thị về cải tiến quản lý kinh tế, hoàn thiện việc khoán sản phẩm trong hợp tác xã nông nghiệp. Trong nền kinh tế đã bước đầu xuất hiện một số yếu tố của cơ chế quản lý mới và một số điển hình tương đối tốt ở cơ sở, địa phương và ngành. Tuy nhiên, nhìn chung các đơn vị kinh tế, nhất là các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh, vẫn chưa chuyển được sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; nhiều xí nghiệp sản xuất kém hiệu quả, thua lỗ kéo dài, có tình trạng lỗ thật, lãi giả, mua đi, bán lại vật tư, hàng hoá để kiếm chênh lệch giá không chính đáng.

Thực trạng hiện nay là cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp về cơ bản vẫn chưa bị xoá bỏ, cơ chế quản lý theo phuơng thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa chưa được hình

thành. Chúng ta đã không đồng thời đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế khi xác định quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các cơ sở kinh tế, chưa kiên quyết xoá bỏ hệ thống thể chế quản lý cũ lỗi thời. Các nghị quyết của Đảng về đổi mới quản lý kinh tế chậm được thể chế hoá, chưa được thể hiện đúng đắn và nhất quán trong các văn bản pháp quy. Bộ máy quản lý kinh tế cồng kềnh, kém hiệu lực, để ra tệ ăn bám và nạn tham nhũng khá nặng nề và phổ biến. Thực trạng quản lý đó, một mặt trái buộc các cơ sở, cản trở sản xuất, lưu thông, làm giảm sút động lực và hiệu quả trong hoạt động kinh tế; mặt khác, làm cho tình trạng tùy tiện, phân tán, vô tổ chức vốn có của nền sản xuất nhỏ và các hiện tượng tiêu cực khác phát triển thêm nghiêm trọng, làm suy yếu hiệu lực quản lý kinh tế của Nhà nước.

Ngoài nguyên nhân khách quan rất quan trọng do tình trạng yếu kém, mất cân đối, không ổn định của nền kinh tế, những nguyên nhân chủ quan đang kìm hãm sự ra đời của cơ chế quản lý kinh tế mới là:

- 1. Tư duy kinh tế chậm được đổi mới.* Những nhận thức giản đơn về chủ nghĩa xã hội, về tập trung dân chủ, về kế hoạch hoá và những định kiến đối với quy luật giá trị, quan hệ hàng hoá - tiền tệ và thị trường dưới chủ nghĩa xã hội... chưa được giải quyết rõ ràng, thông suốt.
- 2. Việc đổi mới quản lý kinh tế ở cơ sở tiến hành chậm chạp, lúng túng về cách làm và bước đi, chậm sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm những mô hình tốt.*
- Sự chỉ đạo, điều hành của các cơ quan quản lý nhà nước vừa thiếu dân chủ, không kịp thời thể chế hoá, không sát tình hình thực tế, lại vừa thiếu tập trung, buông lỏng quản lý, không giữ nghiêm kỷ luật và pháp luật, đặc biệt là trong lĩnh vực phân phối, lưu thông.*
- 3. Sự trì trệ, bảo thủ trong công tác cán bộ gắn với cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp. Việc đánh giá, bố trí cán bộ vẫn*

dựa trên quan điểm cũ, không được tiến hành một cách dân chủ và công khai, không trên cơ sở quy hoạch. Thiếu chuẩn bị cán bộ cho sự nghiệp đổi mới. Nhiều cán bộ chưa tự giải thoát khỏi tư duy cũ, còn do dự, không dứt khoát đổi mới. Một số không muốn đổi mới vì chạm đến đặc quyền, đặc lợi. Một số cán bộ thoái hoá, biến chất chống lại đổi mới.

Quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế hiện nay ở nước ta diễn ra trong bối cảnh có nhiều thuận lợi: có Nghị quyết của Đại hội lần thứ VI của Đảng soi sáng; được quần chúng nhiệt tình ủng hộ; có những kinh nghiệm tích luỹ được trong những năm qua; công cuộc cải tổ ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa vừa cổ vũ, vừa giúp thêm cho ta nhiều kinh nghiệm quý; việc mở rộng quy mô hợp tác kinh tế, khoa học kỹ thuật với nước ngoài, đặc biệt là với Liên Xô và các nước khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế ngày càng đặt ra yêu cầu cao hơn và tạo thêm điều kiện thuận lợi cho việc đổi mới quản lý kinh tế.

Mặt khác, chúng ta tiến hành đổi mới cơ chế quản lý kinh tế trong điều kiện nước ta mới ở chặng đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; cơ sở vật chất kỹ thuật nghèo nàn, lạc hậu; cơ cấu kinh tế đang mất cân đối nghiêm trọng, còn lệ thuộc nhiều vào bên ngoài; tình hình phân phôi, lưu thông đang bị rối loạn; kẻ địch thường xuyên phá hoại, v.v..

Phải khẩn trương đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở đi đôi với tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế trên những vấn đề then chốt nhằm: *giải phóng các năng lực sản xuất; tạo ra động lực thúc đẩy các đơn vị kinh tế và quần chúng lao động hăng hái phát triển kinh tế hàng hoá theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, dựa trên cơ sở đưa nhanh tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; mở rộng quan hệ kinh tế với nước*

ngoài và thiết lập trật tự kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế; trước mắt, nhằm phục vụ trực tiếp ba chương trình kinh tế lớn, tăng nhanh sản phẩm xã hội, thực hiện "bốn giảm"¹, từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo tiền đề để tiến lên.

Để đạt mục đích đó, phải nắm vững phương hướng cơ bản về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế đã được Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra là: *Kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, thiết lập và hình thành đồng bộ cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ*. Phương hướng đó thể hiện ở những nội dung có tính nguyên tắc sau đây:

Một là, phải dứt khoát chuyển từ cơ chế quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh hành chính là chủ yếu theo kiểu cấp phát và giao nộp, sang cơ chế quản lý bằng phương pháp kinh tế là chủ yếu, kết hợp với biện pháp hành chính và giáo dục, bảo đảm cho *kế hoạch hoá thật sự đóng vai trò trung tâm* trong hệ thống quản lý kinh tế trên cơ sở *vận dụng tổng hợp hệ thống quy luật khách quan*, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng phát huy vai trò chủ đạo trong sự vận động thống nhất với quy luật giá trị và các quy luật khác của sản xuất hàng hoá.

Hai là, thực hiện đúng *đắn nguyên tắc tập trung dân chủ*. Kiên quyết chống tập trung quan liêu, đồng thời chống tự do tuỳ tiện, vô tổ chức. Phát huy chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các đơn vị kinh tế đi đôi với đổi mới và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về kinh tế; phân định rõ và phối hợp tốt giữa chức năng quản lý nhà nước về kinh tế của bộ máy chính quyền các cấp và chức năng trực tiếp quản lý sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở; kết hợp quản lý theo ngành với quản lý theo địa phương và vùng lãnh thổ; phát huy tính chủ động, tinh thần trách nhiệm và sức mạnh

1. Giảm tỷ lệ bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm tốc độ lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân lao động.

của các ngành, các cấp cùng làm chủ dưới sự quản lý tập trung thống nhất của Nhà nước trung ương; xây dựng nền nếp quản lý dân chủ và công khai từ trên xuống dưới. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, đáp ứng được yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, đặc biệt là trong công tác cán bộ.

Ba là, phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích của toàn xã hội, lợi ích của tập thể và lợi ích của người lao động, trong đó lợi ích của người lao động là *động lực trực tiếp*, làm cho người lao động thật sự làm chủ, mức thu nhập của tập thể và của người lao động tuỳ thuộc vào kết quả lao động và hiệu quả kinh tế. Từ đó mà thúc đẩy các tập thể và mọi người lao động quan tâm đến kết quả sản xuất, hiệu quả của đồng vốn, nâng cao nhiệt tình, kỷ luật và năng suất lao động. *Bốn là, đổi mới cơ chế quản lý phải kết hợp chặt chẽ và thúc đẩy việc sắp xếp, tổ chức lại sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế, từng bước hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, gắn công nghiệp với nông nghiệp, sản xuất với phân phối, lưu thông; làm cho việc tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và đẩy nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật thành nhân tố chủ yếu để tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả; thúc đẩy mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại, chú trọng liên kết kinh tế trực tiếp ở cấp cơ sở.*

Phần thứ hai

THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ

I- CHẾ ĐỘ TỰ CHỦ SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA CÁC XÍ NGHIỆP QUỐC DOANH

Những quy định chung đối với xí nghiệp công nghiệp quốc doanh dưới đây *thay thế nội dung Nghị quyết (dự thảo) 306 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V)*, làm cơ sở cho việc xây dựng cơ chế quản lý cụ thể đối với từng loại xí nghiệp và các liên hiệp sản xuất trong công nghiệp. Những nội dung có tính nguyên tắc này cũng được vận dụng để xây dựng cơ chế quản lý cụ thể đối với các đơn vị kinh tế quốc doanh trong các ngành hoạt động khác.

Tài sản của xí nghiệp quốc doanh thuộc sở hữu toàn dân, được Nhà nước giao cho *tập thể lao động trực tiếp quản lý*, sử dụng để phát triển sản xuất, kinh doanh. Tập thể lao động và giám đốc xí nghiệp có trách nhiệm cộng đồng trong việc sử dụng hợp lý tài sản đó và tận dụng mọi khả năng để phát triển sản xuất kinh doanh theo phương hướng, mục tiêu của kế hoạch nhà nước, nhiệm vụ thiết kế của xí nghiệp, kết hợp chuyên môn hoá với kinh doanh tổng hợp, để đáp ứng nhu cầu của xã hội với hiệu quả cao nhất.

Những nhiệm vụ cơ bản của xí nghiệp là:

- Đáp ứng tốt nhất nhu cầu của Nhà nước và của xã hội, thực hiện các cam kết với khách hàng trong nước và nước ngoài về những sản phẩm hoặc dịch vụ phải đảm nhiệm.
- Sản xuất, kinh doanh có hiệu quả, tự bù đắp các chi phí, tự chịu trách nhiệm về lỗ lãi, tự tích luỹ để phát triển, thực hiện nghĩa vụ nộp ngân sách và trách nhiệm đối với địa phương nơi xí nghiệp đóng.
- Tận dụng năng lực sản xuất, bảo vệ và phát triển tài sản của xí nghiệp, đẩy nhanh việc đổi mới trang bị kỹ thuật và áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật nhằm tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả.
- Ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hoá của công nhân, viên chức, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động và công bằng xã hội; không ngừng nâng cao trình độ văn hoá và nghề nghiệp của công nhân, viên chức trong xí nghiệp.

- Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh trong toàn bộ nền kinh tế, mở rộng quan hệ liên kết với các thành phần kinh tế khác, góp phần tích cực vào việc tổ chức lại sản xuất và cải tạo nền kinh tế theo hướng xã hội chủ nghĩa.
- Tổ chức tốt việc bảo vệ môi trường, bảo vệ sản xuất, bảo vệ xí nghiệp, bảo vệ an ninh, trật tự xã hội và làm tròn nhiệm vụ quốc phòng.
- Chấp hành luật pháp; hạch toán và báo cáo trung thực theo chế độ do Nhà nước quy định; thực hiện chế độ làm chủ của tập thể lao động, thường kỳ báo cáo công khai hoạt động của xí nghiệp cho công nhân, viên chức trong xí nghiệp.

Những xí nghiệp hoạt động không có hiệu quả phải được củng cố để thực hiện tốt các nhiệm vụ trên. Nếu không đủ điều kiện để củng cố và không cần thiết duy trì hình thức quốc doanh thì chuyển sang hình thức sở hữu khác (kể cả cho tập thể, tư nhân thuê) hoặc giải thể, trước hết là những xí nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng không thuộc loại thiết yếu, xí nghiệp dịch vụ trang bị kỹ thuật thấp, bị thua lỗ thường xuyên.

Nội dung chủ yếu của việc đổi mới cơ chế quản lý đối với xí nghiệp quốc doanh:

1. Về kế hoạch hóa

- Căn cứ vào nhiệm vụ của xí nghiệp, phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, số hướng dẫn của kế hoạch nhà nước, các chính sách, tiêu chuẩn, định mức do Nhà nước ban hành, và căn cứ vào nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, xí nghiệp chủ động xây dựng phương hướng phát triển dài hạn cũng như các kế hoạch 5 năm và hàng năm. Mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, xã hội của xí nghiệp, không phân biệt nguồn cung cấp vật tư và địa chỉ tiêu thụ sản phẩm, kể cả những mặt hàng ngoài nhiệm vụ thiết kế ban đầu, đều được phản ánh trong kế hoạch sản xuất - kỹ thuật - tài chính - xã hội thống nhất của xí nghiệp.

Toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp được hạch toán theo chế độ kế toán thống nhất của Nhà nước; sản phẩm được Nhà nước bảo đảm vật tư và sản phẩm do xí nghiệp tự cung cấp vật tư được hạch toán theo giá thực mua; tỷ lệ khấu hao và đơn giá tiền lương trong sản phẩm tính theo quy định của Nhà nước. Trong tình hình giá cả còn biến động, cần hướng dẫn phương pháp phân tích chính xác để thấy rõ thực chất hoạt động kinh tế của xí nghiệp.

- Tuỳ theo yêu cầu cụ thể của Nhà nước đối với từng loại xí nghiệp và từng loại sản phẩm, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp giao cho xí nghiệp từ một đến ba chỉ tiêu pháp lệnh sau đây:

- a) Số lượng và chất lượng sản phẩm chủ yếu tiêu thụ theo địa chỉ quy định; trong đó ghi rõ phần cho quốc phòng và cho xuất khẩu, nếu có (giao cho những xí nghiệp sản xuất những sản phẩm theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước chỉ định nguồn cung ứng vật tư và địa chỉ tiêu thụ sản phẩm).
- b) Giá trị sản lượng hàng hoá thực hiện, trong đó ghi rõ kim ngạch xuất khẩu, nếu có (giao cho những xí nghiệp mà Nhà nước xét thấy cần thiết).

c) Các khoản nộp ngân sách (giao cho tất cả các xí nghiệp). Tổ chức làm thủ việc chuyển từ hình thức giao chỉ tiêu pháp lệnh về sản phẩm chủ yếu sang hình thức Nhà nước đặt hàng và đấu thầu.

Mọi hình thức giao và thực hiện kế hoạch nhà nước đều thông qua *hợp đồng kinh tế* được ký kết giữa xí nghiệp với các đơn vị kinh tế được Nhà nước chỉ định cung ứng vật tư và tiêu thụ sản phẩm.

- Kế hoạch của xí nghiệp phải được công nhận, viên chức thảo luận, xây dựng và cuối cùng do Đại hội công nhân, viên chức quyết định trên nguyên tắc bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ đối với Nhà nước và các hợp đồng đã ký kết. Xí nghiệp được bổ sung kịp thời kế hoạch trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế biến đổi, nhưng cần báo cáo với

cấp trên những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh và không được đơn phương tự ý thay đổi những hợp đồng kinh tế đã ký kết.

2. Về bảo đảm vật tư và tiêu thụ sản phẩm

- Cơ quan nhà nước giao chỉ tiêu kế hoạch pháp lệnh hoặc đưa đơn đặt hàng có trách nhiệm cân đối đủ các điều kiện vật chất cần thiết cho việc thực hiện và thông báo cho xí nghiệp biết các tổ chức được giao trách nhiệm bảo đảm vật tư, dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm. Tổ chức vật tư, vận tải và thương nghiệp được chỉ định có trách nhiệm cùng xí nghiệp ký và thực hiện đúng hợp đồng về mua, bán vật tư, về vận tải và tiêu thụ sản phẩm; các bên ký hợp đồng phải chịu trách nhiệm vật chất về những thiệt hại gây ra khi không thực hiện đúng hợp đồng. Xí nghiệp có quyền yêu cầu và cơ quan giao kế hoạch có trách nhiệm điều chỉnh kịp thời nhiệm vụ kế hoạch giao cho xí nghiệp tương ứng với mức vật tư được bảo đảm.

Những xí nghiệp có nhu cầu vật tư ổn định, trước hết là những hộ tiêu thụ lớn, được nhận thẳng vật tư từ nơi sản xuất hoặc từ cảng nhập khẩu; thực hiện từng bước hợp đồng dài hạn về mua, bán vật tư.

Ngoài vật tư mua theo chỉ tiêu kế hoạch hoặc hợp đồng đặt hàng, xí nghiệp được chủ động tạo thêm nguồn vật tư để tận dụng công suất, theo đúng luật pháp và chính sách của Nhà nước.

- Sản phẩm xí nghiệp làm ra phải đăng ký nhãn hiệu, tiêu chuẩn, quy cách, chất lượng và phải bảo đảm thực hiện đúng. Xí nghiệp phải chịu trách nhiệm đối với khách hàng về chất lượng sản phẩm của mình, có thời gian bảo hành đối với những mặt hàng cần thiết và phải chấp hành quy định của Nhà nước xử lý những sản phẩm không bảo đảm tiêu chuẩn chất lượng.

Xí nghiệp có trách nhiệm thực hiện hợp đồng tiêu thụ sản phẩm theo chỉ tiêu pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng của Nhà

nước; đối với những sản phẩm còn lại, xí nghiệp được chủ động tìm nơi ký hợp đồng tiêu thụ trên cơ sở thoả thuận với khách hàng. Xí nghiệp được tự tổ chức bán chào hàng sản phẩm mới, kết hợp làm dịch vụ sửa chữa, bán phụ tùng lẻ và bảo hành.

3. Về tài chính, giá cả

- Các xí nghiệp phải tự bù đắp chi phí, sản xuất kinh doanh có lãi. Đối với những mặt hàng do Nhà nước định giá bán cho người tiêu dùng, Nhà nước có chính sách giá tiêu thụ sản phẩm bảo đảm cho xí nghiệp thực hiện được hạch toán kinh doanh.

- Xí nghiệp được Nhà nước cấp phát vốn ban đầu một lần (khi Nhà nước điều chỉnh giá, mức vốn đó phải được xác định lại và được bổ sung kịp thời trong trường hợp cần thiết). Trừ những xí nghiệp mới xây dựng với nguồn vốn lớn chưa cần phải đổi mới thiết bị, các xí nghiệp khác được Nhà nước để lại toàn bộ vốn khấu hao để đổi mới tài sản cố định. Nhà nước quy định các khoản nộp ngân sách theo những định mức và tỷ lệ ổn định từ 3 đến 5 năm để khuyến khích xí nghiệp tích tụ vốn mở rộng tái sản xuất. Xí nghiệp được lựa chọn cơ sở ngân hàng để mở tài khoản và vay tín dụng; vốn gửi ngân hàng được hưởng lãi suất tiền gửi. Xí nghiệp được dùng nhiều hình thức để thu hút vốn của tập thể, cá nhân ở trong nước, của kiều bào, của nước ngoài và phải chịu trách nhiệm hoàn vốn, trả lãi và thực hiện các cam kết với người góp vốn, cho vay vốn. Trường hợp xí nghiệp cần phát triển với quy mô vượt quá khả năng tự giải quyết vốn, Nhà nước thấy cần thiết sẽ hỗ trợ thêm.

- Xí nghiệp có quyền chủ động sử dụng tài sản của mình, kể cả những tài sản được Nhà nước giao, chủ động mua sắm tài sản theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh và đổi mới trang bị kỹ thuật; được mở rộng gia công, dịch vụ kỹ thuật để tận dụng công suất thiết bị; được thanh lý những tài sản không phù hợp (vốn thu hồi được từ những nguồn này phải đưa vào quỹ phát triển sản xuất của xí nghiệp), riêng tài sản của Nhà

nước giao cho mà xí nghiệp không cần đến thì xí nghiệp phải báo cáo để cấp trên điều động đi nơi khác hoặc cho phép bán.

- Theo chính sách và cơ chế quản lý giá do Nhà nước quy định, xí nghiệp chủ động xây dựng kế hoạch giá theo sự hướng dẫn của cơ quan vật giá nhà nước. Về giá tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp, đối với những sản phẩm do Nhà nước quy định giá, nếu là hàng tiêu dùng thì theo giá bán lẻ của Nhà nước trừ chiết khấu thương nghiệp, nếu là tư liệu sản xuất thì theo giá bán buôn của Nhà nước trừ chiết khấu lưu thông vật tư. Trường hợp Nhà nước định giá bán thấp cho người tiêu dùng thì giá tiêu thụ sản phẩm phải bảo đảm cho xí nghiệp bù đắp đủ chi phí hợp lý và có lãi thoả đáng, Nhà nước trợ giá ở khâu lưu thông. Đối với những sản phẩm do xí nghiệp tự kiểm vật tư thì được hạch toán theo giá thực mua, áp dụng cách tính bình quân gia quyền giá vật tư, nguyên liệu của cả hai nguồn. Đối với cùng một loại sản phẩm chất lượng như nhau, bất cứ vật tư từ nguồn nào, giá bán phải thống nhất. Xí nghiệp thoả thuận với khách hàng về giá cả và phương thức thanh toán.

- Lợi nhuận thuộc quyền sử dụng của xí nghiệp là phần còn lại của tổng doanh thu trừ (-) tổng chi phí và các khoản phải nộp vào ngân sách nhà nước. Đại hội công nhân, viên chức dựa vào hướng dẫn của Nhà nước về tỷ lệ tối thiểu phải đưa vào quỹ phát triển sản xuất để quyết định việc phân phối lợi nhuận đó vào các quỹ của xí nghiệp.

Làm thủ cách hạch toán thu nhập của xí nghiệp, bao gồm cả tiền lương và lợi nhuận để lại xí nghiệp, do xí nghiệp chủ động phân phôi.

4. Về lao động, tiền lương

- Xí nghiệp có quyền chủ động bố trí sản xuất, bộ máy quản lý và sắp xếp lao động theo yêu cầu sản xuất, kinh doanh, bố trí việc làm và tạo điều kiện cho số lao động dôi ra có việc làm. Trường hợp xí nghiệp có khó khăn, Nhà nước có thể trợ giúp một phần. Rút kinh nghiệm những nơi làm thủ

để mở rộng việc thực hiện chế độ lao động theo hợp đồng có bảo hiểm xã hội và có tính thâm niên thay cho chế độ lao động trong biên chế. Quy định các chức danh và đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, kiểm tra cán bộ, công nhân theo chức danh. Giám đốc xí nghiệp được quyền tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng lao động; coi trọng phát huy dân chủ, tham khảo ý kiến của tập thể lao động, tổ chức đảng và đoàn thể...; ưu tiên tuyển dụng lao động của địa phương sở tại và phải có sự thoả thuận của uỷ ban nhân dân địa phương nơi xí nghiệp đóng về tiêu chuẩn và số lượng người được nhận từ địa phương khác đến.

Giám đốc được quyền khen thưởng và thi hành kỷ luật công nhân, viên chức trong xí nghiệp đến hình thức buộc thôi việc theo đúng pháp luật của Nhà nước và nội quy của xí nghiệp.

- Tiền lương và toàn bộ thu nhập của công nhân, viên chức phụ thuộc vào hiệu quả kinh doanh cuối cùng của xí nghiệp và kết quả lao động của từng người. Xí nghiệp căn cứ vào thang lương, bậc lương do Nhà nước quy định để tính đơn giá tiền lương trong sản phẩm theo các định mức kinh tế kỹ thuật được xác định hợp lý và chặt chẽ; đơn giá đó được điều chỉnh theo tình hình giá cả biến động từng thời kỳ. Quỹ lương của xí nghiệp được xác định tương ứng với khối lượng sản phẩm và đơn giá lương. Xí nghiệp dựa trên cơ sở đó chủ động quản lý quỹ lương và lựa chọn hình thức trả lương. Nhà nước chỉ quy định mức lương tối thiểu, không khống chế mức thu nhập tối đa dựa trên hiệu quả kinh doanh hợp pháp của xí nghiệp và kết quả về năng suất, chất lượng của người lao động. Trước mắt, trong khi chưa ban hành thuế thu nhập, Nhà nước có chính sách điều tiết thích hợp đối với những xí nghiệp có mức thu nhập thực tế của công nhân, viên chức (kể cả lương, quỹ thưởng, quỹ phúc lợi tính bình quân đầu người) quá cao so với điều kiện chung. Nhà nước có

biện pháp ngăn ngừa và xử lý nghiêm minh những nguồn thu nhập bất hợp pháp và không chính đáng.

Xí nghiệp có trách nhiệm trích nộp đầy đủ quỹ bảo hiểm xã hội và tổ chức tốt công tác bảo hộ lao động, công tác vệ sinh công nghiệp.

Ban hành chế độ bảo hiểm xã hội và các quy định về chế độ lao động nhằm bảo vệ người lao động tại các cơ sở; nghiên cứu ban hành Luật Lao động.

5. Về khoa học - kỹ thuật

Xí nghiệp phải chủ động xây dựng chương trình phát triển khoa học - kỹ thuật, trang bị lại kỹ thuật và tổ chức lại sản xuất, tích cực áp dụng các thành tựu khoa học và kỹ thuật để không ngừng nâng cao trình độ kỹ thuật sản xuất, tạo ra sản phẩm mới và nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

Xí nghiệp phải thực hiện chế độ đăng ký phát minh, sáng chế, đăng ký nhãn hiệu hàng hoá, chất lượng sản phẩm; phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm kỹ thuật.

Xí nghiệp được quyền chủ động quyết định các phương án kỹ thuật, lập các tổ chức nghiên cứu, thử nghiệm kỹ thuật, các đơn vị chế thử, liên kết với các cơ quan nghiên cứu khoa học - kỹ thuật bằng mọi hình thức thích hợp. Xí nghiệp được chủ động sử dụng các nguồn vốn tự có, vốn ngân sách trợ cấp, vốn vay hoặc huy động góp vốn để tổ chức nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật.

Xí nghiệp có thể trích lập quỹ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân kỹ thuật của xí nghiệp. Số tiền tiết kiệm được hoặc lợi nhuận thu thêm nhờ áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật được để lại cho xí nghiệp từ một đến ba năm đầu để đưa vào các quỹ và để thưởng các tập thể và cá nhân đã đóng góp vào việc đó. Mức thưởng được tính theo tỷ lệ so với hiệu quả thực tế thu được, không giới hạn số tuyệt đối.

Để đưa nhanh khoa học - kỹ thuật vào các đơn vị kinh tế cơ sở, Trung ương chỉ nắm những viện nghiên cứu những vấn đề cơ bản, những vấn đề tổng hợp liên ngành, còn thì chuyển

các cơ quan nghiên cứu triển khai theo ngành về các liên hiệp xí nghiệp hoặc cơ sở sản xuất. Tổ chức, sắp xếp các cơ quan nghiên cứu, triển khai (viện, trung tâm, trạm, trại) theo hướng gắn khoa học với sản xuất và từng bước áp dụng hạch toán kinh tế từng phần hoặc toàn phần. Lực lượng khoa học ở các trường đại học và trung học chuyên nghiệp, ngoài nhiệm vụ chính là nghiên cứu, giảng dạy và học tập, cần tích cực tham gia phục vụ sản xuất và đời sống.

Ngân sách nhà nước cấp kinh phí cho các công trình nghiên cứu cơ bản có tính tổng hợp, liên ngành, thông qua hợp đồng giao việc. Các cơ quan nghiên cứu khoa học, kỹ thuật phải tạo thêm nguồn vốn nghiên cứu thông qua các hợp đồng ứng dụng khoa học và kỹ thuật ký với các tổ chức kinh tế.

Bổ sung, sửa đổi các chính sách khuyến khích đối với tiến bộ khoa học, kỹ thuật: thực hiện chế độ hợp đồng mua bán sáng chế, mua và thuê bản quyền tác giả, mua bán kết quả nghiên cứu, kỹ thuật tiến bộ theo nguyên tắc thoả thuận với các hình thức linh hoạt như "mua đứt, bán đoạn", trả theo hiệu quả kinh tế, không giới hạn mức tối đa, song phải thực hiện đúng quy định bảo vệ bí mật quốc gia. Quy định mức lợi nhuận thực sự có tác dụng khuyến khích chế tạo sản phẩm mới, sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, sản phẩm đạt chất lượng cao; thực hiện chế độ tín dụng với lãi suất ưu đãi đối với các công trình áp dụng kỹ thuật tiến bộ, chế độ tạm ứng ngân sách cho các cơ quan nghiên cứu, triển khai; thực hiện hạch toán chi phí nghiên cứu áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật của các đơn vị sản xuất, các liên hiệp khoa học - sản xuất vào giá thành sản xuất, kinh doanh.

6. Về xuất, nhập khẩu và hợp tác kinh tế với nước ngoài.

Xí nghiệp có làm hàng xuất khẩu được Nhà nước tạo điều kiện tiếp cận với thị trường quốc tế. Nhà nước quy định những nguyên tắc và những điều kiện cho phép xí nghiệp được trực tiếp xuất, nhập khẩu, trực tiếp hợp tác với bạn hàng ở nước ngoài, chủ động ký kết các hợp đồng kinh tế trên

nguyên tắc tự hoàn vốn ngoại tệ và có phần đóng góp vào quỹ ngoại tệ của Nhà nước. Các xí nghiệp đó chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc thực hiện các hợp đồng mà mình đã ký kết. Xí nghiệp vay vốn nước ngoài nhập vật tư, thiết bị sản xuất, được miễn giảm mức ngoại tệ nộp vào ngân sách nhà nước trong thời gian chưa trả xong nợ. Nếu xí nghiệp uỷ thác việc xuất, nhập khẩu cho một đơn vị kinh tế khác thì xí nghiệp có quyền lựa chọn đơn vị và đôi bên thoả thuận với nhau theo nguyên tắc bình đẳng.

Xí nghiệp có thu nhập ngoại tệ phải nộp vào ngân sách nhà nước một phần lợi nhuận thực tế bằng ngoại tệ theo một tỷ lệ hợp lý (Nghiên cứu ổn định tỷ lệ này dưới hình thức thuế). Xí nghiệp được quyền lập quỹ ngoại tệ gửi tại ngân hàng, vay ngoại tệ của ngân hàng; những xí nghiệp chỉ có thu nhập bằng tiền Việt Nam nhưng có nhu cầu nhập khẩu những vật tư, thiết bị mà Nhà nước không bảo đảm cung ứng, được mua ngoại tệ tại ngân hàng theo tỉ giá quy định. Nhà nước điều chỉnh kịp thời tỉ giá kết toán nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế, không để xí nghiệp làm hàng xuất khẩu bị lỗ vì tỉ giá bất hợp lý. Mọi trường hợp sử dụng ngoại tệ đều phải theo đúng quy định của Nhà nước. Tạo điều kiện để ngân hàng ngoại thương sớm thống nhất việc mua và bán ngoại tệ đối với tất cả các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

7. Về quyền làm chủ của tập thể lao động và chế độ thủ trưởng.

- Đại hội công nhân, viên chức (hoặc Đại hội đại biểu công nhân, viên chức) là người quyết định cao nhất nội quy của xí nghiệp, kế hoạch kinh doanh và phân phối thu nhập của xí nghiệp. Đại hội công nhân, viên chức bầu Hội đồng xí nghiệp là cơ quan thường trực của mình, làm những nhiệm vụ chính dưới đây: giám sát việc thực hiện các quyết định của Đại hội công nhân, viên chức; tổ chức cho công nhân, viên chức thực

hiện việc kiểm tra, kiểm soát đối với sản xuất và phân phối trong xí nghiệp; chủ động kiến nghị với giám đốc những chủ trương, biện pháp cần thiết để thực hiện Nghị quyết của Đại hội công nhân, viên chức; quyết định triệu tập Đại hội công nhân, viên chức khi cần thiết (Cần bổ sung và nâng cao Quyết định 182-CP cho phù hợp với tình hình mới).

Phát huy vai trò của các tổ chức quần chúng trong việc tham gia quản lý xí nghiệp và động viên phong trào quần chúng thi đua thực hiện kế hoạch của xí nghiệp. Công đoàn, đoàn thanh niên phải đổi mới phương thức hoạt động để làm tốt chức năng của từng đoàn thể trong công tác quản lý xí nghiệp.

- Giám đốc xí nghiệp vừa đại diện cho Nhà nước, vừa đại diện cho công nhân, viên chức, thực hiện chế độ thủ trưởng phụ trách, có toàn quyền quyết định việc điều hành hoạt động của xí nghiệp theo đúng kế hoạch, chính sách, pháp luật Nhà nước và Nghị quyết của Đại hội công nhân, viên chức. Nếu có sự không thống nhất giữa giám đốc và Hội đồng xí nghiệp trong việc thực hiện, thì giám đốc quyết định, đồng thời báo cáo lên cấp trên, và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước Đại hội công nhân, viên chức.

Các phó giám đốc và kế toán trưởng do giám đốc đề nghị cấp trên bổ nhiệm sau khi tham khảo ý kiến của đảng uỷ xí nghiệp. Các cán bộ quản lý khác trong xí nghiệp do giám đốc quyết định bổ nhiệm trên cơ sở tôn trọng ý kiến của đảng uỷ xí nghiệp và của quần chúng.

8. Về công tác đảng trong xí nghiệp

Đảng bộ xí nghiệp chịu trách nhiệm lãnh đạo các mặt công tác trong xí nghiệp: làm tốt công tác chính trị, tư tưởng, công tác xây dựng Đảng, công tác quần chúng; kiểm tra cơ quan quản lý và giám đốc trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật, chế độ quản lý và kế hoạch của Nhà nước và các hoạt động kinh tế khác của xí nghiệp; bảo đảm phát huy vai trò làm chủ của quần chúng và chế độ thủ

trưởng trong công tác quản lý. Đảng bộ lãnh đạo quần chúng xây dựng kế hoạch của xí nghiệp, lãnh đạo phong trào thi đua hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ kinh tế, quốc phòng, an ninh, bảo vệ xí nghiệp, cải thiện đời sống. Đảng uỷ không quyết định công việc thuộc chức năng quản lý kinh doanh của giám đốc, nhưng có quyền kiến nghị với giám đốc các vấn đề cần giải quyết, yêu cầu giám đốc báo cáo và đòi hỏi giám đốc bảo đảm tính trung thực, công khai đối với Nhà nước và đối với tập thể lao động trong các hoạt động của xí nghiệp.

Về công tác cán bộ, đảng uỷ chỉ đạo và kiểm tra việc xây dựng và thực hiện quy hoạch cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt trong bộ máy quản lý kinh tế của xí nghiệp, trong đảng uỷ, công đoàn, đoàn thanh niên; kiểm tra việc thực hiện chính sách cán bộ; thực hiện quá trình dân chủ hoá công tác cán bộ; tham gia ý kiến với cấp trên trong việc bổ nhiệm giám đốc và với giám đốc trong việc đề nghị cấp trên bổ nhiệm các phó giám đốc, kế toán trưởng và sắp xếp những cán bộ thuộc quyền quyết định của giám đốc.

Nghiên cứu để sớm có quy định hợp lý về tổ chức đảng và các đoàn thể trong liên hiệp các xí nghiệp. Liên hiệp các xí nghiệp nầm gọn trong một thành phố, khu công nghiệp được thành lập một đảng bộ. Đối với các liên hiệp khác, trước mắt, áp dụng hình thức hội nghị bí thư các đảng bộ trong liên hiệp để thảo luận những vấn đề có liên quan đến hoạt động kinh tế và công tác đảng, công tác quần chúng trong liên hiệp.

Trên đây là những quy định chung đối với xí nghiệp quốc doanh. Khi cụ thể hoá để thực hiện, cần chú ý tới đặc điểm của từng ngành theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI).

II- CÁC HÌNH THỨC LIÊN KẾT KINH TẾ VÀ VAI TRÒ

CHỦ ĐẠO CỦA KINH TẾ QUỐC DOANH

1. Mọi đơn vị cơ sở thuộc các thành phần kinh tế có toàn quyền quyết định việc tham gia các hình thức liên kết với các đơn vị kinh tế khác trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi.

Cần áp dụng nhiều hình thức liên kết, liên doanh giữa các đơn vị thuộc các thành phần kinh tế và các cấp quản lý nhằm mở rộng sự phân công hợp tác về kinh tế và khoa học kỹ thuật, khai thác tối đa mọi khả năng và thế mạnh về vốn, lao động và kỹ thuật để làm ra sản phẩm cuối cùng với hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất. Nghiêm cấm việc lợi dụng hình thức liên doanh liên kết kinh tế để mua đi bán lại kiếm chênh lệch giá. Với khả năng và ưu thế vốn có, các xí nghiệp quốc doanh phải thực hiện được vai trò chủ đạo trong quan hệ liên kết với các thành phần kinh tế khác, thực hiện chức năng quản lý và tổ chức từng ngành hàng bằng cách làm ăn có hiệu quả cao, phụ trách các khâu có ý nghĩa quyết định của quá trình sản xuất và lưu thông, đảm nhiệm việc nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, giúp đỡ vốn và kỹ thuật, làm cho các thành phần kinh tế khác thấy liên kết với kinh tế quốc doanh là cần thiết và có lợi.

2. Việc thành lập các tổ chức liên hiệp sản xuất, kinh doanh phải xuất phát từ yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh tế, do các đơn vị kinh tế tự nguyện tham gia, không áp đặt bằng mệnh lệnh hành chính. Trước mắt, chú trọng các hình thức liên hiệp trong từng vùng. Đa dạng hoá các hình thức tổ chức liên hiệp. Chú trọng tập hợp các đơn vị kinh tế thuộc các thành phần khác nhau, và do các cấp quản lý thông qua hợp đồng kinh tế mà

phân công, hợp tác để giải quyết một số yêu cầu chung trong sản xuất, kinh doanh với hiệu quả cao hơn so với từng đơn vị tự làm. Các liên hiệp theo dạng này được quản lý bằng hình thức Hội đồng quản trị với sự tham gia bình đẳng của các đơn vị thành viên. Một đơn vị kinh tế có thể tham gia một số liên hiệp khác nhau.

Các liên hiệp sản xuất kinh doanh đã thành lập (dưới hình thức liên hiệp các xí nghiệp, tổng công ty... hoạt động trên từng địa bàn hoặc có quy mô cả nước) đều phải chuyển sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, thực hiện hạch toán kinh tế tổng hợp, tự bù đắp chi phí, tự phát triển trên cơ sở phân công chuyên môn hoá và hiệp tác hoá sản xuất một cách hợp lý và mở rộng hạch toán kinh tế của các xí nghiệp thành viên. Quan hệ quản lý nội bộ liên hiệp phải được các xí nghiệp thành viên và cơ quan quản lý liên hiệp xây dựng thành điều lệ cụ thể phù hợp với trình độ tập trung và đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của liên hiệp. Nguyên tắc chung là phải phát huy tính chủ động của các xí nghiệp thành viên, kể cả trong quan hệ liên kết với các đơn vị kinh tế khác ngoài liên hiệp, đồng thời nâng cao hiệu quả quản lý của liên hiệp trong những vấn đề cần giải quyết tập trung thống nhất. Trong điều lệ xí nghiệp và liên hiệp các xí nghiệp sắp ban hành, cần có quy định rõ đối với xí nghiệp liên hợp, liên hiệp các xí nghiệp, liên hiệp khoa học - sản xuất.

Trên cơ sở chuyển các đơn vị kinh tế sang kinh doanh và phát triển các quan hệ liên kết kinh tế rộng rãi và đa dạng, xác định các hình thức tổ chức sản xuất theo ngành, theo địa phương và vùng lãnh thổ hợp lý và có hiệu quả nhất.

3. Mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hợp tác sản xuất với Liên Xô, Lào, Campuchia, các nước xã hội chủ nghĩa khác;

từng bước phát triển quan hệ kinh tế với một số nước khác, thu hút vốn và kỹ thuật của nước ngoài bằng nhiều hình thức: hợp tác sản xuất, gia công, nhận thầu dịch vụ, hợp doanh, đầu tư toàn bộ, vay vốn dài hạn... Huy động khả năng của Việt kiều tham gia xây dựng đất nước bằng mọi hình thức thích hợp. Trong cơ chế hợp tác, hình thức quan trọng nhất là quan hệ trực tiếp ở cấp xí nghiệp. Theo dõi rút kinh nghiệm các hình thức hợp doanh với một số công ty tư bản nước ngoài và làm thử các hình thức mới. Tích cực chuẩn bị ban hành Luật Đầu tư.

Phần thứ ba

ĐỔI MỚI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

Để bảo đảm thực hiện chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước, cơ quan chính quyền các cấp phải đổi mới một cách căn bản phương thức quản lý, thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, giao hẳn chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh cho các tổ chức và đơn vị kinh tế cơ sở; trên cơ sở đó, từng bước tổ chức lại theo hướng tinh giản và nâng cao chất lượng bộ máy nhà nước các cấp.

I- CHỨC NĂNG VÀ TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KINH TẾ

1. *Nâng cao hiệu lực lãnh đạo tập trung thống nhất của Nhà nước trung ương, bảo đảm thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế dưới đây:*

- Xây dựng chiến lược kinh tế - xã hội và khoa học - kỹ thuật, quy hoạch dài hạn về kinh tế ngành và lãnh thổ; xây dựng

các chương trình mục tiêu, các kế hoạch dài hạn, 5 năm và hằng năm; bảo đảm những cân đối chủ yếu của nền kinh tế quốc dân.

- Ban hành và hướng dẫn, chỉ đạo thực hiện luật pháp, chính sách kinh tế đối nội và đối ngoại, chế độ quản lý kinh tế và khoa học kỹ thuật, các tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật chủ yếu.

- Tạo môi trường thuận lợi về kinh tế, xã hội cho hoạt động kinh doanh; hướng dẫn, kích thích và điều tiết, phối hợp hoạt động của các tổ chức và các đơn vị kinh tế; xử lý những việc ngoài khả năng tự giải quyết của các tổ chức và đơn vị kinh tế để bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ Nhà nước giao.

- Thực hiện chính sách cán bộ, quy định các chức danh và tiêu chuẩn cán bộ, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

- Thực hiện sự kiểm soát của Nhà nước đối với toàn bộ các hoạt động kinh tế, bảo đảm thi hành nghiêm chỉnh pháp luật và thể chế quản lý kinh tế ở các cấp, các ngành và cơ sở.

2. Tăng cường quyền hạn, trách nhiệm và phát huy tính chủ động của các cấp chính quyền địa phương trong việc thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về kinh tế nói trên trong phạm vi địa bàn lãnh thổ; chấm dứt việc cơ quan chính quyền làm thay chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh, vi phạm chế độ tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở. Trên cơ sở vận dụng và tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách, quy hoạch và kế hoạch chung của cả nước, chính quyền địa phương tiến hành quy hoạch và kế hoạch hóa trên địa bàn lãnh thổ để sắp xếp, tổ chức lại, cải tạo và phát triển kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, chăm lo đời sống vật chất và văn

hoá của nhân dân và làm tròn nghĩa vụ kinh tế với Nhà nước trung ương. Trong công tác chỉ đạo và quản lý nhà nước về kinh tế, trên cơ sở Nhà nước trung ương phải phân vùng kinh tế, chính quyền địa phương phải gắn kinh tế trên địa bàn địa phương với kinh tế chung của từng vùng lớn và của cả nước, khắc phục sự chia cắt theo cấp và theo địa giới hành chính; kiểm tra, giám sát và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị kinh tế trung ương trên địa bàn lãnh thổ; trực tiếp quản lý các đơn vị kinh tế địa phương; thúc đẩy quan hệ liên kết kinh tế và tổ chức sự điều hoà, phối hợp hoạt động của các đơn vị kinh tế, văn hoá, xã hội thuộc các cấp quản lý trên địa bàn lãnh thổ, bảo đảm trật tự và an toàn xã hội.

Trong cơ chế chung, cần bổ sung nhiệm vụ, quyền hạn và phương tiện cho các địa phương có vai trò trung tâm kinh tế ở từng vùng, trước hết là đối với Thủ đô Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh.

- Việc phân giao các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh phải xuất phát từ hiệu quả kinh tế - xã hội, phù hợp với quy hoạch ngành và quy hoạch lãnh thổ, thúc đẩy việc hình thành ngành kinh tế kỹ thuật và bảo đảm nguyên tắc cấp nào quản lý có lợi nhất cho việc phát triển sản xuất, kinh doanh của đơn vị kinh tế cơ sở thì giao cho cấp ấy quản lý. Ngân sách quốc gia là một thể thống nhất, là hiệu quả của nền kinh tế quốc dân và là trách nhiệm lớn của tất cả các ngành, địa phương và cơ sở.

Việc phân phối ngân sách phải bảo đảm nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội, bảo đảm sự phát triển đồng đều của tất cả các vùng, có ưu tiên đối với vùng trọng điểm.

Phân cấp ngân sách giữa trung ương và địa phương phải theo một tỷ lệ hợp lý trong từng thời kỳ để bảo đảm chi tiêu của cả trung ương và địa phương, có khuyến khích những nơi làm ăn có hiệu quả.

Chỉ đạo chặt chẽ việc tiếp tục nghiên cứu để giải quyết một cách cơ bản các vấn đề về kinh tế trung ương và kinh tế địa phương, về quản lý theo ngành và theo lãnh thổ, về xây dựng quận, huyện và công tác quản lý của cấp quận, huyện.

- Cụ thể hoá nội dung và phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ đảng phù hợp với cơ chế mới về quản lý kinh tế và sự phân cấp quản lý giữa các cấp chính quyền.

3. Bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế từ trung ương đến địa phương cần được đổi mới phù hợp với chức năng và quan hệ phân công, phân cấp, gắn với quá trình chuyển các đơn vị kinh tế cơ sở sang kinh doanh, hình thành các tổ chức liên kết kinh tế. Hướng chung là giảm số đầu mối quản lý, bỏ các khâu trung gian không cần thiết, thực hiện Nghị quyết Trung ương hai về tinh giản mạnh biên chế hành chính.

Ở Trung ương, cần xác định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nâng cao chất lượng bộ máy của các uỷ ban nhà nước, trước hết là Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, các bộ theo hướng tập trung giải quyết các vấn đề chiến lược, kế hoạch, chính sách và luật pháp, không làm thay công việc điều hành sản xuất, kinh doanh của liên hiệp xí nghiệp và xí nghiệp. Tích cực chuẩn bị điều kiện để giảm mạnh số bộ quản lý ngành và cơ quan trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng. Trước mắt, giảm ngay các cục, vụ điều hành các cơ sở sản xuất, kinh doanh; gắn với các liên hiệp xí nghiệp hoặc xí nghiệp những tổ chức

nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật. Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng, điều lệ tổ chức và hoạt động của các bộ, cơ quan ngang bộ và tổng cục cần được sửa đổi theo hướng nêu trên.

Ở địa phương, uỷ ban nhân dân từng cấp chủ động vận dụng sự hướng dẫn của Hội đồng Bộ trưởng vào đặc điểm cụ thể của mình để sáp xếp bộ máy, trên nguyên tắc bảo đảm thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về kinh tế, chấp hành tốt sự chỉ đạo của các cơ quan chính quyền cấp trên; bộ máy chính quyền tỉnh, thành phố không nhất thiết rập khuôn theo cơ cấu bộ máy ở trung ương. Sớm xác định cụ thể nội dung quản lý nhà nước về kinh tế của các cấp quận, huyện, phường, xã để bố trí bộ máy quản lý cho thích hợp, gọn nhẹ.

II. KẾ HOẠCH HOÁ CỦA CÁC CẤP QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

- Yêu cầu đổi mới kế hoạch hoá đối với cơ quan chính quyền *Nhà nước trung ương* là bảo đảm tính hiện thực và khoa học của hệ thống kế hoạch hoá kinh tế quốc dân, nâng cao chất lượng và hiệu lực kế hoạch hoá cả về hiện vật và giá trị, về kinh tế và xã hội, bảo đảm các cân đối cơ bản của nền kinh tế theo hướng bố trí lại cơ cấu kinh tế mà Đại hội VI đã xác định nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội; đặc biệt là phải tập trung vật tư, vốn đầu tư, ngoại tệ, lực lượng khoa học - kỹ thuật cho việc xây dựng và thực hiện ba chương trình kinh tế lớn; ưu tiên bảo đảm điều kiện vật chất cho các xí nghiệp, công trình, địa bàn trọng điểm sản xuất những sản phẩm trọng yếu với hiệu quả kinh tế cao. Trước mắt, nâng cao chất lượng kế hoạch hằng năm, đồng thời phấn đấu xây dựng tốt kế hoạch 5 năm, từng bước nghiên cứu phương hướng, nhiệm vụ dài hạn phát triển kinh tế gắn với việc hoạch định chiến lược kinh tế - xã hội.

Các bộ, tổng cục được giao phụ trách ngành kinh tế kỹ thuật phải xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành đó trong cả nước.

Chính quyền địa phương, trước hết là cấp tỉnh, thành phố phối hợp chặt chẽ với các ngành xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kết hợp kinh tế với quốc phòng trên địa bàn lãnh thổ, bao gồm hoạt động của tất cả các đơn vị kinh tế trên lãnh thổ.

Phải thực hiện được việc *xây dựng và tổng hợp kế hoạch từ dưới lên* thay cho cách làm và giao kế hoạch từ trên xuống. Cải tiến và hoàn thiện việc giao sổ hướng dẫn và cung cấp đủ, kịp thời các thông tin cần thiết cho các cơ sở chủ động xây dựng kế hoạch. Theo hướng giảm dần các chỉ tiêu pháp lệnh, phải xây dựng và chỉ đạo thực hiện tốt các chính sách kích thích và điều tiết các hoạt động kinh tế, vận dụng tốt các chính sách đó trong công tác kế hoạch hoá để hướng các đơn vị kinh tế cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh theo nhiệm vụ, mục tiêu của kế hoạch nhà nước. Dựa trên cơ sở tổng hợp kế hoạch của các đơn vị kinh tế cơ sở, cơ quan kế hoạch Nhà nước trung ương và địa phương xem xét các mặt cân đối quan trọng nhất của nền kinh tế trong phạm vi cả nước và trên địa bàn lãnh thổ; kịp thời kiến nghị điều chỉnh các công cụ đòn bẩy (thuế, lãi suất, giá...), và sử dụng lực lượng dự trữ nhà nước hoặc đẩy mạnh xuất nhập khẩu để tác động trở lại các đơn vị kinh tế cơ sở, bảo đảm các mặt cân đối của kế hoạch nhà nước.

- Nâng cao hiệu lực pháp lý của *hợp đồng kinh tế* như một công cụ chủ yếu để xây dựng và thực hiện kế hoạch. Xây dựng chế độ hợp đồng theo đơn đặt hàng của Nhà nước. Cơ quan *tài kinh tế* cần được tăng cường quyền hạn và nâng cao chất lượng hoạt động để làm đúng chức năng, đáp ứng yêu cầu ấy.

- Đổi mới cơ chế kế hoạch hoá và quản lý *vật tư*. Vật tư do Nhà nước trực tiếp quản lý được phân phối theo kế hoạch cho các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế. Đối với các đơn vị sử

dụng, phải chuyển từ cách phân phối trực tiếp theo lệnh hành chính với giá bao cấp, bù lỗ sang hình thức mua bán vật tư qua hợp đồng ký với các tổ chức kinh doanh vật tư trên cơ sở chỉ tiêu pháp lệnh hoặc đơn đặt hàng của Nhà nước theo giá cả được điều chỉnh hợp lý. Làm thủ hình thức bán vật tư cho các đơn vị sử dụng thông qua đấu thầu nhận đơn đặt hàng của Nhà nước. Chuyển hoạt động của các cơ quan vật tư sang kinh doanh, thiết lập quan hệ trực tiếp giữa cơ quan kinh doanh vật tư và các đơn vị kinh tế cơ sở. Tổ chức lại hệ thống kinh doanh vật tư theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI).

- Nguồn vốn đầu tư tập trung của Nhà nước được phân phối theo kế hoạch cho các mục tiêu kinh tế; trước mắt phải điều chỉnh lớn cơ cấu đầu tư, tập trung cho ba chương trình kinh tế lớn. Tăng cường trách nhiệm và kỷ luật hoàn trả vốn đối với các công trình đầu tư. Khuyến khích các đơn vị kinh tế cơ sở tự đầu tư mở rộng sản xuất, bảo đảm quyền chủ động của các ngành, các địa phương trong việc bố trí kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn tự có một cách đúng hướng, song Nhà nước trung ương phải khống chế tổng mức đầu tư xây dựng cơ bản để giữ được các quan hệ cân đối lớn trong nền kinh tế và tính hợp lý trong cơ cấu đầu tư. Phân cấp xét duyệt và quản lý đầu tư xây dựng cơ bản cho các cấp tỉnh, huyện, xã tuỳ theo lĩnh vực đầu tư và hạn ngạch đầu tư.

Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước các cấp không can thiệp vào việc điều chỉnh trong hạn ngạch đã duyệt. Nhà nước chỉ cấp vốn cho các công trình phúc lợi công cộng và cơ sở hạ tầng. Khi các công trình đó đã đưa vào sử dụng thì phải thu phí để đủ duy trì sự tồn tại. Đối với các công trình sản xuất, dịch vụ

không phân biệt quy mô đều chuyển qua vay vốn tín dụng.

- Tăng cường công tác thông tin kinh tế, kể cả thông tin về tình hình thị trường, giá cả trong nước và thế giới, thông tin về khoa học - kỹ thuật. Công tác thống kê phải được đổi mới cả về nội dung, phương pháp và tổ chức để đáp ứng yêu cầu thông tin kinh tế và phân tích kinh tế. Áp dụng nhiều hình thức thu thập số liệu, nâng cao độ tin cậy của số liệu thống kê, xử lý nghiêm minh đối với các hiện tượng báo cáo sai sự thật. Phát triển mạnh các hình thức dịch vụ thông tin hoạt động theo phương thức hạch toán kinh tế. Quy định trách nhiệm của các cấp và các đơn vị cơ sở giữ bí mật kinh tế.

*
* * *

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã quyết định những phương hướng, chính sách, biện pháp quan trọng *về các chính sách kích thích và điều tiết hoạt động kinh tế*: lưu thông vật tư hàng hoá, xuất nhập khẩu, giá cả, tiền lương, tài chính, ngân hàng và tiền tệ theo hướng xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực phân phối, lưu thông. Các chính sách kích thích và điều tiết các hoạt động kinh tế nêu trong Nghị quyết đó là một bộ phận rất quan trọng của cơ chế mới về quản lý kinh tế, cả trong sản xuất và phân phối lưu thông. Việc thực hiện Nghị quyết các Hội nghị lần thứ hai và lần thứ ba của Trung ương Đảng (khoá VI) phải gắn với nhau thành một thể thống nhất, nhằm đổi mới đồng bộ cơ chế quản lý kinh tế, tạo môi trường kinh doanh cho các đơn vị kinh tế cơ sở, đồng thời quy

định rõ giới hạn mà các đơn vị kinh tế phải tuân theo, bảo đảm cho các cấp chính quyền sử dụng tốt các công cụ kích thích, điều tiết và kiểm soát các hoạt động kinh tế.

Các quy định trong Nghị quyết này về chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế cần sớm được thể chế hoá thành những văn bản pháp quy của Nhà nước.

Phần thứ tư

ĐỔI MỚI CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

Cơ chế mới về quản lý kinh tế đặt ra những yêu cầu mới đối với cán bộ quản lý nhà nước về kinh tế, cán bộ quản lý ở đơn vị kinh tế cơ sở, và đòi hỏi công tác cán bộ phải được đổi mới một cách cơ bản.

1. Thực sự đổi mới về quan điểm xem xét, đánh giá, lựa chọn cán bộ.

Tiêu chuẩn cơ bản về phẩm chất và năng lực của cán bộ lãnh đạo và quản lý kinh tế hiện nay là *thái độ tích cực đổi mới công cuộc đổi mới và năng lực thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới*, thể hiện bằng hiệu quả thực hiện việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng. Cán bộ lãnh đạo, quản lý dù ở cương vị nào đều phải quán triệt Nghị quyết Đại hội VI và các Nghị quyết của Trung ương, có năng lực quản lý, có phẩm chất, đạo đức cách mạng.

Năng lực của cán bộ quản lý phải thể hiện ở khả năng vận dụng đúng đắn đường lối, quan điểm của Đảng, đề ra các biện pháp thiết thực và sáng tạo để tổ chức thực hiện có hiệu quả; biết tập hợp quần chúng và phát huy nhiệt tình, trí tuệ

của quần chúng; có ý thức tổ chức và kỷ luật cao, đồng thời biết quyết đoán và dám chịu trách nhiệm; luôn trau dồi trình độ mọi mặt để đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao. Cán bộ quản lý nhà nước (trước hết là bộ trưởng, chủ tịch uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, thành) phải hiểu biết về kinh tế và am hiểu về kỹ thuật, nắm vững các tri thức về quản lý nhà nước, biết cụ thể hoá, thể chế hoá đường lối, quan điểm của Đảng thành quy hoạch, kế hoạch, chính sách và các chủ trương về kinh tế - xã hội; biết hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện; có hiểu biết về công tác đảng và công tác quần chúng; biết làm việc với cán bộ dưới quyền.

Giám đốc, tổng giám đốc các đơn vị kinh tế cơ sở phải biết kinh doanh và có bản lĩnh kinh doanh theo cơ chế quản lý mới; biết pháp luật kinh doanh trong nước và quốc tế; có khả năng nắm bắt thị trường trong nước và thế giới; năng động và quyết đoán; biết làm việc với các tổ chức, các cán bộ và quần chúng ở cơ sở.

2. Xây dựng và thực hiện cơ chế bảo đảm tính chủ động và khách quan trong việc tạo nguồn, phát hiện, tuyển chọn và sàng lọc cán bộ, trên nguyên tắc *dân chủ hoá, công khai hoá*. Phải xây dựng ngay quy hoạch cán bộ, cải tiến quy chế phân cấp quản lý cán bộ, sửa đổi những chính sách không còn phù hợp.

Phải bảo đảm dân chủ thực sự trong việc các cơ quan dân cử lựa chọn cán bộ quản lý nhà nước các cấp, có sự lãnh đạo đúng đắn của cấp uỷ đảng về tiêu chuẩn và cơ cấu cần thiết. Tập hợp được trung thực ý kiến của quần chúng, cán bộ, đảng viên để lựa chọn đúng cán bộ chủ chốt ở các cơ quan quản lý và đơn vị kinh tế cơ sở.

Thực hiện chế độ bồi phiếu tín nhiệm, làm cơ sở cho cơ quan quản lý cấp trên xem xét bổ nhiệm người đứng đầu các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh. Chuẩn bị tốt các điều kiện để làm thủ và rút kinh nghiệm việc bầu giám đốc và các chức danh cần thiết trong xí nghiệp. Tổ chức cơ sở đảng có trách

nhiệm tổ chức và lãnh đạo tốt việc thực hiện dân chủ hoá trong quá trình lựa chọn.

Qua cuộc vận động "làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội" và qua định kỳ tổ chức bỏ phiếu tín nhiệm mà kịp thời xem xét điều chỉnh, bố trí lại cán bộ; kịp thời thay thế những phần tử thoái hoá, biến chất và những cán bộ không còn nhạy cảm với trào lưu đổi mới và tình hình thực tiễn của nước ta, những cán bộ không được đồng đảo quần chúng tín nhiệm, không quy tụ được những người dưới quyền.

Khẩn trương bồi dưỡng và đổi mới đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức - cán bộ để đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới hiện nay, kịp thời thay thế những người không đáp ứng được yêu cầu.

3. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo (bao gồm đào tạo lại) và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý, cán bộ nghiên cứu và cán bộ giảng dạy theo tư duy mới về kinh tế và về quản lý; coi trọng tính thiết thực và nâng dần tính hệ thống. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương chủ trì và phối hợp với các bộ tổ chức tốt việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý nhà nước về kinh tế và đội ngũ giám đốc các đơn vị sản xuất, kinh doanh. Sớm sửa đổi và biên soạn lại chương trình, tài liệu giảng dạy về kinh tế và quản lý kinh tế theo quan điểm của Đại hội lần thứ VI của Đảng và các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI). Bổ sung các nội dung về pháp chế kinh tế, hạch toán kinh tế, tâm lý xã hội học trong quản lý kinh tế... Kịp thời tổng kết kinh nghiệm thực tiễn về quản lý ở trong nước và tổ chức thông tin kinh tế, kinh nghiệm quản lý ở nước ngoài.

Phân thứ năm

CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. *Những bước đi*

Hội đồng Bộ trưởng khẩn trương *thể chế hoá Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng (khoá VI)*, chỉ đạo các cơ quan có trách nhiệm nhanh chóng soạn thảo, ban hành *trong năm 1987 và sáu tháng đầu năm 1988* các văn bản pháp quy cần thiết cho việc triển khai thực hiện cơ chế mới (trước hết là điều lệ xí nghiệp) thay thế cho các quy định cũ không còn phù hợp. Tích cực nghiên cứu và ban hành kịp thời cơ chế quản lý cụ thể đối với các xí nghiệp quốc doanh ngoài lĩnh vực công nghiệp.

Các ngành, các cấp, các đơn vị kinh tế tổ chức nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Trung ương Đảng (khoá VI) và các văn bản pháp quy.

Từ đầu năm 1988, thực hiện cơ chế mới trong khu vực kinh tế quốc doanh (trước hết ở các đơn vị có quan hệ hợp tác với Liên Xô và các nước khác, các xí nghiệp chế biến và sản xuất hàng tiêu dùng có nguồn vật tư và tiêu thụ sản phẩm tương đối ổn định); đồng thời chuyển một bước hoạt động của các cơ quan chính quyền sang quản lý nhà nước về kinh tế theo cơ chế mới. Làm thử một số hình thức và biện pháp mới (như Nhà nước giao nhiệm vụ sản xuất theo đơn đặt hàng, thông qua đấu thầu; chế độ thi tuyển và bầu giám đốc; một số loại thuế mới...).

Trong hai năm 1989 - 1990, cơ bản hoàn thành việc chuyển các tổ chức và đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đồng thời giải quyết tiếp những vấn đề tồn tại trong cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế.

Năm 1990, tổng kết toàn diện để xác lập tương đối đồng bộ cơ chế quản lý mới cả ở tầm vi mô và vĩ mô, cả về thể chế

quản lý và tổ chức sản xuất, tổ chức bộ máy và cán bộ; tiếp tục hoàn thiện trong những năm sau.

2. Cùng với việc thực hiện Nghị quyết này, nhanh chóng nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý mới đối với nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản (bao gồm quốc doanh và tập thể); đối với tiểu thủ công nghiệp; sớm ban hành các chính sách đối với kinh tế tư bản tư nhân, công tư hợp doanh, kinh tế cá thể, tạo thành một hệ thống cơ chế đồng bộ đối với các loại đơn vị kinh tế cơ sở.

3. *Phát huy dân chủ, đề cao kỷ luật, pháp luật trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện*

- Thực hiện dân chủ hoá trong quản lý, phát huy tính chủ động sáng tạo của quần chúng, mở rộng các hình thức quần chúng tham gia vào quản lý.

- Cùng với việc phát huy đầy đủ dân chủ, phải bảo đảm sự tập trung, thống nhất trong hành động, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ. Trong trường hợp có những vấn đề mà Trung ương và Nhà nước chưa có chính sách hoặc có những quy định chưa sát thực tế, thì các ngành, các cấp phải báo cáo, xin chỉ thị, không được tự ý làm trái với chủ trương, chính sách chung. Cấp trên có trách nhiệm trả lời đúng thời hạn những điều cấp dưới xin chỉ thị.

4. *Tăng cường kiểm tra, thường xuyên tổng kết kinh nghiệm để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung cơ chế quản lý kinh tế mới*

- Các cấp, các ngành, các cơ sở phải có chương trình cụ thể thực hiện Nghị quyết Trung ương hai và ba, sáu tháng một lần có sơ kết, kịp thời kiến nghị điều chỉnh, bổ sung chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình thực tế.

- Nâng cao cảnh giác chống mọi hoạt động tuyên truyền xuyên tạc và mọi mưu mô phá hoại của địch.
- Tăng cường kiểm tra từ trên xuống và từ dưới lên; kết hợp chặt chẽ việc kiểm tra của quần chúng ở cơ sở với việc kiểm tra, thanh tra của các cơ quan đảng và nhà nước cấp trên.

- Bảo đảm kỷ luật báo cáo, thông tin chính xác và kịp thời.

Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ban, ngành Trung ương phải báo cáo định kỳ với Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng về diễn biến và kết quả đổi mới quản lý ở địa phương và ngành mình. Cuối năm 1988, Bộ Chính trị sơ kết việc thực hiện các Nghị quyết Trung ương hai và ba để báo cáo Ban Chấp hành Trung ương quyết định những chủ trương cụ thể cho bước tiếp theo.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
VỀ HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VI)**

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) đã họp từ ngày 20 đến ngày 28-8-1987.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã đọc bài phát biểu quan trọng tại Hội nghị.

Hội nghị Trung ương đã nghe và tán thành báo cáo của Bộ Chính trị về kiểm điểm thực hiện và những chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI). Hội nghị khẳng định: Nghị quyết Trung ương hai là đúng đắn, thể hiện tinh thần và nội dung Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng. Qua hơn bốn tháng thực hiện Nghị quyết Trung ương hai, các cấp, các ngành, các cơ sở đã có những cố gắng lớn. Song tình hình phân phối lưu thông tiếp tục có những diễn biến xấu. Hội nghị đã phân tích những nguyên nhân khách quan và chủ quan của tình hình đó, đánh giá thực trạng kinh tế - xã hội nước ta, nêu cao quyết tâm lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân thấu suốt những tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương hai, ra súc khắc phục khó khăn, thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm; giữ vững kỷ cương, kiên quyết đấu tranh chống các hiện

tượng tiêu cực, góp phần làm cho tình hình sản xuất, phân phối lưu thông và đời sống từng bước chuyển biến theo hướng tốt.

Hội nghị Trung ương đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về "chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý Nhà nước về kinh tế". Kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện cơ chế kế hoạch hoá theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, mà khâu chủ yếu là thực hiện chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế xã hội chủ nghĩa, trước hết là các đơn vị kinh tế quốc doanh, đồng thời đổi mới một bước cơ bản cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế, làm cho các đơn vị kinh tế cơ sở chuyển sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Mục đích của đổi mới cơ chế quản lý kinh tế hiện nay là tạo ra động lực mạnh mẽ giải phóng mọi năng lực sản xuất, thúc đẩy tiến bộ khoa học - kỹ thuật, phát triển kinh tế hàng hoá theo hướng đi lên chủ nghĩa xã hội với năng suất, chất lượng, hiệu quả ngày càng cao, trước mắt, nhằm phục vụ ba chương trình kinh tế lớn, từng bước thực hiện "bốn giảm", thiết lập trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế, tiến tới ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo tiền đề để tiến lên.

Trong đổi mới cơ chế quản lý kinh tế phải vận dụng tổng hợp hệ thống quy luật, trong đó các quy luật đặc thù của chủ nghĩa xã hội ngày càng phát huy vai trò chủ đạo và vận động trong một thể thống nhất với quy luật giá trị và các quy luật khác của nền sản xuất hàng hoá dưới chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho kế hoạch hoá thực sự đóng vai trò trung tâm; thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ, kiên quyết chống tập trung quan liêu, đồng thời chống tự do tuỳ tiện; giải quyết đúng đắn các lợi ích kinh tế của toàn xã hội, của tập thể và của người lao động, trong đó lợi ích của người lao động là động lực trực tiếp; tăng cường vai trò lãnh đạo của

Đảng phù hợp với yêu cầu đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế và bảo đảm chế độ tự chủ của cơ sở và quyền làm chủ của tập thể lao động.

Hội nghị Trung ương nhấn mạnh: tiền đề của việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là sắp xếp, tổ chức lại sản xuất và cải tạo xã hội chủ nghĩa nền kinh tế nhằm hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, tăng cường điều kiện vật chất - kỹ thuật cho nền kinh tế.

Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế là một quá trình bao gồm nhiều bước đi thích hợp; trong mỗi bước đi phải tiến hành đồng bộ các biện pháp về chính sách, tư tưởng, tổ chức cán bộ, pháp chế, đồng bộ giữa các ngành và các cấp từ trung ương đến địa phương và cơ sở.

Nội dung chủ yếu của bước đi từ nay đến năm 1990 là chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa; muốn vậy, phải thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh đối với các đơn vị kinh tế cơ sở, đặc biệt là các đơn vị kinh tế quốc doanh, đi đôi với việc đổi mới một bước cơ bản về chính sách, phương thức hoạt động và tổ chức bộ máy quản lý nhà nước nhằm tạo môi trường kinh doanh cho các đơn vị kinh tế cơ sở, đồng thời vạch rõ giới hạn mà các đơn vị kinh tế cơ sở phải tuân theo và nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước đối với toàn bộ nền kinh tế.

Về thực hiện chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế quốc doanh, Hội nghị Trung ương đã dựa trên cơ sở những kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết (dự thảo) 306 của Bộ Chính trị để bổ sung, nâng cao nhiều điểm cụ thể nhằm mở rộng hơn nữa quyền tự chủ cho cơ sở dưới sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước.

Hội nghị Trung ương đề ra một số nội dung đổi mới một bước cơ sở cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế. Đó là: cơ quan chính quyền các cấp phải thực hiện đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, chấm dứt việc làm thay chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh, vi phạm chế độ tự chủ của các đơn vị kinh tế; đồng thời thực hiện việc phân công, phân cấp hợp lý giữa trung ương và địa phương; trên cơ sở đó, từng bước tổ chức lại hợp lý bộ máy nhà nước các cấp. Để tạo điều kiện và môi trường kinh doanh cho các đơn vị kinh tế, phải đổi mới một cách cơ bản nội dung và phương pháp kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân, chuyển dần từ phương pháp giao chỉ tiêu pháp lệnh với quan hệ cấp phát vật tư - giao nộp sản phẩm là chủ yếu sang phương pháp sử dụng các chính sách kinh tế là chủ yếu, và nhấn mạnh phải bảo đảm tính khoa học và tính cân đối của kế hoạch.

Hội nghị nhấn mạnh kết hợp chặt chẽ việc thực hiện Nghị quyết Trung ương hai về các chính sách phân phối lưu thông với thực hiện Nghị quyết Trung ương ba thành thể thống nhất của cơ chế quản lý nhà nước về kinh tế.

Cơ chế mới về quản lý kinh tế đặt ra những yêu cầu mới đối với cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ quản lý sản xuất, kinh doanh và đòi hỏi công tác cán bộ phải thực sự được đổi mới. Trong tình hình hiện nay cán bộ phải có thái độ tích cực tham gia công cuộc đổi mới và có khả năng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đổi mới. Giám đốc xí nghiệp phải là người biết quản lý kinh tế, có bản lĩnh kinh doanh, có đức tính liêm khiết và có lối sống lành mạnh. Phải khẩn trương đào tạo, bổ túc lại đội ngũ cán bộ hiện có, coi đó là bước chuẩn bị không

thể thiếu cho việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba. Phải có quan điểm mới về công tác cán bộ và cơ chế tuyển chọn cán bộ dựa trên nguyên tắc dân chủ hoá, công khai hoá, xem xét đánh giá cán bộ qua kết quả hoạt động thực tiễn của họ. Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo và đào tạo lại cán bộ lãnh đạo và quản lý, cán bộ nghiên cứu và cán bộ giảng dạy theo tư duy mới về kinh tế và về quản lý, coi trọng tính thiết thực và nâng dần tính hệ thống.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba về "Chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế quốc doanh sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế" đánh dấu một bước phát triển mới trong công tác lãnh đạo và quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước ta, đặt nền móng cho việc hình thành cơ chế mới về quản lý kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Việc tổ chức và chỉ đạo thực hiện Nghị quyết đòi hỏi phải chuẩn bị chu đáo, triển khai từng bước tích cực, vững chắc; phát huy dân chủ, đề cao kỷ luật, pháp luật; thường xuyên kiểm tra và rút được kinh nghiệm để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, hoàn chỉnh nội dung cơ chế quản lý kinh tế mới.

Hội nghị Trung ương ba cũng đã thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương để bảo đảm thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng, nâng cao tính cách mạng và tính khoa học trong công tác lãnh đạo của Đảng, nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ mới.

**THÔNG TRI
CỦA BAN BÍ THU**

Số 14-TT/TW, ngày 1 tháng 9 năm 1987

**Về việc hưởng ứng "đợt sóng hòa bình"
ngày 24 tháng 10 năm 1987**

Vừa qua, tại Hội nghị thế giới năm 1987 chống bom A-H ở Nhật Bản, hai đoàn đại biểu hòa bình Liên Xô và Mỹ đã đưa ra một đề nghị chung được dư luận các nước rất hoan nghênh, đó là: bắt đầu từ 12 giờ trưa ngày 24-10-1987, tức ngày kỷ niệm 10 năm Đại hội đồng Liên hợp quốc phát động Tuần lễ giải trừ quân bị, phong trào và nhân dân các nước hãy có những hành động thiết thực để hưởng ứng *đợt sóng hòa bình*, coi đây là hành động chung của toàn thế giới đóng góp vào sự nghiệp ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh hạt nhân, thủ tiêu mọi vũ khí hạt nhân trên hành tinh chúng ta.

Tiếp theo cuộc vận động lấy chữ ký ủng hộ "Lời kêu gọi từ Hirôsima và Nagasaki" tháng 2 -1985, việc hưởng ứng *đợt sóng hòa bình* này cũng là một dịp để nhân dân ta biểu thị một lần nữa lập trường của Đảng và Nhà nước ta là tích cực gop phần vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới chống đế quốc, chống chạy đua vũ trang, đòi giải trừ quân bị vì những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân sinh, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đây còn là dịp giáo dục nhân dân ta về tinh thần quốc tế và thúc đẩy thêm việc thực hiện nhiệm vụ trước mắt về sản xuất, xây dựng, chiến đấu.

Với tinh thần đó, mỗi địa phương, ngành, nghề, giới, đoàn thể, cơ quan, xí nghiệp, trường học, đơn vị, câu lạc bộ, v.v. hãy tổ chức những cuộc họp mặt, nói chuyện, hội thảo, biểu diễn văn nghệ, thể thao, v.v., đồng thời tiến hành việc lấy chữ ký cá nhân hay tập thể, dưới khẩu hiệu "*Hưởng ứng đợt sóng hòa bình* đòi thủ tiêu vũ khí hạt nhân, giải trừ quân bị, bảo vệ hòa bình, chống âm mưu của các thế lực đế quốc hiếu chiến".

Việc tổ chức lấy chữ ký mặc dầu có thể tiến hành với sự tham gia đông đảo của quần chúng ở mỗi nơi, mỗi lúc, trong thời gian từ 24 đến 31 tháng 10-1987, nhưng cần làm một cách giản dị, không hình thức và không ảnh hưởng đến sinh hoạt và làm việc của nhân dân, tuy vẫn cần chú ý về mặt tuyên truyền giáo dục đầy đủ trên báo chí, dài và truyền hình. Kết quả những chữ ký thu được báo cáo số liệu về Uỷ ban bảo vệ hòa bình thế giới của Việt Nam để thông báo cho quốc tế biết.

T/M BAN BÍ THU

ĐỖ MUỐI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội. Mỗi ngành và mỗi tỉnh, thành cần chủ động tiến hành tổng kết, nghiên cứu những vấn đề Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội trong phạm vi ngành và địa phương mình, gửi các tài liệu và kết quả nghiên cứu cho Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội theo thời hạn mà Ban yêu cầu, nhằm bảo đảm tiến độ công việc.

T/M BAN BÍ THU

ĐỖ MUỜI

THÔNG BÁO CỦA BAN BÍ THU

Số 30-TB/TW, ngày 5 tháng 9 năm 1987

Về việc soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Thi hành Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI về việc soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội trình Đại hội toàn quốc lần thứ VII, ngày 14-3-1987, Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội do đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư, làm Trưởng ban. Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội đã thành lập hai tiểu ban: Tiểu ban Cương lĩnh, do đồng chí Trường Chinh phụ trách, Tiểu ban Chiến lược kinh tế - xã hội do đồng chí Phạm Văn Đồng phụ trách. Đồng chí Tô Hữu làm Tổng Thư ký Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội.

Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thông báo để các ngành, các địa phương biết và giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội. Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội cần thông báo với các ngành, các cấp, các tỉnh uỷ, thành uỷ những yêu cầu về nội dung để các cấp uỷ tham gia ý kiến vào những vấn đề chung của Cương

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 14-CT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1987

**Về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng
tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam**

Từ ngày thành lập đến nay, được sự chăm sóc của Hồ Chủ tịch và sự lãnh đạo của Đảng, Hội Chữ thập đỏ Việt Nam đã có đóng góp tích cực trong công tác bảo vệ sức khoẻ nhân dân, phục vụ chiến đấu và thực hiện một số chính sách xã hội. Từ ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, ở nhiều địa phương, nhất là ở phía nam, Hội đã có nhiều cơ sở hoạt động tốt, có tác dụng thiết thực. Hội cũng đã góp phần thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, tranh thủ được viện trợ nhân đạo trong việc khắc phục những hậu quả chiến tranh và thiên tai.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, Hội cần phát huy những ưu điểm và khắc phục những mặt còn yếu kém, còn hình thức, thực hiện cho được sự chỉ đạo thống nhất trong phạm vi cả nước, làm tốt việc phối hợp giữa Hội với các ngành và đoàn thể có liên quan.

Ban Bí thư chỉ thị một số vấn đề để định hướng cho công tác của Hội trong những năm tới và để chuẩn bị triệu tập Đại hội toàn quốc lần thứ V của Hội; các cấp bộ đảng cần nắm vững để chỉ đạo thực hiện chu đáo.

A- Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, thành viên của Hiệp hội Chữ thập đỏ và Luối liêm đỏ quốc tế, *là một tổ chức xã hội của quần chúng* làm công tác nhân đạo xã hội chủ nghĩa.

Những nhiệm vụ chủ yếu của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam là:

1. Góp sức thực hiện tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân, phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cụ thể là: tuyên truyền, phổ biến rộng rãi những kiến thức y học thường thức trong hội viên và nhân dân; vận động nhân dân, trước hết là các hội viên, tham gia tích cực phong trào vệ sinh làm sạch môi trường, phòng bệnh, phòng và chống dịch, các bệnh xã hội; săn sóc người bệnh tại nhà; thực hiện kế hoạch hoá gia đình; thực hiện nuôi trồng và sử dụng thuốc nam ở cơ sở; hiến máu cứu người. Tổ chức sơ cứu, cấp cứu ban đầu kịp thời tại chỗ khi xảy ra tai nạn.

2. Góp phần thực hiện chính sách xã hội. Cụ thể là: vận động các hội viên phát huy tinh thần nhân đạo xã hội chủ nghĩa, tích cực tham gia chăm sóc, giúp đỡ thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, những người về hưu hoặc nghỉ mát súc lao động, những trẻ mồ côi, những người già cô đơn, những người tàn tật gặp khó khăn trong cuộc sống, đoàn kết thương yêu, giúp đỡ nhau khi có thiên tai, địch họa, tìm kiếm tin tức thân nhân và gia đình bị mất liên lạc.

3. Phối hợp với Hội Chữ thập đỏ các nước, chủ yếu là các nước xã hội chủ nghĩa anh em tích cực đấu tranh bảo vệ hòa bình thế giới vì sự tiến bộ của phong trào Chữ thập đỏ quốc tế, tăng cường tình hữu nghị giữa các dân tộc, đồng thời tranh thủ viện trợ nhân đạo của thế giới.

Thông qua việc thực hiện những nhiệm vụ trên đây của Hội để góp phần giáo dục hội viên tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tình thương yêu giai cấp, lòng nhân đạo xã hội chủ nghĩa, ý thức cảnh giác cách mạng, góp phần vào việc xây dựng con người mới và nếp sống mới xã hội chủ nghĩa.

B- Cân cung cố và phát triển tổ chức của Hội

Hội Chữ thập đỏ Việt Nam được tổ chức theo hệ thống bốn cấp: trung ương, tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương; quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh; chi hội cơ sở.

Hội cần hết sức coi trọng xây dựng tổ chức và tăng cường hoạt động của các chi hội cơ sở, bảo đảm thực hiện có hiệu quả những công tác thiết thực của Hội, tránh hình thức. Mỗi địa phương cần có kế hoạch để phát triển chi hội cơ sở, từng bước tiến tới cứ năm đến ba gia đình, nơi phong trào khá thì mỗi gia đình có một hội viên hoạt động cho Hội. Cân tổ chức tổng kết và có kế hoạch để mở rộng các điển hình tiên tiến thuộc các loại cơ sở của Hội.

Ban Chấp hành các cấp Hội gồm đại biểu các ngành và các đoàn thể quần chúng có liên quan, là những người có nhiệt tình, được quần chúng tín nhiệm và có điều kiện hoạt động cho Hội.

Ở Trung ương, Đại hội lần thứ V của Hội sẽ bầu lại Ban Chấp hành Trung ương Hội đủ sức chỉ đạo thống nhất Hội trong phạm vi cả nước.

Ban Chấp hành Hội của tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương, quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, xã, phường phải có cán bộ chuyên trách, nửa chuyên trách do Trung ương Hội và uỷ ban nhân dân địa phương quy định tuỳ theo nhu cầu công tác và khả năng ngân sách của địa phương và quỹ Hội. Ngành y tế ở mỗi cấp phân công một số cán bộ có năng lực và được tín nhiệm tham gia ban chấp hành để làm công tác Hội.

C- Cân tăng cường mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa Hội Chữ thập đỏ với các ngành và đoàn thể khác, nhất là với

ngành y tế và ngành thương binh - xã hội để làm tốt việc chăm lo sức khoẻ, thực hiện các chính sách xã hội, phục vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, với Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành giáo dục để phát triển thanh, thiếu niên Chữ thập đỏ trong trường học. Ngành y tế và ngành thương binh - xã hội các cấp phải dựa vào Hội, phối hợp và tạo điều kiện cho Hội hoạt động.

D- Hội Chữ thập đỏ ở cấp nào đặt dưới sự lãnh đạo của cấp uỷ đảng cấp đó. Ban Khoa giáo, Ban Tuyên giáo các cấp có trách nhiệm giúp đỡ các cấp uỷ đảng theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra công tác của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Ban Dân vận có trách nhiệm phối hợp với Ban Khoa giáo, Ban Tuyên giáo giúp đỡ các cấp Hội.

Về mặt đối ngoại, Hội chịu sự hướng dẫn của Ban Đối ngoại và Bộ Ngoại giao.

Hội có trách nhiệm thực hiện các Nghị quyết của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam như các tổ chức thành viên khác.

T/M BAN Bí THƯ

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 04-NQ/TW, ngày 12 tháng 9 năm 1987

**Về cuộc vận động làm sạch và nâng cao
sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy
nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội**

I- TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Trải qua quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, ác liệt, Đảng ta với gương sáng về đạo đức cách mạng của Bác Hồ đã rèn luyện được đội ngũ cán bộ, đảng viên gồm nhiều thế hệ, số đông đã tỏ ra vững vàng về chính trị, có đạo đức cách mạng, trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân. Với đội ngũ ấy cùng đông đảo nhân dân lao động được thử thách trong đấu tranh cách mạng, dân tộc ta đã làm nên những thắng lợi vẻ vang. Đảng ta đã trưởng thành một bước trong công tác lãnh đạo.

Nhưng hơn mười năm qua, trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước và trong đời sống xã hội, những hiện tượng tiêu cực ngày càng phát triển nghiêm trọng; những biểu hiện phổ biến là:

- Giảm sút ý chí chiến đấu, giảm sút tinh thần trách

nhiệm; bảo thủ trì trệ; kém ý thức tổ chức kỷ luật.

- Ăn cắp tài sản xã hội chủ nghĩa dưới nhiều hình thức, tham ô, hối lộ, đầu cơ, buôn lậu, sống sa đọa, truy lạc, lợi dụng chức quyền dành cho mình những đặc quyền đặc lợi.

- Quan liêu, hống hách, ức hiếp quần chúng.

Tình hình tiêu cực phát triển đã đem lại hậu quả rất xấu, làm hư hỏng con người, gây tổn thất lớn tài sản của Nhà nước và tập thể, làm xói mòn những giá trị đạo đức, làm yếu sức chiến đấu của tổ chức đảng và hiệu lực quản lý của Nhà nước, làm giảm sút lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tính ưu việt của chế độ ta, cản trở nghiêm trọng việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng, tạo kẽ hở để kẻ địch xen vào phá hoại.

Tình hình trên bắt nguồn từ những nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan, nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ, nền sản xuất nhỏ còn là phổ biến, trong một thời gian khá dài còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế chưa phải xã hội chủ nghĩa, tàn dư tư tưởng cũ còn nặng nề, mưu đồ phá hoại của kẻ thù rất thâm độc.

Tuy nhiên, Đảng ta nhấn mạnh những *nguyên nhân chủ quan*, đó là:

- Việc duy trì quá lâu cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp; những sai lầm về chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội, về chỉ đạo thực hiện của Đảng và Nhà nước chậm được khắc phục.
- Công tác quản lý cán bộ, đảng viên, việc bố trí, sử dụng cán bộ có nhiều thiếu sót. Việc giáo dục lý tưởng cộng sản chủ

nghĩa, đạo đức cách mạng bị coi nhẹ. Điều lệ Đảng, pháp luật của Nhà nước không được chấp hành nghiêm chỉnh.

- Cán bộ, đảng viên buông lỏng việc tu dưỡng về đạo đức, phẩm chất; chủ nghĩa cá nhân phát triển; cán bộ cấp trên, kể cả một số cán bộ cao cấp thiếu gương mẫu.

II- TÍNH CHẤT, YÊU CẦU, PHƯƠNG CHÂM CỦA CUỘC VẬN ĐỘNG

1. Đây là *cuộc vận động lớn của Đảng và Nhà nước ta*, tiến hành trong suốt nhiệm kỳ Đại hội lần thứ VI của Đảng nhằm phục vụ việc thực hiện Nghị quyết Đại hội, thúc đẩy đổi mới, tạo điều kiện thuận lợi xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội. Cuộc vận động này thực sự là cuộc đấu tranh tư tưởng, giữa tư tưởng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa cá nhân, giữa tích cực đổi mới với bảo thủ trì trệ, liên quan chặt chẽ đến cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa và cuộc đấu tranh chống kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch.

2. Yêu cầu của cuộc vận động:

- a) Xây dựng lập trường, quan điểm giai cấp công nhân, quán triệt tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI; nâng cao giác ngộ lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, nhiệt tình cách mạng, tinh thần trách nhiệm, ý thức phục vụ nhân dân, ý thức tổ chức kỷ luật; giáo dục phẩm chất đạo đức "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư" của Chủ tịch Hồ Chí Minh; nâng cao trình độ kiến thức theo yêu cầu của nhiệm vụ mới.
- b) Đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực; giảm sút ý chí chiến đấu và tinh thần trách nhiệm, bảo thủ trì trệ, nói và làm không theo Nghị quyết; ăn cắp, hối lộ, đầu cơ, buôn lậu, sống sa đọa, truy lạc, lợi dụng chức quyền dành cho mình những đặc quyền, đặc lợi, quan liêu, hống hách, xa rời quần

chúng, trù dập, úc hiếp quần chúng. Kiên quyết loại ra khỏi Đảng, bộ máy nhà nước và trường tri nghiêm khắc những kẻ thoái hóa, biến chất, bọn làm ăn phi pháp.

c) Từ đó, cuộc vận động góp phần kiện toàn tổ chức, nâng cao sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu kinh tế - xã hội do Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng đề ra. Cốt lõi của cuộc vận động là: *quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh xây dựng con người mới, nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, lập lại kỷ cương trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội*.

3. Phương châm của cuộc vận động:

- Kết hợp chặt chẽ cuộc vận động với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị; gắn chặt cuộc vận động trong Đảng, trong cơ quan nhà nước với cuộc vận động ngoài xã hội.

- Kết hợp việc tự phê bình và phê bình thường xuyên của cán bộ, đảng viên với việc phát động quần chúng tham gia ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo tinh thần tin vào dân, dựa vào dân, lấy dân làm gốc và việc điều tra, xác minh của các cơ quan chức năng như kiểm tra, thanh tra...

- Kết hợp giáo dục nội bộ với đưa công khai trên báo, đài... sử dụng dư luận xã hội đấu tranh chống tiêu cực, và ủng hộ người tốt, việc tốt. Nghiêm cấm đàn áp phê bình và chống lợi dụng phê bình để vu cáo, xuyen tạc.

- Xử lý nghiêm minh những người mắc sai lầm, khuyết điểm, dù người đó ở cương vị công tác nào. Xử lý có phân biệt giữa người cố tình vi phạm vì lợi ích cá nhân, với những người tích cực đổi mới, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Làm nghiêm từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, chú trọng đội ngũ cán bộ cốt cán.

- Lãnh đạo chặt chẽ, kiên quyết, thận trọng, nói đi đôi với làm, làm đến nơi đến chốn, làm có trọng điểm.

III- NỘI DUNG CUỘC VẬN ĐỘNG

Cuộc vận động có ba nội dung là: "*Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước; làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội*".

Ba nội dung trên liên quan chặt chẽ với nhau, tác động lẫn nhau. Cuộc vận động cùng tiến hành đồng bộ trong Đảng, cơ quan nhà nước và ngoài xã hội, song phải đặc biệt coi trọng làm tốt cuộc vận động trong Đảng và cơ quan nhà nước.

1. **Làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và hiệu lực của bộ máy nhà nước,** trước hết là phải loại ra khỏi các tổ chức những phần tử thoái hóa, biến chất. Phải thay đổi những cán bộ không kiên quyết thực hiện những chủ trương đổi mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI, và những người không đủ năng lực đảm đương nhiệm vụ. Đối với những cán bộ, đảng viên có sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng thì tuỳ tính chất và mức độ mà có hình thức kỷ luật thích đáng. Đối với những đảng viên giác ngộ chính trị quá thấp, không được quần chúng tín nhiệm thì đưa ra khỏi Đảng bằng các biện pháp thích hợp, thường xuyên.

Trong quá trình cuộc vận động, cần đưa cán bộ, đảng viên vào cuộc chiến đấu thực hiện Nghị quyết của Đảng, đấu tranh chống tiêu cực, qua đó mà giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên, biểu dương những người tích cực, đề bạt những cán bộ có phẩm chất và năng lực, năng động, sáng tạo, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, kết nạp những người tiên tiến có đủ tiêu chuẩn vào Đảng.

2. **Kiện toàn tổ chức đảng, bộ máy nhà nước, các đoàn thể quần chúng theo tinh thần:** đổi mới tư duy, nhất là tư duy

kinh tế, đổi mới tổ chức và cán bộ, đổi mới phong cách làm việc, từ đó mà nâng cao sức chiến đấu và hiệu lực của các tổ chức. Làm tốt việc xây dựng quy hoạch cán bộ, trước hết là kiện toàn đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt, các cấp, các ngành từ trung ương đến cơ sở. Làm tốt công tác đào tạo, giáo dục cán bộ, đảng viên. Đặc biệt coi trọng việc củng cố các tổ chức cơ sở. Tăng cường sự thống nhất về chính trị, về tư tưởng và hành động của toàn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI, chống các biểu hiện cơ hội, bè phái, cục bộ địa phương.

3. **Xây dựng lối sống có lý tưởng, lành mạnh, trung thực, tiết kiệm, sống bằng lao động của mình, chăm lo lợi ích của tập thể, bảo vệ của công; chống lối sống ích kỷ, dối trá, ăn bám, xa hoa, lãng phí, mê tín dị đoan.**

Thực hiện công bằng xã hội, mọi người đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi. Xây dựng nếp sống và làm việc theo pháp luật; mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, mọi đảng viên, cán bộ dù ở cương vị công tác nào, đều phải gương mẫu tôn trọng pháp luật. Chống tình trạng "ô dù" bao che người có khuyết điểm vi phạm pháp luật và kỷ luật Đảng.

IV- BIỆN PHÁP VÀ NHỮNG VIỆC CẦN TẬP TRUNG THỰC HIỆN TỪ NAY ĐẾN CUỐI NĂM 1988

Cuộc vận động gồm nhiều nội dung lớn và toàn diện. Để cuộc vận động đạt kết quả tốt, cần sử dụng tổng hợp các biện pháp giáo dục, hành chính, kinh tế, tổ chức, kiểm tra.

- Phấn đấu thực hiện thắng lợi từng bước Nghị quyết Đại hội VI và các Nghị quyết của Trung ương, ổn định một bước tình hình kinh tế và đời sống cán bộ, nhân dân, chiến sĩ là những điều kiện cần thiết để hạn chế và đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực.

- Các cấp ủy đảng phải thường xuyên quan tâm các vấn đề giáo dục lý tưởng và đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên,

giáo dục và kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng.

- Tổ chức đảng phải nắm được cụ thể và chính xác phẩm chất của từng cán bộ, đảng viên thuộc phạm vi mình quản lý, nhất là cán bộ cốt cán. Chi bộ phải kiểm tra, quản lý chặt chẽ đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo, phát hiện và giải quyết kịp thời những trường hợp vi phạm. Đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ lãnh đạo từ trên xuống dưới, đều phải làm tròn nhiệm vụ của đảng viên, không ai được phép đứng ngoài vòng kỷ luật của Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước.

- Các cơ quan chuyên chính cần nhanh chóng điều tra, xác minh và trừng trị kịp thời bọn thoái hoá, biến chất, làm ăn phi pháp.

Cuộc vận động tiến hành trong một thời gian tương đối dài.

Trước mắt từ nay đến cuối năm 1988 cần tập trung chỉ đạo làm tốt bốn việc dưới đây:

1. Xử lý kiên quyết và dứt điểm những vụ vi phạm kỷ luật Đảng, vi phạm pháp luật Nhà nước còn tồn đọng lại từ trước đến nay và mới phát hiện. Những vụ việc đã nêu trên báo, dài cần được xem xét, xử lý nhanh chóng, nghiêm túc.

2. Kiểm tra, đánh giá lại đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp, các ngành theo tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI; có kế hoạch kiện toàn các ngành, các cấp, trước hết là các ban của Đảng, các ngành tổng hợp, các ngành và các đơn vị trọng điểm có liên quan đến việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn và giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông, chú trọng các đơn vị yếu kém.

3. Kiểm tra chất lượng đội ngũ đảng viên và các tổ chức cơ sở để đánh giá đúng hơn tình hình, nhất là ở những đơn vị trọng điểm, để có kế hoạch xây dựng, củng cố. Tổng kết kinh nghiệm của những nơi làm tốt công tác xây dựng Đảng, kiện

toàn tổ chức, quản lý, giáo dục cán bộ, đảng viên, đấu tranh chống tiêu cực.

4. Chấn chỉnh sinh hoạt đảng, xây dựng nền nếp tự phê bình và phê bình gắn với kiểm điểm và tổng kết công tác thường xuyên và hằng năm.

V- TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO CUỘC VẬN ĐỘNG

Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động, theo chức năng của mình. Phân công một số đồng chí trong Ban Bí thư thường xuyên theo dõi, chỉ đạo cuộc vận động.

Các ban của Đảng như: kiểm tra, tổ chức, tuyên huấn, nội chính, dân vận và các ban khác, các cơ quan nhà nước như: kiểm sát, thanh tra, công an, toà án, các đoàn thể quần chúng thanh niên, công đoàn, phụ nữ, nông dân... phải phối hợp chặt chẽ giúp Ban Bí thư trong việc chỉ đạo cuộc vận động.

Ở các tỉnh, thành phố, đặc khu, các quận, huyện, cơ sở, do các cấp ủy chịu trách nhiệm chỉ đạo cuộc vận động. Ở các ban, ngành, do thủ trưởng và đảng uỷ cơ quan trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động trong cơ quan. Thủ trưởng cơ quan cần liên hệ với các địa phương để phối hợp chỉ đạo cuộc vận động ở các cơ sở của ngành đóng tại địa phương và có kế hoạch hướng dẫn cuộc vận động trong toàn ngành.

Các cấp, các ngành cần làm tốt việc phổ biến quán triệt Nghị quyết của Bộ Chính trị trong Đảng và nhân dân, tăng cường công tác tư tưởng trong suốt quá trình cuộc vận động và phải đề ra chương trình kế hoạch công tác cụ thể triển khai cuộc vận động gắn với chương trình

công tác thường xuyên.

Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương và các cơ quan nhà nước có liên quan cần nghiên cứu và bổ sung các chính sách, chế độ cần thiết như: chế độ quản lý cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ cao cấp; chế độ quản chúng tham gia xây dựng Đảng, phê bình cán bộ, đảng viên; các chính sách xử lý những cán bộ, nhân viên vi phạm kỷ luật, pháp luật phát hiện trong cuộc vận động này. Nghiên cứu ban hành các chính sách, chế độ nhằm ngăn chặn những sự lạm dụng để xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa dưới mọi hình thức, bãi bỏ các quy định, chế độ mang tính chất đặc quyền đặc lợi, kể cả ở các địa phương, các ngành và các chế độ hưởng thụ không hợp lý về nhà ở, đồ dùng gia đình, sử dụng xe cộ, tiếp khách, quà cáp, thưởng tiền và hiện vật, v.v..

Các cấp, các ngành phải coi trọng chỉ đạo thành công cuộc vận động này, làm cho Đảng và Nhà nước ta trong sạch và vững mạnh, phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THU
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 17-QĐ/TW, ngày 15 tháng 9 năm 1987

**Về việc công nhận các đảng bộ huyện, quận,
thị vững mạnh**

Sau khi nghe Ban Tổ chức Trung ương báo cáo về việc các tỉnh, thành uỷ đề nghị Ban Bí thư công nhận các đảng bộ, huyện, quận, thị đạt tiêu chuẩn vững mạnh trong các năm 1983-1986, Ban Bí thư quyết định một số điểm sau đây:

1. Tiếp tục cuộc vận động xây dựng đảng bộ huyện, quận, thị vững mạnh theo yêu cầu mới

Trong mấy năm qua, các cấp uỷ đảng đã có những cố gắng và tiến bộ trong việc thi hành các Chỉ thị số 24-CT/TW và số 64-CT/TW của Ban Bí thư về xây dựng các đảng bộ huyện, quận, thị... vững mạnh. Đã có trên một phần tư đảng bộ huyện, quận, thị được các tỉnh uỷ, thành uỷ đề nghị Ban Bí thư công nhận đạt tiêu chuẩn đảng bộ vững mạnh. Nhìn chung cuộc vận động đã có tác dụng tích cực.

Để tiếp tục cuộc vận động theo yêu cầu mới phù hợp với những nhiệm vụ do Đại hội toàn quốc lần thứ VI đề ra, Ban Bí thư bổ sung và quy định lại năm yêu cầu như sau:

Yêu cầu 1: Lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ

kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh.

- Về kinh tế - xã hội: Năm vững Nghị quyết Đại hội VI, các Nghị quyết, chỉ thị khác của Trung ương và đặc điểm của địa phương, lãnh đạo việc xây dựng và thực hiện thắng lợi các chương trình mục tiêu lớn về kinh tế - xã hội của đảng bộ, góp phần thực hiện ba chương trình mục tiêu lớn của cả nước. Cụ thể là:

+ Phương hướng sản xuất, mục tiêu, biện pháp phấn đấu thích hợp với từng vùng, đặc điểm của địa phương; năng suất, sản lượng cây trồng, chăn nuôi, chỉ tiêu lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng, xuất khẩu đạt và vượt kế hoạch đã được đại hội đảng bộ đề ra với tinh thần tích cực và sát đúng.

+ Cơ sở vật chất được tăng cường; tiến bộ khoa học kỹ thuật được ứng dụng rộng rãi; tổ chức sản xuất thích hợp với điều kiện ở từng vùng; cơ chế quản lý mới được vận dụng chủ động, sáng tạo.

+ Đời sống vật chất và tinh thần của quần chúng (ăn, mặc, ở, học hành, đi lại, chữa bệnh...) được chăm lo tốt; nghĩa vụ đối với Nhà nước làm tròn, thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng hai chiều và các chính sách chế độ về kinh tế - xã hội; hạ thấp tỷ lệ phát triển dân số.

Ở các quận, thị, thành phố thuộc tỉnh, về nhiệm vụ kinh tế, đảng bộ cần tập trung lãnh đạo tốt sản xuất hàng tiêu dùng, xuất khẩu, mở mang ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ; giải quyết tốt việc làm cho người lao động.

- Về quốc phòng, an ninh:

+ Lãnh đạo được tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; xây dựng xí nghiệp, cơ quan, phường, xã, quận, huyện... an toàn về mọi mặt.

+ Ngăn ngừa và trừng trị những hành động phá hoại về kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hoá và các hoạt động tình báo, gián điệp của địch. Đấu tranh có hiệu quả với hành động xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, với bọn lưu manh, côn đồ, buôn lậu, v.v..

+ Giáo dục và lãnh đạo tốt công tác gọi thanh niên nhập ngũ; xây dựng lực lượng dự bị; bảo đảm tốt mối quan hệ quân - dân; thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội.

+ Xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh có cơ sở vững chắc trong quần chúng.

+ Các cơ quan quân sự, toà án, kiểm sát, thanh tra được củng cố và kiện toàn đủ mạnh.

Yêu cầu 2: Quán triệt quan điểm lấy dân làm gốc, bảo đảm quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động.

+ Tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể chăm lo bảo đảm quyền làm chủ của dân; thực hiện tốt phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; xử lý kịp thời, nghiêm túc những hành động trù dập, ức hiếp nhân dân.

+ Trên cơ sở phân phối theo lao động, bảo đảm sự kết hợp đúng đắn ba lợi ích: Nhà nước, tập thể, người lao động; thực hiện công bằng và công khai các chính sách kinh tế - xã hội.

+ Thực hiện có nền nếp chế độ quản lý phê bình cán bộ, đảng viên và sự lãnh đạo của tổ chức đảng, đóng góp ý kiến vào công tác quản lý của các cơ quan nhà nước, sự hoạt

động của đoàn thể (ở cơ sở sáu tháng một lần theo chế độ).

Yêu cầu 3: Xây dựng tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị cơ sở vững mạnh.

+ Lãnh đạo thực hiện tốt "cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước; ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội".

+ Đội ngũ cốt cán ở cơ sở trong sạch, sâu sát quần chúng, có năng lực. Đông đảo đảng viên được phân công rõ và chi bộ, tổ đảng thường xuyên kiểm tra đảng viên thực hiện nhiệm vụ được phân công.

+ Công tác phát triển đảng viên mới được thực hiện tích cực, bảo đảm chất lượng và đúng hướng.

Ít nhất có 3/4 tổ chức cơ sở đảng thuộc loại trong sạch vững mạnh và khá, không còn cơ sở kém nát. Củng cố được nhiều cơ sở yếu. Cải tiến được việc chỉ đạo các cơ sở đảng ở các đơn vị kinh tế - xã hội của trung ương và tỉnh, thành phố trực thuộc đảng bộ huyện, quận, thị. Các đoàn thể quần chúng, các tổ chức chính quyền là đơn vị tiên tiến hoặc khá.

Yêu cầu 4: Huyện uỷ, uỷ ban nhân dân, ban chấp hành các đoàn thể cấp huyện được kiện toàn.

+ Tập thể huyện uỷ, nhất là ban thường vụ, bí thư, phó bí thư, chủ tịch uỷ ban nhân dân đoàn kết, giữ gìn phẩm chất tốt; có năng lực lãnh đạo và quản lý, có ý thức tổ chức kỷ luật.

+ Thực hiện tốt chế độ đi cơ sở, sinh hoạt với chi bộ ở cơ sở, tiếp xúc với quần chúng lao động.

+ Bộ máy huyện uỷ, uỷ ban nhân dân, các cơ quan kinh doanh, các đoàn thể quần chúng cấp huyện tinh, gọn, hoạt động có hiệu quả, làm việc theo quy chế, sâu sát thực tế.

Yêu cầu 5: Xây dựng và thực hiện tốt quy hoạch cán bộ phù hợp với mục tiêu kinh tế - xã hội và mọi nhiệm vụ của

đảng bộ.

+ Từng tổ chức trong ban thường vụ, thường trực uỷ ban nhân dân, cán bộ chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể ở huyện, quận, thị và cơ sở, đơn vị sản xuất, kinh doanh phải có cán bộ dự bị theo quy hoạch.

+ Thực hiện có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch đã đề ra với những biện pháp tích cực.

2. Về công nhận các đảng bộ huyện, quận, thị và cơ sở vững mạnh

Xây dựng đảng bộ huyện, quận, thị và cơ sở vững mạnh là trách nhiệm thường xuyên của các cấp uỷ. Các tỉnh, thành uỷ chịu trách nhiệm trước Trung ương về tình hình các đảng bộ huyện, quận, thị và đơn vị trực thuộc. Huyện, quận, thị uỷ chịu trách nhiệm trước tỉnh, thành uỷ về các đảng bộ cơ sở trực thuộc.

Theo tinh thần đó, từ nay ban chấp hành đảng bộ các tỉnh, thành phố trực tiếp xem xét và quyết định biểu dương các đảng bộ huyện, quận, thị đạt yêu cầu vững mạnh. Ban chấp hành đảng bộ các huyện, quận, thị trực tiếp xem xét và quyết định biểu dương các đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh.

Vì vậy, việc công nhận các đảng bộ vững mạnh phải được tiến hành theo các quy trình sau:

- Tỉnh, thành uỷ cần giao cho các cơ quan cấp tỉnh, thành theo dõi sát phong trào, có kế hoạch kiểm tra, giúp đỡ các tổ chức, ngành mìn ở huyện, quận, thị và nhận xét về phong trào thuộc ngành mìn ở cấp huyện, quận, thị.

quận, thị vững mạnh: 1987-1988; 1989-1990, khớp với nhiệm kỳ Đại hội đảng bộ huyện, quận, thị.

Việc công nhận các đảng bộ vững mạnh phải được tiến hành với tinh thần tăng cường quản lý tổ chức, thực hiện tự phê bình và phê bình.

Ba tháng trước khi cấp uỷ xét công nhận đảng bộ huyện, quận, thị vững mạnh, thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ lãnh đạo các ban, ngành tiến hành kiểm tra các đảng bộ huyện và sơ bộ nhận xét, phân loại các đảng bộ huyện, quận, thị. Sau đó mở hội nghị cán bộ (gồm lãnh đạo các ban, ngành và các bí thư huyện, quận, thị) để tham gia ý kiến với thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ về dự kiến nhận xét phân loại đảng bộ (vững mạnh, khá, yếu kém).

- Thường vụ cấp uỷ xem xét để quyết định việc công nhận các đảng bộ vững mạnh và báo cáo để hội nghị toàn thể ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành thông qua.

Ban Bí thư giao cho Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương tham gia ý kiến với tỉnh, thành uỷ trong việc công nhận các đảng bộ huyện, quận, thị... đạt tiêu chuẩn vững mạnh trước khi cấp uỷ ra quyết định công nhận.

Đối với các đảng bộ huyện, quận, thị đã được các tỉnh, thành uỷ xét và đề nghị với Ban Bí thư công nhận là đảng bộ vững mạnh của các năm 1983-1986, ban thường vụ cấp uỷ cần báo cáo lại với tập thể tỉnh, thành uỷ để công nhận các đảng bộ xứng đáng. Tỉnh, thành uỷ chỉ đề nghị Ban Bí thư quyết định khen đảng bộ huyện, quận, thị đạt tiêu chuẩn vững mạnh xuất sắc nhất trong số những đơn vị vững mạnh của các đảng bộ đó (nếu có).

Đối với các đảng bộ cơ sở, cấp uỷ huyện, quận, thị cũng đề nghị tỉnh, thành uỷ khen đảng bộ cơ sở xuất sắc nhất của các cơ sở trong sạch vững mạnh (nếu có). Việc phân cấp phải đi đôi với tăng cường kiểm tra.

Từ nay đến năm 1990 sẽ có hai đợt xét công nhận huyện, Cần ngăn ngừa tình hình báo cáo không đúng sự thật, cảm tình, nể nang, cục bộ địa phương dẫn đến hình thức, tuỳ tiện hạ thấp tiêu chuẩn công nhận những đảng bộ chưa đạt tiêu chuẩn. Nếu cấp uỷ công nhận sai thì phải chịu trách nhiệm trước Trung ương.

Quyết định này gửi đến các tỉnh uỷ, thành uỷ, các cấp uỷ huyện, quận, thị, các ban của Trung ương, các bộ, tổng cục, ban chấp hành các đoàn thể để tổ chức thực hiện.

T/M BAN BÍ THU

ĐÔI MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THU**

Số 15-CT/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1987

**Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm
sử dụng tốt hơn báo chí trong cuộc đấu tranh
chống tiêu cực**

Thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, nhiều báo, đài ở trung ương và địa phương đã tích cực đấu tranh chống tiêu cực, có tác dụng động viên cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và nhân dân tham gia cuộc đấu tranh đó, bước đầu đem lại lòng tin cho quần chúng; thúc đẩy các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước giải quyết nhanh hơn và có hiệu quả hơn một số vụ, việc tiêu cực. Qua đó, một số báo, đài đã có sự cải tiến về nội dung và hình thức, thắt chặt thêm mối quan hệ giữa báo chí với công chúng.

Để tiếp tục cuộc đấu tranh trên hướng đúng và có hiệu quả hơn, cần khắc phục ngay những mặt yếu và thiếu sót sau đây:

- Một số cán bộ lãnh đạo địa phương và ngành chưa lãnh đạo báo, đài hướng vào trọng tâm, trọng điểm, chưa biết sử dụng và ủng hộ báo chí làm công cụ đấu tranh sắc bén chống tiêu cực, có nơi còn ngần ngại, thậm chí cản trở bằng cách này

hay cách khác việc đưa công khai vụ, việc tiêu cực ra trước công luận. Việc kiểm tra, xác minh, xử lý và trả lời một số việc báo chí đã nêu ra còn chậm. Việc rút bài học từ vụ việc đã xử lý để giáo dục chung làm chưa tốt.

- Trong một số vụ, việc, báo, đài còn thiếu kiểm tra, cân nhắc kỹ về tính chân thật và hiệu quả trước khi công bố, có sự việc đưa ra không đúng; trong một số ít bài, có biểu hiện động cơ thiếu trong sáng của người viết báo. Cuộc đấu tranh chống tiêu cực ngay trong giới báo chí cũng chưa đúng mức, ý thức trách nhiệm và kỷ luật trong việc viết bài chống tiêu cực chưa nghiêm túc.

Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với báo chí trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, Ban Bí thư quy định một số điểm sau đây:

1. Tất cả các cấp ủy, các cơ quan của Đảng và Nhà nước, các cán bộ, đảng viên cần quán triệt sâu sắc hơn nữa tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng về "cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng; làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước; đẩy lùi và xoá bỏ các hiện tượng tiêu cực, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội" và "cần đưa công khai lên báo, đài hoặc qua các cuộc sinh hoạt của các tổ chức đảng và đoàn thể quần chúng những vụ cán bộ, đảng viên, kể cả cán bộ cao cấp mắc sai lầm nghiêm trọng về phẩm chất, đạo đức". Thực tiễn báo chí tham gia đấu tranh chống tiêu cực thời gian qua chứng minh rằng phương hướng đó là đúng đắn, cần kiểm điểm rút kinh nghiệm, phát huy kết quả đã đạt được, khắc phục các khuyết điểm như đã nêu trên để tiếp tục đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống tiêu cực trên báo, đài.

2. Phê bình công khai trên báo, đài trước mắt cần tập trung *phê phán bệnh quan liêu, vô trách nhiệm, làm trái chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, làm rối trật tự, kỷ cương, gây lãng phí lớn; chống tệ ức hiếp quần chúng, chuyên quyền độc đoán, bắt người trái phép, trù dập những người*

đấu tranh, phê bình; chống tham nhũng dưới mọi biếu hiện; công khai lên án những phần tử thoái hoá, biến chất lạm dụng chức quyền làm nhiều việc phạm pháp nghiêm trọng; vạch mặt và lên án những kẻ trốn thuế, làm hàng giả, đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường, gây khó khăn cho đời sống nhân dân, làm thiệt hại đến nền kinh tế.

Các vụ việc đưa công khai lên báo phải nhằm phát huy tác dụng giáo dục chung và răn đe những phần tử xấu, chú ý *nhiều vụ việc có tính chất điển hình và những vụ việc của cán bộ thoái hoá, biến chất, những bọn đầu cơ, buôn lậu lớn.*

3. Các cấp uỷ đảng, các đảng đoàn và thủ trưởng ngành phải đặc biệt chú trọng phát huy dân chủ, tăng cường tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt cơ quan và kịp thời giải quyết công minh những điều cán bộ, đảng viên, quần chúng phát hiện qua tự phê bình và phê bình, qua đơn thư gửi cho tổ chức để giám bớt đáng kể các bài phê bình trên cơ quan thông tin đại chúng. Mặt khác *phải tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo đối với báo chí thuộc phạm vi trách nhiệm của mình trong việc tham gia đấu tranh chống tiêu cực, bảo đảm đúng đường lối chính sách của Đảng; uốn nắn kịp thời những lệch lạc, không can thiệp sâu vào nghiệp vụ của báo, đài.*

Phê bình công khai trên báo chí là quyền của mọi cán bộ, đảng viên và công dân đối với tất cả những cơ quan đảng, nhà nước, các đoàn thể, các tổ chức xã hội của bất kỳ ngành nào và cấp nào, đối với mọi cán bộ có hành vi sai trái.

Vừa qua, các nơi gửi cho báo, đài những thư, bài, đơn tố cáo ngày càng nhiều. Phần lớn là những vụ việc nêu lên đúng sự thật, nhưng cũng có nhiều vụ việc nói không đúng; có vụ việc có tính chất vu cáo, đả kích... Để bảo đảm tính chân thực và nâng cao giá trị các bài phê bình trên báo chí, người viết bài phải điều tra, thẩm tra kỹ, phải phân loại, lựa chọn một số vụ việc có ý nghĩa giáo dục, đấu tranh xây dựng, phải cân nhắc hệ quả về các mặt, tham khảo ý kiến của

những cơ quan kiểm tra, thanh tra, kiểm sát hoặc cấp có trách nhiệm xử lý việc đó, và trao đổi ý kiến với thủ trưởng quản lý trực tiếp mình trước khi quyết định công bố.

Những vụ việc khác thì chuyển sang các cấp, các ngành, cơ sở chủ quản nghiên cứu giải quyết một cách nghiêm túc, dứt điểm, thông báo kết quả cho báo, đài và người có thư, bài, đơn tố cáo biết, không được bỏ đi một cách tuỳ tiện.

4. Các bài phê bình công khai trên báo, đài phải bảo đảm *chân thật về bản chất và chính xác về chi tiết*, hết sức tránh sai sót, tránh bình luận chủ quan hoặc phê phán thiếu tính chất xây dựng. Những người làm báo phải có *động cơ đúng, trong sáng, có ý thức tôn trọng chân lý và phương pháp làm việc khoa học, chịu khó tìm hiểu cẩn kẽ vấn đề, lắng nghe nhiều nguồn thông tin*. Các báo, đài cần tuyển chọn kỹ phóng viên, cán bộ biên tập, thường xuyên bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị và đạo đức cách mạng, có quy chế làm việc nghiêm túc nhằm phát huy tính năng động của phóng viên, bảo đảm cho phê bình có tính xây dựng và có hiệu quả.

Nghiêm khắc xử lý theo kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước những người phê bình trên báo, đài xuất phát từ động cơ cá nhân chủ nghĩa (bất mãn hoặc trả thù), có tính vu cáo hoặc có tính cơ hội lợi dụng phê bình làm nhiễu loạn tâm lý xã hội, bôi nhọ, xuyên tạc, kích động dư luận, đả kích chế độ. Khi biết phê bình không đúng thì phải cải chính và nghiêm túc tự phê bình thiếu sót của mình trên báo, đài. Báo, đài phải đăng cả bài có ý kiến khác của cá nhân hoặc tổ chức bị phê bình trên báo.

5. Tổng biên tập được quyết định và chịu trách nhiệm về việc phê bình công khai trên báo hoặc đài mà mình phụ trách. Đối với những vụ việc thấy khó quyết định thì tổng biên tập xin ý kiến đồng chí được cấp uỷ, ngành, tổ chức ấy phân công lãnh đạo công tác tư tưởng. Những đồng chí này nếu xét cần thiết thì đưa ra trao đổi ý kiến thêm với đồng chí phụ trách chung hoặc trong tập thể cấp lãnh đạo của mình.

Trường hợp có sự không nhất trí giữa tổng biên tập báo, đài và cấp uỷ thì tổng biên tập phải thi hành quyết định của người hoặc cấp uỷ trực tiếp lãnh đạo mình nhưng được quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo lên cấp trên. Cấp uỷ hoặc lãnh đạo ngành sau khi quyết định không cho báo đăng cũng phải lập tức báo cáo sự việc lên cấp trên trực tiếp hoặc trên một cấp khi thấy cần thiết. Cấp trên có trách nhiệm xem xét và trả lời trong thời hạn ngắn nhất. Nghiêm cấm việc lạm dụng quyền lực của người hoặc tổ chức lãnh đạo để hạn chế báo chí phê bình đấu tranh chống tiêu cực.

6. Trong khi đấu tranh chống tiêu cực, *báo chí không được làm lộ bí mật của Đảng và Nhà nước*. Các ngành quốc phòng, công an, kinh tế, ngoại giao... cần xem lại các quy định cụ thể những vấn đề cần được giữ bí mật trước đây để bảo đảm giữ bí mật quốc gia một cách tuyệt đối và kiến nghị những điểm sửa đổi, bổ sung trình Hội đồng Bộ trưởng xem xét quyết định rồi thông báo cho báo chí rõ để thực hiện. Các cơ quan, đoàn thể, đơn vị kinh tế, tổ chức xã hội *không được lạm dụng việc giữ bí mật mà cần trở báo chí làm chức năng thông tin*.

7. Những tập thể và cá nhân được phê bình trên báo chí *phải công khai trả lời*, tiếp thu những điều phê bình đúng, nêu rõ biện pháp và thời gian khắc phục, sửa chữa. Báo, đài nào đăng, phát bài phê bình thì báo hoặc đài ấy sẽ đăng, phát bài tiếp thu phê bình. Báo chí cần nêu gương những cơ quan, đơn vị, cá nhân tiếp thu phê bình hoặc tự phê bình và sửa sai nghiêm túc, đồng thời bình luận rút ra những bài học bổ ích. Trường hợp đối tượng bị báo chí nêu lên đang được các cơ quan pháp luật điều tra xem xét thì báo chí có quyền không đăng những bài trả lời của đương sự vin cớ "tiếp thu phê bình" để thanh minh hoặc tác động đến dư luận.

Những cơ quan, tổ chức được phê bình, góp ý trên báo, đài thì tối đa sau một vài tháng phải có bài trả lời công khai gửi đến cơ quan báo, đài đã đăng. Những sự việc

phúc tạp cần có thêm thời gian thông báo cho cơ quan báo chí biết lý do, nhưng cũng không được kéo dài và không trả lời. Những người bị phê bình không đúng sự thật có quyền đòi được đính chính trên báo, dài và đề nghị xử lý theo luật báo chí.

8. Trách nhiệm của báo chí là nêu ra trước công luận những hiện tượng tiêu cực, những hành vi trái kỷ cương của Đảng, trái pháp luật Nhà nước. *Việc xử lý những việc được báo chí nêu lên là trách nhiệm của các cấp bộ đảng, và cấp chính quyền*, trước hết là thủ trưởng ngành liên quan và các cơ quan kiểm tra, thanh tra, các cơ quan pháp luật (trường hợp cần khởi tố). Khi xử lý, cần lắng nghe công luận và có sự hợp tác của báo chí.

9. *Nghiêm cấm việc trù dập những người phê bình, trả thù những người làm báo hoặc bạn đọc, bạn nghe dài có bài phê bình trên báo chí*. Các cấp uỷ và tổ chức đảng cần có biện pháp bảo vệ những người làm báo tích cực đấu tranh chống tiêu cực. Trường hợp người bị trù dập hoặc trả thù là hội sở đó kiểm điểm những ưu điểm, khuyết điểm của mình thời gian qua trong việc lãnh đạo báo chí tham gia đấu tranh chống tiêu cực và có kế hoạch phổ biến rộng rãi Chỉ thị này trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Đối với đội ngũ cán bộ tuyên huấn, báo chí, Ban Tuyên huấn Trung ương và các tỉnh uỷ, thành uỷ, các ngành có báo cần tổ chức nghiên cứu sâu sắc Chỉ thị, có liên hệ rút kinh nghiệm những việc làm tốt và chưa tốt thời gian qua, để ra chương trình hoạt động của từng báo, dài thời gian tới nhằm động viên toàn thể giới báo chí và sử dụng tốt hơn sức mạnh của báo chí vào cuộc đấu tranh chống tiêu cực, thúc đẩy quá trình dân chủ hoá, thực hiện những nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ VI của Đảng đã nêu.

Trong khi đẩy mạnh và nâng cao tác dụng chống tiêu cực, các báo, dài phải quan tâm đề cao đúng mức tính ưu việt và những thành tích của chế độ ta, biểu dương những người tốt

viên Hội Nhà báo Việt Nam thì Hội Nhà báo Việt Nam có thể can thiệp trực tiếp với cơ quan có trách nhiệm và thẩm quyền đòi đưa ra công luận và xử lý kẻ có hành vi trù dập hoặc trả thù. Hội Nhà báo Việt Nam cần được củng cố để làm tốt nhiệm vụ trong tình hình mới.

10. Trong lúc chờ có Luật báo chí mới, mọi hoạt động báo chí phải tuân theo các văn bản luật pháp Nhà nước đã ban hành. Bộ Thông tin có trách nhiệm phổ biến các luật lệ Nhà nước về báo chí cho các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước, các cơ quan báo chí biết và quán lý nghiêm việc thi hành. Những quy định trước đây của Đảng và Nhà nước không phù hợp với nội dung Chỉ thị này không còn hiệu lực, phải được kịp thời xoá bỏ. Các cơ quan nhà nước cần rà soát lại để điều chỉnh và bổ sung kịp thời những quy định phù hợp với Chỉ thị này.

Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng chỉ đạo sớm việc soạn thảo Luật báo chí mới, để trình Quốc hội.

Các cấp uỷ đảng cần nghiên cứu kỹ Chỉ thị này, trên cơ

việc tốt để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa trên tất cả mọi lĩnh vực xã hội.

Chỉ thị này được công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THU**

Số 20-QĐ/TW, ngày 23 tháng 9 năm 1987

Về Phông Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam

Căn cứ yêu cầu quản lý tập trung thống nhất và sử dụng có hiệu quả tài liệu lưu trữ của Đảng Cộng sản Việt Nam,

BAN BÍ THU TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Phông Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam, nhằm mục đích thống nhất quản lý và khai thác sử dụng tài liệu lưu trữ của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn của các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng.

Điều 2: Phông Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam là toàn bộ tài liệu lưu trữ của Đảng và Đoàn Thanh niên có ý nghĩa chính trị, khoa học và thực tiễn, bao gồm bản chính (hoặc bản sao có giá trị như bản chính) các loại tài liệu sau đây: chính cương, cương lĩnh, điều lệ, tuyên ngôn, tờ trình, đề án, biên bản, kế hoạch, nghị quyết, chỉ thị, quyết định, kết luận, thông tri, thông báo, báo cáo, công văn trao đổi và điện các

loại, các báo, sách và tạp chí của Đảng, tài liệu của trường đảng, truyền đơn, lời kêu gọi, hiệu triệu, nhật ký, hồi ký về lịch sử Đảng - kể cả phim chụp, phim quay, ảnh, tranh, micro phim, đĩa ghi âm, băng ghi âm, băng ghi hình, v.v. và những tài liệu khác hình thành trong quá trình hoạt động của các cấp uỷ, cơ quan, tổ chức Đảng và Đoàn các cấp; toàn bộ tài liệu về thân thế, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt ở cấp uỷ đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Điều 3: Thành phần tài liệu Phông Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam gồm:

- Tài liệu của các tổ chức tiền thân của Đảng;
- Tài liệu của Đảng và các đoàn thể quần chúng của Đảng trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945;
- Tài liệu của các Đại hội toàn quốc của Đảng và Đại hội đảng bộ các cấp, của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của các cấp uỷ Đảng Cộng sản Việt Nam (trước kia là Đảng Cộng sản Đông Dương, Đảng Lao động Việt Nam); tài liệu của các đảng bộ trực thuộc, các ban, đảng đoàn, trường đảng, báo, tạp chí, nhà xuất bản, v.v. của Đảng và Đoàn Thanh niên;
- Tài liệu của Trung ương Cục miền Nam, các xứ uỷ, liên khu uỷ, khu uỷ, ban và đảng uỷ trực thuộc Trung ương đã giải thể;
 - Tài liệu về thân thế, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh; các lãnh tụ tiền bối của Đảng, các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của các cấp uỷ tỉnh, thành, đặc khu;
 - Tài liệu về một số cán bộ, đảng viên tiêu biểu do Ban Bí thư Trung ương Đảng quy định từng thời kỳ;
 - Hồi ký cách mạng của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và các cán bộ lão thành cách mạng;

- Tài liệu về quá trình xây dựng và hoạt động của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp và của các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đoàn;
- Tài liệu về những hoạt động của các đảng cộng sản và công nhân, của các tổ chức và phong trào quốc tế có liên quan đến Đảng ta; về những quan hệ giữa Đảng ta và các đảng, các tổ chức và phong trào quốc tế; về những chiến sĩ quốc tế đã hoạt động trên đất nước ta và những đảng viên tiêu biểu của Đảng ta làm nhiệm vụ quốc tế ở các nước khác;
- Tài liệu của các chế độ phong kiến, thực dân, đế quốc xâm lược và các chính quyền tay sai phản động có liên quan trực tiếp đến hoạt động của Đảng ta.

Điều 4: Tài liệu Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ tài liệu lưu trữ quốc gia, là di sản văn hóa vô cùng quý báu của Đảng và của dân tộc ta, thuộc sở hữu của toàn Đảng. Mọi tổ chức, cán bộ, đảng viên, công dân, đều có trách nhiệm giữ gìn, bảo vệ và thực hiện đúng các chế độ, quy định về lưu trữ tài liệu của Đảng và pháp luật của Nhà nước; không một tổ chức hoặc cá nhân nào được giữ tài liệu lưu trữ của Đảng và Đoàn làm của riêng, tự ý sao chép, công bố, mua bán, trao đổi, sửa chữa, tiêu huỷ trái phép hoặc sử dụng vào các mục đích trái lợi ích của Đảng và Nhà nước...

Các cơ quan nghiên cứu khoa học, các viện bảo tàng,... chỉ được lưu giữ hoặc trưng bày những tài liệu phục chế, những bản sao để phục vụ cho yêu cầu công tác của cơ quan mình; những bản tài liệu gốc và bản tài liệu chính (hoặc bản sao có giá trị như bản chính) phải giao lại cho các cơ quan lưu trữ của Đảng quản lý. Những tổ chức hoặc cá nhân còn giữ các tài liệu lưu trữ của Đảng phải giao lại cho cơ quan lưu trữ của Đảng có trách nhiệm quản lý tài liệu ấy (nếu cần, được nhận lại bản sao).

Điều 5: Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam do Cục Lưu trữ Trung ương Đảng trực thuộc Ban Bí thư thống nhất quản lý và được bảo quản trong các kho lưu trữ của Đảng ở

các cấp từ trung ương đến địa phương và Kho lưu trữ Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

Hệ thống các cơ quan lưu trữ của Đảng gồm:

- Cục Lưu trữ Trung ương Đảng trực thuộc Ban Bí thư;
- Các kho lưu trữ trực thuộc tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ đặt trong văn phòng cấp uỷ;
- Các kho lưu trữ ở cấp uỷ huyện, quận, thị, thành phố trực thuộc tỉnh đặt trong văn phòng cấp uỷ.

Ở Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh có kho lưu trữ tài liệu trực thuộc Trung ương Đoàn. Các kho lưu trữ của cấp uỷ tỉnh, thành, đặc khu và huyện, quận, thị quản lý cả tài liệu của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cùng cấp. Các kho lưu trữ của cấp uỷ huyện, quận, thị quản lý cả tài liệu các đảng uỷ và đoàn cơ sở.

Điều 6: Cục Lưu trữ Trung ương Đảng có nhiệm vụ nghiên cứu soạn thảo các văn bản của Trung ương Đảng chỉ đạo công tác văn thư và lưu trữ; giúp Ban Bí thư kiểm tra việc thực hiện các văn bản chỉ đạo ấy. Cục có trách nhiệm trực tiếp quản lý Kho Lưu trữ Trung ương; hướng dẫn, chỉ đạo thống nhất nghiệp vụ khoa học và công tác văn thư và lưu trữ đối với các cơ quan của Đảng và Đoàn Thanh niên.

Điều 7: Trừ các tài liệu cơ mật có quy định riêng, các tài liệu khác hình thành trong quá trình lãnh đạo của Đảng ở Văn phòng Trung ương Đảng, văn phòng các cấp uỷ, các ban, các cơ quan khác của Đảng và Đoàn, sau thời gian quy định, phải giao nộp vào kho lưu trữ của cấp uỷ đảng cùng cấp để quản lý.

Thời hạn bảo quản tài liệu ở bộ phận lưu trữ hiện hành của các cơ quan đảng và đoàn các cấp quy định như sau:

- Ở Trung ương: 5 năm (hết một nhiệm kỳ).

- Ở tỉnh, thành, đặc khu: 5 năm (hết một nhiệm kỳ).
 - Ở huyện, thị, quận và cơ sở: 2-3 năm (hết một nhiệm kỳ).
- Hồ sơ lý lịch và tài liệu nhân sự của cán bộ, đảng viên thuộc cấp uỷ nào quản lý, sau khi cán bộ, đảng viên ấy qua đời, giao nộp vào kho lưu trữ cấp uỷ ấy.

Điều 8: Việc xác định giá trị tài liệu Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam phải do các Hội đồng xác định giá trị tài liệu lưu trữ của Đảng ở các cấp tiến hành. Thành phần Hội đồng xác định giá trị tài liệu ở Cục Lưu trữ Trung ương những tài liệu về thân thế, sự nghiệp và hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng.

Điều 9: Các cơ quan của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân và cán bộ, đảng viên được đến nghiên cứu tài liệu tại các cơ quan lưu trữ của Đảng theo các chế độ do cấp uỷ quy định. Việc công bố, trưng bày tài liệu của Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam phải theo quy chế do Ban Bí thư và cấp uỷ quản lý kho lưu trữ đảng các cấp định, và phải chấp hành đúng chế độ giữ gìn bí mật của Đảng và Nhà nước.

Điều 10: Tài liệu Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam không được tự tiện mang ra khỏi biên giới nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc phục vụ khai thác tài liệu Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam đối với người nước ngoài phải được Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định.

Điều 11: Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ, các ban, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc, các cơ quan đảng và đoàn thanh niên các cấp có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN Bí THƯ

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ

Đảng do Ban Bí thư quy định, ở các kho lưu trữ đảng các cấp do cấp uỷ quy định.

Tài liệu Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ được loại huỷ sau khi được Hội đồng xác định giá trị tài liệu lưu trữ xem xét và quyết định. Không được loại huỷ tài liệu thuộc Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam từ năm 1954 trở về trước, tài liệu trước năm 1975 đối với các cấp uỷ đảng và Đoàn Thanh niên ở các tỉnh từ Bình - Tri - Thiên trở vào,

Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THU**

Số 21-QĐ/TW, ngày 23 tháng 9 năm 1987

**Về việc thành lập Cục Lưu trữ Trung ương Đảng
trực thuộc Ban Bí thư**

Để giúp Ban Bí thư Trung ương Đảng quản lý tập trung thống nhất Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam và tăng cường chỉ đạo công tác lưu trữ tài liệu, văn kiện của Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,

BAN BÍ THU TRUNG ƯƠNG ĐẢNG QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Cục Lưu trữ Trung ương Đảng trực thuộc Ban Bí thư, trên cơ sở sáp nhập Vụ Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng và Cục Lưu trữ thuộc Viện Mác - Lênin.

Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm lưu giữ những tài liệu, văn kiện của Trung ương Đảng theo thời hạn do Ban Bí thư quy định.

Điều 2: Cục Lưu trữ Trung ương Đảng có nhiệm vụ:

1. Trực tiếp quản lý kho lưu trữ tài liệu của Trung ương

Đảng; sưu tầm, thu thập, sắp xếp một cách khoa học và bảo quản tuyệt đối an toàn tài liệu, văn kiện của Đảng; phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn của các cơ quan Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng theo chế độ và quy định của Ban Bí thư.

2. Nghiên cứu trình Ban Bí thư ban hành các chỉ thị, chế độ, chính sách, quy định về công tác văn thư và công tác lưu trữ của Đảng; thống nhất chỉ đạo nghiệp vụ khoa học công tác văn thư và công tác lưu trữ đối với các cơ quan đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

3. Quy hoạch đào tạo, hướng dẫn bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư, lưu trữ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên làm công tác này ở các cơ quan đảng các cấp và Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

4. Hợp tác với các cơ quan lưu trữ Trung ương Đảng các nước xã hội chủ nghĩa để trao đổi kinh nghiệm về chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 3: Cục Lưu trữ Trung ương Đảng do một Cục trưởng phụ trách và một số Phó Cục trưởng giúp việc.

Tổ chức và biên chế cụ thể của Cục Lưu trữ do đồng chí Cục trưởng bàn với Ban Tổ chức Trung ương quy định.

Điều 4: Cục Lưu trữ Trung ương Đảng được nhận các thông tin cần thiết và dự các cuộc họp có liên quan do Ban Bí thư triệu tập.

Điều 5: Văn phòng Trung ương, Viện Mác - Lênin, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Cục Lưu trữ Trung ương Đảng có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN BÍ THU

ĐỎ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 16-CT/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1987

**Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị
về cuộc vận động làm sạch và nâng cao
sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy
nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội**

Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội có ý nghĩa quan trọng về nhiều mặt đối với việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Đây là một cuộc vận động lớn tiến hành trong một thời gian tương đối dài, có một số thuận lợi nhưng cũng có nhiều khó khăn, phức tạp.

Để thực hiện tốt Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động nói trên, Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành:

1. Tổ chức tốt việc phổ biến và nghiên cứu trong toàn Đảng, toàn dân Nghị quyết của Bộ Chính trị, quán triệt mục đích, yêu cầu, nội dung, phương châm, biện pháp tiến hành cuộc vận động. Nắm vững cốt lõi của cuộc vận động là xây dựng phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên,

nhân viên nhà nước, làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của Đảng và hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, xây dựng con người mới, nếp sống mới xã hội chủ nghĩa, lập lại kỷ cương trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và trong xã hội.

Các cấp, các ngành *xây dựng kế hoạch thực hiện cuộc vận động* trong địa phương, ngành và cơ quan mình, định rõ những việc cần làm để tiến hành cuộc vận động.

2. Phải xử lý ngay một cách nghiêm minh, chính xác, có trọng điểm những vụ vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước, nhất là những vụ nghiêm trọng mà dư luận xã hội đang quan tâm, bao gồm những vụ việc tiêu cực lớn đã đưa lên báo, đài, theo tinh thần làm nghiêm từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, dù người sai phạm ở cương vị công tác nào. Đối tượng chính cần xử lý ngay là bọn thoái hóa, biến chất nghiêm trọng trong bộ máy đảng và nhà nước, bọn làm ăn phi pháp ngoài xã hội, tập trung vào các đơn vị nắm nhiều tiền, hàng, nhất là ở các ngành phân phối, lưu thông, giao thông vận tải, xuất, nhập khẩu, lương thực, vật tư, v.v.. Sau khi xử lý, cần thông báo công khai cho cán bộ, đảng viên và nhân dân biết.

Việc xử lý cần được sự chỉ đạo chặt chẽ của các cấp ủy đảng; uỷ ban kiểm tra và các ngành nội chính ở các cấp phải làm việc khẩn trương, tích cực.

Qua mỗi vụ xử lý, cần rút ra các bài học để giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân, kịp thời kiện toàn tổ chức, bố trí, sắp xếp lại cán bộ, xây dựng các chế độ, thể lệ, quy chế để tăng cường quản lý.

3. Sau khi nghiên cứu Nghị quyết của Bộ Chính trị, mỗi cấp, mỗi ngành chọn ra những người có vấn đề bị tố cáo, phát hiện qua các đợt tự phê bình và phê bình, qua thư từ của dân và qua báo, đài nhưng chưa được kết luận đúng để tổ chức kiểm điểm, kiểm tra, xác minh, kết luận và có biện pháp xử lý công minh, kịp thời, không tổ chức tự phê bình và phê bình tràn lan, không có hiệu quả thiết thực; kiên quyết và

kịp thời loại khỏi chức vụ, đưa ra khỏi Đảng, cơ quan nhà nước và đơn vị công tác hoặc truy tố trước pháp luật những phần tử thoái hóa, biến chất trong tổ chức đảng và bộ máy nhà nước. Nghiêm trị những phần tử làm ăn bất chính ngoài xã hội gây thiệt hại lớn cho Nhà nước và nhân dân.

Đi đôi với việc làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, cần chú ý chỉ đạo vận động làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội; xây dựng lối sống trung thực, giản dị, tiết kiệm, sống bằng lao động của mình, bảo vệ của công, chống lối sống ích kỷ, dối trá, ăn bám, xa hoa, lãng phí, mê tín dị đoan.

Các ban, ngành có chức năng cần nhanh chóng nghiên cứu bổ sung chế độ quản lý cán bộ, đảng viên, chính sách xử lý cán bộ, đảng viên mắc sai lầm, khuyết điểm, chế độ, chính sách đãi ngộ vật chất đối với cán bộ, công nhân, viên chức, xoá bỏ các chế độ bất hợp lý mang tính chất đặc quyền, đặc lợi.

4. Các cơ quan lãnh đạo cần xem xét kỹ tình hình từng tổ chức đảng và bộ máy nhà nước thuộc phạm vi trực tiếp chỉ đạo của mình để có kế hoạch chỉ đạo cụ thể, chặt chẽ đối với từng tổ chức. Các đơn vị thật sự vững mạnh, đội ngũ cốt cán có phẩm chất tốt thì có thể chủ động tiến hành cuộc vận động dưới sự chỉ đạo của cấp trên. Những đơn vị yếu không tự mình làm cuộc vận động được thì phải có sự hướng dẫn trực tiếp của cấp trên; cấp trên phải cử cán bộ đến giúp đỡ. Những đơn vị kém nát, nội bộ mất đoàn kết, cán bộ chủ chốt có những sai lầm, khuyết điểm nghiêm trọng thì phải thay đổi ngay hoặc đình chỉ công tác cán bộ chủ chốt, kiện toàn một bước tổ chức bộ máy lãnh đạo rồi mới triển khai cuộc vận động.

5. Các cấp, các ngành *chọn một số điểm chỉ đạo* để đi sâu kiểm tra, khảo sát, đánh giá đúng chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân viên và tình hình tổ chức ở cơ sở, qua đó rút kinh nghiệm để chỉ đạo chung việc thực hiện cuộc vận động ở địa phương và ngành mình.

6. Để làm tốt cuộc vận động, cần có chương trình bồi dưỡng cán bộ, đảng viên về nội dung Nghị quyết Đại hội VI, nghị quyết các Hội nghị Trung ương, về Điều lệ Đảng, về đạo đức cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa.

7. Thực hiện rộng rãi *dân chủ hoá, công khai hoá* trong đấu tranh xây dựng đạo đức cách mạng, ngăn chặn và loại bỏ các hiện tượng tiêu cực. Cần chấn chỉnh nền nếp tự phê bình và phê bình trong Đảng, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, vận động và tổ chức quần chúng tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền và các đoàn thể thực hiện đều đặn chế độ quần chúng tham gia ý kiến phê bình cán bộ, đảng viên, nhân viên, đi đôi với tăng cường công tác quản lý cán bộ, đảng viên và nhân viên nhà nước.

Chấn chỉnh và thực hiện tốt chế độ tiếp dân ở các ngành, các cấp, từ trung ương đến cơ sở và có ngay những biện pháp tích cực và có hiệu lực để giải quyết kịp thời những điều quẩn chúng phát hiện qua tự phê bình và phê bình và những thư từ khiếu nại, tố cáo của nhân dân.

Thực hiện tốt Chỉ thị ngày 21-9-1987 của Ban Bí thư về "tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm sử dụng tốt hơn báo chí trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực".

8. Thông qua cuộc vận động làm sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, mà phát hiện những người trung thực, thẳng thắn, có nhiệt tình cách mạng sôi nổi, có phẩm chất, đạo đức cách mạng trong sáng và có năng lực để bổ sung vào đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước, kịp thời thay thế cho những phần tử thoái hoá, biến chất, những người có sai lầm đặc biệt nghiêm trọng không còn có đủ uy tín và năng lực đảm đương nhiệm vụ.

9. Một số đồng chí trong Ban Bí thư được phân công thường xuyên theo dõi, chỉ đạo cuộc vận động. Các ban của Đảng, theo nhiệm vụ chức trách của từng ban, nghiên cứu, đề xuất ý kiến, phối hợp chặt chẽ giúp Ban Bí thư chỉ đạo cuộc vận động kết hợp với chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Nghị quyết Trung ương hai, ba và các Nghị quyết Trung ương khác, thực hiện ba chương trình kinh tế lớn và kế hoạch 5 năm 1986-1990. Các ban của Đảng phân công một phó trưởng ban theo dõi cuộc vận động.

Các cấp uỷ địa phương có trách nhiệm chỉ đạo toàn diện cuộc vận động trong đảng bộ mình và phối hợp với các bộ, ngành để chỉ đạo cuộc vận động ở các đơn vị thuộc bộ, ngành đóng tại địa phương.

Các đồng chí bộ trưởng, tổng cục trưởng, thủ trưởng các ngành và các đoàn thể quần chúng trực tiếp phụ trách cuộc vận động ở cơ quan bộ, ngành, đoàn thể và các đơn vị trực

thuộc. Các đảng uỷ cơ quan, đảng uỷ khối có trách nhiệm cùng thủ trưởng chỉ đạo cuộc vận động trong cơ quan.

Các cấp, các ngành cần sơ kết, rút kinh nghiệm và thường xuyên báo cáo Ban Bí thư kết quả cuộc vận động.

Văn phòng Trung ương Đảng và văn phòng các cấp uỷ có bộ phận chuyên trách theo dõi cuộc vận động, giúp Ban Bí thư và cấp uỷ tổng hợp, thông tin, sơ kết và lập chương trình, kế hoạch chỉ đạo cuộc vận động.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÔ MÙỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 22-QĐ/TW, ngày 1 tháng 10 năm 1987

**Một số điểm về công tác văn kiện và quản lý
văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng**

I- VỀ CÔNG TÁC VĂN KIỆN

1. Mọi hoạt động lãnh đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đều được ghi thành văn kiện đúng thể thức.
2. Các đề án hội nghị và dự thảo quyết định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, do các ban của Đảng, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, các đoàn thể hoặc các tiểu ban do Bộ Chính trị lập ra soạn thảo, phải được chuẩn bị đúng yêu cầu, kế hoạch, quy trình và thời gian quy định cho từng hội nghị. Những đề án quan trọng về kinh tế - xã hội và tổ chức - cán bộ phải có đủ chữ ký của các cơ quan có trách nhiệm thực hiện chủ trương.
Cơ quan chủ đề án phải có tờ trình kèm theo đề án và dự thảo nghị quyết. Tờ trình phải nêu rõ quá trình chuẩn bị, nội

dung những quan điểm chủ trương lớn, những vấn đề quan trọng và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và kiến nghị của cơ quan chủ đề án về những vấn đề ấy đề nghị cơ quan lãnh đạo thảo luận và quyết định. Tờ trình với Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương không quá 12 trang, với Hội nghị Bộ Chính trị không quá tám trang và với Hội nghị Ban Bí thư không quá năm trang đánh máy tiêu chuẩn (khổ giấy A4, đánh thưa dòng).

Đề án, dự thảo nghị quyết và tờ trình ra Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương phải gửi đến các Uỷ viên Trung ương và các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương trước 15 ngày, ra Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư phải gửi đến các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương trước năm ngày; đối với vấn đề đột xuất, phải gửi đề án trước hai ngày. Văn phòng Trung ương được yêu cầu cơ quan chủ đề án cung cấp các tài liệu trước Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư bảy ngày (trừ trường hợp đột xuất) và trước Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 20 ngày để kịp phát hành đến các đồng chí lãnh đạo đúng thời gian quy định.

Đồng chí Bí thư Thường trực với sự giúp đỡ của Chánh Văn phòng Trung ương, kiểm tra lại việc chuẩn bị trước khi quyết định ghi vấn đề vào chương trình nghị sự hoặc đề nghị lên đồng chí Tổng Bí thư cho đưa vấn đề vào chương trình nghị sự.

3. Các cuộc hội nghị đều phải có biên bản và hồ sơ hội nghị. Văn phòng Trung ương có trách nhiệm làm biên bản đầy đủ, biên bản tổng hợp và lập hồ sơ các cuộc Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Biên bản đầy đủ của hội nghị phải ghi rõ thời gian, địa điểm, số lượng thành viên chính có mặt, vắng mặt kèm theo, danh sách (đối với Hội nghị Trung ương) hoặc danh sách các thành viên được mời có mặt, vắng mặt (đối với Hội nghị Bộ

Chính trị, Ban Bí thư), chủ toạ và thư ký; những tài liệu sử dụng trong hội nghị; ý kiến phát biểu của từng người; những biểu quyết và kết luận của hội nghị. Biên bản phải có chữ ký của người làm biên bản, chữ ký "đã xem lại" của đồng chí Chánh Văn phòng (hoặc đồng chí Phó Văn phòng chịu trách nhiệm về biên bản trong cuộc hội nghị đó).

Trường hợp cơ quan chủ đề án được giao trách nhiệm làm biên bản, thì biên bản phải có chữ ký của người làm biên bản và của chủ toạ hội nghị. Mọi biên bản đều phải đóng dấu Ban Chấp hành Trung ương.

Biên bản đầy đủ của Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương phải được hoàn chỉnh chậm nhất không quá 10 ngày và của Hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư chậm nhất không quá năm ngày sau khi Hội nghị kết thúc. Đây là tài liệu tuyệt mật của Đảng, chỉ có các đồng chí thành viên chính thức của Hội nghị và đồng chí phụ trách cơ quan chủ đề án được mượn khai thác tại chỗ, theo quyết định của đồng chí Tổng Bí thư hoặc đồng chí Bí thư Thường trực.

Biên bản tổng hợp (*viết gọn là biên bản*) được làm đối với một số hội nghị, chủ yếu ghi những kết luận, những quyết định chính của hội nghị, phải có chữ ký của đồng chí làm biên bản, đồng chí chủ toạ hội nghị và đóng dấu Ban Chấp hành Trung ương. Biên bản phải được ký duyệt chậm nhất không quá ba ngày sau cuộc họp kết thúc. Văn phòng Trung ương có trách nhiệm sao nguyên văn hoặc trích sao biên bản gửi đến các địa chỉ có trách nhiệm thực hiện theo sự chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư hay đồng chí Bí thư Thường trực.

Hồ sơ hội nghị bao gồm: giấy triệu tập, danh sách đại biểu tham dự (chính thức, và dự thính nếu có), chương trình nghị sự của hội nghị, các văn bản sử dụng trong hội nghị, biên bản đầy đủ, biên bản tổng hợp của hội nghị, kết luận và quyết định của hội nghị, ảnh, băng ghi âm (nếu có). Cơ quan làm biên bản hội nghị chịu trách nhiệm lập hồ sơ hội nghị và giao lại Văn phòng Trung ương lưu giữ.

4. Trong trường hợp Bộ Chính trị, Ban Bí thư ra quyết định mà không cần họp, Văn phòng Trung ương có trách nhiệm thực hiện chỉ thị của đồng chí Tổng Bí thư và đồng chí Bí thư Thường trực gửi tài liệu đến từng đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư để xin ý kiến. Các đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư ghi ý kiến sửa chữa, bổ sung trực tiếp vào văn bản và gửi lại Văn phòng Trung ương theo đúng thời gian quy định ghi ở đâu văn bản (thường không quá năm ngày). Sau thời gian đó, đồng chí nào không gửi lại văn bản kèm theo ý kiến sửa chữa, bổ sung của mình thì coi như đồng ý hoàn toàn với dự thảo quyết định. Văn phòng Trung ương có trách nhiệm cùng cơ quan chủ đề án hoàn chỉnh văn kiện theo ý kiến đa số các đồng chí Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư để trình đồng chí Tổng Bí thư hoặc đồng chí Bí thư Thường trực thông qua.

5. Các ban của Trung ương Đảng có trách nhiệm soạn thảo các văn kiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về các mặt công tác do ban phụ trách; xem xét, chỉnh lý các văn kiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư do các ngành trong khối soạn thảo và trình đồng chí Bí thư Trung ương Đảng phụ trách ban thông qua trước khi gửi đến Văn phòng Trung ương để trình ký. Đồng chí Chánh Văn phòng Trung ương Đảng có trách nhiệm xem lại lần cuối văn bản để bảo đảm chất lượng (bảo đảm đúng đường lối, quan điểm của Đảng và ý kiến chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư,

đúng pháp luật Nhà nước, và sự trong sáng trong cách hành văn) và thể thức các văn kiện trước khi trình đồng chí Tổng Bí thư hoặc Bí thư Thường trực ký; gặp trường hợp có vấn đề cần sửa chữa về nội dung, thì đồng chí Chánh Văn phòng bàn lại với ban chủ quản và đồng chí Bí thư phụ trách ban để thống nhất ý kiến.

6. Các văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, các văn bản chỉ đạo của các đồng chí Bí thư đối với công việc thuộc mảnh phụ trách đều do Văn phòng Trung ương đăng ký và phát hành. Các văn kiện của các ban hướng dẫn việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng phải trình đồng chí Bí thư phụ trách ban xem xét; khi được đồng chí Bí thư phụ trách ban đồng ý mới được phát hành và phải gửi cho Văn phòng Trung ương biết.

Những văn kiện, tài liệu chỉ đạo hằng ngày mà toàn Đảng, toàn dân đều phải biết và thực hiện được gửi rộng rãi đến các ngành, các cấp và có thể công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Những văn kiện, tài liệu chỉ đạo không phổ biến rộng rãi, Văn phòng Trung ương gửi đến các địa chỉ thực hiện theo danh sách do Ban Bí thư quyết định.

Những văn kiện có đóng dấu thu hồi phải trả lại Văn phòng Trung ương đúng hạn đã ghi trong dấu thu hồi. Văn phòng Trung ương chịu trách nhiệm theo dõi, thu hồi những văn kiện ấy và báo cáo với Ban Bí thư những trường hợp tài liệu không thu hồi được để xin ý kiến xử lý.

7. Mọi văn kiện, tài liệu gửi đến Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng, trừ thư riêng, đều do Văn phòng Trung ương tiếp nhận, đăng ký. Văn phòng Trung ương có trách nhiệm chuyển tiếp trong thời gian ngắn nhất các văn kiện, tài liệu

hoặc nguyên bì công văn (đối với bì công văn có ghi rõ "riêng người có tên mở bì") đến đúng nơi có trách nhiệm xử lý hoặc cần biết.

Các đồng chí lãnh đạo (Bộ Chính trị, Ban Bí thư) ghi rõ ý kiến giải quyết của mình vào những văn bản do Văn phòng Trung ương chuyển tới xin ý kiến và gửi trả lại Văn phòng Trung ương đúng thời gian ghi ở phiếu gửi.

Những văn bản gửi đến các đồng chí lãnh đạo nếu cần chuyển tiếp đến địa chỉ khác giải quyết đều gửi qua Văn phòng Trung ương đăng ký, theo dõi, không gửi tắt.

8. Những thư từ, kiến nghị, khiếu tố của cán bộ, đảng viên, nhân dân gửi đến Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí lãnh đạo của Đảng đều qua Văn phòng Trung ương tiếp nhận, đăng ký. Văn phòng Trung ương chọn lọc những thư có nội dung quan trọng trình lên đồng chí lãnh đạo xem xét; chuyển các đơn thư đến các cơ quan có trách nhiệm để xử lý, trực tiếp trả lời cho đương sự rồi báo cáo kết quả lên Ban Bí thư, hoặc để nghiên cứu kiến nghị với Ban Bí thư biện pháp xử lý; theo dõi, đôn đốc việc xử lý của các cơ quan đó và định kỳ báo cáo tổng hợp kết quả các nơi xử lý đơn, thư lên Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các đồng chí lãnh đạo của Đảng.

II- VỀ QUẢN LÝ VĂN KIỆN

9. Các tài liệu, văn kiện của Trung ương Đảng, của các nơi gửi Trung ương Đảng và gửi các ban trong bộ máy Trung ương Đảng phải được quản lý tập trung thống nhất. Mọi văn kiện, tài liệu do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và do các ban giúp việc Trung ương phát hành cũng như do các cấp ủy, các ngành gửi đến Trung ương, các ban Trung ương sau khi hết thời hạn xử lý, và các hồ sơ về

nhân sự và kỷ luật trong Đảng có tính chất là tài liệu lịch sử, đều phải giao nộp cho Cục Lưu trữ Trung ương Đảng quản lý; Văn phòng các đồng chí lãnh đạo của Đảng và các ban giúp việc Trung ương phải lập hồ sơ, thống kê và giao nộp đúng thời hạn quy định. Các hồ sơ hiện hành về nhân sự và kỷ luật trong Đảng do Ban Tổ chức Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương quản lý.

Những văn kiện, tài liệu của Trung ương Đảng và của các đồng chí lãnh tụ từ trước tới nay do các đồng chí lãnh đạo cao cấp và các cơ quan Đảng và Nhà nước lưu giữ, đều phải thống kê và giao nộp vào Cục Lưu trữ Trung ương Đảng. Không một cá nhân nào được giữ những văn kiện, tài liệu mật của Đảng và của lãnh tụ làm tài sản riêng.

Nếu là tài liệu tối mật, tuyệt mật phải giữ bí mật trong thời gian dài, thì các đồng chí lãnh đạo và các ban niêm phong giao cho Văn phòng Trung ương Đảng lưu giữ hoặc nộp lưu ở Cục Lưu trữ Trung ương Đảng theo quy định cụ thể của Ban Bí thư.

10. Cục Lưu trữ Trung ương Đảng được giao trách nhiệm phục vụ các yêu cầu khai thác các văn kiện lưu trữ của Đảng và của các đồng chí lãnh tụ theo chế độ quy định của Ban Bí thư. Các tổ chức và cá nhân không được giữ lại các tài liệu mật, tối mật và tuyệt mật sau thời gian sử dụng quy định. Các báo, tài liệu và cơ quan xuất bản của Đảng và Nhà nước chỉ được công bố những tài liệu của Trung ương Đảng và của các đồng chí lãnh tụ khi được Ban Bí thư cho phép và do Văn phòng Trung ương Đảng và Cục Lưu trữ Trung ương cung cấp.

11. Việc công bố hoặc trưng bày những văn kiện, tài liệu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và của các lãnh tụ của Đảng chưa từng công bố công khai phải được phép của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

12. Các tổ chức và cá nhân không được sửa đổi, cắt xén nội dung nguyên bản các văn kiện, tài liệu chính thức của Đảng, kể cả những bút tích, tài liệu của các đồng chí lãnh đạo đã quá cố. Không được tự ý sao chép các tài liệu mật và huỷ hoại những văn kiện, tài liệu lưu trữ của Đảng. Việc tổ chức loại huỷ những văn kiện đã hết giá trị phải do Cục Lưu trữ Trung ương Đảng quy định và kiểm tra thực hiện một cách nghiêm ngặt.

13. Văn phòng Trung ương Đảng và Cục Lưu trữ Trung ương Đảng có trách nhiệm cụ thể hoá các quy định để thi hành tốt Quyết định này.

14. Ban Tài chính - Quản trị Trung ương có trách nhiệm trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cho các bộ phận làm công tác văn kiện, công tác văn thư lưu trữ để nâng cao chất lượng công tác văn kiện, lưu trữ và phục vụ tốt việc khai thác các văn kiện, tài liệu của Đảng.

T/M BAN Bí THƯ

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN Bí THƯ

Số 19-QĐ/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1987

**Về chính sách đối với cán bộ, công nhân,
viên chức dôi ra qua sáp xếp lại bộ máy
và lao động ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp**

Thực hiện Nghị quyết số 34 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá V) và Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng về đổi mới công tác tổ chức, chấn chỉnh tổ chức, tinh giản biên chế trong bộ máy của Đảng, bộ máy quản lý nhà nước, bộ máy các đoàn thể và sáp xếp lại đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức, sau khi trao đổi và thống nhất ý kiến với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, Ban Bí thư quyết định:

- Thủ trưởng các bộ, các uỷ ban nhà nước, các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng và chủ tịch uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương phải căn cứ vào nhiệm vụ và yêu cầu công tác của ngành và địa phương, căn cứ vào nội dung đổi mới cơ chế quản lý kinh tế theo Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI), xác định và phân rõ chức năng quản lý hành chính nhà nước, chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh, trên cơ sở đó

sắp xếp lại tổ chức bộ máy, biên chế của từng ngành, từng cơ quan, đơn vị cho gọn, nhẹ, hợp lý, đúng với chức năng, nhiệm vụ.

- Các ban của Đảng, các đảng đoàn, các đoàn thể phải sắp xếp lại tổ chức và thực hiện việc tinh giản biên chế của ban và đoàn thể ở Trung ương.
- Ở địa phương, các ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ có trách nhiệm lãnh đạo chung việc sắp xếp tổ chức, tinh giản biên chế của các cơ quan đảng, chính quyền và đoàn thể thuộc tỉnh, thành, huyện, quận và cấp tương đương, định rõ nhiệm vụ và chức năng.

2. ĐI ĐÔI VỚI SẮP XẾP LẠI TỔ CHỨC BỘ MÁY, *phải định lại chức danh và tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của từng cán bộ, công nhân, viên chức*, trước hết là những cán bộ có chức vụ; dựa vào tổ chức đã được xác định, vào chức danh, tiêu chuẩn nghiệp vụ đó mà *định lại biên chế* của cơ quan, đơn vị *bố trí lại cán bộ, công nhân, viên chức* cho phù hợp, theo yêu cầu: bảo đảm chất lượng, hiệu quả công việc, phát huy năng lực, hiệu suất của từng người; kiên quyết không để kéo dài tình trạng: có người mà không có việc, công việc trùng lặp nhau, hoặc có việc lại không có người hoặc bộ phận nào phụ trách. *Nghiêm chỉnh thực hiện Quyết định của Hội đồng Bộ trưởng số 140-HĐBT ngày 15-9-1987* về việc định chỉ đưa vào biên chế nhà nước (kể từ ngày ban hành Quyết định ấy).

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì cùng Ban Tổ chức của Chính phủ, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp và các cơ quan có liên quan nghiên cứu để trong quý IV-1987 trình Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng quyết định sửa đổi quy chế tuyển dụng vào biên chế nhà nước các học sinh tốt nghiệp các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Trước mắt, vẫn thi hành theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ số 184-TTg ban hành ngày 6-6-1980 như quy định tại Điều 4 về phân phối học sinh tốt nghiệp ra trường.

Sau khi đã sắp xếp lại lao động theo biên chế mới, đối với số công nhân, viên chức không bố trí ở lại trong biên chế của cơ quan, đơn vị, thì thủ trưởng các ngành, các cấp phải nghiên cứu, sắp xếp điều chuyển cho những đơn vị còn thiếu lao động trong ngành, trong địa phương; nếu đủ tiêu chuẩn thì cho đi hợp tác lao động với nước ngoài. Nếu có triển vọng và tuổi còn trẻ thì đưa đi đào tạo. Ở những đơn vị có nhu cầu và có điều kiện, thành lập các tổ chức sản xuất, dịch vụ, hoạt động theo phương thức hạch toán để thu hút số lao động dôi ra.

Ngoài ra còn phải chú ý vấn đề lớn là: 1- tổ chức phát triển tiểu thủ công nghiệp, kinh tế gia đình; 2- đối với những người còn sức, nhất là còn trẻ, dần dần đưa đi Tây Nguyên và các vùng còn đất đai để phát triển kinh tế ở các vùng này và tạo cơ sở làm ăn, thu nhập tốt và vững vàng cho những người dôi ra ở các cơ quan.

Đối với những cán bộ, công nhân, viên chức nếu đã đủ điều kiện ưu tú thì để ưu tú; nếu vì sức yếu, năng lực hạn chế, mà tuổi đời để tính ưu còn thiếu không quá 5 năm thì cũng xét cho nghỉ ưu theo chế độ hiện hành và miễn giám định y khoa.

3. Thực hiện chính sách khuyến khích những cán bộ, công nhân, viên chức chuyển từ cơ quan hành chính sang đơn vị quốc doanh trực tiếp sản xuất: nếu trong thời gian đầu, do thay đổi nghề nghiệp mà thu nhập ở nơi mới đến thấp hơn thu nhập theo lương đang hưởng, thì Nhà nước trợ cấp bù phần chênh lệch (trong sáu tháng hoặc một năm) cho đến khi có thu nhập bằng hoặc hơn mức cũ (do ngân sách nhà nước cấp để đơn vị thanh toán cho đương sự). Nếu do thay đổi nghề nghiệp phải đào tạo lại, thì Nhà nước đài thọ chi phí trong thời gian đi học nghề mới.

4. Đối với những cán bộ, công nhân, viên chức dôi ra không giải quyết được bằng các biện pháp đã nêu ở Điều 1 và Điều 2 nói trên thì áp dụng các chế độ sau đây:

- a) Khuyến khích và giúp đỡ những cán bộ, công nhân, viên chức chuyển sang các tổ chức kinh tế tập thể (bao gồm các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ, xây dựng, vận tải...).
- Cơ quan cũ có trách nhiệm liên hệ với đơn vị kinh tế tập thể để tiếp nhận và sắp xếp công việc.
- Được nhận một khoản trợ cấp bằng từ sáu tháng hoặc một năm lương trước khi chuyển sang đơn vị kinh tế tập thể, nếu thu nhập thấp hơn mức lương cũ.
- b) Những cán bộ, công nhân viên chức tự nguyện xin thôi việc để về sản xuất ở gia đình hoặc tự kiếm việc làm thì được hưởng các chế độ sau đây:
 - Khi thôi việc, được trợ cấp một lần theo nguyên tắc: cứ mỗi năm công tác trong cơ quan nhà nước bằng một tháng lương và các khoản phụ cấp, trợ cấp (nếu có).
 - Được tiếp tục mua theo tiêu chuẩn lương thực bằng 13 kg/tháng trong sáu tháng kể từ ngày thôi việc, kể cả nhân khẩu ăn theo của gia đình (do cơ quan cũ thanh toán).
 - Nếu muốn làm các nghề tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ, vận tải... thì được chính quyền địa phương ưu tiên giúp đỡ giải quyết theo chủ trương, chính sách chung của Nhà nước.
 - Nếu về ở nông thôn (kể cả các huyện ngoại thành, các xã ngoại thị) mà chưa có nhà ở và vườn thì được uỷ ban nhân dân địa phương nơi cư trú cấp đất và ngân hàng cho vay vốn làm nhà và làm vườn, theo Luật đất đai và các chính sách hiện hành.

c) Đối với những cán bộ, công nhân, viên chức dôi ra ngoài biên chế, cơ quan, xí nghiệp đã cố gắng sắp xếp công việc (bằng các biện pháp nói trên) nhưng chưa giải quyết được, mà không tự nguyện thôi việc thì cơ quan cho tạm nghỉ việc một thời gian để tự tìm việc làm. Thời gian ngừng việc tối đa là 12 tháng, được hưởng 75% lương kèm phụ cấp và trợ cấp khác. Trong thời gian đó, cơ quan, xí nghiệp giúp đỡ những điều kiện cần thiết để liên hệ tìm việc.

Sau 12 tháng vẫn không có việc làm thì giải quyết cho nghỉ việc và hưởng theo chế độ thôi việc. Riêng về lương thực, được mua tiếp tiêu chuẩn lương thực cho đến khi có việc làm, nhưng tối đa không quá 12 tháng. Trong thời gian nghỉ việc nếu có khó khăn về đời sống thì được cơ quan, chính quyền địa phương xét trợ cấp theo chế độ hiện hành.

d) Sau khi định rõ chức danh, tiêu chuẩn, sắp xếp lại tổ chức và biên chế trong cơ quan, việc quản lý lao động và tiền lương theo biên chế mới làm việc gì thì hưởng theo chế độ mới.

5. Các cấp uỷ đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải trực tiếp chỉ đạo chặt chẽ việc cải tiến bộ máy, định lại biên chế, sắp xếp cán bộ, công nhân, viên chức. Phải làm tốt công tác tư tưởng đi đôi với thực hiện đúng đắn các chế độ, chính sách, phối hợp rất chặt chẽ sự chỉ đạo của tổ chức đảng, cơ quan chính quyền và các đoàn thể trong công tác này, nhất là ở cơ sở. Phải thực sự dân chủ, lắng nghe ý kiến quần chúng; nắm vững khả năng cống hiến và hưởng thụ theo lao động xã hội chủ nghĩa, không được vì nể nang hoặc tình cảm riêng tư mà giữ lại trong bộ máy những người không đủ năng lực và phẩm chất, không cần thiết cho công tác của cơ quan, đơn vị; không được lợi dụng việc sắp xếp lại tổ chức và biên chế mà kéo bè cánh, chèn ép, giữ bà con thân thuộc, đưa ra khỏi cơ quan những người có năng lực, những người trung thực, thẳng thắn phê bình khuyết điểm, đấu tranh chống tiêu cực. Khi giải quyết phải thận trọng, chu đáo, bảo đảm chính sách đối với từng đối tượng theo quy định trên đây.

Đối với bộ phận hành chính ở các đơn vị sản xuất kinh doanh, Hội đồng Bộ trưởng căn bản cũng dựa theo Quyết định này, có quyết định cụ thể cho các ngành, các cấp thi hành theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

T/M BAN BÍ THU'

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 17-CT/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1987

**Về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc
đợt 1987-1988**

Đợt phát hành công trái xây dựng Tổ quốc 1983-1984 đã thu được một số kết quả và đưa lại những kinh nghiệm tốt về chỉ đạo tổ chức vận động nhân dân mua công trái. Ở những nơi được cấp uỷ chỉ đạo chặt chẽ thì đạt kết quả tốt; ở những nơi cấp uỷ chỉ đạo không chặt chẽ, khoán trảng cho ban vận động, sự phối hợp giữa các ngành không đồng bộ thì đạt kết quả kém...

Đất nước ta đang đứng trước nhiều khó khăn to lớn: thiên tai liên tiếp, sản xuất chậm phát triển, lương thực thiếu gay gắt, mất cân đối lớn về vật tư, nhiên liệu, hàng hoá, ngoại tệ; bội chi ngân sách quá lớn, lạm phát nghiêm trọng, giá cả tăng nhanh; đời sống nhân dân lao động, nhất là công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, hết sức khó khăn. Tình hình đó đòi hỏi ngay trong năm 1987 và những năm tiếp theo phải phấn đấu giảm dần bội chi ngân sách, lập lại thế cân đối tiền và hàng, đi đến chấm dứt lạm phát.

Đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm là biện pháp cơ bản, tích cực nhất để tăng thêm vốn cho công cuộc xây dựng

chủ nghĩa xã hội, bảo vệ Tổ quốc và cải thiện đời sống vật chất - văn hoá của nhân dân.

Phát hành công trái xây dựng Tổ quốc là một trong những biện pháp tài chính cấp bách hiện nay nhằm thu hút tiền mặt còn rất lớn trong các tầng lớp dân cư, tạo thêm nguồn thu cho ngân sách và tiền mặt, giải quyết dần quan hệ cân đối tiền - hàng và chống lạm phát, đáp ứng nhu cầu phục vụ ba chương trình kinh tế lớn, trước mắt góp phần đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình trọng điểm của Nhà nước.

Nhân dân lao động, cán bộ, công nhân, viên chức và lực lượng vũ trang nói chung đời sống còn khó khăn, nhưng cũng có nhiều người, nhiều hộ có thu nhập cao, ngoài ra, một số đối tượng có nguồn thu nhập từ bên ngoài khá lớn. Vì vậy cần phải vận động, kêu gọi lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của đồng bào trong nước và kiều bào ta ở nước ngoài đẩy mạnh phong trào mua công trái xây dựng Tổ quốc.

Để thi hành kết luận ngày 28-8-1987 của Bộ Chính trị về những chủ trương và biện pháp cấp bách tiếp tục thi hành Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng và chính quyền, thủ trưởng các ngành ở Trung ương và địa phương, uỷ ban vận động mua công trái các cấp tổ chức làm tốt những việc sau:

- Các cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp chỉ đạo tổng kết rút kinh nghiệm đợt vận động mua công trái 1983-1984, có chủ trương và biện pháp thiết thực, cụ thể, thích hợp với từng đối tượng nhân dân để chỉ đạo uỷ ban vận động mua công trái các cấp triển khai một cách khẩn trương, tích cực, đồng bộ đợt vận động mua công trái năm 1987-1988; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện trong suốt thời gian của đợt vận động này nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch.

- Ngành tài chính, ngân hàng các cấp cần có kế hoạch phối hợp chặt chẽ, tổ chức tốt công tác phát hành phiếu công trái, bảo đảm đầy đủ và kịp thời các hạng phiếu, loại bỏ những thủ tục phiền hà trong quan hệ giao dịch với nhân dân; tổ chức quản lý, hạch toán, ghi chép, bảo quản phiếu công trái chu đáo và nộp kịp thời số thu vào ngân sách.

- Uỷ ban vận động mua công trái các cấp phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc, tổ chức Công đoàn, Hội Nông dân tập thể, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các trường học và các tổ chức xã hội khác để tổ chức tốt công tác vận động cả chiêu rộng lẫn chiêu sâu, tập trung vào những người có khả năng, giải đáp được những thắc mắc, tâm tư, nguyện vọng của nhân dân trong đợt phát hành công trái xây dựng Tổ quốc lần này.

- Các cơ quan thông tin, báo chí, đài phát thanh, truyền hình chú ý giải thích cho nhân dân hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của việc phát hành công trái, thường xuyên và kịp thời nêu gương người tốt, việc tốt, các đơn vị và địa phương làm tốt để cổ vũ, động viên phong trào mua công trái xây dựng Tổ quốc trong phạm vi cả nước.

- Chính quyền và uỷ ban vận động các cấp cần động viên, khen thưởng kịp thời những cá nhân, đơn vị có thành tích xuất sắc trong đợt vận động mua công trái xây dựng Tổ quốc và có đóng góp lớn trong việc mua công trái xây dựng Tổ quốc. Đợt vận động này tiến hành trong tình hình kinh tế - xã hội còn rất nhiều khó khăn, Ban Bí thư yêu cầu các cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ, sát sao; có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các đoàn thể quần chúng với uỷ ban vận động mua công trái các cấp để đợt phát hành công trái xây dựng Tổ quốc 1987-1988 thu được kết quả tốt, hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 29-QĐ/TW, ngày 26 tháng 10 năm 1987

**Về chức năng, nhiệm vụ của Học viện
Nguyễn Ái Quốc**

Thi hành Nghị quyết số 34-NQ/TW ngày 22-7-1986 của Bộ Chính trị về việc chuyển Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc thành Học viện khoa học xã hội mang tên Nguyễn Ái Quốc trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng, gọi tắt là Học viện Nguyễn Ái Quốc, Ban Bí thư quyết định:

I- CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA HỌC VIỆN

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý cao cấp của Đảng và Nhà nước về mặt lý luận và chính trị; đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lý luận Mác - Lênin có trình độ đại học và trên đại học.
- Nghiên cứu khoa học nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và phương pháp đào tạo; đồng thời góp phần vào việc hình thành, phát triển và cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng.

- Hướng dẫn ba trường đảng khu vực về nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập, về nghiên cứu khoa học, về xây dựng đội ngũ giảng viên.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo cao cấp, trung cấp và cán bộ lý luận do các đảng bộ gửi sang về mặt lý luận và chính trị. Tổ chức sự hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học với các học viện và các trường đảng cao cấp các nước anh em.

Cụ thể là:

1. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

- Giáo dục cơ bản về lý luận, chính trị cho đội ngũ đương chức và kế cận các bí thư huyện ủy, quận ủy, các chức danh lãnh đạo cấp tỉnh, thành, các chức danh lãnh đạo chủ chốt ở Trung ương của các ban, ngành và đoàn thể, các cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cơ sở kinh tế, bệnh viện, trường đại học và viện nghiên cứu khoa học lớn.

- Đào tạo trên đại học về lý luận Mác - Lênin cho cán bộ giảng dạy của Học viện và các trường đảng khu vực, hiệu trưởng, hiệu phó, chủ nhiệm bộ môn các trường đảng tỉnh, chủ nhiệm bộ môn các trường đoàn thể, các trường chính trị các ngành, chủ nhiệm bộ môn các trường đại học, cán bộ nghiên cứu và cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cơ quan tư tưởng, lý luận, khoa học xã hội và các ban của Đảng ở Trung ương và tỉnh, thành.

- Tổ chức bồi dưỡng định kỳ những kiến thức mới về lý luận, chính trị cho cán bộ lãnh đạo và quản lý cao cấp đã qua giáo dục lý luận, chính trị cơ bản và cho cán bộ làm công tác lý luận có trình độ sau đại học và trên đại học.

Học viện vừa có hệ tập trung, vừa có hệ tại chức để thực hiện nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng nói trên. Cán bộ học tập trung hay tại chức đều phải nằm trong quy hoạch đào tạo.

2. Về nghiên cứu lý luận

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn cách mạng Việt Nam, trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tổng kết những kinh nghiệm cách mạng đã tích luỹ được, đặc biệt là trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, chú trọng đi sâu nghiên cứu vấn đề về xây dựng và sự lãnh đạo của Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, để nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, đồng thời góp phần hình thành, phát triển và cụ thể hóa đường lối, chính sách của Đảng.
- Nghiên cứu những vấn đề về phương pháp giáo dục, đào tạo trong hệ thống trường đảng.

3. Về nhiệm vụ đối với các trường đảng khu vực

- Chủ trì việc xây dựng chương trình, biên soạn sách giáo khoa, cải tiến và nâng cao nội dung giáo dục, phương pháp giảng dạy, học tập.
- Hướng dẫn các trường đảng khu vực trong hoạt động nghiên cứu khoa học. Chủ trì và phối hợp với các trường đảng khu vực trong việc nghiên cứu các đề tài do Trung ương giao.
- Cùng các trường đảng khu vực chăm lo xây dựng đội ngũ giảng viên và sử dụng hợp lý đội ngũ đó (phân công, hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau).

4. Về nhiệm vụ quốc tế

- Đào tạo, bồi dưỡng về lý luận, chính trị cho cán bộ lãnh đạo cao cấp, trung cấp và cán bộ lý luận do các đảng bạn yêu cầu mà ta có khả năng đáp ứng.
- Cùng Ban Tổ chức Trung ương và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch đưa cán bộ đi đào tạo và bồi dưỡng lý

luận, chính trị tại các học viện và các trường đảng cao cấp các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

- Phát triển quan hệ hợp tác với các học viện và các trường đảng cao cấp các nước anh em trong nghiên cứu khoa học, trao đổi kinh nghiệm và tài liệu giảng dạy, học tập.

II- NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ ĐÀO TẠO

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải nhằm mục tiêu rõ rệt, phải đáp ứng yêu cầu của từng loại cán bộ và hướng bố trí cán bộ sau đào tạo. Kiên quyết khắc phục việc giáo dục, đào tạo không dựa trên quy hoạch cán bộ, không phân biệt đối tượng như hiện nay.

Trên cơ sở làm rõ mô hình - mục tiêu đào tạo cán bộ, khẩn trương soạn lại chương trình, sách giáo khoa, để nội dung chương trình phù hợp với mục tiêu đào tạo.

Đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng theo hướng gắn chặt hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu với đời sống thực tế, nhằm giải quyết những vấn đề cụ thể cuộc sống đang đặt ra, góp vào quá trình hình thành và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, tổng kết một cách khoa học những kinh nghiệm thực tiễn. Cần phát huy tính tích cực, chủ động, khả năng suy nghĩ độc lập, sáng tạo của người học. Tăng cường hình thức trao đổi thảo luận, liên hệ với các vấn đề lý luận và thực tiễn trong học viện với nhau và giữa học viên với nhà trường.

Nhanh chóng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ giảng dạy. Lựa chọn, bồi dưỡng lại đội ngũ giảng viên hiện

có. Luân phiên đưa một bộ phận cán bộ giảng dạy tham gia công tác thực tiễn ở các cấp uỷ đảng và các cơ sở sản xuất để bồi dưỡng toàn diện cán bộ giảng dạy. Ban Tổ chức Trung ương cần điều động một số cán bộ có trình độ và có khả năng làm công tác giảng dạy để bổ sung cho Học viện. Học viện phải coi trọng việc sử dụng các giảng viên kiêm chức, bao gồm một số đồng chí cán bộ lãnh đạo, cán bộ nghiên cứu ở các cơ quan Trung ương, và sớm lập danh sách trình Ban Bí thư xét duyệt...

III- TĂNG CƯỜNG BỘ MÁY VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

- Kiện toàn Ban Giám đốc Học viện đủ sức thực hiện nhiệm vụ mới và lãnh đạo các mặt hoạt động của Học viện.
- Xây dựng thêm các bộ môn mới và các bộ phận cần thiết phụ trách các mặt công tác nghiên cứu khoa học, thông tin - tư liệu trên cơ sở sắp xếp lại hợp lý tổ chức và giảm nhẹ biên chế của Học viện.

IV- TĂNG CƯỜNG CƠ SỞ VẬT CHẤT - KỸ THUẬT CẢI THIỆN MỘT BƯỚC ĐỜI SỐNG HỌC VIÊN VÀ GIẢNG VIÊN

- Mở rộng quy mô Học viện trong kế hoạch 1990-1995, trước hết là xây dựng hệ thống giảng đường, thư viện, phòng đọc, các trung tâm kỹ thuật, thực nghiệm, cơ sở ấn loát, chỗ làm việc, v.v. trực tiếp phục vụ giảng dạy và nghiên cứu. Điều đó với chuẩn bị xây dựng mới, cần tiến hành việc sửa chữa lớn những công trình hiện có đã bị xuống cấp. Tăng cường một bước trang bị kỹ thuật hiện đại phục vụ việc giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Đề nghị Liên Xô giúp đỡ để thực hiện

việc mở rộng và hiện đại hoá cơ sở vật chất - kỹ thuật của Học viện.

- Sử dụng tốt quỹ đào tạo và tổ chức tốt việc cung ứng lương thực, thực phẩm để bảo đảm đời sống vật chất cho học viên trong nước và quốc tế. Tăng các khoản chi cho học viên về sách giáo khoa, tài liệu học tập, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao.
- Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu đề xuất một số chế độ, chính sách nhằm giảm bớt khó khăn về đời sống cho giảng viên trường đảng.

V- TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN

Ban Giám đốc Học viện cùng Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Xây dựng, Bộ Nội thương, Bộ Vật tư chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này. Ban Giám đốc Học viện chủ trì mời các ban, ngành đến bàn bạc, phối hợp kế hoạch thực hiện và báo cáo kết quả lên Ban Bí thư.

T/M BAN Bí THƯ

ĐỖ MUỐI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 18-CT/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1987

**Về việc cử các đoàn ra nước ngoài và đón các
đoàn nước ngoài vào nước ta (theo đường đảng
và các tổ chức quần chúng)**

Thời gian qua, quan hệ quốc tế của Đảng ta ngày càng phát triển: nhiều đoàn của ta ra nước ngoài và việc đón nhiều đoàn nước ngoài vào thăm nước ta đã góp phần thực hiện tốt đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Nhưng việc cử đoàn ra nước ngoài cũng như mời, đón đoàn nước ngoài vào ta còn một số thiếu sót: nhiều đoàn đi không có mục đích rõ ràng và không có hiệu quả thiết thực đối với công việc của Đảng; số đoàn đi nước ngoài trong chín tháng đầu năm 1987 không ghi trong kế hoạch trao đổi đoàn do Ban Bí thư duyệt chiếm tối hơn 32% tổng số đoàn đi (35/108 đoàn). Một số đồng chí lãnh đạo ban, ngành, cơ quan trong một năm đi nước ngoài nhiều lần, trong khi công việc ở nhà rất nhiều hoặc có thể cán bộ cấp phó đi. Một số trường hợp tự động mời hoặc ký kế hoạch hợp tác mời các đoàn nước ngoài vào nước ta mà không xin phép cấp trên. Việc chi tiêu cho

việc đón nhiều đoàn nước ngoài vào ta còn lãng phí, xa hoa, phô trương.

Để phù hợp với tình hình và điều kiện kinh tế hiện nay của đất nước ta, với tinh thần triết để tiết kiệm và đạt hiệu quả thiết thực, Ban Bí thư quy định một số nguyên tắc sau đây về việc cử các đoàn ra nước ngoài và đón các đoàn vào nước ta trong năm 1988.

1. Việc cử các đoàn ra nước ngoài hoặc đón các đoàn vào nước ta phải xuất phát từ yêu cầu thật cần thiết, với mục tiêu và nội dung rõ ràng, cụ thể, dựa trên cơ sở kế hoạch đã được Ban Bí thư xét duyệt. Không nhất thiết bất cứ đảng nào, nước nào mời đoàn ta đi thăm, đi dự họp hoặc cử đoàn của bạn vào ta, dù là bạn chịu mọi chi phí, ta cũng đi hoặc đón bạn vào. Tránh cử các đoàn đi thăm hữu nghị chung chung hoặc cử cán bộ đi để giải quyết chính sách. Các ban của Đảng, các tổ chức quần chúng, các cấp uỷ địa phương phải được sự đồng ý của Ban Bí thư trước khi ký kết và thoả thuận với các tổ chức đảng và quần chúng nước ngoài về trao đổi đoàn. Hạn chế đến mức thấp nhất các đoàn ngoài kế hoạch. Các đoàn ra nước ngoài phải được chuẩn bị kỹ về nội dung, cử đúng người đi, tránh nghiên cứu trùng lặp những vấn đề đã có đoàn nghiên cứu.

2. Ban Đối ngoại Trung ương nghiên cứu, thẩm tra và tổng hợp kế hoạch các đoàn ra, đoàn vào của các ban trung ương, các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ và các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội trình Ban Bí thư xét duyệt và được uỷ nhiệm thông báo, theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện kế hoạch.

3. Giảm ít nhất 30% số lượng đoàn ra và 20% số đoàn vào trong năm 1988 so với năm 1987.

4. Số người tham gia trong đoàn và thời gian hoạt động của đoàn ở nước ngoài cần hạn chế ở mức thật cần thiết; nếu một đoàn phải đi nhiều nước thì hết sức tránh để đoàn phải chờ đợi ở ngoài nước quá lâu.

5. Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo với nội dung cụ thể và kịp thời kết quả của các đoàn ra và đoàn vào cho Ban Bí thư, đồng gửi Ban Đổi ngoại Trung ương, chậm nhất là 15 ngày sau khi kết thúc.

Ban Bí thư yêu cầu các trưởng ban trung ương, các bí thư tỉnh uỷ, thành uỷ và đặc khu uỷ, các đồng chí đứng đầu các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội, các đảng đoàn và đảng uỷ khối quán triệt và xây dựng kế hoạch trao đổi đoàn theo tinh thần hiệu quả thiết thực và triệt để tiết kiệm nêu trên.

Ban Đổi ngoại Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương giúp Ban Bí thư theo dõi và đánh giá kết quả việc quán triệt và thực hiện Chỉ thị này.

T/M BAN BÍ THƯ
ĐỐI MUỒI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

Số 19-CT/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1987

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

**Cải tiến thông tin về những sự kiện có tính
"lẽ tân"**

**I- SỰ CẦN THIẾT CẢI TIẾN THÔNG TIN NHỮNG SỰ KIỆN
MANG TÍNH "LỄ TÂN"**

1. Xã hội càng phát triển, trình độ của nhân dân càng cao, nhu cầu về thông tin càng nhiều. Thì giờ đọc báo, nghe đài, xem truyền hình của mọi người, nhất là của nhân dân lao động không nhiều. Chi phí cho mỗi trang báo, mỗi phút sóng phát thanh, truyền hình ngày càng tăng.

Một yêu cầu đang đặt ra với tất cả các phương tiện thông tin đại chúng: làm sao với số trang và thời gian nhất định, nâng cao được chất lượng và khối lượng thông tin, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, đáp ứng được những đòi hỏi thiết thực, đa dạng của các đối tượng khác nhau.

2. Một trong những vấn đề cần cải tiến là báo, đài cần khắc phục tình trạng đưa tin dài dòng, khuôn sáo những sự kiện có tính chất "lẽ tân". Nhiều hoạt động không quan trọng cũng đưa lên đài, báo. Một số sự kiện khác, thông tin là cần thiết, nhưng tin thiếu nội dung cụ thể, lại thừa chi

tiết về nghi thức, về tên người và chức vụ, viết theo những lời lẽ khuôn sáo. Cách làm đó dẫn đến tình trạng những tin, bài ít lượng thông tin nhưng lại choán quá nhiều chỗ đáng lẽ dành để phản ánh những vấn đề khác mà nhân dân ta đang quan tâm.

Cải tiến thông tin về "lẽ tân" là việc làm cần thiết và thiết thực, góp phần đổi mới công tác báo chí, nâng cao chất lượng và khối lượng thông tin, làm cho báo, đài của ta sinh động, hấp dẫn, sát cuộc sống hơn và có hiệu quả hơn.

Đây cũng là một việc góp phần đổi mới phong cách lãnh đạo, chống tệ quan liêu, xa rời quần chúng, phô trương, hình thức dẫn đến lãng phí tiền của, thời gian, sức lực.

II- MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

1. Kiên quyết giảm bớt và cải tiến thông tin các sự kiện có tính "lẽ tân". Tin, bài "lẽ tân" phải coi trọng nội dung, nêu những sự việc, chi tiết có lượng thông tin cao, phù hợp với đường lối, chính sách của Đảng, giảm bớt nghi thức, lược bớt tên người, chức vụ không cần thiết (nói chung, trong một tin về hoạt động của một đồng chí lãnh đạo, tiếp sau tên chỉ đưa chức vụ chính của đồng chí ấy và chỉ nêu một lần). Khi có giao dịch quốc tế, việc đưa tin cần chú ý quan hệ hữu nghị nhưng tin cũng phải có nội dung với chất lượng cao.

2. Đối với các điện mừng, thư khen, v.v. tuỳ theo tính chất và mức độ quan trọng của từng văn kiện và đặc điểm, chức năng của từng báo, đài mà quyết định hình thức đưa tin, trích đăng hoặc đăng toàn văn nhưng theo kiểu báo chí (không đăng như công báo); báo, đài chỉ sử dụng toàn văn trong một số trường hợp cần thiết. Các điện mừng của các Đảng và các nước gửi ta nhân dịp Quốc khánh, các ngành kỷ niệm, đại hội, v.v. trừ một số điện cần đưa toàn văn hoặc trích, còn nói chung chỉ thông tin tên nước hoặc tổ chức gửi điện mừng.

3. Cùng một sự kiện không nhất thiết các báo, đài phải đăng tin, bài, ảnh thống nhất (trừ một số trường hợp đặc biệt có sự chỉ đạo cụ thể), tuỳ theo tính chất và đối tượng của từng báo, đài, có thể đưa tin, đăng báo, ảnh nhiều ít ở mức độ khác nhau. Mỗi báo, đài chịu trách nhiệm về cách đưa (hoặc không đưa) tin, bài, ảnh của mình.

4. Phân biệt các hoạt động ngoại giao với các hoạt động chỉ nhằm thông tin trong nước. Cùng một sự kiện, cách đưa tin để tuyên truyền đối nội và tuyên truyền đối ngoại có khác nhau.

III- CÁCH XỬ LÝ MỘT SỐ TRƯỜNG HỢP CỤ THỂ

1. Về hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước

- Đưa tin, đăng ảnh, ghi hình những *hoạt động quan trọng* của đồng chí Tổng Bí thư, đồng chí Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, đồng chí Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng. Chú trọng nội dung phát biểu và các cuộc tiếp xúc với quần chúng.

- Đưa tin, đăng ảnh những hoạt động quan trọng của đồng chí Chủ tịch Quốc hội trong trường hợp cần thiết về đối ngoại và hoạt động quan trọng liên quan đến cơ quan dân cử.

- Đối với các đồng chí lãnh đạo khác: đưa tin (khi thật cần thiết mới đăng ảnh) các hoạt động quan trọng và có nội dung chỉ đạo công tác chung (không đưa tin các hoạt động bình thường như dự hội nghị bàn công tác, xem triển lãm, đi thăm địa phương, đi kiểm tra cơ sở, v.v.).

2. Về các kỳ họp Quốc hội và hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp

- Phản ánh nội dung những vấn đề được thảo luận và đi đến quyết nghị. Đăng những văn kiện cần thiết (có sự chỉ đạo cụ thể từng trường hợp). Thông tin trang trọng nhưng giảm bớt phần nghi thức. Cải tiến các thông cáo của các kỳ họp Hội

đồng Nhà nước, các phiên họp của Quốc hội để có nội dung thông tin cụ thể hơn.

- Phản ánh đầy đủ hoạt động quan trọng của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp.

3. Về việc đón tiếp các đoàn đại biểu quốc tế vào thăm Việt Nam

- Do yêu cầu tương ứng về đối ngoại và tuỳ theo tầm quan trọng, sẽ quy định riêng cho một số trường hợp đặc biệt (như các cuộc viếng thăm chính thức của nguyên thủ quốc gia, của đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Chính phủ các nước).

- Nói chung, tin đón tiếp các đoàn quốc tế cần giảm phần *nghi lễ*: tin về đoàn đến và đi, hội đàm, chiêu đãi, mít tinh chào mừng, v.v. nên đưa gọn, bớt tên người dự, chỉ đưa tên và chức vụ chính của một số đồng chí lãnh đạo chủ trì hoạt động ấy; trường hợp cần thiết về ngoại giao mới đưa tên và chức vụ một số đồng chí đại diện các ngành có liên quan cùng dự.

- Không đưa tin những đoàn quốc tế bình thường vào thăm hữu nghị hoặc làm việc theo kế hoạch như: đoàn chuyên viên báo cáo, đoàn khách của địa phương, ban, ngành, v.v..

- Trừ trường hợp đón các nguyên thủ quốc gia và các đoàn đại biểu cấp cao Đảng và Chính phủ, nói chung không đăng toàn văn những diễn văn đọc tại các cuộc mít tinh, chiêu đãi... Đối với các hoạt động khác, chỉ đưa tin tổng hợp.

4. Về các đoàn đại biểu Việt Nam ra nước ngoài

- Trường hợp các đoàn đại biểu của Đảng và Nhà nước ta đi thăm chính thức nước khác: có hướng dẫn cụ thể cho từng chuyến đi.

- Các trường hợp khác: tuỳ mức độ quan trọng của hoạt động mà cân nhắc. Nói chung, không đưa tin những đoàn

của địa phương, ban, ngành đi thăm bình thường nước ngoài hoặc đi để làm việc, trao đổi kinh nghiệm, báo cáo tình hình. Trường hợp cần đưa tin thì không đưa riêng biệt tin tiễn đoàn và tin đoàn về nước, mà đưa tin tổng hợp; chú trọng những hoạt động chính ở nước ngoài, kết quả đạt được, những *thông tin mới mà hoạt động ấy đưa lại*. Bớt phần nghi thức.

5. Về kỷ niệm Quốc khánh và các sự kiện quan trọng của các nước anh em

- Đối với ngày Quốc khánh các nước anh em, báo, đài có thể đưa phát biểu của đại sứ các nước, các bài phát biểu cần ngắn gọn. Mỗi báo, đài có cách sử dụng những phát biểu ấy cho hợp với đối tượng của mình.

- Phát biểu của tuỳ viên quân sự các nước anh em chỉ đăng trên báo quân đội và trong các chương trình phát thanh, truyền hình Quân đội nhân dân.

- Đối với các sự kiện quan trọng của các nước anh em, có chỉ đạo cụ thể từng sự kiện.

- Các vấn đề khác theo tinh thần nói ở điểm 2, phần II.

6. Về ký kết văn kiện, hiệp định và lễ trình quốc thư

- Chú ý nội dung kết quả hội đàm. Thông tin tóm tắt nội dung cụ thể của từng hiệp định được đưa tin; không đưa những tin theo công thức, không có nội dung cụ thể, giảm bớt phần nghi thức. Nói chung không đưa ảnh, nhưng truyền hình có thể đưa hình.

- Đưa tin văn (không đăng ảnh) lễ trình quốc thư, riêng truyền hình có thể đưa hình.

7. Các ngày lễ lớn và các hội nghị của các ngành

Các ngày lễ lớn tuỳ theo tính chất và đối tượng của từng báo, đài mà tường thuật, ghi nhanh hay đưa tin, đăng ảnh khác nhau nhằm khuyến khích tính đa dạng trong phong cách

thông tin, không nhất thiết lấy từ một nguồn tin, ảnh thống nhất, nhưng cần bảo đảm tính thần chỉ đạo chung và tính chính xác của sự kiện. Nói chung, không đưa tin lê kỷ niệm của các ngành, các địa phương, trừ những cuộc có một trong ba đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước đến dự và có bài phát biểu quan trọng cần đăng. Các báo, ngành, và địa phương có thể đưa tin và có bài để giáo dục truyền thống.

Các hội nghị tổng kết ngành:

- Nếu là hội nghị do Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng chủ trì, có một trong ba đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước đến dự, thì phản ánh nội dung chính của hội nghị, trích phát biểu của đồng chí lãnh đạo (trường hợp cần đăng toàn văn, xin ý kiến cụ thể).

- Đối với hội nghị tổng kết hàng năm của các ngành, lễ đón nhận huân chương, v.v. báo, đài chỉ phản ánh nội dung, chú ý nêu bài học, phương hướng, biện pháp phấn đấu. (Nội dung chủ yếu cần thông tin là *hoạt động của ngành ấy*, chứ không phải sự kiện mở hội nghị, mít tinh).

8. Về lễ tang

- Quốc tang và lễ tang Nhà nước, theo quy chế hiện có. Các cơ quan có trách nhiệm cần soát lại quy chế xem điểm nào cần bớt, điểm nào cần bổ sung, báo cáo lên cơ quan có thẩm quyền để quyết định.

- Ngoài các đồng chí được quy định làm Quốc tang hoặc lễ tang Nhà nước, các đồng chí khác từ trần chỉ đưa tin buồn, tin các đồng chí lãnh đạo chủ chốt đến viếng (nếu có).

- Trường hợp cần thiết, có thông tin về sự nghiệp và công hiến của đồng chí vừa từ trần đối với cách mạng, với nhân dân.

Thông tin về sự qua đời của các nhà hoạt động văn hoá, khoa học, văn học, nghệ thuật nổi tiếng... kết hợp giới thiệu sự nghiệp và công hiến của người mới từ trần đối với đất nước (coi đây là nội dung chính cần thông tin).

IV- ĐỐI VỚI BÁO, ĐÀI ĐỊA PHƯƠNG

1. Vận dụng theo những quy định trên đây. Trường hợp các đồng chí lãnh đạo chủ chốt và đồng chí Chủ tịch Quốc hội về làm việc tại địa phương nào thì báo, đài địa phương ấy có thể đưa nhiều tin, bài, ảnh hơn so với báo, đài của Trung ương. Cần bảo đảm tính chính xác (về nội dung hoạt động),

giảm phần nghi lễ. Coi trọng nội dung tiếp xúc của các đồng chí lãnh đạo với quần chúng.

2. Báo, đài địa phương chỉ thông tin về những *hoạt động quan trọng* của hội đồng nhân dân, của tỉnh uỷ, thành ủy và Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố. Đối với đồng chí bí thư, chủ tịch tỉnh, thành phố, chỉ đưa những tin hoạt động quan trọng có nội dung chỉ đạo công tác rộng rãi trong tỉnh, thành hoặc các hoạt động đối ngoại, không đưa tin nghi thức, không có nội dung (trừ trường hợp cần thiết về đối ngoại), không đưa tin những hoạt động bình thường của các đồng chí uỷ viên thường vụ, phó chủ tịch tỉnh, thành phố, đặc khu. Không đưa tin các đồng chí lãnh đạo địa phương đi cơ sở, dự các hội nghị, sinh hoạt... của ngành hoặc cấp dưới nếu như không phải là trọng tâm công tác cần chỉ đạo cho toàn tỉnh, thành.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 23-QĐ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 1987

Về quy chế quản lý cán bộ

Thi hành Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng về đổi mới công tác quản lý cán bộ, Để nâng cao chất lượng công tác quản lý cán bộ, đưa công tác này đi vào nền nếp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn mới,

Căn cứ những nguyên tắc tổ chức của Đảng và quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương,

Bộ Chính trị quyết định quy chế về quản lý cán bộ như sau:

Phần I NGUYÊN TẮC CHUNG

Điều 1: Nguyên tắc cơ bản về công tác quản lý cán bộ:

1. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý cán bộ:

- Những vấn đề về đường lối, phương châm, phương hướng và chính sách lớn về cán bộ đều do Trung ương Đảng quyết định.

- Đảng thống nhất quản lý cán bộ trong bộ máy của Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang và các đoàn thể nhân dân. Trên nguyên tắc đó, Trung ương Đảng trực tiếp quản lý diện cán bộ chủ chốt; và phân cấp cho cấp uỷ đảng các cấp và cơ quan nhà nước, đoàn thể nhân dân được giao trách nhiệm quản lý cán bộ theo quy định thống nhất của Trung ương. Nội dung quản lý cán bộ bao gồm việc nhận xét, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách cán bộ thuộc phạm vi được phân công và phân cấp.

- Đảng kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương chính sách cán bộ ở tất cả các cấp, các ngành.

2. Bảo đảm nguyên tắc tập thể, dân chủ và trách nhiệm của thủ trưởng trong việc quản lý cán bộ:

- Những quyết định quan trọng về cán bộ như nhận xét, đánh giá cán bộ, bố trí, đề bạt, thi hành kỷ luật... đối với cán bộ đều phải do tập thể có thẩm quyền quyết định.

- Phải bảo đảm dân chủ thực sự trong việc bầu cử các cấp uỷ đảng, ban chấp hành các đoàn thể nhân dân và các cơ quan dân cử. Phải lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên và quần chúng khi xem xét lựa chọn để đề bạt cán bộ vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý. Thực hiện chế độ bỏ phiếu tín nhiệm để làm cơ sở cho cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ xem xét và ra quyết định đề bạt, bố trí cán bộ.

- Có chế độ định kỳ đánh giá cán bộ, phân công theo dõi cán bộ. Người phụ trách và tập thể cùng tham gia đánh giá cán bộ. Việc đánh giá, nhận xét cán bộ phải công khai phải để

cho người cán bộ được trình bày ý kiến của mình về nhận xét đó.

- Trên cơ sở phát huy đầy đủ tập thể và dân chủ, thủ trưởng các cấp và các ngành là người chịu trách nhiệm chính về thực hiện công tác quản lý cán bộ.

3. Trách nhiệm quản lý cán bộ phải gắn với trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Phải xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ chính trị để bố trí, đề bạt, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đồng thời thông qua việc thực hiện nhiệm vụ chính trị để quản lý cán bộ:

Cơ quan nào chịu trách nhiệm trước cấp uỷ về quản lý công việc thì đồng thời có trách nhiệm trước cấp uỷ về quản lý cán bộ. Cụ thể là:

- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chịu trách nhiệm trước Bộ Chính trị quản lý cán bộ là thành viên trong Hội đồng Bộ trưởng.

- Các bộ trưởng, tổng cục trưởng chịu trách nhiệm trước Ban Bí thư quản lý cán bộ kể cả cán bộ thuộc diện Ban Bí thư ra quyết định công tác tại bộ và tổng cục.

- Đảng uỷ Quân sự Trung ương chịu trách nhiệm trước Trung ương quản lý cán bộ trong quân đội, kể cả cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị và Ban Bí thư quyết định.

- Các cấp uỷ địa phương chịu trách nhiệm trước Trung ương quản lý cán bộ công tác tại địa phương, kể cả cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Phân II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN VỀ QUẢN LÝ CÁN BỘ

Điều 2: Trách nhiệm và quyền hạn của Bộ Chính trị, Ban Bí thư:

1. *Bộ Chính trị:*

- Quyết định những vấn đề đường lối, tiêu chuẩn, chính sách và chủ trương lớn về công tác cán bộ để thi hành Nghị quyết Đại hội Đảng và Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương.

- Quyết định việc bố trí, đề bạt, kỷ luật cán bộ giữ chức vụ thuộc diện quản lý của Bộ Chính trị.

- Chuẩn bị trình Ban Chấp hành Trung ương các chức vụ thuộc thẩm quyền quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, theo quy định của Điều lệ Đảng (Tổng Bí thư, các Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Uỷ ban Kiểm tra Trung ương), chuẩn bị trình Ban Chấp hành Trung ương để trình Đại hội Đảng toàn quốc danh sách giới thiệu đề cử vào Ban Chấp hành Trung ương khoá sau.

2. *Ban Bí thư:*

- Lãnh đạo và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách cán bộ của Đảng để thi hành Nghị quyết của Đại hội Đảng, Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và của Bộ Chính trị.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dự bị cho các chức vụ thuộc danh mục do Bộ Chính trị và Ban Bí thư trực tiếp quản lý.

- Quyết định việc bố trí, đề bạt và kỷ luật đối với cán bộ giữ chức vụ thuộc diện quản lý của Ban Bí thư. Quyết định về hữu đối với cán bộ thuộc danh mục do Bộ Chính trị, Ban Bí

thu trực tiếp quản lý. Chuẩn y Ban Chấp hành các đảng bộ trực thuộc Trung ương theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Chuẩn bị trình Bộ Chính trị các chức vụ thuộc quyền quyết định của Bộ Chính trị.

Điều 3: Trách nhiệm, quyền hạn của các cấp uỷ đảng:

1. *Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trực thuộc Trung ương:*

- Quyết định việc bố trí, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc phạm vi được phân cấp. Các chức vụ do bầu cử trong Đảng phải làm theo đúng các quy định của Điều lệ Đảng và quy định của Ban Bí thư. Các chức vụ thuộc cấp trên trực tiếp quản lý thì việc bố trí, đề bạt, kỷ luật phải báo cáo lên cấp trên quyết định. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm chủ tịch uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương do thường vụ tỉnh, thành, đặc khu uỷ đề nghị lên Ban Bí thư và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng để trình Bộ Chính trị quyết định.

- Chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dự bị cho các chức vụ chủ chốt của địa phương, kể cả cán bộ dự bị cho các chức vụ thuộc danh mục Bộ Chính trị và Ban Bí thư trực tiếp quản lý.

- Quyết định danh mục cán bộ thuộc quyền quản lý trực tiếp của tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trong phạm vi được Trung ương phân cấp; quyết định việc phân cấp quản lý cán bộ cho cấp dưới.

- Việc bố trí, đề bạt, kỷ luật đối với trưởng ban, giám đốc sở và các chức vụ tương đương ở địa phương do cấp uỷ quyết định sau khi đã trao đổi ý kiến với các ban, bộ, uỷ ban, tổng cục có liên quan. Việc bố trí hoặc kỷ luật đối với cán bộ chủ chốt của các đoàn thể nhân dân ở địa phương phải trao đổi với các đảng đoàn hoặc Ban Bí thư đoàn thanh niên cấp trên của tổ chức đó.

2. *Đảng uỷ Quân sự Trung ương:*

Đảng uỷ Quân sự Trung ương chịu trách nhiệm trước Trung ương quản lý cán bộ quân đội theo quy định của Bộ Chính trị.

3. Đảng uỷ cơ sở:

Thông qua công tác quản lý đảng viên, đảng uỷ cơ sở có trách nhiệm tham gia với thủ trưởng cơ quan trong việc quyết định, bố trí, đề bạt, thi hành kỷ luật, khen thưởng và thực hiện chính sách đối với cán bộ; kiểm tra việc chấp hành chủ trương, chính sách cán bộ của Đảng trong cơ quan, đơn vị, xí nghiệp. Trước khi quyết định bổ trí, đề bạt, thi hành kỷ luật cán bộ, thủ trưởng cơ quan, đơn vị và xí nghiệp phải lấy ý kiến của đảng uỷ, chi uỷ nơi cán bộ sinh hoạt.

Điều 4: Trách nhiệm, quyền hạn của Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và các bộ, uỷ ban, tổng cục trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

1. Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng:

- Đề nghị Hội đồng Nhà nước, Quốc hội thể chế hoá đường lối, chủ trương, chính sách và các nghị quyết của Đảng về công tác cán bộ thành quyết định của Nhà nước.

- Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng chịu trách nhiệm nhận xét, đánh giá cán bộ giữ chức vụ trong thành viên Hội đồng Bộ trưởng, chủ tịch uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu. Đề nghị với Bộ Chính trị quyết định việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật bộ trưởng, chủ nhiệm các uỷ ban nhà nước, chủ tịch uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương.

Đề nghị với Ban Bí thư quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật tổng cục trưởng các tổng cục trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng. Căn cứ đề nghị của các bộ trưởng, Chủ nhiệm Uỷ ban Nhà nước, tổng cục trưởng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng có ý kiến với Ban Bí thư việc bổ trí, đề bạt, kỷ luật các chức vụ thứ trưởng, phó chủ nhiệm Uỷ ban Nhà nước, phó tổng cục trưởng các tổng cục trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.

- Lãnh đạo các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước xây dựng chính sách, chế độ đối với cán bộ, có kế hoạch đào tạo,

bồi dưỡng, sử dụng và phân phối đội ngũ cán bộ công tác ở cơ quan nhà nước.

2. Các bộ, uỷ ban nhà nước về tổng cục trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng:

- Trung ương giao cho tập thể lãnh đạo bộ (bộ trưởng, thứ trưởng), uỷ ban (chủ nhiệm, phó chủ nhiệm), tổng cục (tổng cục trưởng, phó tổng cục trưởng) chịu trách nhiệm trước Trung ương quản lý cán bộ ở cơ quan và các đơn vị trực thuộc. Quyết định việc bổ trí, đề bạt, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc phạm vi được giao trách nhiệm. Bộ trưởng, chủ nhiệm uỷ ban, tổng cục trưởng là người chịu trách nhiệm chính về công tác quản lý cán bộ.

- Việc đề bạt thứ trưởng, phó chủ nhiệm uỷ ban, phó tổng cục trưởng trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng do bộ trưởng, chủ nhiệm uỷ ban, tổng cục trưởng đề nghị lên Ban Bí thư và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, sau khi đã có ý kiến của tập thể lãnh đạo bộ, uỷ ban, tổng cục.

- Quyết định phân cấp quản lý cán bộ cho các đơn vị và cơ sở thuộc phạm vi ngành quản lý.

- Đối với một số ngành được Trung ương giao trách nhiệm quản lý theo ngành dọc từ trung ương đến địa phương thì việc bổ nhiệm, thi hành kỷ luật hoặc thay đổi công tác cán bộ các bộ là giám đốc, phó giám đốc sở và các chức vụ tương đương do bộ, tổng cục quyết định sau khi đã trao đổi thống nhất với cấp uỷ địa phương.

- Các cơ sở trực thuộc bộ, tổng cục đóng ở địa phương, trước khi bộ, tổng cục ra quyết định bổ nhiệm, cách chức hoặc thay đổi công tác cán bộ lãnh đạo chủ chốt của đơn vị cơ sở đó phải lấy ý kiến nhận xét của cấp uỷ địa phương.

3. Bảo đảm đúng thủ tục đề nghị đề bạt, bổ nhiệm cán bộ thuộc danh mục Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý công tác cơ quan nhà nước:

Bổ nhiệm, miễn nhiệm bộ trưởng, chủ nhiệm các uỷ ban nhà nước, chủ tịch uỷ ban nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu

trực thuộc Trung ương, tổng cục trưởng các tổng cục trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng, phải có văn bản đề nghị của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng với Bộ Chính trị. Đề bạt thứ trưởng, phó chủ nhiệm các ủy ban nhà nước, phó tổng cục trưởng các tổng cục trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng phải có văn bản đề nghị của bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, tổng cục trưởng gửi Ban Bí thư và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, sau khi có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, Ban Bí thư sẽ xem xét và quyết định.

Điều 5: Trách nhiệm và quyền hạn của các đoàn thể nhân dân:

- Các đảng đoàn Mặt trận, Tổng Công đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Liên hiệp Nông dân tập thể và Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm trước Trung ương về quản lý cán bộ theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Trung ương và theo đúng điều lệ của mỗi tổ chức.
 - Việc thay đổi cán bộ giữ các chức vụ thuộc danh mục do Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định thì đảng đoàn các đoàn thể và Ban Bí thư Trung ương Đoàn có trách nhiệm lãnh đạo tổ chức của mình thực hiện theo đúng quy định của điều lệ của tổ chức đó.
 - Tham gia góp ý kiến với cấp uỷ địa phương và các ngành có liên quan trong việc bố trí, điều động và kỷ luật cán bộ của các đoàn thể công tác ở các ngành và địa phương.
 - Có trách nhiệm thực hiện và hướng dẫn cho các đoàn thể cấp dưới thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện chính sách cho cán bộ công tác đoàn thể ở các cấp. Kiến nghị với Ban Bí thư những vấn đề xét cần thiết có liên quan đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ của các đoàn thể nhân dân.
- Điều 6: Trách nhiệm các ban của Trung ương:**
1. *Ban Tổ chức Trung ương:*
 - Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư nghiên cứu về đường lối, tiêu chuẩn, chính sách và chủ trương về công tác cán bộ theo tinh

thân Nghị quyết của Đại hội Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương. Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư hướng dẫn và kiểm tra việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về công tác cán bộ ở các ngành, các cấp.

- Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ, chủ yếu là đội ngũ cán bộ thuộc danh mục do Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý, kể cả đội ngũ cán bộ dự bị cho các chức vụ này.
- Giúp Bộ Chính trị, Ban Bí thư có kế hoạch chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Trung ương khoá sau theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Giúp Bộ Chính trị và Ban Bí thư thẩm tra và tổng hợp đề nghị của các ngành và các cấp uỷ địa phương đề nghị đề bạt, điều động cán bộ thuộc quyền Bộ Chính trị, Ban Bí thư quyết định và làm các thủ tục trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Giúp Trung ương quản lý cấp uỷ trực thuộc Trung ương, chủ yếu là cán bộ chủ chốt thuộc danh mục do Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý. Chuẩn bị trình Ban Bí thư chuẩn y cấp uỷ theo quy định của Điều lệ Đảng.

- Được Ban Bí thư uỷ nhiệm giải quyết một số vấn đề cụ thể như điều động cán bộ không thuộc danh mục do Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý, giải quyết chế độ cụ thể đối với cán bộ.

- Được quyền yêu cầu các cấp, các ngành và các ban của Trung ương cung cấp tình hình về cán bộ.

- Quản lý hồ sơ lý lịch cán bộ thuộc danh mục do Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý.

2. *Các ban của Trung ương:*

- Thông qua việc nắm tình hình và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của các cơ quan, các ban của Trung ương có trách nhiệm thẩm tra, kiểm tra và đề xuất ý kiến với Ban Bí thư về bố trí, đề bạt cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư trực tiếp quản lý ở các cơ quan trong khối, đề xuất ý kiến và phát hiện cán bộ dự bị cho các chức vụ này.

- Giúp Ban Bí thư kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương về công tác cán bộ ở các cơ quan trong khối.

Tham gia ý kiến với Ban Tổ chức Trung ương nghiên cứu chính sách và kiểm tra việc thực hiện chính sách đối với cán bộ thuộc khối mình phụ trách.

Phân III

DANH MỤC CHỨC VỤ DO BỘ CHÍNH TRỊ VÀ BAN Bí THƯ TRỰC TIẾP QUẢN LÝ

Điều 7: Chức vụ do Bộ Chính trị trực tiếp quản lý:

Cơ quan Trung ương:

- Bộ trưởng, trưởng ban và các chức vụ tương đương trở lên.
- Chủ tịch, Bí thư thứ nhất các đoàn thể Mặt trận Tổ quốc, Tổng Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân tập thể ở Trung ương.
- Đại sứ Việt Nam tại Liên Xô, Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, Cộng hoà nhân dân Campuchia; Trưởng đoàn đại diện Việt Nam tại Hội đồng tương trợ kinh tế.

Địa phương:

- Bí thư, chủ tịch các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương.

Quân đội:

- Đảng uỷ Quân sự Trung ương.

- Thứ trưởng Bộ Quốc phòng, chủ nhiệm các tổng cục, tổng tham mưu trưởng, phó tổng tham mưu trưởng, phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.

- Tư lệnh quân khu, quân chủng.

- Thăng và giáng cấp quân hàm đại tướng, thượng tướng, đô đốc hải quân.

Điều 8: Chức vụ do Ban Bí thư trực tiếp quản lý:

Cơ quan Trung ương:

- Các đồng chí Uỷ viên Trung ương không giữ chức vụ thuộc danh mục Bộ Chính trị quản lý.
- Phó trưởng ban, thứ trưởng và các chức vụ tương đương.
- Phó Chủ tịch và Ban Thư ký Tổng Công đoàn và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ban Bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ và Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Trung ương.
- Uỷ viên đảng đoàn các đoàn thể nhân dân.
- Bí thư, Phó bí thư các đảng uỷ trực thuộc Trung ương.
- Giám đốc, phó giám đốc các Trường đảng Nguyễn Ái Quốc khu vực.
- Tổng cục trưởng, phó tổng cục trưởng các tổng cục trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng.
- Tổng cục trưởng các tổng cục trực thuộc Bộ Nội vụ.
- Đại sứ Việt Nam tại các nước (trừ Liên Xô, Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào và Cộng hoà nhân dân Campuchia).
- Chuyên viên bậc chín.
- Một số tổng giám đốc, giám đốc tổng công ty, liên hiệp các xí nghiệp, xí nghiệp và một số hiệu trưởng trường đại học lớn, một số nhà khoa học (danh sách do Ban Tổ chức Trung ương và các ban đề nghị).

Địa phương:

- Phó bí thư, uỷ viên thường vụ các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ trực thuộc Trung ương.

Quân đội:

- Phó chủ nhiệm các tổng cục (trừ phó tổng tham mưu trưởng, phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị).
- Phó tư lệnh quân khu, quân chủng.
- Tư lệnh các quân đoàn.
- Viện trưởng các học viện.
- Thăng và giáng cấp quân hàm trung tướng, thiếu tướng, chuẩn đô đốc hải quân.

Phân IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9: Các cấp uỷ đảng, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm chấp hành đúng nội dung của quy chế quản lý cán bộ, những vấn đề ngoài quy chế đã quy định phải xin ý kiến Ban Bí thư.

Điều 10: Ban Bí thư chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện quy chế quản lý cán bộ.

Điều 11: Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể việc thực hiện quy chế quản lý cán bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THU
NGUYỄN VĂN LINH

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 05-NQ/TW, ngày 28 tháng 11 năm 1987

**Về đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý
văn học, nghệ thuật và văn hoá, phát huy
khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và
văn hoá phát triển lên một bước mới**

I

Từ khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, nhất là từ sau Cách mạng Tháng Tám thành công, văn hoá, văn nghệ Việt Nam đã trở thành một bộ phận khảng khít của cách mạng, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc, xây dựng cuộc sống mới cho nhân dân. Văn hoá, văn nghệ đã phát triển mạnh mẽ. Các văn nghệ sĩ, các nhà hoạt động văn hoá trở thành những chiến sĩ của Đảng trên mặt trận văn hoá, văn nghệ, sáng tạo được nhiều tác phẩm có giá trị, có sức động viên, cổ vũ to lớn đối với nhân dân ta trong hai cuộc kháng chiến vừa qua. Văn học, nghệ thuật nước ta "xứng đáng đứng vào hàng ngũ tiên

phong của những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay".

Sau thắng lợi vĩ đại năm 1975, cách mạng nước ta bước vào một thời kỳ mới là xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước. Vừa giành được độc lập và thống nhất đất nước, nhân dân ta phải tập trung sức khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh, xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, trong lúc phải tiếp tục cuộc chiến đấu gian khổ để bảo vệ Tổ quốc.

Trong hoàn cảnh mới, có nhiều thuận lợi nhưng cũng có nhiều khó khăn, thử thách, hoạt động văn hoá, văn nghệ mười hai năm qua đã thu được nhiều thành tựu và những kinh nghiệm quý, đồng thời cũng bộc lộ không ít nhược điểm, khuyết điểm.

Chúng ta đã nhanh chóng xoá bỏ các tổ chức, thể chế phản động của chế độ cũ trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, đấu tranh chống âm mưu và hành động phá hoại của địch, chống những quan điểm, khuynh hướng, tàn dư của văn hoá, văn nghệ phản động và đồi truy; xây dựng và phát triển rộng khắp nền văn hoá, văn nghệ cách mạng theo đường lối, quan điểm của Đảng.

Chúng ta đã triển khai một cách đồng bộ và cân đối hơn công tác văn hoá, văn nghệ (cả chuyên nghiệp và nghiệp dư, cả ở Trung ương và địa phương), từng bước mở rộng, đa dạng hoá các hoạt động, đáp ứng một phần nhu cầu văn hoá, văn nghệ ngày càng cao và phong phú của các tầng lớp nhân dân, các lứa tuổi. Đã xuất hiện một số tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng tốt, đề cập một cách chân thật và mạnh dạn những vấn đề nóng bỏng của cuộc sống hiện nay, thu hút được sự chú ý của công chúng.

Đáng lưu ý là trong tình hình kinh tế - xã hội chưa ổn định, có nhiều khó khăn, phức tạp, những nhà hoạt động văn hoá và văn nghệ có tâm huyết, mẫn cảm đã cùng với Đảng và nhân dân kiên trì tháo gỡ khó khăn, cố gắng nhận thức ngày càng sâu hơn nội dung và ý nghĩa những chuyển động

lớn đang diễn ra ở nước ta cả về chính trị và kinh tế, xã hội và văn hoá, đạo đức và tâm lý, tư duy và sinh hoạt, gắn với những vấn đề chung của chủ nghĩa xã hội và của thế giới trong thời đại ngày nay, không ngừng tìm tòi, phát hiện những khả năng mới trong sự nghiệp cách mạng để tiến lên, góp phần tích cực vào công cuộc đổi mới của nhân dân ta.

Chúng ta chưa thể bằng lòng với những việc đã làm được. Với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, cần nhận rõ chất lượng và hiệu quả các hoạt động văn hoá, văn nghệ nói chung còn thấp, tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị còn ít, tiềm năng sáng tạo chưa được phát huy đầy đủ, bệnh phô trương hình thức, công thức, sơ lược còn nặng. Nhiều hiện tượng tiêu cực như chạy theo tiền và tình trạng hỗn loạn kéo dài về dùng bǎng ghi hình có nội dung xấu chưa được ngăn chặn kịp thời. Cuộc đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hoá phản động, đồi truy chưa tốt.

Những thành tựu và những thiếu sót nói trên gắn liền với những ưu điểm và khuyết điểm trong công tác lãnh đạo, công tác quản lý, công tác xây dựng đội ngũ và cả những nhận thức lý luận trong điều kiện mới.

Đội ngũ những người làm công tác văn hoá, văn nghệ nước ta sau năm 1975 được bổ sung thêm nhiều lực lượng trẻ có triển vọng là một đội ngũ đáng tin cậy, phần lớn được rèn luyện và thử thách trong đấu tranh cách mạng, có vốn sống, giàu lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Trước những khó khăn gay gắt về đời sống, đại bộ phận anh em cố gắng giữ gìn phẩm chất, kiên định quan điểm sáng tạo và hoạt động phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Tuy nhiên, một bộ

phận chưa tích cực phấn đấu tu dưỡng, nâng cao trình độ chính trị, nghệ thuật, chưa đi sâu vào thực tế, chưa đủ bản lĩnh vượt qua khó khăn, ràng buộc để sáng tác tốt hơn; một số người đã giảm sút ý chí chiến đấu, sống buông thả, chạy theo các khuynh hướng không lành mạnh trong hoạt động văn học, nghệ thuật.

Đảng ta luôn coi trọng vai trò của văn hoá, văn nghệ, đã tích luỹ được một số kinh nghiệm trong lãnh đạo công tác này. Nghị quyết các Đại hội lần thứ IV, V, VI của Đảng đã đề ra những chủ trương, nhiệm vụ đúng đắn để chỉ đạo hoạt động văn hoá, văn nghệ. Dựa vào các nghị quyết đó, Bộ Chính trị và Ban Bí thư thường xuyên chỉ đạo công tác văn hoá, văn nghệ, nhưng có khuyết điểm là trong nhiều năm, chưa có lần nào bàn kỹ và ra nghị quyết về văn hoá, văn nghệ, chưa chú ý cải tiến phương thức lãnh đạo văn hoá, văn nghệ cho phù hợp với tình hình mới. Nhiều cấp ủy đảng chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo và ít được bồi dưỡng kiến thức về lĩnh vực quan trọng nhưng phức tạp này. Công tác lãnh đạo và quản lý văn hoá, văn nghệ có nhiều biểu hiện giản đơn, thô thiển, thiếu dân chủ. Cơ chế và chính sách quản lý, việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo và quản lý sự nghiệp văn hoá, văn nghệ có trình độ ngang tầm với nhiệm vụ chưa được coi trọng cũng là một nguyên nhân quan trọng hạn chế việc phát huy tiềm năng sáng tạo trong văn hoá, văn nghệ.

II

Văn hoá là nhu cầu thiết yếu trong đời sống tinh thần

của xã hội, thể hiện trình độ phát triển chung của một đất nước, một thời đại, là lĩnh vực sản xuất tinh thần tạo ra những giá trị văn hoá, những công trình nghệ thuật được lưu truyền từ đời này sang đời khác, làm giàu đẹp thêm cuộc sống con người.

Văn hoá Việt Nam kết tinh tâm hồn, trí tuệ, tài năng và đạo lý làm người của nhân dân ta, là sức mạnh tinh thần của dân tộc ta trong lịch sử hàng nghìn năm giữ nước và dựng nước.

Hiện nay, văn hoá là bộ phận trọng yếu của cách mạng tư tưởng và văn hoá là một động lực mạnh mẽ đồng thời là một mục tiêu lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Văn hoá và văn học, nghệ thuật có tác dụng to lớn trong việc gop phần thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, có chức năng bồi dưỡng đạo đức, tình cảm và năng lực thẩm mỹ cho con người, thoả mãn những nhu cầu văn hoá ngày càng tăng của nhân dân. Giai đoạn mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, đặc biệt là công cuộc đổi mới sâu sắc và toàn diện hiện nay đòi hỏi văn hoá, văn nghệ nước ta phải vươn lên đáp ứng tốt nhất yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng mới.

Thực hiện chủ trương đổi mới của Đảng trong hoàn cảnh cách mạng khoa học, kỹ thuật đang diễn ra với quy mô và tốc độ chưa từng có trên thế giới và việc giao lưu giữa các nước và các nền văn hoá ngày càng mở rộng, văn hoá, văn nghệ nước ta càng phải đổi mới, đổi mới tư duy, đổi mới cách nghĩ, cách làm.

Với tinh thần cách mạng và khoa học, cần nhận thức rõ sự đa dạng, phức tạp và xu thế phát triển của tình hình

trong nước và thế giới ngày nay để giải quyết một cách đúng đắn các vấn đề dân tộc và quốc tế, truyền thống và hiện đại, tư tưởng và kỹ thuật, trước mắt và lâu dài trong công tác văn hoá, văn nghệ. Chú trọng phát huy bản sắc của nền văn hoá dân tộc và xây dựng bản lĩnh của con người mới Việt Nam để có thể tiếp thu những yếu tố văn hoá tốt đẹp từ bên ngoài vào và chủ động, vững vàng trước mọi thử thách.

Nền văn hoá mới Việt Nam xây dựng trên cơ sở những nguyên tắc của chủ nghĩa Mác - Lê nin là một nền văn hoá xã hội chủ nghĩa đậm đà bản sắc dân tộc. Nó kế thừa và phát huy những truyền thống tốt đẹp như tinh thần yêu nước, lòng nhân ái, chủ nghĩa anh hùng cách mạng, đồng thời có ý thức tự bồi đắp thêm những phẩm chất đã có tiền đề trong lịch sử và đang hình thành trong quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta như ý thức dân chủ, tinh thần quốc tế và tinh thần khoa học. Cần kết hợp hài hoà và nâng cao tinh hoa văn hoá đặc sắc của các dân tộc anh em trên đất nước ta, tiếp thu có chọn lọc những thành tựu văn hoá, khoa học, kỹ thuật hiện đại của thế giới. Có như thế văn hoá xã hội chủ nghĩa Việt Nam mới phát triển rực rỡ và đóng góp xứng đáng vào nền văn hoá chung của nhân loại.

Văn học, nghệ thuật là bộ phận đặc biệt nhạy cảm của văn hoá, thể hiện khát vọng của con người về chân, thiện, mỹ, có tác dụng bồi dưỡng tình cảm, tâm hồn, nhân cách, bản lĩnh của các thế hệ công dân, xây dựng môi trường đạo đức trong xã hội, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa. Văn học, nghệ thuật góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh để mở rộng và làm sâu sắc thêm quá trình dân chủ hoá mọi mặt

của đời sống đất nước, cổ vũ nhiệt tình cho công cuộc đổi mới, tích cực tham gia giải quyết việc giải phóng những tiềm năng của đất nước, thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ kinh tế, xã hội do Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đề ra.

Văn học, nghệ thuật phải không ngừng nâng cao tính đảng và tính nhân dân, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, phát huy chức năng hiểu biết, khám phá, dự báo, sáng tạo, nắm bắt nhạy bén hiện thực đang diễn biến, phát hiện và biểu dương cái mới, khẳng định những mầm non đang nảy sinh trong cuộc sống, phê phán không khoan nhượng những hiện tượng tiêu cực, bảo thủ, trì trệ, tạo nên những điển hình sống động về những con người mới trung thực, dũng cảm, năng động, sáng tạo trong chiến đấu và xây dựng, những chiến sĩ của công cuộc đổi mới; xây dựng được những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, tác động sâu sắc đến việc đổi mới nếp nghĩ, nếp sống, nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa và trình độ thẩm mỹ của nhân dân, góp phần làm cho đời sống văn hoá của nhân dân ngày càng lành mạnh và phong phú. Tiếng nói của văn nghệ hiện thực xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là tiếng nói đầy trách nhiệm, trung thực, tự do, tiếng nói của sự thật, của lương tri, của tinh thần nhân đạo cộng sản chủ nghĩa, phản ánh được nguyện vọng sâu xa của nhân dân và quyết tâm của Đảng đưa công cuộc đổi mới đến thắng lợi.

Để văn hoá, văn nghệ có thể làm tròn được chức năng cao cả của mình, các nhà hoạt động văn học và nghệ thuật phải là những chiến sĩ của Đảng trên mặt trận văn hoá, văn nghệ, chăm lo bồi dưỡng thế giới quan Mác - Lênin và nhân sinh quan cách mạng, đề cao tinh thần trách nhiệm đối với đất nước, với nhân dân, xây dựng tinh thần hợp tác

xã hội chủ nghĩa, đoàn kết với nhau chân thành, sâu sắc, tôn trọng tài năng và sự cống hiến của nhau, lên án và khắc phục những biểu hiện cơ hội, bè phái, lối sống buông thả, đi sâu vào cuộc sống, không ngừng nâng cao trình độ văn hoá và nghề nghiệp, mạnh dạn đổi mới trong tư duy và hoạt động sáng tạo.

III

Khai thác mạnh mẽ tiềm năng sáng tạo là tư tưởng chỉ đạo bao trùm để phát triển văn hoá, văn nghệ hiện nay. Đây là công việc của các cơ quan lãnh đạo, quản lý, của công chúng và của bản thân văn nghệ sĩ và các nhà hoạt động văn hoá, liên quan đến cả quan điểm, lý luận và công tác tổ chức thực hiện được thể hiện trong các chính sách, biện pháp lớn về kinh tế, xã hội, văn hoá.

Tinh thần chung của các chính sách, biện pháp là phải bảo đảm những điều kiện để văn hoá, văn nghệ làm tốt vai trò xã hội với chức năng cao cả của nó. Phải quán triệt sâu sắc quan điểm cơ bản của Đảng là coi trọng con người, coi con người là động lực quan trọng nhất và là mục tiêu phục vụ và xây dựng cao nhất của mọi hoạt động kinh tế, xã hội.

Phải xem việc đầu tư cho sự nghiệp văn hoá để phục vụ con người, xây dựng con người mới - con người xã hội chủ nghĩa - theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh, là một sự đầu tư không chỉ nhằm giải quyết những nhu cầu cấp bách, trước mắt, mà còn có ý nghĩa cơ bản, lâu dài nhằm thoả mãn một cách hợp lý nhu cầu văn hoá của nhân dân, mang lại niềm vui và hạnh phúc cho từng người, và để tích luỹ "vốn quý nhất" cho xã hội. Cần quan niệm lại kết cấu kế hoạch nhà nước và ngân sách "thể hiện đầy đủ trong thực tế quan điểm của Đảng và Nhà nước về sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, khắc phục thái độ coi nhẹ chính

sách xã hội, tức là coi nhẹ yếu tố con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội" (Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng).

Sớm ban hành các chính sách nhằm khuyến khích các tổ chức văn hoá, văn nghệ khai thác các tiềm năng về kinh tế, tài chính trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tạo được những vốn tự có để có thêm điều kiện phát triển sự nghiệp văn hoá, văn nghệ. Tiến tới thành lập quỹ văn hoá Việt Nam theo hướng huy động mọi lực lượng, mọi khả năng cả ở trong nước và ngoài nước. Các tổ chức văn hoá, văn nghệ được quyền tự chủ xây dựng quỹ, vốn và sử dụng quỹ, vốn đó trong hoạt động của mình. Ngoài sự tài trợ thích đáng của Nhà nước về vật tư, kinh phí, các hội ở trung ương cũng như các hội ở địa phương có quyền lập quỹ, phát triển quỹ bằng những hoạt động nghề nghiệp, được hưởng chính sách ưu đãi về kinh tế, tài chính để tự trang trải các kinh phí hoạt động, bảo đảm và cải thiện điều kiện sáng tạo và đời sống của các hội viên, góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển văn hoá, nghệ thuật của đất nước. Các chính sách kinh tế, tài chính này phải phù hợp với từng ngành, từng loại hoạt động văn hoá, văn nghệ.

Bảo đảm các điều kiện tinh thần, cố gắng tạo điều kiện thuận lợi về vật chất cho các nhà hoạt động văn học và nghệ thuật yên tâm, phấn khởi làm việc. "Cải tiến chính sách đối với người làm công tác nghệ thuật chuyên nghiệp, đổi ngô xứng đáng lao động nghệ thuật, động viên sáng tạo, khuyến khích tài năng" (Báo cáo chính trị tại Đại hội VI của Đảng).

Thực hiện đầy đủ quyền tác giả, khẩn trương nghiên cứu để sớm ban hành các chế độ thù lao nghệ thuật, bảo đảm cho nghệ sĩ chuyên nghiệp có thể sống và tiếp tục sáng tạo chủ yếu bằng nhuận bút. Chế độ thù lao phải đặc biệt tính đến giá trị chất lượng các tác phẩm.

Tự do sáng tác là điều kiện sống còn để tạo nên giá trị đích thực trong văn hoá, văn nghệ, để phát triển tài năng. Trong lịch sử, Đảng đã lãnh đạo toàn dân tộc giành được độc lập, tự do và đã mang lại quyền tự do sáng tác chân chính cho văn nghệ sĩ. Bản chất quyền tự do sáng tác của văn nghệ sĩ nằm trong sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo và được quy định bởi trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội.

Tác phẩm văn nghệ không vi phạm pháp luật, không phản động (chống lại dân tộc, chống lại chủ nghĩa xã hội, phá hoại hoà bình), và không đồi trụy (truyền bá tội ác, sự sa đoạ, phá hoại nhân phẩm) đều có quyền được lưu hành và đặt dưới sự đánh giá, phán xét của công luận và sự phê bình. Đảng và Nhà nước khuyến khích thảo luận, tranh luận công khai để tìm ra chân lý. Cân tạo một không khí hồ hởi trong sáng tác, khêu gợi nhiều cảm hứng sáng tạo cao đẹp trong các văn nghệ sĩ.

Đảng khuyến khích văn nghệ sĩ tìm tòi sáng tạo, khuyến khích và yêu cầu có những thể nghiệm mạnh bạo và rộng rãi trong sáng tạo nghệ thuật, trong việc phát triển các loại hình và thể loại nghệ thuật, các hình thức biểu hiện.

Tự do sáng tác đi đôi với tự do phê bình. Người sáng tác và người phê bình phải làm chủ ngòi bút của mình, không ngừng rèn luyện bản lĩnh, nâng cao trình độ, chịu trách nhiệm trước Đảng và nhân dân về công việc của mình. Nâng cao tính lý luận, trình độ khoa học, trình độ thẩm mỹ, hiểu biết thực tế sáng tác và thực tế cuộc sống sâu sắc hơn nữa trong công tác phê bình văn học, nghệ thuật. Các nhà nghiên cứu, phê bình cần lắng nghe và coi trọng dư luận của quần chúng rộng rãi. Phê bình phải khách quan, trong sáng, nghiêm túc và có tính chiến đấu cao, khắc phục thói nể nang

hoặc thô bạo, lối phê bình một chiều, hời hợt, hình thức, sách vở.

Đảng và Nhà nước coi trọng cả hoạt động văn nghệ chuyên nghiệp, phong trào văn nghệ quần chúng và hoạt động văn nghệ nghiệp dư. Các cơ quan văn hoá, văn nghệ cần nhận thức rõ vị trí, mục tiêu, phương thức hoạt động thích hợp của mỗi loại hình, tránh tình trạng chuyên nghiệp hoá văn nghệ quần chúng và văn nghệ nghiệp dư, cũng như hạ thấp yêu cầu đối với văn nghệ chuyên nghiệp; hết sức tạo điều kiện để văn nghệ chuyên nghiệp đạt được những đỉnh cao về nghệ thuật.

Phải coi các di tích lịch sử, các tác phẩm, công trình văn hoá, nghệ thuật, các tài năng và danh nhân là tài sản quý của quốc gia; có những chủ trương và biện pháp có hiệu lực bảo tồn lâu dài các di tích lịch sử và các giá trị văn hoá để giáo dục nhân dân về lòng yêu nước và tự hào dân tộc, về truyền thống lịch sử và văn hoá, tạo điều kiện cho nhiều thế hệ có thể thưởng thức, tiếp thu, nghiên cứu các giá trị văn hoá cổ truyền, tiếp tục sáng tạo ra những giá trị văn hoá mới thể hiện được tầm cao của thời đại và chiều sâu của truyền thống, vừa dân tộc, vừa hiện đại. Đấu tranh chống xu hướng nê cổ, bảo thủ và cả xu hướng mất gốc, hư vô chủ nghĩa.

Chú trọng xây dựng đời sống văn hoá ở cơ sở, đưa văn hoá văn nghệ đến các vùng kinh tế mới, vùng căn cứ cách mạng cũ, vùng dân tộc thiểu số và các vùng xa xôi, hẻo lánh, quan tâm các tầng lớp xã hội và các lứa tuổi khác nhau. Xây dựng và củng cố các nhà văn hoá, câu lạc bộ, thư viện, nhà bảo tàng, công viên văn hoá... nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động văn hoá quần chúng. Đưa việc xây dựng nếp sống mới, giá đình văn hoá mới thành công việc của toàn xã hội, tiến hành trên cơ sở những nguyên tắc khoa học và căn cứ thực tiễn được nghiên cứu và tổng kết chu đáo.

Kiên quyết đấu tranh chống những tàn dư văn hoá phong kiến, thực dân, tư sản. Ngăn chặn khuynh hướng thương mại trong hoạt động văn nghệ, đấu tranh với các loại văn

nghệ dâm ô, kích động tội ác. Làm thất bại âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch và phản động hòng biến văn hoá, văn nghệ thành phương tiện gieo rắc tâm lý bi quan và lối sống sa đọa. Bài trừ mê tín dị đoan, hủ tục.

Phát triển quan hệ quốc tế về văn hoá nhằm tăng cường hiểu biết và làm phong phú lẫn nhau giữa các nền văn hoá, tạo điều kiện cho văn hoá, văn nghệ nước ta có điều kiện phát triển thuận lợi hơn. Hợp tác toàn diện về văn hoá, văn nghệ với Liên Xô, Lào, Campuchia và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác, mở rộng sự giao lưu văn hoá mật thiết với Ấn Độ và các nước khu vực Đông Nam Á, mở rộng giao lưu văn hoá với các nước đang phát triển và các nước phương Tây, làm cho nhân dân ta được tiếp xúc với nhiều nền văn hoá trên thế giới. Đẩy mạnh các hoạt động văn hoá của Việt Nam trong cộng đồng người Việt ở nước ngoài, thông qua các mối quan hệ nhà nước, các tổ chức văn hoá. Văn hoá, văn nghệ nước ta cần quan tâm hơn nữa đến sinh hoạt quốc tế, tham gia tích cực hơn vào cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình vì quyền lợi của các dân tộc, của nhân dân lao động và cuộc sống của loài người.

IV

Đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn hoá, văn nghệ là yếu tố có ý nghĩa quyết định để khai thác mọi tiềm năng sáng tạo, phát triển sự nghiệp văn hoá, văn nghệ một cách thuận lợi.

Thông qua nghiên cứu khoa học và tổng kết thực tiễn, cần khẩn trương nâng cao nhận thức lý luận về văn hoá, văn nghệ, hoàn thiện và cụ thể hoá đường lối xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Xây dựng một cơ chế lãnh đạo và quản lý phù hợp. Lập các hội đồng nghệ thuật quốc gia, hội đồng nghệ thuật địa phương và hội đồng nghệ thuật cơ sở theo kiểu các hội đồng

khoa học ở các ngành khoa học. Các hội đồng nghệ thuật do cấp uỷ đảng và cấp chính quyền thành lập bao gồm những người có uy tín và am hiểu nhất về một ngành nghệ thuật hoặc một số ngành nghệ thuật gần nhau. Các hội đồng có nhiệm vụ và quyền hạn đầy đủ để quyết định những vấn đề nghệ thuật thuộc phạm vi xem xét của mình, và chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Trường hợp cần thiết, có thể thành lập các hội đồng tư vấn, hội đồng lâm thời để giúp các cơ quan lãnh đạo, quản lý xử lý các vấn đề văn hoá, văn nghệ trên cơ sở đường lối, chính sách của Đảng và những hiểu biết khoa học đáng tin cậy. Tổ chức tốt và tạo điều kiện hoạt động thuận lợi cho các hội đồng nghệ thuật là phương thức lãnh đạo rất quan trọng để nâng cao sự lãnh đạo của các cấp uỷ đảng đối với văn hoá, nghệ thuật, khắc phục và ngăn ngừa những hiện tượng cấp uỷ đảng và chính quyền can thiệp thô bạo vào các vấn đề văn học, nghệ thuật, và từng cá nhân tuỳ tiện quyết định số phận một tác phẩm hoặc một tiết mục, trừ trường hợp những vấn đề nghệ thuật trở thành vấn đề chính trị có phuong hại chung đến quyền lợi của Tổ quốc, của nhân dân.

Cải tiến phương thức lãnh đạo, quản lý văn hoá, văn nghệ phải quán triệt quan điểm của Đảng đối với trí thức xã hội chủ nghĩa và phù hợp với tính đặc thù của văn hoá, văn nghệ. "Đối với trí thức, điều quan trọng nhất là bảo đảm quyền tự do sáng tạo, đánh giá đúng năng lực và tạo điều kiện cho năng lực được sử dụng đúng và phát triển. Phá bỏ những quan niệm hẹp hòi, không thấy tầng lớp trí thức ngày nay là những người lao động xã hội chủ nghĩa, được Đảng giáo dục và lãnh đạo, ngày càng gắn bó chặt chẽ với công nhân, nông dân" (Báo cáo chính trị tại Đại hội lần thứ VI của Đảng).

Trân trọng nhân cách, tài năng và sự độc đáo của văn nghệ sĩ, chu đáo, tế nhị, chân tình trong quan hệ, đối xử, có cách làm việc thích hợp với từng cá tính sáng tạo.

Các nhà hoạt động văn học và nghệ thuật có tài năng, được nhân dân quý trọng và có uy tín quốc tế là vốn quý của đất nước, của nhân dân, là lực lượng chủ yếu để xây dựng một nền văn hoá, văn nghệ xứng đáng của dân tộc.

Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, tăng cường công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ văn hoá, văn nghệ, chú ý cán bộ lãnh đạo và quản lý, văn nghệ sĩ, cán bộ chuyên trách quan hệ quốc tế về văn hoá. Kết hợp nghiên cứu cơ bản và tổng kết thực tiễn, kết hợp nghiên cứu và đào tạo, bồi dưỡng.

Các trường đảng xây dựng khoa văn hoá xã hội chủ nghĩa và có chương trình giảng dạy cơ bản về văn hoá, văn nghệ. Các trường đại học và cao đẳng, các trường quản lý cần có môn văn hoá xã hội chủ nghĩa với chương trình phù hợp. Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương phối hợp với Học viện Nguyễn Ái Quốc cùng các cơ quan, đơn vị nghiên cứu văn hoá, văn nghệ xây dựng chương trình và biên soạn giáo trình môn học này, có kế hoạch bồi dưỡng lý luận và đường lối văn hoá, văn nghệ cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt và cán bộ phụ trách văn hoá, văn nghệ các cấp.

Các ngành văn hoá, văn nghệ, giáo dục, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các ngành liên quan cần phối hợp chặt chẽ để đẩy mạnh vấn đề giáo dục thẩm mỹ, giáo dục văn hoá, nghệ thuật cho thanh niên, thiếu niên, nhi đồng và học sinh trong các trường học.

Củng cố các tổ chức đảng trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ, xây dựng và kiện toàn các cơ quan chuyên môn làm tham mưu giúp cấp uỷ lãnh đạo văn hoá, văn nghệ từ trung ương đến địa phương.

Bộ Văn hoá cần đổi mới tổ chức và cán bộ, phong cách công tác cho phù hợp với yêu cầu phát triển của văn hoá, văn nghệ, làm tròn chức năng một cơ quan quản lý nhà nước trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ.

Đảng và Nhà nước coi trọng vai trò và vị trí chính trị, xã hội của các hội sáng tác, bảo đảm cho các hội sáng tác với tính chất là những tổ chức xã hội nghề nghiệp độc lập, hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng. Cần kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội Nhà văn Việt Nam, Hội Nghệ sĩ sân khấu Việt Nam, Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Hội Nghệ sĩ điện ảnh Việt Nam, Hội Nghệ sĩ tạo hình Việt Nam, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh Việt Nam và các hội văn nghệ ở địa phương. Xác định hệ thống, cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các hội sáng tác chuyên ngành và các hội văn nghệ ở địa phương. Nói chung, ở địa phương nên tổ chức hội văn nghệ có tính chất tổng hợp, tuỳ trình độ phát triển của từng nơi mà có sự phân ngành hợp lý. Chi hội là đơn vị cơ sở của các hội chuyên ngành trung ương được thành lập ở địa phương hoặc các cơ sở có đông hội viên, có quan hệ tốt về tổ chức và hoạt động với hội ở trung ương và hội văn nghệ địa phương, bảo đảm tính thống nhất chung cả nước và bảo đảm điều kiện hoạt động thuận lợi ở các địa phương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG TRI
CỦA BAN Bí THU**

Số 16-TT/TW, ngày 3 tháng 12 năm 1987

**Về việc khẩn trương giải quyết những vụ việc
đảng viên phạm sai lầm đã được kiểm điểm theo
Chỉ thị 79-CT/TW của Ban Bí thư và xem xét,
xử trí đảng viên thoái hoá, biến chất**

Ngày 12-9-1987, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết về "Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội". Ngày 25-9-1987, Ban Bí thư đã có chỉ thị hướng dẫn thực hiện Nghị quyết ấy.

Thực hiện phương châm đã được đề ra trong Nghị quyết của Bộ Chính trị "... làm nghiêm từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, chú trọng đội ngũ cốt cán...", Ban Bí thư yêu cầu các tỉnh uỷ, thành uỷ, đặc khu uỷ và các ban, ngành, đảng uỷ trực thuộc Trung ương từ nay đến hết tháng 3-1988 giải quyết ngay một số việc trước mắt như sau:

1. Kiểm tra lại ngay những vụ việc đã được phát hiện trong đợt tự phê bình và phê bình theo Chỉ thị 79-CT/TW và Thông

báo số 74 của Ban Bí thư, trước hết là trong cấp uỷ từ Trung ương tới cơ sở và lãnh đạo các ban, ngành, xem đến nay việc gì chưa giải quyết, việc gì đã giải quyết mà cán bộ, đảng viên, nhân dân chưa đồng tình, vẫn tiếp tục yêu cầu xem xét lại; và định rõ kế hoạch giải quyết nhanh, gọn, dứt điểm trong thời hạn không quá tháng 3-1988 những vụ việc cần phải xem xét, xử lý (cả về kỷ luật đảng và pháp luật).

2. Nắm lại tình hình cán bộ, đảng viên qua đơn thư tố cáo, qua sự phát hiện của báo, dài, qua việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quyết định của Trung ương Đảng và Hội đồng Bộ trưởng. Đối với số cán bộ, đảng viên có những biểu hiện thoái hoá, biến chất, phải kịp thời xem xét, xử lý theo đúng chính sách của Trung ương ban hành.

Ban thường vụ tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương phải nghe Ban Tổ chức, Uỷ ban Kiểm tra, Uỷ ban Thanh tra và các ngành trong khối nội chính báo cáo những vụ việc còn tồn đọng và chọn ra những vụ việc quan trọng để tập trung giải quyết dứt điểm. Riêng những vụ phức tạp, Ban Thường vụ cấp ủy phải có kế hoạch cụ thể và phân công người trực tiếp chỉ đạo.

Các đồng chí phụ trách các ban, ngành Trung ương phải trực tiếp chỉ đạo giải quyết những vụ việc còn tồn đọng trong cơ quan mình.

3. Uỷ ban Kiểm tra Trung ương phải khẩn trương xem xét những đơn thư tố cáo cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý. Trước mắt, chọn lọc một số việc và có kế hoạch tập trung giải quyết trong một thời gian ngắn để báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Các đồng chí cán bộ cao cấp có thư tố cáo phải nghiêm túc tự phê bình và trả lời bằng văn bản những vấn đề do Ủy

ban Kiểm tra Trung ương thông báo; các cấp uỷ đảng, các ban, ngành ở Trung ương (nhất là Ban Tổ chức Trung ương, Uỷ ban Thanh tra Nhà nước, Ban Nội chính và các ngành trong khối nội chính) phải phối hợp chặt chẽ với Uỷ ban Kiểm tra Trung ương giải quyết những việc có liên quan. Ban Bí thư đã có Công văn số 102-CT/TW, ngày 27-10-1987 yêu cầu các ngành và các địa phương báo cáo tình hình xử lý những đơn, thư của cán bộ, đảng viên và nhân dân gửi Trung ương do Trung ương chuyển tới. Phải kết hợp giải quyết việc này với những việc đề ra trên đây. Quá trình thực hiện cần thường xuyên báo cáo tình hình và cuối tháng 12-1987 có báo cáo sơ kết tình hình thực hiện Thông tri này cho Ban Bí thư.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐÔ MÙỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 21-CT/TW, ngày 3 tháng 12 năm 1987

**Về việc tự phê bình và phê bình
trong dịp kiểm điểm một năm thực hiện
Nghị quyết Đại hội VI của Đảng**

Các cấp, các ngành sắp kiểm điểm một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và tổng kết công tác năm 1987. Việc này cần được tiến hành với tinh thần tự phê bình và phê bình nghiêm túc. Việc tự phê bình và phê bình lần này được tiến hành trong lúc "Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội" đang được triển khai.

1. Yêu cầu:

- Đánh giá kết quả việc quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội VI và các nghị quyết của Đảng; trên cơ sở đó, đề ra mục tiêu phấn đấu, chương trình hành động năm 1988, nhằm phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm, tạo được chuyển biến thiết thực trên các mặt hoạt động theo các quan điểm đổi mới của Đại hội VI.
- Thúc đẩy việc thực hiện các yêu cầu, mục tiêu của "Cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ

chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội".

- Qua tự phê bình và phê bình và xem xét hiệu quả công việc để đánh giá phẩm chất và năng lực đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước và có kế hoạch sắp xếp cán bộ gắn với kiện toàn tổ chức, bước đầu chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng bộ các cấp.

2. Nội dung tự phê bình và phê bình:

a) Đối với tập thể cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành:

- Kiểm điểm công tác năm 1987 nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, các Nghị quyết Hội nghị Trung ương hai và ba, và các Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, chủ yếu là trên các mặt kinh tế - xã hội và kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực của bộ máy... Xác định rõ việc đã làm, chưa làm được, ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân, chỉ ra được trên từng mặt công tác, đơn vị nào, người phụ trách nào có chuyển biến và đổi mới rõ nét, đơn vị nào, người phụ trách nào có khuyết điểm, trì trệ nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác của mình.

Chú trọng kiểm điểm việc quán triệt và tổ chức thực hiện những quan điểm đổi mới của Đại hội VI, thể hiện bằng các nghị quyết, chỉ thị, thông tri... nhằm cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội và bằng hành động cụ thể để thực hiện nghị quyết đại hội của các cấp uỷ, các ngành; thể hiện qua việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, qua việc phân rõ trách nhiệm và thực hiện đúng mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và đoàn thể quần chúng; qua việc sắp xếp tổ chức, bố trí cán bộ, đổi mới phong cách lãnh đạo, lề lối làm việc; qua việc phát huy tự phê bình và phê bình, cải tiến công tác giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân viên, giải quyết những vấn đề tồn tại sau Chỉ thị 79 và Thông báo 74, tiếp tục đấu tranh khắc phục các hiện tượng tiêu cực...

b) Đối với cá nhân:

Trên cơ sở kiểm điểm chung của cấp ủy hoặc của tập thể lãnh đạo, ban, ngành, đơn vị, từng cá nhân kiểm điểm trách nhiệm của mình trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội và các nghị quyết của Trung ương và của đơn vị mình. Chú trọng đánh giá khách quan hiệu quả công tác, trên cơ sở đó mà kiểm điểm việc quán triệt các quan điểm của Đại hội VI và việc thực hiện nhiệm vụ của mình.

Chú trọng làm rõ những ưu điểm và khuyết điểm chủ yếu trên các mặt: ý chí chiến đấu, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức và kỷ luật, tính năng động, sáng tạo, phong cách công tác, lối sống, quan hệ với quần chúng.

3. Về cách làm:

- Phải chuẩn bị tốt báo cáo tổng kết công tác và kiểm điểm của tập thể cơ quan lãnh đạo các cấp, các ngành cũng như của từng cán bộ, đảng viên, trên cơ sở *thật sự mở rộng dân chủ, đề cao tự phê bình và phê bình với tinh thần dám nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật và kiểm điểm theo đúng chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức, từng người*.

- Việc tự phê bình và phê bình được tiến hành từ trung ương đến địa phương và cơ sở, từ tổ chức đảng đến các cơ quan nhà nước và các đơn vị cơ sở kinh tế (quốc doanh và tập thể), văn hoá, giáo dục, v.v..

Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng kiểm điểm trước Ban Chấp hành Trung ương. Thường vụ đảng uỷ các cấp kiểm điểm trước Ban Chấp hành đảng bộ. Uỷ ban nhân dân các cấp kiểm điểm trước cấp uỷ và báo cáo trước Hội đồng nhân dân cùng cấp. Tập thể lãnh đạo và các đồng chí phụ trách các bộ, ban, ngành kiểm điểm trước hội nghị cán bộ, có đại diện đảng uỷ, ban chấp hành các đoàn thể quần chúng cơ quan và cán bộ phụ trách các đơn vị trực thuộc tham gia.

Các đồng chí chủ chốt ở địa phương (bí thư, phó bí thư, chủ tịch và một số đồng chí khác xét cần thiết) kiểm điểm trước tập thể cấp uỷ. Từng cấp ủy viên kiểm điểm trong đơn vị mình công tác và trước cấp uỷ mà mình tham gia. Chủ tịch và các phó chủ tịch kiểm điểm trước uỷ ban nhân dân. Giám đốc và phó giám đốc công ty, xí nghiệp, bệnh viện, trường học... kiểm điểm trước đảng ủy cơ sở và báo cáo trước hội nghị cán bộ và đại hội công nhân viên chức của đơn vị.

Khi kiểm điểm cá nhân, cần cố gắng làm gọn, tránh hình thức; chủ yếu là qua xem xét hiệu quả công tác mà đánh giá ưu điểm, khuyết điểm. Đối với những đồng chí có dư luận vi phạm về lối sống, về tiền, hàng, về quan hệ nội bộ, thì phải kiểm tra, xác minh, không đưa những việc không đủ chứng cứ ra kiểm điểm chung chung, làm mất thì giờ mà không kết luận được.

- Cấp uỷ và cán bộ lãnh đạo cấp trên phải kiểm điểm trước và nêu gương trong tự phê bình và phê bình. Chú ý lắng nghe ý kiến của cấp dưới và lấy ý kiến nhận xét của quần chúng (nơi làm việc và nơi cư trú). Các tổ chức đảng ở phường, xã có trách nhiệm chủ động phản ánh ý kiến của nhân dân về những cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước cư trú tại địa phương mình với cơ quan nơi họ làm việc (phản ánh những trường hợp mà địa phương thấy cần thiết). Sử dụng tốt báo chí trong việc mở rộng tự phê bình và phê bình, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền.

Từng cán bộ, đảng viên phải đề cao ý thức trách nhiệm, góp ý kiến một cách xây dựng, vô tư, khách quan, khắc phục tình trạng xuê xoa, nể nang, phê bình chiếu lệ. Kịp thời ngăn chặn và xử lý nghiêm khắc những người trù dập người phê bình và những người lợi dụng phê bình để vu cáo, xuyên tạc. Việc tự phê bình và phê bình trong các tập thể lao động cần gắn liền với việc bình bầu các danh hiệu lao động tiên tiến, chiến sĩ thi đua.

4. Về chỉ đạo:

Các cấp uỷ đảng từ trên xuống dưới cần chỉ đạo chặt chẽ đợt tự phê bình và phê bình này. Cán bộ lãnh đạo cấp trên từ trung ương đến địa phương cần đi sâu chỉ đạo việc tự phê bình và phê bình của cấp dưới, chú trọng giúp đỡ những nơi quan trọng hoặc có nhiều khó khăn và cần giúp đỡ ngay từ khi chuẩn bị.

Hội đồng Bộ trưởng, các bộ, ngành, uỷ ban nhân dân các cấp cần hướng dẫn, chỉ đạo việc tự phê bình và phê bình trong cơ quan nhà nước.

Từng cấp, từng ngành căn cứ vào điều kiện cụ thể của địa phương, đơn vị mình mà bố trí thời gian thích hợp trong khoảng từ tháng 12-1987 đến hết tháng 1-1988. Ở từng đơn vị, cần làm gọn, tránh kéo dài, nặng nề.

Các báo cáo về kết quả tự phê bình và phê bình, các bản kiểm điểm của tập thể và cá nhân, các biên bản cuộc họp

kiểm điểm phải gửi đến các cấp và cơ quan trực tiếp quản lý cán bộ theo quy định.

Phát huy kết quả của việc tổng kết công tác năm 1987 theo yêu cầu, nội dung nói trên, các cấp uỷ đảng cần "đưa việc tự phê bình và phê bình vào chế độ sinh hoạt thường xuyên của tất cả các tổ chức đảng" như Đại hội VI của Đảng đã nhấn mạnh.

T/M BAN BÍ THƯ

ĐỐI MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN BÍ THƯ**

Số 22-CT/TW, ngày 7 tháng 12 năm 1987

**Về việc lãnh đạo Đại hội lần thứ VI
Công đoàn Việt Nam**

Ban Bí thư Trung ương Đảng đã đồng ý để Tổng Công đoàn Việt Nam tổ chức Đại hội Công đoàn các cấp, tiến tới Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam vào tháng 10-1988.

Đại hội Công đoàn là một sinh hoạt chính trị rộng lớn của giai cấp công nhân và tổ chức công đoàn cả nước. Các cấp uỷ đảng cần tập trung chỉ đạo để đạt những yêu cầu sau đây:

1. Quán triệt các quan điểm của Đại hội lần thứ VI của Đảng, Đại hội Công đoàn lần này phải thể hiện sự đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động, về tổ chức và cán bộ. Đại hội Công đoàn phải thực sự là đại hội của quần chúng, phát huy tinh thần làm chủ tập thể, tinh thần sáng tạo của công nhân viên chức để góp phần cùng với Đảng và Nhà nước từng bước khắc phục khó khăn trong sản xuất và đời sống; thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội trong những năm còn lại của kế hoạch 1986-1990.
2. Đại hội Công đoàn phải là một dịp làm rõ vai trò, trách nhiệm của giai cấp công nhân và tổ chức Công đoàn trước yêu cầu nhiệm vụ cách mạng mới; phải thể hiện rõ tinh thần

tự phê bình và phê bình với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, đánh giá đúng thực trạng tình hình và nguyên nhân; xác định rõ những việc Công đoàn phải làm để cùng với cơ quan nhà nước thực hiện việc đổi mới cơ chế quản lý, giải quyết khó khăn, bảo đảm cho công nhân viên chức có đủ việc làm và làm việc có hiệu quả; bảo vệ lợi ích chính đáng, bảo vệ quyền dân chủ của công nhân viên chức; đấu tranh khắc phục các biểu hiện tiêu cực, góp phần nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và hiệu lực của bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

3. Lãnh đạo chặt chẽ việc kiện toàn tổ chức và bộ máy công đoàn theo tinh thần Thông tri số 11-TT/TW, ngày 19-8-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng; lãnh đạo việc lựa chọn đội ngũ cán bộ chủ chốt của công đoàn các cấp đủ sức đảm đương nhiệm vụ trước mắt, đồng thời chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận. Thường vụ cấp uỷ đảng các cấp lựa chọn, cử các đồng chí am hiểu giai cấp công nhân, có năng lực, có nhiệt tình và kinh nghiệm công tác vận động quần chúng sang làm công tác công đoàn; nhưng phải bảo đảm dân chủ, không gò ép, áp đặt.

4. Trực tiếp theo dõi, lắng nghe ý kiến của các đại biểu Đại hội; đối thoại với công nhân viên chức để làm sáng tỏ các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng, giải quyết các kiến nghị chính đáng của quần chúng. Chỉ đạo các cơ quan nhà nước, các ngành có liên quan, các đoàn thể quần chúng phối hợp với Công đoàn giải quyết các yêu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống, tổ chức phong trào hành động cách mạng trong công nhân viên chức, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước năm 1988, năm bản lề của kế hoạch 1986-1990.

5. Đảng đoàn Tổng Công đoàn Việt Nam, phối hợp với các ban Trung ương Đảng, với Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng và các ngành có liên quan chuẩn bị và tiến hành Đại hội Công đoàn toàn quốc thiết thực và tiết kiệm.

6. Lãnh đạo việc tuyên truyền trên báo, đài trung ương và địa phương về hoạt động của Công đoàn trước, trong và sau Đại hội và chỉ đạo các cấp chính quyền hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho các cấp công đoàn tiến hành Đại hội trang trọng, thiết thực, tiết kiệm, có chất lượng, động viên được tinh thần của các đoàn viên công đoàn.

T/M BAN BÍ THU

ĐÔ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**LỜI KHAI MẠC
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ
NGUYỄN VĂN LINH TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
(KHOÁ VI)**

Ngày 8 tháng 12 năm 1987

Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,
 Như đã thông báo trước với các đồng chí, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương có *nhiệm vụ chủ yếu* là thảo luận và thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ba năm 1988-1990 và năm 1988. Hội nghị sẽ nghe báo cáo về kế hoạch ngân sách năm 1988, về tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ hai và báo cáo của Bộ Chính trị về kiểm điểm một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI.
 Trước khi các đồng chí nghiên cứu và thảo luận các văn kiện đó, tôi xin phát biểu một số ý kiến mang tính chất *đặt vấn đề*.

Trước hết, việc xây dựng kế hoạch lần này có hai đặc điểm. Thứ nhất, kế hoạch chỉ bao quát thời gian ba năm

1988-1990. Đáng lẽ kế hoạch 5 năm 1986-1990 phải được thông qua ở Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng. Nhưng lúc đó Đại hội mới quyết định được phương hướng, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thời kỳ 1986-1990. Còn thiếu nhiều yếu tố để xây dựng được bản kế hoạch như yêu cầu đòi hỏi, trước hết là yếu tố cân đối vật chất. Hiện nay, chúng ta có điều kiện thực tế thấy rõ hơn nguồn cân đối này để xây dựng kế hoạch. Tôi nói điều này để rút kinh nghiệm, tối đây phải chủ động chuẩn bị sớm kế hoạch 5 năm 1991-1995 trình ra Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

Thứ hai, việc soạn thảo kế hoạch ba năm 1988-1990 tiến hành khi chúng ta chưa chuẩn bị xong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Phương pháp khoa học là phải xuất phát từ chiến lược để xây dựng kế hoạch. Nếu làm khác đi sẽ ảnh hưởng đến chất lượng của kế hoạch. Để khắc phục phần nào nhược điểm này, trong việc vạch kế hoạch ba năm, chúng ta có lưu ý đến phương hướng phát triển kinh tế của những năm sau. Dự kiến sẽ tổ chức những cuộc thảo luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng vào quý I năm 1988 để xác định một bước tương đối toàn diện và đầy đủ những vấn đề cơ bản của chiến lược kinh tế - xã hội. Có một điều mà tôi muốn làm rõ là Hội nghị Trung ương Đảng không thảo luận và thông qua toàn bộ nội dung của kế hoạch ba năm 1988-1990. Trung ương Đảng chỉ cho ý kiến về những vấn đề cơ bản làm cơ sở chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch như phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, các chỉ tiêu lớn, các chính sách và biện pháp chủ yếu, các trọng điểm đầu tư, v.v.. Dựa vào các quan điểm chỉ đạo đó, Hội đồng Bộ trưởng có nhiệm vụ cụ thể hóa và xây dựng kế hoạch hoàn chỉnh. Sau đó, Hội đồng Bộ trưởng sẽ trình Quốc hội thảo luận, đóng góp ý kiến và biểu quyết thông qua, biến kế hoạch thành pháp lệnh để toàn dân thực hiện.

Việc xác định ranh giới như vậy là cần thiết để bảo đảm và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thực hiện đúng đắn cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân lao động làm chủ".

Một trong những căn cứ quan trọng để xây dựng kế hoạch là *đánh giá đúng thực trạng kinh tế - xã hội hiện nay*. Phải làm rõ những mặt làm được và chưa làm được, mặt mạnh và mặt yếu, số lượng và chất lượng, những thuận lợi và khó khăn, nhân tố chủ quan và khách quan cũng như nguyên nhân cơ bản của tình hình. Để đánh giá đúng thực trạng, không thể chỉ căn cứ vào tình hình ở cơ sở, địa phương và từng ngành, mà phải có cái nhìn toàn cục và toàn quốc. Phải thấy hết cố gắng của chúng ta, trân trọng những gì đã làm được để phát huy hơn nữa, đồng thời cũng thấy cho hết những yếu kém và khó khăn đang trì kẹo chúng ta để khắc phục. Tránh cách xem xét phiến diện, cực đoan, chỉ thấy toàn màu đen mà không thấy những nhân tố mới tích cực cũng như tiềm năng và những khả năng mới của đất nước để phát huy.

Tóm lại, việc đánh giá đúng tình hình là tiền đề cho phép đề ra các phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ cũng như các chính sách và biện pháp phù hợp, có căn cứ vững chắc.

Nhiệm vụ cơ bản của kế hoạch ba năm 1988-1990 là *odyn định một bước quan trọng* tình hình kinh tế - xã hội mà Đại hội VI đề ra, đồng thời chuẩn bị tiền đề cho sự phát triển của những năm sau.

Vì vậy, các chỉ tiêu chủ yếu nêu trong kế hoạch là yêu cầu tối thiểu phải thực hiện bằng được và có khả năng thực hiện. Không thể hạ thấp các chỉ tiêu đó khi đặt kế hoạch hoặc điều chỉnh thấp các chỉ tiêu trong quá trình thực hiện kế hoạch,

nếu tình hình không có gì đột biến. Mặt khác, phải phấn đấu nâng cao các chỉ tiêu chất lượng: giảm tiêu hao vật chất và hao phí lao động sống trong đơn vị sản phẩm, tăng chất lượng sản phẩm, tạo ra thu nhập quốc dân và hiệu quả kinh tế - xã hội lớn hơn.

Muốn làm được các việc này đòi hỏi phải đổi mới mạnh mẽ các chính sách và biện pháp, tăng cường hiệu lực của sự chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện.

Điều cốt lõi trong kế hoạch là thực hiện *ba chương trình kinh tế lớn*:

- Chương trình sản xuất nông nghiệp, bao gồm nông, lâm, ngư nghiệp, trong đó lương thực - thực phẩm là cấp bách và cơ bản nhất.
- Chương trình sản xuất hàng tiêu dùng.
- Chương trình sản xuất hàng xuất khẩu.

Việc soạn thảo sơ bộ ba chương trình đã làm xong, tài liệu đã được gửi đến các đồng chí để tham khảo. Sắp tới, Bộ Chính trị sẽ thảo luận kỹ và thu thập thêm ý kiến để hoàn chỉnh. Trong dự thảo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ba năm trình ra Hội nghị Trung ương có chú ý gắn với những nội dung cơ bản của ba chương trình, tuy chưa đầy đủ. Trong quá trình thực hiện kế hoạch sẽ bổ sung thêm. Để cho ba chương trình không trở thành khẩu hiệu suông, chúng ta phải phấn đấu để mang lại kết quả rõ rệt trên thực tế, nhất là phải tập trung thích đáng vốn đầu tư, các điều kiện vật chất cho chương trình sản xuất nông nghiệp, đồng thời chấn chỉnh và tăng cường ngành giao thông vận tải, phát triển cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh một số ngành công nghiệp nặng trực tiếp phục vụ ba chương trình và chuẩn bị tiền đề cho sự phát triển của các năm sau.

Do còn nhiều ẩn số mà hiện nay chúng ta chưa biết hết, nên kế hoạch ba năm 1988-1990 chỉ được trình ra với các phương hướng, mục tiêu và biện pháp chủ yếu. Căn cứ vào phương hướng chung đó, chúng ta sẽ tiến hành bố trí các cân đối và chỉ tiêu cụ thể cho từng năm. Tại Hội nghị Trung ương này,

chúng ta đi sâu vào thảo luận kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1988.

Theo quan điểm hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, chúng ta sản xuất ra của cải vật chất không phải bằng bất cứ giá nào. Phải phấn đấu để không những không bị lỗ mà còn có lãi, từ lãi ít đến lãi nhiều. Muốn vậy, một trong những vấn đề đặt ra là cần đầu tư vào những nơi, những ngành và những cơ sở sản xuất mang lại nhiều hiệu quả nhất, làm ra sản phẩm hàng hoá nhiều nhất. Nhưng cũng có ý kiến ngược lại là trong tình hình lúc này không thể chỉ tập trung đầu tư cho trọng điểm.

Tại Hội nghị này, mong các đồng chí Uỷ viên Trung ương suy nghĩ và phát biểu ý kiến của mình về các vấn đề trên.

Một trong những nhiệm vụ then chốt để bảo đảm thực hiện kế hoạch là *đổi mới cơ chế quản lý kinh tế*. Hội nghị Trung ương ba đã quyết định chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế. Hiện nay đã dự thảo xong các chính sách đối với các thành phần kinh tế, trong đó có hợp tác xã nông nghiệp và nông thôn nói chung, tiểu thủ công nghiệp, kinh tế tư nhân, cá thể và gia đình.

Sắp tới, Bộ Chính trị sẽ thảo luận và quyết định những vấn đề này. Như vậy, chúng ta sẽ có cơ chế quản lý kinh tế tương đối đồng bộ, áp dụng cho các lĩnh vực và các thành phần kinh tế khác nhau, góp phần thúc đẩy mạnh mẽ quá trình sản xuất trực tiếp. Đó là điều kiện quan trọng quyết định sự thành công của kế hoạch và là cái gốc để giải quyết vấn đề phân phối, lưu thông. Đáng lẽ sau Hội nghị Trung ương lần thứ ba, Bộ Chính trị đã phải ban hành sớm các chính sách đối với các thành phần kinh tế, nhưng do bận nhiêu công việc nên chưa làm kịp. Sau Hội nghị Trung ương lần thứ tư, Bộ Chính trị sẽ gấp rút hoàn chỉnh các chính sách đó để ban hành. Tuy nhiên, dự thảo phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trình ra Hội nghị Trung ương lần này đã cố gắng thể hiện sự đổi mới cơ chế quản lý chung cho các

thành phần kinh tế. Vì vậy, để thực hiện thắng lợi kế hoạch, chúng ta cần đi sâu trao đổi ý kiến về cơ chế quản lý kinh tế trong chừng mực có liên quan trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch.

Một lĩnh vực khác hết sức quan trọng góp phần làm cho kế hoạch trở thành hiện thực là *phân phối lưu thông*. Không phải ngẫu nhiên mà nhiều đồng chí Uỷ viên Trung ương đề nghị trong Hội nghị này cần kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương hai và cần dành ưu tiên về thời gian để thảo luận vấn đề này. Bản dự thảo phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch trình ra Hội nghị Trung ương ngoài việc chỉ ra các chỉ tiêu hiện vật và dự kiến nguồn cân đối vật chất cũng đã đề cập đến lĩnh vực phân phối lưu thông để làm sáng tỏ các chỉ tiêu giá trị, sự phân phối giá trị tổng sản phẩm xã hội và thu nhập quốc dân cũng như hiệu quả kinh tế của nền sản xuất xã hội. Mật hiện vật và mật giá trị phải gắn liền với nhau trong nền sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa. Chuyển nền sản xuất sang quỹ đạo hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa không thể không tính đến các chỉ tiêu giá trị có căn cứ vững chắc. Tại Hội nghị này, các đồng chí sẽ nghe báo cáo và thảo luận về vấn đề phân phối lưu thông, trong đó vừa sơ kết một bước các việc đã làm, vừa góp ý kiến vào những chủ trương cụ thể sắp tới để tiếp tục thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương hai.

Chúng tôi hiểu đây là lĩnh vực hết sức phức tạp, chưa thể giải quyết được trọn vẹn và triệt để trong Hội nghị này, nhưng chúng ta cố gắng làm cho Hội nghị Trung ương bốn đánh dấu một bước tiến mới quan trọng trong việc giải quyết các vấn đề thực tiễn về phân phối lưu thông. Điều phức tạp không chỉ ở việc xử lý các vấn đề cụ thể mà còn ở các quan điểm, nhận thức đối với một số vấn đề tương đối cơ bản của phân phối lưu thông. Phải thẳng thắn thừa nhận rằng, đối với những vấn đề này, giữa chúng ta còn có những ý kiến khác nhau. Vì lẽ đó, Bộ Chính trị cho rằng, để giải quyết triệt để những quan điểm, nhận thức còn khác nhau và tạo

ra sự nhất trí chung, sẽ tổ chức một số cuộc thảo luận chuyên đề của Bộ Chính trị vào quý I-1988. Vì vậy, mặc dù các đồng chí Uỷ viên Trung ương đều băn khoăn lo lắng đối với vấn đề giá, lương, tiền, muốn giải quyết triệt để hơn, nhưng chúng ta chưa thể làm ngay được. Hội nghị Trung ương bốn sẽ dành một số thời gian để trao đổi ý kiến về vấn đề này, nhưng phải tập trung thời gian thích đáng để nghiên cứu và thảo luận về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ba năm 1988-1990 và năm 1988 như Dự thảo Nghị quyết đã gửi các đồng chí. Một mặt, phải có các chính sách phân phối lưu thông đúng để có điều kiện thực hiện kế hoạch, mặt khác, phải thực hiện tốt kế hoạch kinh tế, tạo ra nhiều sản phẩm xã hội mới có *cơ sở vững chắc* để giải quyết vấn đề phân phối lưu thông. Sản xuất bao giờ cũng là gốc.

Tư tưởng chỉ đạo việc giải quyết vấn đề phân phối lưu thông là phải dựa vào những nội dung đúng đắn được nêu lên trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương hai. Đặc biệt, cần nhắc lại một số quan điểm cơ bản sau đây:

- Phải xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng sức sản xuất, mở rộng giao lưu, phát triển mạnh mẽ nền sản xuất hàng hoá có kế hoạch của cả nước.

- Thực hiện "bốn giảm", nhưng phải có những bước đi phù hợp với điều kiện thực tế, vừa tích cực, vừa vững chắc. Khẩn trương thực hiện những biện pháp đã thấy rõ là cần thiết và có điều kiện làm; mặt khác, tránh lối làm nóng vội, giản đơn, nhất loạt, thiếu chuẩn bị, gây ra những biến động lớn, những hậu quả xấu về kinh tế và về xã hội.

- Trong mỗi bước đi, phải có sự đồng bộ về chính sách, biện pháp và tổ chức, đồng thời tập trung giải quyết khâu then chốt để xoay chuyển tình hình.

Những tư tưởng chỉ đạo đó phải được quán triệt trong các phương án cụ thể về phân phối lưu thông. Dự kiến đến hết năm 1990, phấn đấu cơ bản chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Vì vậy phải *xác định rõ bước đi*, mục tiêu và biện pháp cho từng năm trong ba năm còn lại của kế hoạch 5 năm. Cần nắm vững mục tiêu "bốn giảm" đã nêu trong Nghị quyết Trung ương hai, tiến hành *từng bước vững chắc* gắn với quá trình xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang cơ chế quản lý mới. *Dứt khoát tránh tổng điều chỉnh giá cả*, để không mắc lại sai lầm đau đớn đã phạm phải tháng 9-1985. Phải đề phòng và khắc phục hai khuynh hướng không đúng: bảo thủ, trì trệ, theo đường mòn của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp và chủ quan, nóng vội, ào ạt chuyển ngay lập tức sang cơ chế hạch toán kinh doanh, bất chấp các điều kiện chủ quan và khách quan chưa chín muồi.

Để phục vụ việc thực hiện kế hoạch năm 1988, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã chuẩn bị các đề án về giá và tỉ giá lương, tiền, ngân sách, xuất nhập khẩu, lương thực, cân đối hàng - tiền. Các đề án đó có tính đến việc khắc phục những thiếu sót trong các lĩnh vực này đã bộc lộ rõ trong thời gian qua.

Một trong những biện pháp lớn có tính chất quyết định để thực hiện kế hoạch ba năm còn lại và năm 1988 là *tổ chức lại bộ máy* theo hướng phân biệt rõ chức năng quản lý nhà

nước về kinh tế của các cấp chính quyền và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh của các đơn vị và tổ chức kinh tế, từ đó kiên quyết thu gọn đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế trong cả bộ máy hành chính và bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh. Đồng thời phải kiên quyết đổi mới công tác cán bộ đi đôi với sắp xếp lại và kiện toàn tổ chức bộ máy.

Việc chỉ đạo điều hành nhạy bén, sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp dựa trên nguyên tắc tập trung dân chủ đúng đắn, thiết lập trật tự, kỷ cương trong nền kinh tế; việc thể chế hoá các nghị quyết của Đảng kịp thời và không trái với tinh thần của các nghị quyết trung ương sẽ góp phần to lớn vào việc thực hiện kế hoạch.

Cuộc vận động lớn làm sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, chống tiêu cực là một bộ phận hợp thành của tổng thể các biện pháp cơ bản tạo ra sức mạnh tổng hợp để thực hiện kế hoạch nhà nước, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết 04. Các ban, ngành trung ương và các cấp uỷ đang chỉ đạo thực hiện, cần tiếp tục chỉ đạo thực hiện tích cực hơn nữa. Chỉ có trên cơ sở đó mới phát động được quần chúng, dấy lên phong trào hành động cách mạng sôi nổi của nhân dân lao động đẩy mạnh sản xuất và thực hành tiết kiệm, vượt qua những khó khăn trước mắt, tiếp tục tiến lên.

Thưa các đồng chí,

Năm 1988 đang đến gần, năm bǎn lề của kế hoạch 5 năm 1986-1990. Toàn Đảng và toàn dân đồng tâm nhất trí phấn

đấu hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1988, tạo điều kiện vươn lên mạnh mẽ trong các năm sau nhằm thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã đề ra. Chính vì vậy, Hội nghị Trung ương lần thứ tư của chúng ta có ý nghĩa rất quan trọng. Ban Chấp hành Trung ương sẽ làm việc hết sức mình để tìm ra câu trả

lời đáp ứng tốt nhất yêu cầu của cuộc sống và lòng mong đợi của nhân dân.

Chúc Hội nghị thành công!
Xin cảm ơn các đồng chí.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

**Về những giải pháp cấp bách trong phân phối,
lưu thông tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành
Trung ương (khoá VI)***

**I- ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG HAI (KHOÁ VI)**

Sau khi Nghị quyết Hội nghị Trung ương hai được ban hành, trong khoảng bốn tháng đầu (từ tháng 4 đến tháng 8-1987), mặc dù các cấp, các ngành, các cơ sở có cố gắng, việc thực hiện Nghị quyết chưa đạt kết quả rõ rệt. Tình hình phân phối, lưu thông vẫn diễn biến rất phức tạp; giá cả thị trường, nhất là giá lương thực, tăng đột biến; đời sống người lao động, nhất là những người ăn lương, ngày càng khó khăn gay gắt; lạm phát nặng nề hơn. Trước tình hình đó, trong lãnh đạo có những ý kiến khác nhau về chủ trương và bước đi cụ

* Đầu dê do chúng tôi đặt (B.T).

thể để thực hiện Nghị quyết. Sau một thời gian thảo luận trước và trong Hội nghị Trung ương ba, Bộ Chính trị đã đi đến kết luận về phân tích, đánh giá tình hình và những chủ trương, biện pháp cấp bách nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương hai. Những chủ trương, biện pháp này áp dụng trong những tháng cuối năm 1987, coi như một bước đệm cần thiết để vừa làm vừa tiếp tục thăm dò diễn biến của tình hình, trước khi quyết định những biện pháp căn bản hơn.

Thực hiện Kết luận của Bộ Chính trị ngày 28-8-1987, trong những tháng qua, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã chỉ đạo tiến hành những việc chủ yếu sau đây:

- Điều chỉnh tỉ giá và mức giá mua, bán trong hợp đồng giữa Nhà nước với nông dân theo hướng bảo đảm lợi ích thoả đáng hơn của nông dân, giao hẳn quyền định giá mua, bán ngoài hợp đồng cho các địa phương; đồng thời chỉ đạo thúc đẩy việc thu hồi nợ thuế và nợ thóc hợp đồng hai chiều.
- Điều chỉnh một bước giá bán lẻ các mặt hàng tiêu dùng định lượng và các mặt hàng trong diện chính sách xã hội theo hướng thu hẹp đáng kể chênh lệch giữa mức giá cung cấp và giá bán lẻ kinh doanh; giao quyền định giá bán lẻ kinh doanh tất cả các mặt hàng còn lại cho các ngành và địa phương quyết định.
- Tính lại mức lương cho phù hợp với giá mới (về các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu) theo những hệ số về tiền lương thực tế so với tháng 9-1985 thống nhất cho từng đối tượng trong phạm vi cả nước.
 - Điều chỉnh một bước hệ thống giá bán buôn vật tư, tỉ giá kết toán nội bộ giữa đồng Việt Nam với các đồng tiền ngoại tệ và tỉ giá kiều hối, giảm bớt một phần sự bao cấp qua giá.
 - Ban hành quy chế chuyển hoạt động của các ngành nội thương, lương thực, ngân hàng... sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành quy chế thực hành tiết kiệm; phát hành công trái; điều chỉnh lãi suất tín dụng và định mức chiết khấu thương nghiệp; vay ngoại tệ nhập thêm nguyên liệu cho sản xuất hàng tiêu dùng và nhập một số hàng tiêu dùng ngoài kế hoạch ban đầu để bổ sung quỹ hàng hoá cho ngành nội thương; thủ tiến hành kinh doanh vàng ở một số địa phương; thực hiện việc bán hàng cho người nước ngoài và người Việt Nam có ngoại tệ hợp pháp bằng tiền Việt Nam có gốc ngoại tệ; tăng cường chỉ đạo thu thuế công thương nghiệp...

Việc điều chỉnh giá và lương vừa qua tuy mới chỉ là một bước nửa chừng, chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển hẳn hoạt động của nền kinh tế sang hạch toán, kinh doanh, và tất nhiên chưa giải quyết được nhiều điều bất hợp lý đã tồn tích lâu ngày trong các quan hệ kinh tế, song mức độ điều chỉnh là khá lớn. So với tháng 10-1985, giá bán buôn tư liệu sản xuất hiện nay tăng khoảng hơn tám lần, giá hàng tiêu dùng tăng khoảng 15 lần, tỉ giá kết toán nội bộ tăng hơn tám lần so với đồng rúp và hơn 12 lần so với đồng đôla, tiền lương danh nghĩa tăng khoảng 11 lần. Phần chủ yếu của mức tăng trên đây được thực hiện từ tháng 10-1987.

Việc điều chỉnh giá vừa qua đã thu hẹp một bước đáng kể mức chênh lệch giữa hệ thống giá Nhà nước với giá hình thành trên thị trường xã hội, giữa các mức giá cứng với mức giá kinh doanh trong hệ thống giá nhà nước. Cơ chế định giá và duyệt giá đã được sửa đổi theo hướng giảm bớt sự tập trung quyết định từ bên trên, mở rộng quyền hạn và trách nhiệm của các ngành và địa phương để việc định giá được linh hoạt và sát hợp hơn với tình hình thực tế. Các ngành thương nghiệp, ngân hàng và nhiều cơ sở sản xuất đã có thêm điều kiện và tích luỹ được thêm kinh nghiệm bước đầu chuyển sang hạch toán kinh doanh.

Việc điều chỉnh giá, lương lần này được tiến hành với sự chỉ đạo tương đối chặt chẽ trên tầm vĩ mô ở một số khâu quan trọng, đặc biệt như: kiểm chế quỹ lương trong phạm vi nguồn

thu ngân sách; kiểm soát chặt chẽ hơn việc đầu tư tín dụng, chuyển hướng trọng tâm cho vay tín dụng đối với thương nghiệp từ khâu cấp 3 sang khâu cấp 1 và cấp 2; kết hợp tốt hơn giữa nội thương và ngoại thương để tạo nguồn bổ sung quỹ hàng hoá; coi trọng việc chuẩn bị nguồn hàng ở các địa bàn trọng điểm; đẩy mạnh việc bán hàng ra, thu tiền về để có tiền đáp ứng nhu cầu chi, giảm bớt mức bội chi tiền mặt; đẩy mạnh việc chống thất thu ngân sách, nhất là thu thuế thương nghiệp;... Những biện pháp chỉ đạo trên đây đã đạt được một số kết quả nhất định.

Đối chiếu với mục tiêu bốn giảm, tình hình diễn ra như sau:

- Chỉ số giá trên thị trường tự do trong quý I-1987 bình quân mỗi tháng tăng 12%; quý II tăng 16,8%; tháng 9 tăng 7,9%; khi Nhà nước điều chỉnh giá, lương, một số ngày đầu tháng 10, giá cả thị trường có biến động, nhưng sau đã chững dần lại, tính chung cả tháng 10, chỉ số tăng giá 7%; tháng 11 tăng 6,1%.
- Về ngân sách, tiền tệ, mức bội chi ngân sách cả năm được duyệt là 80 tỷ đồng, bằng 17,1% tổng số chi (so với năm 1986 là 22,7%) và mức bội chi tiền mặt được duyệt là 130 tỷ đồng, bằng 17,8% (so với năm 1986 là 21%). Tuy vậy, để đáp ứng những nhu cầu chi cần thiết, hợp lý trong những tháng cuối năm, mặc dù Chính phủ đã có những biện pháp chủ động xử lý, nhưng thực tế mức bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt năm 1987 có khả năng vượt mức nói trên.
- Về tiền lương và đời sống: với cách tính lại tiền lương đã được áp dụng, đời sống người hưởng lương vẫn còn khó khăn gay gắt, những bất hợp lý vốn có trong chế độ lương vẫn chưa thể khắc phục, có trường hợp lại phát sinh những bất hợp lý mới. So với mức lương tháng 9-1987 trở về trước, mức lương mới của một số đối tượng có giảm bớt được một ít khó khăn, nhưng nhiều người lương thấp, đồng con thì thu nhập lại

giảm đi và đời sống khó khăn¹. Do đó trên thực tế, nhiều địa phương và cơ sở đã áp dụng những biện pháp khác nhau để cố gắng giữ mức thu nhập như trước.

Thực trạng trên đây cho thấy tình hình phân phối lưu thông vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, lạm phát còn nghiêm trọng, giá trượt ở mức độ cao, đời sống của người lao động còn khó khăn gay gắt, song cũng bắt đầu xuất hiện một số dấu hiệu tích cực, báo hiệu khả năng kiểm chế lạm phát. Nhưng những nhân tố tích cực ấy chưa vững chắc.

Nhìn chung việc thể chế hoá và thực hiện Nghị quyết Trung ương hai tiến hành chậm. Nghị quyết ra từ tháng 4, nhưng những chủ trương quan trọng về giá, lương, tài chính, tiền tệ đến tháng 10 mới bắt đầu được triển khai. Nhiều chủ trương quan trọng của Nghị quyết về chuyển các ngành lưu thông sang kinh doanh, về đổi mới cơ chế quản lý ngân sách, xuất nhập khẩu, quản lý ngoại tệ,... về chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh phát triển sản

¹. Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê về điều tra ngân sách gia đình của khoảng tám phần nghìn hộ gia đình công nhân và cán bộ ở 10 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phú, Hà Nam Ninh, Nghệ - Tĩnh, Quảng Nam - Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Hậu Giang), thì tiền lương thực tế của công nhân bình quân một tháng trong quý I-1987 so với tháng 9-1985 là bằng 38,8%; trong quý II bằng 40,8%; trong tháng 10-1987 bằng 51,9%. Tiền lương thực tế của cán bộ tương ứng với các thời điểm trên là 29,4%, 32,7% và 45,1%.

Theo tính toán của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thì tiền lương còn lại sau khi mua các mặt hàng định lượng, của các nhóm công nhân, viên chức tháng 10-1987 so với tháng 9-1987 đều tăng (nhóm lương từ 220đ - 242đ tăng 200-300 đ/tháng; nhóm lương 290-310đ tăng từ 380-1.100đ/tháng; mức lương 770đ tăng từ 1.800-3.000đ/tháng). Nhưng trước tình hình trượt giá và nếu xét theo mức độ tiền lương đã được các ngành, các địa phương và đơn vị cơ sở có che chắn thêm, thì ở một số nơi có giảm xuống.

xuất, dịch vụ... đến nay vẫn chưa được ban hành hoặc chỉ vừa mới ban hành.

Việc xây dựng và triển khai các phương án, chủ trương cụ thể về phân phối lưu thông, nhìn chung đã cố gắng thể hiện đúng tinh thần Nghị quyết Trung ương hai và Kết luận của Bộ Chính trị, song trong một số trường hợp còn có những thiếu sót, sơ suất, không chu đáo về chủ trương và nghiệp vụ cụ thể, gây khó khăn cho cơ sở sản xuất, kinh doanh và những lo lắng, bất bình của người lao động (như chậm xác định và bổ sung vốn lưu động cho các xí nghiệp phù hợp với mặt bằng giá mới; xử lý giá đầu ra cho nhiều cơ sở sản xuất và định lãi suất tín dụng trong một số trường hợp chưa hợp lý; chậm sửa các chế độ, chính sách và giá gia công đối với khu vực tiểu thủ công nghiệp; việc trợ cấp khó khăn làm chậm, nhất là đối với những người lương thấp, bị giảm thu nhập thực tế, v.v.).

Vì việc giải quyết những vấn đề về phân phối lưu thông, nhất là giá, lương, trong bước này còn ở mức nửa chừng, lại chưa đi đôi với những đổi mới đồng bộ về cơ chế quản lý, về tổ chức cán bộ và với việc tích cực khắc phục khó khăn về năng lượng, vật tư; sự chỉ đạo của các ngành, các cấp cũng chưa chặt chẽ; vì vậy đến nay về căn bản các cơ sở sản xuất, lưu thông vẫn chưa chuyển được sang hạch toán kinh doanh thực sự. Trong hệ thống sản xuất, kinh doanh, tình trạng làm ăn kém hiệu quả, sử dụng vật tư, tiền vốn lãng phí, để thất thoát tài sản, vật tư, hàng hoá của Nhà nước, duy trì biên chế quá đông, tuỳ tiện nâng giá ăn chênh lệch giá... vẫn còn nghiêm trọng. Tình hình đó đã hạn chế nhiều tác dụng tích cực của các biện pháp về phân phối lưu thông, làm cho mức bội chi ngân sách và tiền mặt còn lớn. Điều này đến lượt nó lại không tạo được tiền đề thuận lợi cho đẩy nhanh thực hiện những biện pháp cơ bản hơn về phân phối lưu thông trong bước tiếp theo.

Thực tế thi hành Kết luận của Bộ Chính trị ngày 28-8-1987 mấy tháng qua cho thấy: trong tình hình kinh tế đang biến

động rất phức tạp, những điều kiện để chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh chưa được chuẩn bị đồng bộ, thì việc thực hiện những mục tiêu của Nghị quyết Trung ương hai với bước đi thận trọng là hoàn toàn cần thiết nhằm từng bước khắc phục hậu quả của sai lầm tổng điều chỉnh giá, lương, tiền các năm trước để lại, vừa làm vừa thăm dò diễn biến tình hình và sức chịu đựng của nền kinh tế, theo yêu cầu đưa đủ "đầu vào" mà không gây đột biến "đầu ra" (mặt bằng giá trên thị trường), tích luỹ dần những kinh nghiệm kinh doanh và điều khiển vĩ mô nền kinh tế để chuẩn bị vững chắc cho những bước tiến tiếp theo cơ bản hơn.

Qua bước đệm trong những tháng cuối năm 1987, mặc dù tình hình kinh tế chung và tình hình phân phối lưu thông vẫn đang diễn biến phức tạp và còn nhiều khó khăn, chúng ta đã chứng nào tạo ra được một số tiền đề thuận lợi hơn về kinh nghiệm, tâm lý và cả ít nhiều điều kiện vật chất cho việc tiến tới thực hiện cơ chế một giá và chuyển các hoạt động kinh tế sang kinh doanh với những bước đi vững chắc và nhịp độ nhanh hơn.

II- MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ NỘI DUNG CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI, LUU THÔNG

A- Căn cứ vào những kết quả và kinh nghiệm thực hiện Nghị quyết Trung ương hai đã thu được trong những tháng cuối năm 1987, trong năm 1988 phải kiên quyết chuyển nhanh hơn nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa với những bước đi vững chắc, theo những *nội dung và yêu cầu* sau đây:

1. Các cơ sở sản xuất kinh doanh phải tự *chiu trách nhiệm về lỗ lãi*, bảo đảm các khoản nộp ngân sách nhà nước, trên cơ sở nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế.

2. *Từng bước chuyển sang cơ chế một giá* với yêu cầu tính đúng, tính đủ "đầu vào", xử lý "đầu ra" một cách cơ động và linh hoạt theo những nguyên tắc:

a) Giá vật tư đưa vào sản xuất nói chung phải được tính đúng, tính đủ gắn chặt với việc xử lý giá bán sản phẩm theo nguyên tắc không đội giá đang hình thành thực tế trên thị trường tự do trong từng thời điểm. Trường hợp giá "đầu ra" chưa xử lý được, trước hết đối với những sản phẩm có liên quan đến nhiều ngành kinh tế, thì giá vật tư "đầu vào" tạm thời được xác định theo nguyên tắc: lấy giá "đầu ra" trừ lùi các khoản: nộp ngân sách, tiền lương và các khoản chi phí hợp lý theo chế độ nhà nước.

b) Các xí nghiệp và tổ chức kinh tế phải bảo đảm đủ các khoản nộp cho ngân sách theo chế độ quy định.

Các xí nghiệp và tổ chức kinh tế cẩn cứ vào các yêu cầu trên đây để tiến hành sắp xếp, chấn chỉnh lại việc tổ chức và quản lý sản xuất kinh doanh để tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng và hạ giá thành sản phẩm nhằm tạo thêm nguồn lợi nhuận ngày càng nhiều, tăng thu nhập cho người lao động và các loại quỹ của xí nghiệp; ngăn chặn tình trạng sau khi tiếp nhận giá "đầu vào" thì tuỳ tiện đội giá "đầu ra" hoặc giảm các khoản phải nộp cho ngân sách; xoá bỏ dần bù giá, bù lỗ.

3. Phấn đấu thực hiện mục tiêu: giảm đáng kể mức bội chi ngân sách và bội chi tiền mặt (mức bội chi ngân sách năm 1988 không quá 15% so với tổng số thu; mức bội chi tiền mặt thấp hơn mức phải phát hành thêm tương ứng với mặt bằng giá; tăng vòng quay đồng tiền qua ngân hàng từ năm vòng trở lên); phấn đấu giữ tốc độ trượt giá trên thị trường trên dưới 5%/tháng; bảo đảm tiền lương thực tế trong khu vực sản xuất tương ứng với hiệu quả sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp và tăng năng suất lao động của cá nhân người lao động; bảo đảm tiền lương thực tế của công nhân viên chức trong khu vực hành chính sự nghiệp khá hơn so với hiện nay.

Việc thực hiện những giải pháp giá - lương - tiền - hàng sáp tới phải gắn liền với việc chuyển nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Đó là *điểm khác cơ bản* so với các lần điều chỉnh trước.

Cụ thể là:

1. Rút kinh nghiệm cuộc tổng điều chỉnh năm 1985, lần này việc điều chỉnh giá - lương... phải làm đồng bộ nhưng không làm đồng loạt, dồn dập trong một thời điểm ngắn, mà làm *dần dần từng bước*, chọn mặt hàng, chọn thời điểm, và tuỳ loại hình xí nghiệp mà điều chỉnh trước, sau cho thích hợp.

2. Trong việc điều chỉnh giá các năm trước, trong khi nâng giá lương thực, nông sản, thực phẩm, thì lại kìm giữ giá hàng công nghiệp tiêu dùng, giá vật tư lại lùi quá mức dẫn đến bao cấp qua giá càng nghiêm trọng, ngân sách phải bù lỗ nặng hơn. Do mặt bằng giá tăng cao, không có đủ lượng tiền mặt tương ứng với mặt bằng giá mới, đành phải đổi tiền 1/10 trong điều kiện tình hình kinh tế - xã hội không cho phép, gây những hậu quả nặng nề.

Trong việc điều chỉnh giá, sắp tới sẽ đồng thời xử lý cả giá "đầu vào" và giá "đầu ra" một cách thích hợp, uyển chuyển; có trường hợp giá "đầu vào" cứng thì giá "đầu ra" cũng cứng, nhưng có loại giá "đầu vào" cứng, nhưng giá "đầu ra" có thể vừa cứng vừa mềm hoặc giá "đầu vào" mềm thì giá "đầu ra" cũng mềm theo sự chấp nhận của thị trường xã hội. Như vậy, việc điều chỉnh giá "đầu vào" chủ yếu là nhằm xử lý lại mối quan hệ nội bộ giữa các tổ chức kinh tế quốc doanh theo cơ chế kinh doanh.

3. Trong việc tổng điều chỉnh giá, cần khắc phục khuynh hướng trước đây quá nhấn mạnh đến khả năng Nhà nước tăng thu về ngân sách và tiền mặt đơn thuần bằng biện pháp nâng giá bán mà không chú ý đầy đủ đến yếu tố tác động dây chuyền làm tăng yêu cầu chi của Nhà nước. Phải nắm vững mục đích chính của việc điều chỉnh giá là để tạo điều kiện thuận lợi thực hiện hạch toán kinh doanh; và chỉ trên cơ sở

nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh thì mới tăng thu vững chắc cho Nhà nước.

4. Trong hoàn cảnh vật tư, hàng tiêu dùng của Nhà nước thường không có đủ để cung ứng cho nông dân tương ứng với lượng lương thực, nông sản mà Nhà nước phải mua của nông dân ngày càng lớn. Mặt khác, lương thực, nông sản, thực phẩm là những mặt hàng thiết yếu cho cuộc sống hằng ngày của nhân dân, song cung cầu lại mất cân đối lớn, nên tốc độ trượt giá lương thực, thực phẩm, nông sản thường nhanh hơn tốc độ tăng giá hàng công nghiệp tiêu dùng. Trong tình hình đó, việc Nhà nước kìm giá, neo giá hàng công nghiệp, dẫn đến cánh kéo giá nông sản và hàng công nghiệp ngày càng thu hẹp, bất lợi cho công nghiệp và cho Nhà nước. Do đó, sắp tới, Nhà nước phải kịp thời điều chỉnh giá bán vật tư và hàng công nghệ tương ứng với tình hình trượt giá lương thực, nông sản, thực phẩm.

5. Việc điều chỉnh lương năm 1985 vượt quá khả năng của nền kinh tế quốc dân, không gắn với tăng năng suất lao động và tiết kiệm; chưa tăng được nguồn thu ngân sách đã chi lương tăng lên nhanh và nhiều, đó là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến hậu quả ngân sách bội chi nghiêm trọng, làm cho cung cầu thêm căng thẳng.

Việc giải quyết lương lần này phải được tiến hành trên cơ sở tăng năng suất, chất lượng và hiệu quả, thực hiện giảm biên chế; phải dựa vào hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các đơn vị kinh tế và việc tăng thu cho ngân sách nhà nước mà giải quyết tiền lương hợp lý từng bước.

Bản thân chế độ lương năm 1985 lại có nhiều điều bất hợp lý, rõ nhất là mang nặng tính bình quân, kích thích chức vụ, địa vị mà không thực sự khuyến khích những người lao động giỏi, có năng suất lao động cao. Sắp tới phải tránh lặp lại những sai sót này.

B- Những vấn đề cần được xử lý nhanh và có hiệu quả từ những tháng đầu năm 1988

1. Sắp xếp, tổ chức lại sản xuất trong cả nước cũng như trong từng đơn vị cơ sở, từng tổ chức kinh tế để tập trung vào việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội để có khả năng tiếp nhận giá "đầu vào" và xử lý giá "đầu ra" không đội giá thị trường theo phương thức kinh doanh thực sự.

2. Đổi mới cơ chế kế hoạch hóa, tập trung vật tư, tiền vốn cho những đơn vị kinh tế làm ăn có hiệu quả thực sự, trước hết tập trung cung ứng đủ cho các xí nghiệp trọng điểm thuộc ba chương trình kinh tế lớn; đồng thời Nhà nước phải nắm đù sản phẩm hàng hóa tương ứng với lượng vật tư, nguyên liệu mà Nhà nước bán ra.

3. Nhanh chóng sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ từ trung ương đến địa phương với yêu cầu "gọn, nhẹ, có hiệu lực và đạt hiệu quả" phù hợp với yêu cầu chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Trong năm 1988, chuẩn bị khoảng 80 tỉ, bao gồm tiền lương và vốn sản xuất để thực hiện cho được chủ trương giảm 20 - 30% biên chế.

4. Điều hành hệ thống ngân sách nhà nước theo một chế độ thống nhất trong phạm vi cả nước, phục vụ có hiệu quả những mục tiêu kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ kế hoạch. Trên cơ sở đó, sửa đổi lại chế độ phân cấp ngân sách hiện hành, bảo đảm lợi ích hài hòa giữa Nhà nước trung ương, địa phương và cơ sở, thực hiện một chính sách thu chi thống nhất, không phân biệt xí nghiệp trung ương hay xí nghiệp địa phương về nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Các ngành tài chính, ngân hàng phải phối hợp giải quyết tốt những nhu cầu vốn hợp lý cho các cơ sở sản xuất và tổ chức

kinh tế để tránh ách tắc sản xuất và lưu thông hàng hoá khi chuyển sang hạch toán kinh doanh.

5. Thiết lập trật tự xã hội chủ nghĩa trong sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là kinh doanh xuất nhập khẩu; đấu tranh khắc phục những biểu hiện tiêu cực trong liên kết, liên doanh, trong việc sử dụng vốn, tiền mặt, ngoại tệ, hàng hoá, vật tư...; xoá bỏ các khâu trung gian không cần thiết.

Đồng thời, sắp xếp lại và tăng cường quản lý thị trường xã hội, tăng cường vai trò kiểm kê kiểm soát của Nhà nước; cải tạo tư thương, có chính sách và biện pháp sử dụng tốt tiêu thương làm hệ thống chân rết cho thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; chống đầu cơ, buôn lậu, nhất là buôn lậu qua biên giới; chống sản xuất và buôn bán hàng giả, kinh doanh trái phép, móc ngoặc tuồn hàng Nhà nước ra thị trường.

C- Một số chính sách cụ thể

1. Chính sách giá và cơ chế quản lý giá

Thực hiện từng bước việc chuyển sang chế độ mua, bán vật tư, hàng hoá theo cơ chế một giá.

- Đối với các loại vật tư, trước mắt dành khoảng 30-35% để bán theo giá cứng (tức là mức giá thấp và ổn định, Nhà nước không lỗ hoặc còn lỗ ít), chủ yếu là những loại vật tư để sản xuất tư liệu sản xuất có liên quan đến nhiều ngành như than, điện, xăng dầu và sắt thép, xi măng cung ứng cho một số ngành công nghiệp nặng, giao thông vận tải, một số ít ngành công nghiệp nhẹ, cho nhu cầu quốc phòng và các công trình trọng điểm... Khoảng 65-70% vật tư còn lại, chủ yếu là những loại vật tư dùng để sản xuất hàng tiêu dùng thì bán theo giá mềm, tức là giá kinh doanh (tính đúng, tính đủ). Vật tư, nguyên liệu nhập khẩu được tính theo tỉ giá xuất nhập khẩu giữa đồng Việt Nam với đồng ngoại tệ được xác định căn cứ trên những quan hệ giá cả của thị trường trong nước, thị trường quốc tế và tình hình xuất nhập khẩu; bỏ chế độ tỉ giá kết toán nội bộ; thực hiện chế độ một tỉ giá giữa

đồng Việt Nam với đồng rúp và đồng Việt Nam với đồng đôla.

Những xí nghiệp sau một thời gian nhất định tiếp nhận giá "đầu vào" được tính đúng, tính đủ hoặc gần đúng, gần đủ mà không có lợi nhuận, làm ăn thua lỗ do khuyết điểm của xí nghiệp thì phải có biện pháp tích cực để củng cố, kể cả biện pháp về tổ chức và cán bộ; trường hợp xí nghiệp vẫn kéo dài tình trạng trên thì hoặc là chuyển hướng sản xuất, hoặc là giải thể; trừ những trường hợp riêng biệt, Nhà nước có chính sách trợ giá.

Những đơn vị chấp nhận 100% giá đầu vào tính đúng, tính đủ và bảo đảm các khoản nộp ngân sách theo quy định thì không hạn chế mức thu nhập tối đa của xí nghiệp và người lao động.

Từng bước thực hiện việc đấu thầu vật tư có chọn lựa để loại trừ dần những đơn vị quản lý tồi, sản xuất kinh doanh thua lỗ, thúc đẩy các cơ sở thi đua kinh tế, "cạnh tranh", phấn đấu đạt hiệu quả kinh tế cao.

- Nhà nước mua bán với nông dân chủ yếu thông qua hợp đồng kinh tế theo tỉ giá thích hợp, trên nguyên tắc thực sự thoả thuận. Về mức giá mua trong hợp đồng có ba ý kiến khác nhau xin trình ra Trung ương thảo luận:

a) Mức giá mua thóc trong hợp đồng và ngoài hợp đồng như nhau, đều xác định theo thời giá trong phạm vi khung giá do Nhà nước định trên nguyên tắc bảo đảm kinh doanh. Nhà nước bán vật tư cho nông dân theo tỉ giá hợp đồng, song mức giá bán vật tư cũng được xác định linh hoạt tương ứng với giá mua thóc ở từng thời điểm.

b) Mức giá mua bán trong hợp đồng được xác định từ đầu vụ, ổn định trong từng vụ và thấp hơn mức giá mua ngoài hợp đồng không nhiều.

c) Mức giá mua bán trong hợp đồng có thể chênh lệch đáng kể so với mức giá ngoài hợp đồng, tùy theo yêu cầu lãnh đạo thị trường.

- Về giá bán lương thực cho những đối tượng được hưởng tiêu chuẩn định lượng đang có hai ý kiến, cũng xin trình ra
Trung ương thảo luận: giữ giá 50 đồng/kg hay bán theo giá kinh doanh (140 đồng/kg...)?
- + Nếu bán ngay theo giá kinh doanh (140 đồng/kg) thì sẽ bù lương cho cán bộ thêm 90 đồng/kg (khoảng 216 tỉ đồng). Với phương án này, giá gạo Nhà nước đã gần sát giá thị trường, người tiêu dùng sẽ tiết kiệm gạo, cơ quan kinh doanh có điều kiện quay vòng vốn nhanh, hạn chế được tiêu cực do chênh lệch giá không còn hoặc còn không đáng kể, việc hạch toán tiền lương vào giá thành của xí nghiệp được chính xác. Có ý kiến lo rằng bán theo mức giá này sẽ gây tác động dây chuyền làm tăng giá các loại mặt hàng khác.
- + Nếu giữ giá bán gạo 50 đồng/kg thì ít nguy cơ gây tác động dây chuyền, song bất lợi là ngành lương thực khó kinh doanh; hạch toán tiền lương của xí nghiệp sẽ không đầy đủ, chính xác, khó tiết kiệm lương thực.
- Sửa đổi chế độ phân cấp quản lý giá và định giá, không phân tán quyền định giá cho nhiều cấp. Trừ giá một số loại hàng tiêu dùng và vật tư thiết yếu do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quy định, còn tất cả các mặt hàng khác do các tổ chức sản xuất kinh doanh trực tiếp định giá theo chế độ quản lý giá của Nhà nước. Các bộ và ủy ban nhân dân các cấp không trực tiếp định giá. Uỷ ban Vật giá Nhà nước có chức năng hướng dẫn phương pháp và quy tắc định giá, lập phương án giá tổng thể và chủ trì chuẩn bị những quyết định giá cho Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, thông báo định kỳ mức giá đang hình thành thực tế trên thị trường trong từng thời điểm để các cơ sở sản xuất kinh doanh có thông số làm căn cứ xác định giá mua, giá bán theo những nguyên tắc đã nêu; cùng với các ngành chức năng khác và uỷ ban nhân dân các cấp tổ chức chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra và quản lý giá theo những quy tắc đã ban hành. Những tổ chức kinh tế định giá tuỳ tiện, sai nguyên tắc, vi phạm kỷ luật giá phải bị xử lý nghiêm.

2. *Từng bước tính lại tiền lương, xác định lại hệ thống thang bậc lương gắn chặt với năng suất lao động và hiệu quả công việc, chống bình quân, thực hiện từng bước tiền tệ hoá tiền lương và xóa bỏ các chế độ bao cấp trong lương, nghiên cứu tách phụ cấp chức vụ ra khỏi tiền lương cơ bản trong các thang, bậc lương.*

Xuất phát từ thực trạng nền kinh tế hiện nay năng suất lao động và thu nhập quốc dân còn thấp, mức tiền lương chỉ có thể bảo đảm được cuộc sống tối thiểu cho những người hưởng lương. Phải trên cơ sở phát triển kinh tế mà cải thiện dần đời sống cho người hưởng lương.

Trước mắt, tiền lương cần khuyến khích các đối tượng:

- Những người lao động trực tiếp sản xuất làm ra của cải vật chất cho xã hội. (Đương nhiên vẫn phải bảo đảm nguyên tắc phân phối theo lao động, người đạt năng suất cao, hiệu quả nhiều thì hưởng lương cao, ngược lại thì tiền lương phải thấp hơn).
 - Các sĩ quan và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang đang làm nhiệm vụ ở biên giới và làm nhiệm vụ quốc tế ở K, C.
 - Các nhà khoa học kỹ thuật đang có đê tài được ứng dụng phổ biến và có hiệu quả vào thực tiễn sản xuất, kinh doanh.
 - Các nhà giáo và những thầy thuốc đang đảm nhiệm việc dạy học và chăm sóc sức khoẻ của nhân dân; các văn nghệ sĩ. Phụ cấp, trợ cấp thoả đáng cho cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và những anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc.
- Sớm xử lý những bất hợp lý mới phát sinh trong lương. Trên cơ sở nguồn thu tăng lên của ngân sách sẽ tiếp tục giải quyết dân tiền lương với mức độ lớn hơn trong những bước tiếp theo.
3. *Về ngân sách nhà nước, tiến tới chỉ có ba cấp ngân sách: cấp trung ương, cấp tỉnh - thành phố và cấp phường - xã theo một hệ thống điều hành thống nhất trong phạm vi cả nước.*

Ngân sách nhà nước phải trên cơ sở xác định nhu cầu chi để tăng thu một cách tích cực, ngược lại phải từ khả năng hiện thực của các nguồn thu để bố trí chi một cách hợp lý, có hiệu quả theo mục tiêu của kế hoạch nhà nước.

Hiện nay, có nhiều nguồn thu ngân sách còn để thất thu nghiêm trọng; nhiều nguồn thu khác chưa có những chính sách cần thiết để động viên vào ngân sách nhà nước như các nguồn thu từ kinh tế quốc doanh, thuế nông nghiệp, nhất là thuế vườn, thuế đất trồng cây công nghiệp, thuế tiểu thủ công nghiệp, thuế thương nghiệp tư nhân, thuế thu nhập, thuế xuất nhập khẩu, thuế tài nguyên, thuế trước bạ, thuế thổ trạch, thuế hải sản, thuế lâm nghiệp... Động viên được tốt những nguồn thu này, cộng với các nguồn thu khác về điều chỉnh hợp lý giá "đầu vào", "đầu ra", về tiết kiệm, về công trái... phần đầu đạt mức động viên khoảng 30% thu nhập quốc dân sản xuất thì có khả năng bảo đảm được nhu cầu chi của ngân sách nhà nước, tiến tới thực hiện thăng bằng ngân sách.

Ngành tài chính và uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện tốt những khoản thu được quy định từ các xí nghiệp quốc doanh trên phạm vi lãnh thổ, và các khoản thu từ kinh tế tập thể, cá thể và tư nhân. Đồng thời chỉ đạo thực hiện các khoản chi đã được ấn định trong ngân sách nhà nước theo đúng mục tiêu kế hoạch.

Nếu địa phương thu vượt kế hoạch, địa phương được trích thưởng theo tỷ lệ của từng nguồn thu để phục vụ cho nhu cầu của địa phương.

Chính sách tài chính của Nhà nước phải khuyến khích cơ sở tạo ra nhiều sản phẩm hàng hoá, khai thác được tiềm năng, để tạo ra nguồn thu ngày càng nhiều hơn. Mọi nguồn thu của Nhà nước từ trong nước và từ ngoài nước đều phải phản ánh vào ngân sách nhà nước và do Nhà nước thống nhất quản lý. **4. Hoạt động tiền tệ - tín dụng** (kể cả ngoại tệ, vàng bạc, đá quý... và các dịch vụ khác của ngân hàng) phải chuyển nhanh sang phương thức kinh doanh; hình thành sớm các

hệ thống ngân hàng chuyên nghiệp. Tách ngân hàng phát hành khỏi hệ thống ngân hàng chuyên nghiệp. Nguồn vốn tín dụng ngắn hạn của ngân hàng chủ yếu phải dựa vào huy động, tập trung các nguồn vốn tiền tệ trong xã hội. Vốn cho vay dài hạn đối với kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể chủ yếu sử dụng nguồn vốn từ ngân sách nhà nước chuyển qua ngân hàng. Không sử dụng vốn phát hành để cho vay dài hạn.

Lợi tức chịu phạt về nợ quá hạn của các tổ chức kinh tế phải trích từ quỹ phúc lợi của xí nghiệp; ngân hàng sử dụng đòn bẩy lợi suất tín dụng để hạn chế những trường hợp sản xuất kinh doanh không đúng đắn, găm hàng chờ giá...

Các ngân hàng kinh doanh (ngân hàng chuyên nghiệp) phải thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với ngân sách nhà nước và chịu sự kiểm tra, giám sát của hệ thống tài chính nhà nước.

5. Chính sách xuất nhập khẩu phải nhằm kích thích phát triển sản xuất hàng xuất khẩu chất lượng ngày càng cao.

Tập trung thống nhất việc xuất khẩu của các ngành và các địa phương vào một số đầu mối nhất định; mở rộng sử dụng phương thức ủy thác xuất nhập khẩu. Phần đầu không bù lỗ xuất nhập khẩu; lấy lãi nhập bù lỗ xuất hay ngược lại. Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc thu hút kiều hối của các địa phương; áp dụng tỉ giá kiều hối thống nhất trong cả nước.

Về cơ chế quản lý ngoại tệ, toàn bộ số ngoại tệ thu được của các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở phải được quản lý tập trung thống nhất vào ngân hàng ngoại thương để kinh doanh. Ngân hàng mua ngoại tệ của các địa phương và các đơn vị có ngoại tệ theo giá kinh doanh; bán lại ngoại tệ cho các đơn vị có nhu cầu khi họ cần (kể cả những đơn vị không có gốc ngoại tệ, nhưng ưu tiên cho những đơn vị có quyền sử dụng ngoại tệ). Các đơn vị có ngoại tệ cũng có thể gửi ngoại tệ vào ngân hàng lấy lãi.

Ban hành thuế xuất nhập khẩu nhằm bảo vệ hàng sản xuất trong nước, hướng dẫn tiêu dùng, điều tiết thu nhập, bảo vệ giá trị tiền tệ trong nước và thực hiện chức năng kiểm kê, kiểm soát của Nhà nước.

6. Trong bất cứ cơ chế kinh tế nào, việc Nhà nước thông qua những địa chỉ hợp pháp để Nhà nước tập trung mọi nguồn vật tư, nguyên liệu và một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu phải được coi là một yêu cầu nghiêm ngặt.

Các công ty thương nghiệp, nhất là các công ty trung ương phải tích cực kinh doanh, khai thác các nguồn vật tư, nguyên liệu cung ứng cho các cơ sở sản xuất, chủ động nắm được nhiều hàng hoá.

Tập trung vật tư dùng cho việc đổi lưu với nông dân nắm nông sản hàng hoá vào các ngành hàng chủ quản để ký kết hợp đồng với nông dân; các ngành này thanh quyết toán với Nhà nước.

Có chính sách thị trường đúng; quy định rõ chính sách lưu thông đổi với từng loại mặt hàng; quy định các thành phần, đối tượng được tham gia buôn bán trên thị trường. Quy định rõ tiêu chuẩn tư sản thương nghiệp và phương thức loại trừ tư sản thương nghiệp. Chống tư thương tuỳ tiện nâng giá; bài trừ nạn đầu cơ, buôn lậu, sản xuất và buôn bán hàng giả. Chủ động điều hành mối quan hệ hàng - tiền phù hợp với quy luật giá trị trong nền sản xuất hàng hoá có kế hoạch.

III- TỔ CHỨC, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Việc phấn đấu để thực hiện mục tiêu bốn giảm ghi trong Nghị quyết Trung ương hai là một thể thống nhất, chịu sự

tác động ràng buộc lẫn nhau giữa giá cả - ngân sách - tiền tệ - tiền lương - hàng hoá cả về định hướng và định lượng, từ khâu sản xuất đến phân phối lưu thông.

Để đạt được những mục tiêu trên, trong năm 1988, phải điều hành một cách kiên quyết, thực sự có hiệu lực bằng một hệ thống chính sách và biện pháp đồng bộ.

Điều đặc biệt quan trọng là phải có sự giải thích chu đáo từ trong Đảng ra quần chúng, từ trên xuống dưới, để tạo được sự đồng tình, nhất trí của toàn Đảng, toàn dân.

Trong năm 1988, thực hiện từng bước thích hợp cơ chế một giá trước hết ở những ngành và sản phẩm có điều kiện, tiền tệ hoá một bước quan trọng tiền lương; giảm đáng kể mức bội chi ngân sách và tiền mặt; xử lý lại tiền lương để giảm bớt khó khăn trong đời sống của người hưởng lương, phù hợp với khả năng của nền kinh tế.

Có thể chia làm *ba bước nhỏ* sau đây:

Bước 1: Từ nay đến hết quý I năm 1988, tập trung làm mấy việc:

- Dự thảo và hoàn chỉnh các văn bản pháp quy cần thiết của Hội đồng Bộ trưởng, xử lý những vấn đề tồn tại của các

ngành, các cấp trong quá trình chuyển đổi từ cơ chế hiện hành sang cơ chế kinh doanh.

+ Xử lý giá vật tư đầu vào, giá bán sản phẩm đầu ra thích hợp với từng ngành hàng, từng sản phẩm.

+ Xác định giá mua thóc và giá bán gạo, chuyển hoạt động của Tổng Công ty lương thực sang kinh doanh.

+ Giải quyết những bất hợp lý của một số đối tượng trong lương.

+ Xác định ngân sách từng quý phù hợp với yêu cầu chuyển sang kinh doanh; ban hành các văn bản pháp quy về các biện pháp tăng thu cho ngân sách, chủ yếu là thu thuế.

+ Tính toán lại tỉ giá một cách hợp lý, phấn đấu ba tháng công bố tỉ giá một lần.

- Tổ chức một đợt tuyên truyền giải thích sâu rộng trong nhân dân, trong các tổ chức quần chúng và tổ chức kinh tế (bằng các phương tiện thông tin đại chúng, câu lạc bộ, tuyên truyền miệng) về mục đích, ý nghĩa của sự đổi mới này.

- Chọn một ngành và Hà Nội (hoặc cả thành phố Hồ Chí Minh) chỉ đạo thí điểm theo phương án đổi mới cơ chế kinh doanh thực sự (tiền tệ hoá tiền lương, cơ chế một giá).

Bước 2: Từ quý II-1988, mở rộng địa bàn và xí nghiệp chuyển sang kinh doanh.

Bước 3: Từ quý III-1988, tiến hành trên phạm vi cả nước phương án tổng thể về đổi mới cơ chế kinh doanh.

Đến cuối tháng 11 năm 1988 tổ chức tổng kết.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

KIỂM ĐIỂM MỘT NĂM LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VI CỦA ĐẢNG

(Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI)

Năm 1987, năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã triển khai nhiều công tác lớn thực hiện các nhiệm vụ công tác được ghi trong Quyết định của Bộ Chính trị ngày 12-1-1987 về chương trình công tác của Trung ương năm 1988, ngoài ra còn giải quyết thêm nhiều việc quan trọng khác.

Một năm là một thời gian quá ngắn. Chúng ta đã làm được một số việc, nhưng cũng còn nhiều việc chưa làm được hoặc làm chưa tốt.

Chúng ta đánh giá sự lãnh đạo của Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư trong một năm sau Đại hội trên giác độ vĩ mô để rút ra một số kinh nghiệm cho công tác lãnh đạo năm 1988.

I- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

1. Về lãnh đạo kinh tế

Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã dành nhiều thời gian chuẩn bị và tiến hành các Hội nghị Trung ương hai, ba, bốn bàn về phân phối lưu thông, đổi mới một bước cơ chế quản lý kinh tế, phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ba năm 1988-1990 và năm 1988 và kế hoạch ngân sách năm 1988. Các Nghị quyết Trung ương hai và ba đã cụ thể hoá một cách đúng đắn và có phần phát triển thêm tư tưởng chỉ đạo và những chủ trương, phương hướng của Nghị quyết Đại hội VI về đổi mới cơ chế quản lý, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa và giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông. Bộ Chính trị đã dành nhiều thời gian bàn việc hợp tác kinh tế với Liên Xô theo quan điểm mới. Ta đã ký với Liên Xô hai hiệp định khung và một số hiệp định cụ thể. Sự hợp tác kinh tế Việt - Xô tạo điều kiện rất quan trọng cho chúng ta khắc phục khó khăn, ổn định tình hình kinh tế - xã hội.

Để cụ thể hoá một bước hai Nghị quyết Trung ương hai và ba, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã quyết định một số chủ trương, chính sách quan trọng về sản xuất, phân phối lưu thông, bảo đảm quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp quốc doanh, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế, giải tỏa lưu thông, phát triển kinh tế đối ngoại, chính sách tiết kiệm...

Do thấy được tính phức tạp của vấn đề phân phối lưu thông nói riêng và của vấn đề kinh tế nói chung, Bộ Chính trị đã chú ý đề ra phương châm chỉ đạo thực hiện *tích cực nhưng vững chắc, có những bước đi phù hợp*, không gây đảo lộn lớn trong đời sống kinh tế và tâm lý xã hội.

Các Nghị quyết Trung ương hai và ba và những chủ trương nói trên đánh dấu bước tiến bộ mới về tư duy kinh tế và lãnh đạo kinh tế của Đảng ta.

2. Về lãnh đạo công tác tư tưởng, tổ chức, cán bộ

Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, làm trong

sạch và nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước và làm lành mạnh các quan hệ xã hội; đã ra quyết định về quy chế quản lý cán bộ, nghị quyết về đổi mới và nâng cao sự lãnh đạo của Đảng về văn học, nghệ thuật và văn hoá. Ban Bí thư đã ra nhiều chỉ thị để thực hiện các nghị quyết trên.

Sự lãnh đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về đổi mới tư duy, mở rộng dân chủ, tinh công khai, tinh chiến đấu, tinh chân thực, tinh thần tự phê bình và phê bình rõ nét hơn và có chuyển biến bước đầu.

Các hình thức công tác tư tưởng cũng có sự đổi mới: tiếp xúc và đối thoại với quần chúng ở cơ sở, với đại biểu Quốc hội, cán bộ khoa học, văn nghệ sĩ, giới báo chí, v.v. đấu tranh công khai chống tiêu cực trên báo, đài. Những hình thức góp phần tích cực vào không khí chính trị dân chủ, được toàn Đảng, toàn dân ủng hộ và có tác dụng răn đe, ngăn ngừa các hành vi tiêu cực.

Đã tổ chức cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp trung ương, tỉnh, huyện nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VI. Bốn lớp bồi dưỡng cho cán bộ cao cấp của Học viện Nguyễn Ái Quốc và một số lớp bồi dưỡng cho cán bộ trung cấp của các trường đảng khu vực, tỉnh, thành đã tạo được sự nhất trí của số cán bộ đã được học đổi với những vấn đề cơ bản của Nghị quyết Đại hội VI.

Về tổ chức và cán bộ, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã dành nhiều thời gian sau Đại hội VI để bàn việc chấn chỉnh tổ chức bố trí lại cán bộ, đã sắp xếp một số tổ chức trong bộ máy trung ương theo hướng giảm bớt đầu mối, tinh giản biên chế bộ máy; đã kiện toàn một bước Quốc hội, Hội đồng Nhà nước, Hội đồng Bộ trưởng, bố trí lại và đổi mới một phần đội ngũ cán bộ lãnh đạo và quản lý ở các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương. Đang hình thành một đội ngũ cán bộ mới, trẻ được đào tạo tương đối tốt và rèn luyện trong thực tiễn cách mạng. Đã bố trí lại cán bộ lãnh đạo chủ chốt một số tỉnh, thành mà trước Đại hội VI chưa bố trí được, hoặc bố trí chưa đúng; đã xử lý một số trưởng hợp cán bộ có sai phạm nặng

thuộc diện Trung ương quản lý và đang tổ chức một số đoàn kiểm tra để giải quyết một số sai phạm hoặc tình hình mất đoàn kết nội bộ của cán bộ lãnh đạo ở một số cấp uỷ địa phương và một số ngành.

Bộ Chính trị đã chỉ đạo bắt đầu xúc tiến việc xây dựng cương lĩnh cách mạng xã hội chủ nghĩa và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Ban Bí thư đã quyết định nhiều chủ trương về vận động quần chúng, chỉ đạo tiến hành đại hội các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, nông dân, công đoàn, v.v.. Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã dành nhiều thời gian để thảo luận và quyết định các vấn đề về quy chế làm việc của Trung ương, quy chế làm việc của các ban của Đảng.

Đã chỉ đạo làm thủ việc kiện toàn tổ chức, giảm nhẹ biên chế ở sáu tỉnh, thành phố và bước đầu sơ kết kinh nghiệm để chỉ đạo rộng các nơi.

3. Về lãnh đạo quốc phòng, an ninh

Bộ Chính trị đã ra nghị quyết về nhiệm vụ quốc phòng và nghị quyết về bảo vệ quốc gia, trật tự và an toàn xã hội, thể hiện tinh thần đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI; đánh giá đúng bản chất, âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, chố mạnh, chố yếu của ta, giải quyết một số vấn đề trọng yếu về đường lối quân sự, đường lối an ninh trong tình hình mới; lãnh đạo việc bố trí lại lực lượng; xây dựng nền quốc phòng nhân dân, được sự nhất trí hoàn toàn của các cấp uỷ đảng cũng như các lực lượng vũ trang nhân dân.

Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã quan tâm hơn và dành nhiều thời gian bàn về quốc phòng, an ninh, đã có những quy định về tổ chức đảng và tổ chức cơ quan chính trị trong quân đội, chỉ đạo giữ vững biên giới phía bắc, các hải đảo, đặc biệt là quần đảo Trường Sa, chặn đánh thắng lợi bọn gián điệp, biệt kích tay sai để quốc và phản động quốc tế xâm nhập nước ta, làm tốt nghĩa vụ quốc tế...

4. Về lãnh đạo công tác đối ngoại

Trong năm nay, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã lãnh đạo triển khai nhiều hoạt động đối ngoại quan trọng theo tinh thần đổi mới và nội dung Nghị quyết Đại hội VI. Bộ Chính trị Đảng ta đã có các cuộc hội đàm với Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia. Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã đi thăm Liên Xô và hội đàm với đồng chí Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Liên Xô M.X.Goócbachốp.

Đây là những sự kiện quan trọng đánh dấu sự đổi mới và sự nâng cao về chất trong quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân ta với Đảng, Chính phủ và nhân dân Lào, Campuchia và Liên Xô, trong việc phối hợp chiến lược chung cũng như hoạt động cụ thể trong khu vực và trên thế giới; coi trọng chất lượng và hiệu quả trong hợp tác và ngày càng chú trọng hơn đến hợp tác kinh tế.

Năm nay, Bộ Chính trị đã lãnh đạo việc phối hợp với bạn Campuchia mở cuộc tiến công ngoại giao nhằm đi tới một giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia sau tám năm bế tắc. Tuy còn nhiều khó khăn, phức tạp, cuộc tiến công này đã thu được thắng lợi bước đầu, được dư luận Đông Nam Á và toàn thế giới hoan nghênh và chú ý.

Bộ Chính trị và Ban Bí thư còn chỉ đạo áp dụng sách lược thích hợp đối với Mỹ, Trung Quốc và ASEAN.

Những công tác nói trên phản ánh sự đổi mới bước đầu tư duy ngoại giao của Đảng ta.

5. Về lề lối làm việc

Ban Chấp hành Trung ương đã có quy chế làm việc và Ban Bí thư đã định quy chế làm việc cho các ban của Đảng. Lề lối làm việc của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư có những đổi mới bước đầu: lãnh đạo tập thể hơn, dân chủ hơn; sinh hoạt thường xuyên, đều đặn theo chương trình: quan hệ làm việc giữa Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng được tăng cường, có sự bàn bạc thường xuyên và

có chế độ hội ý hàng tuần giữa Thường trực Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng; Ban Bí thư đã coi trọng công tác kiểm tra hơn.

Các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước đã cố gắng đi về các địa phương gặp gỡ đảng viên và quần chúng, điều tra, nghiên cứu, giải quyết một số công việc tại chỗ, v.v.. Các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương cũng thực hiện đúng quy chế làm việc của cố vấn, tích cực đóng góp vào công việc chung của Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư.

Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã chủ động trong việc thực hành tiết kiệm, xóa bỏ hoặc giảm bớt những lẽ nghi, thủ tục, chi phí không cần thiết.

Bên cạnh những ưu điểm cơ bản nói trên, chúng ta *còn có nhiều nhược điểm, khuyết điểm*.

a) *Về kinh tế*: Việc lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương hai chưa tạo được chuyển biến, không thực hiện được "bốn giảm", tình hình phân phối lưu thông vẫn diễn biến rất phức tạp, giá cả vẫn rối ren và tiếp tục tăng, giá lương thực tăng nhanh, kể cả những nơi được mùa; tiền mặt thiếu nghiêm trọng; ngân sách tiếp tục bội chi, sản xuất lưu thông không hạch toán được và bị ách tắc; đời sống người lao động, nhất là người ăn lương, ngày càng khó khăn. Thị trường tự do mở rộng, tư thương phát triển.

Sự lãnh đạo và chỉ đạo công tác phân phối lưu thông còn chập chờn, lúng túng, có mặt lại thả nổi. Một số chủ trương trong lĩnh vực này, như chỉ đạo tính giá, tỉ giá hối đoái, phát hành tiền, tính lại tiền lương theo ba hệ số... chưa trùng, chưa đúng, không sát thực tiễn và tâm lý xã hội, gây khó khăn cho sản xuất, kinh doanh và đời sống. Trong khi đó việc chỉ đạo chống thất thoát vật tư, tiền của Nhà nước, chống thất thu thuế, nợ, chống buôn lậu, đầu cơ ở trong nước, và chống buôn lậu từ Thái Lan và Trung Quốc vào

nước ta không kiên quyết.

Có những chủ trương, chính sách chưa phù hợp với cơ chế quản lý mới, còn gò bó sản xuất, lưu thông. Nhìn chung, Nhà nước vẫn phải bù lỗ lớn trong các hoạt động kinh tế.

Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng mất quá nhiều thời giờ vào việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác phân phối lưu thông, nên *lãnh đạo, chỉ đạo sản xuất có nhiều thiếu sót*; chưa tập trung đúng mức cho sản xuất nông nghiệp về đầu tư, cung ứng vật tư; chậm ban hành các chính sách khuyến khích sản xuất. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp thường xuyên thiếu năng lượng, nguyên liệu, vật tư một cách nghiêm trọng, việc quản lý và sử dụng một phần ngoại tệ để bổ sung nguyên liệu, vật tư... chưa đúng mức. *Chưa tập trung sức xây dựng ba chương trình kinh tế lớn* như Nghị quyết Đại hội VI đã đề ra. Việc chỉ đạo sản xuất chưa quan tâm năng suất, chất lượng, hiệu quả.

Chưa chú ý lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công thương nghiệp, tăng cường kinh tế xã hội chủ nghĩa.

b) *Về công tác tư tưởng*: Sau Đại hội, do trình độ lý luận và kinh nghiệm thực tiễn của Đảng còn yếu, trên nhiều lĩnh vực, lãnh đạo chưa đi sâu bàn cụ thể nội dung đổi mới của Nghị quyết Đại hội cho thật rõ và chưa chỉ đạo cán bộ lý luận, cán bộ chuyên môn đi sâu nghiên cứu để làm sáng tỏ các quan điểm, chủ trương, kể cả trong lĩnh vực được tập trung chỉ đạo nhiều nhất là lĩnh vực kinh tế - xã hội... Trong cơ quan lãnh đạo, cũng như trong Đảng, trong nhân dân, có nhiều quan điểm, nhận thức chưa sâu, thậm chí chưa thống nhất, do đó khi hành động cụ thể thì chưa đúng, chưa sát thực tế và chưa thống nhất.

Trong công tác tư tưởng, việc phổ biến Nghị quyết Đại hội VI, Nghị quyết Trung ương hai, Nghị quyết Trung ương ba xuống cơ sở rất chậm, nhất là đối với vùng nông thôn và vùng xa xôi, hẻo lánh, dọc biên giới. Các hình thức công tác tư tưởng chưa phong phú, chưa có sức thuyết phục; công tác

tư tưởng chưa thành hoạt động của toàn thể cán bộ, đảng viên; một số cán bộ, đảng viên thiếu kiên quyết đấu tranh, bỗn phận địa, hữu khuynh, có khoảng cách lớn giữa nói và làm. Trước tình hình kinh tế, đời sống có nhiều khó khăn, tiêu cực xã hội phát triển, kẻ địch nham hiểm hoạt động chiến tranh tâm lý, phao tin đồn nhảm..., công tác tư tưởng còn bị động, lúng túng, hữu khuynh, thiếu nhạy bén, sắc sảo và kém hiệu quả; không giải quyết được những diễn biến tư tưởng phức tạp của các tầng lớp nhân dân, không kịp thời, kiên quyết đập lại những luận điệu chiến tranh tâm lý, phản tuyên truyền, xuyên tạc, tung tin đồn nhảm của kẻ thù và những phần tử xấu. Chỉ thị 01 của Ban Bí thư về nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VI và tự phê bình, phê bình nhân ngày kỷ niệm 3-2 đầu năm nay không đưa lại kết quả thiết thực như yêu cầu chỉ thị đề ra.

Trong Đảng, *tư tưởng bảo thủ, trì trệ còn nặng, mặt khác lại có tư tưởng nôn nóng, giản đơn, duy ý chí*. Chúng ta chưa lãnh đạo tích cực khắc phục ở một số cán bộ, đảng viên tâm trạng bi quan, chán nản, động dao, tình trạng giảm sút ý chí chiến đấu và niềm tin ở sự lãnh đạo của Đảng về kinh tế - xã hội.

Công tác tổ chức - cán bộ vẫn là một khâu yếu trong công tác lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Chúng ta chưa tích cực lãnh đạo kiên quyết khắc phục tình trạng bộ máy đảng, nhà nước, các đoàn thể quần chúng cồng kềnh, biên chế quá lớn, hiệu suất thấp. Việc chỉ đạo *kiện toàn tổ chức* bộ máy đảng và nhà nước các cấp vẫn chưa gắn với yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, chưa phân biệt chức năng quản lý nhà nước về kinh tế và chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh; có nơi mới dừng lại ở việc thu gom đầu mối, chưa tinh giản được biên chế và chưa đem lại hiệu quả cao.

Việc lãnh đạo sắp xếp lại tổ chức bộ máy thiếu nghiên cứu kỹ lưỡng, chuẩn bị không chu đáo và làm thiếu kiên quyết, nên đến nay bộ máy các cấp, các ban, ngành ở Trung ương vẫn còn nặng nề, có nhiều điều bất hợp lý, và nhìn chung là chưa

ổn định. Việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế chưa làm được bao nhiêu đang là trở ngại cho việc đổi mới tư duy, đổi mới phong cách, xoá bỏ cơ chế cũ, xây dựng và thực hiện cơ chế quản lý kinh tế mới.

Ban Bí thư chưa tích cực chỉ đạo việc kiện toàn và tăng cường đúng mức các ban của Trung ương Đảng, nhất là các ban chuyên trách công tác xây dựng Đảng và tổ chức cán bộ. *Công tác cán bộ* trước Đại hội VI, khi chuẩn bị nhân sự Đại hội tuy có lấy ý kiến của một số bộ và tỉnh, thành nhưng chưa đầy đủ và còn nhiều thiếu sót. Sau Đại hội VI, việc bố trí, điều chỉnh, đề bạt một số cán bộ giữ các vị trí lãnh đạo chủ chốt ở một số cơ quan của Đảng và Nhà nước chưa trúng, chưa đúng nên chưa phát huy được tác dụng. Một số trường hợp bố trí cán bộ thiếu sự chuẩn bị chu đáo nên sau khi đã bố trí rồi phải xếp đi, xếp lại; thậm chí đã có những trường hợp Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ra quyết định điều động, đề bạt rồi lại phải thay đổi. Việc chuẩn bị nhân sự vào Quốc hội khoá VIII cũng có thiếu sót, làm cập rập, không lấy ý kiến dân chủ từ dưới và cũng có những trường hợp đưa ra ứng cử chưa đúng.

Việc xem xét, kết luận và xử lý những cán bộ do Trung ương quản lý có vấn đề sai phạm đã được quần chúng, đảng viên, cán bộ phát hiện qua các đợt tự phê bình và phê bình và qua đấu tranh chống tiêu cực còn chậm.

Nhiều trường hợp cán bộ đã đến tuổi nghỉ hưu, không còn sức khoẻ và năng lực đảm đương nhiệm vụ hoặc có khuyết điểm, sai lầm không thể tiếp tục công tác, song giải quyết không dứt khoát, có trường hợp đã có quyết định cho nghỉ hưu theo chế độ hoặc bố trí lại công tác thích hợp, nhưng đã không được thực hiện, do trong lãnh đạo có những ý kiến khác nhau về đánh giá cán bộ.

Trong công tác tổ chức cán bộ, bên cạnh những cố gắng và tiến bộ sau Đại hội VI, có tình trạng nể nang, hữu khuynh, do dự, lúng túng, bị động, chưa sâu sát và không nhất quán,

chưa thật sự đổi mới, ảnh hưởng không tốt đến việc thực hiện các nghị quyết của Đảng và thực hiện công cuộc đổi mới.

c) *Về quốc phòng, an ninh:* Công tác lãnh đạo quân đội, công an phối hợp chặt chẽ với nhân dân để hợp đồng chống chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch còn kém, cho nên đã không đánh tốt được địch mà còn để địch đánh lại ta. Vẫn còn những thiếu sót trong việc lãnh đạo xây dựng quân đội, công an vững mạnh về chính trị - tư tưởng, trong sạch về phẩm chất, đạo đức cách mạng, trong việc đề ra các chính sách chăm sóc đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang và an ninh.

d) *Về đối ngoại:* Trong hợp tác kinh tế với Liên Xô, vẫn còn những biểu hiện của tư tưởng chủ quan, đơn giản, chưa tính toán đầy đủ khả năng cân đối vốn, điều kiện kết cấu hạ tầng trong nước, khả năng tổ chức, quản lý để ký kết với bạn có hiệu quả.

Trong quan hệ hợp tác với Lào và Campuchia, chúng ta đã thiếu nhạy bén với những biến đổi và yêu cầu mới của tình hình thực tế khách quan, chậm trễ trong việc cụ thể hóa các nguyên tắc cơ bản đã được Bộ Chính trị ba đảng thoả thuận; chậm thực hiện những điều đã cam kết hoặc đã hứa với bạn, chậm chuyển hướng và chấn chỉnh hoạt động của các chuyên gia ta, các ngành, các đơn vị có quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá với các nước bạn cho phù hợp với tình hình mới; còn để các hiện tượng tiêu cực do người Việt Nam gây ra trên đất bạn tiếp diễn.

Kinh tế đối ngoại vẫn là một khâu yếu chưa được lãnh đạo, chỉ đạo đúng mức trong khi bộ máy các cơ quan làm kinh tế đối ngoại thì công kênh và chồng chéo.

đ) *Về lề lối làm việc:* Nhiều đồng chí Uỷ viên Trung ương chưa thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc của Trung ương trong việc báo cáo, thỉnh thị, tham gia ý kiến đóng góp vào công việc của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư hoặc vào các dự thảo đề án do Bộ Chính trị, Ban Bí thư gửi đến để lấy ý kiến, trong việc bảo quản, kiểm tra và trả lại những văn kiện, tài liệu theo quy định phải thu hồi.

Chưa thực hiện đúng cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Quan hệ lãnh đạo, điều hành, tổ chức thực hiện giữa Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng tuy đã có sự cải tiến nhưng vẫn còn nhiều thiếu sót, trong một số trường hợp còn gây ra những sự chậm trễ khi phải giải quyết một số vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội. Việc ban hành các chủ trương, chính sách cụ thể về kinh tế, xã hội và thuộc thẩm quyền Hội đồng Bộ trưởng, nhưng đối với một số chủ trương, chính sách cụ thể quan trọng liên quan đến đời sống từng người, từng gia đình, lại đang có ý kiến khác nhau giữa các ngành, các địa phương, thì chưa được báo cáo ra Bộ Chính trị hoặc Ban Bí thư xem xét để bảo đảm sự nhất trí và thống nhất hành động trong toàn Đảng.

Bộ Chính trị và Ban Bí thư còn thiếu dân chủ đối với cấp dưới, chưa lắng nghe ý kiến của cấp dưới. Một phần do các ban của Đảng chưa mạnh, chưa làm đúng chức năng và do tổ chức công việc chưa tốt, Ban Bí thư mắc vào nhiều công việc sự vụ, giấy tờ, có khi còn ôm đòn mà chưa dành được thời gian thích đáng để kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết của Đảng ở các ngành, các địa phương và cơ sở. Do công tác kiểm tra làm chưa tốt, nên việc nắm và hiểu cán bộ bị hạn chế.

Nhìn một cách tổng quát công việc năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã có những quyết định đúng đắn về một số vấn đề quan trọng ở tầm vĩ mô, về đổi nội và đổi ngoại, về xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Những quyết định đó theo hướng đổi mới của Nghị quyết Đại hội VI, bước đầu thể hiện sự đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách và đổi mới tổ chức - cán bộ, tạo tiền đề cho việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội VI những năm tới.

Nhưng việc lãnh đạo kinh tế - xã hội, đặc biệt là trên lĩnh vực phân phối lưu thông, chưa tạo được chuyển biến theo hướng tiến bộ, tình hình còn rất nhiều khó khăn, có mặt xấu đi và phức tạp hơn.

II- NGUYÊN NHÂN VÀ KINH NGHIỆM

Sở dĩ có tình hình nói trên là do nhiều nguyên nhân khách quan, nhưng chủ yếu là do những *nguyên nhân chủ quan*:

1. Trong chúng ta có những quan điểm khác nhau về một số vấn đề lãnh đạo kinh tế - xã hội, trước hết là trên lĩnh vực phân phối lưu thông, nhưng chưa được thảo luận kỹ để nhất trí. Từ đó hiểu khác nhau, làm khác nhau, không thống nhất; có những quyết định, chủ trương, chính sách chưa được tính toán kỹ, chưa sát thực tiễn, chưa đúng quy luật.

2. Việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện không nhất quán, không kịp thời, thiếu kiên quyết, thiếu chính xác, có lúc chập chờn. Nhất là việc thể chế hoá và điều hành thực hiện các nghị quyết của Đảng chậm.

3. Công tác tổ chức, cán bộ yếu, chưa đáp ứng được yêu cầu, cản trở việc đổi mới cơ chế quản lý, việc dân chủ hoá và mở rộng quyền tự chủ của cơ sở, quyền làm chủ của nhân dân

lao động, và việc tăng cường vai trò quản lý tập trung của Nhà nước về những vấn đề trọng yếu nhất.

Từ những công việc đã làm năm 1987, chúng ta có thể rút ra một số kinh nghiệm sau đây để vận dụng trong năm 1988 nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội VI:

1. *Phải hoàn chỉnh các quan niệm về đổi mới của Đại hội VI, làm cho toàn thể Trung ương, toàn Đảng thống nhất ý chí và hành động* trên cơ sở các Nghị quyết Đại hội VI, các Nghị quyết Trung ương hai, ba, bốn. Phải tổ chức thảo luận dân chủ trong Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, với tinh thần xây dựng, chân thành, để thống nhất nhận thức, quan điểm, chủ trương, giải quyết đến nơi đến chốn; khi có những vấn đề chưa nhất trí, nhất là về kinh tế - xã hội, đặc biệt là về phân phối lưu thông. Khi vấn đề đã được Trung ương biểu quyết theo nguyên tắc đa số thì mọi người phải nghiêm chỉnh chấp hành, nói và làm theo nghị quyết, kiên quyết lập lại trật tự, kỷ luật của Đảng, kỷ cương của Nhà nước. Khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, đồng thời ngăn ngừa tư tưởng nóng vội, đơn giản, duy ý chí.

2. *Công cuộc đổi mới phải được thực hiện đồng bộ ở tất cả các lĩnh vực, các ngành, các địa phương*. Các đồng chí Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư chịu trách nhiệm lãnh đạo thực hiện sự đổi mới ở lĩnh vực, khối, ngành, địa phương mình phụ trách. Từ nay đến Đại hội VII chỉ còn không đầy ba năm. Nếu chúng ta tiến hành công cuộc đổi mới với nhịp độ chậm như năm 1987 thì không đạt yêu cầu. Vì vậy công cuộc đổi mới phải tiến hành *khẩn trương hơn*.

3. *Hai khâu chủ yếu của công cuộc đổi mới trong năm 1988 là đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và đổi mới tổ chức cán bộ*. Đổi mới cơ chế quản lý là một cuộc đấu tranh cách mạng gian khổ và phức tạp, cần được tiến hành với một quyết tâm cao, tích cực nhưng vững chắc, với những bước đi phù hợp.

Phải sắp xếp lại tổ chức bộ máy của Đảng và Nhà nước theo hướng tinh gọn. Phải đổi mới công tác cán bộ: đổi mới cách đánh giá cán bộ, cách chọn lựa cán bộ; đề bạt những cán bộ có phẩm chất và năng lực thực hiện đường lối đổi mới của Đại hội VI và cơ chế quản lý mới. Phải củng cố nhanh chóng các ban của Đảng và bộ máy của Nhà nước đủ mạnh để bảo đảm được chức trách nhiệm vụ của mình. Phải làm tốt cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội.

4. *Cải tiến cách lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện* của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, bảo đảm đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nhạy bén, kiên quyết và kịp thời. Ra các quyết định về kinh tế - xã hội, về các cơ chế và chính sách, phải nghiên cứu kỹ, tính toán chu đáo, sát với thực tiễn, phát huy dân chủ, lấy được ý kiến rộng rãi của cấp dưới, các ngành, của cán bộ nghiên cứu khoa học và quản lý, của quần chúng nhân dân. Cải tiến các cuộc họp của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, các cuộc hội ý giữa Thường trực Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, thực hiện tốt quy trình chuẩn bị các đề án, các quyết định, có thẩm tra kỹ, thảo luận và thông qua quyết định theo đúng quy chế làm việc của Trung ương.

5. *Phải tạo được phong trào quần chúng hành động cách mạng sôi nổi và thiết thực*

Phong trào quần chúng hành động cách mạng là yếu tố quyết định thành công của công cuộc đổi mới, của việc hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1988. Phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, mở rộng dân chủ, biến khẩu hiệu "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thành

hiện thực; đồng thời phải chú trọng bồi dưỡng sức dân, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, nhất là của công nhân, viên chức, lực lượng vũ trang, làm cho toàn Đảng, toàn dân hăng hái thực hiện công cuộc đổi mới, hoàn thành những mục tiêu và chỉ tiêu do Nghị quyết Đại hội VI đề ra, trước mắt hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước năm 1988.

Năm 1988 là *năm bản lề* để thực hiện kế hoạch ba năm 1988-1990.

Năm 1988 phải là năm toàn Đảng, toàn dân ta đồng tâm nhất trí, thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, đổi mới cơ chế quản lý, tạo một tiến bộ mới trong tình hình kinh tế - xã hội và trong công tác tổ chức - cán bộ, góp phần hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1988 và ba năm 1988-1990, thực hiện bằng được mục tiêu *ổn định một bước quan trọng tinh hình kinh tế - xã hội* vào cuối năm 1990. Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhận thức được trách nhiệm của mình đối với đất nước trước những thách thức mới của thời đại trong khu vực và trên phạm vi toàn thế giới, quyết tâm đem hết sức lực và trí tuệ lãnh đạo toàn dân ta vượt qua khó khăn, tiếp tục tiến lên, thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội VI.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**BÀI PHÁT BIỂU
CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG Bí THƯ NGUYỄN VĂN LINH
BẾ MẠC HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG LẦN THỨ TƯ
(KHOÁ VI)***

Ngày 16 tháng 12 năm 1987

*Thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương thân mến,
Thưa các đồng chí Uỷ viên Trung ương thân mến,*

Hội nghị Trung ương của chúng ta sắp kết thúc. Trước khi các đồng chí Uỷ viên Trung ương thông qua Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch ba năm 1988-1990 và kế hoạch năm 1988, tôi xin phát biểu một số vấn đề liên quan đến nội dung của Hội nghị sau khi đã được các đồng chí Uỷ viên Trung ương nghiên cứu, thảo luận và đóng góp ý kiến.

Về bản kiểm điểm của Bộ Chính trị sau một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI.

Qua trao đổi, nói chung các đồng chí nhất trí với bản kiểm điểm của Bộ Chính trị. Ý kiến chung cho rằng đây là bản

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

kiểm điểm tương đối tốt và nghiêm túc, nhìn thẳng vào sự thật. Ngoài ra, các đồng chí có phê bình Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, bổ sung thêm một số ý kiến nhằm làm rõ hơn các vấn đề đã nêu hoặc làm chính xác hơn về câu, chữ. Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng xin tiếp thu ý kiến đóng góp của các đồng chí để sửa chữa.

Tuy nhiên, có những vấn đề mà một số đồng chí Uỷ viên Trung ương nêu lên chưa thật chính xác do thông tin không đầy đủ hoặc do cách xem xét chưa toàn diện. Tôi muốn trình bày về những vấn đề này để các đồng chí rõ và thống nhất ý kiến.

1. Có một số đồng chí cho rằng trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có những quan điểm khác nhau, mâu thuẫn với nhau, đến mức gần như có phe này, phái nọ. Lại còn cho rằng có người này, người kia tư duy cũ, phong cách cũ cản trở công việc chung.

Có thể nói gì về những ý kiến này?

Trước hết, tôi xin khẳng định với các đồng chí rằng, đối với các quan điểm và nội dung lớn của Nghị quyết Đại hội VI, Nghị quyết Trung ương hai, Nghị quyết Trung ương ba, cuộc vận động lớn làm trong sạch Đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội, chống tiêu cực, các chủ trương về quan hệ quốc tế, v.v., Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đều thống nhất ý kiến. Ai cũng nhất trí là phải quyết tâm đổi mới tư duy, đổi mới phong cách làm việc và lãnh đạo, đổi mới tổ chức và cán bộ để đưa Đảng và đất nước đi lên. Sự nhất trí với nhau trên những vấn đề lớn của nghị quyết được thể hiện cả trong hành động, trong công tác hằng ngày.

Nhưng việc đưa các quan điểm và nội dung của nghị quyết vào cuộc sống là một quá trình phức tạp có liên quan đến xác định bước đi, các chính sách và giải pháp cụ thể, mức độ đề ra các nhiệm vụ phải làm, v.v.. Kinh nghiệm cho thấy rằng, càng xáp vào thực tiễn, đối mặt với các công việc cụ thể phải làm thì không phải mọi người đều có ý kiến như nhau. Bất cứ ở đâu và lúc nào cũng đều như vậy cả. Hơn nữa, cuộc sống luôn luôn bộc lộ những hiện tượng mới, trước những hiện tượng mới đó lúc đầu người ta thường có những cách xem xét khác nhau. Trên góc độ đó, những ý kiến khác nhau cũng thường xảy ra trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Tôi nghĩ rằng đó cũng là tình hình chung của các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương, ở những nơi các đồng chí công tác và sinh hoạt. Đó là điều hoàn toàn tự nhiên và dễ hiểu. Nếu không có ý kiến khác nhau về những vấn đề đó mới là chuyện không bình thường. Điều quan trọng là những ý kiến khác nhau đó phải được nói ra, phải được thảo luận và tranh luận đến nơi đến chốn để đi đến thống nhất. Thảo luận và tranh luận làm sâu sắc hơn suy nghĩ của chúng ta, giúp tiếp cận với chân lý, tránh được chủ quan, phiến diện. Có những việc sau khi tranh luận còn cần phải được biểu quyết. Và trong bất cứ trường hợp nào thiểu số cũng phải chấp hành theo ý kiến của đa số. Cuối cùng, thực tiễn sẽ chỉ rõ đúng, sai, sẽ xác nhận đâu là chân lý. Không những chỉ khi ra quyết định mà cả khi thực hiện quyết định có những vấn đề mới nảy sinh từ thực tiễn lại phải đem ra thảo luận, tranh luận. Đó là việc làm liên tục, thường xuyên, và cứ mỗi lần như vậy nhận thức của chúng ta đối với sự thật lại được nâng cao hơn, hoàn thiện hơn một bước. Đó là phong cách làm việc mácxít - léninnít. Hết sức tránh tình trạng có ý kiến khác nhau nhưng một vài người lãnh đạo quyết định tất cả, thậm chí một mình độc quyền chân lý, còn mọi người thì chỉ có "quyền" chấp hành thụ động, không dám tranh luận. Điều đó trái với nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng. Không nên cho rằng hế

có ý kiến khác nhau là phe, phái, là mâu thuẫn nội bộ. Chúng ta phải tạo ra thói quen biết thảo luận và tranh luận, thói quen của bất cứ sinh hoạt dân chủ nào. Vấn đề quan trọng là không thành kiến với những ai có ý kiến khác mình, không xen cá nhân vào, đặt mình cao hơn tập thể, coi ý kiến của mình là duy nhất đúng.

Tôi nói những điều trên với mong muốn rằng các đồng chí Trung ương sẽ thống nhất quan niệm như vậy để không loan truyền những tin thất thiệt rằng Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng mâu thuẫn với nhau. Điều đó rất có hại đối với sự nghiệp của Đảng, làm giảm sút lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào Trung ương.

2. Một số đồng chí cho rằng, Nghị quyết Đại hội VI, Nghị quyết Trung ương hai, Nghị quyết Trung ương ba là tốt, lúc mới công bố gây được niềm phấn khởi to lớn trong Đảng và trong nhân dân. Nhưng tình hình đất nước đến nay vẫn chưa thấy chuyển biến gì, ngược lại, khó khăn ngày càng chồng chất. Từ đó dẫn đến hoang mang, nghi ngờ nghị quyết sai hay cho việc tổ chức thực hiện nghị quyết không đúng, giảm lòng tin vào đường lối, chủ trương của Đảng và năng lực tổ chức thực hiện của chúng ta.

Về vấn đề này, chúng ta cần bình tĩnh và khách quan để xem xét.

Trước hết, cần nhận rõ rằng tình hình kinh tế - xã hội của nước ta có nhiều khó khăn nghiêm trọng đến mức như hiện nay là do tích luỹ từ nhiều năm trước cộng lại. Đặc biệt là sai lầm lớn về giá, lương, tiền tháng 9-1985 làm cho tình hình vốn đã rối ren càng rối ren và nặng nề thêm. Không thể có ảo tưởng gỡ nhanh được tình hình này. Như một người ốm nặng, "thập tử nhất sinh", không có được một liều thuốc thần nào có thể vực dậy ngay lập tức và làm cho đi nhanh được. Đã vậy, chúng ta lại không thể dành toàn bộ thời gian và nghị lực để giải quyết nó. Hầu như suốt năm 1986, chúng ta phải tập trung chuẩn bị cho Đại hội VI của Đảng. Sau Đại hội, mất hai tháng làm công tác nhân sự, bố trí cán bộ chủ chốt

cho bộ máy của Đảng và Nhà nước. Mãi đến tháng 3 mới có thể bắt tay chuẩn bị Nghị quyết Trung ương hai và đến tháng 4 mới tổ chức được hội nghị. Từ đó đến nay, Trung ương đã tập trung giải quyết công tác kinh tế nhiều hơn, đúng với tâm quan trọng của nó. Và chúng ta cũng đã làm được một số việc, đã tạo được một số chuyển biến bước đầu như trong Bản kiểm điểm của Bộ Chính trị đã nêu. Điều quan trọng là chúng ta *đã bắt đầu chuyển và có quyết tâm chuyển*, bắt đầu vận động theo hướng đi lên và về đại thể đã nhìn thấy lối ra. Nguy hiểm nhất đối với sự nghiệp cách mạng là chìm ngập trong khó khăn, bế tắc mà không thấy lối ra. Điều đó, ít nhiều chúng ta đã vượt qua. Nay cuối đường hầm đã thấy ló ra ánh sáng và càng đi, chúng ta càng thấy sáng hơn. Điều này cổ vũ chúng ta, đưa lại cho chúng ta niềm tin, và đó là cái cần thiết nhất mà chúng ta có được lúc này. Còn như để chuyển biến được mạnh mẽ trong thực tiễn và có thể cảm nhận được đầy đủ trong cuộc sống thì cần phải có một quá trình phấn đấu quyết liệt hơn nữa. Nhân đây, tôi muốn nhắc đến câu chuyện mà đồng chí Tổng Bí thư Goóbachốp đã nói với tôi trong cuộc hội đàm tháng 11 vừa qua ở Mátxcơva. Đồng chí nói: ở Liên Xô có nhiều người nóng ruột muốn công cuộc cải tổ nhanh chóng đem lại cho họ nhiều lợi ích hơn. Nhưng hai năm cải tổ chưa đem lại cho họ điều đó. Cái mà họ có được hôm nay mới là bầu không khí cởi mở, dân chủ và công khai, ý muốn quyết tâm cải tổ và phải thay đổi tâm lý bảo thủ, trì trệ.

Tôi nghĩ rằng, tình hình đó cũng giống với chúng ta hiện nay.

Thời gian còn quá ngắn, chưa đủ để biến những nghị quyết mà chúng ta mới thông qua được mấy tháng thành hiện thực. Vì vậy mà thực trạng hầu như chưa có gì thay đổi, tình hình chưa được cải thiện, thậm chí có mặt còn khó khăn hơn. Nhưng cũng không phải vì vậy mà chúng ta, nhất là các đồng chí Uỷ viên Trung ương, lại dao động, mất niềm tin vào chính những quyết định về cơ bản là đúng đắn và vào năng

lực tháo gỡ khó khăn của chúng ta. Mất niềm tin đồng nghĩa với đầu hàng, phó thác cho số phận đưa đẩy. Đó không phải là bản chất của người cách mạng và người cộng sản. Tình hình của chúng ta chưa tốt lên ngay được như mong muốn còn là do có những việc chúng ta vừa làm, vừa dò dẫm. Không phải mọi việc đều đã sáng tỏ cả, không phải lời giải cho bài toán đã có sẵn ngay trong đầu. Ví dụ: Nghị quyết Trung ương hai về cơ bản là chính xác. Nhưng cũng có vấn đề chúng ta nhận thức và hành động chưa thật đúng đắn. Chẳng hạn coi việc đề ra "bốn giảm" như mục tiêu đơn thuần phải đạt tới, ít nhấn mạnh "bốn giảm" phải *dựa trên kết quả* phát triển sản xuất, nâng cao năng suất lao động và *phải nhằm* thúc đẩy sản xuất, mở rộng kinh doanh có hiệu quả. Không vì để thực hiện "bốn giảm" hình thức mà không dám chi ngân sách, chi tiền mặt cho những việc đáng chi đối với sản xuất và thu mua. "Bốn giảm" là cần thiết nhưng mục tiêu cao nhất vẫn là phát triển được sản xuất, mở rộng được lưu thông, đời sống dần dần được ổn định. Mặt khác, việc chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện của chúng ta còn chậm chạp, lúng túng, có khi có những quy định còn trái với tinh thần và nội dung của Nghị quyết Trung ương (như chủ trương neo giá quá lâu), gây khó khăn cho cấp dưới và cơ sở. Trong những công việc phức tạp như thế, cũng khó mà tránh khỏi hết các khuyết điểm và sai lầm. Cái chính là chúng ta phải tinh táo theo dõi, nắm bắt thực tiễn nhanh nhạy, lắng nghe ý kiến quần chúng, cán bộ và đảng viên phản ánh để kịp thời sửa chữa sai lầm. Chúng ta đang đi theo con đường đó. Chính vì vậy mà lần này, tại Hội nghị Trung ương bốn, chúng ta đã sáng tỏ thêm nhiều điều về lĩnh vực phân phối lưu thông, có những quyết định mới phù hợp hơn với cuộc sống. Điều này được thể hiện trong Nghị quyết Trung ương bốn mà chúng ta sắp sửa thông qua.

3. Có một số đồng chí cho rằng, từ Đại hội VI đến nay đã được một năm, nhưng Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường

vụ Hội đồng Bộ trưởng triển khai được ít công việc quá, vì vậy tình hình chuyển biến chậm chạp. Về ý kiến này, chúng tôi không cho rằng những việc đã làm là đầy đủ và tốt cả. Còn nhiều việc đáng làm và cần làm tốt hơn nữa. Tuy nhiên, những công việc đã đề ra và bắt đầu thực hiện là một cống gắng lớn của chúng ta, là những gì mà chúng ta có thể làm được với nỗ lực tối đa trong thời gian hạn hẹp một năm. Ngoài việc chuẩn bị và thông qua các Nghị quyết Trung ương hai, ba, bốn, chúng ta còn thông qua và triển khai thực hiện một loạt các nghị quyết quan trọng khác. Đó là Nghị quyết của Bộ Chính trị về quốc phòng, về an ninh với những chủ trương đúng đắn, thể hiện sự đổi mới tư duy, phản ánh được tình hình và nhiệm vụ mới của cách mạng theo yêu cầu của Đại hội VI. Đó là nghị quyết về cuộc vận động lớn làm trong sạch Đảng, trong sạch bộ máy nhà nước và nâng cao hiệu lực quản lý của nó, làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Cuộc vận động chống tiêu cực tiến hành mấy tháng nay, lan rộng trong nhiều cơ sở, cơ quan ở địa phương và các ngành trung ương có tác dụng tích cực đối với việc khôi phục trật tự kỷ cương của Đảng và của Nhà nước, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa, mở rộng dân chủ và công khai, bước đầu đem lại lòng tin cho quần chúng. Nghị quyết của Bộ Chính trị về công tác văn hoá văn nghệ, chỉ thị của Ban Bí thư về công tác báo chí trong tình hình mới thể hiện sự tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực này. Hội đồng Bộ trưởng cũng đã ban hành nhiều chỉ thị, quyết định và chính sách liên quan đến các mặt hoạt động khác nhau, nhất là về kinh tế, gần đây nhất đáng chú ý là chỉ thị về tiết kiệm, quy định về đổi mới kế hoạch hóa và hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đối với xí nghiệp quốc doanh. Về tổ chức bộ máy và cán bộ, đã bước đầu thay đổi một số nhân sự ở các cấp và các ban, ngành, tổ chức lại một số cơ quan ở Trung ương và đang có kế hoạch sắp xếp lại bộ máy ở nhiều cơ quan khác từ trung ương đến địa phương theo hướng tinh gọn, bỏ bớt cấp trung gian để ban hành chủ

trưởng tinh giản biên chế. Đã phác hoạ một số ý kiến bước đầu về quy hoạch cán bộ cũng như xác định rõ việc quản lý cán bộ ở các cấp, các ngành. Hiện nay đang tích cực chuẩn bị Hội nghị Trung ương về xây dựng Đảng, trong đó có vấn đề quy hoạch cán bộ. Tuy nhiên, đây là lĩnh vực mà việc đổi mới diễn ra chưa sâu sắc, còn nhiều việc phải làm do nhiều năm qua tiến hành quá chậm chạp.

Một số đồng chí cho rằng công tác tư tưởng làm chưa được mẩy, còn giãm chân tại chỗ. Nói như vậy e quá khắt khe. Công tác tư tưởng lớn nhất mà chúng ta đã làm được là ở việc đề ra các nghị quyết Đại hội VI, Nghị quyết Trung ương hai và ba cũng như các nghị quyết khác. Chính qua đó mà tạo ra sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân nói chung. Đó là chất liệu và nội dung của hoạt động giáo dục và tuyên truyền trong quần chúng. Dĩ nhiên, ở lĩnh vực này cũng còn nhiều yếu kém và nhiều việc phải làm.

Năm 1987 cũng là năm tiến hành nhiều hoạt động đối ngoại đáng chú ý. Quan hệ hợp tác kinh tế giữa nước ta và Liên Xô chuyển sang giai đoạn mới, nhờ đó bổ sung cho chúng ta nguồn vốn và tạo thêm công ăn việc làm, mở ra triển vọng lớn cho việc khai thác tiềm năng và khả năng của chúng ta. Luật đầu tư với nước ngoài mà Quốc hội sắp thông qua hứa hẹn mở rộng các quan hệ kinh tế đa dạng với các nước, tạo cho chúng ta những nguồn lực mới. Bộ Chính trị cũng đã có những hoạt động nhằm tăng cường phối hợp và thắt chặt quan hệ về nhiều mặt với các cấp lãnh đạo Đảng và Nhà nước cũng như với nhân dân hai nước anh em Lào và Campuchia. Đảng ta cũng đã góp phần tích cực vào sự tiến triển bước đầu trong việc giải quyết vấn đề Campuchia bằng biện pháp chính trị, qua đó đã nâng cao vị trí của ba nước Đông Dương trên trường quốc tế. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên mà tại cuộc gặp gỡ các đảng và các phong trào quốc tế ở Mátxcơva nhân dịp lễ kỷ niệm Cách mạng Tháng Mười,

Đảng ta được vinh dự thay mặt 178 đoàn khách quốc tế phát biểu ý kiến trong buổi chiêu đãi kết thúc lễ kỷ niệm.

Trên đây, tôi đã điểm qua một số công việc lớn mà Đảng và Chính phủ đã và đang tiếp tục làm. Nói như vậy để thấy hết những cố gắng của chúng ta. Đó là chưa kể đến có rất nhiều việc làm sáng tạo và năng động, thu được kết quả tốt ở các địa phương, ngành và cơ sở như việc bước đầu triển khai thực hiện ba chương trình kinh tế, mở rộng việc khoán gọn trong các hợp tác xã nông nghiệp, phát huy dân chủ và công khai trong sinh hoạt xã hội, v.v..

Mặt khác, cũng cần nhận rõ rằng, có nhiều việc chúng ta làm còn chậm. Nếu biết cách sắp xếp tốt hơn chúng ta có thể làm được nhiều hơn. Chẳng hạn, việc đổi mới tư duy, đổi mới phong cách phù hợp với từng ngành, từng lĩnh vực như giáo dục, y tế, khoa học kỹ thuật, các đoàn thể quần chúng, công tác tuyên huấn, các trường đảng, v.v. chúng ta chưa làm được nhiều. Đáng lẽ Bộ Chính trị phải giao cho từng đồng chí Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng cùng lãnh đạo các ngành do các đồng chí đó phụ trách, chủ động bàn bạc để ra và thực hiện việc đổi mới ở ngành mình, lĩnh vực mình. Chỉ những vấn đề nào quan trọng mới đưa ra tập thể Bộ Chính trị và Ban Bí thư thảo luận và cho ý kiến. Không thể sắp hàng theo thứ tự để Bộ Chính trị hoặc Hội nghị Trung ương bàn bạc và quyết định tất cả. Có làm như vậy công việc mới tiến triển được nhanh.

Vấn đề tổ chức và cán bộ cũng như vậy. Ngành nào và cấp nào cũng phải chủ động chăm lo cải tiến bộ máy, chuẩn bị cán bộ thay thế được ngay và bồi dưỡng cán bộ kế thừa cho ngành mình và cấp mình. Chúng ta có nguồn cán bộ dồi dào để bồi dưỡng và đào tạo thành lớp người kế tục xứng

đáng các thế hệ lớn tuổi. Cái chính là cần có quy hoạch và tổ chức thực hiện tốt. Mong các đồng chí hết sức quan tâm vấn đề này. Vào cuối năm 1988 chúng ta sẽ tổ chức hội nghị đại biểu cán bộ đảng toàn quốc, bổ sung thêm các Uỷ viên Trung ương mới, chủ yếu chọn từ giai cấp công nhân, cán bộ nữ, cán bộ dân tộc và từ cơ sở. Nhìn xa hơn một chút, đến Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII chỉ còn hai năm nữa mà thôi. Lúc đó, một số không ít các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước cũng như một số các đồng chí Uỷ viên Trung ương có mặt hôm nay vì tuổi cao, sức yếu không thể tiếp tục công tác được nữa.

Do đó, để không bị hẵng trong công tác cán bộ, cần thiết phải chuẩn bị gấp rút ngay từ bây giờ để bổ sung vào Ban Chấp hành Trung ương trong năm tới và cho Đại hội VII, cũng như cho cấp uỷ các cấp và cán bộ lãnh đạo các ban, ngành những đồng chí trẻ hơn, có năng lực và phẩm chất tốt, đủ sức đảm đương được trách nhiệm lớn của Đảng và Nhà nước. Nếu không khẩn trương làm thì chúng ta sẽ bị động, lúng túng như trước đây đã từng gặp phải.

4. Trong Hội nghị Trung ương cũng có đồng chí nêu vấn đề: Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sinh hoạt có dân chủ không? Theo tôi, không có dấu hiệu gì chứng tỏ là mất dân chủ. Các chủ trương lớn đều được đem ra bàn bạc, ý kiến khác nhau đều được nói ra và tranh luận, các vấn đề quan trọng đều được biểu quyết thông qua theo nguyên tắc thiểu số phục tùng đa số. Lắm trường hợp có khuyết điểm là cuộc họp kéo dài vì để nghe hết ý kiến phát biểu của những người tham dự. Chúng ta luôn luôn coi trọng nguyên tắc: tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Những việc lớn của Đảng và Nhà

nước không có ai ra quyết định một mình. Có nhiều đề án, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước trước khi ban hành được đem xuống các cấp dưới lấy ý kiến rộng rãi. Nhờ đó mà chất lượng của đề án tốt hơn lên.

Bộ Chính trị cũng đã lãnh đạo cuộc bầu cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp vừa qua theo tinh thần đổi mới, bảo đảm dân chủ hơn, cởi mở hơn.

Tóm lại, theo tôi thì nhìn chung trong khoá này phong cách làm việc của chúng ta dân chủ hơn. Tuy vậy, chúng ta không thể nói là đã dân chủ đầy đủ và tập trung đầy đủ, không còn gì phải bổ sung thêm nữa. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong mỗi thời kỳ lịch sử cụ thể bao giờ cũng được đặt ra một cách khác nhau và được thể hiện ra ở những hình thức khác nhau. Phải không ngừng bổ sung và hoàn thiện. Đồng thời, việc tạo ra điều kiện để mở rộng dân chủ đầy đủ cũng như biết sử dụng quyền dân chủ và biết tập trung đúng đắn là một quá trình phải học tập, phấn đấu lâu dài mới có được.

Tới đây, đối với chúng ta, tôi nghĩ rằng cần làm tốt hơn mấy việc dưới đây:

- Cố gắng bảo đảm thông tin nhiều hơn cho các đồng chí Ủy viên Trung ương về các mặt tình hình kinh tế, xã hội của đất nước, các vấn đề lý luận và thực tiễn ở trong nước và ngoài nước. Việc này chúng ta cũng đã có làm nhưng chưa đầy đủ.

- Các đồng chí trong Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Thường vụ
Hội đồng Bộ trưởng nồng nhiệt xuông cơ sở, ngành và địa
phương nhiều hơn để tìm hiểu thực tế, nhằm một mặt phát
hiện các vướng mắc, khó khăn để giúp họ giải quyết, mặt
khác phản ánh với Trung ương để kịp thời có những chủ
trương và biện pháp phù hợp.

Vừa qua đã có sự phân công các đồng chí trong Bộ
Chính trị và Ban Bí thư theo dõi các địa phương, nhưng do
công tác quá bề bộn, nên việc đi và nắm tình hình còn ít.
Tới đây phải cải tiến cách làm việc, bớt sự vụ, để sát địa
phương và cơ sở hơn.

- Các đồng chí ở địa phương và ngành cần thông tin tình
hình ở địa phương và ngành mình cho Trung ương biết, đặc
biệt là những kinh nghiệm quý, những sáng kiến hay trong
quá trình chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của Trung ương.
Mặt khác, đề nghị các đồng chí tích cực đóng góp ý kiến vào
các văn bản mà Trung ương đưa xuống xin ý kiến cũng như
đóng góp vào việc cải tiến sự lãnh đạo và chỉ đạo chung của
Trung ương.

Tóm lại, về Bản kiểm điểm của Bộ Chính trị, các đồng chí đã
đóng góp nhiều ý kiến, Bộ Chính trị tiếp thu những chỗ đúng
để sửa chữa, đồng thời có những chỗ chưa đúng, tôi xin trao
đổi lại như trên.

Mong các đồng chí liên hệ với Bản kiểm điểm của Bộ Chính
trị, tiến hành kiểm điểm thật tốt ở các cấp, các ngành mà mình
phụ trách theo đúng tinh thần chỉ thị của Ban Bí thư.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

**Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế -
xã hội trong ba năm 1988-1990 và năm 1988**

I- TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 1987

Năm 1987, toàn Đảng, toàn dân ta bắt đầu chuyển hướng
các mặt hoạt động theo nội dung đổi mới của Đại hội VI. Các
Nghị quyết Hội nghị hai, ba của Trung ương, Nghị quyết của
Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao
sức chiến đấu của tổ chức đảng, bộ máy nhà nước và làm
lành mạnh các quan hệ xã hội, chủ trương đổi mới hợp tác về
kinh tế với Liên Xô, cùng nhiều quyết định khác của Đảng và
Nhà nước, đã định hướng cho việc giải quyết nhiều vấn đề
kinh tế - xã hội. Chuyển biến bước đầu đó về lãnh đạo của
Trung ương cùng với sự năng động của nhiều ngành, địa
phương, cơ sở, sự nỗ lực phấn đấu của các tầng lớp nhân dân,
đã tạo ra những nhân tố mới, đem lại những kinh nghiệm tốt
để năm 1988 chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch
toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo những bước đi vững
chắc nhằm đẩy mạnh sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế,

từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân.

Hội nghị Trung ương cho rằng: *những chuyển biến tiến bộ mới là bước đầu và những nhân tố mới vẫn còn có tính chất bộ phận, chưa thật vững chắc*, tình hình kinh tế - xã hội vẫn đang tiếp tục diễn biến xấu. Sản xuất lương thực sút kém, lương thực vẫn thường xuyên thiếu; tốc độ phát triển công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp chậm lại; thu nhập quốc dân bình quân theo đầu người giảm sút; sản xuất không đủ tiêu dùng. Thu ngân sách không đủ chi, vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước giảm, không đáp ứng được yêu cầu tái sản xuất, duy trì và phát triển tài sản cố định và kết cấu hạ tầng của nền kinh tế. Công tác quản lý có nhiều khuyết điểm; hiệu quả sản xuất, kinh doanh rất thấp, tài sản xã hội chủ nghĩa bị lãng phí, mất mát lớn. Tình hình phân phối lưu thông vẫn rối ren: phân phối thu nhập quốc dân cho tái sản xuất không hợp lý, cho tiêu dùng không công bằng; lưu thông vẫn còn ách tắc; quản lý thị trường bị buông lỏng; đồng tiền tiếp tục mất giá, vật giá tăng cao. Số người không có việc làm tăng; tiền lương thực tế tiếp tục giảm, đời sống của nhiều người ăn lương và lực lượng vũ trang khó khăn hơn. Kỷ cương, trật tự xã hội không tốt; tiêu cực xã hội tiếp tục phát triển. Nhân dân có nhiều lo lắng.

Tình hình trên đây có những nguyên nhân chủ quan và khách quan sâu xa mà Đại hội VI đã phân tích. Những sai lầm về chỉ đạo có tính chiến lược về kinh tế trong hơn chục năm qua làm cho không những không tích luỹ được mà còn ăn cắp vào vốn, và để lại những khó khăn quá lớn; bước vào năm 1987, quan hệ cung - cầu càng mất cân đối nghiêm trọng thêm trên nhiều mặt; thiên tai lại xảy ra ở cả hai miền. *Về lãnh đạo và chỉ đạo trong năm 1987, có những khuyết điểm sau đây:*

- Không kịp thời có chủ trương và biện pháp đúng đắn nhằm sắp xếp và tổ chức lại nền kinh tế theo hướng tập trung cho

ba chương trình kinh tế, trước hết cho chương trình lương thực - thực phẩm.

- Các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng hóa chậm được ban hành. Các chính sách đối với nông dân và chủ trương chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa đã đề ra trong các Nghị quyết Trung ương hai và ba chưa được thực hiện tốt. Việc cụ thể hóa các chủ trương về giá, lương, tài chính, tiền tệ làm chậm, có mặt chưa được tính toán chu đáo, có những biện pháp còn nửa vời, chưa nhằm mục đích trước hết thúc đẩy và tạo thuận lợi cho sản xuất hàng hóa phát triển. Việc chăm lo đời sống của công nhân viên chức và lực lượng vũ trang còn nhiều khuyết điểm.

- Chưa quan tâm đúng mức phát triển khoa học - kỹ thuật và áp dụng kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, kinh doanh để nâng cao hiệu quả kinh tế.

- Việc đổi mới cơ chế quản lý kinh tế gắn liền với mở rộng dân chủ và đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa làm còn ít và thiếu đồng bộ.

- Tình trạng vừa tập trung quan liêu, thiếu dân chủ, vừa phân tán, cục bộ, thiếu kỷ luật đã hạn chế kết quả thực hiện các nghị quyết đúng đắn của Đảng.

- Công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới. Tư tưởng bảo thủ, thói quen do cơ chế quan liêu bao cấp để lại còn rất nặng, đồng thời đã xuất hiện những khuynh hướng nóng vội cần được ngăn ngừa.

Đến nay, một số vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn, nhất là trong quan điểm và chủ trương về phân phối lưu thông, còn có những ý kiến khác nhau, nhưng chưa được thảo luận kỹ để đi đến nhất trí ở các cơ quan lãnh đạo, việc mở rộng dân chủ và đề cao kỷ luật trong việc chấp hành nghị quyết cũng chưa nghiêm túc, nên đã đưa lại những hậu quả

tiêu cực. Một khía cạnh khác, trong quá trình thực hiện, những vấn đề mới nảy sinh chưa được kịp thời phát hiện, sơ kết và có biện pháp giải quyết.

Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng chịu trách nhiệm chính về tình hình kinh tế - xã hội chậm chuyển biến, đồng thời các cấp, các ngành cũng có trách nhiệm của mình, cần nghiêm túc kiểm điểm để sửa chữa.

Cân đánh giá đúng những nhân tố tích cực và triển vọng của tình hình để tin tưởng, vững vàng đi tới. Đồng thời thấy rõ những khó khăn để nêu cao trách nhiệm, tìm ra giải pháp đúng đắn, động viên mọi ngành, mọi cấp, mọi người trong cả nước gian khổ phấn đấu, khắc phục khó khăn, hăng hái lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, nâng cao hiệu quả kinh tế.

II- PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI TRONG BA NĂM 1988-1990 VÀ NĂM 1988

A- *Những nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu:*

1. Trong ba năm 1988-1990, phải phấn đấu thực hiện bằng được *mục tiêu ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội*, chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội trong các năm sau.

Để thực hiện mục tiêu trên, điều quyết định là phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, trước hết là tập trung sức thực hiện ba chương trình kinh tế, đặc biệt là chương trình lương thực - thực phẩm. Những biện pháp chủ yếu là:

chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật; có chính sách đúng đắn nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế khai thác mọi năng lực sản xuất; giải quyết hài hoà các mối quan hệ về lợi ích để tạo

được phong trào lao động sáng tạo, nâng cao hiệu quả kinh tế; đổi mới tổ chức và cán bộ.

Kế hoạch kinh tế - xã hội trong ba năm tới phải:

Một là, giải quyết nhu cầu cơ bản về lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng thiết yếu và các nhu cầu bức thiết khác về đời sống của nhân dân lao động. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, bảo đảm thực hiện đúng các cam kết quốc tế, mở rộng các quan hệ kinh tế với Liên Xô, với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác. Đồng thời làm tốt nhiệm vụ giao thông vận tải và phát triển một số ngành công nghiệp nặng then chốt nhằm phục vụ đắc lực cho các nhiệm vụ trên.

Hai là, kiên quyết chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo những bước đi vững chắc, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thực hành triệt để tiết kiệm; phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, ổn định dân tình hình phân phối lưu thông, bảo đảm nhu cầu thiết yếu về đời sống của người lao động và bước đầu có tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế quốc dân; hạn chế lạm phát.

Ba là, tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể làm cho thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa thể hiện được tính ưu việt; phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế khác trong sản xuất và phục vụ đời sống, gắn với tổ chức lại và quản lý tốt nền kinh tế, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa theo quan điểm mới của Đại hội VI và tăng cường quản lý thị trường.

Bốn là, tạo thêm nhiều việc làm cho người lao động; thực hiện một bước quan trọng việc làm lành mạnh các quan hệ xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, xây dựng cuộc sống văn minh và công bằng xã hội.

Năm là, đáp ứng nhu cầu cung cấp quốc phòng và an ninh. Sáu là, chuẩn bị cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 1991-1995.

2. Năm 1988 có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện những nhiệm vụ của ba năm còn lại 1988-1990, phải tạo được sự *chuyển biến mạnh* trên các mặt:

- Giải quyết tốt hơn vấn đề *lương thực - thực phẩm*. Tăng *hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu*. Triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác kinh tế với Liên Xô và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.
- *Chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sản xuất, kinh doanh có năng suất, chất lượng, hiệu quả*. Phát huy những khả năng tích cực của các thành phần kinh tế trong sản xuất, dịch vụ, gắn với sắp xếp và tổ chức lại nền kinh tế, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa và tăng cường quản lý thị trường. Việc tiếp tục đổi mới chính sách phân phối lưu thông phải có tác dụng rõ rệt thúc đẩy sản xuất phát triển, kinh doanh có hiệu quả và giảm bớt khó khăn về đời sống của người lao động; trên cơ sở đó, từng bước đi tới ổn định giá cả, hạn chế bội chi ngân sách; hạn chế, tiến tới xoá bỏ phát hành tiền mặt cho chi ngân sách và tín dụng.
- Đẩy mạnh hoạt động *khoa học - kỹ thuật* và đưa kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, kinh doanh.
- Giải quyết một số vấn đề cấp bách về *giáo dục, y tế và văn hoá*.
- *Sắp xếp lại một bước bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể quần chúng* từ trung ương đến cơ sở; nâng cao hiệu lực của bộ máy; thu gọn cơ quan quản lý nhà nước, giảm mạnh cấp trung gian và tinh giản biên chế hành chính; chấn chỉnh gấp các tổ chức sản xuất, kinh doanh; bố trí lại cán bộ có năng lực và phẩm chất ở những vị trí cần thiết, nhất là ở các vị trí then chốt của từng cấp và từng tổ chức.
- Gắn việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội với *tiến hành cuộc vận động lớn trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội*, mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, *tạo ra phong trào cách*

mạng của các tầng lớp nhân dân và thiết lập trật tự, kỷ cương trong hoạt động kinh tế, xã hội.

B- Những chủ trương, biện pháp lớn:

1. *Điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế, đặc biệt là chương trình lương thực - thực phẩm*

a) Phát triển mạnh sản xuất *lương thực*, phấn đấu năm 1988 đạt 19-19,5 triệu tấn, năm 1990 đạt khoảng 22 triệu tấn; có giải pháp đồng bộ bảo đảm cơ bản nhu cầu lương thực của nhân dân và từng bước bổ sung dự trữ quốc gia về lương thực. Đồng thời phát triển cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày, chăn nuôi, nghề cá, nghề rừng và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp ở nông thôn để tăng thêm nhiều việc làm tại chỗ và có thêm sản phẩm cho xã hội.

Tập trung các điều kiện vật chất và thực hiện các chính sách khuyến khích nông dân phát triển sản xuất, trước hết là sản xuất lương thực - thực phẩm; khắc phục tình trạng độc canh, sản xuất tự cấp tự túc; phát triển sản xuất hàng hoá, phát huy thế mạnh của từng vùng để đạt hiệu quả cao.

Cần thực hiện tốt những chủ trương, biện pháp sau đây:

- *Bố trí lại địa bàn sản xuất nông nghiệp*, tập trung với mức cao hơn vật tư, vốn đầu tư cho đồng bằng sông Cửu Long, vùng trọng điểm lúa lớn nhất của cả nước, cho đồng bằng sông Hồng và các vùng lúa cao sản của các địa phương khác, để tạo nhanh nguồn lương thực hàng hoá cho Nhà nước, phát triển mạnh các vùng sản xuất tập trung ngô, khoai tây và các cây màu khác đi đôi với chính sách thu mua đúng, tổ chức tốt khâu chế biến, đưa màu đã chế biến vào cơ cấu bữa ăn, và dùng màu sản xuất thức ăn gia súc. Phát triển mạnh vụ đông ở đồng bằng, trung du Bắc Bộ và bắc Khu IV cũ. Đi đôi với sản xuất, phải chú trọng tổ chức tốt khâu thu hoạch, tiêu thụ, bảo quản, vận chuyển, giảm hư hao, mất mát lương thực. Chuyển những diện tích xưa nay trồng cây lương thực nhưng hiệu quả thấp sang trồng các loại nông sản khác có giá trị cao hơn. Bố trí sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp, bố trí

cây trồng, vật nuôi phù hợp với thế mạnh của từng vùng để giải quyết hợp lý vấn đề lương thực, thực phẩm, tăng thêm nguyên liệu cho công nghiệp, nông sản cho xuất khẩu.

- *Tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp và ứng dụng rộng rãi kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất nông nghiệp:*
 - + Nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình thuỷ lợi hiện có; đầu tư thêm cho thuỷ lợi; cung ứng đủ và kịp thời nhiên liệu, năng lượng cho công tác tưới, tiêu; công tác dịch vụ thuỷ lợi phải chuyển sang hạch toán kinh doanh theo phương thức ký hợp đồng với người sản xuất. Khuyến khích phát triển và sử dụng rộng rãi phân chuồng và các loại phân hữu cơ khác. Cung ứng đủ, kịp thời và thuận tiện phân hoá học, thuốc trừ sâu cho sản xuất nông nghiệp, không qua các khâu trung gian không cần thiết. Giao vật tư cho các tổ chức kinh doanh ngành hàng để các tổ chức này trực tiếp ký hợp đồng bán vật tư, mua sản phẩm với cơ sở sản xuất theo nguyên tắc ngang giá, thuận mua vừa bán dưới mọi hình thức. Mở rộng từng bước việc bán máy kéo cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất.
 - + *Ứng dụng rộng rãi các kỹ thuật tiến bộ đã được kết luận để nâng cao hiệu quả sử dụng vật tư, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của cây trồng, vật nuôi.* Sử dụng rộng rãi các giống lúa mới, các giống ngô cho năng suất cao, giống khoai tây sạch bệnh; đổi mới cơ cấu giống phù hợp với các vùng sinh thái khác nhau; xây dựng hệ thống giống kỹ thuật, bảo đảm đủ giống tốt, giống mới cho sản xuất, loại bỏ các giống thoái hoá. Làm tốt công tác dự báo thời tiết phục vụ nông nghiệp. Kịp thời phát hiện sâu bệnh, ứng dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp, gắn biện pháp sinh học với sử dụng thuốc hoá học. Đầu tư thoả đáng cho khâu giống, cho các công trình nghiên cứu công nghệ sinh học. Phát triển rộng rãi các cơ sở năng lượng nhỏ bằng sử dụng bức xạ mặt trời, sức gió, khí mêtan và sức nước để phục vụ sản xuất và đời sống ở nông thôn.
 - *Ngành lương thực chuyển hẳn hoạt động sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa,* để nắm đại bộ phận lương thực hàng hoá

trong xã hội và có đủ lương thực bán cho công nhân, viên chức và các đối tượng phi nông nghiệp khác, đặc biệt ở các thành phố lớn, các khu công nghiệp tập trung; nói chung kinh doanh không lỗ; đẩy mạnh chế biến; khuyến khích tiết kiệm lương thực. Nhà nước sử dụng thóc thuế để bảo đảm nhu cầu của lực lượng vũ trang và tăng dự trữ quốc gia.

- *Đổi mới chính sách đổi với nông nghiệp và nông dân.*

Đổi mới toàn diện và đồng bộ chính sách đổi với nông nghiệp và nông dân nhằm giải phóng sức sản xuất, tăng nhanh nông sản hàng hoá, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về lương thực, thực phẩm, nguyên liệu cho công nghiệp, nông sản cho xuất khẩu, từng bước cải thiện đời sống của nông dân và xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa.

Củng cố và nâng cao chất lượng các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp; hướng dẫn các hợp tác xã từng bước đi vào chuyên canh kết hợp với kinh doanh tổng hợp phù hợp với điều kiện thực tế để có nhiều hàng hoá cho xã hội, nâng cao hiệu quả kinh tế, không ngừng cải thiện đời sống xã viên. Xem xét lại các hợp tác xã nông nghiệp ở miền Bắc, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên để có sự điều chỉnh cần thiết về quan hệ sở hữu, về quy mô tổ chức ở một số nơi. Đổi mới cơ chế quản lý, bảo đảm cho xã viên, tập đoàn viên thật sự là người làm chủ tập thể hợp tác xã, tập đoàn sản xuất. Việc đưa nông dân, ngư dân còn làm ăn cá thể vào các tổ chức sản xuất tập thể phải xuất phát từ yêu cầu phát triển sản xuất, đổi mới kỹ thuật, nâng cao hiệu quả kinh tế; phải thực hiện đúng nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ, không được dùng mệnh lệnh, gò ép.

Các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất cần *cải tiến cơ chế khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động, cải tiến công tác hạch toán và phân phôi thu nhập*, bảo đảm sản xuất, kinh doanh tập thể có hiệu quả và ngày càng đưa lại nhiều lợi ích hơn cho xã viên. Thực hiện hình thức góp cổ phần và phân phôi một phần giá trị làm ra theo cổ phần để có thêm vốn cho sản xuất tập thể. Khuyến khích các hộ xâ

viên bò vốn, bò sức lao động để thâm canh, tăng năng suất trên đất đai nhận khoán. Ở những nơi có diện tích bình quân đầu người cao, có thể giao khoán nhiều diện tích cho những hộ có nhiều lao động, có vốn và trình độ thâm canh. Những nơi đất nhiều, người ít có thể giao khoán cho các hộ sử dụng nhiều đất đai hơn trong thời gian tương đối dài để phát triển sản xuất theo quy hoạch và kế hoạch chung; hợp tác xã bảo đảm quyền thừa kế hoa lợi của các hộ trên đất đai được giao trong thời gian đó theo đúng quy định của Nhà nước.

Khuyến khích phát triển mạnh kinh tế gia đình: chăn nuôi, làm vườn, nuôi cá, làm nghề thủ công...; khuyến khích và giúp đỡ các gia đình phát triển chăn nuôi lợn, gia cầm và các gia súc ít dùng lương thực. Tuỳ theo điều kiện cụ thể của từng vùng mà quyết định chăn nuôi trâu bò tập thể hay giao lại cho từng gia đình, nhằm vừa khuyến khích phát triển chăn nuôi trâu bò gia đình, vừa bảo đảm sức kéo cho sản xuất tập thể. Để khuyến khích nhân dân phát triển đàn trâu bò, kể cả trâu bò sữa chung quanh các đô thị và các khu công nghiệp tập trung, cho phép mở rộng việc giao lưu trâu bò giữa các vùng và cho người nuôi được đưa sản phẩm vào bán tại các thành phố, khu công nghiệp. Củng cố các trung tâm giống để cung ứng giống tốt cho xã viên và phát triển các cơ sở chế biến thịt, sữa để chế biến cho cả nhân dân.

Khuyến khích các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất, cá thể, tư nhân và gia đình xã viên, công nhân, viên chức ở nông thôn, bò vốn đầu tư để phát triển nghề đánh bắt, nuôi trồng thuỷ, hải sản, chú trọng phát triển mạnh nghề nuôi tôm xuất khẩu; phát triển cây công nghiệp, nhất là trồng cà phê, hồ tiêu, dừa...; phát triển ngành, nghề tiểu thủ công nghiệp và vận tải nông thôn dưới nhiều hình thức, kể cả hình thức hùn vốn, liên doanh... Nhà nước tập trung đầu tư để từng bước hình thành những vùng chuyên canh có sản lượng hàng hoá lớn, ổn định, chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường thế giới; xây dựng các cụm chế biến nông, lâm, thuỷ sản quy mô vừa và nhỏ chịu trách nhiệm chế biến cho cả vùng và liên vùng.

Thực hiện cơ chế *kinh doanh rừng* một cách tổng hợp, xoá bỏ bao cấp, thực hiện phương châm "lấy rừng phát triển rừng, có tích luỹ và ngày càng làm giàu vốn rừng". Đầu tư thích đáng và động viên mọi thành phần, mọi tầng lớp nhân dân đẩy mạnh phong trào trồng cây gây rừng, nhất là các cây nguyên liệu cho sản xuất giấy, sợi, trụ mỏ, lấy gỗ, làm củi. Thực hiện việc giao đất, giao rừng cho các tập thể và hộ gia đình một cách lâu dài có bảo đảm quyền thừa kế sử dụng hoa lợi, làm cho rừng nào cũng có người chăm sóc. Người bảo vệ và trông nom rừng được hưởng lợi ích tương ứng với công sức đóng góp. Đối với rừng do người lao động bò vốn, công sức trồng, Nhà nước mua sản phẩm theo giá thoả thuận. Tổ chức tốt lực lượng khai thác, chế biến lâm sản; ứng dụng kỹ thuật tiến bộ để tận dụng gỗ cành, ngọn; ngâm tắm để nâng cao giá trị sử dụng gỗ. Thực hiện nông - lâm kết hợp để sử dụng có hiệu quả đất trống, đồi trọc. Nghiên cứu và thực hiện những chính sách và biện pháp đồng bộ nhằm xoá bỏ những nguồn gốc gây ra nạn phá rừng. Thực hiện nghiêm ngặt những quy định của Nhà nước về bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sống. Xây dựng mối quan hệ tốt giữa nông trường, lâm trường với dân tại chỗ, nhất là với đồng bào dân tộc ở địa phương.

Đối với kinh tế tập thể, gia đình, cá thể, tư nhân, Nhà nước quản lý bằng các biện pháp đồng bộ, trong đó *biện pháp kinh tế là chủ yếu*, thông qua hợp đồng kinh tế bán vật tư, mua sản phẩm; có các chính sách giá, thuế, đầu tư, tín dụng thích hợp; tổ chức tốt liên kết kinh tế giữa quốc doanh - tập thể - gia đình - cá thể - tư nhân dưới nhiều hình thức đa dạng và phong phú dựa trên cơ sở tự nguyện, trong đó quốc doanh đóng vai trò chủ đạo và nòng cốt để hướng dẫn các loại hình kinh tế này sản xuất, kinh doanh theo đúng quy hoạch, kế hoạch nhà nước.

Sửa đổi chính sách thuế nông nghiệp cho hợp lý hơn; xác định lại mức thuế đối với vùng cây lương thực, trước mắt thực hiện đúng mức thuế 10% và ổn định mức thuế đó đến

năm 1990; sửa lại mức thuế đối với cây công nghiệp ngắn ngày và dài ngày, thuế vườn cây ăn quả...; cấm các hình thức phụ thu quá đắt đối với nông dân (Nhà nước sẽ có quy định cụ thể); thực hiện các chính sách kinh tế khuyến khích tăng vụ, mở thêm diện tích như miễn thuế trong mấy năm đầu, cho vay tín dụng ngân hàng với lãi suất thấp.

Củng cố và tăng cường các nông trường quốc doanh, lâm trường quốc doanh, quốc doanh thuỷ, hải sản và các cơ sở kinh tế quốc doanh khác trong nông, lâm, ngư nghiệp để làm tốt nhiệm vụ sản xuất, chế biến và dịch vụ cho các loại hình kinh tế khác. Các cơ sở quốc doanh nông, lâm, ngư nghiệp phải chuyển sang kinh doanh có hiệu quả, chấm dứt tình trạng lỗ kéo dài. Các cơ sở quốc doanh lỗ kéo dài, không có khả năng kinh doanh có hiệu quả, phải giải thể hoặc chuyển sang các hình thức sở hữu khác thích hợp. Đối với đất đai đã quy hoạch nhưng chưa sử dụng hết, sau một thời gian quy định, các cơ sở kinh tế quốc doanh phải giao lại cho hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và nhân dân sử dụng để sản xuất.

Có chính sách *khuyến khích nước ngoài đầu tư vốn vào phát triển nông, lâm, ngư nghiệp*; thực hiện tốt các hiệp định hợp tác với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác về trồng cao su, cà phê, chè, dừa, rau quả... Nhà nước giao toàn bộ vật tư, thiết bị hợp tác cho các tổng công ty, liên hiệp xí nghiệp phụ trách ngành hàng trực tiếp quản lý và sử dụng vào việc sản xuất, kinh doanh theo kế hoạch hợp tác. Các tổng công ty và liên hiệp xí nghiệp chủ động bố trí kế hoạch, tổ chức liên kết giữa quốc doanh, tập thể, cá thể, tư nhân, nhằm bảo đảm thực hiện có hiệu quả các cam kết với nước ngoài và làm nghĩa vụ với Nhà nước trên cơ sở hạch toán kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về lỗ, lãi.

b) *Hàng tiêu dùng.*

Trong năm 1988 tăng 12,5% giá trị sản lượng hàng tiêu dùng so với năm 1987 và trong ba năm tới tăng bình quân hàng năm 13-15%.

- Đি đôi với việc thực hiện các hiệp định về gia công hợp tác sản xuất hàng tiêu dùng với nước ngoài, phải ưu tiên phát triển sản xuất các hàng tiêu dùng thiết yếu cho đời sống nhân dân, những sản phẩm đem lại nguồn thu lớn cho ngân sách và những mặt hàng nông dân có yêu cầu để trao đổi lấy lương thực, nông sản. Chú ý sản xuất nhiều loại hàng tiêu dùng, không để thiếu những hàng tiêu dùng thông thường và từng bước đáp ứng yêu cầu đa dạng của xã hội. Việc tăng sản lượng phải đi liền với nâng cao chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế, không ngừng đổi mới quy cách, mẫu mã, bảo đảm kỹ thuật và mỹ thuật của sản phẩm, hợp thị hiếu của người tiêu dùng. Đối với những mặt hàng quan trọng, phải có sự xác nhận chất lượng của cơ quan quản lý khoa học.

- Bằng nhiều biện pháp để có thêm vật tư, nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và sử dụng có hiệu quả số vật tư đó. Nhà nước ưu tiên bán vật tư, năng lượng cho các cơ sở sản xuất có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao, trước hết cho các cơ sở ở Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và một số thành phố khác. Đẩy mạnh khai thác các nguồn nguyên liệu trong nước bằng chính sách đầu tư và mua bán theo giá thoả thuận, bằng ký kết hợp đồng trực tiếp, bình đẳng giữa cơ sở sản xuất và cơ sở nguyên liệu, xoá bỏ trung gian không cần thiết, gây phiền hà, gán lợi ích người sản xuất nguyên liệu với cơ sở chế biến. Cho phép các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất có điều kiện trực tiếp ký hợp đồng về gia công, hợp tác sản xuất với các tổ chức kinh tế nước ngoài, vay ngoại tệ để nhập vật tư, nguyên liệu và trả lại bằng hàng xuất khẩu hoặc ngoại tệ. Khuyến khích Việt kiều đầu tư nguyên liệu, thiết bị, ngoại tệ cho sản xuất hàng tiêu dùng bằng nhiều hình thức khác nhau.

Triệt để tiết kiệm nguyên liệu, vật tư, năng lượng trên cơ sở cải tiến công nghệ, quản lý chặt các định mức kinh tế - kỹ thuật, cải tiến thiết kế sản phẩm, tổ chức tốt công tác vận chuyển, bảo quản. Tận dụng các loại nguyên liệu thứ cấp, thu gom, tái chế phế liệu, phế phẩm...

- Khai thác tiềm năng của mọi thành phần kinh tế ở cả thành thị và nông thôn, của các cơ sở kinh tế, kể cả xí nghiệp công nghiệp nặng, xí nghiệp quốc phòng để phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng tiêu dùng. Đi đôi với việc củng cố và phát triển kinh tế quốc doanh trở thành lực lượng chủ đạo, củng cố kinh tế tập thể, cần sớm *ban hành chính sách sử dụng và quản lý các thành phần kinh tế khác*, nhằm tạo thêm việc làm, thu hút tiền vốn để phát triển sản xuất, dịch vụ theo phương hướng và mục tiêu của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Tinh thần chủ yếu cần quán triệt là *thành phần nào sản xuất sản phẩm gì có lợi hơn thì phải phát huy đầy đủ tác dụng của thành phần ấy, đồng thời không ngừng củng cố và tăng cường thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa*.

+ Các xí nghiệp quốc doanh sản xuất hàng tiêu dùng và dịch vụ phải chuyển nhanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương ba để nâng cao hệ số sử dụng công suất, hiệu quả kinh tế, bảo đảm kinh doanh có lãi, tăng tích luỹ cho Nhà nước. Những xí nghiệp sản xuất, kinh doanh lỗ kéo dài, không có khả năng củng cố để làm ăn có lãi thì cơ quan quản lý trực tiếp phải quyết định giải thể hoặc chuyển sang các hình thức sở hữu khác.

+ Việc *tập thể hóa sản xuất* phải nhằm mục đích phát triển sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế và theo đúng nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, quản lý dân chủ. Nhà nước có chính sách khuyến khích người làm tiểu, thủ công nghiệp đi vào con đường làm ăn tập thể, bảo đảm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh của các cơ sở kinh tế tập thể và giúp đỡ các cơ sở này phát triển sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.

+ *Khuyến khích mọi công dân đầu tư vào sản xuất và dịch vụ công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, vận tải, phát triển khoa học - kỹ thuật* dưới các hình thức: cơ sở kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân, công ty tư nhân, tổ hợp, công tư hợp doanh và kinh tế gia đình của công nhân, viên chức, xã viên.

Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài và tác dụng tích cực của kinh tế gia đình, kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân sản xuất, dịch vụ; bảo hộ quyền sở hữu, quyền thừa kế tài sản và thu nhập hợp pháp của công dân trong các loại hình kinh tế này; thừa nhận tư cách pháp nhân và bảo đảm địa vị bình đẳng trước pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của họ; xoá bỏ mọi định kiến hẹp hòi và phân biệt đối xử về mặt chính trị và xã hội với họ và con cái họ.

Cho phép các cơ sở kinh tế tư nhân thuê mướn nhân công tuỳ thuộc vào quy trình công nghệ và hiệu quả kinh tế của cơ sở sản xuất, đồng thời bắt buộc các cơ sở tư nhân phải bảo đảm đầy đủ lợi ích người lao động và nghĩa vụ với Nhà nước theo đúng quy định của Nhà nước.

Nhà nước quản lý và hướng dẫn các cơ sở kinh tế này hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương hướng, quy hoạch và kế hoạch chung bằng các chính sách và luật pháp kinh tế; bằng phát huy ngày càng đầy đủ hơn vai trò chủ đạo và nòng cốt của thành phần kinh tế quốc doanh trong liên doanh, liên kết kinh tế, hướng dẫn kỹ thuật, cung ứng vật tư, tiêu thụ sản phẩm, thông qua hợp đồng kinh tế; bằng tăng cường kiểm tra và giám sát.

Các tổ chức kinh tế quốc doanh thực hiện liên doanh, liên kết kinh tế với các cơ sở tiểu, thủ công nghiệp tập thể, cá thể, tư nhân, gia đình theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi; mua bán với các cơ sở này theo nguyên tắc thuận mua vừa bán, khắc phục mọi biểu hiện cửa quyền, ép cấp, ép giá và các hiện tượng bất bình đẳng khác. Các bên liên kết, liên doanh đều có trách nhiệm và quyền lợi như nhau theo nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật.

Chính quyền tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được quyền cụ thể hóa các quy định của Nhà nước trung ương để vận dụng phù hợp với đặc điểm của địa phương.

- *Phát huy tiềm năng khoa học - kỹ thuật* để nâng cao hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có, khôi phục máy móc, thiết bị, cải tiến và đổi mới kỹ thuật, đổi mới công nghệ,

tổ chức lao động khoa học, sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguyên liệu, vật tư, năng lượng, nâng cao chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế, tạo ra những mặt hàng tiêu dùng mới có giá trị kinh tế và chất lượng cao.

Nâng cao kỹ thuật của tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp, kể cả những ngành, nghề thủ công truyền thống.

Tranh thủ nhập kỹ thuật và công nghệ hiện đại cho một số ngành chọn lọc, cho các cơ sở, kể cả cơ sở sản xuất tư nhân, cá thể có khả năng về ngoại tệ và sản xuất có hiệu quả.

Tăng cường quản lý kỹ thuật, có chế độ kiểm tra, đánh giá và giám định trình độ kỹ thuật công nghệ, định kỳ kiểm tra các định mức, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chất lượng sản phẩm ở các xí nghiệp.

c) *Phát triển mạnh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.*

Phát triển mạnh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, trước hết với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa khác trong Hội đồng tương trợ kinh tế. Tăng cường quan hệ kinh tế với Cộng hoà dân chủ Nhân dân Lào, Cộng hoà Nhân dân Campuchia trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và giúp đỡ lẫn nhau nhằm không ngừng củng cố khối liên minh đặc biệt giữa ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Mở rộng quan hệ kinh tế với các nước ngoài khu vực xã hội chủ nghĩa. *Phấn đấu thực hiện chỉ tiêu kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm 1986-1990 tăng 70% so với 5 năm trước.*

Trung ương thống nhất quản lý hoạt động xuất nhập khẩu và quan hệ kinh tế đối ngoại. Phân công, phân cấp hợp lý giữa các cấp, các ngành. Đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý ngoại thương và ngoại tệ theo hướng thu gọn đầu mối xuất nhập khẩu vào các công ty kinh doanh từng loại mặt hàng của Trung ương và của các địa phương trong từng khu vực. Bảo đảm hiệu quả kinh tế trong kinh doanh xuất nhập khẩu. Bảo đảm lợi ích thoả đáng của đơn vị và người làm hàng xuất khẩu. Giải quyết hợp lý lợi ích giữa các cơ sở, địa phương sản

xuất nguyên liệu và cơ sở, địa phương chế biến hàng xuất khẩu, xoá bỏ tình trạng tranh mua, tranh bán ở trong và ngoài nước. Nhà nước thống nhất quản lý ngoại tệ, chấm dứt việc mua bán và thanh toán trực tiếp bằng ngoại tệ ở trong nước giữa các đơn vị sản xuất, kinh doanh, giữa các địa phương; có chính sách bảo đảm quyền sử dụng ngoại tệ chính đáng của các ngành, địa phương và cơ sở; thực hiện cơ chế mua bán ngoại tệ qua ngân hàng ngoại thương.

Tổ chức lại sản xuất hàng xuất khẩu, tập trung vốn và vật tư vào những mặt hàng có hiệu quả kinh tế cao, những vùng chuyên canh, những mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Đưa nhanh kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất để nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu.

Khuyến khích mạnh người lao động trực tiếp sản xuất hàng xuất khẩu. Đối với những mặt hàng xuất khẩu quan trọng như cao su, cà phê, chè, lạc, hồ tiêu, thuỷ sản,... Trung ương cân đối các điều kiện vật chất và thực hiện mua, bán theo giá thoả thuận để nắm đại bộ phận sản phẩm. Các địa phương có cơ sở chế biến hàng xuất khẩu cần chỉ đạo các cơ sở này liên doanh, liên kết kinh tế với các cơ sở sản xuất nguyên liệu ở các địa phương khác để có nguyên liệu cho chế biến; chấm dứt tình trạng nơi này đặt giá cao để thu hút nguyên liệu của các nơi khác, gây hỗn loạn giá cả thị trường. Nhà nước ban hành thuế xuất, nhập khẩu nhằm bảo hộ sản xuất trong nước, khuyến khích xuất khẩu, nhập tư liệu sản xuất, không nhập hàng tiêu dùng trong nước đã sản xuất được và cấm hẳn nhập hàng xa xỉ.

- Trong hợp tác kinh tế với nước ngoài, thực hiện đầy đủ nguyên tắc các bên cùng có lợi, bảo đảm hiệu quả kinh tế và làm tốt việc chuyển giao kỹ thuật. Xây dựng quy hoạch và kế hoạch thống nhất, bảo đảm chỉ đạo tập trung, thực hiện quan hệ hợp tác trực tiếp ở ba cấp: Nhà nước, ngành và cơ sở bằng nhiều hình thức linh hoạt, phù hợp với từng mặt hàng và đối tượng hợp tác.

- Nghiên cứu sửa đổi cơ chế, chính sách và tổ chức quản lý tốt để mở rộng hợp tác lao động với nước ngoài bằng nhiều hình thức thích hợp.
 - Phát triển mạnh các dịch vụ thu ngoại tệ như du lịch, kiều hối, v.v..
 - Ban hành Luật Đầu tư và các văn bản pháp quy đồng bộ kèm theo.
 - Đổi mới chính sách và hoạt động của các ngành hải quan, nội vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng các quan hệ kinh tế với nước ngoài.
2. Để phục vụ ba chương trình kinh tế lớn, cần phát triển tương ứng một số ngành *công nghiệp năng và kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông vận tải*.
- Ngành *năng lượng*: Bảo đảm các nguồn năng lượng hiện có hoạt động bình thường. Tiếp tục đầu tư để bảo đảm huy động đúng tiến độ các nhà máy thuỷ điện Hoà Bình, Trị An, xây dựng các cơ sở thuỷ điện vừa và nhỏ. Thực hiện các biện pháp tích cực để bổ sung nguồn điện cho miền Trung; chuẩn bị xây dựng thuỷ điện Hàm Thuận, Sông Hinh, Ealy. Hoàn thành xây dựng các mỏ than Cao Sơn, Mạo Khê, Na Dương...; cải tạo các nhà sàng Cửa Ông, Hòn Gai để nâng cao chất lượng than. Bảo đảm kế hoạch khai thác dầu khí ở thềm lục địa phía nam, nghiên cứu mở rộng ra các vùng khác; nghiên cứu và triển khai sớm việc sử dụng nguồn khí đồng hành ở miền Nam; xúc tiến việc chuẩn bị xây dựng nhà máy lọc dầu và hoá dầu.
 - Sắp xếp lại và phân công hợp tác sản xuất *cơ khí*, bảo đảm yêu cầu cấp bách về sửa chữa và trang bị nông cụ, máy móc nông nghiệp, thiết bị chế biến nông sản, thiết bị và phụ tùng thông thường. Mở rộng và nâng cao chất lượng các mặt hàng kim khí tiêu dùng. Từng bước phát triển công nghiệp điện tử, kỹ thuật tin học, công nghiệp quốc phòng... Thực hiện hợp tác sản xuất cơ khí với Liên Xô, các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế và các nước khác.

- Về *công nghiệp nguyên liệu*, thực hiện các biện pháp để huy động hết công suất của Nhà máy supe phốt phát Lâm Thao, chuẩn bị mở rộng nhà máy. Hoàn thành cơ bản việc xây dựng khu mỏ apatít và nhà máy tuyển quặng vào cuối năm 1990. Đồng bộ hoá các Nhà máy xi măng Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, hoàn thành việc mở rộng Nhà máy xi măng Hà Tiên và các nhà máy luyện kim hiện có. Có chính sách khuyến khích khai thác mỏ nhỏ, huy động các nguồn tài nguyên khoáng sản phục vụ nguyên liệu cho sản xuất công, nông nghiệp và vật liệu xây dựng. Chuẩn bị hợp tác luyện kim màu với nước ngoài.
 - Tăng thêm đầu tư cho *giao thông vận tải*, thực hiện cơ chế *hạch toán kinh doanh*, từng bước xoá lỗ, tiến tới có lãi. Ban hành chế độ thu phí giao thông thuỷ, bộ. Huy động khả năng của mọi thành phần kinh tế để phát triển vận tải nông thôn, vận tải thô sơ, phát triển giao thông vận tải ở miền núi.
 - Chú trọng nâng cao chất lượng hoạt động *thông tin, bưu điện*; sử dụng tốt phương tiện hiện có, từng bước hiện đại hóa phương tiện thông tin, bưu điện.
3. Việc phân bổ vốn *đầu tư xây dựng cơ bản* và nguồn vật tư, thiết bị cũng phải theo đúng phương hướng bố trí cơ cấu kinh tế và tương ứng với mục tiêu, chỉ tiêu đã định.
- Trong năm 1988, *bố trí mức đầu tư ít nhất bằng khối lượng đầu tư xây dựng cơ bản năm 1987*; các năm sau, mỗi năm tăng ít nhất 8-10%. Tập trung đúng mức vốn đầu tư cho ba chương trình kinh tế. Sử dụng tuyệt đại bộ phận vốn đầu tư cho các công trình chuyển tiếp, đầu tư chiều sâu và đồng bộ hoá. Chú ý đầu tư thoả đáng hơn cho miền núi, biên giới. Dành một phần vốn đầu tư cho việc chuẩn bị các công trình cần thiết sẽ xây dựng trong 5 năm 1991-1995.
 - Ngoài vốn của Nhà nước, bằng nhiều hình thức, huy động rộng rãi nguồn vốn của các thành phần kinh tế, của nhân dân, của Việt kiều và tạo mọi điều kiện để vay vốn dài hạn của nước ngoài cho công cuộc xây dựng kinh tế.

- Dành phần lớn vật tư, đặc biệt là vật tư nhập khẩu, phục vụ cho ba chương trình kinh tế.
 - Coi trọng chất lượng công trình và triệt để tiết kiệm trong xây dựng cơ bản.
 - Hội đồng Bộ trưởng sớm đánh giá và có biện pháp xử lý kịp thời những thiết bị toàn bộ nhập khẩu đang tồn kho.
- 4. Thực hiện tốt các chính sách xã hội, gắn chính sách xã hội với chính sách kinh tế**

Các chính sách kinh tế rút cuộc nhằm mục đích giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Những tiến bộ kinh tế phải thể hiện trong việc cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Mặt khác, thực hiện tốt các chính sách xã hội để thúc đẩy sản xuất và phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế.

Đặc biệt quan tâm tạo thêm việc làm cho nhân dân, nhất là ở Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các khu công nghiệp tập trung, trước hết là cho quân nhân xuất ngũ và cho thanh niên bước vào tuổi lao động. Chủ yếu là sử dụng lao động tại chỗ; đồng thời có quy hoạch, kế hoạch và chính sách đưa người đi xây dựng các vùng kinh tế mới đi đôi với phân bổ lại sản xuất và dân cư giữa các vùng; mở rộng việc hợp tác lao động với nước ngoài.

Các hoạt động *giáo dục, y tế, văn hoá, thông tin, thể dục thể thao...* đều phải được tăng cường thích đáng về cơ sở vật chất kỹ thuật và nâng cao chất lượng hoạt động, hướng vào phục vụ thực hiện ba chương trình kinh tế, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, góp phần tích cực vào việc ổn định và lành mạnh hoá tình hình kinh tế, xã hội.

5. Cùng với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội, phải đáp ứng tốt các nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Phải tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, giữ gìn tốt trật tự và an toàn xã hội. Kết hợp kinh tế với quốc phòng; sử dụng có hiệu quả lực lượng quân đội và các cơ sở sản xuất quốc

phòng tham gia tích cực và có hiệu quả vào công cuộc xây dựng kinh tế.

6. Đổi mới cơ chế kế hoạch hoá và các chính sách phân phối lưu thông

Trong năm 1988, phải tập trung đổi mới một bước cơ chế kế hoạch hoá và các chính sách phân phối lưu thông.

a) Về kế hoạch hoá:

Tiếp tục hoàn thiện và kịp thời thể chế hoá nội dung cơ chế kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân đã ghi trong Nghị quyết Đại hội VI và Nghị quyết Trung ương ba theo hướng hạn chế phần kế hoạch pháp lệnh đến mức tối thiểu cần thiết, mở rộng phần kế hoạch hoá gián tiếp, bảo đảm chế độ tự chủ sản xuất kinh doanh của các đơn vị kinh tế cơ sở và các tổ chức kinh tế.

b) Về chính sách phân phối lưu thông:

Thực hiện những mục tiêu và định hướng của Nghị quyết Hội nghị Trung ương hai, trong năm 1988 kiên quyết chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa bằng những bước đột phá, vững chắc, có hiệu quả thiết thực trên cơ sở những phương án đồng bộ, có thí điểm, nhằm tiến tới ổn định tình hình phân phối lưu thông, thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, cung cấp và mở rộng kinh tế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mối quan hệ công - nông, quan hệ tích luỹ - tiêu dùng, bảo đảm ba lợi ích.

Năm 1988, cần thực hiện những chủ trương sau đây:

- Về giá: nói chung, sớm thực hiện cơ chế một giá kinh doanh. Song phải kiên quyết đấu tranh từng bước ổn định vật giá bằng mọi biện pháp: cung cấp tổ chức và mở rộng trận địa thương nghiệp xã hội chủ nghĩa; thương nghiệp quốc doanh tăng cường nắm hàng, chuyển mạnh sang kinh doanh, vươn lên làm chủ thị trường; sắp xếp, tổ chức lại, quản lý và sử dụng tốt tiểu thương; tích cực sử dụng và cải tạo tư sản thương nghiệp bằng những hình thức thích hợp; kiên quyết đấu tranh với những kẻ sản xuất và buôn bán hàng giả, kinh

doanh trái phép; nghiêm trị bọn đầu cơ, buôn lậu, phá rối thị trường và giá cả; sử dụng tổng hợp mọi biện pháp kinh tế, giáo dục, hành chính và tổ chức, tạo thành phong trào quần chúng tham gia quản lý thị trường và chống tiêu cực.

Theo nguyên tắc sớm thực hiện cơ chế một giá kinh doanh trên đây, giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng hướng dẫn giá và phương thức mua lương thực, bán vật tư cho nông dân, không được ép cấp, ép giá, bảo đảm quyền lợi của người sản xuất; hướng dẫn giá bán lương thực, bảo đảm quyền lợi chính đáng của người tiêu dùng.

Các xí nghiệp công nghiệp quốc doanh sản xuất tư liệu sản xuất cũng như sản xuất tư liệu tiêu dùng đều phải *tính đúng, tính đủ* giá vật tư, nguyên liệu, năng lượng đưa vào sản xuất trên cơ sở định mức kinh tế kỹ thuật trung bình tiên tiến; mặt khác phải đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ và kỹ thuật, tổ chức hợp lý hóa sản xuất, loại bỏ những chi phí bất hợp lý, *bảo đảm sản xuất kinh doanh không lỗ và có lãi mà không làm đội giá đang hình thành thực tế trên thị trường vào thời điểm xí nghiệp bán hàng ra*. Nói chung, Nhà nước không dùng vốn ngân sách bù lỗ cho sản xuất, kinh doanh. Đối với một số tư liệu rất cần thiết cho nền kinh tế quốc dân mà điều kiện sản xuất còn khó khăn và một số hàng tiêu dùng có tính chất xã hội, Nhà nước chỉ trợ giá trong một thời gian nhất định và trợ giá chủ yếu cho đơn vị và người trực tiếp sử dụng. Riêng đối với một số ít tư liệu sản xuất mà xí nghiệp trong nước làm ra còn đội giá thị trường, thì Nhà nước hoặc cho phép điều chỉnh giá lên, hoặc tạm thời cho trợ giá trong một thời gian.

Giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo Hội đồng Bộ trưởng quyết định cụ thể *tỉ giá* đồng tiền Việt Nam so với đồng rúp, đồng đôla và các đồng ngoại tệ khác theo nguyên tắc căn cứ vào giá thị trường trong nước, thị trường quốc tế, quan hệ xuất nhập khẩu, khắc phục bao cấp qua giá, thu hẹp dần, tiến tới xoá bỏ bù lỗ từ ngân sách cho xuất nhập khẩu, không để tỉ giá

quá thấp như hiện nay. Thực hiện thu bù chênh lệch ngoại thương, bảo đảm xuất nhập khẩu không bị lỗ, tiến tới có lãi. Đổi mới *cơ chế định giá và quản lý giá*. Nhà nước trung ương định mức giá hoặc khung giá những vật tư, hàng hoá và dịch vụ trọng yếu nhất của nền kinh tế quốc dân. Chính quyền tỉnh, thành chỉ đạo, hướng dẫn giá đối với những mặt hàng trọng yếu sản xuất và tiêu dùng trong phạm vi địa phương. Giao quyền cho các cơ sở sản xuất kinh doanh thoả thuận với người tiêu thụ để định mức giá các loại vật tư, hàng hoá khác theo nguyên tắc thuận mua, vừa bán.

- Về lương:

Giảm bớt khó khăn về đời sống của người ăn lương, và tích cực khắc phục những bất hợp lý mới phát sinh trong đợt tính lại tiền lương tháng 10-1987, xoá bỏ ba hệ số lương, khôi phục phụ cấp khu vực, phụ cấp thâm niên cho một số ngành, nghề, v.v..

Trong khu vực sản xuất vật chất, gắn tiền lương của công nhân, viên chức với hiệu quả sản xuất, kinh doanh của xí nghiệp và kết quả tăng năng suất lao động của cá nhân, trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật và đơn giá lương được xác định đúng đắn; Nhà nước không khống chế mức thu nhập tối đa và có biện pháp điều tiết những thu nhập quá cao theo tinh thần và nội dung Nghị quyết Trung ương ba, đồng thời cũng không sử dụng ngân sách để bù lương cho những xí nghiệp sản xuất kinh doanh kém. Làm thủ và tiến tới mở rộng việc thực hiện chế độ xí nghiệp chịu trách nhiệm trả lương trên cơ sở thu nhập của xí nghiệp (bao gồm cả quỹ lương và phần lợi nhuận để lại cho xí nghiệp).

Nhà nước có chế độ phụ cấp thích đáng đối với cán bộ, nhân viên hoạt động trong các ngành giáo dục, y tế, văn hoá và cho phép các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá làm việc tập thể thêm ngoài giờ để phục vụ nhân dân, tăng thêm thu nhập. Có chính sách khuyến khích chuyển hoạt động của phần lớn cơ sở nghiên cứu, thực nghiệm khoa học, kỹ thuật gắn với các cơ sở sản xuất kinh doanh, thực hiện hạch toán kinh doanh,

để phát huy khả năng nghiên cứu ứng dụng và tăng thêm thu nhập chính đáng cho đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật. Đối với khu vực hành chính, dựa trên cơ sở tinh giản biên chế, tăng thu của ngân sách và triệt để tiết kiệm chi tiêu hành chính mà từ nay đến năm 1990 từng bước khôi phục mức lương thực tế tháng 9-1985.

Trong khi giải quyết tiền lương theo hướng quán triệt thêm một bước nguyên tắc phân phối theo lao động, phải đặc biệt quan tâm đời sống của lực lượng vũ trang, trước hết ở các vùng biên giới, hải đảo.

Phải giải quyết tốt các chính sách xã hội, chăm sóc tốt hơn đời sống của những cán bộ hoạt động lâu năm, những thương binh, bệnh binh nặng, những người về hưu, các gia đình công nhân, viên chức có đồng người ăn theo, v.v..

Khẩn trương nghiên cứu phương án cải cách cơ bản chế độ tiền lương; tách chính sách xã hội ra khỏi chính sách lương; tăng tỷ lệ trích lập quỹ bảo hiểm xã hội, từng bước tách quỹ bảo hiểm xã hội ra khỏi nguồn chi ngân sách.

- Về ngân sách:

Phấn đấu giảm tỷ lệ bội chi ngân sách so với năm 1987 trên cơ sở tăng thu (thu đúng, thu đủ theo chính sách), chống thất thu; hạn chế, tiến tới chấm dứt phát hành tiền mặt để bù cho bội chi ngân sách. Từng bước giảm mạnh, tiến tới xoá bỏ bù lỗ, bù giá từ ngân sách nhà nước. Cải tiến chính sách thuế, bổ sung những loại thuế thích hợp nhằm khuyến khích sản xuất, hướng dẫn lưu thông, tăng thu nhập ngân sách, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối thu nhập, hướng dẫn tiêu dùng hợp lý.

Sửa đổi ngay chế độ phân cấp ngân sách nhà nước theo nguyên tắc: thực hiện việc điều hành thống nhất hệ thống ngân sách nhà nước trong phạm vi cả nước trên cơ sở phân biệt giữa chức năng quản lý nhà nước về kinh tế của các cấp chính quyền và chức năng quản lý sản xuất kinh doanh; bảo đảm lợi ích hài hoà giữa trung ương, địa phương và cơ sở; thực hiện một chính sách thu chi thống nhất có khuyến

khích thoả đáng đối với các địa phương, tăng được nguồn thu cho ngân sách; không phân biệt xí nghiệp trung ương hay xí nghiệp địa phương về nghĩa vụ đối với Nhà nước. Ngành tài chính và uỷ ban nhân dân cấp tỉnh, thành có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện tốt các khoản thu từ các xí nghiệp quốc doanh trên phạm vi lãnh thổ và những khoản thu từ kinh tế tập thể, tư nhân và cá thể. Đồng thời chỉ đạo thực hiện các khoản chi đã được quy định trong ngân sách.

- Về tiền tệ: Thực hiện có hiệu quả kinh doanh tiền tệ, tín dụng (kẽm bạc, vàng, đá quý, ngoại tệ...) và các dịch vụ ngân hàng. Nhanh chóng thành lập các ngân hàng chuyên nghiệp cần thiết (ngân hàng phát triển nông nghiệp, ngân hàng công thương nghiệp...) để thực hiện kinh doanh thực sự.

Tăng nhanh vòng quay đồng tiền qua ngân hàng. Bảo đảm đáp ứng nhu cầu về tiền mặt cho sản xuất, kinh doanh. Cải tiến phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. Tăng cường quản lý tiền mặt. Kiên quyết chống lạm phát qua tài chính và tín dụng.

Tách ngân hàng phát hành với ngân hàng kinh doanh. Lập kho dự trữ tiền, vàng, bạc, đá quý của Nhà nước. Việc phát hành phải do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng quyết định và trong trường hợp phải phát hành thêm một khối lượng tiền lớn phải do Bộ Chính trị quyết định.

- Từ đầu năm 1988, các ngành thương nghiệp, lương thực, vật tư, ngân hàng, xuất nhập khẩu... phải chuyển sang kinh doanh thực sự; giảm chi phí lưu thông; loại trừ tình trạng lộn xộn trong hoạt động xuất nhập khẩu, trong liên kết, liên doanh; xoá bỏ những khâu trung gian không cần thiết; thực hiện tự bù đắp, tự chịu trách nhiệm, tự trang trải vốn và có lãi nộp ngân sách.

7. Mở rộng dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa

Không ngừng mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, *bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân* thông qua việc thực hiện đầy đủ chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của mọi loại cơ sở, phát huy hiệu lực của các cơ quan dân cử, đấu tranh khắc phục có hiệu quả tình trạng cửa quyền, ức hiếp quần chúng, thực hiện đúng chủ trương: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Xây dựng nhanh các pháp chế kinh tế và pháp luật mới, xoá bỏ các luật lệ, chế định đã lỗi thời. Tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân thi hành pháp luật. Các cơ quan nhà nước tăng cường kiểm tra thi hành pháp luật và kịp thời nghiêm trị mọi hành động phạm pháp, để lập lại kỷ cương, trật tự trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và trong sinh hoạt xã hội.

8. *Riêng đối với miền núi*, cần có các hội nghị chuyên đề để cụ thể hoá các chính sách kinh tế - xã hội nói trên phù hợp với đặc điểm riêng của miền núi, đặc biệt là các vùng miền núi phía bắc và Tây Nguyên.

III- VỀ CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. *Nhanh chóng xây dựng cơ chế quản lý đồng bộ và thể chế hoá các quyết định của Đảng*

Xây dựng, bổ sung và cụ thể hoá các chính sách khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh, nâng cao hiệu quả kinh tế trong nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành kinh tế khác. Xây dựng cơ chế quản lý đối với nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

Ban hành các văn bản pháp quy nhằm thể chế hoá và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) về cơ chế quản lý đối với xí nghiệp quốc doanh và các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế (ngoài quốc doanh) mở rộng sản xuất, kinh doanh. Thực hiện đúng đắn Nghị quyết Trung ương hai: gấp rút bổ sung chính sách giá cả, tiền lương; quản lý công tác xuất nhập khẩu, du lịch, hải quan, quản lý ngoại tệ; chuyển ngay các hoạt động của tổ chức vật tư, lương thực, nội thương, ngoại thương, dịch vụ nông nghiệp, giao thông vận tải, ngân hàng sang hạch toán - kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Xem xét lại các luật lệ hiện hành, xây dựng các chính sách, chế độ nhằm khuyến khích các hoạt động văn hoá xã hội, kích thích sự say mê sáng tạo và hứng thú nghề nghiệp, gắn trách nhiệm với vinh dự và quyền lợi.

Sớm ban hành các văn bản pháp quy nhằm thể chế hoá và hướng dẫn thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba, lần thứ tư của Trung ương Đảng (khoá VI).

2. Trong năm 1988, *thực hiện một bước quan trọng chấn chỉnh bộ máy đảng, bộ máy quản lý nhà nước các cấp và bộ máy sản xuất, kinh doanh*

Định rõ chức năng quản lý nhà nước về kinh tế của các bộ, các cấp chính quyền địa phương; *chuyển nhanh các bộ, uỷ ban nhân dân sang làm chức năng quản lý nhà nước về kinh tế*, giao lại đầy đủ quyền hạn và trách nhiệm cho các tổ chức và các cơ sở kinh tế trong việc trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Dựa trên cơ sở xác định rõ chức năng của từng tổ chức trong cơ chế "Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý" mà chấn chỉnh tổ chức, tinh giản bộ máy đảng, các cơ quan nhà nước và các đoàn thể từ trung ương đến tỉnh, thành, quận, huyện, cơ sở. Ở Trung ương, giảm số ban, bộ, tổng cục đi đôi với kiện toàn các cơ quan kinh tế tổng hợp như: kế hoạch, tài chính, kinh tế đối ngoại... Ở cấp tỉnh, thành, giảm bớt số ban, sở và đơn vị trực thuộc uỷ ban nhân dân, không nhất thiết ở Trung ương có ban, bộ nào thì ở cấp tỉnh, thành cũng có ban, sở ấy. Đặc biệt ở cấp huyện, phải sắp xếp lại để tinh giản bộ máy quản lý hành chính và các tổ chức kinh doanh.

Hệ thống quản lý sản xuất, kinh doanh phải tổ chức lại bộ máy quản lý cho gọn nhẹ, tinh giản triệt để bộ phận hành chính, chuyển số người dôi ra trong bộ máy quản lý sang trực tiếp sản xuất.

Sắp xếp gọn và hợp lý các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học, các trường đại học, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.

Trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, phải giảm mạnh biên chế nhà nước, bố trí lại cán bộ có năng lực và phẩm chất bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ. Trong năm 1988, trước hết phải soát xét và bố trí lại những cán bộ chủ chốt của những cơ quan và những tổ chức kinh tế quan trọng; kiên quyết không vì cảm tình, nể nang mà không kịp thời thay thế những cán bộ không đủ sức đảm đương công việc hoặc đã mất phẩm chất, đạo đức.

Xúc tiến công tác quy hoạch cán bộ. Bồi dưỡng, đào tạo và chuẩn bị gấp lớp cán bộ kế cận vững vàng về chính trị, có phẩm chất đạo đức, có trình độ, kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn.

3. Công tác tư tưởng của Đảng, của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, của các cơ quan nhà nước và của các đoàn thể quần chúng phải gắn chặt với việc thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội. Năm vững nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng là đổi mới tư duy, nâng cao phẩm chất của cán bộ, đảng viên và nhân dân, khắc phục tư tưởng bảo thủ, đồng thời ngăn ngừa những biểu hiện nôn nóng, đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực. Tăng cường công tác tổng kết thực tiễn, công tác lý luận để cụ thể hóa và hoàn chỉnh quan điểm đổi mới của Đại hội VI, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng cương lĩnh và chiến lược kinh tế - xã hội, các chính sách của Đảng. Phải mở rộng và nâng cao tính dân chủ, tính công khai, tính chân thật, tinh thần phê bình và tự phê bình trong các hoạt động tư tưởng. Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng, của hệ thống các trường đảng, của các hoạt động văn hoá, văn nghệ, của công tác tuyên truyền miệng. Phải coi trọng ý kiến của cán bộ, nhân dân và dư luận xã hội trong quá trình nghiên cứu cũng như thực hiện các chính sách, thực hiện "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Phải huy động được toàn Đảng, toàn thể bộ máy, trước hết là cán bộ lãnh đạo các cấp của Đảng, của đoàn, của cơ quan nhà nước, của các đơn vị sản xuất kinh doanh và của các đoàn thể, thường xuyên làm công tác tư tưởng, đưa tiếng nói của Đảng đến người lao động.

4. Đẩy mạnh sản xuất, thực hành triệt để tiết kiệm. Khắc phục các hiện tượng tiêu cực, thực hiện công bằng xã hội, trước hết trong phân phối thu nhập, kiên quyết chống tham ô, móc ngoặc, tệ tham nhũng, lợi dụng chức quyền để kiếm thu nhập không chính đáng; nghiêm trị tình trạng vô trách nhiệm gây lãng phí và thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân. Thiết lập trật tự, kỷ cương xã hội; phổ biến sâu rộng luật pháp và xây dựng lối sống theo pháp luật. Các vụ, việc đã phát hiện phải được xử lý nghiêm minh và kịp thời, thực hiện đúng nguyên tắc mọi người đều bình đẳng trước pháp luật.

5. Gắn việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội với cuộc vận động làm sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng, của bộ máy nhà nước và làm lành mạnh các quan hệ xã hội; động viên cán bộ, đảng viên, công nhân, nông dân và trí thức thi đua lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, đổi mới quản lý, cải tiến kỹ thuật, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ở mọi cấp, mọi ngành, mọi cơ sở, *tạo thành phong trào quần chúng hành động cách mạng sôi nổi và thiết thực.*

*

* * *

Hội nghị toàn thể lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) tin tưởng rằng, toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhất định xoay chuyển được tình hình kinh tế - xã hội của nước ta phát triển theo hướng tốt. Với truyền thống yêu nước nồng nàn, yêu chủ nghĩa xã hội tha thiết, với niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, với ý chí cách mạng kiên cường không lùi bước trước bất cứ khó khăn, thử thách nào,

nhân dân ta nhất định thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ba năm 1988-1990 và năm 1988.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG Bí THƯ

NGUYỄN VĂN LINH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VI)

Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong ba năm 1988 - 1990 và năm 1988

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) họp từ ngày 8-12-1987 đến ngày 17-12-1987, tại Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã đọc lời khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Hội nghị đã kiểm điểm một năm lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI) và đã quyết định phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ba năm 1988-1990 và năm 1988. Hội nghị nhất trí nhận định rằng trong năm 1987, toàn Đảng, toàn dân ta đã bắt đầu chuyển hướng các mặt hoạt động theo nội dung đổi mới của Đại hội VI. Các Nghị quyết hội nghị lần thứ hai và ba của Trung ương, Nghị quyết Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, của bộ máy nhà nước và làm lành mạnh các quan hệ xã hội, chủ trương đổi mới và tăng

cường quan hệ hợp tác về kinh tế với Liên Xô anh em cùng nhiều chủ trương khác của Đảng, của Nhà nước đã định hướng cho việc giải quyết nhiều vấn đề kinh tế - xã hội. Chuyển biến bước đầu trong sự lãnh đạo của Trung ương Đảng và hoạt động của Nhà nước cùng với sự năng động của các ngành địa phương, cơ sở, sự nỗ lực phấn đấu của mọi tầng lớp nhân dân đã tạo ra những nhân tố tích cực mới, đã đem lại những kinh nghiệm tốt để năm 1988 chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo những bước đi vững chắc nhằm đẩy mạnh sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, từng bước ổn định tình hình kinh tế - xã hội và giảm bớt khó khăn về đời sống nhân dân. Hội nghị Trung ương cho rằng: những chuyển biến tiến bộ và những nhân tố tích cực trên có ý nghĩa quan trọng nhưng có tính chất bộ phận, chưa vững chắc. Tình hình kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn gay gắt. Sản xuất lương thực sút kém, lương thực vẫn thường xuyên thiếu; tốc độ phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chậm lại; thu nhập quốc dân tính bình quân theo đầu người giảm; thu ngân sách không đủ chi, vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Nhà nước giảm. Công tác quản lý có nhiều khuyết điểm; hiệu quả sản xuất, kinh doanh thấp, tài sản xã hội chủ nghĩa bị lãng phí, mất mát lớn, tình hình phân phối lưu thông vẫn rối ren, giá cả thị trường vẫn ở mức cao; tiền lương thực tế giảm sút, số người không có việc làm vẫn nhiều; tiêu cực xã hội còn nghiêm trọng.

Tình hình trên đây có những nguyên nhân chủ quan và khách quan sâu xa mà Đại hội VI của Đảng đã phân tích. Những sai lầm về chỉ đạo có tính chiến lược về kinh tế trong hơn chục năm qua để lại những khó khăn quá lớn; bước vào năm 1987, quan hệ cung - cầu càng mất cân đối nghiêm trọng trên nhiều mặt; thiên tai lại xảy ra trên quy mô lớn trong cả nước.

Về lãnh đạo và chỉ đạo tổ chức thực hiện, trong năm 1987, có những khuyết điểm lớn là: không kịp thời có những chủ trương và biện pháp đúng đắn nhằm sắp xếp và tổ chức lại nền kinh tế quốc dân để phát triển mạnh nền sản xuất hàng hoá xã hội chủ nghĩa theo hướng tập trung cho ba chương trình kinh tế lớn, trước hết cho chương trình lương thực - thực phẩm. Các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng hoá ban hành chậm. Các chính sách đối với nông dân và chủ trương chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa được đề ra trong Nghị quyết Trung ương hai chưa được thực hiện tốt. Việc cụ thể hoá các chủ trương về giá, lương, tài chính, tiền tệ làm chậm, có mặt chưa được tính toán chu đáo, có những biện pháp còn nửa vời nên chưa thúc đẩy và tạo thuận lợi cho sản xuất hàng hoá phát triển; chưa quan tâm đúng mức lãnh đạo phát triển khoa học - kỹ thuật gắn liền với sản xuất, chưa chú trọng gắn đổi mới cơ chế quản lý kinh tế với việc mở rộng dân chủ và đề cao pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tình trạng vừa tập trung quan liêu, thiếu dân chủ vừa phân tán, cục bộ, thiếu kỷ luật đã hạn chế việc triển khai thực hiện các Nghị quyết đúng đắn của Đảng.

Công tác tư tưởng, công tác tổ chức và cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng và hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước. Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Hội đồng Bộ trưởng chịu trách nhiệm về tình hình chậm chuyển biến, đồng thời các cấp, các ngành cũng có trách nhiệm của mình, cần nghiêm túc kiểm điểm để sửa chữa.

Cần đánh giá đúng những nhân tố tích cực và triển vọng của tình hình để vững vàng, tin tưởng đi tới. Đồng thời, thấy đúng mức những khó khăn, đề cao tinh thần trách nhiệm, tìm ra những giải pháp đúng đắn, động viên mọi ngành, mọi cấp, mọi người trong cả nước gian khổ phấn đấu, cân kiêm lao động sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế, vượt qua khó khăn, vững bước tiến lên.

Hội nghị Trung ương xác định trong ba năm 1988 - 1990 phấn đấu thực hiện bằng được mục tiêu *ổn định một bước quan trọng tình hình kinh tế - xã hội*, chuẩn bị điều kiện thuận lợi cho việc phát triển kinh tế - xã hội trong các năm sau.

Để thực hiện mục tiêu trên điều quyết định là phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng hoá, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, trước hết tập trung sức thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, đặc biệt là chương trình lương thực - thực phẩm. Những biện pháp chủ yếu là: chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa; đẩy mạnh áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật; có chính sách và pháp luật quản lý đúng đắn các thành phần kinh tế nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất, tạo được phong trào lao động sáng tạo của quần chúng trên cơ sở giải quyết hài hoà các lợi ích; đổi mới tổ chức và cán bộ.

Kế hoạch kinh tế - xã hội trong ba năm tới phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

Một là, giải quyết nhu cầu cơ bản về lương thực, hàng tiêu dùng thiết yếu và các nhu cầu bức thiết khác về đời sống của nhân dân lao động. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu, thực hiện đúng các cam kết quốc tế, mở rộng quan hệ kinh tế với Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa và các nước khác, đồng thời phát triển một số ngành công nghiệp nặng then chốt, làm tốt nhiệm vụ giao thông vận tải nhằm phục vụ đắc lực cho các nhiệm vụ trên...

Hai là, chuyển mạnh các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo những bước đi vững chắc,

nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh, thực hành triệt để tiết kiệm, phân phối hợp lý thu nhập quốc dân, ổn định dần tình hình phân phối lưu thông, bảo đảm đời sống của người lao động và bước đầu tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế quốc dân; hạn chế lạm phát.

Ba là, tăng cường kinh tế quốc doanh và kinh tế tập thể, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế khác trong sản xuất và phục vụ đời sống, gắn với tổ chức lại và quản lý tốt nền kinh tế, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng những hình thức và bước đi thích hợp theo đúng quan điểm mới của Đại hội VI.

Bốn là, tạo việc làm cho người lao động; thực hiện một bước quan trọng việc làm lành mạnh các quan hệ xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, xây dựng cuộc sống văn minh và công bằng xã hội.

Năm là, đáp ứng nhu cầu quốc phòng và an ninh.

Sáu là, chuẩn bị cho kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 1991-1995.

Hội nghị chỉ rõ: Năm 1988 có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc thực hiện những mục tiêu của ba năm còn lại 1988-1990, phải tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trên các mặt và đạt *những nhiệm vụ* sau đây:

Giải quyết tốt vấn đề lương thực - thực phẩm, tăng hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Triển khai có hiệu quả các chương trình hợp tác kinh tế với Liên Xô và mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại.

Chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sản xuất, kinh doanh có năng suất, chất lượng và hiệu quả. Phát huy những khả năng tích cực của các thành phần kinh tế trong sản xuất, dịch vụ, gắn với sáp xếp và tổ chức lại nền kinh tế và tăng cường quản lý thị trường. Việc tiếp tục đổi mới chính sách phân phối, lưu thông phải có tác dụng rõ rệt thúc đẩy sản xuất phát triển, kinh doanh có hiệu quả và giảm bớt khó khăn về đời sống của

người lao động, dựa trên cơ sở đó mà từng bước đi tới ổn định giá cả, hạn chế bội chi ngân sách, hạn chế, tiến tới chấm dứt phát hành tiền mặt cho chi ngân sách và tín dụng.

Đẩy mạnh hoạt động khoa học - kỹ thuật, giải quyết một số vấn đề cấp bách về giáo dục, y tế và văn hoá.

Sắp xếp lại một bước bộ máy đảng, nhà nước và các đoàn thể quần chúng từ trung ương đến cơ sở, nâng cao hiệu lực của bộ máy, thu gọn cơ quan quản lý nhà nước, giảm mạnh cấp trung gian và tinh giản biên chế hành chính, chấn chỉnh gấp các tổ chức sản xuất, kinh doanh, bố trí lại cán bộ ở những vị trí cần thiết, nhất là ở các vị trí chủ chốt của từng cấp và từng tổ chức. Gắn việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội với đẩy mạnh cuộc vận động lớn trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và ngoài xã hội với mở rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, tạo ra phong trào cách mạng sôi nổi của các tầng lớp nhân dân và lập lại trật tự, kỷ cương trong mọi hoạt động kinh tế, xã hội.

Hội nghị Trung ương đã xác định những *chủ trương, biện pháp lớn*:

Điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, tập trung thực hiện ba chương trình kinh tế lớn, đặc biệt là *chương trình lương thực, thực phẩm*. Tập trung đúng mức cho mặt trận hàng đầu là nông nghiệp, trước hết cho nhu cầu số một là lương thực. Phải bố trí lại địa bàn sản xuất nông nghiệp, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nông nghiệp và áp dụng tiến bộ kỹ thuật; chuyển hoạt động của ngành lương thực sang kinh doanh, đổi mới chính sách đối với nông nghiệp và nông dân, củng cố các hợp tác xã và tập đoàn sản xuất nông nghiệp, cải tiến cơ chế khoán.

Khai thác tiềm năng của mọi thành phần kinh tế, ở cả thành thị và nông thôn, của các cơ sở kinh tế, kể cả xí nghiệp công nghiệp nặng, xí nghiệp quốc phòng để phát triển mạnh mẽ sản xuất hàng tiêu dùng.

Để phục vụ ba chương trình kinh tế lớn, cần phát triển tương ứng một số ngành công nghiệp nặng về kết cấu hạ tầng, nhất là giao thông vận tải; việc phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản và nguồn vật tư, thiết bị cũng phải theo đúng phương hướng bố trí cơ cấu kinh tế và tương ứng với mục tiêu, chỉ tiêu đã định, tập trung đúng mức vốn đầu tư cho ba chương trình kinh tế.

Gắn chính sách xã hội với chính sách kinh tế, đặc biệt quan tâm tạo thêm nhiều việc làm cho nhân dân, nhất là ở những nơi có nhiều người chưa có việc làm như Thủ đô Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, các khu công nghiệp tập trung, cho quân nhân xuất ngũ và cho thanh niên bước vào tuổi lao động.

Các hoạt động giáo dục, văn hoá, thông tin, y tế, thể dục thể thao phải được tăng cường thích đáng về cơ sở vật chất - kỹ thuật và nâng cao chất lượng hoạt động.

Đổi mới cơ chế kế hoạch hoá và các chính sách phân phối lưu thông có ý nghĩa hết sức quan trọng. Trong năm 1988, kiên quyết chuyển các hoạt động kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa bằng những bước đột phá, vững chắc, có hiệu quả thiết thực trên cơ sở những phương án đồng bộ, có thí điểm, nhằm tiến tới ổn định một bước quan trọng tinh hình phân phối lưu thông trong năm 1990.

Các biện pháp, chính sách về phân phối lưu thông, trước hết về giá, lương, tiền, phải nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, cung cấp và mở rộng trận địa xã hội chủ nghĩa, bảo đảm mối quan hệ công -

nông liên minh, quan hệ tích luỹ - tiêu dùng, quan hệ giữa các lợi ích.

Cùng với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, phải đáp ứng tốt các nhu cầu tăng cường củng cố quốc phòng và an ninh, giữ gìn tốt trật tự và an toàn xã hội, kết hợp tốt kinh tế với quốc phòng, quốc phòng với kinh tế. Mở rộng dân chủ, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền làm chủ thực sự của nhân dân thông qua việc thực hiện đầy đủ chế độ tự chủ sản xuất, kinh doanh của mọi loại cơ sở và phát huy hiệu lực của các cơ quan dân cử, đấu tranh khắc phục có hiệu quả tình trạng cửa quyền, ức hiếp quần chúng, thực hiện đúng chủ trương: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) thể hiện sự đổi mới quan trọng của Đảng về tư duy kinh tế, về công tác kế hoạch hoá. Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở quán triệt phương hướng kiên quyết xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển mạnh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; sát với thực tiễn kinh tế - xã hội nước ta, phát huy các tiềm năng, tính năng động sáng tạo, quyền tự chủ của các cấp, các ngành, các đơn vị cơ sở; kế hoạch thấu triệt phương châm tích cực nhưng vững chắc, bố trí các cân đối kế hoạch tập trung vào những mục tiêu chủ yếu, những nhiệm vụ chủ yếu mà Đại hội VI của Đảng đã đề ra.

Việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương bốn đòi hỏi phải nhanh chóng xây dựng cơ chế quản lý đồng bộ và thể chế hoá đúng đắn, kịp thời các quyết định của Đảng; thực hiện một bước quan trọng chấn chỉnh bộ máy đảng, bộ máy quản lý nhà nước và bộ máy quản lý sản xuất kinh doanh các cấp; gắn liền việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội với cuộc vận động lớn làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội; động viên cán bộ, đảng viên, công nhân, nông dân

và trí thức thi đua lao động sản xuất, đổi mới quản lý, cải tiến kỹ thuật, thực hành tiết kiệm, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện kế hoạch ở mọi cấp, mọi ngành, mọi cơ sở, tạo thành phong trào quần chúng hành động cách mạng sôi nổi và thiết thực.

*

* * *

Hội nghị toàn thể Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ tư tin tưởng rằng, toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết chặt chẽ chung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhất định xoay chuyển được tình hình kinh tế - xã hội của nước ta phát triển theo hướng tốt. Với truyền thống yêu nước nồng nàn, với niềm tin vững chắc vào sự lãnh đạo của Đảng, với ý chí kiên cường không lùi bước trước bất cứ khó khăn, thử thách nào, nhân dân ta nhất định thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ba năm 1988 - 1990 và năm 1988.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 46-TB/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1987

**Về phiên họp ngày 20 tháng 11 năm 1987
của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng**

Ngày 20-11-1987, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng đã họp để xem xét việc thực hiện chủ trương sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể theo Thông tri 11, ngày 19-8-1987 của Ban Bí thư. Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Đức Tâm thay mặt các đồng chí được phân công theo dõi, đôn đốc công việc này báo cáo tình hình thực hiện chủ trương trên ở các tỉnh, thành phố làm thí điểm, 28 tỉnh, thành phố không thuộc diện làm điểm, 16 ban đảng và 30 bộ, ngành ở trung ương, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng nhất trí với việc đánh giá tình hình thực hiện và các chủ trương nêu ra trong báo cáo và có ý kiến như sau:

1. Sắp xếp lại tổ chức, bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể là công việc rất phức tạp, và trong thời gian ngắn hơn hai tháng mà các tỉnh, thành phố, các ban, bộ, ngành

làm được như báo cáo đã nêu là tích cực, bước đầu có kết quả tốt. Các nơi đã làm, nhất là các tỉnh, thành phố và ngành trọng điểm, quyết tâm muốn đổi mới tổ chức, đổi mới cán bộ, coi đây là việc bức bách, thiết thân phải làm để bảo đảm cho chủ trương thay đổi cơ chế quản lý được thực hiện; bảo đảm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của ngành, địa phương, trước mắt là bảo đảm thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1988. Qua các dự kiến sắp xếp lại tổ chức, tinh giản biên chế cho thấy, nhìn chung các ngành, các cấp đã thể hiện đúng tư tưởng chỉ đạo của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng. Tuy nhiên, theo yêu cầu đề ra thì công việc này ở nhiều bộ, ngành trung ương còn chậm. Các địa phương còn e ngại các ngành trung ương sẽ can thiệp, gây khó khăn khi thấy địa phương có dự kiến sắp xếp tổ chức của ngành mình ở địa phương.

Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng yêu cầu các cấp ủy đảng, thủ trưởng các ngành, các cấp tập trung công sức khẩn trương thực hiện nghiêm chỉnh chủ trương sắp xếp lại tổ chức, bộ máy theo yêu cầu nội dung nêu ra trong Thông tri 11, Kế hoạch 75 và Quyết định 19 của Ban Bí thư, bảo đảm từ nay đến cuối quý I năm 1988 phải cơ bản hoàn thành việc: xác định rõ *chức năng, nhiệm vụ và tổ chức* của các ban đảng, cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể từ trung ương đến quận, huyện và cấp tương đương, các tổ chức sự nghiệp và nghiên cứu khoa học; *bỏ ngay những tổ chức thừa* do nhiệm vụ trùng lặp hoặc không rõ ràng; *xác định biên chế cần thiết cho mỗi tổ chức*; các công việc khác như xây dựng chức danh tiêu chuẩn đầy đủ, sửa đổi và xây dựng quy chế, phong cách làm việc, giải quyết số người dôi ra, còn phải tiếp tục thực hiện trong năm 1988.

Đối với những bộ máy đảng, đoàn thể và quản lý nhà nước còn duy trì, thì cần bỏ các tổ chức trung gian không cần thiết, bớt cấp phó, chuyển mạnh sang làm việc theo chế độ chuyên viên trực tiếp với lãnh đạo.

Đối với các tổ chức sự nghiệp (trường, viện, v.v.), cần chú ý thực hiện việc phân công giữa các bộ, giữa bộ với các liên hiệp, xí nghiệp, công ty, giữa bộ và địa phương theo hướng giao cho địa phương quản lý các đơn vị sự nghiệp (trường trung học, trường cao đẳng và cơ sở chữa bệnh) chủ yếu phục vụ cho nhân dân trên địa bàn lãnh thổ, giao cho các liên hiệp xí nghiệp, công ty quản lý các cơ sở nghiên cứu khoa học chuyên ngành để gắn hoạt động của các đơn vị này với sản xuất; cơ quan quản lý sự nghiệp của Nhà nước ở Trung ương chỉ trực tiếp quản lý những đơn vị (trường, viện, v.v.) làm nhiệm vụ giảng dạy, đào tạo, nghiên cứu cơ bản phục vụ chung cho nhiều ngành. Các đơn vị sự nghiệp có điều kiện thu phải từng bước thực hiện lấy thu bù chi.

Cùng với việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan hành chính, sự nghiệp, các ngành, các cấp phải chỉ đạo tiến hành ngay việc *sắp xếp tổ chức và chỉnh đốn hoạt động của các đơn vị sản xuất kinh doanh* theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ ba để tạo điều kiện cho bộ, sở, phòng chuyển nhanh sang làm đúng chức năng quản lý nhà nước về kinh tế.

2. Thông qua và cho phép áp dụng bản hướng dẫn về tổ chức, bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước và đoàn thể ở các tỉnh, thành phố, quận, huyện và cấp tương đương (kèm theo).

Đồng ý giao cho địa phương quản lý một số tổ chức hiện do các ngành trung ương quản lý, trước mắt là tổ chức thống kê và tổ chức thu thuế.

Từ nay, việc thành lập, sáp nhập, giải thể các cơ quan chuyên môn thuộc cấp uỷ, uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố,

quận, huyện và cấp tương đương và việc bổ nhiệm cán bộ phụ trách các cơ quan này do cấp uỷ, uỷ ban nhân dân căn cứ vào hướng dẫn của Trung ương và yêu cầu công việc của địa phương để quyết định. Nếu lập ra tổ chức mới (ngoài quy định của Trung ương) thì địa phương phải xin phép Ban Bí thư (đối với tổ chức đảng, đoàn thể) hoặc Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng (đối với tổ chức nhà nước). Ban, bộ, ngành ở Trung ương chỉ can thiệp khi địa phương đặt ra tổ chức trái với quy định của Trung ương hoặc bổ nhiệm, thi hành kỷ luật cán bộ phụ trách ngành ở địa phương không đúng với tiêu chuẩn và các chính sách của Đảng và Nhà nước. Cần thay thế việc giao chỉ tiêu biên chế cho cơ quan hành chính, sự nghiệp bằng hình thức khoán quỹ lương nhằm khắc phục tình trạng áp đặt, máy móc và tuỳ tiện trong việc sử dụng biên chế như hiện nay.

Hội đồng Bộ trưởng cụ thể hoá các chủ trương này nhằm tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan nhà nước ở Trung ương và địa phương thực hiện thống nhất.

3. Trong thời hạn tối đa là hết quý I-1988, các ngành, địa phương phải trình duyệt xong phương án sắp xếp lại tổ chức, tinh giản biên chế. Việc xét duyệt phương án tổ chức được quy định như sau:

- Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng sẽ xét duyệt phương án sắp xếp tổ chức, bộ máy của các ngành, tỉnh, thành phố, đặc khu.
- Đồng chí Bí thư, đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách khối và đồng chí trưởng ban của Đảng theo dõi khối xem xét và cho ý kiến về phương án sắp xếp tổ chức, bộ máy của các bộ thuộc khối. Đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phụ trách tổ chức cùng dự để xem xét những trường hợp cần thiết.

Ban Tổ chức của Chính phủ và ban đảng hữu quan có nhiệm vụ giúp đồng chí Bí thư Trung ương và đồng chí Phó Chủ tịch phụ trách khối trong công việc này.

Đồng chí Bí thư Thường trực, đồng chí Bí thư Trung ương phụ trách tổ chức cùng đồng chí Bí thư Trung ương phụ trách khối xem xét và duyệt phương án sắp xếp tổ chức của các ban đảng và các đoàn thể.

4. Phải coi trọng công tác tư tưởng và thực hiện tốt các chính sách đổi mới với cán bộ. Cần làm cho cán bộ, công nhân viên thấy rõ yêu cầu của việc sắp xếp lại tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế để mọi người đồng tình, tự giác thực hiện, tích cực đấu tranh với tư tưởng bảo thủ, trì trệ không muốn đổi mới, phòng ngừa những sai sót do nóng vội, áp đặt làm ảnh hưởng đến sản xuất, công tác và đoàn kết nội bộ. Về chính sách đổi mới lực lượng dôi ra, phải thực hiện tốt Quyết định số 19, ngày 5-10-1987 của Ban Bí thư, trong đó cần đặc biệt quan tâm giải quyết cho mọi người có việc làm là chính. Uỷ ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, các tỉnh, thành, quận, huyện trong khi bố trí kế hoạch và ngân sách nhà nước năm 1988, cần dành vật tư, tiền vốn thích đáng để giải quyết biên chế dôi ra thông qua hình thức: đầu tư để mở rộng sản xuất, dịch vụ tại chỗ hoặc mở các vùng kinh tế mới để thu hút lao động có điều kiện tham gia; cho vay vốn và tạo điều kiện để làm kinh tế gia đình, v.v. không được để số người này vì không có việc mà chạy ra buôn bán.

5. Để giải quyết cơ bản, toàn diện và có căn cứ khoa học vấn đề tổ chức, bộ máy của Đảng, Nhà nước và đoàn thể, Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng giao cho các đồng chí Nguyễn Đức Tâm, Nguyễn Khánh, Phạm Thế Duyệt chuẩn bị đề án trình Ban Bí thư và Bộ Chính trị xem xét vào đầu quý I-1988. Các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể phụ trách khối nào, chịu trách nhiệm nghiên cứu các bộ thuộc khối mình để tham gia vào đề án chung nói trên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THU**

Số 23-CT/TW, ngày 14 tháng 12 năm 1987

**Về việc tăng cường công tác xử lý đơn,
thư khiếu tố và tiếp dân**

1. Từ sau Đại hội toàn quốc lần thứ VI của Đảng, sinh hoạt dân chủ trong Đảng và trong nhân dân được mở rộng một bước, số đơn thư của cán bộ, đảng viên, nhân dân gửi đến các cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước các cấp ngày càng nhiều, số người đến xin gấp Trung ương Đảng và Nhà nước để trực tiếp kiến nghị, khiếu, tố ngày càng tăng. Bên cạnh phần lớn đơn thư khiếu, tố đúng, số thư tố cáo sai sự thật cũng nhiều hơn trước.

Nhiều cấp uỷ đảng, cấp chính quyền, đoàn thể, ban, ngành, cơ quan, đơn vị cơ sở... đã bước đầu tích cực giải quyết các đơn thư khiếu tố, định kỳ thường xuyên tiếp dân, xử lý nhanh nhiều vụ việc.

Tuy nhiên, việc giải quyết đơn thư khiếu, tố còn *nhiều thiếu sót*: nhiều kiến nghị của cán bộ, đảng viên, nhân dân không được nghiên cứu nghiêm túc. Nhiều đơn, thư đáng lẽ phải được xử lý kịp thời ngay ở cơ sở (xí nghiệp, hợp tác xã, phường, xã) hoặc ở cấp trên trực tiếp cơ sở, nhưng đã không được xem xét giải quyết hoặc đã có kết luận vẫn không được

thi hành, buộc cán bộ, đảng viên, nhân dân phải gửi đơn, thư lên cơ quan lãnh đạo cao nhất hoặc đến trụ sở Trung ương Đảng để khiếu tố. Có những người đã khiếu, tố nhiều lần, lên nhiều cấp, nhiều cơ quan, nhưng không ai giải quyết, buộc phải đưa đến các cơ quan thông tin đại chúng (báo, đài, truyền hình), sau đó cơ quan có trách nhiệm mới bị động chạy theo để xử lý.

Tình hình trên đây, trước hết là do nhiều cấp uỷ đảng, cấp chính quyền, đoàn thể quần chúng và cán bộ lãnh đạo chủ chốt nhiều ngành trong bộ máy đảng và nhà nước chưa quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", chưa quan tâm xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, quan liêu, mệnh lệnh, xa rời quần chúng, thiếu trách nhiệm, nể nang, né tránh, bao che người làm sai, không tôn trọng pháp luật Nhà nước và kỷ luật Đảng. Không ít trường hợp, cấp uỷ đảng và các đồng chí lãnh đạo ngành đã can thiệp không đúng vào những sự việc thuộc chức năng giải quyết của cơ quan chấp hành pháp luật và kỷ luật của Đảng, gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý các đơn, thư. Một số cán bộ lãnh đạo ở các cấp, các ngành, các cơ sở kinh tế, xã hội vì có những vi phạm chưa được sửa chữa nên không tự giác, chủ động giải quyết các khiếu tố của cán bộ, nhân dân. Tình hình trên đã gây ảnh hưởng không tốt đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước.

2. Để phát huy dân chủ, đề cao kỷ luật trong Đảng, để củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, ngăn ngừa và khắc phục chủ nghĩa quan liêu, góp phần thực hiện cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, làm trong sạch và nâng cao hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội và thực hiện công bằng xã hội, Ban Bí thư chỉ thị:

a) Các cấp, các ngành, các cơ sở kinh tế, xã hội (xí nghiệp, hợp tác xã, cơ quan, phường, xã), các ngành chấp pháp (công an, tòa án, kiểm sát, v.v.), các cơ sở đảng và đoàn thể, các

đơn vị quân đội phải chấp hành đúng đắn các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, bảo đảm quyền công dân, công bằng xã hội, giảm đến mức thấp nhất những vụ và hành vi tiêu cực, phạm pháp, ức hiếp quần chúng của cán bộ, đảng viên, nhân viên.

b) Phải thực hiện dân chủ hoá, công khai hoá hoạt động kinh tế, xã hội ở cơ sở, thực hiện đầy đủ phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; xử lý, thường, phạt nghiêm minh và kịp thời; phát huy vai trò của hội đồng nhân dân và các tổ chức quần chúng (Công đoàn, Thanh niên, Phụ nữ, Hội Nông dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc), ban thanh tra nhân dân, ban kiểm soát hợp tác xã, tổ hoà giải ở phường, xã... trong việc kiểm tra, giám sát hoạt động của các cơ quan, cán bộ, nhân viên của Đảng và Nhà nước và xử lý những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân.

c) Các cấp uỷ đảng, cấp chính quyền, đoàn thể quần chúng, lãnh đạo cơ quan, xí nghiệp, hợp tác xã định ngày tiếp cán bộ, đảng viên, nhân dân, giải quyết các kiến nghị, khiếu, tố. Ở cơ sở, các đồng chí cấp uỷ viên của Đảng, các uỷ viên uỷ ban nhân dân và cán bộ lãnh đạo và quản lý khác phải tăng cường tiếp xúc hằng ngày với dân, thường xuyên sinh hoạt với các tổ, đội sản xuất, các tổ chức quần chúng, với nhân dân để giải quyết tại chỗ và kịp thời những vấn đề do quần chúng nêu ra.

Những vụ việc xảy ra cũng như những đơn, thư khiếu tố, kiến nghị của cán bộ, đảng viên, nhân dân ở đơn vị nào, cấp nào thì phải cố gắng giải quyết gọn ở đơn vị ấy, cấp ấy. Hàng tháng và hằng quý phải báo cáo cấp trên biết tình hình đơn, thư gửi tới (nói rõ số đơn, thư khiếu, tố đúng và số đơn, thư khiếu tố sai sự thật có tính cách vu cáo) và kết quả xử lý đơn, thư khiếu tố.

Về những đơn, thư khiếu, tố đối với quân đội, công an thì thuộc cấp nào trong quân đội, công an cấp ấy phải giải quyết.

d) Các cấp uỷ đảng phải trực tiếp lãnh đạo công tác giải quyết đơn, thư khiếu, tố và tiếp dân, không khoán trackage cho cơ quan chuyên môn.

Đối với những kiến nghị, khiếu tố mà cơ sở không giải quyết được thì cấp trên trực tiếp cơ sở có trách nhiệm giải quyết, nếu vẫn chưa giải quyết được thì sẽ đưa lên cấp trên cao hơn, đối với các vụ việc khiếu tố đã được cấp có thẩm quyền xem xét, kết luận thì phải nghiêm chỉnh thi hành; chỉ bằng cách đó mới làm giảm được số đơn, thư khiếu tố gửi vượt cấp lên các cấp cao hơn.

Đơn thư khiếu tố người và đơn vị của ngành đóng ở địa phương thì ngành phải phối hợp với cấp uỷ đảng và cấp chính quyền địa phương để giải quyết.

d) *Ban Bí thư giao cho các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước chuyển các đơn, thư khiếu tố gửi đến Trung ương về các nơi để giải quyết như sau:*

- Những đơn thư khiếu, tố cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý, các việc thuộc về xử lý kỷ luật và những vấn đề khác trong Đảng, thì tuỳ theo tính chất và nội dung sự việc mà chuyển đến Uỷ ban Kiểm tra Trung ương hoặc Ban Tổ chức Trung ương để xem xét, kết luận hoặc trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, kết luận.

Những đơn thư khiếu, tố về xâm phạm thân thể, tài sản, lợi ích vật chất của công dân, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa mà ở cấp tỉnh, thành, đặc khu không giải quyết được thì chuyển đến Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Toà án Nhân dân tối cao, Bộ Nội vụ hoặc Uỷ ban Thanh tra Nhà nước giải quyết, đồng thời thông báo cho Ban Nội chính Trung ương biết để giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết những đơn thư khiếu tố nói trên.

- Đối với những đơn thư khiếu, tố về các sự việc khác như

thiếu dân chủ, ức hiếp quần chúng, trù dập, trả thù người thắng thắn đấu tranh, giải quyết không thoả đáng về việc làm, về tiền lương... thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan trung ương nào thì chuyển tới các đồng chí thủ trưởng cơ quan đó xem xét, giải quyết, đồng thời thông báo cho ban đảng có liên quan biết để giải quyết, để theo dõi, đôn đốc việc giải quyết.

- Những đơn thư khiếu, tố thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, thành, đặc khu đều chuyển về cho cấp tỉnh, thành, đặc khu đó giải quyết.

- Các thư từ mang nội dung kiến nghị về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, công tác quần chúng, công tác chính quyền, v.v. thì tuỳ theo tính chất và nội dung mà chuyển đến các đồng chí lãnh đạo, các trưởng ban Trung ương Đảng hoặc các cơ quan có trách nhiệm nghiên cứu.

e) *Trách nhiệm của các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước đối với việc xử lý đơn, thư và đối với công tác tiếp dân ở trụ sở tiếp dân của Đảng và Nhà nước.*

Uỷ ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Uỷ ban Thanh tra Chính phủ cùng các ban Đảng và Nhà nước phải thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các ngành, các cấp trong việc giải quyết dứt điểm đơn, thư khiếu tố, kiến nghị của dân và thường xuyên báo cáo kết quả sau khi đã xử lý cho Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng, đồng thời trả lời cho đương sự biết.

Chấn chỉnh và tổ chức tốt việc tiếp dân tại các trụ sở tiếp dân để mang lại hiệu quả thiết thực. Các đồng chí trưởng, phó ban của Đảng và Chính phủ, các bộ, thứ trưởng phải dành thời gian thích đáng để tiếp cán bộ, đảng viên, nhân dân đến trụ sở tiếp dân của Đảng và Chính phủ để kiến nghị, khiếu, tố.

T/M BAN BÍ THU
ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN Bí THƯ**

Số 33-QĐ/TW, ngày 15 tháng 12 năm 1987

**Về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng
Trung ương Đảng**

I- NHIỆM VỤ

Văn phòng Trung ương có chức năng giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, *trực tiếp là giúp Ban Bí thư tổ chức, điều hành công việc lãnh đạo của Đảng, đồng thời là một trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo.*

Văn phòng Trung ương có những *nhiệm vụ chính* sau đây:

1. Giúp Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình công tác, quy chế làm việc, điều hành bộ máy của Đảng.
2. Giúp Ban Bí thư theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chuẩn bị các đề án và các dự thảo quyết định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; tổ chức việc ra quyết định; chỉnh lý hoặc biên tập các văn kiện chỉ đạo của Đảng; theo dõi việc

thực hiện các quyết định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ở các ban, ngành, địa phương.

3. Giúp Ban Bí thư theo dõi tổng hợp hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương.

4. Tổ chức công tác thông tin phục vụ việc ra quyết định và phục vụ việc kiểm tra thực hiện quyết định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Thường xuyên báo cáo tình hình chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng ở các ban, ngành và các cấp ủy cho Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

5. Thực hiện quy chế quản lý tài liệu, văn kiện của Đảng. Quản lý việc nhân sao, phát hành, thu hồi các tài liệu, văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, tiếp nhận các tài liệu, văn kiện gửi đến Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và quản lý sự vận hành các tài liệu, văn kiện trong bộ máy đảng. Lưu giữ các tài liệu hiện hành và tài liệu tuyệt mật của Trung ương Đảng.

6. Thống nhất việc tiếp nhận, đăng ký, chuyển giao, theo dõi việc xử lý các thư từ kiến nghị, khiếu, tố gửi đến Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Tổ chức việc tiếp người đến trụ sở tiếp dân của Trung ương Đảng. Thường xuyên báo cáo về tình hình xử lý đơn thư gửi tới Trung ương.

7. Phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Bộ Nội vụ, Ban Cơ yếu Trung ương, Tổng cục Bưu điện trong việc bảo đảm điều kiện làm việc tại trụ sở Đảng của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; bảo đảm an toàn tuyệt đối khu vực trụ sở Đảng; bảo đảm thông tin liên lạc phục vụ lãnh đạo.

II- TỔ CHỨC

Văn phòng Trung ương là một ban của Trung ương Đảng, gồm các bộ phận sau đây:

1. *Tổ chương trình và biên bản:* Làm nhiệm vụ giúp Chánh Văn phòng soạn thảo và tổ chức thực hiện chương

trình công tác, các cuộc họp của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; làm biên bản lập hồ sơ và lưu giữ theo quy định của Ban Bí thư hồ sơ các cuộc hội nghị Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

2. *Tổ chuyên viên tổng hợp*: Làm nhiệm vụ giúp Chánh Văn phòng theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chuẩn bị các đề án và các quyết định của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; biên tập và chỉnh lý các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; theo dõi hoạt động của các ban, các đảng đoàn, đảng ủy khối trong việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; tổ chức việc xử lý các kiến nghị, thỉnh thị của các ban, ngành gửi lên Trung ương; làm công tác thông tin tổng hợp.

3. *Tổ chuyên viên theo dõi địa phương*: Làm nhiệm vụ giúp Chánh Văn phòng theo dõi tổng hợp tình hình các mặt ở các tỉnh, thành, đặc khu và hoạt động của các tỉnh ủy, thành ủy, đặc khu uỷ trực thuộc Trung ương, trước hết là trong việc chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và thực hiện các nguyên tắc sinh hoạt đảng; tổ chức và theo dõi việc xử lý các kiến nghị, thỉnh thị của cấp uỷ tỉnh, thành gửi lên Trung ương; thông tin tổng hợp về tình hình các địa phương; chuẩn bị nội dung các cuộc họp làm việc của Ban Bí thư, của các đồng chí lãnh đạo với cấp uỷ địa phương và biên tập các văn kiện chỉ đạo của Ban Bí thư với cấp uỷ địa phương.

4. *Vụ Văn thư*: Làm công việc văn thư, lưu trữ các tài liệu hiện hành, tài liệu tuyệt mật của Đảng.

5. *Vụ Thư từ*: Làm công tác tiếp nhận, chuyển giao và theo dõi việc xử lý thư từ của nhân dân và tổ chức việc tiếp dân tại trụ sở tiếp dân của Trung ương Đảng.

6. *Vụ Tổ chức*: Làm công tác tổ chức - cán bộ, lao động - tiền lương, chăm lo phương tiện, điều kiện làm việc và đời sống của cán bộ, nhân viên Văn phòng Trung ương.

7. *Phòng Cơ yếu*: Làm nhiệm vụ mã dịch điện tử phục vụ lãnh đạo.

1. *Văn phòng Trung ương* hoạt động dưới sự chỉ đạo của Ban Bí thư, trực tiếp là đồng chí Bí thư Thường trực.

2. Văn phòng Trung ương Đảng *làm việc theo chế độ thủ trưởng*. Chánh Văn phòng chịu trách nhiệm tổ chức, lãnh đạo, điều hành công việc chung của Văn phòng. Chánh Văn phòng có một số Phó Văn phòng giúp việc.

3. Chánh Văn phòng Trung ương được ký thừa lệnh Ban Bí thư gửi đến các ban, ngành và các cấp uỷ một số thông tri, thông báo, điện mừng, công văn... chỉ đạo công tác, giới thiệu các chuyên viên Văn phòng Trung ương Đảng tới làm việc và dự họp với các cấp uỷ đảng trực thuộc Trung ương và bộ phận lãnh đạo các ban, ngành trung ương; được yêu cầu các ban, ngành, các cấp uỷ đảng cung cấp các thông tin cần thiết cho việc theo dõi nắm tình hình chỉ đạo và tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng.

4. Cán bộ tổng hợp và theo dõi địa phương của Văn phòng

Trung ương làm việc *theo chế độ chuyên viên*, trực tiếp với Chánh Văn phòng và khi cần thiết trực tiếp với các đồng chí Ban Bí thư; được dự các cuộc họp kiểm điểm và bàn chủ trương công tác, kể cả bàn về công tác tổ chức - cán bộ của các ban, ngành, các cấp uỷ địa phương và đảng uỷ khác trực thuộc Trung ương thuộc phạm vi mình theo dõi.

Để theo dõi các mặt công tác quốc phòng, an ninh, Văn phòng Trung ương sử dụng chuyên viên biệt phái của các ngành đó.

5. Chánh Văn phòng Trung ương có trách nhiệm xây dựng quy chế làm việc của Văn phòng Trung ương và của chuyên viên Văn phòng Trung ương; bàn bạc thống nhất với Ban Tổ chức Trung ương quyết định biên chế Văn phòng và chế độ, chính sách đối với các chuyên viên, cán bộ, nhân viên Văn phòng Trung ương.

6. Văn phòng Trung ương phối hợp công tác chặt chẽ với các ban của Đảng, với Văn phòng Hội đồng Bộ trưởng; quan hệ chặt chẽ với các đồng chí trợ lý và thư ký của các đồng chí lãnh đạo của Đảng; giúp đỡ văn phòng các cấp uỷ đảng; được quan hệ hợp tác, hữu nghị với Văn phòng Trung ương Đảng của các nước xã hội chủ nghĩa.

T/M BAN Bí THƯ

ĐÔ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng

CHỈ THỊ CỦA BAN Bí THƯ

Số 24-CT/TW, ngày 18 tháng 12 năm 1987

Về việc tổ chức kỷ niệm năm thứ 20 cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968-1988)

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 trên toàn bộ chiến trường miền Nam Việt Nam là một thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Thắng lợi đó đã làm thay đổi cục diện chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, tạo ra thế chiến lược mới, thuận lợi mới cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tiến lên giành thắng lợi hoàn toàn. Ban Bí thư Trung ương Đảng quyết định cả nước kỷ niệm năm thứ 20 cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đúng với vị trí lịch sử của nó.

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA ĐỢT KỶ NIỆM

1. Giáo dục, bồi dưỡng truyền thống yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong nhân dân, trong thanh thiếu niên nước ta. Biểu dương lực lượng vũ trang và nhân dân cả nước

đã đoàn kết nhất trí, thống nhất hành động, chiến đấu dũng cảm với niềm tin sâu sắc vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đã giành được thắng lợi to lớn trên cả ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao. Trên cơ sở đó động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân không ngừng nâng cao ý chí chiến đấu cách mạng, tinh thần cách mạng tiến công, thống nhất ý chí và hành động, lòng tự hào, tự trọng và tự tin dân tộc, vượt qua mọi khó khăn, thử thách hiện nay, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VI, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

2. Về tuyên truyền đối ngoại, tiếp tục phát huy thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, góp phần vào sự nghiệp đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hoà bình và tiến bộ xã hội của nhân dân thế giới hiện nay; tỏ lòng biết ơn sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, sự ủng hộ của các trào lưu cách mạng trên thế giới và phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ. Trên cơ sở đó tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ sự nghiệp cách mạng hiện nay của nhân dân ta.

II- CHỦ ĐỀ TUYÊN TRUYỀN TRONG ĐỢT KỶ NIỆM

1. Ý nghĩa thắng lợi to lớn của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân: quân và dân ta đã giáng một đòn quyết định làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, làm phá sản chiến lược chiến tranh cục bộ, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, chấm dứt không điều kiện chiến tranh phá hoại miền Bắc, chuyển sang chiến lược "phi Mỹ hóa chiến tranh", nhận đàm phán với ta ở Pari, mở ra một mặt trận tiến công mới của ta về ngoại giao - kết hợp quân sự, chính trị, ngoại giao, gây chấn động trên một phạm vi rộng cả trong nước Mỹ và trên thế giới. Đó là khởi đầu một quá trình đi xuống về chiến lược của đế quốc Mỹ mà chúng không bao giờ muốn nhưng không sao cưỡng lại được.

Thắng lợi và những bài học của Tết Mậu Thân tạo cho ta giành được những thắng lợi có ý nghĩa chiến lược trong các năm 1970, 1971, 1972, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pari, rút quân Mỹ về nước, dẫn đến thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

2. Truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng và lòng tin của cán bộ, lực lượng vũ trang và nhân dân ta vào sự lãnh đạo của Đảng ta. Truyền thống đó là tinh thần toàn dân đoàn kết nhất trí, quân dân cả nước một lòng; là lòng tin và quyết tâm chấp hành quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng, giữ được bí mật và bất ngờ; là nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Đảng và tinh thần chiến đấu ngoan cường, xả thân vì lý tưởng cứu nước của nhân dân ta.

3. Bồi dưỡng lòng tự hào, tự trọng, tự tin dân tộc và chủ nghĩa quốc tế vô sản: làm rõ ý nghĩa quốc tế của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, đặc biệt đối với phong trào giải phóng dân tộc và phong trào chống Mỹ ở các nước phụ thuộc vào đế quốc Mỹ, thúc đẩy tinh lương tâm của nhân dân Mỹ đối với giới cầm quyền phản động Mỹ, góp phần giữ gìn hoà bình thế giới; làm rõ sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của Liên Xô và các nước khác, sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới trong đó có cả nhân dân Mỹ; vận dụng bài học kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại vào điều kiện hiện nay.

III- NHỮNG BIỆN PHÁP VÀ HÌNH THỨC CHỦ YẾU

Mở một đợt tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân cả nước, trong các lực lượng vũ trang, đặc biệt là trong thanh niên trong dịp đón Xuân Mậu Thìn này (1988), với các hình thức sinh động có tính quần chúng rộng rãi.

1. Ở các cơ sở, tổ chức các cuộc hội họp truyền thống ôn lại những chuyện chiến đấu vũ trang và đấu tranh chính trị, xây dựng và bảo vệ cơ sở che giấu cán bộ, bộ đội, tấm lòng hậu phương đối với tiền tuyến... Chú ý sử dụng người thật,

việc thật để nói lên sự cống hiến, dù nhỏ của mỗi người, khơi dậy chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta trong điều kiện mới.

2. Bồi dưỡng và tổ chức cho lực lượng báo cáo viên và các đồng chí cán bộ đã trực tiếp tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đi báo cáo rộng rãi ở các cơ quan, đơn vị cơ sở, các phường, xã, chú ý bồi dưỡng cho lực lượng giáo viên để tuyên truyền giáo dục truyền thống cho học sinh, sinh viên.

3. Bộ Thông tin, Bộ Văn hoá tổ chức phát hiện, sưu tầm bảo vệ các di tích lịch sử và hiện vật trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, tổ chức phòng trưng bày ở các địa phương như Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, mở cửa các nhà bảo tàng và truyền thống đã có trong dịp này, tổ chức quần chúng đến thăm.

4. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần có kế hoạch hoạt động phong phú, sinh động để giáo dục truyền thống cho thanh thiếu niên.

5. Các báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình, các nhà xuất bản, các cơ quan tuyên truyền đối ngoại và ngoại giao có kế hoạch tuyên truyền cụ thể theo mục đích, yêu cầu về chủ đề tuyên truyền nói trên.

6. Các cấp ủy đảng, Mặt trận Tổ quốc và chính quyền địa phương thăm hỏi các gia đình có công với cách mạng, các cơ sở chính trị trong vùng tạm chiếm trước đây, các thương bệnh binh, các gia đình liệt sĩ, những người có công hiến trong Tết Mậu Thân, thực hiện tốt các chính sách hậu phương.

7. Tổ chức mít tinh ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và Huế. Ban Bí thư giao cho Uỷ ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bộ Quốc phòng và Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc thành phố Hà Nội phối hợp tổ chức cuộc mít tinh ở Hà Nội.

- Thành uỷ, Uỷ ban nhân dân và Mặt trận Tổ quốc thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân và Mặt trận Tổ

quốc Bình - Trị - Thiên tổ chức mít tinh ở thành phố Hồ Chí Minh và Huế.

- Các tỉnh, thành khác tùy điều kiện cụ thể có thể tổ chức mít tinh hoặc các hoạt động trọng thể khác.

Kỷ niệm 20 năm cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 tổ chức vào dịp Tết âm lịch cần có các hình thức thích hợp, gắn với việc thi đua thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1988, thu hút được đông đảo quần chúng tham gia, nhưng phải hết sức tiết kiệm, tránh hình thức phô trương, lãng phí.

T/M BAN BÍ THU

ĐỖ MUỐI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BAN Bí THƯ VỀ VIỆC TỔ CHỨC
THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ
LẦN THỨ TƯ BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHOÁ VI)**

Số 25-CT/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1987

**Về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế -
xã hội ba năm 1988-1990 và năm 1988**

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) đã ra Nghị quyết về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ba năm 1988-1990 và năm 1988. Để thực hiện Nghị quyết, Ban Bí thư yêu cầu các cấp, các ngành làm những việc sau đây:

1. Tổ chức phổ biến nhanh Nghị quyết của Trung ương đến đảng viên và nhân dân

Trong việc phổ biến Nghị quyết, cần chú trọng một số chủ đề sau:

- Đánh giá đúng tình hình, thấy rõ những khó khăn, đồng thời thấy rõ những nhân tố mới, những kinh nghiệm tốt,

khắc phục tư tưởng bảo thủ và đồng thời ngăn ngừa tư tưởng nóng vội.

- Nghị quyết Hội nghị Trung ương bốn thể hiện rõ nét sự điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu vốn đầu tư, tập trung cho ba chương trình kinh tế lớn, đặc biệt là chương trình lương thực - thực phẩm; củng cố, tăng cường kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, phát huy những khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác, tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của Đại hội VI; chuyển các hoạt động kinh tế sang cơ chế quản lý hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, tích cực xử lý các vấn đề về phân phối lưu thông để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển và giảm bớt dần khó khăn về đời sống của người hưởng lương; chú trọng giải quyết việc làm cho người lao động; ứng dụng mạnh mẽ các kỹ thuật tiến bộ vào sản xuất, kinh doanh; mở rộng và nâng cao chất lượng các hoạt động kinh tế đối ngoại; triệt để thực hành tiết kiệm; đổi mới tổ chức và cán bộ, tinh giản biên chế; phát huy dân chủ và đề cao pháp chế trong chỉ đạo và quản lý kinh tế, khắc phục tình trạng tập trung quan liêu, đồng thời khắc phục sự phân tán, cục bộ, thiếu kỷ luật.

Nghị quyết Trung ương bốn cùng với các Nghị quyết Trung ương hai và ba tạo thành hệ thống các chủ trương, giải pháp đồng bộ để làm xoay chuyển tình hình kinh tế - xã hội. Việc phổ biến Nghị quyết Trung ương bốn cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở và nhân dân dựa vào báo cáo của Hội đồng Bộ trưởng trước kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá VIII (đảng báo Nhân dân ngày thứ hai, 28-12-1987 và thứ ba, 29-12-1987).

Việc phổ biến Nghị quyết Trung ương bốn phải hoàn thành trong quý I-1988.

2. Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, bộ, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương họp kiểm điểm một năm thực hiện

Nghị quyết Đại hội VI và bàn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương bốn, xong chậm nhất trong tháng 2-1988. Sau khi kiểm điểm, xây dựng kế hoạch kinh tế - xã hội và chương trình hành động năm 1988, trong đó tập trung cao độ cho việc thực hiện ba chương trình kinh tế lớn và cho việc giải quyết các vấn đề tổ chức và cán bộ.

3. *Hội đồng Bộ trưởng sớm thể chế hoá các Nghị quyết Trung ương hai, ba, bốn và các quyết định của Bộ Chính trị, Ban Bí thư thành các văn bản pháp quy mới, loại bỏ các thể chế không còn thích hợp.* Ban hành sớm các chính sách về giá, tỉ giá, lương; các chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế (ngoài quốc doanh) trong nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, vận tải, dịch vụ mở rộng sản xuất, kinh doanh; các thể chế đồng bộ đối với các cơ sở kinh tế quốc doanh. Có kế hoạch cụ thể để khẩn trương kiện toàn tổ chức và chuyển hoạt động của các ngành sản xuất, vật tư, nội thương, ngoại thương, vận tải, ngân hàng sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Cụ thể hoá kịp thời cơ chế kế hoạch hoá và các chính sách phân phối lưu thông để tạo môi trường thuận lợi cho các cơ sở chuyển sang kinh doanh xã hội chủ nghĩa. Hội đồng Bộ trưởng tăng cường chỉ đạo để đáp ứng kịp thời các yêu cầu cấp bách về sản xuất và đời sống, nhất là giải quyết vật tư cho sản xuất, lương thực cho lực lượng vũ trang và các thành phố, khu công nghiệp lớn.

Trong việc cụ thể hoá và tổ chức thực hiện các Nghị quyết hai, ba, bốn của Ban Chấp hành Trung ương, cần sớm có chủ trương, chính sách cụ thể thích hợp với các vùng biên giới, miền núi phía bắc và Tây Nguyên.

4. Ban Bí thư, Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng có chủ trương, kế hoạch kiên quyết từng bước sắp xếp lại và kiện toàn tổ chức bộ máy ở Trung ương, chuyển các bộ sang làm chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, giảm nhẹ biên chế bộ máy trung ương; chỉ đạo các địa phương kiện toàn tổ chức, giảm nhẹ biên chế ở địa phương; chỉ đạo các ngành sắp xếp lại sản

xuất kinh doanh xã hội chủ nghĩa, giảm biên chế gián tiếp trong sản xuất kinh doanh.

5. Các cấp, các ngành phải gắn việc thực hiện Nghị quyết Trung ương hai, ba, bốn với cuộc vận động *làm sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng, của bộ máy nhà nước và làm lành mạnh các quan hệ xã hội*, kịp thời cổ vũ, phát huy những điển hình tốt, nhân tố mới, đồng thời xử lý nghiêm khắc các trường hợp có sai phạm nghiêm trọng.

6. *Chỉ đạo tốt phong trào hành động cách mạng của quần chúng phấn đấu hoàn thành kế hoạch nhà nước năm 1988.* Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Công đoàn, Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tích cực tổ chức đoàn viên, hội viên hăng hái lao động sản xuất, thực hành tiết kiệm, tham gia xây dựng và thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội, kiểm tra, phát hiện và đấu tranh chống lại những việc làm sai trái.

7. Tăng cường sự chỉ đạo, kiểm tra của Ban Bí thư đối với việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương bốn ở các địa phương và các ngành. Giữ vững và nâng cao chất lượng các cuộc hội ý hàng tuần giữa Thường trực Ban Bí thư và Thường trực Hội đồng Bộ trưởng để xử lý nhanh một số vấn đề về chỉ đạo, điều hành cụ thể của Hội đồng Bộ trưởng. Các đồng chí bí thư phát huy tốt vai trò và trách nhiệm của các ban trong việc giúp Ban Bí thư theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các Nghị quyết của Trung ương ở các cấp, các ngành.

T/M BAN Bí THU

ĐỖ MUỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

TRANG

- <i>Lời giới thiệu tập 48</i>	V
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 01-CT/TW, ngày 3 tháng 1 năm 1987, về việc tổ chức kỷ niệm lần thứ 57 ngày thành lập Đảng (3-2)	1
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 01-QĐ/TW, ngày 6 tháng 1 năm 1987, về quy chế làm việc của các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương	5
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 02-CT/TW, ngày 7 tháng 1 năm 1987, về công tác tuyên truyền quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VI của Đảng	7
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 02-QĐ/TW, ngày 12 tháng 1 năm 1987, về chương trình công tác năm 1987, sáu tháng đầu năm 1987 và một số điểm về cách làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư (Bộ Chính trị đã thảo luận và thông qua trong phiên họp ngày 6 tháng 1 năm 1987)	13
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 03-CT/TW, ngày 20 tháng 1 năm 1987, về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá VIII	24
- Thông tri của Ban Bí thư, số 03-TT/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1987, về một số vấn đề trước mắt để thi hành Điều	

lệ Đảng	27
- Thông tri của Ban Bí thư, số 04-TT/TW, ngày 18 tháng 2 năm 1987, về lãnh đạo Đại hội các đoàn thể	30
- Thông báo của Ban Bí thư, số 04-TB/TW, ngày 3 tháng 3 năm 1987, về tổ chức kỷ niệm lần thứ 80 ngày sinh đồng chí Lê Duẩn	33
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 03-QĐ/TW, ngày 14 tháng 3 năm 1987, về việc thành lập Ban soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế và xã hội	35
- Thông tri của Ban Bí thư, số 06-TT/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1987, về một số chủ trương cụ thể đối với các cấp ủy viên khoá trước không tiếp tục tham gia cấp uỷ khoá mới	38
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 05-CT/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1987, về tổ chức Hội Liên hiệp Nông dân tập thể Việt Nam và Đại hội toàn quốc lần thứ nhất của Hội	41
- Lời khai mạc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), ngày 1 tháng 4 năm 1987	45
- Giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông (Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VI)	57
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), ngày 9 tháng 4 năm 1987, giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông	94
- Lời bế mạc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), ngày 9 tháng 4 năm 1987	123
- Thông báo Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), ngày 18 tháng 4 năm 1987, giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông	135
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 06-CT/TW, ngày 18 tháng	

4 năm 1987, về việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng (khoá VI) giải quyết những vấn đề cấp bách về phân phôi, lưu thông	147	227
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 01-NQ/TW, ngày 2 tháng 5 năm 1987, về tổ chức kỷ niệm lần thứ 70 Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại (7-11-1917 – 7-11-1987)		
- Thông báo của Ban Bí thư, số 12-TB/TW, ngày 20 tháng 5 năm 1987, về việc đổi tên Trường Đاسg cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Viện Mác - Lênin và Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh	153	233
- Thông tri của Ban Bí thư, số 08-TT/TW, ngày 25 tháng 5 năm 1987, về kỷ niệm 10 năm Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào (18-7-1977 – 18-7-1987)	159	237
- Điện khẩn của Ban Bí thư về lãnh đạo lập lại trật tự trên lĩnh vực giá và lương	161	
- Điện của Ban Bí thư, số 66-HT, ngày 12 tháng 6 năm 1987	164	242
- Diễn văn của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khoá VIII, ngày 17 tháng 6 năm 1987	167	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 08-CT/TW, ngày 18 tháng 6 năm 1987, về đổi mới, nâng cao chất lượng và hiệu quả hợp tác kinh tế Việt - Xô	169	268
- Quy định của Ban Bí thư, số 11-QĐ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 1987, về tổ chức cơ quan chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam	190	291
- Quy định của Ban Bí thư, số 12-QĐ/TW, ngày 30 tháng 7 năm 1987, về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam	194	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 12-CT/TW, ngày 31 tháng 7	208	304
năm 1987, về việc tăng cường công tác tài chính đảng trong tình hình mới		
- Thông tri của Ban Bí thư, số 11-TT/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1987, về việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước và các đoàn thể		336
- Lời khai mạc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), ngày 20 tháng 8 năm 1987		
- Đồng tâm nhất trí tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá VI)		323
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị Trung ương lần thứ ba về đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, ngày 24 tháng 8 năm 1987		
- Kết luận của Bộ Chính trị, ngày 27 tháng 8 năm 1987, về cuộc thảo luận Dự thảo Nghị quyết đổi mới cơ chế quản lý kinh tế		373
- Kết luận của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương lần thứ ba, số 03-NQ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 1987, về những chủ trương và biện pháp cấp bách nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ hai		
- Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, số 15-QĐ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 1987		
- Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, số 03-NQ/TW, ngày 28 tháng 8 năm 1987, về chuyển hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở quốc doanh sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế		
- Thông báo về Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI)		
- Thông tri của Ban Bí thư, số 14-TT/TW, ngày 1 tháng 9		

năm 1987, về việc hưởng ứng "đợt sóng hoà bình", ngày 24 tháng 10 năm 1987	379
- Thông báo của Ban Bí thư, số 30-TB/TW, ngày 5 tháng 9 năm 1987, về việc soạn thảo Cương lĩnh và Chiến lược kinh tế - xã hội	
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 14-CT/TW, ngày 7 tháng 9 năm 1987, về việc củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	381
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 04-NQ/TW, ngày 12 tháng 9 năm 1987, về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội	383
- Quyết định của Ban Bí thư, số 17-QĐ/TW, ngày 15 tháng 9 năm 1987, về việc công nhận các đảng bộ huyện, quận, thị vững mạnh	387
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 15-CT/TW, ngày 21 tháng 9 năm 1987, về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm sử dụng tốt hơn báo chí trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực	397
- Quyết định của Ban Bí thư, số 20-QĐ/TW, ngày 23 tháng 9 năm 1987, về Phòng Lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam	404
- Quyết định của Ban Bí thư, số 21-QĐ/TW, ngày 23 tháng 9 năm 1987, về việc thành lập Cục Lưu trữ Trung ương Đảng trực thuộc Ban Bí thư	412
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 16-CT/TW, ngày 29 tháng 9 năm 1987, hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch và nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng và bộ máy nhà nước, làm lành mạnh các quan hệ xã hội	418
- Quyết định của Ban Bí thư, số 22-QĐ/TW, ngày 1 tháng	420

10 năm 1987, một số điểm về công tác văn kiện và quản lý văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng	426
- Quyết định của Ban Bí thư, số 19-QĐ/TW, ngày 5 tháng 10 năm 1987, về chính sách đối với cán bộ, công nhân, viên chức dôi ra qua sáp xếp lại bộ máy và lao động ở các cơ quan hành chính, sự nghiệp	435
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 17-CT/TW, ngày 12 tháng 10 năm 1987, về việc phát hành công trái xây dựng Tổ quốc đợt 1987-1988	441
- Quyết định của Ban Bí thư, số 29-QĐ/TW, ngày 26 tháng 10 năm 1987, về chức năng, nhiệm vụ của Học viện Nguyễn Ái Quốc	445
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 18-CT/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1987, về việc cử các đoàn ra nước ngoài và đón các đoàn nước ngoài vào nước ta (theo đường đảng và các tổ chức quần chúng)	451
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 19-CT/TW, ngày 20 tháng 11 năm 1987, cải tiến thông tin về những sự kiện có tính "lễ tân"	454
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 23-QĐ/TW, ngày 24 tháng 11 năm 1987, về quy chế quản lý cán bộ	462
- Nghị quyết của Bộ Chính trị, số 05-NQ/TW, ngày 28 tháng 11 năm 1987, về đổi mới và nâng cao trình độ lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật và văn hoá, phát huy khả năng sáng tạo, đưa văn học, nghệ thuật và văn hoá phát triển lên một bước mới	475
- Thông tri của Ban Bí thư, số 16-TT/TW, ngày 3 tháng 12 năm 1987, về việc khẩn trương giải quyết những vụ việc đảng viên phạm sai lầm đã được kiểm điểm theo Chỉ thị 79-CT/TW của Ban Bí thư và xem xét, xử trí đảng viên thoái hoá, biến chất	491

- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 21-CT/TW, ngày 3 tháng 12 năm 1987, về việc tự phê bình và phê bình trong dịp kiểm điểm một năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng	494	năm 1987, về việc tăng cường công tác xử lý đơn, thư khiếu tố và tiếp dân	617
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 22-CT/TW, ngày 7 tháng 12 năm 1987, về việc lãnh đạo Đại hội lần thứ VI Công đoàn Việt Nam	500	- Quyết định của Ban Bí thư, số 33-QĐ/TW, ngày 15 tháng 12 năm 1987, về chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Trung ương Đảng	623
- Lời khai mạc của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), ngày 8 tháng 12 năm 1987	503	- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 24-CT/TW, ngày 18 tháng 12 năm 1987, về việc tổ chức kỷ niệm năm thứ 20 cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân (1968-1988)	628
- Báo cáo của Bộ Chính trị về tình hình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), về những giải pháp cấp bách trong phân phối, lưu thông tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI)	514	- Chỉ thị của Ban Bí thư, về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), số 25-CT/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1987, về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội ba năm 1988-1990 và năm 1988	633
- Kiểm điểm một năm lãnh đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng (Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá VI)	536		
- Bài phát biểu của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh bế mạc Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khoá VI), ngày 16 tháng 12 năm 1987	553		
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong ba năm 1988-1990 và năm 1988	566		
- Thông báo Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong ba năm 1988-1990 và năm 1988	601		
- Thông báo của Ban Bí thư, số 46-TB/TW, ngày 12 tháng 12 năm 1987, về phiên họp ngày 20 tháng 11 năm 1987 của Ban Bí thư và Thường vụ Hội đồng Bộ trưởng	611		
- Chỉ thị của Ban Bí thư, số 23-CT/TW, ngày 14 tháng 12			

Chịu trách nhiệm xuất bản

TRỊNH THÚC HUỲNH

Chịu trách nhiệm nội dung

TS. LÊ VĂN YÊN

Biên tập nội dung: TRIỆU THỊ LỨ

NGUYỄN THỊ HƯƠNG

NGUYỄN MINH HIỀN

Biên tập kỹ, mỹ thuật: PHÙNG MINH TRANG

Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG

Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG

Sửa bản in, đọc sách mẫu: BAN SÁCH VỀ ĐẢNG

Mã số: 3KV (060) "1987"
CTQG-2006

In 6.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm, tại Công ty in Tiến bộ.

Giấy phép xuất bản số:/CXB-QLXB, cấp ngày

In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2006.